Nhật Ký Bí Mật Của Chúa
Raymond Khoury
Dịch Giả : Lê Trọng Nghĩa

Sơ lược nội dung:

Nguyên tác: THE LAST TEMPLAR

Năm 1291, Acre. Khi đô thành này bốc cháy trong cuộc tấn công dữ dội của quân Thổ Nhĩ Kỳ, con thuyền Falcon Temple đã nhổ neo, mang theo một toán hiệp sĩ và một chiếc hòm nhỏ được Đại Thủ lĩnh của dòn Đền Thánh tin cẩn giao cho họ. Kể từ đó, con thuyền biến mất không để lại một dấu vết…

Hiện tại, New York. Tại Bảo tàng Thành phố, bốn kỵ sĩ ăn mặc như những Hiệp sĩ Đền Thánh xông vào giữa buổi khai mạc triển lãm các bảo vật của Vatican và, trong một cuộc tấn công đẫm máu, chúng cướp đi chiếc máy giải mã bí ẩn thời Trung cổ…

Với đặc vụ FBI Sean Reilly và nữ khảo cổ gia Tess Chaykin, đây chỉ là màn khởi đầu của trò chơi mèo vờn chuột nguy hiểm chết người khi họ tham gia vào cuộc đua vượt qua ba châu lục, cố gắng đi trước kẻ giết người máu lạnh một bước để truy tìm ra bí ẩn đã bị chôn vùi hàng chục thế kỷ…

Những đánh giá về cuốn sách:

- “Nếu bạn thích Mật mã Da Vinci, bạn sẽ say mê Nhật kí bí mật của chúa. Nếu bạn ghét Mật mã Da Vinci, bạn sẽ vẫn say mê Nhật Kí bí mật của Chúa”

- Lire Magazine

- “Câu chuyện cổ kính, bí ẩn, được kết hợp nhuần nhị với tri thúc khoa học mới nhất trong cuốn tiểu thuyết trinh thám mang đậm phong cách điện ảnh này. Nhịp điệu gấp gáp, đối thoại sắc bén, nhân vật sống động chân thực”

– Glasgow Evening Times

- “… Ly cocktail tuyệt hảo, hoà trộn giữa chất trinh thám, sự lãng mạn cùng những nghiên cứu tôn giáo lịch sử…”

– Politiken

- “Khó tránh khỏi bị so sánh với Dan Brown, nhưng, thực sự, Khoury là nhà văn “cao tay” hơn nhiều. Trên hết, cuốn sách là cả một chuyến du lượn trên chiếc Rollercoaster căng thẳng, kích động và phấn khích”

– The Lrish Mail on Sunday

- “Các fan hâm mộ Mật mã Da Vinci của Dan Brown đang lùng kiếm một tiểu thuyết trinh thám lịch sử tuyệt vời nữa sẽ không cần phải tìm đâu xa hơn, đã có tuyệt phẩm mới xuất bản của Raymond Khoury… Cuốn tiểu thuyết ly kỳ có nhịp điệu nhanh đến chóng mặt, mỗi trang đều như sẵn sàng một bước ngoặt khiến người đọc phải nín thở sững sờ”

– Allen Barnes & Noble Editor’s Review

- “Kế tiếp Mật mã Da Vinci sẽ là gì đây? Để thoả mãn bạn với những tác phẩm trinh thám lịch sử cho tới khi cuốn tiểu thuyết kế tiếp của Dan Brown ra đời, hãy đọc Nhật kí bí mật của Chúa của Raymond Khoury!”

– Glamour Magazine.

Đôi nét về tác giả Raymond Khoury:

Raymond Khoury là người gốc Li băng, theo gia đình chuyển sang sinh sống tại New York, Hoa Kỳ, từ năm 1975. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông trở về Li băng sinh sống. Ông từng theo học ngành kiến trúc tại Đại học Hoa Kỳ ở Beirut (Li băng). Tháng Hai năm 1984, chiến sự xảy ra ở Li băng, ông lại quay trở về Mỹ. Sau một thời gian làm kiến trúc sư ở Mỹ, ông sang Pháp và giành được học bổng MBA của Học viện Quản trị Kinh doanh châu Âu. Sau khi tốt nghiệp ông sang Luân Đôn và làm trong ngành ngân hàng.

Raymond Khoury bắt đầu chính thức đến với nghiệp viết lách từ năm 1996, khi ông bắt tay viết kịch bản phim chuyển thể từ tiểu thuyết The Maid of Buttermere của Melvyn Bragg. Khoury cũng viết kịch bản cho show truyền hình Spooks của BBC.

Cuốn tiểu thuyết đầu tay Nhật ký bí mật của Chúa (The Last Templar) được hình thành dựa trên kịch bản cùng tên Nhật ký bí mật của Chúa. Tiểu thuyết này được phát hành đầu tiên ở Anh năm 2005, rồi nhanh chóng trở thành New York Times bestseller suốt 11 tuần liên tiếp và bestseller trên thị trường thế giới. Hiện nó đã được dịch sang 38 thứ tiếng và xuất bản tại hơn 40 quốc gia.

Huyền thoại này về Chúa Kitô

đã phụng sự chúng ta rất đắc lực.

- Giáo Hoàng Leo X, thế kỷ mười sáu

Giới thiệu

…Vance thở dài. “Tôi biết, đổ tất cả những cuộc xung đột trong lịch sử của chúng ta cho chính trị và lòng tham của con người là điều rất dễ dàng,” hắn nói, “và lẽ dĩ nhiên chúng cũng có vai trò trong đó thật… nhưng sâu xa mà nói, tôn giáo luôn luôn là thứ nhiên liệu giữ cho lò lửa không khoan dung và thù hận bùng cháy. Và điều này kìm hãm

không cho chúng ta vươn đến những điều tốt đẹp hơn, nhưng chủ yếu là, ngăn không cho chúng ta chấp nhận và đối mặt với sự thật về bản thân con người chúng ta, ngăn không cho chúng ta nắm lấy mọi điều mà khoa học đã và vẫn tiếp tục dạy cho chúng ta, ngăn không cho chúng ta dấn thân tự chịu trách nhiệm về những hành động của bản thân. Hàng ngàn năm trước, con người thời bộ lạc sơ khai luôn sợ hãi, họ cần đến tôn giáo để cố hiểu được những bí ẩn của cuộc sống và cái chết, để chấp nhận và đối mặt với sự thất thường của bệnh tật, thời tiết, những vụ mùa bấp bênh và thiên tai. Chúng ta không cần cái đó nữa. Chúng ta có thể đặt một chiếc xe điều khiển từ xa lên sao Hỏa. Chúng ta có thể tạo ra sự sống trong ống nghiệm. Và chúng ta còn làm được nhiều điều kỳ diệu hơn thế nữa. Đã đến lúc chúng ta thoát ra khỏi những thứ mê tín dị đoan cổ hủ và đối diện với con người thực sự của chúng, và chấp nhận rằng chúng ta đã trở thành cái mà con người của thời cách đây vài trăm năm từng xem là Thượng đế. Chúng ta cần nắm lấy những gì có thể và không nên trông cậy vào cái sức mạnh bí ẩn nào đó từ trên trời rơi xuống để xếp đặt mọi chuyện đâu vào đó cho chúng ta."

"Cái quan điểm mà anh nhắc tới quả là hết sức thiển cận, phải vậy không?" Reilly giận dữ vặc lại, "Còn tất cả những điều tốt đẹp mà tôn giáo làm được thì sao? Những quy tắc đạo đức, các khuôn khổ luân thường đạo lý mà tôn giáo xây dựng lên thì sao? Nguồn an ủi mà tôn giáo mang lại, đó là chưa nói đến những công việc từ thiện như phân phát thức ăn cho người nghèo và chăm lo cho người kém may mắn. Lòng tin vào Chúa là tất cả những gì mà rất nhiều người ngoài kia có, và hàng triệu người dựa vào tôn giáo để có được sức mạnh, giúp họ vượt qua những ngày tháng khó khăn. Nhưng anh không nhìn thấy bất kỳ điều gì trong những điều tốt đẹp đó, đúng vậy không nào? Anh chỉ bị ám ảnh bởi một sự kiện bi kịch, cái sự kiện đã hủy hoại cuộc sống của chính anh, cái sự kiện đã bóp méo quan điểm của anh về thế giới và tất cả những gì tốt đẹp trong đó."

Vẻ mặt của Vance trở nên xa vắng và ma quái. "Tất cả những gì tôi nhìn thấy là nỗi đau đớn và sự chịu đựng không cần thiết mà nó gây ra, không phải chỉ với cá nhân tôi, mà với hàng triệu con người trong bao thế kỷ qua." Sau một lúc, ánh mắt đăm đăm của Vance lại dừng lại ở Reilly, và giọng hắn đanh lại. "Đạo Cơ đốc đã phục vụ một mục tiêu vĩ đạo khi bắt đầu hình thành. Nó đã cho con người niềm hy vọng, đã mang lại hệ thống hỗ trợ xã hội, đã giúp hạ bệ sự bạo ngược chuyên chế. Nó cũng đáp ứng những nhu cầu của cộng đồng. Nhưng ngày nay cái tôn giáo đó phục vụ cho những nhu cầu nào, ngoài việc ngăn cản nghiên cứu y học và biện minh cho các cuộc chiến tranh? Chúng ta cười nhạo khi nhìn vào những thứ Thượng đế ngớ ngẩn mà người Inca hoặc người Ai Cập thờ phụng. Liệu chúng ta có khá hơn chút nào không? Một ngàn năm nữa, người ta sẽ nghĩ gì khi nhìn lại chúng ta? Phải chăng chúng ta cũng sẽ là đối tượng của sự nhạo báng ấy? Chúng ta vẫn đang nhảy múa theo giai điệu được tạo ra bởi những người nghĩ rằng sấm chớp là dấu hiệu giận dữ của Thượng đế. Và điều đó," giọng Vance sôi lên, "tất cả mọi thứ đó cần phải thay đổi".

***

Hãy nhìn vào sự lo âu xung quanh anh, nỗi giận dữ, lòng tham, sự mục nát tiêm nhiễm cả thế giới, từ trên xuống dưới. Hãy nhìn vào cái khoảng trống luân lý, sự khao khát tâm linh, sự thiếu vắng những chuẩn mực. Càng ngày thế giới càng trở nên yếm thế, thụ động và đáng thất vọng hơn. Con người trở nên thờ ơ, thiếu lòng trắc ẩn, và ích kỷ hơn bao giờ hết. Chúng ta cướp bóc và giết chóc lẫn nhau ở một quy mô chưa từng có. Những vụ nhũng lạm tập thể lên đến hàng tỷ đôla. Những cuộc chiến được phát động chẳng cần lý do nào, hàng triệu sinh mạng bị tàn sát trong những cuộc diệt chủng. Khoa học có thể cho phép chúng ta thoát khỏi các loại bệnh tật như bệnh đậu mùa, nhưng khoa học cũng buộc chúng ta trả giá nhiều hơn bằng cách hủy hoại hành tinh của chúng ta và biến chúng ta thành những sinh vật nóng nảy, cô đơn và hung bạo. Những người may mắn trong chúng ta có thể sống thọ hơn, nhưng phải chăng cuộc sống của chúng ta được thỏa mãn hay an bình hơn? Phải chăng thế giới thực sự văn minh hơn so với hai ngàn năm trước?

***

Tess nhìn chăm vào mắt Reilly. Cả hai đều cảm thấy sôi sục trong lòng, nhưng họ vẫn cố tỏ ra bình thản. "Vâng. Và em cũng biết là em vẫn muốn con gái mình được lớn lên trong một thế giới mà mọi người không bị lừa gạt bởi

bất kỳ trò dối trá nào trong lịch sử, cái thế giới mà người ta tự do tin tưởng vào bất kỳ điều gì họ chọn để tin, căn cứ vào sự thật chứ không phải vào…"

Đó là những dòng đối thoại được trích dẫn từ cuốn sách này và cũng là chủ đề của cuốn sách, một chủ đề bao giờ cũng rất thời sự và nóng bỏng. Lồng vào chủ đề này là một câu chuyện tình có hậu và một câu chuyện hình sự với sự có mặt của FBI, CIA, Tòa Thánh Vatican… và của một vị giáo sư đại học đã trở thành Hiệp sĩ Thế kỷ hai mốt.

Dẫn

Acre[1], Vương quốc Latinh của Jerusalem, năm 1291

Đất Thánh đã mất.

Ý nghĩ duy nhất đó cứ day dứt Martin de Carmaux, kết cục tàn nhẫn của nó còn đáng sợ hơn cả những đám chiến binh đang xúm nhau chui qua lỗ thủng ở bức tường thành.

Martin cố ngăn chặn ý nghĩ đó, xua đuổi nó đi.

Bây giờ không phải là lúc than thở. Anh còn có việc phải làm.

Còn nhiều kẻ cần phải giết.

Martin vung kiếm lên xông qua lớp khói bụi mù mịt nghẹt thở, lao vào giữa những hàng quân sôi sục của kẻ thù. Quân địch ở khắp nơi, mã tấu, rìu của chúng chém xả vào da thịt, những tiếng thét xung trận của chúng vang lên giữa nhịp trống dồn dập liên tục của các tay trống thúc trận bên ngoài tường thành pháo đài.

Martin dốc toàn lực bổ thanh kiếm xuống, xả đôi sọ một tên địch, thanh kiếm của anh lại vung lên khi lao tới một đối thủ khác. Liếc nhanh sang phải, Martin thoáng thấy Aimard de Villiers đang cắm phập mũi kiếm vào ngực một kẻ tấn công khác trước khi lao qua tên kế tiếp. Mê mụ vì tiếng rên la đau đớn và tiếng gào thét cuồng nộ xung quanh, Martin chợt cảm thấy có kẻ chộp vào cánh tay trái mình, anh lập tức trở chuôi kiếm dộng cho kẻ đột kích một nhát trước khi chém xả thanh kiếm xuống người hắn, cảm thấy đường kiếm xuyên ngọt qua thịt và xương hắn. Từ khóe mắt, cảm nhận có mối đe dọa ngay sát bên phải, và theo bản năng, Martin vung kiếm về phía đó, chém lìa cánh tay một tên khác trước khi xả toác gò má và xẻ đôi lưỡi hắn ra, chỉ bằng một nhát gươm.

Martin cùng đồng đội đã chiến đấu ròng rã nhiều giờ liền không ngơi nghỉ. Cuộc tấn công của quân Hồi giáo không những liên miên bất tận mà còn ác liệt hơn người ta tưởng. Đã nhiều ngày qua, tên bay đạn lửa trút xuống thành phố như mưa, gây ra nhiều đám cháy không thể dập tắt cùng một lúc được, trong khi quân Hồi giáo cũng đào hố dưới các bờ thành lớn để chất củi khô vào đó và phóng hỏa. Ở nhiều vị trí, các lò lửa dã chiến này làm rạn nứt tường thành và bây giờ chúng đang sụp đổ dưới những đợt đạn đá công phá. Với ý chí kiên cường, các Hiệp sĩ dòng Đền Thánh[2] và dòng Cứu Tế[3] đã đẩy lùi cuộc tấn công tại Cổng Thánh Anthony trước khi cho phóng hỏa và rút lui khỏi nơi này. Ngược lại, Pháo đài Bị Nguyền rủa đã hành xử giống như cái tên của nó, để cho quân Ả rập Hồi giáo tràn vào thành phố và chấp nhận số phận của mình.

Những tiếng thét rền rĩ đau đơn hòa lẫn với đủ loại thanh âm ầm ĩ khi Martin giật ngược thanh kiếm và tuyệt vọng nhìn quanh mong tìm ra bất kỳ một dấu hiệu hy vọng nào đó, dù trong thâm tâm anh không còn chút nghi ngờ nào. Đất Thánh đã thực sự mất rồi. Nỗi sợ hãi càng dâng trào khi Martin nhận ra rằng, tất cả bọn họ hẳn sẽ chết hết trước khi trời sáng. Họ đang đối mặt với một đạo quân hùng mạnh nhất từ trước đến nay, bất chấp cơn giận dữ và thịnh nộ sôi sục trong huyết quản, những nỗ lực của anh, của các Huynh đệ Chiến hữu, rồi chắc chắn cũng thất bại.

Các cấp chỉ huy của Martin cũng nhanh chóng nhận ra thực trạng đó. Lòng Martin chùng xuống khi nghe tiếng tù và định mệnh kêu gọi các Hiệp sĩ Đền Thánh còn sống sót từ bỏ việc bảo vệ thành phố. Ánh mắt Martin, điên cuồng hết lia sang trái rồi sang phải, lại bắt gặp ánh mắt của Aimard de Villiers. Martin nhận ra trong ánh mắt người bạn đó cùng một nỗi đau đớn, cùng một niềm tủi nhục đang đốt cháy tâm can mình. Sát cánh bên nhau, cả hai chiến đấu để thoát ra khỏi đám người cường nộ kia, cố gắng mở đường trở về khu Đền Thánh, nơi hãy còn tương đối an toàn.

Martin theo chân người hiệp sĩ lớn tuổi hơn, vượt qua những đám đông dân chúng khiếp đảm đã tìm được chỗ ẩn nấp sau các bức tường thành đồ sộ của thị trấn. Cảnh tượng chào đón họ trong đại sảnh làm Martin sửng sốt hơn cả cuộc tàn sát mà anh đã chứng kiến ngoài kia. William de Beaujeu, Đại thủ lĩnh của các Hiệp sĩ Đền Thánh đang

nằm trên chiếc bàn xù xì trong phòng ăn. Chủ Tế Peter de Sevrey đứng bên cạnh cùng hai tu sĩ. Vẻ mặt đau buồn của họ khiến không ai phải nghi ngờ gì nữa. Khi Aimard và Martin đến bên, Beaujeu mở mắt ra và khẽ ngẩng đầu lên, cử động đó làm ông bất giác thốt ra một tiếng rên đau đớn. Martin sững sờ không tin được cảnh tượng đó. Nước da vị thủ lĩnh già đã hoàn toàn không còn sắc màu của sự sống, đôi mắt đỏ ngầu. Martin nhìn xuống hình hài Beaujeu, cố gắng hiểu được những gì mình đang chứng kiến, và Martin nhận ra phần đuôi lông chim của một mũi tên nhô ra trên lồng ngực ông. Bàn tay vị Đại Thủ lĩnh đang nắm chặt mũi tên. Tay còn lại ông ra hiệu Aimard đến gần. Aimard bước đến, quỳ xuống bên cạnh và dùng cả hai tay nắm lấy bàn tay vị thủ lĩnh.

“Đến lúc rồi,” giọng vị thủ lĩnh già đau đớn và yếu ớt, nhưng rất rõ ràng. “Hãy đi ngay đi. Chúa phù hộ các ngươi.”

Những lời đó chỉ thoảng qua tai Martin, vì anh đang để tâm chú ý vào điều khác, một điều anh nhận ra ngay khi Beaujeu vừa mở miệng nói. Lưỡi của vị thủ lĩnh đã biến thành màu đen. Sự phẫn nộ và căm giận trào dâng trong cổ họng khi Martin hiểu ra là ông đã bị trúng tên tẩm thuốc độc. Vị thủ lĩnh của mọi người, một con người xuất chúng, có ảnh hưởng lớn đến mọi lĩnh vực trong cuộc sống của chàng hiệp sĩ trẻ trong chừng mực mà anh còn nhớ được, xem như đã chết.

Martin nhận ra Beaujeu đang hướng ánh mắt sang Sevrey và khẽ gật đầu, gần như không thể nhận thấy. Vị Chủ Tế bước đến bên chân bàn và lật tấm vải nhung, để lộ ra một cái tráp nhỏ trang trí rất tinh tế. Bề rộng chiếc tráp chưa tới ba gang tay. Martin chưa bao giờ trông thấy chiếc tráp này. Anh lặng yên đứng nhìn trong khi Aimard đứng lên và cũng đăm đăm nhìn vào cái tráp, rồi lại nhìn Beaujeu. Vị thủ lĩnh già nhìn trừng trừng trước khi nhắm mắt lại, hơi thở vẫn khò khè cho thấy tình trạng đã rất nguy kịch. Aimard bước tới trước Sevrey và ôm siết vị Chủ Tế, đoạn bưng chiếc tráp nhỏ lên, bước thẳng ra ngoài, không một lần ngoái nhìn lại. Khi đi ngang qua Martin, Aimard chỉ đơn giản nói, “Đi.”

Martin ngần ngại liếc nhìn Beaujeu và Sevrey, vị Chủ Tế gật đầu tỏ dấu hiệu đồng ý. Anh vội chạy theo Aimard và nhanh chóng nhận ra cả hai không đi về hướng quân thù.

Họ đang hướng về bến cảng pháo đài.

“Chúng ta đi đâu đây?” Martin gào lên.

“Chiếc Falcon Temple đang đợi chúng ta. Nhanh lên,” Aimard đáp, không dừng bước.

Martin đứng lại, tâm trí quay cuồng hỗn loạn. Chúng ta đang trốn chạy ư?

Martin quen biết Aimard de Villiers từ khi thân phụ anh, vốn cũng là một hiệp sĩ, qua đời mười lăm năm trước, lúc Martin chỉ mới lên năm. Từ đó Aimard trở thành người giám hộ, bậc sư phụ thông tuệ của anh. Người hùng của anh. Cả hai từng cùng nhau chiến đấu trong nhiều trận chiến và, Martin tin rằng, cả hai sẽ kề vai sát cánh bên nhau và cùng chết với nhau nếu phải vậy. Nhưng không phải như thế này. Thế này là điên rồ. Thế này là… đào ngũ.

Aimard cũng đứng lại, nhưng chỉ để chộp lấy vai Martin đẩy anh đi tiếp. Người hiệp sĩ lớn tuổi ra lệnh, “nhanh lên.”

“Không,” Martin quát lại, hất tay Aimard ra.

“Đi.” Người hiệp sĩ lớn tuổi buông gọn, cộc lốc.

Martin cảm thấy cơn buồn nôn trào dâng trong cổ họng, mặt anh sa sầm lại khi cố tìm từ để diễn đạt. “Tôi không bỏ rơi Huynh đệ Chiến hữu của mình. Không phải lúc này – không đời nào!”

Aimard buông một tiếng thở dài nặng nhọc rồi liếc nhìn về phía thành phố đang bị vây hãm. Từ khắp mọi hướng, những viên đạn lửa vạch thành những đường vòng cung trên nền trời đêm và rú rít rơi xuống thành phố. Vẫn ôm chặt cái tráp nhỏ, Aimard quay người lại, bước tới một bước, mặt hai người gần như chạm vào nhau, và Martin nhìn thấy mặt người bạn mình giàn giụa nước mắt. “Ngươi cho rằng ta muốn bỏ rơi họ hay sao?” người hiệp sĩ lớn tuổi rít lên, tiếng nói của ông như xé toạc không gian. “Bỏ rơi Thủ lĩnh của mình – trong giờ phút cuối cùng của Người hay sao? Ngươi hiểu ta nhiều hơn thế kia mà.”

Martin hoang mang: “Thế thì… tại sao?”

“Những gì chúng ta phải làm quan trọng hơn nhiều so với việc giết thêm vài kẻ địch cuồng tín kia.” Aimard buồn bã trả lời. “Việc chúng ta phải làm can hệ đến sự sống còn của Giáo đoàn[4] chúng ta. Do vậy, việc cốt tử là chúng ta phải đảm bảo những gì chúng ta phục vụ không cùng bị hủy diệt tại đây. Phải đi thôi. Đi ngay.”

Martin há miệng định phản đối, nhưng giọng nói của Aimard rõ ràng quá dứt khoát, Martin miễn cưỡng cúi đầu lặng lẽ bước theo.

Chiếc thuyền duy nhất còn lại trên bến là chiếc Falcon Temple, những chiếc khác đã dong buồm bỏ chạy trước khi cuộc tấn công của quân Ả rập Hồi giáo cô lập cảng chính của thành phố một tuần trước đó. Chiếc thuyền chìm thấp xuống mặt nước đầy khẳm nô lệ, đội trưởng và hiệp sĩ. Hết câu hỏi này đến câu hỏi khác nối tiếp nhau cứ quay cuồng trong đầu nhưng Martin không có thì giờ mà hỏi han thắc mắc. Khi cả hai đến gần bến cảng, anh nhận ra viên thuyền trưởng, một thủy thủ già mà Martin chỉ biết tên là Hugh, người rất được Đại Thủ lĩnh xem trọng. Từ trên đài chỉ huy, con người lực lưỡng đó đang quan sát nhịp hoạt động hối hả diễn ra trên boong tàu. Martin nhìn lướt từ boong thượng phía sau lái, qua cột buồm cao ở giữa cho đến mũi thuyền có hình chạm khắc nhô ra ở mũi tàu, đầu một con chim ưng, giống y như thật.

Vẫn không dừng bước, Aimard thét lớn về phía viên thuyền trưởng, “Đã đủ nước và lương thực chưa?”

“Đủ rồi.”

“Vậy thì nhổ neo ngay, bỏ hết những gì còn lại.”

Chỉ vài phút, ván cầu được kéo lên, dây neo tháo ra, và chiếc Falcon Temple chậm chạp rời khỏi bến nhờ những tay chèo trên chiếc xuồng đẩy. Chẳng bao lâu, viên đốc công bắt đầu hô to, hai dãy nô lệ chèo thuyền quạt mạnh mái chèo vào mặt nước đen kịt. Martin quan sát những tay chèo rạp mình trên boong, đẩy con thuyền tiến lên và neo chặt chiếc xuồng. Theo âm thanh tiếng cồng trầm vang và đều đặn cùng với tiếng hô nhịp nhàng của trên một trăm năm mươi tay chèo bị xiềng xích, chiếc thuyền dần tăng tốc, băng ra khỏi bờ thành đồ sộ của khu Đền Thánh.

Lúc chiếc thuyền hướng ra khơi, vô số mũi tên nhắm vào nó rơi như mưa trong khi mặt biển xung quanh như sôi lên với những lớp bọt nước do những loại ná và máy bắn đá của nhà vua bắn đuổi theo con tàu chạy trốn. Chiếc thuyền nhanh chóng vượt ra khỏi tầm bắn đuổi, Martin đứng dậy nhìn cảnh vật đang lùi lại phía sau. Từng đám quân Hồi giáo Ả rập tụ tập trên các thành lũy của thành phố, hướng về con tàu vừa hò hét vừa nhạo báng. Phía sau chúng, một địa ngục đang sục sôi, vang lên những tiếng kêu la, gào thét của nam phụ lão ấu, tất cả chìm lẫn trong tiếng trống trận vẫn cuồn cuộn ầm vang như sấm.

Chậm chạp, chiếc thuyền tăng tốc dần, được sức gió ngoài khơi hỗ trợ, hai hàng mái chèo lên xuống nhịp nhàng như đôi cánh lướt trên mặt nước đang dần tối đen. Phía chân trời, bầu trời tối sầm lại, đầy đe dọa.

Vậy là xong.

Hai tay run rẩy mà lòng nặng trĩu, Martin de Carmaux chậm chạp và miễn cưỡng quay lưng lại với mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình, đăm đăm nhìn về phía trước, nơi cơn giông tố đang chực chờ.

.....

[1] Acre, thành phố nằm ở phía Bắc Jerusalem, là chiến trường nơi quân Hồi giáo và quân Thập tự chinh (lần 3) giao đấu năm 1190, và cũng là nơi vua Richard I vương quốc Anh (Richard The Lion Hearted – Richard Tim Sư tử) ra lệnh chém đầu tập thể 3,000 người Ả rập Hồi giáo.

[2] Hiệp sĩ dòng Đền (Thánh), các chiến binh thuộc một giáo đoàn Thiên Chúa giáo trong các cuộc Thập tự chinh, được thành lập trong cuộc Thập tự chinh thứ ba, đầu thế kỷ thứ mười hai, có nhiệm vụ bảo vệ các đoàn hành hương và Đền Thánh ở Acre-jerusalem.

[3] Hiệp sĩ hoặc chiến binh dòng Cứu Tế, thành lập sau và có nhiệm vụ tương tự như dòng Đền (Thánh).

[4] Giáo đoàn hoặc Dòng tu. Giáo đoàn của các Hiệp sĩ Đền Thánh lúc mới thành lập chỉ có chín hiệp sĩ tự nhận có sứ mệnh bảo vệ người hành hương đến đất Thánh Jerusalem. Về sau giáo đoàn này phát triển thành hàng vạn người, như một binh đoàn giáo phái rất giàu có và thế lực.

Chương 1

Thoạt tiên, chẳng ai để ý đến bốn tên kỵ sĩ khi bọn họ vừa ra khỏi bóng tối của Công viên Trung tâm.

Ngược lại, mọi con mắt đều đổ dồn vào bốn khối nhà phía Nam công viên, ở đó bên dưới dãy đèn flash và đèn rọi máy quay, một hàng xe limo[5] đều đặn thả xuống lề đường bên ngoài Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan những nhân vật danh tiếng trong trang phục cực kỳ lịch lãm, cùng những người ít tiếng tăm hơn.

Đây là một trong những sự kiện trọng đại mà không một thành phố nào có thể tổ chức xuất sắc như New York, đặc biệt là khi nơi đăng cai ngẫu nhiên lại là Viện Bảo tàng Metropolitan. Được chiếu sáng rực rỡ và phía trên là những luồng đèn pha quét xoay vòng trên nền trời tháng Tư đen kịt, tòa nhà vươn cao giữa trung tâm thành phố như một cây đèn hiệu khó lòng cưỡng lại, mời gọi quan khách bằng những cây cột mộc mạc chân phương theo phong cách tân cổ điển ở ngay mặt tiền, trên những cột đá đó là một biểu ngữ với hàng chữ:

BẢO VẬT CỦA VATICAN

Đã có những tin đồn về việc trì hoãn hoặc hủy bỏ hoàn toàn sự kiện này. Một lần nữa, các báo cáo tình báo mới đây lại thúc giục chính phủ nâng mức báo động khủng bố quốc gia lên màu cam. Trên khắp cả nước, giới chức trách tiểu bang và địa phương đã gia tăng các biện pháp an ninh, và dù thành phố New York đã được đặt ở mức báo động màu cam kể từ sau vụ 11/9, các biện pháp phòng ngừa bổ sung vẫn được tiến hành. Binh sĩ thuộc Đội Vệ binh Quốc gia được bố trí tại các ga tàu điện ngầm và các cây cầu, đồng thời, lực lượng cảnh sát làm việc mười hai giờ mỗi ca. Cuộc triển lãm, do chủ đề nhạy cảm của nó, được đánh giá là đặc biệt mạo hiểm. Dù vậy, những người có lòng quyết tâm cao đã thắng thế và ban giám đốc viện bảo tàng bỏ phiếu kiên trì thực hiện các kế hoạch của viện. Cuộc triển lãm sẽ tiến hành, thêm một minh chứng về tinh thần bất khuất của thành phố.

Một phụ nữ trẻ với mái tóc đẹp tuyệt vời và hàm răng sứ sáng bóng đứng quay lưng lại viện bảo tàng, đang thu hình lần thứ ba đoạn giới thiệu cuộc triển lãm. Các lần trước cô phóng viên có vẻ chưa thành thạo và căng thẳng quá mức, nhưng lần này cô ta đã có vẻ tự tin hơn khi nhìn vào ống kính máy quay.

“Tôi không nhớ lần cuối cùng Viện Bảo tàng Metropolitan tổ chức một buổi chiêu đãi có nhiều nhân vật thuộc hàng ngôi sao như thế này là bao giờ, nhưng chắc chắn là từ sau cuộc triển lãm về người Maya, cách nay đã mấy năm, chưa có sự kiện nào như vậy.” Trong lúc cô nàng đang thao thao, một quý ông mập mạp tuổi trung niên bước ra khỏi chiếc limo cùng một quý bà cao gầy trong bộ trang phục dạ hội màu xanh bó chặt cứng và xem ra quá trẻ so với bà ta, sự lệch pha giữa người và áo phải tới một thế hệ. “Và xin trân trọng giới thiệu Thị trưởng cùng quý phu nhân xinh đẹp của ngài,” cô phóng viên liến thoắng, “chính là gia đình hoàng gia kỳ cựu của chúng ta, và dĩ nhiên, trong những trang phục mốt nhất.”

Tiếp tục với vẻ tự tin, ánh mắt tỏ vẻ nghiêm trọng hơn, cô ta tiếp, “nhiều món đồ chế tác trưng bày ở đây tối nay có lẽ công chúng còn chưa được nhìn thấy bao giờ, ở bất kỳ nơi đâu. Chúng được cất kỹ trong kho hầm của Vatican đã hàng trăm năm và…”

Ngay lúc đó, trong đám đông bỗng nổi lên những tiếng huýt sáo và hoan hô làm cô phóng viên lãng đi. Giọng chùng xuống, cô ta đưa mắt khỏi máy quay, hướng về phía tiếng lao xao đang dần lớn lên.

Đó là lúc cô phóng viên nhìn thấy các kỵ sĩ.

Những con ngựa đúng là loại siêu hạng; tuyền một màu xám hoặc nâu, bờm dựng, đuôi dài đen mượt. Nhưng điều gây kích thích đám đông nhất chính là các kỵ sĩ.

Bốn người đàn ông cưỡi ngựa dàn hàng ngang đều mặc giáp phục thời Trung cổ giống nhau. Họ cùng đội mũ giáp trùm đầu, áo giáp sắt, tấm giáp buộc chân có đai nẹp, áo chẽn bằng da màu đen và bít tất độn vải bong. Trông như thể họ vừa từ quá khứ hiện ra, qua một khung cửa du hành xuyên thời gian. Như để tăng thêm phần kịch tính, thắt lưng mỗi người lủng lẳng một thanh kiếm dài tra trong vỏ. Nổi bật hơn cả là bốn áo choàng dài trắng, phủ bên ngoài giáp phục, trên mỗi áo đều có đính một thánh giá loe đầu màu đỏ máu.

Những chú ngựa thong thả sải nước kiệu.

Đám đông trở nên cuồng nhiệt sôi nổi hơn khi các hiệp sĩ nhìn thẳng phía trước chậm rãi tiến lên, như không màng đến sự huyên náo xung quanh.

“Vâng, chúng ta đang có gì ở đây thế này? Có vẻ như Metropolitan và Vatican nỗ lực làm tất cả mọi thứ cho đêm nay, và họ thật hết sảy phải không,” cô nàng phóng viên tỏ ra hào hứng, bắt đầu trở lại với công việc bình thường trước đó, “Lắng nghe đám đông kìa!”

Những con ngựa đã sải bước tới lề đường ngoài viện bảo tàng, và chúng làm cái gì đó có vẻ khá lạ lùng.

Chúng không dừng lại ở đó.

Trái lại, chúng chậm rãi xoay mình cho đến khi đối diện với viện bảo tàng.

Không lỡ một bước, các kỵ sĩ nhẹ nhàng cho lũ ngựa bước lên lề đường. Tiếp tục khoan thai tiến về phía trước, bốn chàng hiệp sĩ hướng lũ ngựa về phía mái hiên lát đá.

Sát cánh bên nhau, họ nghiêm trang thúc ngựa bước lên từng bậc cấp, nhằm đúng phía cổng viện bảo tàng.

.....

[5] Viết tắt của limousine, loại xe sang trọng có kính ngăn cách giữa lái xe và hành khách, còn gọi là xe hòm.

Chương 2

Mẹ, con phải đi thật mà.” Kim nài nỉ.

Tess Chaykin cau mày nhìn con gái vẻ khó chịu. Ba người bọn họ - Tess, bà Eileen mẹ cô và Kim – chỉ vừa mới bước vào viện bảo tàng, và Tess hy vọng sẽ xem một vòng phòng triển lãm này trước khi những bài diễn văn, những cuộc trao đổi chuyện trò và phần còn lại của thủ tục nghi thức không thể tránh khỏi diễn ra. Nhưng dự tính đó giờ dường như phải hoãn lại. Kim đang xử sự như bất cứ một bé gái chín tuổi nào trong những dịp như thế này, đó là việc cứ nín cho đến lúc không thích hợp nhất lại khăng khăng đòi đi vệ sinh.

“Kim, ngoan nào, con.” Đại sảnh đông nghịt người. Len lỏi qua bao nhiêu con người để dẫn con gái đến nhà vệ sinh nữa vào lúc này quả là một việc Tess chẳng thấy hứng thú chút nào.

Mẹ của Tess chen vào; không cần che giấu sự thích thú nho nhỏ bà tìm thấy trong việc này. “Để mẹ dẫn nó đi. Con cứ tiếp tục đi xem đi.” Với nụ cười đầy cảm thông, bà Eileen nói thêm, “Tuy rằng mẹ cũng thích xem con lấy lại khoản lợi tức của mình.” Tess cau mặt với mẹ, rồi nàng nhìn con gái và mỉm cười, lắc đầu. Khuôn mặt bé xíu và đôi mắt xanh biếc long lanh của con bé luôn làm người ta phải chiều lòng nó trong bất kỳ tình huống nào.

“Mẹ sẽ gặp con trong sảnh chính,” nàng nghiêm mặt chỉ tay vào Kim. “Bám sát bà ngoại đấy. Mẹ chẳng muốn lạc mất con trong cái rạp xiếc này đâu.”

Kim rên rỉ và đảo mắt nhìn quanh. Tess nhình theo hai bà cháu lẫn vào đám đông rồi quay người bước thẳng vào phía trong.

Đại sảnh phòng giải lao đồ sộ của viện bảo tàng đã chật cứng các quý ông tóc hoa râm và các qúy bà đẹp mê hồn. Cà vạt đen và dạ phục là nghi thức bắt buộc, nên khi nhìn quanh Tess cảm thấy khá ngượng ngùng. Nàng e mình quá nổi bật vì vẻ thanh lịch khiêm tốn và có cảm giác bực bội khó chịu khi thấy mình cũng là một phần của đám người đông đúc xung quanh, cái đám đông mà chắc chắn nàng chẳng buồn quan tâm.

Điều Tess không nhận ra là việc người ta chú ý đến nàng chẳng liên quan gì đến chuyện trông nàng cũng thanh lịch trong bộ váy đen may vừa vặn lơ lửng phía trên đầu gối vài phân, cũng chẳng liên quan gì đến vẻ căng thẳng khó ở của nàng khi tham dự những sự kiện vừa có vẻ trọng đại nhưng cũng khá vô vị như thế này. Người ta chỉ chú ý đến nàng. Có vậy thôi. Thiên hạ luôn như vậy. Làm sao có thể trách móc người ta được. Mớ tóc xoăn quyến rũ ôm lấy đôi mắt xanh ấm áp, toát lên vẻ thông minh thường kích thích người ta chú ý. Dáng người khỏe mạnh ở tuổi ba mươi sáu cùng những bước chân thoải mái linh hoạt cũng khẳng định điều đó, hơn nữa thái độ dường như hoàn toàn không để ý đến vẻ duyên dáng của mình càng làm thiên hạ chú ý đến Tess. Chỉ có điều là Tess luôn yêu nhầm những gã chẳng ra gì. Thậm chí Tess đã kết hôn với kẻ cuối cùng trong cái đám mạt hạng đó, một sai lầm mà nàng vừa mới sửa chữa gần đây.

Tess tiến vào phòng chính, tiếng trò chuyện rì rầm dội lại từ các bức tường xung quanh thành một âm thanh rì rào buồn tẻ, không làm sao phân định được tiếng gì với tiếng gì. Có vẻ như âm học không phải là yếu tố giành được nhiều sự quan tâm trong việc thiết kế của viện bảo tàng, Tess nghe có tiếng nhạc thính phòng và lần theo tiếng nhạc nàng thấy một ban tứ tấu đàn dây toàn nữ đang tụm trong một góc phòng, ban nhạc chơi rất nhiệt tình nhưng hầu như không ai nghe được gì từ nhạc cụ của họ. Im lặng gật đầu chào những khuôn mặt tươi cười trong đám đông, Tess tìm cách đi ngang qua chỗ người ta thường đặt hoa tươi tưởng niệm Lila Wallace[6] và chỗ hốc tường nơi bức tượng Đức Mẹ và Chúa Hài Đồng bằng đất nung men lam tuyệt vời của Andrea della Robbia[7] đang hiền hậu đứng nhìn xuống đám nhân gian ồn ào đông đúc bên dưới. Đêm nay, dù sao Đức Mẹ và Chúa Hài Đồng cũng có bầu bạn, vì đây chỉ là một trong nhiều tranh tượng mô tả Jesus và Đức Mẹ Đồng trinh giờ đây được dùng trang điểm cho viện bảo tàng.

Hầu hết các vật phẩm trưng bày đều đặt trong tủ kính, và chỉ cần nhìn thoáng qua cũng biết chúng vô cùng giá trị. Ngay cả với người thiếu niềm tin tôn giáo như Tess, chúng cũng để lại ấn tượng sâu sắc, thậm chí gây xúc động, và khi đi lướt qua chiếc tủ kính khổng lồ để vào phòng triển lãm, Tess cảm thấy lòng háo hức với dự cảm đang dâng trào.

Có những bệ thờ bằng cẩm thạch trắng của xứ Burgundy, chạm khắc các hoạt cảnh sống động về cuộc đời Thánh Martin. Có hàng chục cây thánh giá, phần lớn bằng vàng ròng và khảm nhiều loại đá quý; một trong số đó là cây thánh giá có từ thế kỷ mười hai làm bằng nanh hải mã, chạm khắc hình của hơn một trăm nhân vật. Có những bức tượng nhỏ bằng cẩm thạch rất tinh xảo và những chiếc hộp gỗ chạm khắc đựng Thánh tích; tuy những chiếc hộp đều trống rỗng, không có gì bên trong, nhưng chúng vẫn là những ví dụ tuyệt vời về nghệ thuật chế tác tinh xảo của các nghệ nhân thời Trung cổ. Một kệ để sách giảng ở nhà thờ có hình con chim ưng bằng đồng lộng lẫy đứng uy nghi bên cạnh một chân nến Phục sinh của Tây Ban Nha đầy họa tiết, cao trên 1,8m đã được trưng dụng từ các căn hộ của Giáo hoàng.

Khi xem qua nhiều vật phẩm trưng bày khác nhau, Tess không sao ngăn được cảm giác thất vọng trỗi dậy trong lòng. Những vật phẩm trước mắt nàng có một chất lượng mà trong suốt những năm lăn lộn làm việc tại các hiện trường khảo cổ trước đó nàng không bao giờ dám mơ đến. Thực ra, những năm tháng làm việc trước kia rất tốt, những năm đầy thử thách và cũng rất bổ ích xét ở mức độ nào đấy. Chúng đã cho Tess cơ hội chu du khắp thế giới, thâm nhập vào những nền văn hóa đa dạng và hấp dẫn. Một số cổ vật quý giá do Tess khai quật đã được trưng bày tại nhiều viện bảo tàng rải rác trên khắp thế giới, nhưng nói thẳng ra không có món đồ nào đủ giá trị để làm vẻ vang cho Phòng triển lãm của Viện Bảo tàng Sackler về Nghệ thuật Ai Cập hay Phòng triển lãm của Viện Bảo tàng Rockefeller về Nghệ thuật Nguyên thủy. Có lẽ… có lẽ nếu mình gắn bó với công việc thêm ít lâu nữa. Tess gạt bỏ ý nghĩ đó. Giờ đây, nàng biết rằng cuộc sống đó đã trôi qua, ít ra là trong tương lai trước mắt. Tess buộc phải bằng lòng với việc tận hưởng những thoáng nhìn tuyệt vời vào quá khứ dưới quan điểm xa cách và thụ động của một người quan sát với lòng biết ơn.

Và nó quả là một thoáng nhìn tuyệt vời. Việc đứng ra tổ chức cuộc triển lãm này đúng là một sự kiện quan trọng của Viện Bảo tàng Metropolitan, vì gần như chưa có một vật phẩm nào do Rome gửi đến từng được trưng bày trước đó.

Không phải tất cả đều là châu báu sáng ngời hay vàng bạc lóng lánh.

Trong tủ kính trước mắt Tess hiện giờ là một vật có vẻ tầm thường. Đó là một thiết bị máy móc gì đó bằng cỡ chiếc máy đánh chữ cũ, giống một cái hộp, làm bằng đồng. Mặt trên có nhiều nút cùng với nhiều con số lồng vào nhau và các cần điều khiển nhô ra từ các cạnh bên. Cái máy trông có vẻ lạc lõng giữa tất cả những món đồ lộng lẫy xung quanh.

Tess vén tóc qua một bên, nghiêng người tới trước để nhìn gần hơn. Khi nàng đang với lấy bảng danh mục của mình, phía trên cái bóng mờ mờ của Tess phản chiếu trong tủ gương bỗng xuất hiện bóng một người tiến tới phía sau nàng.

“Nếu cô vẫn đang tìm Chén Thánh[8] hẳn tôi sẽ làm cô thất vọng mất. Cái chén không có ở đây.” Giọng nói khàn khàn vang lên bên cạnh Tess. Mặc dù đã nhiều năm không còn nghe giọng nói đó nhưng Tess vẫn nhận ra, ngay cả trước khi quay lại.

“Clive.” Tess quay lại và nhìn thấy người đồng nghiệp cũ. “Lâu nay anh thế nào? Trông anh tuyệt vời lắm.” Thật ra không đúng như Tess nói, dù mới bước vào tuổi năm mươi nhưng Clive Edmondson trông già sọm.

“Cảm ơn cô. Cô khỏe chứ?

“Em vẫn bình thường,” Tess gật đầu. “Công việc cướp bóc mồ mả của anh dạo này thế nào rồi?”

Edmondson chìa hai mu bàn tay ra với Tess. “Chỉ riêng tiền sửa móng tay cũng đang giết tôi rồi đây này. Ngoài cái đó ra thì vẫn vậy thôi. Thật đấy.” Anh ta cười tủm tỉm. Nghe nói cô cộng tác với Manoukian.”

“Vâng.”

“Thế nào?”

“Ồ, tuyệt vời!” Tess nói với Clive như vậy. Nhưng sự thực không phải vậy. Tham gia vào Viện Nghiên cứu Manoukian danh tiếng là một cơ hội lớn đối với Tess, nhưng theo như công việc thực tế diễn ra ở đó, mọi thứ chẳng có gì là tuyệt vời như nàng nói. Mà những chuyện như vậy thì chỉ nên giữ cho riêng mình mà thôi, nhất là trong cái thế giới khảo cổ học đầy những chuyện thị phi đâm bị thóc chọc bị gạo sau lưng nhau không thể ngờ được

này. Tìm một cách diễn đạt chung chung, Tess tiếp tục, "Anh cũng biết đó, em thực sự rất nhớ những ngày tháng cùng làm việc với mọi người bên đó."

Nụ cười nhạt của Edmondson cho Tess biết anh ta chẳng tin chút nào lời nàng nói. "Cô chả nhớ gì nhiều đâu. Bọn tôi nào có được giật tít trên báo."

"Không phải vậy. Chỉ là…" Tess quay lại liếc nhìn vô số những vật trưng bày xung quanh họ. "Bất kỳ món nào ở đây đều tuyệt vời cả. Bất kỳ món nào." Tess nhìn anh ta, bất chợt cảm thấy chán nản. "Tại sao chúng ta chẳng bao giờ phát hiện được gì đáng giá như thế này nhỉ?"

"Này, tôi vẫn đang hy vọng đấy chứ. Chỉ có cô là người đã đổi con lạc đà để lấy cái bàn giấy." Anh ta châm biếm. "Đó là chưa kể ruồi muỗi, cát bụi, cái nóng, thức ăn, nếu cô gọi đó là…"

"Ôi lạy Chúa, thức ăn," Tess cười. "Cứ nghĩ đến chuyện đó là em không chắc mình còn nhớ nhung gì nổi nữa!"

"Cô biết đấy, cô có thể quay trở lại bất kỳ lúc nào mà."

Tess nhăn mặt. Đó là điều nàng cũng thường nghĩ đến. "Em không nghĩ thế. Dù sao em cũng không quay trở lại ngay đâu."

Edmondson nhe răng cười, một nụ cười có phần gượng gạo. "Cô cũng biết là chúng tôi luôn có một cái xẻng có tên cô trên đó," anh ta nói, giọng không còn chút hy vọng nào. Giữa họ bỗng có một thoáng im lặng kỳ lạ. "Nghe này," anh ta nói thêm, "người ta vừa mở một quầy bar trong Phòng Ai Cập, nhìn từ bên ngoài có vẻ như họ có một tay biết pha cocktail chiến lắm. Tôi gọi cho cô một ly nhé."

"Thế cũng được. Lát nữa em sẽ gặp lại anh," Tess nói. "Em đang đợi mẹ và con gái em."

"Hai bà cháu cũng có ở đây à?"

"Vâng."

Edmondson giơ cả hai bàn tay lên. "Ui chà. Cả ba thế hệ nhà Chaykin – thú vị thật."

"Anh được cảnh báo rồi đấy nhé."

"Nhớ rồi." Edmondson gật đầu khi đi lẫn vào đám đông. "Lát nữa tôi sẽ gặp lại cô. Đừng có biến mất đấy."

Bên ngoài, không khí xung quanh khu quảng trường đang sôi nổi. Anh chàng quay phim chen lấn để cố lấy cho được góc quay thật tốt trong khi tiếng vỗ tay và tiếng reo hò từ đám đông phấn khích át mất lời bình luận của cô nàng phóng viên. Quang cảnh càng ầm ĩ hơn khi đám đông nhận ra anh chàng hộ pháp mặc bộ đồng phục bảo vệ màu nâu đã rời chỗ đứng hối hả chạy về phía đám kỵ sĩ đang tiến tới.

Chỉ nhìn liếc qua, anh chàng quay phim có thể nhận thấy có chuyện gì đó diễn ra không theo đúng kế hoạch. Bước đi hấp tấp, cả quyết của người bảo vệ và ngôn ngữ cơ thể của anh ta rõ ràng cho thấy có điều gì đó không nằm trong kịch bản.

Khi chạy đến chỗ những con ngựa, tay bảo vệ giơ hai tay lên ra hiệu dừng lại, ngăn tốp người đang tiến lên. Các kỵ sĩ ghìm cương khiến những con ngựa giậm chân khịt mũi, rõ ràng là chúng khó chịu khi phải đứng yên trên các bậc cấp.

Dường như đang có một cuộc đôi co. Anh chàng quay phim nhận thấy đó là cuộc tranh cãi từ một phía vì không thấy các kỵ sĩ có bất kỳ phản ứng rõ ràng nào trước sự la lối của người bảo vệ.

Và rồi, sau cùng một kỵ sĩ đã làm gì đó.

Chậm rãi, làm cho khoảnh khắc đó bộc lộ hết kịch tính của nó, tay hiệp sĩ ở gần người bảo vệ nhất, trông như một con gấu, rút thanh kiếm ra khỏi vỏ, giơ cao lên khiến một loạt ánh đèn flash khác lóe lên cùng với nhiều tiếng vỗ tay hoan hô nữa.

Tay hiệp sĩ vẫn giơ cao thanh kiếm, bằng cả hai tay, mắt nhìn trừng trừng về phía trước. Không lộ chút nao núng.

Mặc dù gắn chặt một mắt vào ống kính máy quay, anh chàng quay phim vẫn quan sát xung quanh bằng con mắt còn lại, và đột nhiên anh ta cảm nhận có điều gì khác nữa đang xảy ra. Anh ta vội vàng phóng lớn khuôn mặt người bảo vệ. Nét mặt người bảo vệ lúc đó trông thế nào nhỉ? Bối rối? Sửng sốt?

Và anh ta chợt hiểu đó là gì.

Kinh hoàng.

Lúc này, đám đông đã trở nên điên loạn, vỗ tay và hoan hô cuồng nhiệt. Theo bản năng nghề nghiệp, anh chàng quay phim phóng lớn góc quay để thu hình tay kỵ sĩ.

Ngay lúc đó, tay hiệp sĩ bất thần xả thanh kiếm xuống, chớp nhoáng quét một đường cong. Lưỡi kiếm loáng lên ghê rợn trong ánh đèn nhân tạo đang lóe lên vào ngay dưới tai người bảo vệ; lực và tốc độ nhát chém rất ác liệt, lưỡi kiếm đi ngọt qua thịt, sụn và xương của nạn nhân.

Từ phía đám đông khán giả, một tiếng thở hổn hển rất lớn của cả đám đông vang lên rồi vỡ thành những tiếng thét kinh hoàng, vang động cả bầu trời đêm. To hơn cả là tiếng thét của cô nàng phóng viên đang bám chặt vào cánh tay anh chàng quay phim làm hình ảnh trong máy bị rung mạnh, anh phải huých cô ta ra để tiếp tục quay.

Đầu người bảo vệ văng ra phía trước, lăn lông lốc một cách ghê rợn xuống những bậc cấp viện bảo tàng, để lại phía sau một vệt máu dài, đỏ thẫm. Và sau khoảng thời gian tưởng như dài vô tận, cái thân thể mất đầu của người bảo vệ đổ sập qua một bên, phun ra một dòng máu nhỏ.

Đám thiếu niên la hét, ngã nháo nhào tìm cách chạy thoát thân khỏi cảnh tượng đó, trong khi những người khác ở xa phía sau không biết chính xác chuyện gì nhưng biết là có điều gì đó khủng khiếp vừa xảy ra, nên đổ xô nhau lấn về phía trước. Chỉ trong chốc lát, đã có một đống những thi thể chồng chất lên nhau trông rất ghê rợn, những tiếng gào thét la khóc vì đau đớn và sợ hãi rền vang bầu trời đêm.

Ba con ngựa gõ móng lách cách trên các bậc cấp. Lúc đó, một trong các tên hiệp sĩ gào lên, “Xung phong, xung phong, xung phong!”

Tên đao phủ vừa rồi thúc ngựa tiến lên, xông thẳng vào các lối đi rộng mở của viện bảo tàng. Các tên kia cũng lao lên, bám sát theo sau.

.....

[6] Tức Lila Bell Wallace (1890-1984), người Mỹ, đồng sáng lập tạp chí Reader’s Digest cùng với chồng là DeWitt Wallace, xuất bản số đầu tiên vào năm 1922.

[7] Andrea della Robbia (1415 – 1525): điêu khắc gia người Ý.

[8] Tương truyền đó là cái chén mà Jesus đã dùng trong bữa ăn tối cuối cùng trước khi bị đóng đinh trên thập tự giá, hoặc cũng tương truyền là cái chén dùng để hứng mấy giọt máu khi ngài bị một tên lính dùng lao đâm vào sườn lúc đang bị đóng đinh trên thập tự giá. Có chỗ nói hai cái chén đó là một. Trong hai thiên niên kỷ qua, không ai biết chính xác cái chén đó lưu lạc ở đâu.

Chương 3

Trong Đại sảnh, Tess nghe thấy những tiếng la thét bên ngoài, nàng nhanh chóng nhận ra có chuyện gì đó tệ hại, rất tệ hại. Tess quay lại vừa kịp nhìn thấy con ngựa đầu tiên lao băng qua cửa, làm vỡ tan lớp kính, khung cửa gỗ đổ ập vào trong, cả Đại sảnh bỗng rơi vào cảnh hỗn loạn. Cái đám đông tụ họp nền nã, thanh lịch, tao nhã ấy biến thành một bầy sinh vật cấp thấp càu nhàu, gầm gừ với nhau khi họ chen lấn la hét tìm cách thoát ra khỏi đường đi của những con ngựa đang đột kích vào.

Ba trong bốn kỵ sĩ điên cuồng thúc ngựa xông qua đám người, vung kiếm đập phá các tủ kính trưng bày, giẫm lên kính vỡ và đồ gỗ bể nát, đập vỡ và phá hủy các đồ vật triển lãm.

Tess bị ném qua một bên khi hàng chục khách tham quan cố gắng một cách tuyệt vọng thoát thân qua cửa và chạy tuôn ra đường. Nàng đảo mắt nhìn khắp đại sảnh. Kim ơi, Mẹ ơi – Hai bà cháu đang ở đâu? Tess nhìn quanh nhưng không thấy họ đâu cả. Phía bên phải, cách nàng một đoạn xa, những con ngựa chạy vòng vòng và quay tới quay lui tiếp tục phá hủy những đồ vật trưng bày dọc đường chúng đi. Khách tham quan bị ném bay vào những cái tủ và dồn sát tường, tiếng rên rỉ kêu thét đau đớn của đám khách vang dội khắp gian phòng rộng lớn. Tess thoáng thấy Clive Edmonson trong số đó khi một con ngựa thình lình lồng ngược ra phía sau, đá mạnh, làm anh ta ngã nhào qua một bên.

Những con ngựa kêu khịt khịt, mũi phình ra, mồm sùi bọt quanh hàm thiếc. Các tay kỵ sĩ xuống ngựa, chộp lấy những thứ đồ lấp lánh trong các tủ kính vỡ, tống vào những chiếc túi móc dính với yên ngựa.

Tại các cửa, đám đông tìm cách chen lấn thoát ra, làm cảnh sát không thể tiến vào được, đành bất lực trước đám đông đang cơn hoảng loạn.

Một trong những con ngựa lồng lên, huých vào bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh, bức tượng đổ nhào và vỡ tan trên nền nhà. Móng ngựa giẫm lên bức tượng, làm vỡ tan nát hai bàn tay chắp lại cầu nguyện của Đức Mẹ. Bị đám khách tham quan chạy trốn giật tung khỏi khung, tấm thảm treo tường tuyệt mỹ bị cả người và ngựa giẫm đạp lên. Chỉ trong chốc lát, hàng ngàn mũi thêu tỉ mỉ tinh tế bị xé toạc ra. Một cái tủ bị hất nhào, chiếc mũ tế màu trắng dát vàng rơi ra khỏi lớp kính vỡ, bị đá lăn lóc giữa đám đông hỗn loạn điên cuồng. Chiếc áo thụng cùng bộ với chiếc mũ tế bay phất phơ như một tấm thảm thần, rồi cũng bị giẫm đạp lên.

Vội vàng tránh khỏi đường đi của những con ngựa, Tess nhìn xuống hành lang, cách đó một quãng, nàng thấy tên kỵ sĩ thứ tư, ở cuối hành lang, cách xa chỗ tên kỵ sĩ kia, vẫn còn thêm nhiều người nữa tiếp tục tản vào các phần khác của viện bảo tàng. Tess tiếp tục tìm kiếm mẹ và con gái. Hai bà cháu đang ở chỗ quái nào nhỉ? Không biết họ có hề hấn gì không? Nàng cố nhận diện họ trong đám đông hỗn loạn, nhưng vẫn không thấy dấu vết gì của cả hai.

Nghe thấy tiếng thét ra lệnh, Tess quay người nhìn lại, rốt cuộc cảnh sát cũng đã vượt qua được đám người tháo chạy. Rút súng bắn chỉ thiên và quát đám đông hỗn loạn, họ đang tiến về phía một trong ba kỵ sĩ, tên này liền rút từ dưới chiếc áo choàng ra một khẩu súng nhỏ. Theo bản năng, Tess nhào ngay xuống sàn nhà, hai tay ôm đầu, nhưng vẫn nhìn thấy y tuôn ra một loạt đạn; lia họng súng từ bên này sang bên kia, tên kỵ sĩ liên tục nhả đạn khắp phòng. Một tá người ngã xuống, bao gồm tất cả số cảnh sát, mảnh kính và tủ vỡ quanh họ giờ tung tóe máu.

Vẫn nằm cuộn mình trên sàn nhà, Tess cảm thấy tim như vọt ra khỏi lồng ngực. Nàng cố nằm im, dù trong lòng như đang có tiếng gào thét thúc giục nàng bỏ chạy. Lúc này, Tess thấy hai tên kỵ sĩ kia cũng vung vẩy những khẩu súng tự động giống như tên đồng bọn sát nhân vừa rồi. Tiếng những viên đạn đập vào tường dội lại càng làm tăng thêm sự huyên náo và hoảng loạn. Một con ngựa bỗng nhảy giật lùi, hai tay tên kỵ sĩ siết lại, khẩu súng trên tay y nhả loạt đạn lên một bức tường và trần nhà, bắn tung những mảng thạch cao trang trí làm rơi xuống đầu khách tham quan đang nằm ôm đầu gào thét trên nền nhà.

Từ phía sau cái tủ nơi nàng nấp, Tess mạo hiểm liếc quanh, đánh giá nhanh các lối thoát. Nhìn thấy cửa vào một phòng trưng bày khác ở cách ba hàng tủ phía bên phải, Tess nhón chân chạy vụt tới đó.

Vừa tới được hàng tủ thứ hai, Tess thấy tay kỵ sĩ thứ tư đang tiến thẳng về phía nàng. Thụp người xuống, nhìn thấy y đang vung vẩy mũi súng giữa những hàng tủ chưa bị hư hại, dường như không dính dáng và cũng không quan tâm đến tình trạng hỗn loạn mà ba tên đồng bọn của hắn đang gây ra.

Tess hầu như nghe được tiếng thở khụt khịt của con ngựa khi tay kỵ sĩ bất thần ghìm cương đứng lại, cách nàng khoảng mét rưỡi. Tess nằm mọp xuống, ôm ghì lấy cái tủ trưng bày để giữ lại mạng sống, cố kiềm chế để trái tim bớt đập thình thịch trong lồng ngực. Tess nhướn mắt lên, nàng nhìn thấy tay hiệp sĩ, phản chiếu trong các tủ trưng bày quanh nàng, oai vệ trong chiếc áo giáp thời Trung cổ kết bằng khoen sắt và chiếc áo choàng trắng, đang nhìn chằm chằm – đặc biệt vào một chiếc tủ kính.

Đó là chiếc tủ kính mà Tess đang xem lúc Clive Edmondson đến bên cạnh nàng.

Tess im thin thít, kinh hoàng theo dõi tay hiệp sĩ rút gươm vung lên và bổ xuống như sấm sét, chém vỡ tan cái tủ, mảnh kính vỡ văng tung tóe xuống nền nhà xung quanh nàng. Tay hiệp sĩ tra gươm vào vỏ, xuống ngựa, nhấc cái hộp kỳ lạ kia lên, chiếc máy kỳ dị với nhiều nút, hộp số và cần điều khiển, y cầm cái máy trong tay một lát.

Tess hầu như không thở nổi, vậy mà ngược với bản năng sinh tồn theo lẽ tự nhiên mà nàng tin rằng mình có, nàng khao khát muốn nhìn thấy chuyện gì đang xảy ra. Không sao cưỡng được, Tess nhoài người ra khỏi phía sau cái tủ trưng bày, hé mắt nhìn qua cạnh tủ.

Tay kỵ sĩ, thái độ gần như kính cẩn, nhìn chằm chằm vào cỗ máy một lúc trước khi làu bàu thốt ra mấy tiếng, như thể tự nói với mình.

“Veritas vos libera…”[9]

Tess nhìn sững, cái hành động có vẻ như là nghi thức vô cùng riêng tư này làm nàng thấy nghi hoặc, lúc đó, một tiếng súng khác bỗng vang lên cắt ngang cơn mơ màng của Tess và của cả tay hiệp sĩ.

Y quay vòng ngựa và trong một thoáng, ánh mắt y, dù bị khuất sau cái mũ giáp trùm đầu, bắt gặp ánh mắt của Tess. Tim nàng như ngừng đập khi nằm sấp ở đó, toàn thân tê liệt trong vô vọng. Và rồi, con ngựa tiến về phía Tess, thẳng đến chỗ nàng…

…và ngay khi con ngựa lướt qua sát sạt một bên, Tess nghe tay này gào lên với ba kỵ sĩ kia, “Đi thôi!”

Tess nhổm lên, thấy tay kỵ sĩ to con, kẻ đã khai hỏa đầu tiên, đang dồn một nhóm nhỏ vào góc phòng bên cạnh cầu thang chính. Nàng nhận ra Đức Tổng Giám mục giáo phận New York và ngài Thị trưởng cùng bà vợ ông ta. Tay hiệp sĩ chỉ huy gật đầu và tay kỵ sĩ bự con thúc ngựa chạy vào giữa đám khách đang sợ hãi đến thất thần, túm lấy bà vợ ông Thị trưởng, nhấc người phụ nữ cố vẫy vùng lên lưng ngựa. Y ghí mũi súng vào mang tai bà ta còn bà Thị trưởng cứng đờ không nhúc nhích; miệng há ra như đang hét một tiếng hét không thành lời.

Bất lực, giận dữ và sợ hãi, Tess chỉ biết trông theo bốn tay kỵ sĩ di chuyển ra phía cửa. Tay dẫn đầu, tên duy nhất không có súng, nàng nhận thấy cũng là tay duy nhất không có một cái túi căng phồng móc vào yên ngựa. Và khi chúng ra khỏi các phòng trưng bày viện bảo tàng, Tess đứng lên chạy ào qua những đống đổ nát để tìm mẹ và cô con gái bé nhỏ.

Bốn tay hiệp sĩ lao ra khỏi cửa viện bảo tàng và rơi vào vùng ánh sáng chói mắt của những ngọn đèn pha truyền hình. Dù vẫn có tiếng sụt sùi của những người sợ hãi và tiếng rên rỉ của những người bị thương, khung cảnh đột nhiên yên tĩnh hơn, rồi từ giữa đám đông bỗng vang lên những tiếng la lớn, giọng đàn ông, phần lớn là của cảnh sát, những tiếng la ngẫu nhiên giống nhau, vang lên đây đó: “…đừng bắn!” “… con tin!” “…đừng bắn!”

Trong lúc đó, bốn tay kỵ sĩ đi xuống các bậc cấp rồi sải ngựa lên đại lộ, tay hiệp sĩ đang giữ con tin đi sau để bảo vệ. Động tác của chúng nhanh nhẹn nhưng không có vẻ gấp gáp, coi thường tiếng còi xe cảnh sát đang đến gần rền rĩ trong đêm, rồi chỉ trong chốc lát, chúng biến vào bóng tối đồng lõa của Công viên Trung tâm.

.....

[9] Tiếng Latinh: Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi – hoặc: Sự thật sẽ cứu rỗi ngươi.

Chương 4

Tại rìa các bậc tam cấp viện bảo tàng, Sean Reilly cẩn thận đứng phía ngoài dải băng vàng đen giới hạn hiện trường tội ác. Reilly vọc tay vào mái tóc nâu lúc nhìn xuống đường vẽ phác thảo đánh dấu vị trí cái thi thể không đầu của người bảo vệ. Hướng tầm mắt xuống thấp hơn, Reilly dõi theo vệt máu chạy dài tới chỗ có một dấu máu lớn bằng kích thước trái bóng bầu dục đánh dấu vị trí cái đầu.

Nick Aparo bước tới và nhìn quanh qua vai người cộng sự. Với khuôn mặt tròn, đầu hói và lớn hơn cái tuổi ba mươi bảy của Sean Reilly cả mười năm, Nick Aparo có chiều cao trung bình, dáng vóc trung bình và nhan sắc trung bình. Ngay cả khi đang nói chuyện với ông, người ta cũng có thể quên mất ông trông như thế nào, đó là một đặc điểm rất hữu ích đối với một nhân viên điều tra và cũng là đặc điểm mà Aparo khai thác rất thành công trong những năm Reilly quen biết ông. Cũng như Reilly, Aparo khoác chiếc áo gió rộng màu xanh đậm bên ngoài bộ comlê đen, với những chữ FBI màu trắng in trên lưng áo. Lúc này, miệng ông ta nhăn lại, vẻ tởm lợm.

“Tôi không nghĩ nhân viên điều tra và thám tử sẽ quá khó khăn trong việc nhận dạng gã này,” ông ta nhận xét.

Reilly gật đầu. Anh không thể rời mắt khỏi vị trí đánh dấu nơi chiếc đầu người bảo vệ đã nằm. Vũng máu chảy ra từ cái đầu giờ đã sậm lại. Reilly không hiểu vì sao lại là chặt đầu, không phải bị bắn hay đâm chết thì có vẻ đỡ khủng khiếp hơn bị chặt đầu sao? Anh bất chợt nhớ ra hình phạt hành quyết bằng cách chặt đầu là thủ tục tiêu chuẩn được áp dụng ở một số nơi trên thế giới. Nhiều nơi trên thế giới đã sản sinh ra những kẻ khủng bố với mục tiêu là làm đất nước này bị kìm hãm trong tình trạng căng thẳng ở mức báo động, những tên khủng bố mà việc lần theo tung tích chúng đã làm Reilly ngày đêm hao tâm tổn sức.

Reilly quay sang Aparo. “Bà vợ ông Thị trưởng thế nào rồi?” Anh đã biết tin bà ta bị vất lại một cách chẳng mấy lịch sự giữa công viên cùng với lũ ngựa.

“Bà ta chỉ sốc chút ít thôi,” Aparo đáp. “Cái tôi của bà ta xem ra còn bầm dập nặng hơn cái mông bà ta nữa đấy.”

“Cái hay là sắp đến kỳ bầu cử. Thật xấu hổ khi phải để cái cú bầm dập ngon lành như thế bị lãng phí.” Reilly nhìn quanh, tâm trí vẫn lùng nhùng chấn động bởi sự việc xảy ra trước đó, ngay tại nơi anh đang đứng. “Vẫn không có gì tại các chốt chặn sao?”

Các chốt chặn đã được dựng lên trong bán kính mười khối nhà, tại các cây cầu, các đường xe điện ngầm ra vào Manhattan.

“Chả có gì. Những tên quái đó biết rất rõ chúng đang làm gì. Chúng đâu có quẩn quanh để đợi một chiếc taxi.”

Reilly gật đầu. Bọn chuyên nghiệp. Tổ chức ngon lành.

Tuyệt.

Cứ làm như vào thời buổi này những tay amatơ không thể gây ra những thiệt hại như thế không bằng. Tất cả những gì chúng cần chỉ là vài bài học bay, hoặc một chiếc xe tải chở đầy phân bón, cùng với ý định điên loạn muốn tự sát – những thứ chẳng hề thiếu trong cái thời buổi này.

Reilly lặng lẽ xem xét quang cảnh bị tàn phá. Trong lúc đang quan sát, anh cảm thấy một sự thất vọng cùng cực và cơn giận dữ trào dâng trong lòng. Những hành động giết người điên cuồng bừa bãi, và cái xu hướng đáng phẫn nộ chuyên tấn công những người không có chút cảnh giác, chưa bao giờ khiến anh thôi sửng sốt. Tuy vậy, tại hiện trường tội ác này có điều gì đó kỳ quặc – thậm chí làm người ta bối rối. Relly nhận ra mình đang cảm thấy một sự khác biệt rất kỳ lạ trong vụ án này. Sau những vụ án tàn nhẫn và có thể là thảm khốc mà anh và các đồng sự đã cố gắng tiên liệu trong nhiều năm gần đây thì tất cả chuyện này có phần quá lạ lùng khó chấp nhận nổi. Reilly cảm thấy như bị mắc kẹt bên ngoài một cái lều lớn, bị cái yếu tố tầm phào quái gở nào đó làm lạc hướng khỏi sự kiện chính. Vậy mà thật phiền phức và bực mình làm sao, Reilly lại cảm thấy phần nào biết ơn điều đó.

Là một Đặc vụ Chuyên trách lãnh đạo đơn vị Chống Khủng bố Nội địa, từ lúc nhận được cuộc gọi, Reilly đã ngỡ rằng cuộc đột kích này cuối cùng sẽ rơi vào phần trách nhiệm điều tra của mình. Không phải Reilly cảm thấy phiền phức với loại công việc lạ lùng khó tin đòi hỏi sự kết hợp làm việc của hàng chục nhân viên đặc vụ và cảnh sát, cũng như những chuyên gia phân tích, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, nhà tâm lý học, nhân viên chụp ảnh và vô số những người khác. Đó là công việc mà Reilly luôn muốn làm.

Reilly luôn cảm thấy mình có thể tạo ra sự khác biệt.

Mà không, nói đúng hơn là làm cho điều đó được biết tới. Và anh sẽ làm vậy.

Cảm giác đó đã hình thành trong những năm tháng theo học ở trường luật Notre Dame[10], Reilly cảm thấy có nhiều điều sai lầm trong thế giới này – chẳng hạn như cái chết của cha anh, khi anh mới lên mười, là một bằng chứng đau đớn về thực tế đó – và Reilly muốn góp phần làm cho cái thế giới này trở thành một nơi tốt đẹp hơn, ít ra là cho những người khác, nếu không phải là cho chính bản thân mình. Cảm giác đó trở nên không thể dứt bỏ được vào cái ngày mà, khi làm bài tập ở trường liên quan đến một trường hợp về tội ác chủng tộc, Reilly đã tham gia một cuộc họp tại Terre Haute của nhóm người chủ trương người da trắng là chủng tộc thượng đẳng. Sự kiện đó tác động sâu sắc đến bản thân Reilly. Anh cảm thấy mình đã chứng kiến sự xấu xa, và cảm thấy nhu cầu thúc bách phải am hiểu vấn đề nhiều hơn nữa nếu muốn giúp chiến đấu chống lại nó.

Kế hoạch đầu tiên của Reilly không được như anh mong muốn. Trong cơn bốc đồng đầy lý tưởng của tuổi trẻ, Reilly đã quyết định trở thành phi công Hải quân. Cái ý tưởng góp phần loại bỏ thế giới tội ác, từ buồng lái chiếc Tomcat bạc, nghe có vẻ rất hoàn hảo. May mắn thay, Reilly đúng là mẫu người mà Hải quân muốn tuyển mộ. Không may là họ lại có một suy nghĩ khác trong đầu. Họ đã có thừa những anh chàng muốn trở thành phi công siêu đẳng, và người họ cần là các luật sư. Các nhà tuyển mộ tận lực đưa Reilly gia nhập Tổng cục Quân Pháp và anh đã đùa cợt với ý tưởng này một thời gian, rồi sau cùng quyết định rời bỏ lĩnh vực này để trở lại tập trung thi vào ngạch luật sư tòa án bang Indiana.

Một cuộc gặp gỡ tình cờ tại hiệu sách đã làm Reilly chuyển hướng một lần nữa, lần này thì vĩnh viễn. Trong hiệu sách cũ đó, Reilly gặp một nhân viên FBI về hưu; ông ta vô cùng tự hào kể với anh về Cục Điều tra Liên bang và khuyến khích anh nộp đơn gia nhập FBI. Mẹ Reilly không thấy hào hứng chút nào khi nghĩ anh phải bỏ ra bảy năm ở trường luật để rốt cuộc trở thành cái mà bà gọi là "một anh cớm quanh vinh", nhưng Reilly biết mình đã chọn đúng.

Reilly chỉ trải qua chưa tới một năm làm công việc của lính mới tại văn phòng Chicago, ghi chép công tác các đội tuần tra đường phố về nạn cướp giật, buôn bán ma túy, thì ngày hai mươi sáu tháng Hai năm 1993 mọi chuyện đã thay đổi. Đó là ngày một trái bom phát nổ trong bãi đậu xe bên dưới tòa cao ốc Trung tâm Thương mại Thế giới, làm thiệt mạng sáu người và bị thương hơn một ngàn người. Những kẻ âm mưu đặt bom đã lập kế hoạch làm tòa nhà này đổ sập qua tòa nhà bên kia đồng thời tuôn ra một đám mây khí xianua. Nhưng những hạn chế về tài chính ngăn cản không cho chúng đạt được mục đích: chúng hết tiền. Ngoài yếu tố quả bom quá thô thiển nên không hoàn thành được mục tiêu hiểm độc, bọn chúng còn không có đủ các hộp khí độc cho quả bom mà chúng đã đặt không đúng cột chính, cây cột bị đặt bom không đóng vai trò quan trọng trong kết cấu tòa nhà.

Cuộc tấn công tuy thất bại, nhưng đó lại là một tiếng chuông cảnh tỉnh. Nó cho thấy một nhóm khủng bố nhỏ có trình độ thấp và không tinh vi, với nguồn kinh phí hạn hẹp, cũng có thể gây ra thiệt hại rất lớn.Các cơ quan tình báo cấp tốc tái phân phối các nguồn lực của mình để đương đầu với mối đe dọa mới mẻ này.

Và chưa đầy một năm sau khi gia nhập Cục Điều tra Liên bang, Reilly trở thành nhân viên tác chiến của Ban Tác chiến thuộc Phân Cục New York của FBI. Phân cục này từ lâu đã nổi tiếng là một nơi làm việc tồi tệ nhất vì vật giá sinh hoạt đắt đỏ, những vấn đề về giao thông, và phải sống khá xa thành phố nếu muốn có được chỗ rộng rãi hơn thay cho cái phòng kho nhỏ như lỗ mũi. Nhưng dù vậy, thành phố này lại luôn phát sinh nhiều hoạt động hơn bất cứ nơi nào khác trong nước, nó vẫn là nhiệm sở mơ ước của hầu hết các đặc vụ, mới và non nớt. Reilly là một nhân viên như vậy khi mới được bổ nhiệm về thành phố này.

Nhưng giờ Reilly không còn là đặc vụ mới hay non nớt nữa rồi.

Khi nhìn quanh, Reilly biết vụ lộn xộn quanh đây sắp chi phối trọn vẹn cuộc sống của anh trong thời gian sắp tới. Reilly nhủ thầm sẽ gọi điện cho cha Bragg vào buổi sáng để báo cho ông biết anh không thể tham dự buổi tập

sofiball [11], Reilly cảm thấy thật có lỗi, anh không muốn làm bọn trẻ thất vọng, và nếu có điều gì mà anh cố gắng không để công việc xen vào thì đó là những ngày Chủ nhật trong công viên. Chủ nhật này có thể Reilly sẽ có mặt tại công viên nhưng chỉ có một điều là vì những lý do khác kém phù hợp hơn.

“Vào bên trong nhìn qua chứ!” Aparo hỏi.

“Ừ,” Reilly nhún vai, nhìn lướt qua lần cuối cái quang cảnh kỳ dị xung quanh.

.....

[10] Đây là trường đại học tư thục Notre Dame ở South Bend, bang Indiana, Mỹ (chứ không phải nhà thờ Notre Dame nổi tiếng ở Pháp). Đây là trường đại học liên kết với Giáo hội Công giáo La Mã.

[11] Giống như môn bóng chày của Mỹ nhưng sân chơi hẹp hơn với quả bóng lớn và mềm hơn.

Chương 5

Khi cùng Aparo cẩn thận bước qua những mảnh vỡ nằm rải rác, đôi mắt chăm chú của Reilly ghi nhận cảnh tượng tàn phá bên trong viện bảo tàng.

Các Thách tích vô giá bị giẫm đạp nằm vung vãi khắp nơi, phần lớn đã hư hỏng không thể nào sửa chữa được nữa. Bên trong viện bảo tàng không có dải băng vàng đen[12]. Toàn bộ tòa nhà là một hiện trường tội ác. Nền Đại sảnh viện bảo tàng là một bức tranh tĩnh vật xấu xí tượng trưng cho sự hủy diệt. Những mảnh cẩm thạch vỡ, mảnh thủy tinh, các vết máu, tất cả những thứ đó đều hữu ích đối với các nhà điều tra hiện trường. Bất kỳ thứ gì trong số đó cũng có thể cung cấp một manh mối nào đó; nhưng cũng có thể, tất cả chúng chẳng thể dẫn đến một manh mối chết tiệt nào cả.

Khi nhìn thoáng qua một tá nhân viên CSI[13] áo choàng trắng đang làm việc một cách có hệ thống với những hiện vật vỡ nát còn lại cùng các đặc vụ ERT[14] – Đội Đặc trách Bằng chứng của Cục Điều tra Liên bang – Reilly thầm kiểm tra lại những gì họ đã biết. Bốn kỵ sĩ. Năm xác chết. Ba cảnh sát, một bảo vệ và một thường dân. Bốn cảnh sát khác và hơn một chục dân thường bị bắn thương, hai trong số đó bị thương nặng. Hai mươi tư người bị thương vì mảnh kính văng trúng, và số người bị xây xát gấp đôi con số đó. Các trường hợp chấn thương tinh thần hẳn thừa đủ cho các toán tư vấn tâm lý luân phiên nhau bận rộn nhiều tháng liền.

Bên kia hành lang, Trợ tá Giám đốc Thường trực Tom Jansson đang nói chuyện với tay Đội trưởng Đội Điều tra ốm như cây sậy của Phân khu Cảnh sát Mười chín. Họ tranh cãi về thẩm quyền thụ lý vụ việc, nhưng đây là vấn đề cần phải thảo luận. Mối liên hệ của Vatican và khả năng rõ ràng là những gì xảy ra ở đây có liên quan đến những tên khủng bố, có nghĩa là tổng quyền chỉ huy việc điều tra sẽ được nhanh chóng chuyển từ Sở Cảnh sát New York (NYPD) sang FBI. Từ nhiều năm trước, đã có một thỏa thuận được hiểu ngầm giữa hai tổ chức. Khi có bất cứ tên khủng bố nào bị bắt giữ thì NYPD được hưởng công lao trước công chúng, bất kể bên nào thực sự tạo được cơ hội đó. Cục Điều tra Liên bang chỉ nhận phần khen ngợi của mình nếu vụ việc được đưa ra xét xử, với danh nghĩa là đã giúp đưa ra bằng chứng bảo đảm cho việc kết án. Tuy vậy, những "cái tôi" cũng thường cản trở hình thức hợp tác có tính nhạy cảm này, và dường như đó là trường hợp của đêm nay.

Aparo gọi một anh chàng mà Reilly không nhận ra và giới thiệu anh ta là Thanh tra Steve Buchinski.

"Steve sẽ sẵn lòng giúp chúng ta giải quyết vụ việc trong khi cuộc tranh tài giữa các ông bự kia chưa ngã ngũ," Aparo nói, hất đầu về phía cuộc tranh cãi đang diễn ra giữa mấy ông sếp của họ.

"Chỉ cần cho tôi biết các anh cần gì," Buchinski nói. "Tôi cũng sốt ruột như các anh, chỉ mong sớm tóm cổ được những tên chó chết đã gây ra chuyện này."

Quả là một khởi đầu tốt đẹp, Reilly thầm nghĩ và cảm thấy dễ chịu, mỉm cười với anh chàng mật vụ ruột ngựa. "Quan sát và nghe ngóng ngoài phố. Hiện giờ chúng tôi chỉ cần chừng đó," anh trả lời. "Các anh có sẵn nhân lực và mạng lưới rồi."

"Chúng tôi đã làm như vậy rồi. Tôi sẽ mượn thêm một số bảo vệ của CPP[15], chuyện đó chẳng có gì khó khăn," Buchinski hứa. Phân khu bên cạnh Phân khu Mười chín là Phân khu Công viên Trung tâm, đi tuần tra bằng ngựa là đặc điểm hàng ngày trong công việc của họ. Reilly thoáng băn khoăn tự hỏi không biết liệu có mối liên quan nào không, chắc hẳn anh phải ghi nhớ để kiểm tra sau.

"Chúng ta có thể dùng thêm một số người nữa cho các cuộc thẩm vấn tiếp theo," Reilly nói với anh chàng cảnh sát.

"Phải, chúng ta cần phải thẩm vấn các nhân chứng," Aparo chen vào lúc vừa bước lên cầu thang chính. Hầu hết các văn phòng ở phía trên đều đã được dùng làm văn phòng xử lý tạm thời.

Reilly nhìn lên và nhận ra đặc vụ Amelia Gaines từ trên phòng triển lãm đang đi xuống cầu thang. Jansson đã cử cô nàng tóc đỏ hấp dẫn và nhiều tham vọng này phụ trách việc thẩm vấn nhân chứng. Việc này rất hợp lý, vì mọi

người đều thích nói chuyện với Amelia Gaines. Theo sau Amelia là một cô gái tóc vàng đang bồng trên tay bản sao nhỏ bé của cô ta. Con gái cô ta, Reilly đoán. Cô bé có vẻ đang say ngủ.

Reilly lại nhìn mặt cô nàng tóc vàng. Thông thường, ngoại hình quyến rũ của Amelia làm các phụ nữ khác trở nên mờ nhạt.

Nhưng người phụ nữ này thì không như vậy.

Ngay trong tình trạng hiện tại, cô ta vẫn có cái gì đó rất lôi cuốn. Ánh mắt cô ta bất chợt gặp ánh mắt của Reilly trước khi đưa xuống nhìn cái đống bừa bộn dưới chân. Dù là ai, rõ ràng cô nàng đang xúc động mạnh.

Reilly nhìn cô ta bước về phía cửa, lúng túng len lỏi qua những thứ đổ nát. Một phụ nữ khác, lớn tuổi hơn, dáng vẻ khá giống cô ta, đi theo sát phía sau. Họ cùng nhau bước ra khỏi viện bảo tàng.

Reilly quay lại, chú ý trở lại công việc. “Giai đoạn đầu luôn luôn mất rất nhiều thì giờ, nhưng chúng ta vẫn phải rà soát mọi động cơ và nói chuyện với mọi người. Bắt buộc phải như vậy.”

“Trường hợp này có lẽ phải mất nhiều thời giờ hơn. Toàn bộ cái chuyện chết tiệt này đều được thu hình.” Buchinski chỉ tay vào một máy ghi hình, rồi một cái khác. Đó là phần của hệ thống an ninh viện bảo tàng. “Đó là chưa kể cái phần do bọn truyền hình quay được bên ngoài.”

Theo kinh nghiệm, Reilly biết rằng hệ thống an ninh cao cấp đó rất hữu hiệu đối với các loại tội phạm kỹ thuật cao, nhưng chẳng ai trù liệu bọn tấn công với kỹ thuật thô sơ trên mình ngựa cả. “Tuyệt,” Reilly gật gù. “Tôi sẽ đi lấy một ít bắp rang.”

.....

[12] Dải băng của cảnh sát điều tra để giới hạn và bảo vệ phạm vi hiện trường.

[13] CSI: viết tắt của Crime Scene Investigator – Nhân viên điều tra nghiên cứu phạm trường.

[14] ERT: viết tắt của Evidence Response Team – Đội Đặc trách Bằng chứng.

[15] CPP: viết tắt của Central Park Precinet – Phân khu Công viên Trung tâm.

Chương 6

Ngồi bên một chiếc bàn gỗ gụ lớn, Hồng y Mauro Brugnone đưa mắt nhìn quanh căn phòng có trần cao tọa lạc gần trung tâm Vatican, quan sát các vị Hồng y đồng liêu. Dù là Hồng y Giám mục[16] duy nhất có mặt trong phòng, cấp bậc cao hơn tất cả các Hồng y khác, nhưng ông cố tránh ngồi vào vị trí đầu bàn. Đức Cha thích duy trì một bầu không khí dân chủ tại đây, dù biết tất cả mọi người đều sẽ phục tùng mình. Đức Cha biết điều đó và chấp nhận, không phải với sự kiêu ngạo, mà do tính thực tế của nó. Các ủy ban mà không có người lãnh đạo thì chả bao giờ làm được trò trống gì.

Tuy vậy, hoàn cảnh không may này không đòi hỏi phải có một nhà lãnh đạo và cũng chẳng cần phải triệu tập một ủy ban nào. Đây là chuyện Brugnone sẽ phải tự mình giải quyết. Đối với Đức Cha, chuyện đó đã quá rõ ràng ngay từ lúc ông xem đoạn tin tức được phát đi khắp thế giới.

Sau cùng, ánh mắt ông hướng vào Hồng y Pasquale Rienzi. Mặc dù trẻ tuổi nhất ở đây và chỉ là Hồng y Phó tế[17] nhưng Rienzi là người tâm phúc nhất của Brugnone. Như những Hồng y khác ngồi tại bàn, Rienzi lặng lẽ và hoàn toàn chú tâm vào bản báo cáo trước mặt. Rienzi nhìn lên và bắt gặp ánh mặt của Brugnone. Vị Hồng y trẻ tuổi, xanh xao và nghiêm trang như thường lệ, liền ho lên mấy tiếng nho nhỏ.

“Làm sao lại có thể xảy ra một chuyện như thế này cơ chứ?” một số Hồng y lên tiếng hỏi. “Ngay giữa trung tâm thành phố New York? Ngay tại Viện Bảo tàng Metropolitan…” Vị Hồng y đó lắc đầu, ra vẻ ngao ngán như không thể nào tin được.

Cái đám nhân gian trần tục ngoài kia quả thật xuẩn ngốc hết biết, Brugnone thầm nghĩ. Tại thành phố New York thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Chả phải vụ phá hoại Trung tâm Thương mại Thế giới đã chứng tỏ như vậy sao?

“May là ngài Tổng Giám mục New York chưa bị làm hại,” một Hồng y khác buồn rầu phát biểu.

“Dường như bọn cướp đã trốn thoát. Họ cũng không biết kẻ nào đứng đằng sau… hành động kinh tởm này sao?” một người khác hỏi.

“Đó là vùng đất của bọn tội phạm. Lũ người điên khùng bị các chương trình truyền hình vô đạo đức và những trò chơi video sa đọa xúi giục,” một người khác đáp lời. “Đã nhiều năm qua, nhà tù của họ chật cứng rồi.”

“Nhưng tại sao chúng lại ăn mặc như vậy? Thập giá đỏ trên áo choàng trắng… Chúng giả dạng các Hiệp sĩ Đền Thánh hay sao?” vị Hồng y đã lên tiếng trước tiên hỏi.

Đúng vậy, Đức Cha Brugnone nghĩ.

Đó là điều đã làm ông cảm thấy cần phải cảnh giác. Thực vậy, tại sao bọn thủ phạm ăn mặc như các Hiệp sĩ Đền Thánh? Có thể đó chỉ là do bọn cướp muốn cải trang nên khoác bừa lên người bất cứ thứ gì chúng có chăng? Hoặc là y phục của bốn tên kỵ sĩ đó hàm chứa một ý nghĩa sâu xa hơn, và có thể phiền phức hơn chăng?

“Máy mã hóa trục quay đa hộp số là cái gì vậy?”

Brugnone ngước nhìn lên, ánh mắt gay gắt. Câu hỏi vừa rồi là của vị Hồng y cao niên nhất. “Một cái nhiều…?” Brugnone hỏi lại.

Ông Hồng y già gí mắt vào cái tài liệu mọi người đang chuyền tay nhau. “Vật trưng bày số 129,” ông đọc to lên. “Thế kỷ mười sáu. Một máy mã hóa trục quay đa hộp số. Số tham chiếu VNS 1098. Tôi chưa nghe nói đến thứ này bao giờ. Nó là cái gì vậy?”

Brugnone giả vờ nghiền ngẫm bản tài liệu trong tay, một bản sao thư điện tử liệt kê danh mục tạm thời những món đồ bị cướp trong cuộc đột kích vừa qua. Một lần nữa Đức Cha rùng mình – cũng cái rùng mình như khi lần đầu ông đọc thấy vật này trong bản danh sách. Vẫn giữ vẻ mặt bình thản. Không cần ngẩng đầu lên, vị Hồng y liếc nhanh

những người khác quanh bàn. Không ai có phản ứng gì. Mà tại sao họ phải phản ứng chứ? Chuyện đó nằm ngoài sự hiểu biết thông thường mà.

Gạt tờ giấy ra, ông dựa người vào lưng ghế. "Dù nó là vật gì," ông nói thẳng thừng, "thì giờ đây cũng đã bị bọn cướp lấy mất rồi." Liếc nhìn Rienzi, ông khẽ nghiêng đầu. "Có lẽ Cha sẽ đảm nhận việc làm thế nào để chúng ta được thông tin đầy đủ. Cha hãy tiếp xúc với cảnh sát và yêu cầu họ thông báo với chúng ta về kết quả cuộc điều tra."

Rienzi chỉnh lại, "FBI chứ không phải cảnh sát."

Brugnone nhướn mắt.

"Chính phủ Mỹ đang xử lý rất nghiêm túc vụ việc này," Rienzi xác nhận.

"Họ nên làm vậy," vị Hồng y cao niên nhất bên kia bàn thốt lên. Brugnone cảm thấy yên tâm khi thấy vị Hồng y cao niên này có vẻ như đã quên chuyện chiếc máy.

"Đúng thế," Rienzi tiếp. "Họ vừa mới cam đoan với tôi là họ sẽ làm tất cả những gì có thể."

Brugnone gật đầu, đoạn ra hiệu cho Rienzi tiếp tục cuộc họp, cử chỉ của ông hàm ý, kết thúc đi.

Mọi người luôn luôn tuân theo ý Mauro Brugnone. Ông biết, có lẽ vì cái dáng vẻ của ông gợi cho người ta thấy ông là một người rất mạnh mẽ về thể chất. Nếu không có thứ trang phục lụng thụng này, ông biết hẳn mình sẽ trông giống như một nông dân to con vạm vỡ xứ Calabria miền Nam nước Ý hơn, giả sử như ông không đi theo tiếng gọi của Nhà thờ từ hơn nửa thế kỷ trước thì có lẽ ông đã trở thành một nông dân như vậy. Vẻ ngoài thô kệch phù hợp với lối hành xử được rèn luyện trong nhiều năm của ông thoạt tiên khiến người ta nghĩ ông không chỉ là một người của Chúa đơn thuần. Quả thực ông đúng là người của Chúa, nhưng địa vị của ông trong Giáo hội khiến nhiều người đưa ra một giả định khác, ông là một con người mưu mô và cơ hội. Ông chẳng phải như vậy, nhưng Đức Cha chẳng bao giờ phải bận lòng phân bua với thiên hạ. Đôi khi cứ mặc cho người ta nghĩ sao thì nghĩ lại có lợi hơn, dù cho ở khía cạnh nào đó, đó cũng là một kiểu mưu mô.

Mười phút sau, Rienzi kết thúc buổi họp như Đức Cha yêu cầu.

Khi các Hồng y khác theo nhau bước ra khỏi phòng, Brugnone rời phòng họp bằng một cửa khác, bước dọc theo một hành lang tới chỗ cầu thang đưa ông ra một khoảng sân khuất vắng. Ông bước xuống lối đi lát gạch có mái che, ngang qua sân Belvedere, qua bức tượng Apollo nổi tiếng và đi vào dãy nhà chứa đựng một phần thư viện khổng lồ của Vatican, Archivio Segreto Vaticano – thư khố bí mật của Vatican.

Thực ra thư khố này chẳng có gì đặc biệt bí mật cả. Một phần lớn thư khố đã chính thức mở cửa vào năm 1998 cho các học giả và nhà nghiên cứu đến tham quan, và theo lý thuyết, họ được phép tiếp cận những nội dung được kiểm soát rất nghiêm ngặt tại đây. Trong số các tài liệu khét tiếng mà người ta đã biết và được lưu trữ trên những kệ sách dài tổng cộng hơn sáu mươi tư cây số là các văn bản viết tay của tòa án xử Galileo và đơn thỉnh cầu của vua Henry VIII nước Pháp xin Tòa Thánh hủy bỏ cuộc hôn nhân đầu tiên của ông ta.

Tuy vậy, nơi Brugnone đi đến thì không một người ngoài nào được phép bén mảng.

Không để ý chào hỏi bất kỳ nhân viên hay học giả nào đang làm việc trong các hội trường bụi bặm của thư viện, vị Hồng y lặng lẽ đi sâu hơn vào kho sách khổng lồ và tăm tối. Ông bước xuống cầu thang xoắn hẹp dẫn đến một phòng chờ nhỏ, nơi một vệ binh Thụy Sĩ đứng gác bên cánh cửa gỗ sồi chạm khắc rất công phu. Chỉ một cái gật đầu của vị Hồng y trưởng lão, đó là tất cả những gì cần thiết để người vệ binh nhập tổ hợp mã khóa vào một bàn phím để mở cửa cho ông. Tiếng ổ khóa bật mở ngân vang trong khoảng không gian trống rỗng của những bậc cầu thang đá vôi. Không một lời cảm ơn, Brugnone lướt vào trong cái hầm hình vòm như chiếc trống, cánh cửa đóng kịch lại sau lưng ông ta.

Biết chắc chỉ có một mình trong căn phòng như cái hang này, vị Hồng y điều tiết mắt theo thứ ánh sáng mờ mờ trong phòng và tiến đến khu vực lưu trữ hồ sơ. Dường như vẫn có một thứ âm vang o o giữa sự tĩnh lặng của cái hầm mộ này. Đó là một hiệu ứng lạ lùng đã có lần làm Đức Cha bối rối, cho đến lúc ông hiểu rằng, vượt ra ngoài các giới hạn nghe được của bản thân ông, quả thực có một âm thanh o o phát ra từ một hệ thống kiểm soát khí hậu cực kỳ tinh vi có nhiệm vụ duy trì trong hầm một nhiệt độ và độ ẩm không thay đổi. Khi lục tìm trong tủ hồ sơ, ông

cảm thấy các mạch máu trong người như căng phồng lên giữa bầu không khí hanh khô và tù túng này. Thực ra, Đức Cha chẳng thích ở dưới này chút nào, nhưng chuyến viếng thăm này là không thể tránh được. Mấy ngón tay ông run run lật các hàng thẻ đề mục. Cái mà ông đang tìm không ghi trong bất cứ danh sách đề mục hay các bản kiểm kê của bất cứ các cuộc họp thư khố nào đã được biết, ngay cả trong Schedario Garampi, bộ thẻ hồ sơ đồ sộ của gần một triệu thẻ liệt kê hầu như mọi thứ có trong thư khố cho đến thế kỷ mười tám. Nhưng Brugnone biết nên kiếm ở đâu. Không lâu trước khi qua đời, người thầy thông tuệ của ông đã lo liệu việc này.

Ông đã nhìn thấy cái thẻ muốn tìm và rút nó ra khỏi ngăn tủ.

Bằng một phán đoán sắc sảo, Brugnone rà lướt qua tất cả các tập sách. Cái dải băng đó rách te tua quấn quanh những tập văn kiện chính thức, được cho là nguồn gốc phát xuất của chữ red tape – giấy tờ quan liêu trong tiếng Anh, rủ xuống từ mọi giá sách trong sự lặng lẽ như cõi chết. Những ngón tay của vị Hồng y như quíu lại khi thấy cái vật ông đang muốn tìm.

Trong tâm trạng cực kỳ bồn chồn, ông nhấc một cuốn sách lớn bìa da rất cũ, đặt lên một cái bàn gỗ mộc.

Ngồi và bàn, Brugnone lật các trang sách dày có nhiều hình minh hoạ; tiếng sột soạt của các trang giấy vang lên trong không gian tĩnh mịch. Ngay cả trong môi trường được kiểm soát và điều chỉnh này các trang giấy cũng phải chịu đựng sự tàn phá của thời gian. Những trang giấy bằng da dê hay da cừu bị ăn mòn, chất sắt trong mực viết cũng bị phá huỷ, một số vết nứt đã thế chỗ những nét vẽ tinh tế của người họa sĩ.

Brugnone cảm thấy tim đập dồn dập hơn. Ông biết mình đã đến gần. Khi lật đến trang giấy đó ông cảm thấy cổ họng như nghẹn lại, thông tin ông tìm kiếm đang hiện ra trước mắt.

Ông nhìn vào phần hình minh họa. Nó mô tả một phức hợp gồm các hộp số gài vào nhau và các cần điều khiển. Nhìn vào bản sao bức thư điện tử. Hồng y gật gù với chính mình.

Brugnone chợt cảm thấy đầu nhói lên sau đuôi mắt. Ông chà xát hai bên thái dương, rồi nhìn lại vào hình vẽ trước mặt. Ông cảm thấy sự phẫn nộ sục sôi trong lòng. Sự lơ là chểnh mảng nào đã để cho việc này xảy ra? Ông biết rằng đáng lẽ không nên để cái thiết bị này rời khỏi Vatican, và ngay sau đó, ông cảm thấy bực tức với chính mình. Ông chẳng mấy khi chịu phí thời giờ phát biểu hay suy nghĩ về những điều hiển nhiên, và rõ ràng là bây giờ ông đang lo lắng nên mới làm vậy. Nói lo lắng là chưa đúng. Phát hiện này như một chấn động dữ dội. Bất kỳ ai cũng sẽ bị chấn động, bất kỳ ai biết được ý nghĩa của cái thiết bị cổ xưa đó. Nhưng cũng may mắn là có rất ít người, ngay cả những người ở Vatican này, biết được mục đích huyền thoại của cái máy đặc biệt đó.

Chúng ta tự rước vạ vào thân. Chuyện đã xảy ra là vì chúng ta quá thận trọng để không gây ra sự chú ý đến cái máy đó.

Đột nhiên cảm thấy kiệt sức, Brugnone gượng đứng dậy. Trước khi đặt lại cuốn sách lên giá, ông bỏ hú họa chiếc thẻ danh mục sách mà ông vừa lấy trong ngăn thẻ vào giữa cuốn sách. Như thế sẽ không một ai có thể tìm thấy lại cái danh mục đó nữa.

Brugnone thở dài, cảm nhận được gánh nặng thời gian của từng năm một trong số bảy mươi năm tuổi đời đè lên mình. Ông biết sự đe doạ không đến từ một ông viện sĩ tò mò hay từ một nhà sưu tầm kiên định có lòng quyết tâm cao ngất nào đó. Bất kỳ kẻ nào đứng sau vụ việc này hẳn biết đích xác hắn đang tìm kiếm cái gì. Và kẻ đó phải bị ngăn chặn trước khi cái vật mà hắn chiếm đoạt một cách phi pháp có thể làm lộ ra những bí mật của nó.

.....

[16] Hồng y Giám mục (Cardinal – Bishop) là một Hồng y đồng thời giữ chức vụ Giám mục, danh nghĩa của một trong bảy giáo phận xung quanh Vatican

Chương 7

Ở một nơi cách xa Hồng y gần sáu ngàn năm trăm cây số, có một người suy nghĩ hoàn toàn ngược lại

Sau khi đóng và khoá trái cửa, hắn bưng chiếc máy phức tạp lên khỏi nơi mà hắn đã để lúc trước và đặt nó trên bậc cấp trên cùng. Hắn chậm rãi bước xuống hầm rượu, động tác di chuyển của hắn rất thận trọng. Cái máy không nặng lắm nhưng hắn sợ đánh rơi.

Không phải là lúc này.

Không phải sau khi số mệnh đã trao nó vào tay, và tất nhiên lại càng không phải sau khi đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới chiếm được nó.

Dù có hàng chục ngọn nến lung linh cùng chiếu sáng nhưng ánh nến vàng vọt không soi được hết mọi ngóc ngách của căn phòng quá rộng dưới lòng đất. Căn phòng vẫn u ám, lạnh lẽo và ẩm ướt. Hắn chẳng chú ý đến điều đó nữa. Sống ở đây khá lâu nên hắn đã quen, không còn thấy bất tiện nữa. Nơi này đã gần như nhà của hắn rồi.

Nhà.

Một ký ức xa vời.

Một cuộc đời khác.

Đặt chiếc máy trên cái mặt bàn gỗ đã võng xuống, hắn đi tới một góc hầm, lục lọi trong đống hộp và chồng bìa cactông cũ. Hắn lấy cái mình cần, đem đến bàn, mở ra, và từ tốn rút ra một tập giấy. Từ trong tập giấy đó, hắn rút ra vài tờ giấy dày và xếp ngay ngắn bên cạnh cỗ máy. Hắn ngồi xuống, hết nhìn tài liệu rồi lại nhìn thiết bị có hộp số, rồi lại nhìn mớ tài liệu, thích thú ra mặt với khoảnh khắc đó.

Hắn thì thầm với chính mình, “Cuối cùng,” giọng hắn nhỏ nhẹ nhưng vỡ ra vì hắn hiếm khi nói.

Cầm lấy cây bút chì, hắn dồn hết tâm trí vào tài liệu đầu tiên. Nhìn vòng dòng chữ đầu tiên đã nhạt nhoà, hắn tìm theo những nút bấm ở mặt trên của hộp máy và bắt đầu giai đoạn quyết định tiếp theo trong cuộc trường chinh của riêng mình.

Một cuộc trường chinh mà hắn biết kết quả cuối cùng sẽ làm rung chuyển cả thế giới.

Chương 8

Cuối cùng không chống chọi nổi, Tess ngủ thiếp đi trong khoảng chưa đầy năm tiếng đồng hồ. Giờ đây, Tess lại thức dậy và háo hức muốn bắt tay vào cái việc đã làm nàng cảm thấy bực bội kể từ mấy phút ngắn ngủi ở Viện Bảo tàng Metropolitan, trước lúc Clive Edmondson nói chuyện với nàng và trước cả lúc tất cả vỡ oà ra như địa ngục. Và nàng sẽ bắt đầu công việc ngay khi mẹ nàng và Kim ra khỏi nhà.

Mẹ của Tess, bà Eileen, đã dọn đến ở chung với mẹ con nàng trong ngôi nhà hai tầng trên con phố yên tĩnh có hai hàng cây hai bên ở Mamaroneck chẳng bao lâu sau khi chồng bà, nhà khảo cổ học Oliver Chaykin, mất ba năm trước đó. Mặc dù chính Tess đề nghị mẹ về sống với mình, nhưng nàng vẫn không thấy an tâm lắm về sự thu xếp đó. Ngôi nhà có ba phòng ngủ và đủ rộng cho cả ba người, giúp mọi sinh hoạt dễ dàng hơn. Cuối cùng mọi việc cũng ổn thoả cho dù, như đôi lúc Tess nhận ra với vẻ biết lỗi, phần thuận lợi thường nghiêng về phía nàng. Chẳng hạn như bà Eileen phải trông Kim khi Tess muốn ra ngoài vào buổi tối, bà đưa Kim đi chơi mua bánh rán để giúp con bé quên đi sự cố trong đêm trước, và có lẽ bà còn giúp cho Tess vô vàn việc khác nữa.

“Hai bà cháu đi đây.” Bà Eileen gọi to. “Con chắc không cần gì nữa chứ?”

Tess bước ra cửa tiễn hai bà cháu. “Chỉ cần mẹ nhớ dành cho con một cặp thôi ạ.”

Ngay lúc đó điện thoại reo. Tess có vẻ chẳng vội trả lời điện thoại. Bà Eileen nhìn nàng. “Con không nghe điện thoại sao?”

“Cứ để máy tự động trả lời mẹ ạ,” Tess nhún vai.

“Trước sau gì con cũng phải nói chuyện với anh ta thôi.”

Tess nhăn mặt, “Vâng, thật ra nếu dính dáng đến Dough thì để sau sẽ tốt hơn.”

Tess có thể đoán được lý do của những cuộc gọi mà anh chồng cũ để lại trong hộp thư thoại. Dough Merritt là phát thanh viên chương trình tin tức tại một chi nhánh mạng lưới truyền hình ở Los Angeles, và anh ta hoàn toàn dồn hết tâm trí cho công việc. Cái đầu óc thiển cận của anh ta chắc hẳn đã liên kết vụ tấn công ở Viện Bảo tàng Metropolitan với việc Tess thường dành nhiều thì giờ tại đó và chắc hẳn là nàng có những mối giao thiệp ở đó. Những mối giao thiệp mà anh ta có thể sử dụng để đi sâu vào vụ việc đã trở thành tin tức quan trọng nhất trong năm.

Ngay bây giờ, Tess hoàn toàn không muốn cho anh ta biết là không chỉ nàng mà cả Kim cũng có mặt tại viện Bảo tàng trong giờ phút đó. Cái sự kiện mà anh ta sẽ sử dụng không chút ngần ngại để chống lại nàng ngay khi có cơ hội đầu tiên.

Kim của nàng.

Tess lại nghĩ về những gì con gái nàng đã trải qua đêm trước, cho dù từ chỗ trú ẩn tương đối an toàn trong phòng vệ sinh viện bảo tàng, và phải nói đến chuyện đó như thế nào. Việc trì hoãn trả lời có thể là một cách cho nàng có thời gian để chuẩn bị đối phó. Đó không phải là điều nàng mong đợi. Nàng giận mình đã tự dẫn xác tới đó, mặc dù tự trách bản thân như thế là điều rất vô lý.

Tess nhìn Kim, thầm cảm ơn là nó vẫn đứng trước mặt nàng, còn nguyên vẹn. Kim nhăn mặt phản ứng sự quan tâm của nàng.

“Mẹ. Mẹ bỏ nó đi được rồi đấy.”

“Bỏ cái gì?”

“Cái vẻ lâm ly bi đát của mẹ ấy,” Kim phản đối. “Con vẫn ổn mà, phải không nào? Có gì ầm ĩ đâu. Ý con muốn nói là mẹ mới là người sợ hãi.”

Tess gật đầu. “Thôi được. Con đi đi.”

Nàng nhìn theo xe hai bà cháu đi khỏi, rồi vào bếp, chiếc điện thoại trả lời tự động đang nhấp nháy, cho biết có bốn tin nhắn. Tess cau mặt nhìn chiếc máy. Thật điên cái đầu. Dough đã tái hôn sáu tháng trước. Cô vợ mới của anh ta khoảng ngoài hai mươi, uỷ viên hội đồng quản trị tại đài truyền hình, xinh đẹp lên nhờ giải phẫu thẩm mỹ. Tess biết, sự thay đổi tình trạng hôn nhân này sẽ giúp anh ta được tòa xem xét lại quyền được đến thăm con. Không phải anh ta thương nhớ hoặc lo lắng gì cho con bé Kim, chẳng qua chỉ là vấn đề cái tôi cá nhân và ác ý của anh ta. Con người đó chỉ là một cái gai đầy thù hận, và Tess biết nàng phải tiếp tục chống chọi lại những cơn bột phát tình phụ tử đột xuất của anh ta cho đến khi món đồ chơi hấp dẫn trẻ măng của anh ta có bầu. Lúc đó, với một chút may mắn, anh ta sẽ mất đi tính nhỏ nhen và để yên cho mẹ con nàng.

Tess rót cho mình một cốc cà phê đen và bắt tay vào việc.

Mở chiếc máy tính xách tay, nàng cầm điện thoại và cuối cùng tìm được Clive Edmondson trong Bệnh viện Giáo hội Trưởng Lão New York trên đường số 68 Đông, Tess gọi tới bệnh viện và được cho biết Clive không còn trong trình trạng nghiêm trọng nhưng sẽ phải nằm lại bệnh viện vài hôm nữa.

Clive tội nghiệp. Tess ghi giờ thăm viếng của bệnh viện.

Mở bảng danh mục liệt kê những vật trưng bày có số phận không may mắn, Tess xem từng trang cho đến khi tìm thấy phần mô tả cái thiết bị đã bị tên kỵ sĩ thứ tư lấy đi.

Nó được gọi là máy mã hoá trục quay đa hộp số.

Phần mô tả cho biết đó là một thiết bị tạo mật mã đã có từ thế kỷ mười sáu. Cổ xưa và thú vị, có lẽ là vậy, nhưng không phải là thứ có giá trị để được người ta xếp là một “báu vật” của Vatican theo lệ thường.

Giờ máy tính đã khởi động xong, Tess mở một cơ sở dữ liệu nghiên cứu và nạp từ khoá “cryptography - mật mã” và “cryptology - mật mã học”. Các đường dẫn đưa đến những trang web phần lớn có tính kỹ thuật và nói về mật mã học hiện đại như liên quan đến các mã máy tính và sự truyền tải điện tử được mã hoá. Lướt qua hết các mục từ tìm thấy, cuối cùng Tess bắt gặp một trang web nói về lịch sử mật mã.

Lướt qua hết trang web này, Tess gặp một trang trình bày một số công cụ mã hoá thời xưa. Công cụ được nói đến đầu tiên là thiết bị tạo mật mã Wheatstone có từ thế kỷ mười chín. Thiết bị gồm hai vòng đồng tâm, vòng ngoài có hai mươi sáu chữ cái và một khoảng trống, vòng trong chỉ có các chữ cái. Hai cái kim như kim đồng hồ được dùng để thay thế các chữ cái từ vòng ngoài bằng các chữ cái được mã hoá của vòng trong. Người nhận được đoạn thông tin mã hoá cũng phải có một thiết bị tương tự, và phải biết cách bố trí của hai chiếc kim. Vài năm sau khi loại máy Wheatstone được dùng rộng rãi, người Pháp sáng chế một bảng mã hình trụ gồm hai mươi đĩa có ghi chữ cái trên vành ngoài các đĩa, tất cả sắp xếp trên một cái trục ở giữa, làm việc giải mã đoạn thông tin đã mã hoá càng khó khăn phức tạp hơn.

Cuộn màn hình xuống phía dưới, ánh mắt Tess chạm phải hình một thiết bị từa tựa như cái máy nàng nhìn thấy trong viện bảo tàng.

Nàng đọc phần ghi chú bên dưới, và chợt thấy lạnh người.

Thiết bị được mô tả như một “Bộ chuyển đổi”, một máy mã hoá trục quay đời đầu và được quân đội Mỹ sử dụng vào những năm 1940.

Trong khoảnh khắc, Tess cảm thấy như tim mình ngừng đập. Nàng nhìn trừng trừng vào những chữ trong dòng ghi chú.

Những năm 1940 là “đời đầu”?

Ngạc nhiên, Tess đọc hết bài viết. Các máy mã hoá trục quay hoàn toàn là một phát minh của thế kỷ hai mươi. Ngả người ra sau ghế, Tess bóp trán, cuộn màn hình ngược lên phần minh hoạ đầu tiên và đọc lại phần mô tả thiết bị.

Dù thế nào chăng nữa, rõ ràng hai cái máy không giống y chang, nhưng rõ khỉ là chúng khá gần với nhau. Và cái sau này tiến bộ rất xa so với cái máy mật mã bánh xe đơn kia.

Nếu chính phủ Mỹ nghĩ rằng thiết bị của họ là phát minh đời đầu, như vậy thì chẳng có gì ngạc nhiên khi Vatican háo hức khoe ra một trong những thiết bị của chính họ, một thiết bị rõ ràng có trước cái của quân đội Mỹ khoảng bốn trăm năm.

Còn nữa, chính chuyện này mới làm Tess điên đầu.

Đáng lẽ phải vơ vét những thứ châu báu ngọc ngà lộng lẫy khác, tên kỵ sĩ thứ tư chỉ chăm chăm vào cái thiết bị kỳ dị này. Tại sao vậy? Chắc chắn là những người chuyên sưu tập những đồ vật cổ quái nhất, nhưng việc này xem ra vô cùng kỳ lạ. Tess băn khoăn không biết tên đó có lầm lẫn gì không. Không. Tess gạt bỏ ý nghĩ đó - dường như hắn hoàn toàn có chủ ý trong sự lựa chọn của mình.

Ngoài cái máy ấy ra, hắn không lấy một thứ nào khác. Đó là tất cả những gì hắn muốn.

Tess nhớ đến Amelia Gaines, người phụ nữ trông giống người mẫu của hãng kinh doanh dầu gội đầu hơn là một đặc vụ FBI. Tess chắc chắn rằng những người điều tra cần sự kiện hơn là phỏng đoán, nhưng dù vậy, sau một lúc suy nghĩ, Tess đi vào phòng ngủ lấy cái túi nàng mang theo đêm qua, lục tìm tấm danh thiếp của Gaines.

Đặt tấm danh thiếp trên bàn, Tess hình dung lại giây phút tên kỵ sĩ thứ tư cầm chiếc máy mã hoá lên. Cái cách hắn cầm lên, giữ trong tay và thì thầm gì đó với cái máy.

Hắn có vẻ gần như là… kính cẩn.

Hắn nói gì nhỉ? Khi ở viện bảo tàng, Tess gần như quẩn trí nên không nhận ra điều đó, nhưng đột nhiên, nàng chỉ nghĩ đến chi tiết đó. Nàng tập trung nhớ lại giây phút đó, gạt bỏ mọi chuyện khác ra khỏi đầu, hồi tưởng lại quang cảnh lúc tên kỵ sĩ nhấc cái máy mã hoá lên. Và nói… nói gì? Nhớ lại xem, chết tiệt.

Như đã kể với Amelia Gaines, Tess chắc chắn tiếng đầu tiên là Veritas… rồi gì nữa? Veritas? Veritas gì đó…

Veritas vos? Có phần đúng đấy, nghe có vẻ quen quen. Tess cố sục sạo ký ức mong tìm ra những từ kia, nhưng vô ích. Những lời nói của tên kỵ sĩ bị tiếng súng nổ phía sau y át mất.

Tess quyết định cứ tiếp tục với những gì đã có. Nàng quay lại chiếc máy tính và chọn một bộ máy tìm kiếm mạnh nhất trên thanh công cụ. Tess gõ vào hai chữ "Veritas vos" và được hơn 22.000 kết quả. Không cần phải nhiều đến thế. Ngay kết quả đầu tiên đã đủ.

Nó đây rồi. Nó bật lên ngay trong nàng.

Veritas vos liberabit.

Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi.

Nàng nhìn sững vào dòng chữ. Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi.

Tuyệt.

Công việc thám tử siêu hạng mà nàng sắm vai đã khám phá ra… một trong những câu nói sáo mòn và bị lạm dụng nhiều nhất trong thời đại chúng ta.

Chương 9

Gus Valdron xuất hiện ở nhà ga trên đường số 23 Tây và đi về phía Nam.

Y không thích khu phố này. Y không phải là người hâm mộ nhiệt thành kiểu cách trưởng giả học làm sang. Hoàn toàn không. Ở lãnh địa của y, thực tế là thân xác to như hộ pháp của y khiến không ai dám đụng đến. Ở đây, cỡ người to lớn của y chỉ tổ làm y nổi bật giữa đám người đỏm dáng nhan nhản giữa khắp các hè phố trong những bộ cánh thời trang được thiết kế riêng và những mái tóc hai trăm đôla mỗi lần cắt.

Y khom vai lại, cố làm mình thấp xuống vài phân. Dù vậy, chả ăn thua gì, y vẫn to đùng, cả cái áo khoác đen dài thùm thụp chả ra hình thù gì mà y đang khoác trên người cũng vậy, chẳng được việc gì sất. Nhưng y không thể làm gì hơn; y cần cái áo khoác đó để che giấu cái vật đang mang trong người.

Y rẽ lên đường số 22, hướng về phía Tây. Nơi y phải đến cách nhà hàng Empire Diner một toà nhà, nằm ngay chính giữa một dãy phòng nhỏ trưng bày tác phẩm nghệ thuật.

Khi đi ngang qua, y chú ý thấy hầu hết các phòng trưng bày đều chỉ có một hoặc có lẽ hai bức tranh trong các tủ kính. Một số bức thậm chí còn chả có cả khung, và chẳng bức nào có nhãn giá.

Làm thế đếch nào các người biết được nó có giá trị gì không nếu chính các người còn đếch biết nó đáng giá như thế nào?

Điểm đến của y hiện giờ chỉ còn cách hai căn nhà nữa. Nhìn hình thức bên ngoài, chỗ ở của Lucien Boussard trông giống như một phòng trưng bày đồ cổ sang trọng. Thật ra, đúng là như vậy và còn hơn như vậy nữa. Những món đồ giả và đồ không rõ nguồn gốc làm cho một số ít món đồ thật không tì vết gì cũng chịu tiếng lây. Tuy nhiên chưa một người láng giềng nào của Lucien Boussard có chút mảy may nghi ngờ này nọ, vì Lucien có phong cách, giọng nói và ứng xử phù hợp với mọi việc một cách hoàn hảo, không chút sơ hở.

Hết sức cảnh giác, mắt lấm lét trông chừng mọi thứ hay mọi người có vẻ khả nghi, Gus đi ngang qua phòng trưng bày, đếm đúng hai mươi lăm bước chân, y dừng bước và quay lại. Y làm ra vẻ như sắp băng qua đường, vẫn không thấy có gì khả nghi, y quay ngược trở lại và đi thẳng vào phòng trưng bày; động tác của y quả thật nhanh và nhẹ nhàng đối với một người hộ pháp như y. Mà sao lại không nhanh không nhẹ được cơ chứ? Trong ba mươi trận đấu, chưa một lần nào y bị đánh ngã. Trừ phi y được người ta bảo làm thế.

Trong phòng trưng bày, y đút một tay vào túi, nắm chặt báng khẩu Beretta 92FS. Đây chẳng phải là khẩu súng ưng ý của y, nhưng y đã gặp trục trặc vài lần với khẩu ACP 45 li, vả lại sau cái đêm dữ dội đó, mang theo người khẩu Cobray là chẳng khôn ngoan chút nào. Y nhìn quanh thật nhanh. Không có du khách, cũng chẳng có khách hàng nào. Chỉ có chủ phòng trưng bày.

Gus không ưa rất nhiều người nhưng nếu buộc phải ưa ai thì y cũng không ưa Lucien Boussard. Hắn là một tên nịnh hót thối tha. Cái bản mặt lưỡi cày, hai vai còm nhom co rút quả là xứng đôi với nhau, lại còn cái mái tóc dài buộc túm lại thành đuôi ngựa nữa chứ.

Đúng là một thằng Pháp pêđê chết tiệt.

Khi Gus bước vào, Lucien nhìn lên từ phía sau chiếc bàn có chân cao là chỗ gã ngồi làm việc, và vờ nở một nụ cười hoan hỉ, gượng gạo che giấu cái sự thật là gã bắt đầu toát mồ hôi và rúm người lại. Có lẽ đó là cái mà Gus thích ở Lucien. Lucien luôn cảm thấy khó chịu, dường như gã cho rằng lúc nào Gus cũng muốn "chơi" gã. Thằng chó chết nghĩ vậy mà đúng đấy.

"Gus!" Tiếng đó thốt lên nghe như "Gueusse", mỗi lần nghe cái tiếng đó y càng cảm thấy ghét Lucien.

Quay lưng lại với Lucien, Gus khóa trái cánh cửa, rồi bước tới bàn "Có ai ở ngoài trở về không?" gã làu bàu.

Lucien lắc đầu thật nhanh, “Ồ không, không đâu, nhìn xem[18]. Ở đây ngoài tớ ra chẳng có ai nữa.” Hắn cứ giữ cái thói quen bực mình dùng những câu tiếng Pháp thổ tả đó. Có lẽ tất cả bọn đồng tính chúng nó đều một giuộc như vậy cả.

“Tớ không nghĩ là cậu sẽ đến, cậu chẳng nói…”

“Câm mồm lại.” Gus nạt. “Tao có một thứ cho mày đây.” Y cười nhăn nhở. “Một thứ đặc biệt.”

Gus lôi từ trong áo khoác ra một bịch giấy đặt lên bàn. Y lại liếc nhìn về phía cánh cửa để chắc mẩm là khách qua đường không thể trông thấy, rồi bày món đồ trong bịch giấy ra. Món đồ gói trong một tờ báo. Y bắt đầu mở tờ báo, vừa làm vừa ngước lên nhìn Lucien.

Lucien há hốc, mắt gã mở to thất thần khi cuối cùng Gus lôi cái vật được bọc gói kỹ lưỡng kia ra. Đó là một cây thánh giá bằng vàng nạm ngọc, dài có lẽ khoảng hơn sáu tấc với những chi tiết tuyệt mỹ.

Gus đặt cây thánh giá lên trên tờ báo đang trải ra trên bàn. Y nghe tiếng hơi thở của Lucien như rít lên khi gã ta hít vào.

“Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa”[19]. Tên Pháp nhướn mắt lên, bắt gặp ánh mắt của Gus và bỗng nhiên mồ hôi túa thành giọt trên cái trán hẹp của gã. “Lạy Jesus, Gus.”

Phải, gã đã nhận ra.

Gã nhìn lại vật đó; Gus cũng nhìn xuống theo gã và y thấy tờ báo mở ra với cái hình viện bảo tàng.

“Cái này là của…”

“Phải,” Gus cười ra vẻ ta đây. “Đáng đống tiền bát gạo, phải không nào? Có một không hai đấy.”

Miệng Lucien chu lại, “Không được, chuyện này là chuyện hoàn toàn ngu ngốc rồi [20]. Thôi nào, Gus, tớ không dám đụng đến cái thứ này đâu.”

Gus đâu có muốn Lucien đụng vào cái thứ đó. Y chỉ cần gã bán nó. Và y cũng không thể đợi có một cuộc chiến đấu giá này nọ. Trong sáu tháng qua, Gus cứ gặp những vố xui rủi tổ bố trong chuyện làm ăn với băng nhóm của y. Trước kia y từng túng thiếu, nhưng chưa bao giờ như thế này; và trước đây y chưa bao giờ tỏ ra bị túng thiếu, thất hứa với những người đang cầm giấy nợ của y. Gần như suốt cuộc đời y, từ lúc y trở nên cao to hơn ông già y và từ ngày y nện cho một tên côn đồ say rượu đến độ phải vãi ra quần, ai cũng phải e sợ Gus. Nhưng giờ đây, lần đầu tiên kể từ khi mười bốn tuổi đến nay, y mới biết sợ là thế nào. Những tên nắm giấy nợ bạc của y thuộc về một băng nhóm khác, không nằm dưới quyền bất cứ một ai mà y từng quen biết. Bọn chúng sẵn sàng giết y, dễ dàng như giẫm chết một con gián vậy.

Điều mỉa mai là băng nhóm kia đã mở cho y một con đường thoát. Đó là cách y đã gặp những tên kết nạp y vào cái vụ hôm nọ ở viện bảo tàng. Bây giờ y có mặt ở đây, mặc dù đã nhận được chỉ thị rõ ràng là trong vòng sáu tháng không được bán bất cứ thứ gì y chôm được.

Mặc mẹ nó. Y cần tiền, và cần ngay bây giờ.

“Này, mày đừng có lo cái này lấy ở đâu ra,” Gus ra lệnh cho Lucien. “Mày chỉ cần tìm người mua nó, và mua được bao nhiêu.”

Lucien trông có vẻ như sắp lên cơn nhồi máu. “Không được đâu[21]... Nghe tớ nói này, Guseusse, chuyện này thì không được rồi. Hoàn toàn không được đâu. Giờ tình hình còn đang nóng lắm chưa sờ đến được đâu, họa có điên mới…”

Gus chụp vào cổ họng Lucien và kéo tuột tên Pháp qua quá nửa cái bàn, cái bàn cũng bị kéo chao đảo theo. Y chồm sát vào mặt Lucien, chỉ cách vài phân. “Dù nó có nóng như lò nguyên tử tao cũng đếch cần biết,” y rít lên. “Thiên hạ sưu tầm ba cái đồ cứt chó này, và mày biết phải tìm bọn đó ở đâu.”

“Còn sớm quá,” giọng Lucien khọt khẹt vì cổ họng gã vẫn đang bị bóp chặt.

Gus buông tay ra và gã người Pháp ngồi phịch xuống ghế. “Mày đừng có nói với tao như thể tao là thằng đần,” y quát. “Ba cái đồ cứt này thì bao giờ cũng quá sớm, chẳng khi nào là đúng lúc cả. Có thể bán ngay bây giờ cũng được. Vả lại mày cũng biết có những người muốn mua nó vì biết nó là cái gì và ở đâu ra. Những tên chó chết trả một món tiền mua nó hẳn cũng có thể vứt nó vào tủ sắt rồi khoá lại. Mày chỉ việc tìm cho tao một tên trong bọn chúng mà phải tìm nhanh lên. Và đừng có mà nghĩ chuyện ăn chặn hay dìm giá với tao. Mày sẽ có mười phần trăm, và mười phần trăm của cái vật vô giá này đâu phải là thứ chỉ đáng cho mày tè vào, đúng không nào?”

Lucien nuốt nước bọt, xoa xoa cần cổ, rồi rút ra một chiếc khăn tay bằng lụa màu nâu sẫm lau mặt. Đôi mắt gã nhìn quanh phòng, lộ vẻ lo lắng. Lúc này, gã đang hoạch định trong đầu một chiến thuật khác. Gã nhìn Gus rồi buột miệng, “Hai mươi.”

Gus nhìn gã, sửng sốt. “Lucien,” – y luôn luôn phát âm tên gã là “loo-shin” chỉ nhằm chọc tức tên Pháp – “Mày không vô cớ mà cò kè bớt một thêm hai với tao đấy chứ?”

“Tớ nói nghiêm túc đấy. Những món như thế này thì phải hai mươi phần trăm. Tối thiểu. Tớ sẽ phải gánh cả đống rủi ro trong cái vụ này.”

Gus lại chồm tới, nhưng lần này Lucien nhanh hơn, trượt cái ghế lui lại phía sau nên Gus không chộp được vào cổ gã. Gus bình thản vứt khẩu Beretta tiến đến gần hơn, gí súng vào đũng quần của Lucien. “Tao không biết mày đang khọt khẹt cái quái gì, nhưng lúc này tao không sẵn sàng thương lượng với mày đâu, quý cô ạ. Tao sẽ trả cho mày ngon lành và những gì mày phải làm là cố mà lợi dụng cơ hội này. Mày làm tao thất vọng rồi đó.”

“Không, hượm đã, Gus…”

Gus giơ tay lên và nhún vai. “Tao không biết tối hôm qua mày có xem cái đoạn hay nhất trên TV không. Ở bên ngoài. Với cái thằng bảo vệ. Chuyện đáng xem đấy. Hắn mày biết là tao vẫn còn giữ thanh kiếm đó, và cho mày biết, toàn bộ cái đám Conan[22] chó chết kia đang lùng sục tao đấy, mày hiểu tao nói gì chứ?”

Mãi một lúc sau, trong khi cứ để mặc Lucien sợ toát mồ hôi, Gus cũng suy nghĩ rất căng. Y biết nếu y có được nhiều thời gian hơn thì việc thằng Lucien này sợ y sẽ có lợi cho y hơn. Nhưng y đâu có còn nhiều thời gian nữa. Cây thánh giá đáng giá cả một gia tài nho nhỏ, có lẽ phải là sáu con số, nhưng giờ đây được bao nhiêu cũng quý. Số tiền mặt ứng trước cho việc y đồng ý tham gia vào vụ tấn công viện bảo tàng đã trì hoãn cho y một ít thời gian; giờ y muốn thoát khỏi cái bọn hút máu đang bám theo y dai như đỉa.

“Nói cho mày biết,” y nói với Lucien, “coi như do công của tao, tao sẽ cho mày mười lăm phần trăm.”

Y thấy một tia sáng loé lên trong đôi mắt giảo quyệt của Lucien. Hắn cắn câu rồi.

Lucien mở ngăn kéo lấy ra một máy ảnh kỹ thuật số. Gã nhìn Gus.

“Tớ cần…”

Gus gật đầu. “Làm đi.”

Lucien chụp vài tấm hình của cây thánh giá, vừa duyệt lại trong trí nhớ danh sách các khách hàng của gã.

“Tớ sẽ gọi vài cuộc điện thoại,” Lucien nói. “Cho tớ vài ngày.”

Không được rồi. Gus cần tiền và sự tự do mà món tiền này mang lại. Y cũng cần đi khỏi thành phố một thời gian chờ vụ việc ở viện bảo tàng lắng xuống. Y cần tất cả những thứ này ngay bây giờ.

“Được… mà… Phải nhanh lên. Tối đa là hai ngày đấy.”

Một lần nữa y có thể nhận ra cái gì đó ẩn khuất đằng sau đôi mắt của Lucien. Có lẽ hắn đang mưu toan kiếm chác thêm với khách mua, một món lệ phí béo bở với lời hứa hẹn sẽ mua rẻ của thằng người bán, dù đã thoả thuận với người bán rồi. Đúng là đồ cứt chó. Gus quyết định sau vài tháng nữa, khi đã hạ cánh an toàn, y sẽ đến thăm thằng khốn Lucien này lần nữa.

“Sáu giờ ngày mai cậu tới đây,” Lucien bảo Gus. “Không hứa hẹn gì với cậu, nhưng tớ sẽ ráng hết sức.”

“Tao biết mày sẽ ráng.” Gus cầm cây thánh giá lên, lượm một mảnh vải sạch trên bàn của Lucien, y bọc cái Thánh tích quý giá ấy lại trước khi cẩn thận nhét nó vào một trong những cái túi bên trong áo khoác. Y bỏ khẩu súng vào túi bên kia. “Ngày mai,” y nói với Lucien, nở một nụ cười nhăn nhở chẳng có vẻ gì là đùa cợt, trước khi bước ra đường.

Lucien vẫn còn cảm thấy sốc khi nhìn theo cái con người hộ pháp kia đi tới góc phố và biến khỏi tầm mắt.

.....

[16] Hồng y Giám mục (Cardinal – Bishop) là một Hồng y đồng thời giữ chức vụ Giám mục, danh nghĩa của một trong bảy giáo phận xung quanh Vatican

[17] Hồng y Phó tế (Cardinal – Deacon), cấp bậc Hồng y thấp nhất trong ba cấp dưới bậc Giáo hoàng. – Cấp thứ hai là Hồng y Linh mục (Cardinal Priest)

[18] Nguyên văn tiếng Pháp: Mais non, mais non, voyons.

[19] Nguyên văn tiếng Pháp: Mon dieu, mon dieu.

[20] Nguyên văn tiếng Pháp: Non mais, it est complétement tané, ce mec

[21] Nguyên văn tiếng Pháp: Non mais

[22] Ý tác giả ám chỉ nhà văn người Anh Author Conan Doyle (1859 – 1930), cha đẻ của một số tiểu thuyết trinh thám và nhân vật thám tử lừng danh Sherlock Holmes.

Chương 10

Cậu biết đấy, ngay bây giờ tôi có thể làm mà không cần đến thứ này nữa," Jansson càu nhàu khi Reilly thả mình xuống chiếc ghế bên kia bàn trước mặt ông sếp. Ngồi tại bàn trong văn phòng Trợ tá Giám đốc Thường trực tại Federal Plaza[23] là Aparo và Amelia Gaines, cùng với Roger Blackburn, chỉ huy lực lượng đặc nhiệm đặc trách về các tội phạm bạo lực và tội phạm nghiêm trọng, và hai trong số các đặc vụ trợ tá thường trực[24] của Blackburn.

Quần thể bốn tòa nhà chính phủ tại khu Manhattan Hạ chỉ cách Ground Zero[25] vài tòa nhà. Trong đó có hai mươi lăm ngàn nhân viên chính phủ, và là trụ sở của ban tác chiến Phân Cục New York của FBI. Ngồi ở đó, Reilly thoát được tiếng ồn ào không dứt trong khu vực làm việc chính. Thực ra sự yên tĩnh tương đối trong văn phòng riêng của sếp là điều duy nhất có đôi chút hấp dẫn trong công việc của Jansson.

Trên cương vị Trợ tá Giám đốc Thường trực của ban tác chiến Phân Cục New York, trong những năm qua Jansson đã phải gio vai gánh vác trách nhiệm nặng nề. Tất cả năm lĩnh vực trọng tâm của Cục – ma tuý và tội phạm có tổ chức, tội phạm bạo lực và những tên tội phạm quan trọng, tội phạm về tài chánh, phản gián nước ngoài, và chủ nghĩa khủng bố nội địa – con chiên ghẻ gần đây nhất của cái đám tởm lợn đó – đều đã hoạt động rất hiệu quả. Jansson có vẻ là người được đào tạo cho sứ mạng này, ông có khổ người to lớn của một cựu tiền đạo bóng bầu dục Mỹ, cũng là vị trí ngày trước ông đã đảm nhiệm trong đội bóng, tuy nhiên dưới mái tóc hoa râm, khuôn mặt khắc khổ của ông có một vẻ lạnh nhạt, cách biệt. Nhưng điều đó không làm những nhân viên dưới quyền Jansson cảm thấy khó chịu lâu, bởi họ sẽ nhanh chóng hiểu ra rằng, ngoài cái chết và thuế là những thứ chắc chắn ai cũng biết, có một điều chắc chắc khác: nếu được Jansson ủng hộ, bạn có thể yên chí san bằng bất kỳ trở ngại nào xuất hiện trên đường đi của bạn. Tuy nhiên, nếu phạm sai lầm khiến ông ta nổi giận, bạn chỉ còn cách trốn biệt xứ.

Vì Jansson sắp về hưu, nên Reilly có thể hiểu được tại sao ông sếp của anh đặc biệt không thích những ngày tháng tại nhiệm cuối cùng của ông gặp rắc rối với những chuyện có thể làm cho 'quan trên trông xuống người ta trông vào' như vụ METRAID – cái tên mới đầy thú vị của vụ cướp viện bảo tàng. Giới truyền thông chộp ngay lấy vụ này cũng đúng thôi. Đây không chỉ là một vụ cướp có vũ khí bình thường. Đó là một cuộc tập kích lớn. Khẩu súng liên thanh của chúng đã lia vào những nhân vật hàng đầu của New York. Vợ ngài Thị trưởng bị bắt làm con tin. Một người bị chúng hành quyết ngay trước mắt bàn dân thiên hạ; không phải bị bắn, mà là chặt đầu, và không phải trong khuôn viên kín cổng cao tường trong một chế độ độc tài nào đó ở Trung Đông, mà là tại đây, tại Manhattan, trên Đại lộ Thứ Năm.

Trên truyền hình trực tiếp.

Reilly đảo mắt nhìn từ Jansson đến lá cờ và phù hiệu của Cục treo trên tường phía sau, rồi nhìn lại ông trong khi vị Trợ tá Giám đốc Thường trực chống hai khuỷu tay lên mặt bàn và thở một hơi rõ dài.

"Lúc chúng ta tóm cổ được bọn chúng, chắc chắn là tôi sẽ nói cho bọn khốn này biết bọn chúng đã láo lếu như thế nào." Reilly nói vẻ thăm dò.

"Cậu cứ việc," Jansson vừa nói vừa chồm người tới phía trước, ánh mắt nghiêm khắc quét qua khuôn mặt của đám nhân viên đang tập hợp trước mắt. "Tôi không cần nói cho các cậu biết tôi đã nhận được điện thoại nhiều đến mức nào hay là từ các vị tai to mặt lớn đến cỡ nào về chuyện này. Hãy cho tôi biết công việc của chúng ta đang ở đâu và tiến triển theo hướng nào đây?"

Reilly nhìn những người khác và lên tiếng đầu tiên.

"Các khám nghiệm pháp y sơ bộ không chỉ ra cho chúng ta một hướng nào cụ thể. Những tên đó không để lại dấu vết gì nhiều ngoài vỏ đạn và mấy con ngựa. Các nhân viên trong Đội Phản ứng Khẩn cấp đang bực bội vì có quá ít kết quả để tiếp tục."

"Đây là lần duy nhất," Aparo phụ hoạ.

“Tuy vậy, những vỏ đạn cho chúng ta biết chúng sử dụng súng Cobray M11/9 và Micro Uzis. Này Rog, các cậu đang điều tra việc này phải không?”

Blackburn hắng giọng. Anh là một người bản chất mạnh mẽ, người mới đây đã xử lý một mạng lưới phân phối ma tuý lớn nhất ở khu Harlem, kết quả là bắt giữ hơn hai trăm người. “Hiển nhiên là những loại súng này phổ biến vô cùng. Bọn tôi đang tiến hành các bước điều tra, nhưng tôi sẽ không nín thở chờ đợi. Không thể làm vậy với những chuyện như thế này. Không thể tưởng tượng được là mấy thằng quái này chỉ mua những thứ đó trên mạng Internet mà thôi.”

Jansson gật đầu: “Vậy còn lũ ngựa?”

Reilly trả lời ngay, “Cho đến nay vẫn chưa có thông tin gì. Loại ngựa thiến lông màu xám và màu hạt dẻ rất phổ biến. Chúng tôi đang kiểm tra chéo hồ sơ những con ngựa bị đánh cắp và lần theo xuất xứ của những chiếc yên ngựa, nhưng cũng lại…”

“Không có nhãn hiệu hay con chíp gì sao?”

Với trên năm mươi ngàn con ngựa bị đánh cắp trên toàn quốc mỗi năm, việc sử dụng các dấu hiệu nhận dạng ngựa càng lúc càng trở nên thịnh hành hơn. Phương pháp thông dụng nhất là cách đánh dấu bằng sắt lạnh, sử dụng một con dấu bằng sắt siêu lạnh áp vào da con vật, làm thay đổi các tế bào sản xuất sắc tố, khiến chỗ được đánh dấu trên mình ngựa sẽ mọc lông trắng thay vì lông có màu. Một phương pháp khác kém thông dụng hơn, sử dụng mũi kim tiêm để cấy vào dưới da con vật một con chíp cực nhỏ có chứa mã số nhận dạng đã được lập trình.

“Chẳng có chíp nào cả,” Reilly đáp, “nhưng chúng tôi đang cho người rà quét lại. Các con chíp cực nhỏ cho nên rất khó phát hiện trừ phi biết đích xác chúng cấy vào đâu. Thêm một điều nữa là các con chíp thường được giấu vào những chỗ khó thấy nhất để đảm bảo chúng vẫn còn nguyên tại chỗ khi con ngựa bị mất cắp được tìm thấy. Mặt khác, lũ ngựa đúng là đã được đánh dấu bằng phương pháp lạnh, nhưng do đóng dấu chồng lên nhau nhiều lần nên bây giờ không thể nhận dạng lại được. Các nhân viên trong phòng thí nghiệm cho rằng may ra làm được điều gì đó bằng cách tách các dấu khác nhau ra để truy tìm dấu nguyên thủy.”

“Còn trang phục và áo giáp Trung cổ bọn chúng mặc trên người thì sao?” Jansson quay sang Amelia Gaines, người phụ trách mảng này.

“Việc này cũng cần thêm nhiều thời gian,” cô trả lời. “Những nguồn cung cấp điển hình cho loại trang phục đó là các nhóm chuyên nghiệp nhỏ lẻ ở rải rác khắp nơi trong nước, nhất là trong khi các thanh kiếm là đồ thật chứ không phải là đồ rởm dùng trên sân khấu. Tôi cho là chúng ta sẽ có được manh mối từ chỗ này đây.”

“Vậy là những tên khốn đó đã tan biến vào hư vô, phải không?” Jansson rõ ràng đã mất kiên nhẫn.

“Chắc chắn là có xe chờ sẵn đón chúng. Trong công viên có hai lối ra không xa chỗ chúng bỏ ngựa lại. Chúng tôi đang tìm các nhân chứng, nhưng đến giờ vẫn chưa có gì.” Aparo xác nhận. “Bốn tên, tách riêng ra, đi bộ đến công viên vào giờ đó buổi tối. Chúng đi dễ dàng mà không bị ai chú ý.”

Jansson lại ngồi xuống, im lặng gật đầu, đầu óc ông đang đối chiếu những mảnh thông tin lộn xộn, và sắp xếp lại các ý tưởng cho mạch lạc. “Mọi người nghĩ ai đã làm cái vụ này nào? Ai cũng có một đối tượng tâm đắc của mình rồi chứ?”

Reilly nhìn khắp lượt những người ngồi quanh bàn trước khi lên tiếng. “Vấn đề này thì phức tạp hơn đây. Cái đầu tiên nảy ra trong đầu là một danh mục hàng hóa được đặt mua.”

Những vụ trộm tác phẩm nghệ thuật, nhất là những món đồ nổi tiếng, thông thường chúng được trộm theo đơn đặt hàng hay đã được ngã giá trước với các nhà sưu tập muốn sở hữu những món đồ đó ngay cả khi có thể họ không bao giờ để cho ai khác nhìn thấy chúng. Nhưng ngay từ lúc đặt chân đến viện bảo tàng, Reilly đã gạt ngay điều này ra khỏi suy nghĩ của mình. Những danh mục hàng hóa được đặt mua hầu như đưa ra cho các tên trộm thông minh. Mà việc cưỡi ngựa chạy dọc theo Đại lộ Thứ Năm không phải là hành động của kẻ thông minh. Cái tình trạng hỗn loạn kia cũng vậy, và tệ hơn cả là hành động chặt đầu người bảo vệ.

“Tôi nghĩ tất cả chúng ta sẽ cùng đồng ý với nhau về điểm này,” Reilly nói tiếp. “Những biện pháp sơ bộ của chuyên gia nghiên cứu tâm lý và hành vi tội phạm cũng đồng ý như vậy. Đằng sau hành động vơ vét những Thánh

tích vô giá này còn có nhiều điểm khác nữa. Nếu chỉ muốn lấy những món đồ đó, người ta hẳn chỉ chọn một buổi sáng thứ Tư trời mưa và yên tĩnh, đột nhập vào bảo tàng trước khi có đông người đến, rút súng ra và tóm lấy những món gì mình thích. Ít người trông thấy hơn, ít rủi ro hơn. Đằng này những tên đó đã chọn cái lúc đông đảo tấp nập nhất, có khả năng được bảo vệ nghiêm ngặt nhất để trình diễn màn cướp phá của chúng. Cứ như thể chúng muốn cười vào mũi chúng ta. Chắc chắn là chúng đã thành công, nhưng tôi nghĩ chúng cũng đã công khai đưa ra một tuyên bố."

"Tuyên bố gì?" Jansson hỏi.

Reilly nhún vai, "Thì chúng ta đang cố tìm ra nó đây."

Vị Phụ tá Giám đốc Thường trực quay sang Blackburn. "Các cậu có đồng ý như thế không?"

Blackburn gật đầu. "Nên nhìn nhận vấn đề như thế này. Bất kể những tên đó là ai, chúng đang là những người hùng trên đường phố. Cái đám ngu xuẩn nghiện ngập đó đã lấy được tất cả những gì chúng mơ mộng, hẳn bọn chúng đã cắm đầu chơi ba cái trò điện tử trên máy Playstation rồi sau đó lại ra tay hành động y như vậy trong cuộc sống thực tế. Tôi hy vọng là bọn chúng không khởi đầu một xu hướng nào đó ở đây. Nhưng, phải, tôi nghĩ còn có nhiều điều khác với bọn này hơn là cái hiệu ứng nhạt nhẽo mà chúng tạo ra."

Jansson liếc nhìn về phía Reilly. "Xét cho cùng, xem ra đây là chuyện con nít đối với cậu thôi."

Reilly nhìn ông sếp, im lặng gật đầu. Chính xác, con nít không phải là từ đầu tiên bật lên trong tâm trí anh. Nó như một con khỉ đột ngót nghét cả tấn chứ chẳng con nít gì, Reilly trầm ngâm nghĩ ngợi, nó quả thực là việc của mình.

Cuộc họp bị gián đoạn vì sự xuất hiện của một người mảnh dẻ, vẻ mặt nghiêm nghị, bộ comlê vải tuýt màu nâu mặc bên ngoài chiếc áo tu sỹ, Jansson rời khỏi ghế, chìa bàn tay hộ pháp bắt tay người mới đến.

"Kính chào Đức Cha, rất vui vì Đức Cha đã đến. Mời Đức Cha ngồi. Giới thiệu với mọi người, đây là Đức Cha de Angelis. Tôi đã hứa với Đức Tổng Giám mục sẽ mời Đức Cha tham dự cuộc họp và giúp đỡ chúng ta giải quyết việc này."

Jansson tiếp tục giới thiệu với Đức Cha de Angelis các nhân viên có mặt. Cho phép một người ngoài tham dự một cuộc họp nhạy cảm như cuộc họp này là việc làm hết sức bất thường, nhưng vị khâm sứ Tòa thánh, đại sứ của Vatican tại Mỹ đã gọi nhiều cuộc điện thoại đến các giới thẩm quyền cấp cao để được phép tham dự cuộc họp.

Reilly đoán chừng vị tu sĩ tuổi ngoài bốn mươi. Mái tóc đen đã cắt gọn gàng của ông ta chải ngược ra sau hai bên thái dương rất cân đối, với những đốm màu bạc ở quanh hai tai. Đôi kính gọng thép bị ố bẩn đôi chỗ, vị tu sĩ tỏ thái độ rất nhã nhặn và khiêm tốn khi nghe giới thiệu tên và chức vụ của từng nhân viên.

"Đừng để tôi làm gián đoạn cuộc họp của các vị," ông ta nói lúc ngồi xuống.

Jansson khẽ lắc đầu, gạt bỏ suy nghĩ trong đầu. "Mọi bằng chứng chưa chỉ ra cho chúng ta bất kỳ điều gì cả thưa Cha. Chúng tôi không muốn có định kiến về vấn đề này và tôi cần nhấn mạnh rằng đây chỉ đơn thuần là một cuộc họp nhằm nêu ra các ý kiến và cảm nhận về vụ việc – chúng tôi đang thảo luận về những kẻ tình nghi tiềm năng của cuộc công kích đó."

"Tôi hiểu," de Angelis đáp.

Jansson quay sang Reilly, người tuy khó chịu với ý tưởng đó nhưng vẫn tiếp tục trình bày. Reilly biết là phải giúp Đức Cha này theo kịp sự kiện.

"Chúng tôi vừa nói rằng đây không chỉ là một vụ cướp viện bảo tàng. Cái cách thực hiện vụ việc, thời điểm, mọi thứ diễn ra ở đây biểu thị nhiều điều khác nữa chứ không chỉ là một vụ cướp có vũ trang đơn giản."

De Angelis mím môi, nghiền ngẫm những hàm ý câu nói vừa được phát biểu. "Tôi hiểu."

"Phản ứng tự nhiên," Reilly tiếp tục, "là chĩa vào những tín đồ Hồi giáo chính thống, nhưng trong trường hợp này tôi đoán chắc làm vậy là hoàn toàn chệch hướng."

“Tại sao anh nghĩ như vậy?” de Angelis hỏi. “Điều không may là bọn chúng có vẻ thù hận chúng ta thực sự. Tôi chắc rằng các anh còn nhớ dư luận om sòm về vụ cướp ở Viện Bảo tàng Baghdad. Những la lối về các tiêu chuẩn kép, sự trách móc, giận dữ này nọ… Ở khu vực ấy, người ta chưa quên vụ đó đâu.”

“Tin tôi đi, vụ này không phải là cách làm của chúng[26] – thực ra chuyện này chả liên quan gì cả. Cuộc tấn công của bọn chúng thường công khai, và chúng luôn lớn tiếng khoe mẽ công trạng này nọ của mình, và luôn thích chơi theo kiểu cảm tử thần phong của Nhật… Hơn nữa, bất kỳ một người Hồi giáo chính thống nào mặc trang phục có hình thánh giá đều xem như là kẻ bị nguyền rủa.” Reilly nhìn de Angelis; ông linh mục có vẻ đồng ý với Reilly. “Dĩ nhiên chúng tôi sẽ xem xét chuyện đó. Chúng tôi phải làm. Nhưng tôi sẽ điều tra một đám khác nữa.”

“Một hành động của bọn lôm côm,” Jansson dùng một từ lóng trong chính trị, nhưng không chính xác, để chỉ bọn chuyên đánh bom hèn hạ.

“Theo tôi nghĩ, rất có khả năng là như vậy,” Reilly gật gù kèm với cái nhún vai quen thuộc. Bọn quá khích “thích sống một mình” đơn lẻ, bọn cực đoan hung bạo trong nước cũng như bọn khủng bố nước ngoài vốn là một phần cuộc sống thường nhật của Reilly.

De Angelis có vẻ hoang mang. “Lôm côm là sao?”

“Đó là những tên khủng bố người bản xứ, thưa Cha. Những nhóm có cái tên lố bịch kiểu như Trật Tự, Huynh Đệ Thầm Lặng, hầu hết đều hoạt động dưới một hệ tư tưởng nặng hận thù gọi là Nhất Thể Cơ Đốc, mà theo như tôi biết, là một sự xuyên tạc kỳ dị của thuật ngữ…”

Vị khâm sứ Tòa Thánh loay hoay trên ghế ngồi, vẻ bứt rứt khó chịu. “Tôi nghĩ tất cả những người đó đều là tín đồ Cơ đốc cuồng tín.”

“Đúng vậy. Nhưng nhớ là chúng ta đang nói về Tòa Thánh Vatican – Giáo hội Công giáo. Và những kẻ này không phải là những con chiên của La Mã, thưa Cha. Các giáo hội méo mó của chúng – nhân đây nói luôn, chẳng có chút gì là Công giáo cả – không được Vatican thừa nhận. Những con chiên của Cha đã thực sự tỏ rõ là không muốn dính dáng gì đến bọn đó vì bất cứ lý do gì. Ngoài việc đổ hết những khó khăn rắc rối của bọn họ lên đầu người da đen, người Do Thái, và những người đồng tính luyến ái, những gì chúng có chung chỉ là một sự thù ghét chính quyền có tổ chức, như chính phủ của chúng tôi nói riêng và của Cha do có liên đới. Chúng nghĩ chúng ta là những con quỷ Satan ghê gớm – mà kỳ quặc ở chỗ, đó chính là thuật ngữ do Khomeini gán cho chúng ta và ngày nay nó vẫn tiếp tục vang vọng khắp thế giới Hồi giáo. Hãy nhớ rằng những tên đó đã đặt bom tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma, đặt bom sát hại những người Thiên Chúa giáo, những người Mỹ. Và bọn chúng hiện diện khắp nơi. Chúng ta chỉ mới tóm được một tên ở Philadelphia sau một thời gian dài theo dõi, y là thành viên của tổ chức Aryan Nations[27], một nhánh của Giáo hội Những Đứa Con Của Đấng Cứu Thế[28]. Tên này trước đó là một giáo sỹ của tổ chức Aryan Nations, có trách nhiệm thiết lập mối quan hệ với đạo Hồi. Trong vai trò này, y thú nhận đã ra sức tạo lập liên minh với những người Hồi giáo cực đoan chống Mỹ sau vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín.”

“Kẻ thù của kẻ thù ta,” de Angelis lẩm bẩm, vẻ đăm chiêu.

“Chính xác là như vậy,” Reilly tán đồng. “Những tên này nhìn mọi thứ bằng một thế giới quan cực kỳ điên rồ, thưa Cha. Chúng ta cần phải cố gắng tìm hiểu hiện nay chúng đang đưa ra lời tuyên bố về nhiệm vụ điên khùng nào.”

Sau khi Reilly dứt lời, một khoảnh khắc yên lặng ngắn ngủi bao trùm căn phòng. Jansson lên tiếng, “Được rồi, vậy thì cậu sẽ điều hành vụ này.” Reilly bình thản gật đầu, “Được thôi.”

Jansson quay sang Blackburn, “Rog, cậu vẫn tiếp tục theo dõi dưới góc độ một vụ cướp chứ?”

“Đúng vậy. Chúng ta phải làm cả hai cho đến khi có cái gì đó lộ ra cho phép chúng ta chọn được hướng này hay hướng kia.”

“Tốt lắm, thưa Cha,” giờ Jansson quay sang nói với de Angelis. “Nếu Cha cho chúng tôi danh sách những thứ đã bị chúng cướp đi, càng chi tiết càng tốt thì công việc của chúng tôi sẽ thuận lợi hơn. Những bức ảnh chụp, trọng lượng, kích thước, bất cứ cái gì Cha có. Chúng tôi cần phải đưa ra một số cảnh báo.”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Vậy thì, thưa Cha,” Reilly xen vào, “một trong những kỵ sĩ dường như chỉ quan tâm đến một thứ thôi, là cái này,” Reilly nói và lôi ra một tấm hình thu được từ những máy ghi hình bảo vệ an ninh trong viện bảo tàng. Tấm hình cho thấy tên kỵ sĩ thứ tư đang ôm chiếc máy mã hóa. Reilly đưa tấm ảnh cho vị khâm sứ Tòa Thánh. “Danh mục triển lãm của viện bảo tàng ghi nó là thiết bị mã hóa trục quay đa hộp số,” anh nói, và hỏi, “Cha có ý kiến gì không về lý do tên kia chỉ lấy một thứ đó thôi trong khi xung quanh y có nhiều món châu báu khác?”

De Angelis chỉnh lại kính trong lúc xem xét tấm hình; ông ta lắc đầu, “Rất tiếc là tôi không hiểu biết gì nhiều về… cái máy này. Tôi chỉ có thể tưởng tượng nó có giá trị như một thứ đồ vật lạ của ngành cơ khí. Mọi người thỉnh thoảng đều thích phô trương sự thông minh của mình, dường như các đồng đạo của tôi, những người đã chọn những gì cần đem ra trưng bày cũng vậy.”

“Vậy thì có lẽ Cha nên hỏi lại họ. Tôi không được rõ, nhưng có thể là họ biết trước đây những nhà sưu tập nào đã có dịp tiếp cận với các món đồ ấy.”

“Tôi sẽ để tâm đến chuyện này.”

Jansson nhìn quanh. Mọi người đều đã sẵn sàng. “Được rồi, các cậu,” ông trợ tá giám đốc nói, sắp xếp lại giấy tờ của mình. “Hãy tính sổ bọn quái vật này đi.”

Khi những người khác đã bước ra khỏi phòng, de Angelis tiến đến bắt tay Reilly. “Cám ơn đặc vụ Reilly. Tôi có cảm giác chúng ta hợp tác tốt với nhau.”

“Chúng ta sẽ tóm được chúng, thưa Cha. Bao giờ cũng vậy, chuyện gì rồi cũng có cách.”

Đôi mắt vị khâm sứ Tòa Thánh nhìn thẳng vào mắt Reilly, như đang đánh giá anh. “Anh có thể gọi tôi là Michael.”

“Tôi vẫn sẽ gọi ngài là “Cha,” nếu gọi như thế không có gì thất thố. Dường như đó là một thói quen khó sửa.”

De Angelis có vẻ ngạc nhiên. “Anh là người Công giáo à?”

Reilly gật đầu.

“Toàn tòng chứ?”

De Angelis nhìn xuống, bất chợt cảm thấy lúng túng. “Xin thứ lỗi cho tôi, đáng lẽ tôi không nên tò mò như thế. Có lẽ một số thói quen của tôi cũng khó bỏ như của anh vậy.”

“Không sao. À, vâng, tôi cùng một phía với Cha mà.”

De Angelis có vẻ hài lòng. “Anh thấy đó, trên nhiều phương diện, công việc của chúng ta cũng không khác biệt nhau lắm. Cả hai chúng ta đều giúp cho mọi người nhận biết tội lỗi của họ.”

Reilly mỉm cười. “Có lẽ vậy, nhưng mà… tôi không chắc Cha có dịp tiếp xúc cùng giới tội phạm như chúng tôi thường gặp quanh đây.”

“Vâng, thật đáng lo ngại… nhiều vụ việc ngoài kia chẳng tốt đẹp gì.” De Angelis dừng lại, rồi nhìn Reilly. “Điều đó làm công việc của chúng ta có trị hơn.”

Vị khâm sứ Tòa Thánh thấy Jansson nhìn về phía mình, dường như ông trợ tá giám đốc muốn gặp ông ta. “Tôi hoàn toàn tin tưởng anh, anh Reilly à. Tôi chắc chắn là anh sẽ tóm được bọn chúng,” vị tu sĩ nói với Reilly trước khi bước đi.

Reilly nhìn ông ta bước đi, anh nhặt tấm hình chụp từ máy quay trên bàn lên. Trước khi nhét nó vào trở lại tập hồ sơ, anh nhìn tấm ảnh lần nữa. Từ một góc tấm ảnh bị vỡ hạt do độ phân giải thấp của các máy ghi hình giám sát trong viện bảo tàng. Reilly có thể nhận ra hình dạng một người đang núp phía sau chiếc tủ trưng bày, nét mặt kinh hoàng nhìn tên kỵ sĩ và cái thiết bị y cầm trên tay. Khi xem cuộn băng video, Reilly nhận ra hình dạng đó chính là người phụ nữ tóc vàng anh đã nhìn thấy đi ra khỏi viện bảo tàng đêm ấy. Reilly nghĩ đến thử thách mà cô ta đã trải

qua, hẳn cô ta phải vô cùng hoảng sợ, Reilly chợt cảm thấy mình bị người phụ nữ này thu hút. Anh thầm mong cô ta được bình yên.

Reilly bỏ tấm hình vào hồ sơ. Lúc rời khỏi phòng, anh không thể không nghĩ ngợi về cái từ Jansson đã sử dụng.

Bọn quái vật.

Cái ý nghĩ đó, quả thật chẳng làm yên tâm chút nào.

Tìm ra những động cơ khiến những con người có đầu óc lành mạnh nhúng tay vào tội ác đã là điều khó. Hiểu được tâm trí của kẻ điên khùng thường là điều bất khả thi.

---

[23] Pederal Plaza: Trung tâm Thương mại Liên bang, cũng là nơi đặt bộ chỉ huy của Phân Cục FBI New York.

[24] Nguyên văn viết tắt ASAC – Assistant Special Agent in Charge – Đặc vụ trợ tá thường trực.

[25] Vị trí của hai toà tháp Trung tâm Thương mại Thế giới trong vụ khủng bố 11/9/2001.

[26] Nguyên văn "their M.O.", viết tắt của tiếng Latinh "Modus operandi" – cung cách hành động điên rồ.

[27] Aryan Nations là một tổ chức Tân quốc xã quốc tế, bài Do Thái, và chủ trương người da trắng thuộc giống người thượng đẳng.

[28] Tức Giáo hội Sons of Yahweh – Yahweh, thường gọi là Jesus, nghĩa là Đấng Cứu Rỗi.

[29] Tổng hành dinh của CIA tại thị trấn Langley, bang Verginia.

Chương 11

Lúc nhìn Clive Edmondson xanh xao nằm trên giường bệnh viện, nhưng trông không có vẻ đau đớn lắm, Tess cảm thấy khá ngạc nhiên.

Tess biết một con ngựa đã đá hậu làm Clive ngã nhào xuống nền nhà, và hậu quả đáng sợ là anh ta bị gãy ba xương sườn. Vị trí của ba chiếc xương gãy kia quá gần phổi nên cũng rất đáng ngại, thêm vào đó là vấn đề tuổi tác, tình trạng sức khỏe nói chung, và tính quá ham mê hoạt động của Clive, các bác sĩ tại Bệnh viện Giáo hội Trưởng lão New York đã quyết định giữ Clive lại vài ngày để theo dõi.

"Người ta đã cho tôi một thứ cocktail hỗn độn tuyệt vời," anh ta nói với Tess, liếc nhìn túi dịch truyền treo lủng lẳng trên giá. "Tôi không cảm thấy gì cả."

"Không đúng thứ cocktail anh gọi chứ gì?" Tess trêu chọc.

"Lẽ ra tôi đã được uống nó."

Tess nhìn anh ta, cười khúc khích và băn khoăn không biết có nên đề cập đến lý do cấp bách hơn của cuộc viếng thăm này. "Anh đủ sức để nói chuyện một chút chứ?"

"Được chứ, miễn là đừng liên quan đến những chuyện đã xảy ra. Đó là tất cả những gì mọi người ở đây đều muốn nghe," Clive thở dài. "Cũng dễ hiểu thôi tôi nghĩ vậy, nhưng…"

"Thực ra thì chuyện này… cũng có liên quan," Tess bẽn lẽn thú nhận.

Anh ta nhìn Tess, mỉm cười, "Cô đang nghĩ gì vậy?"

Tess cảm thấy ngần ngại nhưng rồi nàng quyết định phải nói thẳng ra. "Lúc chúng ta nói chuyện với nhau trong viện bảo tàng, anh có tình cờ chú ý đến món đồ mà tôi đang xem không?"

Clive lắc đầu, "Không."

"Đó là một cái máy, như một cái hộp nhỏ có nhiều nút bấm và cần gạt. Trong bảng danh mục đồ vật trưng bày, nó được gọi là máy mã hóa trục quay đa hộp số."

Clive nhăn trán suy nghĩ một lúc. "Không, tôi không chú ý đến món đó." Dĩ nhiên là anh ta chẳng chú ý đến nó làm gì. Nhất là khi có Tess ở đó. "Có chuyện gì vậy?"

"Một tên kỵ sĩ hôm đó đã lấy chiếc máy đó. Hắn chẳng lấy một vật nào khác."

"Vậy thì sao nào?"

"Anh không thấy như thế là kỳ lạ à? Trong tất cả những món đồ vô giá ở đó, hắn chỉ chộp cái máy lạ lùng kia thôi. Không chỉ vậy, kiểu cách hắn vồ lấy cái máy, giống như là một phần của nghi thức nào đó, lúc đó, dường như hắn hoàn toàn lặng đi."

"Ừ, vậy thì hắn đúng là một tay sưu tầm cổ vật lão luyện về những loại máy mã hóa kỳ bí. Cô hãy báo cho Interpol biết chi tiết đó. Có lẽ bộ giải mã Enigma của Đức Quốc xã là món sắp tới trên danh mục sưu tầm của hắn đấy." Clive nhìn nàng, vẻ trêu chọc. "Thiên hạ còn sưu tầm đầy thứ quái dị hơn nữa kia ấy chứ."

"Tôi nói chuyện nghiêm túc đấy," Tess phản kháng. "Khi cầm chiếc máy lên, thậm chí hắn còn nói câu gì đó như là "Veritas vos liberabit."

Clive nhìn Tess. "Veritas vos liberabit ư?"

“Chắc vậy. Tôi đoán chắc là hắn đã nói như vậy.” Clive mỉm cười sau một hồi trầm ngâm suy nghĩ. “Thôi được, cái gã đó của cô không chỉ là tay sưu tầm máy mã hóa sừng sỏ, y còn là một tên đã học ở đại học Johns Hopkins. Chi tiết này sẽ giúp thu hẹp phạm vi truy lùng.”

“Johns Hopkins?”

“Ừ.”

“Anh đang nói cái gì vậy?” Tess cảm thấy vô cùng hoang mang không hiểu gì cả.

“Đó là câu châm ngôn của đại học Johns Hopkins. Veritas vos liberabit – Sự thật sẽ giải phóng cho bạn. Tin tôi đi, tôi phải biết chớ. Tôi học ở đó ra mà. Câu đó còn là lời trong bài hát hết sảy của chúng tôi nữa kìa, cô biết rồi đấy, bài hát ngợi ca Johns Hopkins. Clive bắt đầu cất tiếng hát: “Hãy để cho kiến thức ngày càng phát triển và các bậc trí thức đắm mình trong nền học vấn sâu sắc nhất…” Clive nhìn Tess, thích thú vẻ mặt ngơ ngác của nàng.

“Anh nghĩ là…” Rồi nàng nhận ra ánh nhìn của Clive. Tess hiểu nụ cười tự mãn đó. “Anh muốn làm tôi rối tung lên, đúng không nào?”

Clive gật đầu với vẻ có lỗi. “Gã đó có thể như vậy hoặc là một cựu điệp viên CIA bất mãn. Cô biết đấy, câu châm ngôn đó là thứ đầu tiên cô nhìn thấy khi bước vào tòa nhà của họ ở Langley[29]”. Lờ đi câu hỏi của nàng, anh ta tiếp tục, “Tom Clancy. Là fan của Tom Clancy, tôi còn có thể nói gì cơ chứ?”

Tess lắc đầu, cảm thấy khó chịu vì đã tỏ ra quá cả tin. Nhưng rồi Clive lại làm nàng ngạc nhiên.

“Dù sao, cô cũng chưa đi quá xa đâu. Khớp rồi đấy.”

“Ý anh muốn nói gì?” Tess chú ý nét mặt Clive, lúc này trở nên nghiêm trang.

“Những tên hiệp sĩ ăn mặc ra sao?”

“Anh ngụ ý gì khi hỏi họ ăn mặc ra sao?”

“Tôi hỏi cô trước mà?”

Tess chưa nắm được ý Clive. “Chúng mặc đúng trang phục thời Trung cổ. Áo giáp, áo choàng, mũ giáp sắt.”

“Và…?” anh ta như muốn chọc ghẹo Tess. “Còn thứ gì đặc trưng hơn không?”

Tess biết Clive đang trêu mình. Nàng cố nhớ lại cảnh tượng hãi hùng khi những tên kỵ sĩ lao ngựa vào viện bảo tàng. “Đâu còn gì nữa…?”

“Áo choàng trắng với thánh giá màu đỏ. Những thánh giá màu đỏ máu.”

Tess nhăn mặt, vẫn chưa hiểu được gợi ý của anh ta. “Những chiến binh Thập tự chinh.”

Clive vẫn chưa buông tha. “Nào, Tess, gắng nhớ thêm đi chứ, Thánh giá của bọn chúng không có gì đặc biệt sao? Một cái Thánh giá màu đỏ trên vai trái, một cái khác trước ngực. Còn gì nữa không?”

Và Tess chợt nhận ra. “Hiệp sĩ Đền Thánh.”

“Có phải là câu trả lời chung cuộc chưa đấy?”

Tess suy nghĩ rất lung. Điều đó vẫn chưa giải thích được ý nghĩa nào. “Anh hoàn toàn đúng. Bọn chúng ăn mặc như các Hiệp sĩ Đền Thánh. Nhưng điều đó không nhất thiết có ý nghĩa gì. Đó chỉ là hình thức chung bên ngoài của quân Thập tự chinh thôi, đúng không nào? Theo những gì chúng ta biết, chúng chỉ bắt chước hình ảnh đầu tiên của một hiệp sĩ Thập tự chinh mà chúng tình cờ biết được, và ở đây, điều khác biệt đó là hình ảnh của một Hiệp sĩ Đền Thánh, hình tượng mà chúng biết rõ nhất.”

“Tôi cũng nghĩ như vậy. Thoạt đầu tôi không gán cho vụ việc một ý nghĩa nào. Các HIệp sĩ Đền Thánh là nhóm hiệp sĩ nổi tiếng nhất, hoặc đúng hơn là khét tiếng, liên quan đến những cuộc Thập tự chinh. Nhưng sau đó, cái câu Latinh nhỏ bé mà cô nghe được kia… đã thay đổi mọi việc.”

Tess nhìn Clive đăm đăm, nôn nóng muốn hiểu anh ta đang nói gì. Anh ta vẫn im lặng. Nàng chợt nổi cáu. “…Vì…?”

Veritas vos liberabit – Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi, cô nhớ chứ? Đó tình cờ lại là những chữ khắc trên một lâu đài ở Languedoc, miền Nam nước Pháp.” Anh ta ngừng lại. “Lâu đài của Hiệp sĩ Đền Thánh.”

Chương 12

Lâu đài nào?" Tess nín thở.

"Lâu đài Blanchefort. Ở Languedoc. Dòng chữ vẫn còn rành rành ở đó, khắc trên vòm cổng phía trên lối vào lâu đài. Veritas vos liberabit – Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi." Dường như cái cụm từ đó làm dâng trào trong Clive cả một dòng ký ức.

Tess cau mày. Có cái gì đó làm nàng thấy khó chịu. "Không phải các Hiệp sĩ Đền Thánh đã bị tiêu diệt…," nhưng ngay sau đó, Tess thấy áy náy vì cách dùng chữ có phần quá đáng của mình, "bị giải tán vào những năm một ngàn ba trăm rồi sao?"

"Năm 1314."

"Như vậy là không khớp rồi. Bản danh mục cho biết cái máy mã hóa có từ thế kỷ mười sáu."

Clive trầm ngâm. "Chà, có thể người ta ghi sai thời điểm. Thế kỷ mười bốn không phải không phải là giai đoạn đáng tự hào nhất của Vatican. Trái lại là khác. Năm 1305, Giáo hoàng, hồi ấy là Clement V, chỉ là bù nhìn của vua Pháp Philip IV, phải chịu cảnh nhục nhã buộc phải rời khỏi Vatican và dời Tòa Thánh về Avignon[30] - ở đó ông ta còn bị kiểm soát gắt gao hơn nữa, nhất là lúc phải giúp vua Pháp triệt hạ các Hiệp sĩ Đền Thánh. Thực ra ngôi vị Giáo Hoàng hoàn toàn bị người Pháp chi phối trong bảy mươi năm – giai đoạn đó bị xem như là Thời kỳ Chiếm đóng của người Babylon[31]. Thời kỳ này kéo dài cho đến khi Giáo hoàng Gregory XI có đủ can đảm để cắt đứt mối quan hệ đó và được thánh nữ Catherina de Siena đưa trở về La Mã – nhưng đó lại là chuyện khác. Điều tôi muốn nói là nếu cái máy mã hóa của cô có từ thế kỷ mười bốn…"

"…điều kỳ quặc là nó còn không xuất xứ từ La Mã nữa cơ," Tess cắt ngang. "Nhất là nếu nó là của các Hiệp sĩ Đền Thánh."

Cilve mỉm cười. "Chính xác."

Tess lưỡng lự. "Anh có nghĩ là tôi có cơ sở về vụ việc này hay chỉ suy nghĩ vớ vẩn này nọ?"

"Không. Tôi tin dứt khoát phải có điều gì đó trong chuyện này. Nhưng… chuyện về các Hiệp sĩ Đền Thánh không nằm trong phạm vi chuyên môn của cô, đúng không?"

"Chỉ có khoảng hai ngàn năm và cách nhau có một lục địa chứ bao nhiêu," nàng cười. Chuyên môn của Tess là về lịch sử Assyria. Đối với nàng, chuyện các Hiệp sỹ Đền Thánh là "hoàn toàn nằm ngoài vùng phủ sóng."

"Cô cần phải nói chuyện với một chuyên gia về dòng Đền Thánh. Những người mà tôi biết có đủ kiến thức hữu ích đối với cô là Mary Falkner, William Vance và Jeb Simmons. Năm nay bà Falkner hẳn đã ngoài tám mươi và có thể có cả khối chuyện cô có thể moi được. Còn Vance thì lâu nay tôi không gặp, nhưng tôi biết Simmons ở gần đâu đây…"

"Bill Vance à?"

"Đúng. Cô biết anh ta à?"

William Vance từng ghé đến một trong những địa điểm khai quật khảo cổ do cha Tess đảm trách trong lúc nàng có mặt ở đó. Đâu chúng khoảng mười năm trước, nàng nhớ như vậy. Lúc đó Tess đang làm việc với cha nàng tại vùng Đông Bắc Thổ Nhĩ Kỳ, trong phạm vi gần hết mức có thể với núi Ararat theo sự cho phép của bên quân đội. Tess nhớ lại, cha nàng, ông Oliver Chaykin, đã đối xử với Vance như người ngang vai phải lứa, hiếm khi ông làm vậy. Tess có thể hình dung lại Vance rõ ràng. Một anh chàng cao lớn, đẹp trai, có lẽ hơn nàng mười lăm tuổi.

Vance là một người cuốn hút, rất nhiệt tình giúp đỡ và khuyến khích nàng. Đối với Tess, đó là khoảng thời gian nặng nề u ám. Những điều kiện làm việc tồi tệ ở hiện trường. Đang mệt nhọc vì mang thai. Và tuy không biết nhiều về Tess, Vance có vẻ cảm nhận được sự bất hạnh và nỗi buồn của nàng, nên đã cư xử với nàng rất tử tế, làm Tess cảm thấy dễ chịu mỗi khi buồn khổ, và cảm thấy bản thân vẫn còn hấp dẫn vào những lúc nàng biết rằng trông mình thật thảm hại. Và anh ta không hề có ý định dù nhỏ nhất nào là anh ta có tình ý với nàng. Giờ đây, Tess cảm thấy xấu hổ một chút khi nhớ lại hồi đó nàng khá thất vọng về cái tình cảm thuần khiết của Vance dành cho nàng, bởi rõ ràng Tess khá là thích Vance. Và cho đến cuối thời gian làm việc ngắn ngủi của Vance tại trại, Tess cảm thấy có lẽ, chỉ có lẽ thôi, anh ta đã bắt đầu cảm thấy như thế với nàng, nhưng làm sao một phụ nữ đang mang thai bảy tháng mà vẫn còn sức hấp dẫn, theo cô nghĩ, quả là điều rất đáng ngờ.

“Tôi đã gặp anh ta một lần, cùng với ba tôi.” Tess ngừng lại. “Nhưng tôi nghĩ chuyên môn của anh ta là lịch sử vùng Phoenicia[32] chứ?”

“Đúng vậy, nhưng cô cũng biết những chuyện liên quan đến Hiệp sĩ Đền Thánh như thế nào rồi đấy. Nó cũng giống như sự khiêu dâm về mặt khảo cổ học, dính líu vào chúng cũng gần như là một sự tự sát về mặt học thuật. Nó đã đến cái độ mà chẳng ai muốn người khác đã biết mình nghiên cứu vấn đề này một cách nghiêm túc. Có quá nhiều kẻ lập dị bị ám ảnh bởi đủ thứ học thuyết âm mưu này nọ về lịch sử của bọn họ. Cô biết Umberto Eco[33] đã nói gì chứ?”

“Không.”

“Dấu hiệu chắc chắn của một kẻ điên rồ là không sớm thì muộn sẽ xới lên các câu chuyện về các Hiệp sĩ Đền Thánh.”

“Trong trường hợp này, tôi đang cố gắng xem đó là một lời khen tặng.”

“Nghe này, trong chuyện này tôi đứng về phe cô. Chúng rất đáng giá cho một cuộc nghiên cứu mang tính học thuật,” Clive nhún vai. “Nhưng như tôi đã nói, đã nhiều năm nay tôi không nghe tin tức gì về Vance. Tin mới nhất mà tôi biết là anh ta ở Columbia, nhưng nếu ở địa vị cô tôi sẽ tìm gặp Simmons, tôi có thể giúp cô liên lạc với ông ấy dễ dàng.”

“Ồ, vậy thì còn gì bằng.” Tess mỉm cười.

Một cô y tá thò đầu vào cửa. “Làm xét nghiệm. Năm phút.”

“Tuyệt vời,” Clive rên rỉ.

“Anh sẽ cho tôi biết chứ?” Tess hỏi.

“Yên chí. Và khi ra khỏi đây, tôi sẽ mời cô đi ăn và cô có thể cho tôi biết kết quả như thế nào, được chứ?”

Tess nhớ lại lần ăn tối gần đây nhất với Clive. Ở Ai Cập, sau khi họ cùng lặn xuống xác một chiếc tàu đắm của người Phoenicia ngoài khơi Alexandria. Anh ta say rượu chà là, ngập ngừng muốn hôn nàng nhưng Tess đã nhẹ nhàng đẩy anh ta ra. Clive gục xuống ngay, ngủ thiếp đi trong nhà hàng.

“Chắc chắn rồi,” Tess nói, nghĩ rằng mình hẳn có nhiều thời gian để tìm lời thoái thác, và rồi cảm thấy có lỗi vì cái ý nghĩ không mấy tử tế đó.

.....

[30] Một địa danh ở miền Đông Nam nước Pháp

[31] Ý nói tình trạng nhục nhã giống như thành Jerusalem bị người Babylon chiếm đóng và lưu đầy hàng ngàn người dân của thành này sang vùng Mesopotamia (Lưỡng Hà) từ năm 566 đến 538 trước Công Nguyên.

[32] Phoenicia: Một vùng lãnh thổ duyên hải, ngày nay là đất nước Syria. Dân tộc sinh sống tại đây có lịch sử từ trước Công nguyên, còn gọi là người Phoenicia, ảnh hưởng của họ lớn mạnh và trải dài đến phía Đông Địa Trung Hải, suy tàn vào thế kỷ thứ mười ba Công Nguyên.

Chương 13

Lucien Boussard thận trọng bước ngang qua sàn trưng bày của mình.

Gã đến bên cửa sổ, nhòm ra ngoài từ phía sau chiếc đồng hồ Ormulu giả. Gã đứng đó vài phút, suy nghĩ rất lung. Chợt nhớ là cái đồng hồ cần được lau chùi, gã mang chiếc đồng hồ lại bàn, đặt nó trên tờ báo.

Một trong các hình ảnh cuộc tập kích viện bảo tàng đập vào mắt gã.

Rà ngón tay trên các bức ảnh, gã vuốt phẳng các nếp gấp của tờ báo.

Mắc mớ gì mà mình dính vào cái vụ này.

Nhưng đơn giản là gã không thể làm gì cả. Gus sẽ giết gã nếu gã không chịu làm gì, cũng dễ dàng như y sẽ giết gã nếu gã làm gì sai.

Chỉ có lối thoát duy nhất mà gã đã nghĩ đến ngay khi Gus còn đứng đó, trong phòng trưng bày, dọa dẫm gã. Giao nộp Gus cho cảnh sát là một hành động nguy hiểm, đặc biệt sau khi biết việc y đã làm ở viện bảo tàng. Nhưng với hành động vung kiếm chặt đầu một người bên ngoài viện bảo tàng của Gus, Lucien cảm thấy, hoàn toàn có cơ sở, chắc chắn gã sẽ được an toàn. Tên hộ pháp đó sẽ không còn cách nào ra khỏi nhà tù một ngày nào đó để trả thù gã. Nếu người ta không thay đổi luật pháp và cho y một mũi thuốc độc thì y cũng lãnh án tù chung thân không bao giờ được ân xá. Chắc hẳn là vậy.

Cũng không kém phần quan trọng, Lucien cũng có những vấn đề rắc rối của riêng mình. Gã cũng đang cõng trên lưng một tên cớm. Một tên cớm khốn khiếp lòng lang dạ sói đã đeo theo gã mấy năm nay và chưa có dấu hiệu gì cho thấy hắn chịu buông tha hoặc ngưng đeo bám hắn. Tất cả cũng chỉ vì một bức tượng Dogon nhỏ mang đến từ Mali hóa ra lại là một sản phẩm được chế tác gần đây chứ chẳng cổ xưa gì như Lucien rêu rao, và vì vậy bức tượng chỉ đáng một phần nhỏ xíu so với cái giá gã đã bán ra. May cho Lucien là người mua, một ông lão vào cái tuổi thất thập cổ lai hi, đã qua đời vì một cơn đau tim trước khi các luật sư kịp khởi kiện. Lucien đã phải chạy chọt luồn lách mới thoát khỏi tình thế ngặt nghèo kia. Nhưng Thám tử Steve Buchinski lại không chịu bỏ qua vụ việc. Nó gần như là một cuộc Thập tự chinh của riêng gã. Lucien đã tìm cách lót tay chút ít cho tên cớm, nhưng vẫn chưa đủ. Chẳng bao giờ là đủ cả.

Nhưng chuyện này thì khác. Giao Gus Waldron cho tên cớm có thể con đỉa này sẽ buông tha gã, nhưng chỉ có thế thôi.

Gã nhìn đồng hồ. Một giờ rưỡi.

Kéo hộc bàn ra, Lucien xới tung hộp đựng danh thiếp cho đến khi tìm thấy tấm danh thiếp gã cần. Bước đến bên điện thoại, gã bấm số.

Chương 14

Trong tư thế sẵn sàng ngoài cánh cửa panô nặng nề của một căn hộ trên tầng năm trên đường Tây Công viên Trung tâm, viên chỉ huy đơn vị chiến thuật FBI giơ một bàn tay lên, các ngón tay xòe ra và liếc nhìn lại đội tác chiến của mình. Người số hai của đội cũng thận trọng đưa cánh tay ra, ra hiệu hãy chờ đợi. Ở phía bên kia hành lang, một người khác mang trên vai khẩu súng lục nạp đạn bằng tay. Người thứ tư rút chốt an toàn quả lựu đạn gây choáng. Hai người còn lại của đơn vị nhẹ nhàng bật chốt an toàn hai khẩu súng tự động Heckler & Koch MP5.

"Đi!"

Người nhân viên đứng gần cửa nhất dộng cánh tay vào cửa thét lớn, "FBI đây. Mở cửa ra!"

Đòn trả đũa gần như ngay tức thời. Những phát đạn xé toạc cánh cửa, các mảnh gỗ tếch của cánh cửa văng tung tóe trên hành lang.

Tay xạ thủ súng lục FBI lập tức đáp lại màn chào đón, anh ta giương súng lên, chỉ trong nháy mắt liên tục nhả đạn cho đến khi xé toạc mấy cái lỗ cỡ đầu người trên cánh cửa. Dù có mang tai nghe, Amelia Gaines vẫn cảm thấy các làn sóng âm chấn động chói tai trong khoảng không gian bít bùng.

Thêm nhiều phát đạn từ bên trong phá vỡ thanh cửa và ghim vào các tấm vách cuối hành lang. Người thứ tư tiến tới, thảy quả lựu đạn gây choáng vào phòng qua lỗ thủng trên cửa. Xạ thủ súng lục bắn vỡ luôn phần panô còn lại của cánh cửa giữa, chỉ vài giây sau hai tay súng máy đã lọt vào bên trong.

Một khoảng im lặng. Sự im lặng vang vọng. Một phát sung nổ. Rồi lại im lặng. Một tiếng nói vang lên, "Xong!" Nhiều tiếng "xong" khác tiếp theo. Và có tiếng ai đó nói, "OK, bữa tiệc đã tàn."

Amelia theo chân những người khác vào bên trong căn hộ. Ở căn phòng này cái từ xa hoa nghe có vé rẻ tiền. Mọi thứ ở đây đều bốc mùi tiền. Nhưng khi Amelia và người đội trưởng kiểm tra căn hộc, họ nhanh chóng nhận thấy cái mùi đặc biệt đó là mùi ma túy.

Những người cư ngụ bên trong, bốn gã đàn ông, ngay lập tức được nhận dạng là bọn buôn ma túy người Columbia. Một trong bốn tên bị thương nặng vì dính đạn súng lục vào nửa thân trên. Họ tìm ra trong căn hộ một ít ma túy, một đống tiền, và nhiều manh mối hẳn đủ cho Ban Chuyên trách Ma túy sung sướng đến hàng tháng liền.

Nguồn tin báo, một cú điện thoại nặc danh, đã báo có cả một đống tiền, vũ khí và vài kẻ nói tiếng nước ngoài. Tất cả đều đúng. Nhưng không có thứ quái quỷ gì trong vụ này liên quan đến vụ tấn công viện bảo tàng.

Thêm một lần thất vọng.

Và chắc hẳn sẽ không phải là lần cuối cùng.

Chán nản, Amelia nhìn quanh căn hộ, trong lúc những tên Columbia bị còng tay dẫn ra ngoài. Amelia so sánh nơi này với căn hộ của cô. Căn hộ của cô rất đẹp. Trang nhã, sang trọng, cô có thể tự nói với mình như vậy. Nhưng căn hộ này quả thật làm cho người ta choáng váng. Nó có tất cả, kể cả khung cảnh tuyệt vời nhìn ra công viên. Khi nhìn quanh, Amelia nhận ra rằng sự sang trọng quá mức không phải là kiểu cách của mình, và cô cảm thấy không ganh tỵ với sự hào nhoáng này. Có lẽ, chỉ ngoại trừ khung cảnh bên ngoài cửa sổ.

Amelia đứng trước cửa sổ một lúc, nhìn xuống quang cảnh công viên. Cô trông thấy hai người cưỡi ngựa phi dọc theo đường đua. Dù khá xa, Amelia vẫn nhận ra cả hai người cưỡi ngựa là phụ nữ. Một trong hai người đang gặp trục trặc; con ngựa của cô ta có vẻ quá hưng phấn hoặc có lẽ nó bị hai thanh niên đi ván trượt cạnh đó làm hoảng sợ.

Nhìn quanh căn hộ lần nữa và để cho người chỉ huy đơn vị chiến thuật thu xếp mọi thứ, Amelia trở về văn phòng để trình bản báo cáo, hẳn là chẳng vui vẻ gì, lên Reilly.

Reilly bận rộn lập lịch trình một loạt những cuộc viếng thăm thông thường các nhà thờ Hồi giáo và những nơi hội họp của tín đồ Hồi giáo trong thành phố. Sau một cuộc thảo luận ngắn sơ bộ với Jansson về các khía cạnh chính trị của cuộc điều tra, Reilly quyết định những chuyến thăm này chính xác sẽ chỉ là như vậy. Chỉ là những cuộc viếng thăm đơn giản với không quá hai nhân viên đặc vụ hoặc cảnh sát tham gia, cố gắng để một trong hai người là tín đồ Hồi giáo. Không để những người được thăm viếng mảy may có ý tưởng đó là những cuộc bố ráp. Họ mong có được sự hợp tác, và hầu hết mọi trường hợp họ đều nhận được sự hợp tác đó.

Máy tính tại các văn phòng FBI ở Federal Plaza liên tục tuôn ra dữ liệu, thêm vào với làn sóng thông tin từ Sở Cảnh sát New York. Sở Di trú và An ninh Nội địa ngày càng dồn dập đổ về. Sau sự vụ Oklahoma, cơ sở dữ liệu ùn lên như nấm và rặt tên tuổi những kẻ cấp tiến và quá khích trong nước, sau ngày 11 tháng Chín thì lại tràn ngập tên tuổi những người Hồi giáo có quốc tịch khác nhau. Reilly biết rằng đa số những người có tên trong danh sách không phải vì họ bị nhà chức trách nghi ngờ là khủng bố hoặc có hành động hay xu hướng gây tội ác hình sự, mà chính nó cũng tạo thêm nhiều công việc không cần thiết, sàng lọc ra những nhân vật khả nghi nhất từ đám người chẳng có tội lỗi gì ngoại trừ tín ngưỡng của họ.

Reilly vẫn cảm thấy vụ này nên đi theo hướng điều tra khủng bố, nhưng còn thiếu điều gì đó. Mối hận thù đặc biệt, sợi dây nối lền một nhóm cuồng tín được vũ trang tận răng của Giáo hội Công giáo La Mã. Theo cái đầu mối đó, một toán nhân viên đặc vụ đang sục sạo trong các bản tuyên ngôn và cơ sở dữ liệu để truy tìm cho ra sợi chỉ chung rất khó nắm bắt này.

Reilly đi vào tầng lửng, thu hút sự chú ý đám nhân viên bát nháo đang lu bu với đống điện thoại và máy tính trước khi đến được bàn làm việc của mình. Reilly nhìn thấy Amelia Gaines băng qua phòng tiến về phía anh.

“Anh cho tôi một phút, được chứ?”

Ai mà không sẵn sàng để một phút dành cho Amelia Gaines chút. “Có chuyện gì vậy?”

“Anh biết căn hộ chúng ta tập kích sáng nay chứ?”

“Phải, tôi có nghe,” Reilly nói, giọng buồn thiu. “Dù sao nó cũng mang lại cho chúng ta những lời khen ngợi từ Ban Chuyên trách Ma túy, như vậy cũng không tệ lắm.”

Amelia có vẻ không để ý đến câu nói đó. “Lúc ở đó, tôi đã nhìn xuống công viên từ cửa sổ. Có hai người đang cưỡi ngựa. Một trong hai người gặp chuyện rắc rối với con ngựa và chuyện đó đã khiến tôi phải suy nghĩ.”

Reilly đẩy một chiếc ghế về phía Amelia và cô ngồi xuống. Cô là làn gió mắt lành của cái Cục do cánh đàn ông thống trị này, nơi mà chỉ mới gần đây thôi, số nữ nhân viên tuyển mộ đã đạt đến đỉnh cao ngất ngưởng là… mười phần trăm. Các nhân viên tuyển mộ của Cục không giấu giếm mong muốn có thêm nhiều ứng viên nữ, nhưng có quá ít người nộp đơn xin dự tuyển. Trên thực tế, trong quá trình phát triển của Cục chỉ có một phụ nữ đã leo lên đến cấp bậc SAC[34], và bị gán cho cái biệt danh dè bỉu là Ong Chúa.

Reilly đã làm việc nhiều với Amelia trong những tháng vừa qua, Amelia là một vốn quý đặc biệt hữu ích khi cần phải đối phó với những kẻ tình nghi người Trung Quốc. Họ thích mái tóc đỏ và làn da lốm đốm tàn nhang của cô, và một nụ cười đúng lúc, một thoáng cử chỉ cơ thể của Ameila có thể mang lại nhiều kết quả hơn so với hàng tuần theo dõi. Mặc dù trong Cục ai cũng tìm cách quyến rũ cô nhưng Amelia không khuyến khích bất cứ một trường hợp quấy rối tình dục nào; thật khó hình dung nổi ai đó có thể bắt nạt được Amelia. Cô sinh ra trong một gia đình quân nhân, có bốn anh em trai, mười sáu tuổi cô đã giành đai đen karate. Amelia còn là một nữ xạ thủ đỉnh cao. Trong bất kỳ tình huống nào Amelia cũng có thể dư sức tự bảo vệ.

Một lần, gần một năm trước đây, họ ngồi với nhau tại một quán cà phê, và Reilly suýt mời Amelia đi ăn tối. Reilly biết đó là một cơ may, dù sao anh cũng cảm thấy lòng tràn đầy hy vọng rằng mọi việc sẽ không kết thúc ở bữa tối nhưng anh đã quyết định cưỡng lại ý muốn đó. Tại Cục, quan hệ với đồng nghiệp không bao giờ dễ dàng, Reilly biết, đơn giản là Amelia và anh không có cơ hội.

“Tiếp đi,” giờ Reilly lại nhắc Amelia.

“Về những tên kỵ sĩ trong viện bảo tàng. Xem các cuộn băng video, rõ ràng là những tên đó không chỉ biết cưỡi ngựa, mà chúng còn điều khiển ngựa rất nhà nghề. Chẳng hạn như chúng cho ngựa bước lên các bậc cấp. Đối với những diễn viên đóng thế Hollywood thì đó là chuyện dễ, nhưng trên thực tế động tác đó rất khó thực hiện.”

Amelia nói như thể cô đã biết điều gì đó; cách nói của cô cũng có vẻ không được thoải mái lắm.

Amelia thấy ánh mắt của Reilly, cô mỉm cười, nói vẻ cả quyết. “Tôi biết cưỡi ngựa,” cô khẳng định.

Ngay lập tức, Reilly nhận thấy Ameila đã nắm được điều gì đó. Mối liên kết với những con ngựa hiện lên rõ ràng trong đầu óc anh. Trong mấy tiếng đồng hồ đầu tiên Reilly đã có một ý niệm mơ hồ khi nghĩ đến cách dùng ngựa của các cảnh sát viên Phân khu Công viên Trung tâm nhưng không tiếp tục suy nghĩ theo hướng đó. Giá như Reilly chịu suy nghĩ tiếp về điều đó thì họ đã có thể tiếp cận vấn đề này sớm hơn.

“Cô muốn điều tra các diễn viên đóng thế có hồ sơ tội phạm chứ gì?”

“Đó là một điểm xuất phát. Nhưng không chỉ những tên cưỡi ngựa. Vấn đề chính là những con ngựa đó.” Amelia tiến lên một bước gần hơn. “Từ những gì chúng ta nghe được, và những gì chúng ta nhìn thấy trên băng hình, mọi người la hét, gào thét và có cả sung nổ. Vậy mà những con ngựa đó không hề hoảng sợ.”

Amelia ngừng lại, nhìn sang chỗ Aparo đang gọi điện thoại, như thể không muốn nói thêm ý nghĩ tiếp theo của mình.

Reilly biết Amelia muốn đề cập đến điều gì. Reilly tiếp lời thay cô và cảm giác không thoải mái chút nào. “Ngựa cảnh sát.”

“Đúng vậy.”

Mẹ kiếp. Cũng như Amelia. Reilly không thích chuyện này chút nào. Ngựa cảnh sát thì cũng có nghĩ là cảnh sát. Chẳng ai tính đến khả năng dính líu của những nhân viên thi hàng pháp luật.

“Tất cả cái đống này là của cô đấy,” anh nói. “Nhưng làm vừa vừa thôi nhé.”

Amelia không có thì giờ để trả lời. Aparo đang hối hả bước đến.

“Steve vừa gọi. Chúng ta tóm được cái gì đó. Lần này có vẻ vụ thực đấy.”

.....

[33] Umberto Eco (1932-?) nhà văn nổi tiếng người Ý, tác giả của tiểu thuyết “The name of the Rose – Tên của Hoa Hồng” (xuất bản năm 1983).

[34] Special Agent in Charge: tạm gọi là Đặc viên Thường trực, chức vụ của nhân viên FBI có thẩm quyền tại một hiện trường tội phạm hoặc trong một cuộc điều tra.

Chương 15

Khi rẽ sang đường 22, Gus Waldron bắt đầu cảm thấy bồn chồn lo sợ. Được thôi, từ tối thứ Bảy đến giờ y thường giật mình, nhưng lần này thì khác. Y đã nhận ra nhiều dấu hiệu. Y đã làm rất nhiều việc theo bản năng. Đánh cá ngựa là một trong những việc đó. Kết quả ra sao? Ba láp, chẳng ra làm sao cả. Thế nhưng có những việc hành động theo bản năng thì đôi khi lại đưa đến cho y kết quả rất tuyệt vời, vì vậy y luôn luôn chú ý đến sự mách bảo của bản năng.

Giờ y nhận thấy những bồn chồn lo lắng của y là có lý do. Một chiếc ôtô, đơn giản và bình thường. Quá đơn giản, quá bình thường. Nhưng hai gã đàn ông, nhìn ngó chăm chú chẳng vào một cái gì cụ thể cả. Cớm. Nếu không phải cớm thì chúng là cái quái gì?

Y đếm các bậc cấp và dừng lại nhìn vào một cái cửa sổ. Phản chiếu trong đó, y thấy một chiếc xe khác ló ra ở góc phố. Cũng chẳng có gì đặc biệt, và khi ngoái lại liếc nhanh, y nhận ra ở góc phố này cũng có hai người đàn ông.

Sụp bẫy rồi.

Ngay tức khắc, Gus nghĩ đến Lucien. Y hình dung ra những cách thức khủng khiếp để kết liễu mạng sống thằng Pháp phản bội khốn khiếp này.

Y đến được phòng trưng bày và bất thần nhảy nhào đến cửa, xộc vào phòng và lao tới chỗ Lucien đang sửng sốt nhổm dậy khỏi ghế. Gus đá văng cái bàn qua một bên, gạt chiếc đồng hồ to tướng xấu xí và can chất tẩy rửa đổ nhào xuống nền nhà, và tống một quả đấm thật mạnh vào mang tai Lucien.

“Mày báo cho bọn cớm, đúng không?”

“Đâu có, Gueusse…”

Khi Gus giơ tay lên định tống một cú nữa, y thấy Lucien xoay đầu, đôi mắt gã trố lên khi nhìn ra phía sau phòng trưng bày. Vậy là phía sau cũng có cớm – Gus ngửi thấy mùi gì đó, có lẽ là mùi xăng. Xăng đang chảy tràn ra sàn nhà từ cái can y gạt xuống khỏi bàn.

Nhặt cái can lên, Gus lôi Lucien lên khỏi sàn nhà và đẩy gã ra phía cửa, y đá vào phía sau đầu gối làm tên cáo già xương xẩu đau đớn quỵ xuống lần nữa. Giẫm chân lên người Lucien, đè gã nằm yên trên nền nhà, y nghiêng chiếc can, đổ xăng lên đầu Lucien.

“Mày biết giỡn mặt với tao thì thế nào chứ, thằng chó chết,” y vừa chửi vừa đổ xăng.

“Xin đừng!” Tên người Pháp lắp bắp, mắt cay xè vì xăng; Gus hành động quá nhanh, tên Pháp kinh hoàng không kịp chống cự. Gus giật mạnh cho cánh cửa mở ra, tóm lấy gáy và dựng đứng Lucien dậy, rút chiếc bật lửa Zippo ra, y bật quẹt rồi đá tên chủ phòng trưng bày ra đường.

Ngọn lửa màu xanh vàng bùng lên quanh đầu và vai Lucien khi gã ngã xuống lề đường, tiếng gào rú của gã cùng với tiếng la hét của những người qua đường kinh hãi và tiếng còi xe bất ngờ ré lên. Gus xuất hiện ngay phía sau gã, ánh mắt y đảo nhanh qua hai phía, như ánh mắt diều hâu nhìn chằm chằm và bốn người đàn ông, mỗi đầu đường hai người, cả bốn đều đã lao ra khỏi xe, súng trong tay, tất cả đều quan tâm đến người đang bị thiêu cháy hơn là đến y.

Đó chính là điều y cần.

Ngay khi nhìn thấy gã đàn ông kia rời khỏi mặt đường và lao vào phòng trưng bày, Reilly biết là nhóm hành động của mình đã bị lộ. Reilly hét vào chiếc micro gắn ở tay áo, “Hắn phát hiện chúng ta rồi. Tấn công. Tôi nhắc lại, tấn công.” Reilly lên đạn khẩu Browning Hi-Power, nhảo ra khỏi xe cùng với Aparo ở ghế bên.

Khi thấy một người đàn ông từ trong phòng trưng bày loạng choạng bước ra, Reilly vẫn còn ở phía sau cánh cửa xe. Anh không chắc điều mình nhìn thấy đúng hay không. Đầu người đàn ông đó dường như bốc cháy.

Lucien lảo đảo trên đường, tóc vào áo gã bốc cháy, Gus vọt ra theo, bám rất sát bên gã để cảnh sát không dám mạo hiểm nổ súng.

Hoặc là y hy vọng như thế.

Để ngăn không cho họ tiến lại quá gần, y nhả đạn về cả hai phía. Khẩu Beretta chó chết của y thật vô dụng trong những lúc như thế này, nhưng nó cũng làm bốn tên cớm kia phải chút đầu nấp xuống.

Tiếng kính xe vỡ loảng xoảng, những tiếng thét sợ hãi vang lên giữa đường phố vắng vẻ.

Reilly nhìn thấy gã đàn ông kia giơ súng lên vừa kịp lúc để hụp xuống sau cánh cửa xe. Những tiếng nổ vang rền trên đường phố, hai phát đạn găm vào bức tường gạch phía sau Reilly, viên thứ ba trúng vào đèn trái chiếc Chrysler của anh, vang lên tiếng crom và kính vỡ tan. Liếc sang bên phải, Reilly nhìn thấy bốn người khác qua đường nép mình phía sau một chiếc Mercedes đang đậu, rõ ràng là họ sợ mất mật. Reilly đoán họ đang tìm cách bỏ chạy, đó không phải là giải pháp hay ho gì trong trường hợp này. Cứ nấp sau chiếc xe, họ sẽ an toàn hơn. Một người trong số họ nhìn sang phía anh, Reilly ra dấu bảo nằm xuống đồng thời thét lên, "Nằm xuống! Đừng di chuyển!" Người đàn ông gật đầu, vẻ lo lắng, hụp người xuống, không thấy ông ta đâu nữa.

Reilly quay lại, nhoài người ta, cố nã một phát đạn, nhưng gã đàn ông mà Reilly biết là Gus đã bỏ lên ngay phía sau người chủ phòng trưng bày. Y bám quá sát người chủ tiệm. Reilly không thể nào bắn được. Cấp bách hơn nữa, anh không làm được gì để giúp anh chàng chủ phòng trưng bày đang sụm xuống, tiếng kêu la đau đớn của anh ta vọng khắp suốt con đường phố lúc này đã vắng ngắt.

Ngay lúc đó, Gus chạy xa khỏi anh chàng bị đốt, bắn vài phát về phía các nhân viên đặc vụ khác. Thời gian có vẻ như chậm lại khi Reilly nhận ra thời cơ và nắm bắt ngay. Nín thở, nhô đầu lên khỏi cánh cửa xe, Reilly giữ chặt khẩu Hi-Power bằng cả hai tay trong tư thế đứng thẳng, chỉ trong tích tắc, anh đã dóng thẳng mục tiêu với đầu ruồi trước và rãnh ngắm phía sau của khẩu súng, rồi nhẹ nhàng bóp cổ bằng một lực đều đặn tăng dần. Tiếng viên đạn gầm lên khi vọt ra khỏi nòng khẩu Browning. Một tia máu phun ra từ đùi Gus.

Reilly nhổm lên, lao tới người đàn ông bốc cháy, nhưng định mệnh đã ngăn cản bất kỳ kế hoạch quả cảm nào mà anh dự định, ngay lúc đó, một chiếc xe tải chở hàng lù lù xuất hiện giữa đường.

Lucien lăn lộn, hai cánh tay vùng vẫy, cố gắng một cách tuyệt vòng nhằm dập tắt ngọn lửa. Gus biết đến lúc y phải bỏ chạy, ngay lúc cái gì đó trúng vào đùi trái làm y lảo đảo ngã về một bên. Gus sờ vào vết thương, tay y nhỏ máy ròng ròng.

Đồ chó đẻ. Bọn cớm lại gặp hên nữa rồi.

Y nhìn thấy chiếc xe tải và nhả đạn về cả hai phía tốp cảnh sát, lợi dụng chiếc xe làm lá chắn và chuồn lẹ. Y cà nhắc đến góc phố và giờ đến lượt y gặp may. Một chiếc taxi vừa trở tới, thả xuống một hành khách, vị thương gia người Nhật trong bộ vest xanh xám. Gus hích vai đẩy ông khách Nhật qua một bên, giật cửa xe, tọt vào và đẩy người tài xế xuống đường. Trườn vào sau vôlăng, sang số, chợt y cảm thấy bị cái gì đó đánh vào một bên đầu. Đó là người tài xế, anh ta đang cố giành lại chiếc xe của mình, và gào lên bằng thứ ngôn ngữ gì đó không hiểu được. Thằng chó chết. Gus chĩa mũi khẩu Bretta ra cửa xe, siết cò và ghim một viên đạn vào khuôn mặt đỏ bừng vì phẫn nộ của người tài xế. Cho xe vọt lên, y biến mất.

Chương 16

Reilly lao chiếc xe hòm Chrysler màu đen tới, vọt lên lề đường và lách qua chiếc xe giao hàng, anh liếc thoáng qua đám đông đang cúi xuống nhìn thi thể người tài xế taxi.

Trên bộ đàm, Aparo và Buchinski đang trao đổi để tổ chức hỗ trợ và lập các chốt chặn. Điều tệ hại là họ đã quá nóng vội. Lẽ ra họ phải chốt chặn toàn bộ con đường, nhưng như Buchinski nói, họ sợ rằng con đường nhộn nhịp bỗng dưng trở nên vắng vẻ một cách bất thường sẽ đánh động gã hộ pháp kia trước khi y kịp đến phòng trưng bày. Reilly nghĩ đến cái bóng người bốc cháy từ trong cửa hàng lảo đảo chạy ra, và người tài xế taxi bị bắn vào đầu ngã bật ra sau. Giá như cứ đánh động tên nghi phạm thì cỡ lẽ hậu quả không tệ hại thế này.

Nhìn vào gương chiếu hậu, Reilly tự hỏi không biết Buchinski có cùng đuổi theo hay không.

Không. Mỗi người đi theo một hướng khác.

"Nhìn đường kìa!"

Tập trung chú ý lại sau lời nhắc nhở của Aparo, Reilly cho chiếc Chrysler len lỏi qua đám xe cộ đang bóp còi giận dữ khi chiếc taxi vọt như tên bắn ngang qua mặt họ. Lúc này chiếc taxi vọt vào một con hẻm. Reilly lao theo qua đám khói bụi xoáy tít trong không trung, cố gắng xác định phương hướng nhưng không được.

"Chúng ta đang ở cái chỗ quái quỷ nào thế này?" Reilly gào to.

"Đang hướng về phía sông."

Quả là một sự trợ giúp đáng kể.

Lúc chiếc taxi từ trong hẻm lao ra, nó quặt sang phải, tiếng bánh xe rít ken két trên mặt đường, ngay sau đó Reilly cũng làm y như vậy. Đủ loại xe cộ vun vút lao qua, dường như túa ra mọi hướng. Không thấy bong dáng chiếc taxi đâu cả.

Mất tiêu rồi.

Reilly đảo mắt hết trái rồi phải, cố tránh va quệt giữa dòng xe cộ ào ào hai bên.

"Kia rồi," Aparo vừa hét lên vừa chỉ tay.

Reilly phóng mắt quan sát thật nhanh, siết tay phanh và quặt sang trái vào một con hẻm khác, bánh xe nghiến ken két trên mặt đường bốc khói, và chiếc taxi kia rồi. Anh nhấn ga khi xe phóng xuống một con phố hẹp, quệt vào các thùng rác, những tia lửa lóe lên bên thành xe.

Lúc này, khi họ chạy vào con phố đậu chật xe, Reilly nghe tiếng kim loại va vào nhau khi chiếc taxi quẹt vào cái cản xóc và nắp đậy mâm bánh xe của những chiếc khác, chỉ là những va chạm sượt qua nhưng cũng đủ làm taxi chậm lại.

Thêm một lần quẹo phải và lúc này Reilly đã có thể trông thấy biển báo Đường hầm Lincoln. Đến lúc này thì họ gần bắt kịp chiếc taxi. Reilly liếc thấy Aparo đang đặt khẩu súng trên đùi.

"Đừng liều lĩnh," Reilly thốt lên, "Anh có thể may mắn bắn trúng hắn đấy."

Làm chiếc taxi lật nhào trên đường phố khi đang chạy với tốc độ như thế có thể là một thảm họa.

Chiếc taxi lại quặt lần nữa, làm đám khách bộ hàng đang thong thả bước trên vạch băng qua đường chạy tán loạn.

Reilly thấy cái gì đó nhô ra bên ngoài cửa tay lái taxi. Không thể là súng được. Phải là một thằng ngu dại mới vừa lái xe vừa bắn. Ngu xuẩn hoặc điên khùng.

Y như rằng, một ánh chớp nhoáng lên và khói tỏa ra.

"Bám chắc vào," Reilly nói.

Bẻ ngoặt tay lái, Reilly quặt mạnh chiếc Chrysler làm đuôi xe lật sang một bên, nhận ra một khoảng trống vốn là chỗ một tòa nhà đã bị kéo sập trước đó, Reilly lao xe qua khoảng trống đó, phóng qua sợi dây xích hàng rào làm bốc lên một đám mây bụi đất.

Vài giây sau, chiếc Chrysler vọt ra khỏi khoảng đất trống, tiếp tục đuổi theo taxi. Lúc này Reilly không nhìn thấy bàn tay và khẩu súng của tên lái thò ra cửa xe nữa.

Aparo chợt la lên, "Coi chừng!"

Một phụ nữ lững thững dắt một con chó săn lông đen tuyền, bà ta va phải người giao hàng đang đẩy một chiếc xe chất đầy những thùng bia làm các thùng bia đổ ngay trên lối chạy chiếc Chrysler, Reilly giật tay lái, kịp tránh người nhưng không tránh được cách thùng bia, một thùng bia này văng lên mui xe và đập vào kính chắn gió. Kính không vỡ hẳn nhưng cả tấm kính như mạng nhện.

"Tôi không thấy gì cả!" Reilly hét lên. Aparo dùng báng súng đập vỡ kính chắn gió, đến cú đập thứ ba thì tấm kính vỡ tung, mảnh vỡ bay qua xe và văng vào mui một chiếc đang đậu.

Nheo mắt chống lại sức gió quật, Reilly nhìn thấy cái biển báo đường cấm ngay chỗ con đường đột ngột thu hẹp lại. Tên kia liều lĩnh chạy vào đó không nhỉ? Nếu gặp cái gì đó hắn sẽ tiêu đời luôn. Chợt phát hiện một chỗ trống bên phải, có lẽ dài khoảng hơn năm mươi mét và không có biển cấm vào, Reilly đoán taxi sẽ chạy vào đó. Anh nhấn ga, hy vọng ép tên lái xe kia vào góc quẹo chết người đó. Chiếc Chrysler đuổi đến gần chiếc taxi.

Reilly suýt thành công. Chiếc taxi lao vào khoảng trống, đuôi xe quặt mạnh sang trái, các bánh xe nhấc lên khi chiếc xe lao vào góc tường gạch một tòa nhà.

Lúc Reilly đuổi theo taxi vào con đường mới này. Aparo càu nhàu, "Ôi, cứt thật," khi cả hai nhìn thấy một thằng bé trên chiếc ván trượt đang trượt ngang qua đường phía trước chiếc taxi. Thằng bé đeo tai nghe nhạc nên hoàn toàn không nghe thấy tiếng chiếc xe lao đến như cơn bão.

Theo bản năng, Reilly cho xe chậm lại, nhưng anh không thấy nó nhá đèn phanh, nó vẫn tiếp tục lao thẳng tới thằng bé.

Hắn sắp tông vào thằng bé. Hắn sắp giết thằng bé.

Reilly nhấn mạnh còi xe, mong tiếng còi kéo cậu bé ra khỏi dòng nhạc du dương bên tai. Chiếc taxi đã đến gần thằng bé hơn. Rồi thằng bé hờ hững nhìn sang trái, nhận ra taxi chỉ còn cách trong gang tắc, nó né kịp chiếc xe đang lao đến, taxi sượt qua, lao nhanh như tên bắn về phía trước, nghiến nát chiếc bàn trượt.

Lúc vượt qua thằng bé đang đứng bàng hoàng sửng sốt, Reilly nhận thấy con phố trước mặt tương đối vắng lặng. Không có chiếc xe nào trên đường. Cũng chẳng có khách bộ hành nào. Nếu muốn thử làm chuyện gì đó thì đây chính là lúc ra tay. Trước khi việc này trở nên thực sự tồi tệ.

Reilly cho xe vọt lên và bắt kịp chiếc taxi. Nhìn thấy khói bốc ra từ bánh sau bên trái taxi, anh đoán chắc hẳn cú va đập mạnh vào tường lúc nãy đã ép chặt phần thùng xe xuống lốp.

Aparo nhận thấy giờ họ đang bám sát chiếc taxi. "Cậu định làm gì vậy?"

Reilly lao chiếc Chrysler vào phía sau taxi, lực va chạm dội lại làm chấn động cả cổ và vai anh.

Rầm. Một lần.

Hai lần.

Reilly giảm tốc, rồi vọt tới, đâm vào gã lần thứ ba.

Lần này chiếc taxi xoay tròn trước khi văng lên lề đường, lật nghiêng một bên, trượt qua một cái cửa sổ ở mặt trước cửa hàng. Reilly đạp mạnh chân phanh, chiếc Chrysler kêu rin rít trên mặt đường rồi dừng lại, Reilly nhìn ta thấy lưng chiếc taxi vẫn còn nằm nghiêng, mắc kẹt trong cái nơi mà lúc này anh mới nhận ra là một cửa hàng bán nhạc cụ.

Lúc chiếc Chrysler dừng lại hẳn, Reilly và Aparo cũng vọt ra khỏi xe. Aparo đã thủ sẵn súng, Reilly cũng rút súng ra nhưng anh nhận thấy không cần thiết nữa.

Tên lái taxi đã bị văng ra khỏi xe qua khung kính chắn gió phía trước, nằm úp mặt xuống đất giữa những mảnh kính vỡ ngổn ngang, xung quanh y vương vãi các nhạc cụ cong queo. Những trang nhạc bay lả tả rơi xuống thân hình bất động của y.

Reilly thận trọng đá đá mũi giày phía dưới thân thể tên lái xe và hất ngửa hắn lên. Rõ ràng hắn đang bất tỉnh nhưng vẫn còn thở, mặt hắn bị rạch nhiều đường đẫm máu. Cánh tay hắn xoãi qua một bên lúc lật ngửa ra. Khẩu súng rơi ra khỏi tay. Lúc dùng mũi giày hất khẩu súng ra xa, Reilly nhận thấy vật gì đó.

Một cây thánh giá bằng vàng nạm đá quý thòi ra dưới chiếc áo khoác.

Chương 17

Chỉ có vài tin nhắn chờ Tess khi nàng bước vào văn phòng của mình ở Viện Khảo cổ Manoukian trên đường Lexington và đường 79. Có thể đoán trước một nửa số đó là từ Doug – anh chồng cũ của nàng, còn nửa kia, hầu như cũng có thể đoán được là của Leo Guiragossian, viện trưởng Viện Khảo cổ Manoukian, Guiragossian không hề giấu giếm việc ông ta thu nạp Tess chỉ vì một lý do: có cô con gái của Oliver Chaykin làm việc tại viện là rất có lợi khi viện cần vận động gây quỹ này quỹ nọ. Tess chẳng ưa gì cái lão đầu hói dễ ghét đó nhưng nàng cần có việc làm, và những hạn chế về ngân sách hiện này cũng làm râm ran những tin đồn về việc cắt giảm biên chế, hiện tại chẳng phải là lúc nàng có thể cư xử với ông sếp theo ý mình được.

Tess ném tất cả số tin nhắn đó vào giỏ rác, chẳng quan tâm đến đôi mắt tròn xoe vì ngạc nhiên của Lizzie Harding, người nữ thư ký lúc nào cũng từ tốn và hiền dịu như một bà mẹ mà nàng và ba nhà nghiên cứu khác được cùng làm việc chung. Cả Leo và Doug đều chỉ muốn ở nàng một thứ: những chi tiết đẫm máu của sự kiện đêm thứ Bảy. Những lý do khiến ông chủ của nàng muốn biết, ngoài sự tò mò bệnh hoạn, về khía cạnh nào đó, ít làm nàng khó chịu hơn những lý do vị kỷ của Doug.

Tess đã bố trí máy tính và điện thoại của mình ở vị trí mà chỉ cần khẽ nghiên đầu là nàng có thể nhìn ra khoảng vườn có lối đi lát đá nằm ngay phía sau ngôi nhà sang trọng kia. Ngôi nhà được người sáng lập Viện, vốn là một đại gia trong ngành tàu biển Armenia, xây dựng lại từ nhiều năm trước khi nàng ra đời. Một cây liễu đứng sừng sững như muốn choán hết cả không gian khu vườn. Những chùm lá liễu thanh thoát rủ xuống che phủ, biến một băng ghế dài thành nơi trú ngụ của hàng chục chú bồ câu và se sẻ.

Tess hướng sự chú ý trở lại bàn làm việc, lôi ra số điện thoại mà Clive Edmondson đã cho để liên lại với Jeb Simmons. Tess bấm số, chỉ ghe thấy tiếng máy tự động trả lời. Nàng cúp máy và gọi số khác. Thư ký của Simmons tại khoa Sử Đại học Brown cho biết ông đang tham gia một cuộc khai quật ở sa mạc Negev trong thời gian ba tháng, nhưng nếu có việc hệ trọng thì vẫn có thể liên lạc với ông được. Tess trả lời sẽ gọi lại sau rồi cúp máy.

Nhớ lại cuộc nói chuyện với Clive, Tess quyết định thử một cách tiếp cận khác. Nàng rà soát Những Trang Vàng trực tiếp, bấm chuột vào biểu tượng quay số và kết nói với tổng đại Đại học Columbia.

“Giáo sư William Vance,” Tess đáp lại cái giọng trả lời đều đều trong máy.

“Xin vui lòng đợi một lát,” giọng phụ nữ trả lời. Lúc sau, Tess nhận được trả lời: “Rất tiếc, tôi không thấy có người đăng ký tên này.”

Tess đã quá kỳ vọng. “Cô có thể nối máy cho tôi với khoa Sử được không?” Vài tiếng bấm nút, vài tiếng o o rồi nàng được tiếp chuyện với một phụ nữ khác. Có vẻ như cô này biết người mà Tess đang tìm kiếm.

“À, tôi nhớ ra Bill Vance rồi. Ông ấy đã rời khỏi đây… ôi cũng phải năm hay sáu năm rồi.”

Tess cảm thấy háo hức. “Cô có thể cho biết phải tìm ông ấy ở đâu không?”

“Tôi e là không. Tôi nghĩ ông ấy đã về hưu rồi. Rất tiếc không giúp cô được.”

Dù vậy, Tess vẫn hy vọng. “Tôi xin cô giúp tôi một chuyện được không?” nàng nói tiếp, giọng khẩn khoản. “Tôi thực sự cần nói chuyện với ông ấy. Tôi đang làm việc tại Viện Manoukin, và chúng tôi đã gặp nhau trong một cuộc khai quật nhiều năm trước. Có lẽ, nhờ cô hỏi giúp những người xung quanh xem liệu có đồng nghiệp nào của ông ấy trong khoa biết có thể tìm gặp ông ấy ở đâu không?”

Người phụ nữ vui lòng nhận lời hỏi giúp. Tess cho biết tên và số điện thoại, cảm ơn chị ta và gác máy. Nàng ngẫm nghĩ thêm một lát rồi lại lên mạng và lục trong các trang trắng để tìm William Vance. Nàng bắt đầu với New York, nhưng không thấy tăm hơi. Một trong những bất tiện của việc bùng nổ điện thoại di động là hầu như chẳng ai đăng ký cả. Nàng thử tìm ở bang Connecticut. Cũng không chút tăm hơi. Tess mở rộng phạm vi tìm kiếm ra khắp nước,

nhưng lần này lại có quá nhiều kết quả. Nàng gõ tên William Vance vào bộ máy tìm kiếm, kết quả là hàng trăm người, nhưng chỉ khi rà nhanh qua những cái tên đó, Tess chẳng tìm thấy cái gì chỉ ra tung tích hiện giờ của Vance.

Tess ngồi đó, trầm ngâm suy nghĩ một lát. Ngoài vườn, những con bồ câu đã hay đi hết, số lượng bọn chim sẻ tăng gấp đôi và hầu như chúng đang cãi vã nhau om sòm. Đẩy chiếc ghế chạy quanh, nàng nhìn lướt qua các kệ sách. Tess chợt nảy ra một ý và gọi lại trường Đại Học Columbia, lần này nàng yêu cầu được nối máy với thư viện sách. Sau khi xưng danh tánh đầy đủ với người đàn ông trả lời điện thoại ở đó, Tess cho anh ta biết nàng đang tìm kiếm bất cứ bài nghiên cứu hay sách báo nào do Vance viết mà họ có trong thư viện. Tess đánh vần tên Vance và cho biết nàng đặc biệt quan tâm tới mọi tài liệu lên quan đến những cuộc Thập tự chinh, vì nàng phỏng đoán có lẽ Vance không viết bài báo hay báo cáo nào chuyên biệt về các Hiệp sĩ Đền Thánh.

“Chắc chắn là được, xin chờ một lát,” anh chàng thủ thư trả lời và biến mất. Một lúc sau anh ta trở lại. “Tôi vừa điểm lại hết tất cả tác phẩm của William Vance mà chúng tôi đang có.” Anh ta đọc tên các bài báo và các tựa sách của Vance có vẻ như đáp ứng được yêu cầu của Tess.

“Anh có thể gửi cho tôi bản sao những tài liệu đó chứ?”

“Được thôi. Chúng tôi sẽ phải tính lệ phí với cô.”

Tess cho địa chỉ văn phòng của nàng và cẩn thận căn dặn anh ta ghi hóa đơn thanh toán mang tên nàng. Bây giờ chả phải là lúc làm cho người quản lý ngân sách của Viện bực mình. Nàng gác máy và cảm thấy phấn khích kỳ lạ. Tess nhớ lại những kỷ niệm ở hiện trường và cái cảm giác háo hức khích động, đặc biệt là thời điểm bắt đầu một cuộc khai quật, lúc mọi thứ đều hứa hẹn và tràn trề hy vọng.

Nhưng đây không phải là một cuộc khai quật.

Mày đang làm cái trò gì vậy?Mày chỉ là một nhà khảo cổ. Đây đâu phải là thời buổi của thám tử nghiệp dư. Hãy gọi cho FBI, nói cho họ biết mày nghĩ gì, và để tự họ lần ra manh mối. Tess không rõ liệu việc không cho họ biết nàng đang làm gì có gây cản trở cho công tiệc của họ hay không. Nàng gạt bỏ ngay ý nghĩ đó. Có thể họ sẽ cười đến vỡ nhà ra mất. Chà. Các thám tử và những nhà khảo cổ. Chẳng khác nhau bao nhiêu đâu nhỉ? Cả hai đều làm cái công việc phanh phui những gì đã xảy ra trong quá khứ. Nhưng mà, cái khoảng thời gian chỉ hai ngày trước đây thực sự đâu phải là cái khung thời gian mà các nhà khảo cổ thường tập trung chú ý.

Chẳng anh hưởng gì cả.

Tess không thể tự kiềm chế bản thân được nữa. Nàng đã bị sự việc đó kích động quá mất rồi. dù sao nàng đã có mặt ở đó. Nàng ở đó và đã tạo ra mối liên quan. Và nhất là, nàng thực sự, thực sự thiếu chút hứng khởi cho cuộc sống của chính mình. Tess lại vào mạng và lao vào tìm tòi nghiên cứu về các Hiệp sĩ Đền Thánh. Nàng liếc nhìn lên, nhận thấy Lizzie, cô thư ký, đang tò mò nhìn nàng. Tess mỉm cười với chị ấy. Tess mến Lizzie, và thỉnh thoảng nàng vẫn tâm sự với Lizzie những chuyện riêng tư. Nhưng, sau khi nói chuyện với Clive, nàng sẽ không thổ lộ với bất kỳ ai khác. Không lộ chuyện này.

Không, với bất kỳ ai.

Chương 18

Cả Reilly và Aparo đều không hề hấn gì, chỉ bầm tím vài chỗ do đai an toàn trên xe xiết vào người và bị vài vết thương nhỏ do mảnh kính vỡ văng phải. Họ lao theo chiếc xe cứu thương đưa Gus Waldron phóng nhanh theo đường FDR[35] đến Bệnh viện Giáo hội Trưởng lão New York. Khi Waldron được đưa vào phòng phẫu thuật, một bà y tá da đen tính khí nóng nảy đòi cả hai phải để bà ta kiểm tra các vết thương. Rốt cuộc, họ đành phải nhượng bộ, sau khi rửa và băng các vết đứt trên người họ khá mạnh tay – mạnh tay hơn họ tưởng – bà y tá để cho cả hai đi.

Theo các bác sĩ ở phòng cấp cứu, gã đàn ông của họ đang trong tình trạng không thể nói năng gì được ít nhất trong hai ngày nữa hoặc có thể lâu hơn. Các vết thương của y rất nặng. Tất cả những gì họ có thể làm lúc này là đợi cho đến lúc gã hồi phục để có thể trả lời cuộc hỏi cung, đồng thời hy vọng các thám tử và nhân viên đặc vụ bây giờ sẽ điều tra cuộc sống của tên hung phạm bị thương này, tìm ra nơi ẩn náu của y sau vụ tấn công cướp phá viện bảo tàng.

Sau khi bảo với Reilly là công việc hôm nay đến đây coi như xong, Aparo quay về nhà với cô vợ ngoài bốn mươi đang mang thai đứa con thứ ba. Reilly quyết định quanh quẩn gần đó chờ cho đến khi tên cướp được đưa ra khỏi phòng phẫu thuật rồi mới về nhà. Mặc dù những sự kiện trong ngày hôm nay đã làm Reilly kiệt quệ cả về tinh thần lẫn thể xác, anh chẳng bao giờ vội vàng trở về với nỗi cô đơn trong căn hộ của mình. Sống một mình trong cái thành phố nhung nhúc người và cuồn cuộn sức sống này khiến người ta thành như vậy.

Lang thang tìm một tách cà phê nóng, Reilly bước vào thang máy và bất chợt bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc nhìn anh đăm đăm. Không thể lầm được, đôi mắt xanh biếc ấy. Người phụ nữ gật đầu chào vẻ thân thiện rồi quay mặt đi. Reilly có thể nhận ra cô bận tâm tới điều gì đó và đang nhìn vào một nơi nào khác, ánh mắt của Reilly lưu lại trên hai cánh cửa thanh máy khi chúng khép lại.

Reilly ngạc nhiên nhận thấy khoảng không gian tù túng trong cái thang máy nhỏ bé hình như làm cô bối rối. Khi thang máy u u tụt xuống, anh nhìn lên và thấy cô đã lại nhận ra anh. Reilly thử đánh bạo nở nụ cười, một thứ gần như là nụ cười, và ngạc nhiên thấy vẻ hưởng ứng thoáng hiện trên mặt cô.

“Anh cũng có mặt ở đó phải không? Tại viện bảo tàng vào cái đêm…” cô ướm giọng, thăm dò.

“Vâng, cũng gần như vậy. Tôi đến sau.” Reilly ngừng lại, cảm thấy mình khá giữ kẽ. “Tôi đến cùng với FBI.” Reilly chẳng muốn nói cái kiểu đó chút nào, dù thực sự là chẳng có cách nào đơn giản hơn để nói ra điều đó.

“Vậy hả.”

Có một khoảng im lặng đột ngột trước khi cả hai cùng cất tiếng một lúc.

“Cuộc điều tra…” tiếng cô cất lên cùng lúc với tiếng Reilly “Vậy cô…”

Cả hai cùng im bặt nửa chừng và cùng mỉm cười.

“Tôi xin lỗi,” Reilly cất tiếng. “Cô đang nói gì?”

“Tôi muốn hỏi anh cuộc điều tra tiến triển thế nào, nhưng rồi tôi cho đó là điều anh không thể tự do muốn nói gì thì nói.”

“Không hẳn vậy,” Nghe có vẻ hách xì xằng quá. Reilly thầm nghĩ, rồi nhanh chóng nói tiếp, “Nhưng dù sao cũng chẳng có gì nhiều để nói. Cô đến đây làm gì vậy?”

“Tôi vừa đến thăm một người bạn. Anh ấy bị thương trong đêm đó.”

“Anh ta ổn chứ?”

“Vâng, anh ấy sắp bình phục.”

Một tiếng “ping” vang lên khi thanh máy xuống đến tầng trệt. Khi Reilly nhìn cô ta bước ra, người phụ nữ quay lại, dường như cô ta quyết định nói một điều gì đó.

“Tôi vừa định lên hệ lại với văn phòng của anh. Đêm đó, cô Gaines đã cho tôi danh thiếp của cô ấy.”

“Đó là Amelia. Chúng tôi cùng làm việc với nhau.Tôi là Reilly. Sean Reilly.” Anh đưa tay ra.

Tess bắt tay Reilly và giới thiệu tên nàng.

“Tôi có thể giúp cô điều gì không?” Reilly hỏi.

“Ồ chỉ là... cô ấy nói nếu tôi nghĩ ra được điều gì thì gọi cho cô ấy, và, đúng vậy, hiện tôi đang nghĩ đến một việc. Đó thực ra là điều anh bạn của tôi ở đây đã giúp tôi. Nhưng tôi nghĩ chắc là người của anh đã xem xét chuyện này rồi.”

“Chưa chắc. Xin hãy tin tôi, chúng tôi luôn luôn lắng nghe những thông tin mới. Là chuyện gì vậy?”

“Đó là toàn bộ câu chuyện về dòng Đền Thánh, về các Hiệp sĩ Đền Thánh.”

Rõ ràng, Reilly không hiểu cô ta muốn nói gì.

“Chuyện Đền Thánh gì vậy?”

“Anh biết đó, những thứ trang phục bọn chúng mặc trên người, cái máy giải mã bị chúng lấy đi. Và câu châm ngôn Latinh mà một trong những tên kỵ sĩ ấy đã nói khi y chộp lấy cái máy ấy.”

Reilly nhìn Tess, bối rối. “Xin phép mời cô một tách cà phê, được chứ?”

.....

[35] FDR viết tắt của Franklin Delana Roosevelt, tổng thống Mỹ từ 1933-1945.

Chương 19

Quán cà phê tầng trệt bệnh viện gần như không có khách. Sau khi bưng cà phê ra bàn. Tess ngạc nhiên khi điều đầu tiên Reilly hỏi nàng là cô bé ở viện bảo tàng với nàng hôm đó có phải là con gái của nàng không.

“Vâng, là con gái tôi đấy,” Tess mỉm cười. “Tên cháu là Kim.”

“Trông cháu giống hệt cô.”

Ngay lập tức, Tess cảm thấy thất vọng. Dù chỉ nhìn thấy Reilly thoáng qua ở viện bảo tàng, và chỉ thực sự gặp anh vài phút trước đây, nhưng Tess cảm thấy Reilly có cái gì đó làm nàng thấy dễ chịu, thoải mái. Chúa ơi, chắc mình phải thực sự xem lại những cảm nhận của mình về cánh đàn ông quá. Tess thu người lại, chờ đợi sự khen ngợi theo thông lệ không thể tránh khỏi của một gã-trai-đang-giở-trò-tán-tỉnh. Nào là – Cô còn trẻ quá, cô đi với cháu mà tôi cứ tưởng như hai chị em, hay đại loại những lời như thế. Nhưng Reilly lại làm nàng ngạc nhiên khi hỏi, “khi sự việc xảy ra, cháu bé ở đâu?”

“Kim hả? Trước đó, mẹ tôi đưa cháu vào phòng vệ sinh. Lúc còn trong đó, mẹ tôi nghe tiếng ồn ào náo động bên ngoài nên bà quyết định hai bà cháu cứ ở yên tại chỗ.”

“Vậy là họ không chứng kiến cái đoạn tệ hại kia.”

Tess gật đầu, nàng lấy làm lạ về sự quan tâm của Reilly. “Cả hai đều không thấy gì cả.”

“Sau đó thì sao?”

“Tôi đi tìm họ và cố gắng làm sao để chúng tôi ở thật xa cho đến khi các xe cứu thương chạy đi hết,” Tess trả lời, vẫn không hiểu Reilly đang muốn hướng câu chuyện về đâu.

“Vậy là cháu bé không thấy những người bị thương hoặc...”

“Không, cháu chỉ thấy đống đổ nát trong Đại sảnh,”

Reilly gật đầu. “Tốt lắm. Nhưng rõ ràng là cháu biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Cháu mới chín tuổi thôi, anh Reilly à. Giờ cháu đang là người bạn mới tốt nhất của mọi người ở trường, ai cũng muốn biết cảm giác ra sao khi có mặt ở đó.”

“Tôi có thể tưởng tượng được điều đó. Tuy vậy, cô nên trông chừng cháu. Cho dù cháu không tận mắt chứng kiến chuyện đó, nhưng những chuyện như thế có thể để lại hậu quả, nhất là đối với trẻ con. Có thể chỉ là những cơn ác mộng, nhưng cũng có thể nghiêm trọng hơn. Cô phải trông chừng cháu, thực đấy. Cô không bao giờ lường hết được mọi chuyện đâu.”

Tess hoàn toàn bất ngờ vì sự quan tâm của Reilly dành cho Kim. Nàng sửng sốt gật đầu, “Hẳn là thế rồi.”

Reilly ngồi dựa ra ghế. “Còn cô thì sao? Cô đã ở ngay giữa cái đống hỗn loạn đó.”

Tess cảm thấy tò mò. “Sao anh biết?”

“Các máy ghi hình bảo vệ an ninh của viện bảo tàng. Tôi thấy cô trong băng hình.” Reilly không biết liệu nói ra như vậy có vẻ sống sượng quá không. Anh hy vọng không đến nỗi như vậy, nhưng Reilly không thể đoán được gì qua nét mặt nàng. “Cô không sao chứ?”

“Vâng.” Tess thoáng nhớ lại cảnh tượng những tên kỵ sĩ đập phá viện bảo tàng và nổ súng bừa bãi, và tên kỵ sĩ thứ tư chộp lấy chiếc máy mã hóa chỉ cách nàng trong gang tấc, con ngựa của hắn thực sự phả hơi thở vào người nàng

theo đúng nghĩa đen. Tess không thể nào quên, cảnh tượng đó, và nỗi sợ hãi mà nàng cảm nhận lúc đó hẳn cũng không dễ sớm phai nhạt. Tess cố giữ không để lộ điều đó ra. "Thật là kinh khủng nhưng... không hiểu vì sao chuyện có vẻ như không có thực, tôi cũng không biết nữa, có lẽ tôi đã chôn vùi nó xuống dưới cái mảng hư cấu trong kho ký ức của mình."

"Vậy cũng tốt," Reilly ngập ngừng. "Tôi xin lỗi vì đã tò mò, chẳng qua tôi đã gặp nhiều tình huống như vậy và sự thật là việc đối mặt với nó không phải lúc nào cũng dễ dàng."

Tess nhìn Reilly, mặt rạng rỡ. "Tôi hiểu. Và tôi rất cảm ơn sự quan tâm của anh," Tess nói, có phần ngạc nhiên khi nhận ra rằng nàng thường rất cảnh giác khi bất kỳ ai đó nói chuyện với nàng về Kim, con gái nàng nhưng lại hoàn toàn không phản đối gì người đàn ông này. Sự quan tâm của anh ta xem ra rất chân thành.

"Vậy," Reilly nói. "Mấy chuyện về các Hiệp sĩ Đền Thánh là gì?"

Tess nhích đến gần Reilly hơn, vẻ ngạc nhiên. "Các anh chưa điều tra vụ việc dưới bất kỳ góc độ nào về dòng Đền Thánh hay sao?"

"Theo tôi biết thì không."

Tess cụt hứng. "Anh thấy đấy, tôi đã biết là nó chẳng có ý nghĩa gì mà."

"Cứ nói cho tôi biết cô đang nghĩ gì."

"Anh biết gì về họ?"

"Không nhiều lắm," Reilly thú nhận.

"Chà. Tin tốt là anh không phải một người mất trí." Tess mỉm cười và cảm thấy ân hận ngay về lời bình đó, nhưng Reilly không để ý, Tess tiếp tục. "Thôi được. Xem nào... năm 1118. Cuộc Thập tự chinh lần thứ nhất chấm dứt và vùng Đất Thánh lại trở về tay người Thiên Chúa giáo. Baldwin II là vua Jerusalem, mọi người trên khắp Châu Âu đều hân hoan mừng rỡ, và những đoàn người hành hương lũ lượt kéo tới xem thử những náo loạn ầm ĩ đó ra sao. Điều mà những người hành hương thường không ngờ tới là họ đang liều lĩnh đi vào vùng lãnh thổ nguy hiểm. Một khi đã "giải phóng" vùng Đất Thánh, những hiệp sĩ Thập tự chinh coi như mình thực hiện xong lời thề, họ trở về quê nhà ở châu Âu, manh theo những của cải cướp bóc được, và bỏ lại vùng đất nằm giữa sự vây bọc của các quốc gia Hồi giáo thù địch. Người Thổ và người Hồi giáo đã mất nhiều cùng lãnh thổ vào tay những đoàn quân Thiên Chúa giáo, bọn họ không bao giờ tha thứ và quên mối cừu hận đó, nên rất nhiều đoàn hành hương đến đó nhưng không bao giờ tới được Jerusalem. Những người hành hương bị tấn công, cướp bóc, và thường là bị sát hại. Những tên cướp Ả rập là mối đe dọa triền miên đối với các đoàn khách lữ hành, và trước hết chúng làm tiêu ma mục đích cuộc Thập tự chinh."

Tess kể với Reilly là chỉ trong một vụ việc xảy ra trong năm đó, những tên cướp Ả rập Hồi giáo đã phục kích và giết hơn ba trăm người hành hương trên những con đường nguy hiểm giữa thành phố cảng Jaffa, nơi chúng đổ bộ lên vùng duyên hải Palestine, và thành phố thiêng Jerusalem. Không bao lâu sau, người ta phải bố trí một nhóm hiệp sĩ thường trực bên ngoài tường thành của thành phố. Đó là lúc các Hiệp sĩ Đền Thánh xuất hiện. Chín vị hiệp sĩ sùng đạo do Hughes de Payens dẫn đầu đã đến cung điện của Baldwin ở Jerusalem, nguyện phụng sự đức vua. Họ tuyên bố chấp nhận sống theo ba lời thề chính thức nguyện sống trinh bạch, nghèo khó và tuân phục, nhưng họ đã thêm một lời thề thứ tư: lời thề vĩnh viễn bảo vệ những người hành hương trong hành trình từ vùng bờ biển đến thành phố. Căn cứ theo tình hình lúc đó, các hiệp sĩ đã có mặt thật đúng lúc. Đất nước Thập tự chinh rất cần những chiến sĩ lão luyện.

Vua Baldwin hết sức cảm kích trước sự xả thân của các hiệp sĩ sùng đạo và cho họ trú ngụ ở khu phía Đông cung điện của mình, cạnh địa điểm mà có thời ngôi đền của vua Salomon tọa lạc. Người ta biết đến họ với danh hiệu Dòng tu của các hiệp sĩ Kitô khổ hạnh và của Đền Solomon – hay nói đơn giản hơn, các Hiệp sĩ Đền Thánh.

Tess nghiêng người. "Ý nghĩa quan trọng về mặt tôn giáo của địa điểm mà vua Baldwwin ban cho cái dòng tu đang phát triển đó chính là điểm mấu chốt của vấn đề," nàng giải thích. Vua Solomon đã xây dựng ngôi đền đầu tiên vào năm 950 trước Công nguyên. Thân phụ của Solomon là vua David trước đó cho khởi công xây dựng công trình này theo mệnh lệnh của Thượng Đế, xây dựng một ngôi đền để cất giữ chiếc Hòm Pháp Điển, một cái hòm Thánh tích lưu giữ những phiến đá có khắc các điều răn của Thượng đế ban cho Moses. Triều đại huy hoàng của Solomon

chấm dứt khi nhà vua băng hà, cũng là lúc các quốc gia phía Đông tiến vào thu phục các vùng lãnh thổ của người Do Thái. Ngôi đền bị những người Chaldins xâm chiếm phá hủy vào năm 586 trước Công nguyên, họ bắt người Do Thái mang về Babylon làm nô lệ. Hơn năm trăm năm sau, ngôi đền được vua Herod xây dựng lại để cố thu phục lòng tin của các thần dân Do Thái, và để chứng tỏ với họ rằng nhà vua của họ, tuy là người gốc Ả rập, nhưng là một tín đồ ngoan đạo của tôn giáo mà ông đang thờ phụng. Ngôi đền là một thành tựu rực rỡ của nhà vua: uy nghi sừng sững giữa thung lũng Kidron, ngôi đền mới là một công trình kiến trúc công phu mà tráng lệ hơn hẳn ngôi đền trước kia. Nội tẩm ngôi đền, phía sau hai cánh cửa vàng đồ sộ, chứa Thánh Vật thiêng liêng hơn hết thảy mà chỉ có vị Giáo chủ tối cao của người Do Thái mới có quyền tiếp cận.

Sau cái chết của vua Herod, tinh thần phản kháng của người Do Thái nhen nhóm trở lại và vào năm 66 Công nguyên, những người nổi dậy đã giành lại được quyền kiểm soát lãnh thổ Palestine, Hoàng đế La Mã Vespasian cử con trai mình là Titus đi dẹp loạn. Sau sáu tháng kháng cự anh dũng, vào năm 70 Công nguyên, Jerusalem cuối cùng lại rơi vào tay các quân đoàn La Mã. Titus ra lệnh san bằng toàn bộ thành phố, toàn bộ dân cư cũng bị giết sạch. Thế là, "cái công trình huy hoàng lộng lẫy nhất mà người ta từng nhìn thấy hoặc nghe nói đến" như sử gia Josephus thời đó mô tả, đã một lần nữa sụp đổ.

Chưa đầy một trăm năm sau, cuộc nổi dậy thứ hai của người Do Thái cũng bị người La Mã nghiền nát. Lần này tất cả người Do Thái bị cấm léo hánh tới Jerusalem và những điện thờ thần Zeus và vị hoàng đế-thần-thánh Hadrian của La Mã được xây dựng trên Núi Đền. Sáu trăm năm sau, một ngôi đền thiêng khác được xây dựng tại vị trí này cùng với sự trỗi dậy của đạo Hồi và cuộc chinh phục Jerusalem của người Ả rập, địa điểm thiêng liêng nhất của Do Thái giáo đã được tái xác định là địa điểm mà con ngựa của đấng tiên tri Mohammed thăng thiên. Và thế là vào năm 691, Đền Vòm Đá được Quốc vương đạo Hồi Abd El-Malik xây dựng ngay trên vị trí này. Kể từ đó, Đền Vòm Đá là Thánh đường của đạo Hồi, ngoại trừ khoảng thời gian những người Thập tự chinh cai trị Jerusalem, ngôi đền đã bị cải tạo thành một nhà thờ Thiên Chúa giáo gọi là Templum Domini, tức Đền thờ Thiên Chúa, và một thánh đường Hồi giáo khác – đền Al-Aqsa cũng được xây dựng trong quần thể đó, đều biến thành sở chỉ huy của dòng Hiệp sĩ Đền Thánh đang đâm chồi nảy lộc.

Lý tưởng hào hùng của chín vị hiệp sĩ dũng cảm bảo vệ những người hành hương yếu đuối đã nhanh chóng tác động vào trí tưởng tượng của người dân trên khắp châu Âu. Chẳng mấy chốc có nhiều người dành cho các Hiệp sĩ Đền Thánh một sự tôn kính đầy lãng mạn và tình nguyện gia nhập giáo đoàn như những tân binh. Giới quý tộc khắp châu Âu cũng hào phóng hỗ trợ, các loại quà cáp, tiền bạc và đất đai ào ạt đổ xô đến với họ. Sự kiện này càng có tác động lớn hơn khi Dòng tu được Giáo hoàng ban phước lành, một điều hiếm có, có ý nghĩa rất lớn vào thời bấy giờ khi mà tất cả các vua chúa, các quốc gia đều coi Tòa Thánh như một uy quyền tối cao trong thế giới Thiên Chúa giáo. Và như vậy, Dòng tu đó đã phát, ban đầu còn chậm, càng về sau càng lớn mạnh nhanh hơn. Họ được huấn luyện gắt gao như những chiến binh, và do những thành công liên tiếp trên chiến trường, các hoạt động của họ cành lúc càng lan rộng. Từ sứ mạng ban đầu là bảo vệ những người hành hương, dần dần họ được coi là các chiến binh bảo vệ vùng Đất Thánh.

Trong thời gian không đầy một trăm năm, Dòng tu Hiệp sĩ Đền Thánh đã trở thành một trong những tổ chức giàu có nhất và thế lực nhất ở châu Âu, chỉ đứng sau Giáo hoàng, họ sỡ hữu vô số đất đai ở Anh, Scotland, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Áo... Và với một mạng lưới lãnh thổ lâu đài thành quách rộng lớn như vậy, họ nhanh chóng trở thành những ông chủ ngân hàng quốc tế đầu tiên của thế giới, bố trí các cơ sở tín dụng cho các vị hoàng tộc bị phá sản trên khắp châu Âu, bảo vệ các quỹ hành hương, và trên thực tế đã phát minh khái niệm séc du lịch. Tiền tệ thời đó chỉ là vàng hay bạc và giá trị của chúng được tính một cách đơn giản dựa trên trọng lượng. Thay vì nhận lấy số vàng bạc mang theo người dễ bị cướp bóc, khách hành hương chỉ việc nạp tiền của mình vào nhà hay lâu đài của các Hiệp sĩ Đền Thánh tại bất kỳ nơi nào ở châu Âu và được nhận một tờ phiếu có ghi mã số. Khi đã đến nơi muốn đến, khách hành hương sẽ tới trụ sở của Hiệp sĩ Đền Thánh tại địa phương đó, đưa tờ phiếu kia ra, nó sẽ được giải mã bằng máy giải mã luôn được canh gác hết sức nghiêm ngặt, và nhận lại món tiền đã gửi.

Tess nhìn Reilly để biết chắc là anh đã nắm được những điều nàng vừa trình bày. "Từ cái thiện ý của một nhóm nhỏ gồm chín quý tộc muốn bảo vệ Đất Thánh khỏi sự quấy nhiễu của người Ả rập Hồi giáo, họ đã nhanh chóng hình thành một tổ chức bí mật thế lực nhất vào thời đó, cạnh tranh với Tòa Thánh Vatican về sự giàu có và tầm ảnh hưởng."

"Rồi toàn bộ tổ chức đó đổ đốn ra chứ gì?" Reilly hỏi.

"Đúng vậy. Trên phạm vi lớn. Rốt cuộc vào thế kỷ mười ba các đạo quân Hồi giáo chiếm lại Đất Thánh và làm cho đoàn quân Thập tự chinh phải cuốn gói ra đi, lần này thì vĩnh viễn. Từ đó không còn cuộc Thập tự chinh nào nữa. Các Hiệp sĩ Đền Thánh là những người ra đi sau cùng, sau khi bị đánh bại tại Acre vào năm 1291. Khi trở về châu

Âu, toàn bộ lý do tồn tại của họ không còn nữa. Không còn khách hành hương để hộ tống, chẳng còn Đất Thánh để bảo vệ. Không có tổ ấm để trở về, không có kẻ thù, và cũng chẳng còn chính nghĩa. Và họ cũng chẳng có nhiều bè bạn. Tất cả quyền lực và của cải đều rơi vào tay những kẻ cầm đầu, những chiến sĩ nghèo khổ của Chúa Kito không còn nghèo khổ nữa mà đã trở nên tham lam và kiêu ngạo. Và nhiều bậc đế vương, cụ thể là vua nước Pháp, đã nợ họ không ít tiền bạc."

"Và họ sụp đổ đến tận bùn đen."

"Sụp đổ và cháy rụi," Tess gật đầu. "Theo đúng nghĩa," Tess nhấp một ngụm cà phê và kể với Reilly về một chiến dịch, rỉ tai về các Hiệp sĩ Đền Thánh đã khởi sự vào thời đó như thế nào, và việc giữ bí mật theo nghi thức khi Dòng tu tiến hành nghi lễ kết nạp thành viên trong bao năm, chắc chắn đã trợ giúp đắc lực cho chiến dịch này. Chẳng bao lâu một loạt những cáo buộc dị giáo quá khích và ghê tởm nhắm vào họ.

"Rồi đã xảy ra chuyện gì?"

"Thứ Sáu ngày mười ba," Tess nhăn mặt. "Nguồn gốc sự tích thứ Sáu ngày mười ba đấy."

Chương 20

Paris, nước Pháp – tháng Ba năm 1314.

Jacques de Molay dần dần tỉnh lại. Lần này thì bao lâu? Một tiếng đồng hồ? Hai tiếng? Vị Đại Thủ Lĩnh biết không thể nào lâu hơn thế. Vài tiếng đồng hồ bất tỉnh là một sự xa xỉ mà chúng không bao giờ cho phép.

Khi màn sương tan dần trong tâm trí, cảm giác đau đớn lại dấy lên, và ông lại cố xua chúng ra khỏi tâm trí như thường lệ. Tâm trí là cái gì đó kỳ lạ và đầy quyền năng, và sau bao nhiêu năm bị giam cầm và tra tấn, ông đã biết cách sử dụng tâm trí như một thứ vũ khí. Một thứ vũ khí phòng vệ, nhưng dù sao vẫn là vũ khí, với nó ông có thể chống lại ít nhất vài điều trong số những kẻ thù của ông cố đạt được.

Chúng có thể bẻ gãy thân xác ông, và bọn chúng đã làm như vậy, nhưng tinh thần và tâm trí ông, dù có bị thương tổn, vẫn là của riêng ông.

Niền tin của ông cũng vậy.

Mở mắt ra, vị Đại Thủ lĩnh nhận thấy chẳng có gì thay đổi, dù đã có một sự khác biệt kỳ lạ mà thoạt đầu ông không nhận ra. Các bức tường xà lim vẫn bao phủ một lớp chất nhờn màu xanh, cái thứ nhờn nhợt này cũng rỉ xuống nền xà lim lởm chởm đá cuội, một cái nền hầu như được làm bằng bụi bặm, máu khô và cứt đái đã bao ngày tích tụ. Có bao nhiêu thứ dơ bẩn trên cơ thể ông đã chảy xuống đó? Chắc là nhiều lắm, ông đoán vậy. Rốt cuộc, ông đã ở đây được... ông tập trung tinh thần. Sáu năm? Hay bảy năm? Khoảng thời gian quá thừa thãi để hủy hoại thân xác ông.

Xương cốt trong người ông đã gãy nát, để rồi được nắn xếp lại một cách thô bạo, rồi lại gãy vỡ. Những khớp chi bị vặn trật ra, những sợi gân đau buốt. Ông biết bàn tay và cánh tay của mình không còn dùng vào việc gì nữa, ông cũng không đi được nữa rồi. Nhưng bọn chúng không thể ngăn chặn tâm trí ông hoạt động. Nó tự do bay nhảy, tự do rời khỏi những ngục tù tăm tối và khốn khổ bên dưới những con đường của thành phố Paris để chu du... bất cứ nơi đâu.

Vậy thì, hôm nay ông sẽ đi đâu nhỉ? Những nông trại cò bay thẳng cánh đến trung tâm nước Pháp? Đến dưới chân những ngọn núi dãy Alps? Đến miền duyên hải, hay xa hơn, trở về Quê hương Hải ngoại yêu dấu bên kia bờ biển?

Ta băn khoăn tự hỏi không biết mình có mất trí không? Có thể lắm chứ. Đây không phải là lần đầu ông nghĩ như vậy. Để chịu đựng tất cả mọi thứ cực hình mà những kẻ tra tấn ông, những kẻ cai trị cái đáy địa ngục dưới lòng đất này, đã đày đọa trên thân xác ông, ông chẳng có cách nào để giữ cho đầu óc được bình tĩnh, sáng suốt.

Ông cố gắng hơn để tập trung tinh thần nhớ lại khoảnh thời gian đã trải qua ở đây. Bây giờ thì ông nhớ ra rồi. Đã sáu năm rưỡi kể từ cái đêm quân lính của nhà vua tàn phá Đền thờ Paris.

Đền thờ Paris của ông.

Đó là một ngày thứ Sáu, ông nhớ lại. Ngày 13 tháng Mười năm 1307. Rạng sáng, lúc ông và hầu hết các hiệp sĩ huynh đệ đang ngủ, hàng tá thủ hạ thân tín của nhà vua đã ập vào. Lẽ ra các Hiệp sĩ Đền Thánh phải chuẩn bị tốt hơn. Từ nhiều tháng trước, ông đã biết nhà vua tham lam và đám thủ hạ thân tín đang tìm cách lật đổ quyền lực của các Hiệp sĩ Đền Thánh. Sáng hôm đó, rốt cục họ đã nhớ lại thế nào là lòng dũng cảm và chính nghĩa. Họ cũng đã hết lòng chiến đấu và không dễ dàng chịu thua, nhưng quân của nhà vua có được yếu tố bất ngờ và áp đảo về quân số, không bao lâu các hiệp sĩ phải chịu khuất phục.

Họ phải đứng đó, bất lực nhìn Đền thờ bị cướp phá. Tất cả những gì mà vị Đại Thủ lĩnh có thể làm là hy vọng nhà vua và đám tay sai không hiểu được ý nghĩa quan trọng của những thứ đồ đạc mà họ cướp đi, hoặc vì lòng tham vàng bạc châu báu làm mờ mắt mà bọn chúng không nhận ra những vật có vẻ vô giá trị kia thật ra lại có giá trị không thể nào đếm được. Và rồi sự yên lặng buông xuống, cho đến khi lần lượt de Molay và các hiệp sĩ, với sự nhã nhặn đáng ngạc nhiên, bị lùa lên xe ngựa chở tới nơi mà định mệnh họ đã an bài.

Giờ đây, khi nhớ lại sự yên lặng đó, de Molay nhận ra đó là sự khác biệt của ngày hôm nay.

Thật yên lặng.

Bình thường nhà ngục là một nơi rất ầm ĩ: tiếng xiềng xích khua rổn rảng, tiếng cùm trăn và tiếng bánh xe hình tra tấn kêu ken két, tiếng lò lửa rít, cùng với tiếng la hét không rứt của những nạn nhân bị tra tấn.

Vậy mà hôm nay lại không như vậy.

Vị Đại Thủ lĩnh nghe thấy một âm thanh. Những bước chân đang đến gần. Thoạt đầu ông nghĩ đó là tiếng bước chân của Gaspard Chaix, sếp sòng của bọn cai ngục, nhưng bước chân nặng nề và đầy đe dọa của tên ác quỷ đó không giống tiếng bước chân này. Nó cũng không giống tiếng chân của bất kỳ ai trong đám tay sai đầu trâu mặt ngựa của y. Không, có nhiều người đang đến, đang đi nhanh dọc theo đường hầm, và họ đã vào đến xà lim, nơi de Molay bị treo trên các dây xích. Qua đôi mắt sưng vù và ngầu đỏ, ông nhìn thấy sáu bảy người đàn ông y phục sặc sỡ đứng trước mặt. Và, ngay chính giữa đám người là nhà vua.

Dáng mảnh khảnh nhưng oai vệ, Philippe IV đứng thẳng người, cao hơn hẳn một cái đầu so với đám cận thần xu nịnh đang xum xoe xung quanh. Mặc dù trong tình trạng thân tàn ma dại, de Molay vẫn luôn thấy xúc động trước dáng vẻ bên ngoài của con người đang cai trị nước Pháp. Làm sao một con người trông phong nhã như vậy lại có thể độc ác đến thế? Với nước da sáng, mái tóc dài hoe vàng và những nét trẻ trung, trông Philippe le Bel trẻ hơn nhiều so với tuổi bốn mươi sáu. Trông nhà vua đúng là hình ảnh một nhà quý tộc, vậy mà trong gần một thập niên bị sai khiến bởi lòng tham mê vô độ của cải, quyền lực, sự trác tác thô bỉ, nhà vua đã gieo rắc sự chết chóc và tàn phá một cách có tính toán, gây biết bao đau khổ cho những ai cản trở, hoặc thậm trí chỉ cần làm ông ta không vừa lòng.

Các Hiệp sĩ Đền Thánh không chỉ làm nhà vua không vừa ý.

De Molay nghe có nhiều tiếng bước chân khác đi dọc theo đường hầm. Tiếng những bước chân có phần lưỡng lự, bối rối, báo trước sự xuất hiện của một nhân vật mảnh dẻ, áo choàng màu xám, đội mũ trùm đầu. Ông ta trượt chân, loạng choạng và ngượng nghịu trên cái nền phòng giam gồ ghề. Chiếc mũ trùm đầu rơi ra và de Molay nhận ra đó là Giáo Hoàng. Đã rất lâu, ông không gặp Giáo Hoàng Clement, trong khoảng thời gian đó nét mặt Giáo Hoàng đã thay đổi nhiều. Những nét nhăn hằn sâu, xệ xuống từ hai khóe miệng, đôi mắt như chìm lìm trong hai hốc mắt tối đen, trông Giáo Hoàng như phải luôn chịu một nỗi buồn phiền nào đó trong lòng.

Nhà vua và Giáo Hoàng. Cùng đến với nhau.

Thế này thì chẳng phải là chuyện tốt lành rồi.

Nhà vua nhìn de Molay trừng trừng, nhưng lúc này con người thịt nát xương tan kia chẳng để ý gì đến nhà vua. Đôi mắt vị thủ lĩnh như dán chặt vào con người nhỏ bé mặc chiếc áo choàng không tay đang đứng đó trong dáng vẻ bồn chồn, lúng túng và lảng tránh ánh mắt của ông. De Molay ngạc nhiên về sự im lặng của Giáo Hoàng. Phải chăng do sự trí trá và trò ném đá giấu tay của ông ta, mượn tay nhà vua để thúc đẩy nhanh hơn sự sụp đổ của các Hiệp sĩ Đền Thánh? Hoặc đơn giản chỉ vì ông ta không chịu đựng nổi khi nhìn thấy những cánh tay cẳng chân bị vặn vẹo, những vết thương lở loét ghê tởm, hoặc những chỗ da thịt không lành miệng của những vết thương đang thối rữa?

Nhà vua bước lại gần hơn. “Không có gì sao?” Ông ta gằn giọng với một gã đang lảng vảng phía bên ngoài đám người đó. Gã bước tới, de Molay nhận ra Gaspard Chaix, tên chúa ngục cúi gằm mặt xuống, lắc đầu.

“Bẩm, không có gì.” Tên chúa ngục râu ria lởm chởm trả lời.

“Cho hắn xuống địa ngục đi,” nhà vua thốt lên, giọng bộc lộ sự phẫn nộ đang sôi sục trong lòng.

Các người đã cho ta xuống địa ngục rồi còn gì, de Molay nghĩ thầm. Ông thấy Gaspard nhìn về phía ông, dưới hàng lông mày rậm, đôi mắt gã chúa ngục lạnh lẽo chết chóc như những viên đá lát nền phòng giam. Nhà vua bước tới, nhìn sát vào de Molay, nhà vua dùng khăn tay bịt mũi để chống lại mùi hôi thối mà vị Đại Thủ lĩnh biết là đang tồn tại trong phòng nhưng từ lâu ông không còn nhận ra nữa.

Giọng thì thầm của nhà vua như cắt lát bầu không khí nặng nề trong phòng giam. “Khai mau, quỷ tha ma bắt nhà ngươi. Kho báu đâu?”

“Chẳng có kho báu nào cả,” de Molay đáp gọn lỏn, ngay đến chính ông cũng chẳng nghe được giọng nói của mình.

“Tại sao ngươi phải ngoan cố như vậy?” nhà vua rít lên. “Kho báu đó dùng để làm gì? Các Huynh đệ Chiến hữu của ngươi đã khai hết rồi; những buổi kết nạp đồng đảng thối tha của ngươi, những tên Hiệp sĩ Đền Thánh hèn hạ của ngươi từ chối thánh đức của Thiên Chúa, khạc nhổ vào thánh giá, thậm trí đái lên đó. Chúng đã thú nhận... tất cả mọi thứ.”

De Molay thè chiếc lưỡi sưng vù, nặng nhọc liếm hai bờ môi rách nát. “Bị tra tấn thế này,” ông gắng thều thào, “họ có thể thú nhận đã sát hại cả Thượng đế.”

Philippe nhích lại gần vị thủ lĩnh. “Tòa án Dị giáo sẽ thắng,” ông vua nói giọng giận dữ. “Một kẻ có học như ngươi phải hiểu rõ điều đó chứ. Chỉ cần ngươi giao cho ta thứ ta muốn, ta sẽ tha mạng sống cho ngươi.”

“Không có kho báu nào cả,” de Molay lặp lại, giọng của một người cam chịu và chẳng hề muốn thuyết phục những kẻ đang nghe ông nói. Từ lâu, ông cảm thấy Gaspard Chaix đã tin lời ông, mặc dù gã chẳng bao giờ nương tay trong những đòn tra tấn tàn bạo giáng xuống da thịt nạn nhân của gã. Ông cũng biết Giáo Hoàng tin lời ông, nhưng người đứng đầu Giáo hội không muốn để nhà vua biết được cái bí mật nho nhỏ của mình. Mặt khác, nhà vua cần khối tài sản mà ông ta biết là các Hiệp sĩ Đền Thánh đã tích lũy từ hơn hai trăm năm qua, và sự tham lam đã làm nhà vua mờ mắt không thấy được cái kết luận mà bất kỳ một người tỉnh táo nào cũng thấy được khi đến đây và nhìn thấy con người thịt nát xương tan đang bị treo trên tường trước mặt mình.

“Vô dụng,” Nhà vua quay đi, vẫn còn giận dữ nhưng cũng có vẻ cam chịu như nạn nhân của mình. “Chắc chắn là kho báu đã bị chuyển đi ngay trong đêm đầu tiên đó.”

De Molay nhìn Giáo Hoàng, đức ngài vẫn ngoảnh đi nơi khác. Các nước cờ của ông ta đã được thực hiện một cách khéo léo, ông nghĩ. Vị Đại Thủ lĩnh cảm thấy một sự thỏa mãn ngạo nghễ khi biết được điều đó. Và lòng quyết tâm của ông như càng được hun đúc hơn nữa, vì những hành động của con người xảo trá đó chỉ càng khẳng định tính cao quý trong mục tiêu của các Hiệp sĩ Đền Thánh mà thôi.

Nhà vua lạnh lùng nhìn tên cai ngục hộ pháp. “Có bao nhiêu tên trong bọn chúng vẫn còn sống trong các phòng giam này?”

Toàn thân de Molay như cứng lại. Đây là lần đầu tiên ông sắp được biết số phận của các Huynh đệ Chiến hữu ở Đền thờ Paris. Gaspard Chaix tâu với nhà vua rằng, ngoài vị Đại Thủ lĩnh chỉ còn Phó Thủ lĩnh Geoffroi de Charnay còn sống sót.

Vị Hiệp sĩ già nhắm mắt, tâm tư tràn ngập những hình ảnh kinh hoàng hỗn độn. Tất cả đều đã ra đi, ông nghĩ, Và chúng ta đến rất gần rồi. Giá như... Giá như, nhiều năm trước, chúng ta nhận được lời nhắn truyền từ con tàu Falcom Temple, từ Aimard và người của ông ta.

Nhưng chẳng có gì cả.

Chiếc Falcom Temple – và món hàng quý giá của nó – đã biến mất không để lại tăm hơi.

Ông vua quay lại, ném lên con người thịt nát xương tan một cái nhìn cuối cùng. “Kết liễu hắn đi,” Philippe IV ra lệnh.

Tên cai ngục đến gần hơn, “Khi nào, tâu bệ hạ?”

“Sáng mai,” nhà vua phán; viễn cảnh cuộc hành quyết làm nhà vua phấn chấn hẳn lên.

Nghe những lời đó, de Molay cảm thấy có cái gì đó lan tỏa khắp người mà thoạt đầu vị Đại Thủ lĩnh không nhận ra. Đó là một cảm giác mà từ nhiều năm qua ông không được hưởng.

Sự giải thoát.

Liếc nhìn Giáo Hoàng, vị Đại Thủ lĩnh nhận ra niềm vui sướng bị kìm nén, che giấu trong đôi mắt bên dưới chiếc mũ trùm đầu của đức ngài.

“Thế còn của cải của bọn chúng?” Giáo Hoàng hỏi, giọng run run. Lúc này đây de Molay biết, tất cả những gì còn lại là những thứ không thể bán được để trả nợ cho nhà vua. “Sách vở, giấy tờ, vật dụng. Những thứ đó thuộc về Giáo hội.”

“Vậy thì cứ lấy chúng đi.” Nhà vua xua tay, ném ánh mắt sôi sục cuối cùng lên de Molay và lao vụt ra ngoài, đoàn tùy tùng của nhà vua cũng vội vã chạy theo.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, đôi mắt của Giáo Hoàng và của de Molay bắt gặp nhau trước khi Clement kịp quay đi và lao ra khỏi xà lim. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, de Molay như nhìn rõ gan ruột của Giáo Hoàng, xác định được con người bé nhỏ đó là kẻ thế nào: một kẻ cơ hội lắm mưu nhiều kế, ông ta đã giật dây nhà vua tham lam cho những mục đích riêng của mình. Và cả những mục đích của Giáo hội nữa.

Con người nham hiểm, ném đá giấu tay đó đã thắng ông.

Nhưng de Molay không thể để Giáo Hoàng thõa mãn với niềm tin chiến thắng đó. Ông đã nắm lấy cơ hội để tự trấn tĩnh, tập trung tất cả sức mạnh và chuyển thành một cái nhìn trừng trừng đầy thách thức vào mặt kẻ thù không đội trời chung. Vẻ sợ hãi thoáng hiện trên khuôn mặt dạn dày của Giáo Hoàng, nhưng ông ta đã kịp nghiêm mặt, nhấc chiếc mũ trùm đầu lên, ném trả một ánh mắt sắc lạnh.

Đôi môi rách nát của vị Đại Thủ lĩnh nhếch lên, biểu lộ cái mà đã có lúc từng là một nụ cười. Ông biết mình đã gieo được mầm mống nghi ngờ vào đầu óc của con người bé nhỏ đó.

Kể ra cũng là một chiến thắng.

Đêm nay ông Giáo Hoàng hẳn sẽ khó mà ngon giấc.

Ngươi có thể thắng trận này, de Molay nghĩ. Nhưng cuộc chiến của chúng ta còn lâu mới kết thúc. Với ý nghĩ đó, vị Đại Thủ lĩnh nhắm mắt lại, đợi chờ tử thần đang dần bước đến.

Chương 21

Reilly đã cố hết sức tránh biểu lộ sự không đồng tình. Dù rất thích ngồi ở đó với Tess, anh vẫn không thể nhận ra sự liên quan của tất cả những điều nàng vừa nói với anh. Một nhóm hiệp sĩ đầy lòng vị tha đã phát triển thành một lực lưỡng siêu cường thời Trung Cổ, để rồi bị cắt cánh và biến mất một cách nhục nhã trong các trang biên niên sử. Chuyện đó thì liên quan gì đến một bọn cướp có vũ trang đã cướp phá viện bảo tàng vào bảy trăm năm sau?

"Cô nghĩ các tên cướp ở viện bảo tàng mặc y phục Hiệp sĩ Đền Thánh à?"

Reilly hỏi.

"Vâng. Các Hiệp sĩ Đền Thánh mặc trang phục đơn giản, rất khác biệt với trang phục của những hiệp sĩ khác vào thời đó. Nên nhớ họ là những thầy tu, nguyện sống trong khổ hạnh. Áo trắng là biểu tượng cho sự thuần khiết của cuộc sống mà người ta mong đợi ở họ; những hình thập tự đỏ, màu của máu, tượng trưng cho mối quan hệ đặc biệt của họ với Giáo hội."

"Đồng ý, nhưng nếu cô yêu cầu tôi vẽ một hiệp sĩ, có lẽ tôi sẽ vẽ cái gì đó khá giống như vậy mà không suy nghĩ một cách có ý thức về các Hiệp sĩ Đền Thánh. Chỉ là một hình thức bên ngoài mang tính quy ước mẫu mực, đúng không nào?"

Tess gật đầu. "Xem nào, riêng về chuyện này thì tôi đồng ý là chưa có tính thuyết phục. Nhưng rồi còn cái máy mã hóa nữa."

"Đó là món đồ mà tên kỵ sĩ thứ tư đã lấy. Cái gã mà cô đã ở ngay bên cạnh."

Tess nhích người lại gần hơn một chút, có vẻ như đang bị khích động hơn. "Vâng, tôi đã nhìn lên. Nó hiện đại hơn bất kỳ loại máy mã hóa nào đã có từ hàng trăm năm trước. Tôi muốn nói là cái máy này quả là một cuộc cách mạng. Các Hiệp sĩ Đền Thánh vốn có tiếng là những bậc thầy về kỹ thuật mã hóa. Mật mã là xương sống của toàn bộ hệ thống ngân hàng của họ. Khi những người hành hương đến Đất Thánh gửi tiền vào Dòng tu, họ sẽ nhận những tờ biên lai viết bằng mật mã mà chỉ các Hiệp sĩ Đền Thánh mới giải mã được. Bằng cách đó, không ai có thể làm giả giấy biên nhận gửi tiền và lừa gạt họ. Hiệp sĩ Đền Thánh là những nhà tiên phong trong lĩnh vực này, và nói cho cùng thì loại máy mã hóa này cũng phù hợp với các phương pháp phức tạp, bí hiểm của họ."

"Nhưng tại sao máy mã hóa của dòng Đền Thánh lại là một báu vật của Vatican?"

"Vì cả Vatican và vua Pháp đều âm mưu lật đổ dòng Đền Thánh. Cả hai phe đều thèm muốn tài sản của Dòng tu này. Dễ dàng hình dung được là những gì các Hiệp sĩ Đền Thánh sở hữu trong các cộng đồng của họ sau cùng đã thuộc về điện Louvre hoặc Tòa Thánh Vatican."

Reilly có vẻ vẫn ngờ vực. "Có phải cô đã đề cập gì đó đến một câu tục ngữ Latinh?"

Rõ ràng Tess đang cố trấn tĩnh. "Đó là chi tiết khiến tôi bắt tay vào việc. Tên kỵ sĩ thứ tư, kẻ đã lấy cái máy mã hóa. Lúc cầm cái máy trong tay, đối với gã dường như đó là khoảnh khắc ngộ đạo thiêng liêng. Như thể là gã đang xuất thần vậy. Và khi cầm cái máy, gã nói gì đó bằng tiếng Latinh. Tôi nghĩ gã đã nói câu "Veritas vos liberabit"

Tess chờ xem Reilly có hiểu được ý nghĩa của câu nói không. Ánh mắt bối rối của Reilly chứng tỏ anh ấy không hiểu. "Câu nói đó có nghĩa là Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi. Tôi đã nghiên cứu câu nó đó, và dù là một câu châm ngôn được sử dụng rộng rãi, nó ngẫu nhiên còn được khắc trên một lâu đài của dòng Đền Thánh ở miền Nam nước Pháp."

Tuy có thể nhận ra Reilly đang suy ngẫm về điều nàng vừa nói, nhưng Tess không biết chắc được những gì diễn ra trong đầu anh. Nàng loay hoay với cái tách cà phê, uống nốt chỗ còn lại giờ đã nguội, rồi nàng quyết định tiếp tục câu chuyện.

“Tôi biết, nghe có vẻ không có ý nghĩa gì quan trọng, nhưng chỉ đến khi nào anh bắt đầu hiểu được mức độ quan tâm mà các Hiệp sĩ Đền Thánh khơi gợi đối với con người thì anh mới hiểu được ý nghĩa đó. Nguồn gốc, hoạt động và đức tin, cả cái kết thúc khốc liệt của họ, tất cả đều bao phủ trong bí ẩn. Có rất nhiều người tin theo họ. Anh sẽ không tin nổi số lượng sách vở và tài liệu tôi tìm được về họ, và đó là tôi chỉ mới chạm đến bề mặt. Nó là cả một hiện tượng. Và đây mới là vấn đề. Điều thường kích thích sự phỏng đoán này nọ là việc số của cải huyền thoại của họ chưa bao giờ được tìm thấy.”

“Tôi nghĩ đó là lý do vì sao vua Pháp bố ráp họ,” Reilly nhận xét.

“Đó là cái mà nhà vua theo đuổi nhưng không bao giờ tìm được. Chưa có ai tìm được. Không vàng bạc, không châu báu. Không gì cả. Thế nhưng các Hiệp sĩ Đền Thánh vốn được cho là sở hữu một kho báu phi thường. Một sử gia đã cả quyết rằng các Hiệp sĩ Đền Thánh phát hiện 148 tấn vàng bạc bên trong và xung quanh Jerusalem khi họ đến đấy lần đầu, thậm trí trước khi của cải quyên góp khắp châu Âu bắt đầu đổ tới.”

“Và không ai biết điều gì đã xảy ra với kho châu báu đó?”

“Có những giả thiết được nhiều người chấp nhận, là vào đêm trước khi các Hiệp sĩ Đền Thánh bị bắt giữ, hai mươi bốn hiệp sĩ đã ra khỏi trụ sở giáo hội Paris với nhiều xe ngựa chất đầy thùng gỗ và trốn thoát đến cảng La Rochelle bên bờ Đại Tây Dương. Người ta cho là họ đã dong buồm ra đi trên mười tám chiến thuyền, và không bao giờ nhìn thấy họ nữa.”

Reilly nghiền ngẫm thông tin đó. “Vậy cô cho là, thực ra những tên cướp viện bảo tàng săn đuổi cái máy mã hóa, để sử dụng nó theo cách nào đó nhằm tìm kiếm kho báu của các Hiệp sĩ Đền Thánh?”

“Có thể. Vấn đề là, cái kho báu đó là gì? Là những đồng tiền vàng và châu báu, hoặc thứ gì khác? Một thứ gì đó có tính bí truyền hơn, một thứ gì đó mà...” Tess ngập ngừng, “đòi hỏi một sự thay đổi đột ngột lớn hơn một chút trong đức tin.”

Tess chờ xem ý tưởng đó tác động đến Reilly như thế nào.

Reilly nở một nụ cười trấn an. “Tôi vẫn còn ở đây, phải không nào?”

Tess chồm về phía trước, vô tình hạ giọng xuống. “Rất nhiều giả thiết khẳng định các Hiệp sĩ Đền Thánh là một phần trong âm mưu đã có từ lâu nhằm phát hiện và bảo vệ một số tri thức bí mật nào đó. Có thể là rất nhiều điều. Họ được cho là những người bảo vệ các Thánh tích – một sử gia người Pháp thậm trí còn nghĩ rằng họ đã cướp đầu Jesus – nhưng có một giả thiết mà tôi tình cờ biết được và dường như có ý nghĩa hơn những giả thiết khác, là giả thiết có liên quan đến Chén Thánh, vật mà có lẽ anh cũng biết rằng không nhất thiết phải là một cái chén thật sự, hoặc là một cái ly rượu lễ bình thường nào đó, được cho là cái chén mà Jesus đã dùng để uống trong bữa tối cuối cùng, nhưng rất có thể là một ám chỉ có tính ẩn dụ về bí mật liên quan đến những sự kiện có thật xung quanh cái chết của Ngài, và sự tồn tại của hậu duệ Ngài vào thời Trung cổ.”

“Hậu duệ của Jesus?”

“Dù có vẻ như là dị giáo, nhưng dòng tư tưởng này – tin tôi đi, rất phổ biến – khẳng định rằng Jesus và Mary Magdalene đã có với nhau một đứa con – có thể nhiều hơn – được nuôi dưỡng bí mật, che giấu không cho người La Mã biết, và chuyện hậu duệ của Jesus là bí mật được bảo vệ chặt chẽ trong hai ngàn năm qua, với đủ loại hội kín che chở con cháu của Ngài và chuyển giao bí mật cho một nhóm tuyển chọn những người mộ đạo. Những nhân vật như Da Vinci, Isaac Newton, Victor Hugo... khá nhiều tên tuổi lững lẫy qua nhiều thế kỷ, tất cả đều được cho là có tham gia vào âm mưu bí mật của nhóm bảo hộ dòng dõi thánh linh.” Tess ngừng lại và chờ đợi phản ứng của Reilly. “Tôi biết điều này nghe có vẻ ngớ ngẩn nhưng đó là một câu chuyện phổ biến mà nhiều người đã lao tâm khổ tứ nghiên cứu và chúng ta không chỉ đề cập đến những tiểu thuyết giả tưởng ăn khách nhất mà còn nói đến các học giả và viện sĩ vô cùng nghiêm túc khác.”

Tess quan sát Reilly, băn khoăn không biết anh ấy đang suy nghĩ gì. Lúc này, nếu dồn ép anh ấy bằng chuyện kho báu, dứt khoát mình sẽ làm hỏng chuyện. Tựa người ra sau, Tess phải thừa nhận rằng giờ câu chuyện càng lúc càng ngớ ngẩn hơn, nàng cảm thấy dường như đang nghe mình huyên thuyên này nọ.

Reilly có vẻ như trầm ngâm suy nghĩ một lúc, rồi một nụ cười yếu ớt hiện trên môi anh. “Hậu duệ của Jesus ư? Nếu Ngài có một hoặc hai con – giả định họ có con và cứ thế… sau hai ngàn năm, nghĩa là, khoảng bảy mươi hoặc tám

mươi thế hệ sau, theo luật cấp số nhân thì sẽ có hàng ngàn con cháu, hành tinh này sẽ lổn nhổn hậu duệ của Ngài, phải không nào? Reilly tủm tỉm cười. "Người thật sự xem chuyện vớ vẩn này là nghiêm chỉnh à?"

"Hoàn toàn nghiêm chỉnh. Kho báu thất lạc của các Hiệp sĩ Đền Thánh là một trong những bí mật vĩ đại chưa được khám phá của mọi thời đại. Thật dễ hiểu vì sao thiên hạ bị lôi cuốn vào chuyện này. Tự bản thân giả thiết đó đã có sức hấp dẫn: chín hiệp sĩ xuất hiện tại Jerusalem tuyên bố muốn bảo vệ hàng ngàn người hành hương. Chỉ có chín người trong số các hiệp sĩ. Tham vọng có vẻ khá lớn theo bất cứ tiêu chuẩn nào bên ngoài bộ phim "Bảy tay súng oai hùng", anh không nghĩ như vậy sao? Khi nghe ý nguyện này, vua Baldwin đã ban cho họ một cơ ngơi béo bở của Jerusalem là Núi Đền, địa điểm xây dựng ngôi Đền Solomon thứ hai vốn bị các binh đoàn của Titus phá huỷ và cướp bóc của cải đem về Rome vào năm 70 Công nguyên. Như vậy, đến đây là câu hỏi "nếu thì" to tướng: nếu như các tu sĩ của ngôi đền đã giấu cái gì ở đấy khi biết La Mã sắp tấn công, cái gì đó mà người La Mã đã không tìm được thì sao."

"Nhưng các Hiệp sĩ Đền Thánh đã tìm được".

Tess gật đầu. "Chất liệu hoàn hảo cho những chuyện hoang đường. Kho báu bị vùi lấp ở đấy hàng ngàn năm, và rồi người ta đào nó lên. Và rồi còn cái gọi là "Các Bản Kinh chép tay Copper" mà thiên hạ tìm thấy ở Qumran".

"Các Bản Kinh Chép tay Biển chết[36] cũng liên quan đến chuyện này sao?"

Từ từ đã nào, Tess. Nhưng nàng không thể ngăn mình lại và tiếp tục dấn tới. "Một trong những bản chép tay đặc biệt đề cập đến số vàng và châu báu khổng lồ khác bị chôn vùi dưới ngôi đền, được cho là chứa trong hai mươi bốn kho bí mật. Nhưng nó cũng đề cập đến một báu vật không xác định được chủng loại. Đó là gì? Chúng ta không biết. Nó có thể là bất cứ thứ gì đó."

"Thôi được, vậy thì Tấm vải liệm thành Turin liên quan đến tất cả chuyện này ở chỗ nào?" Reilly ra vẻ trầm ngâm.

Trong thoáng chốc, vẻ cáu giận thoáng hiện trên gương mặt xinh đẹp trước khi Tess kịp trấn tĩnh sắc diện thành một nụ cười hoà nhã. "Anh không tin bất kỳ điểm nào trong chuyện này, đúng không?"

Reilly đưa tay ra, vẻ hơi hối hận. "Không, nghe này, tôi xin lỗi. Xin cô cứ tiếp tục."

Tess tập trung tư tưởng. "Chín hiệp sĩ bình thường này được ban cho một phần cung điện với những chuồng ngựa rõ ràng là đủ lớn để nuôi hai ngàn con ngựa. Tại sao vua Baldwin quá hào phóng với họ như vậy?"

"Tôi không biết, có thể nhà vua là một người có tư tưởng tiến bộ. Có thể ông ta xúc động vì sự hiến dâng của các hiệp sĩ."

"Nhưng đấy là vấn đề," Tess khăng khăng phản bác. "Họ vẫn chưa làm gì cả. Dù được cấp cho cơ ngơi đồ sộ đó để làm việc, nhưng chín vị hiệp sĩ oai hùng của chúng ta làm gì nào? Họ có xông pha để thực hiện những hành động oai hùng, bảo đảm cho người hành hương đến được đích đúng như sứ mệnh của họ không? Không. Họ ở lại trong đền suốt chín năm đầu tiên. Họ không rời khỏi đền. Họ không ra ngoài, không tuyển mộ chiến binh mới. Họ cứ khóa trái cửa lại và ru rú trong đền. Suốt chín năm."

"Hoặc họ mắc phải hội chứng sợ khoảng không gian rộng lớn, hoặc…"

"Hoặc là một âm mưu bất chính khủng khiếp nào đó. Giả thiết được nhiều người chấp nhận nhất – riêng tôi, tôi cho là hợp lý nhất – là họ đang đào bới. Đào bới tìm kiếm cái gì đó bị chôn vùi ở đấy."

"Cái mà các tu sĩ đã giấu được khỏi mắt các binh đoàn của Titus một ngàn năm trước đó".

Tess cảm thấy rốt cuộc nàng đã làm Reilly hiểu, ánh mắt nàng ngời sáng niềm tin chắc chắn. "Chính xác. Sự kiện họ ẩn mình trong chín năm, rồi đột nhiên xuất lộ, bắt đầu lớn mạnh về tầm cỡ và sự giàu có nhanh đến chóng mặt, với sự hậu thuẫn nhiệt tình của Vatican. Có thể họ đã tìm thấy cái gì đó, một thứ gì bị chôn vùi dưới đền, cái đã biến tất cả thành có thể. Một thứ gì đó khiến Vatican phải khom mình phía sau để làm họ hài lòng – chẳng hạn, cũng có thể là chứng cứ về việc Jesus là cha của một hay hai người con."

Mặt Reilly như sa sầm lại. “Hượm đã nào, cô nghĩ bọn họ tống tiền Vatican sao? Tôi tưởng họ là các chiến binh của Chúa kia mà? Tại sao không cho là họ đã tìm được cái gì đó thực sự làm vui lòng Vatican, và Giáo hoàng quyết định tưởng thưởng công lao phát hiện của họ, như vậy không hợp lý hơn sao?”

Nét mặt Tess cau lại. “Nếu là trường hợp đó, chắc hẳn họ phải thông báo với cả thế giới chứ?” Tess dịu lại, cũng có vẻ mất phương hướng một chút. “Tôi biết, tôi vẫn còn thiếu một mảnh ghép nào đó trong bức tranh này. Quả thật họ đã tiếp tục đấu tranh cho Thiên chúa giáo trong hai trăm năm. Nhưng anh phải thừa nhận rằng, đó cũng là chuyện rất đáng ngờ.” Tess dừng lại, quan sát Reilly. “Vậy anh có nghĩ là có điều gì đó trong vụ này không?”

Reilly cân nhắc những điều mà Tess vừa hăng hái trình bày. Mặc dù nghe có vẻ rất ngớ ngẩn, Reilly vẫn không thể hoàn toàn bác bỏ chúng một cách đơn giản được. Vụ tấn công tại viện bảo tàng rõ ràng bộc lộ dấu hiệu của cái gì đó lệch lạc đáng sợ; có nhiều khuất tất đằng sau sự dàn dựng có tính cực đoan quá khích hơn là một vụ đánh cướp đơn thuần, đó cũng là điều mà hầu hết mọi người đồng ý. Reilly biết bọn cực đoan cấp tiến thường bám víu vào một vài chuyện hoang đường nào đó, vài niềm tin bí ẩn rồi xào nấu thành những thứ của riêng chúng như thế nào, huyền thoại dần dà bị bóp méo và xuyên tạc thế nào đó, cho đến khi các tín đồ hoàn toàn mất hết sự tiếp xúc với thực tại và trở thành những con người rồ dại, bị khuất phục hoàn toàn. Liệu đây có phải là mắt xích mà anh đang truy tìm? Những truyền thuyết về các Hiệp sĩ Đền Thánh có vẻ như đầy rẫy sự xuyên tác. Phải chăng kẻ nào đó ngoài kia, phát cuồng với số phận khủng khiếp của các Hiệp sĩ Đền Thánh nên đã tự đồng hoá với họ đến mức mang trang phục giống họ, nhân danh các hiệp sĩ để trả thù Vatican, thậm chí có lẽ còn tìm cách thu hồi kho báu huyền thoại của họ?

Ánh mắt Reilly gắn chặt vào Tess. “Liệu tôi có nên nghĩ các Hiệp sĩ Đền Thánh là những người nắm giữ một bí mật lớn lao nào đó – hoặc tốt hoặc xấu – liên quan đến thời kì đầu của Giáo hội hay không? Tôi chẳng biết nữa.”

Tess liếc nhìn đi nơi khác, cố gắng che giấu bất kỳ dấu hiệu thất vọng lộ liễu nào của mình, trong lúc Reilly nghiêng người và nói tiếp. “Liệu tôi có nên nghĩ có một mối liên hệ giữa các Hiệp sĩ Đền Thánh và chuyện xảy ra ở bào tàng Met?” Reilly bỏ lửng câu nói trong một khoảnh khắc, rồi gần như là gật đầu trước khi trên môi thoáng nở một nụ cười. “Tôi nghĩ, dứt khoát chuyện này đáng được tìm hiểu”.

.....

[36] Dead Sea Scrolls: Các bản kinh chép tay Biển Chết – tập hợp các bản kinh chép tay được tìm thấy trong các hang động gần Biển Chết từ năm 1947- 1956, cung cấp nhiều cứ liệu quan trong cho các học giả và sứ giả chuyên về Kinh Thánh.

Chương 22

Rõ ràng, Gus Waldron hiện đang không có được một trong những ngày tốt đẹp nhất của mình.

Gã nhớ là mình đã tỉnh lại trước đó một lúc. Bao lâu rồi gã cũng không biết. Có thể là đã mấy giờ hoặc chỉ mới vài phút – rồi gã lại thiếp đi. Giờ đây gã tỉnh lại, có đôi chút cảnh giác hơn.

Gus Waldron biết mình đang ở trong tình trạng tồi tệ. Gã nhăn mặt nhớ lại vụ đụng xe. Gã có cảm giác cả cơ thể như bị giã nhừ ra còn hơn cả món thịt bò băm ở quán Cipriani. Và những tiếng bíp bíp khó chịu liên tục phát ra từ những màn hình xung quanh gã cũng chẳng giúp được gì.

Gus biết gã đang ở trong bệnh viện – âm thanh bíp bíp và tiếng động xung quanh cho thấy sự thật hiển nhiên đó. Gã phải dựa vào thính giác vì không nhìn thấy quái quỷ gì cả. Mắt gã nhức khủng khiếp. Gã cố cử động nhưng không thể. Có cái gì đó quanh ngực Gus. Bọn chúng đã trói mình vào giường. Tuy nhiên, không chặt lắm. Vậy là do bệnh viện, chứ không phải là cớm. Tốt. Gã đưa tay lên mặt sờ băng vết thương và phát hiện những thứ khác. Người ta đã cắm đầy các ống tuýp trên người gã.

Ngay lúc này thì vô phương kháng cự rồi. Gus phải biết mình bị thương tổn đến mức độ nào, và dứt khoát đôi mắt phải nhìn thấy được trở lại nếu muốn thoát ra khỏi nơi này. Vì vậy cho đến khi biết được thực hư thế nào, gã sẽ cố cà cưa với bọn cớm. Nhưng phải cúng chúng cái gì đây? Gã cần thứ gì đó có giá trị, bởi bọn cớm hẳn chẳng ưa gì việc gã chặt đầu tên bảo vệ khốn kiếp kia. Lẽ ra gã không nên hành động như vậy. Chỉ có điều khi cưỡi ngựa đến đó, ăn mặt như một Hoàng tử anh dũng khốn kiếp, Gus bắt đầu băn khoăn không biết cảm giác sẽ như thế nào khi lia một nhát kiếm vào một tên quái nào đó. Và quả thật là tuyệt, không thể chối cãi vào đâu được.

Việc Gus có thể làm là phá bỏ thoả thuận với Branko Petrovic. Gã đã nổi điên lên vì thằng khốn kia không chịu tiết lộ cho gã biết tên của kẻ đã thuê hắn, cứ huyên thuyên về cái ý tưởng những thằng trung gian câm điếc lì lợm. Giờ gã biết là vì sao. Gã đã được Petrovic thuê, Petrovic thì do một kẻ khác thuê, kẻ này lại do một tên chết tiệt nào đó thuê. Ai có thể biết được có bao nhiêu thằng trung gian câm điếc trước khi mò tới được thằng đầu sỏ đích thực mà bọn cớm muốn truy lùng?

Những âm thanh bệnh viện rộn lên một lúc rồi lắng lại. Hẳn là cửa phòng vừa mở ra và đóng lại. Gã nghe thấy tiếng chân ai đó cót két trên sàn, tiến đến gần giường. Rồi ai đó nhắc bàn tay của Gus lên, đầu ngón tay dừng lại ở cổ tay gã. Một bác sĩ hay y tá nào đó đang bắt mạch. Không phải, là một bác sỹ. Các ngón tay thô ráp hơn, thô bạo hơn các ngón tay của một y tá. Ít nhất cũng là loại y tá mà gã tưởng tượng.

Gã cần biết thương tích của mình tệ hại đến mức nào. "Ai đấy? bác sĩ phải không?"

Kẻ lạ vẫn ở đó nhưng không trả lời. Giờ các ngón tay đang tháo những lớp băng quấn quanh đầu và tai gã.

Gus há miệng định hỏi một câu nhưng chợt cảm thấy bàn tay thô bạo bịt lấy miệng gã, và ngay sau đó là một cú thọc đau buốt vào cổ. Toàn thân Gus co giật vì hành vi áp chế kia.

Bàn tay kia bịt chặt miệng Gus, làm những tiếng kêu của gã biến thành một tiếng rên tức nghẹn. cảm giác nóng bỏng trào dâng trong cổ, xung quanh họng. Rồi bàn tay bịt miệng gã từ từ nới lỏng.

Một giọng đàn ông, rất từ tốn, thì thầm sát bên tai Gus. Gã có thể cảm nhận hơi thở của tên kia phả vào tai gã.

"Mấy tay bác sĩ sẽ không cho phép bất kỳ ai tra hỏi mày trong một thời gian nữa. Nhưng ta không thể chờ lâu như vậy. Tao cần biết ai đã thuê mày."

Cái quái gì…?

Gus cố ngồi lên nhưng đai da đã níu cơ thể gã lại và một bàn tay ấn vào đầu bắt gã nằm yên tại chỗ.

“Trả lời đi,” giọng nói lên tiếng.

Ai vậy kìa? Không thể là cớm được. Một thằng chó chết nào đó muốn nhúng tay vào những món gã đã chôm được ở viện bảo tàng chăng? Nhưng như vậy thì tại sao lại hỏi về chuyện ai đã thuê gã?

“Trả lời tao đi,” giọng nói vẫn rất bình thản nhưng giờ đây đã gay gắt hơn.

“Mẹ mày,” Gus chửi.

Ngoại trừ việc gã không thốt nên lời. Không hẳn thế. Miệng gã như hình thành các từ đó và gã nghe thấy chúng trong đầu. Nhưng không âm thanh nào thoát ra được.

Cái giọng chết tiệt của mình biến đi đâu rồi?

“A”, cái giọng kia như thì thào. “Đó là tác dụng của lidocaine. Chỉ một liều nhỏ thôi. Đủ để làm tê liệt các dây thanh âm của mày. Quả là bất tiện khi mày không nói được. Nhưng mặt tích cực của nó là mày cũng không thể hét lên được.”

Hét à?

Những ngón tay lúc nãy rất dịu dàng bắt mạch Gus giờ đây đặt trên hông trái của gã, đúng ngay vị trí trúng đạn của bọn cớm. Chúng nằm yên ở đó một lúc rồi chợt như bừng tỉnh và đè xuống. Thật mạnh.

Cơn đau buốt xuyên suốt thân thể Gus như thể đang có thanh sắt nung đỏ trong người, gã thét lên.

Câm lặng.

Một màn đen đe doạ tràn ngập não bộ Gus trước khi cơn đau giảm xuống một chút, nước bọt ứ lên trong họng. Gus nghĩ mình sắp nôn mửa. Rồi bàn tay của tên đàn ông lại chạm vào người gã và Gus co rúm lại, chỉ có điều lần này là cú chạm nhẹ nhàng.

“Mày thuận tay phải hay tay trái?” giọng nói êm ái lại cất lên.

Lúc này, Gus vã mồ hôi như tắm. Thuận tay phải hay tay trái? Chuyện đó có quái gì khác biệt đâu? Gã yêu ớt giơ bàn tay phải lên và nhanh chóng cảm thấy có cái gì đó được đặt vào giữa những ngón tay. Một cây bút chì.

“Chỉ cần viết ra những cái tên cho tao,” giọng nói bảo Gus, hướng cây bút chì về phía một vật giống như cuốn sổ.

Đôi mắt nhắm nghiền vì băng bó và giọng nói cũng không còn, Gus cảm thấy như bị cắt đứt với thế giới và cô độc hơn nhiều so với mức độ mà gã đã hình dung. Mọi người đâu cả rồi? Vì chúa, các bác sĩ, y tá, bọn cớm chết tiệt kia nữa, đâu cả rồi?

Những ngón tay túm lấy thớ thịt quanh vết thương của Gus và siết mạnh lần nữa, lần này mạnh hơn và lâu hơn. Một cơn đau cực độ xuyên qua người gã. Từng sợi thần kinh trong thân thể Gus dường như bốc cháy trong lúc gã giật nảy người áp vào đai da, thét lên trong cơn đau câm nín.

“Chuyện này đâu cần phải mất cả đêm,” tên đàn ông kia bình thản khẳng định. “Chỉ cần cho tao biết những cái tên là được rồi.”

Chỉ có một cái tên duy nhất mà Gus có thể viết. Và gã viết ra.

“Branko… Petrovic à?” tên đàn ông khẽ hỏi.

Gus vội gật đầu.

“Còn những thằng khác?”

Gus lấy hết sức bình sinh, lắc đầu. Đó là tất cả những gì tao biết, đồ khốn kiếp.

Lại là những ngón tay.

Đè xuống, mạnh hơn, sâu hơn. Siết chặt.

Cơn đau.

Những tiếng thét câm lặng.

Ôi mẹ kiếp, Chúa ơi. Gus mất hết cảm giác thời gian. Gã cố viết ra tên một địa điểm hoạt động của Branko. Ngoài việc đó ra, tất cả những gì gã làm được là lắc, lắc cả đầu lẫn miệng. Không.

Lặp đi lặp lại, nhiều lần.

Sau cùng, tạ ơn Chúa, Gus cảm thấy cây bút chì được lấy ra khỏi tay gã. Rốt cuộc tên đàn ông kia đã tin là gã nói thật.

Giờ Gus có thể nghe những âm thanh nho nhỏ mà gã đã không nhận ra, rồi gã lại cảm nhận những ngón tay của gã đàn ông kia vạch mép băng cứu thương ở chỗ cũ. Gus co rúm người nhưng lần này hầu như gã không cảm thấy mũi kim đang chọc vào da thịt.

"Đây là một ít thuốc giảm đau cho mày," gã đàn ông thì thầm. "Nó sẽ làm dịu cơn đau mày đang cảm nhận và giúp mày ngủ được."

Gus cảm thấy một cơn mệt lả tăm tối từ từ chảy qua và bắt đầu lan khắp cơ thể, cùng nó là cảm giác nhẹ nhõm, không còn bị thử thách, không còn đau đớn nữa. Và rồi một nhận thức kinh hoàng chợt ập xuống giấc ngủ mà gã đang bất lực lao vào là một giấc ngủ gã sẽ không bao giờ thức dậy được nữa.

Lúc này, trong cơn tuyệt vọng. Gus cố cử động nhưng không thể vì sau một lát, dường như gã không muốn cử động nữa. Gã cảm thấy nhẹ nhàng. Dù có đi đến đâu, hẳn cái chốn ấy phải là một nơi tốt đẹp hơn cái lỗ cống mà gã đã sống, suốt cả cuộc đời khốn nạn của mình.

Chương 23

Reilly trèo ra khỏi giường, tròng chiếc áo thun vào rồi nhìn ra cửa sổ từ căn hộ ở tầng bốn của mình. Đường phố bên ngoài lặng im như chết. Dường như chỉ cái thành phố không bao giờ ngủ là thích hợp với Reilly.

Vì một số nguyên nhân, Reilly thường không ngủ ngon. Một nguyên nhân đơn giản là anh không có khả năng buông xuôi. Đó là một vấn đề Reilly càng ngày càng vấp phải thường xuyên hơn trong những năm sau này, cái thói quen nghiền ngẫm không ngừng những manh mối và dữ kiện liên quan đến bất cứ vụ án nào mà anh đang giải quyết. Reilly không thực sự bị khó ngủ. Tình trạng kiệt sức hoàn toàn thường làm anh thiếp ngủ ngay. Nhưng Reilly thường về đến ngưỡng cửa lúc bốn giờ sáng và đột nhiên thấy mình tỉnh như sáo, đầu óc cứ khuấy tung cả lên, hết sắp xếp rồi phân tích, truy tìm những thông tin cốt lõi bị thiếu sót, những thông tin có thể cứu nhiều mạng người.

Đôi khi khối lưỡng công việc quá nặng và dồn dập chiếm trọn tâm trí Reilly. Tuy vậy, thỉnh thoảng tâm trí anh vẫn lặng lẽ tìm về với những vấn đề riêng của mình, lạc lối vào lãnh địa còn tăm tối hơn cả cái thế giới tội ác của những cuộc điều tra, và những cơn lo âu khó chịu lại lần mò trồi lên, tiếp tục tác oai tác quái.

Phần lớn vấn đề này liên can đến những gì xảy ra với cha của Reilly; ông đã dùng súng tự sát khi Reilly mới lên mười; ngày hôm ấy cậu bé từ trường về nhà, thơ thẩn vào phòng làm việc và thấy cha mình ở đó, ngồi trên chiếc ghế bành ưa thích như ông vẫn thường ngồi, chỉ khác là, lần này gáy của ông không còn nữa.

Dù thế nào đi nữa thì sau đó luôn luôn là vài tiếng đồng hồ vô cùng buồn chán đối với Reilly. Quá mệt mỏi để có thể ra khỏi giường và dành thời gian làm việc gì đó có ích, nhưng lại quá căng thẳng không ngủ lại được, Reilly cứ nằm đó trong bóng tối, mặc cho tâm trí lang thang đến những chốn hoang vắng. Và Reilly chờ đợi, giấc ngủ thường nhân từ kéo đến vào khoảng sáu giờ, chẳng thoải mái chút nào bởi anh lại phải thức dậy sau đó một giờ để đi làm.

Đêm ấy, Reilly thức dậy vào bốn giờ sáng vì một cuộc gọi của nhân viên trực đêm. Cuộc gọi thông báo cho anh biết người đàn ông bị anh săn đuổi qua các đường phố ở Hạ Manhattan đã chết. Nhân viên trực đề cập đến cái gì đó về xuất huyết bên trong, trụy tim, và những nỗ lực bất thành để làm hồi tỉnh người chết. Như thường lệ, Reilly đã bỏ ra hai giờ đồng hồ sau đó để xem xét lại vụ việc, một vụ án mà bây giờ cái manh mối thực sự duy nhất và hứa hẹn nhất đã biến mất, nếu Reilly không nghĩ là Lucien Broussard có thể khai báo gì nhiều, nếu và khi nào gã thực sự có thể nói lại được. Nhưng suy nghĩ về vụ án đã hoà quyện ngay với những ý tưởng khác đang quay cuồng trong tâm trí Reilly sau khi anh rời khỏi bệnh viện sớm hơn vào tối ấy. Những ý tưởng đó hầu hết đều liên quan đến Tess Chaykin.

Nhìn ra bên ngoài cửa sổ, Reilly nghĩ làm thế nào mà điều đầu tiên anh chú ý ở Tess khi họ ngồi trong quán cà phê là cô không mang nhẫn cưới, hoặc bất cứ loại nhẫn nào cho thấy cô đã kết hôn. Khả năng nhận xét những điều như vậy đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống nghề nghiệp của Reilly. Bản năng chú ý đến từng chi tiết đã hình thành sau bao năm tháng trong nghề.

Chỉ có điều, lần này không phải là công việc, và Tess không phải là đối tượng tình nghi.

"Tên gã là Gus Waldron."

Reilly chăm chú lắng nghe, anh cầm trong tay một tách cà phê nóng trong lúc Aparo sục sạo danh sách tội phạm bằng đôi mắt sành sỏi, để giảm bớt thời gian truy lùng cho đội ngũ cốt cán các đặc vụ liên bang đã được triệu tập.

"Rõ ràng là một tay sừng sỏ của làng đao búa, kẻ sẽ được vô cùng tưởng nhớ đây", Apraro tiếp tục. "Võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp, các liên đoàn nhỏ, một gã hoang dã cả trong và ngoài võ đài, bị cấm thi đấu tại ba bang. Bốn cáo buộc tấn công và cướp có vũ trang, cả tại đây lẫn Jersey. Một vài lần nằm ấp tại Rikers…" Aparo nhìn lên và nói giọng mỉa mai, "bao gồm một chuyến nghỉ mát trên chiếc Vernon Bain." Vernon C.Bain – gọi theo tên của một quản giáo rất được ngưỡng mộ đã chết trong tai nạn xe hơi – là một chiếc xà lan có tám trăm giường dành cho các tù nhân cần được bảo đảm an ninh từ mức độ trung bình đến tối đa. "Bị tình nghi hai vụ giết người, đều là hành

hung đến chết. Không có cáo trạng. Nghiện cờ bạc. Suốt nửa cuộc đời đã gặp toàn vận rủi." Aparo ngước nhìn lên. "Hết".

"Nghe như là một gã luôn luôn cần kiếm tiền thật nhanh." Jansson nhận xét. "Gã giao du với những ai?"

Aparo lật nhanh một trang, dò xuống dưới danh sách những chiến hữu đã được biết đến của Waldron. "Josh Schlattmann, chết năm ngoái… Reza Fardoussi, một bao phân nặng một tạ rưỡi – khó lòng có con ngựa nào trong vùng chở nổi gã." Ánh mắt Apara dò tìm những cái tên, lọc ra những kẻ chẳng còn hi vọng gì nữa. "Lonnie Morris, một tay buôn bán cò con hiện đang được tạm tha, và nếu các cậu tin thì, gã đang sống và làm việc cho người bà có cửa hàng hoa tại Queens." Rồi Aparo lại ngước nhìn lên, lần này với một nét mặt khiến Reilly hiểu là có chuyện chẳng hay ho gì. "Banko Petrovic," Aparo nói, giọng không vui, "một cựu cảnh sát. Và nên biết điều này – hắn từng ở trong đội cảnh sát cưỡi ngựa của sở cảnh sát New York." Anh ngước nhìn họ. "Đã về hưu. Và không phải là do hắn muốn, nếu các cậu hiểu ý tôi."

Amelia Gaines ném một cái nhìn hiểu biết cho Reilly, rồi lên tiếng hỏi. "Hắn đã phạm tội gì?"

"Trộm cắp. Bị bắt quả tang tại khu vực sau đợt khám xét tụ điểm buôn bán tàng trữ ma tuý," Aparo trả lời. "Có vẻ như hắn không làm gì cả. Bị sa thải, mất quyền hưởng lương hưu."

Reilly cau mày, không thật sự hài lòng với cái viễn cảnh này. "Chúng ta phải nói chuyện với hắn. Tìm hiểu xem lúc này hắn kiếm sống bằng cách nào."

Chương 24

Dù đã cố gắng hết sức, Branko Petrovic vẫn không thể tập trung tinh thần vào công việc. Không phải là công việc tại chuồng ngựa đòi hỏi sự toàn tâm toàn ý của y. Hầu hết mọi ngày, Branko tắm rửa và cho ngựa ăn uống rồi dọn phân bằng máy tự động, giữ cho cơ thể y cứng cáp và khoẻ mạnh. Đầu óc y được tự do để suy nghĩ các góc độ, tính toán những chuyện linh tinh, lập ra các kế hoạch. Thường là như vậy.

Hôm nay thì khác.

Ý tưởng thuê Gus Waldron là của Branko. Người ta yêu cầu y tìm ai đó to con, lì lợm và biết cưỡi ngựa, vì vậy y đã nghĩ đến Gus. Được rồi, gã biết Gus đôi khi có thể là một tên man rợ, nhưng y không ngờ Gus lại dám dùng kiếm chặt đầu người. Chúa ơi, thậm chí bọn Columbia khốn kiếp cũng không làm những trò rồ dại như vậy. Nhất là ở chốn công cộng.

Có cái gì đó không ổn. Y đã cố gọi điện cho Gus sáng hôm đó mà không thấy trả lời. Branko mân mê một vết sẹo cũ trên trán, cảm thấy nhức nhối, đó là cảm giác luôn xuất hiện trở lại khi công việc không thuận buồm xuôi gió. Y đã được căn dặn, thậm chí là được ra lệnh không làm bất cứ điều gì để bị chú ý, và đó cũng là điều y đã lưu ý Gus. Rất nhiều cách thức khốn kiếp đã được căn dặn. Ngay lúc này, việc thu hút sự chú ý là điều y ít lo ngại nhất.

Một cơn hoảng hốt bất chợt trào dâng trong người Branko. Phải chuồn khỏi cái địa ngục Dodge quái quỷ này khi còn có thể.

Branko hối hả băng qua các chuồng ngựa, mở một cửa chuồng trong đó một con ngựa cái hai tuổi nghịch ngợm quất đuôi vào người y. Ở một góc chuồng là một cái bình bị móp phía trên đầu chứa đầy thức ăn gia súc. Mở nắp bình ra, Branko thọc tay vào bên trong, gạt bỏ những viên thức ăn và lôi ra một bao tải. Y ước lượng xem cái bao nặng nhẹ ra sao một lát, rồi cho tay vào bên trong, lôi ra một bức tượng nhỏ bằng vàng lấp lánh hình một con ngựa đang chồm lên, cẩn vô số kim cương và hồng ngọc. Y trân trối nhìn bức tượng một lúc, rồi lục lọi thêm và moi lên một mặt dây chuyền bạc nạm ngọc lục bảo. Những món đồ đựng trong bao tải thừa sức thay đổi cuộc đời y. Khi được trao đổi mua bán cẩn thận, với điều kiện là y phải kiên nhẫn và tiến hành thận trọng, Branko biết những món châu báu trong kia đủ để mua một căn hộ trên bờ vịnh mà y vẫn tự hứa với bản thân kể từ khi bị đuổi khỏi lực lượng cảnh sát; một ước vọng có vẻ như sẽ không bao giờ biến thành hiện thực và còn rất nhiều ước mơ khác nữa.

Đóng cửa chuồng lại, Branko bước xuống lối đi giữa các chuồng ngựa, lúc gần đến cửa chính thì nghe tiếng ngựa hí và tiếng giậm vó bồn chồn, lo lắng. Một con ngựa khác phụ hoạ theo, rồi con nữa. Quay người lại, y nhìn xuống dưới lối đi, vẫn không thấy gì, nhưng lại nghe thấy tiếng náo động khi toàn bộ đàn ngựa trong khu chuồng trại giờ đồng loạt phụ hoạ theo.

Thế rồi y nhìn thấy nó.

Một làn khói mỏng bốc lên từ một chuồng ngựa trống ở đầu xa nhất.

Bình cứu hoả gần nhất đặt ở khoảng giữa lối đi bộ và khi Branko đến nơi, y buông cái bao tải xuống, giật bình cứu hoả ra khỏi kẹp rồi chạy về hướng chuồng ngựa trống. Đến lúc này, không còn là những làn khói mỏng nữa. Kéo toang cửa chuồng ra, Branko thấy lửa phát ra từ đụn rơm ở một góc chuồng. Y rút chốt bình cứu hoả và bóp mạnh tay cầm, và rồi Branko chợt nhớ ra là y chỉ vừa làm xong việc trong cái chuồng này chưa đầy một giờ trước. Lúc đó không có đụn rơm, chỉ có lớp rơm bằng phẳng do chính y rải ra.

Branko vội vã bước ra khỏi chuồng, vẻ đề phòng. Có lắng nghe cũng chẳng ích gì. Việc cố gắng nghe xem có gì khác ngoài tiếng hí điên cuồng của những con ngựa và một số con còn đá vào hông và cửa chuồng là điều không thể.

Y bắt đầu lùi lại dọc theo lối đi bộ, rồi lại nhìn thấy khói, lần này bốc lên ở đầu kia của dãy chuồng trại. Mẹ kiếp. Có kẻ nào đó đang ở trong này với y. Rồi y nhớ lại đến cái bao tải. Phải lấy nó lại. Toàn bộ các kế hoạch của đời y phụ thuộc vào cái bao đó.

Vứt bỏ bình cứu hoả, Branko chạy đi tìm cái bao tải, vồ lấy nó rồi chợt khựng lại.

Lũ ngựa.

Branko không thể chỉ chạy trốn; y phải làm cái gì đó cho đàn ngựa.

Giật phăng chốt cửa chuồng gần nhất, Branko nhảy lùi tránh ra phía sau khi con ngựa phi qua cổng. Rồi cái chốt tiếp theo. Một con ngựa khác phóng ra như một viên đạn, tiếng vó ngựa vang lên chói tai trong khoảng không khép kín. Chỉ còn ba con ngữa nữa phải thả ra thì một cánh tay rắn như thép chẹt quanh cổ họng y.

"Đừng chống cự," một giọng nói lặng lẽ vang lên sát bên tai Branko. "Tao không muốn biến mày thành kẻ tàn tật đâu."

Branko lạnh toát người. Cú kẹp cổ cứng ngắc, chuyên nghiệp. Gã biết lời đe doạ của tên đàn ông kia là vô cùng nghiêm túc.

Branko nhanh chóng bị kéo lui về phía cửa chuồng ngựa, nơi y cảm nhận bàn tay kia của kẻ tấn công nắm lấy cổ tay y, rồi cảm giác đau nhức của da thịt bị một miếng nhựa cứng đập vào và sau một cú ra đòn còn nhanh hơn y có thể làm vào ngày sung túc nhất lúc còn trong lực lượng tay Branko đã bị còng vào cánh cửa trượt đồ sộ của chuồng ngựa. Gã đàn ông kia đổi tay kẹp cổ Branko, lặp lại cái qui trình kia, và giờ đây Branko như bị nọc ra giữa ngưỡng cửa.

Lúc này ba con ngựa còn bị kẹt trong chuồng hí vang và điên cuồng nhảy chồm lên, đá vào các vách gỗ vì ngọn lửa đã liếm đến gần hơn.

Gã đàn ông cúi đầu luồn xuống dưới cánh tay phải của Branko, khi đứng thẳng người lên, gã nắm lấy bàn của Branko, nhanh chóng và không cần phải gắng sức chút nào, bẻ gãy ngay ngón cái của Branko.

Branko thét lên vì đau đớn, hai chân giãy giụa nhưng gã đàn ông lẹ làng bước sang một bên. "Mày muốn gì?" tay cựu cảnh sát gào lên.

"Những cái tên," gã đàn ông đáp, giọng nói gần như chỉm lỉm trong âm thanh ầm ĩ phát xuất từ lũ ngựa. "Và nói nhanh lên. Không còn nhiều thời gian đâu."

"Tên gì?"

Branko nhìn thấy vẻ tức giận lóe lên trên mặt gã đàn ông khi hắn đưa tay ra chụp bàn tay trái của gã. Lần này hắn không bẻ ngón tay. Hắn túm lấy cánh tay Branko, và một cú vặn đột ngột vô cùng ác liệt đã bẻ gãy cổ tay của Branko. Cơn đau xuyên thẳng qua người Branko làm gã ngất đi một lúc, tiếng rống của gã vang vọng át cả âm thanh huyên náo của lũ ngựa đang điên cuồng.

Branko ngước lên thấy tên kia đang bình thản đứng đó, nhìn gã qua lớp khói dày đặc.

"Tên của những đứa bạn. Những thằng đồng bọn cùng đến thăm viếng viện bảo tàng với mày ấy."

Branko bật ho, qua vai gã đàn ông kia, y tuyệt vọng nhìn vào chỗ ngọn lửa nổ lách tách khi những tay vịn bằng gỗ bốc cháy. Y không thể dây dưa chuyện này được. "Gus," Branko điên cuồng gào lên. "Gus và Mitch. Tao chỉ biết chừng đó."

"Mitch nào?"

Branko phun ra ngay, không thể nào nhanh hơn được. "Adeson, Mitch Adeson. Thề có Chúa, tao chỉ biết có thế."

"Mitch Adeson."

"Đúng. Chuyện là như thế. Giống như kiểu chỉ huy dây chuyền, những gã trung gian câm điếc, mày biết mà?"

Gã đàn ông chăm chú quan sát Branko rồi gật đầu. "Tao biết".

Ơn chúa, thằng khốn bệnh hoạn này tin mình. “Giờ thì tháo cái còng chết tiệt này cho tao chứ,” Branko năn nỉ. “Đi mà!”

“Tao có thể tìm tên Mitch Adeson này ở đâu?” gã đàn ông hỏi. Gã chăm chú lắng nghe khi Branko lắp bắp phun ra những gì y biết, rồi gật đầu và nói, “Có một tên thứ tư đi với mày. Mô tả hắn cho tao nghe.”

“Tôi không nhìn thấy mặt thằng đó. Hắn đeo mặt nạ trượt tuyết, không lúc nào bỏ cái thứ khốn kiếp đó ra. Hắn mang nó dưới cái mũ sắt và những thứ còn lại của cái thối tha đó.”

Gã đàn ông lại gật đầu. “Được rồi,” gã thì thầm. Sau đó gã quay người và bỏ đi.

“Này! NÀY!” Branko gào với theo.

Gã đàn ông không quay lại. Gã đi về phái đầu bên kia, chỉ dừng lại để nhặt cái bao tải đựng những món cổ vật đánh cắp từ viện bảo tàng.

“Mày không thể bỏ tao ở đây được,” Branko nói giọng van vỉ.

Rồi y nhận ra việc gã đàn ông kia đang làm. Gã thả những con ngựa cuối cùng ra khỏi chuồng.

Branko thét lên khi con ngựa cái lông đốm hoảng loạn dẫn đầu hai con ngựa kia lao ra khỏi chuồng. Và chúng ầm ầm cắm đầu phi nước đại về phía Branko với ánh mắt hoang dại, cánh mũi phập phồng, những ngọn lửa phía sau khiến những con ngựa đang phóng thẳng vào gã trông như xuất hiện từ cửa Địa ngục.

Và Branko đang bị trói, đứng giăng ngang lối thoát duy nhất của chúng.

Chương 25

Vậy kể tớ nghe thêm về cô gái đó đi.”

Reilly rên lên vì câu hỏi đó. Từ lúc kể về cuộc trò chuyện cùng Tess với anh bạn đồng nghiệp của mình, Reilly biết anh sẽ phải chịu đựng cuộc trò chuyện này. “Cô gái đó à?” Reilly nói, mặt ngây ra.

Reilly và Aparo đang chạy về hướng Đông, xuyên qua những con đường nghẹt người và xe cộ của khu Queens. Ngoại trừ màu sơn, chiếc Pontiac được cấp cho họ đúng là một phiên bản vô tính của chiếc Chrysler mà họ đã phá nát khi truy sát Gus Waldron. Aparo nhăn mặt khi thận trong lách qua một chiếc xe tải dừng trên đường với chiếc máy sưởi đang bốc khói, anh chàng tài xế thì cứ đá liên tục vào bánh xe trước một cách vô vọng.

“Xin lỗi. Thì cô Chaykin vậy.”

Reilly cố hết sức để tỏ ra là mình không hề lúng túng. “Chẳng có gì để nói cả.”

“Thôi nào.” Aparo hiểu rõ người cộng sự của mình hơn bất cứ ai khác, về điều này thì anh không có nhiều đối thủ cạnh tranh cho lắm. Reilly không phải loại người để cho người khác đến gần.

“Cậu muốn gì ở tớ nào?”

“Cô ta đã tiếp cận cậu. Một cách bất ngờ. Đột ngột cô ta nhớ lại cậu từ viện bảo tàng, từ một cái nhìn thoáng qua ở phòng sảnh, sau tất cả những gì đã hứng chịu đêm đó ư?”

“Tớ biết nói gì đây này?” Reilly vẫn chăm chú nhìn xuống con đường. “Người phụ nữ đó có khả năng nhớ như in mọi thứ.”

“Nhớ như in cái con khỉ.” Aparo chế giễu. “Cô nàng đang rình rập đấy.”

Reilly trợn mắt. “Cô ấy không rình rập. Cô ấy chỉ…tò mò thôi.”

“Vậy là cô nàng có khả năng nhớ như in và óc tò mò. Và cô nàng cũng rất nóng bỏng. Nhưng cậu thì chả để ý đến cái chuyện nóng bỏng kia chút nào cả. Không, cậu chỉ nghĩ đến vụ án.”

Reilly nhún vai. “Thôi được, có lẽ tớ cũng để ý một chút.”

“Cảm ơn Chúa. Cậu ấy còn nhớ. Cậu ấy còn sống,” Aparo nhại theo giọng trong bộ phim Frankeinstein cũ rích. “Cậu biết tỏng là cô ta độc thân, đúng không nào?”

“Tôi nhận thấy chứ,” Reilly đã cố lờ đi chuyện đó. Sáng sớm hôm đó, Reilly đã đọc tờ khai mà Tess trao cho Amelia Gaines tại viện bảo tàng, ngay trước khi anh yêu cầu một nhà phân tích nghiên cứu tìm hiểu bất kỳ thông tin nào liên quan đến các Hiệp sĩ Đền Thánh trong những tập hồ sơ dày cộm về các nhóm cực đoan trên toàn quốc mà họ lưu trữ.

Aparo nhìn Reilly. Anh rất hiểu và có thể đọc được ý nghĩ của Reilly dù còn cách xa cả năm mươi bước chân. Và Aparo thích châm chọc Reilly. “Tớ không biết, nhưng một cô nàng như vậy mà lả lơi với tớ thì tớ sẽ đè cô nàng ra ngay tắp lự.”

“Cậu có vợ rồi mà.”

“Ừ, đúng vậy, nhưng tớ vẫn có thể mơ mộng chứ, phải không nào?”

Bây giờ thì họ đã ra khỏi đường cao tốc Long Island và sắp ra khỏi khu Queens. Địa chỉ của Petrovic trong hồ sơ là địa chỉ cũ, gã không còn ở đó nhưng người chủ nhà ở đấy nói ông ta biết nơi Petrovic làm việc. Những chuồng

ngựa ở đâu đó quanh đây và Reilly xem bản đồ, chỉ hướng đi cho Aparo, rồi biết chắc là anh bạn đồng nghiệp sẽ không bao giờ buông tha, Reilly miễn cưỡng tiếp nối câu chuyện. "Vả lại, cô ấy đâu có lả lơi," Reilly phản bác.

"Hẳn nhiên là cô ta không lả lơi rồi. Cô ta chỉ là một công dân có tinh thần trách nhiệm với bọn chúng mình." Aparo lắc đầu. "Tớ chả hiểu gì cả. Cậu còn độc thân cậu cũng đâu có xấu xí gì. Cậu không bốc những thứ mùi ghê tởm mà tớ biết. Thế mà… Này, bọn có vợ chúng tớ cần những anh chàng như cậu, bọn tớ cần cậu sống thay cho bọn nó, phải đấy, thế mà cậu đang thực sự làm cho đội thất vọng."

Reilly không thể chối cái điều đó. Đã lâu lắm rồi anh không trải qua khoảng thời gian thực sự có ý nghĩa nào với một người phụ nữ, và mặc dù không mơ là mình sẽ tâm sự được với anh bạn đồng nghiệp nhưng Reilly không thể phủ nhận sự thu hút mà anh cảm thấy ở Tess. Song, cũng giống như Amelia Gaines, Reilly biết Tess Chaykin không có vẻ là loại phụ nữ dễ dàng chấp nhận bị đối xử suồng sã, mà thế lại hay vì anh cũng không phải là loại người như vậy. Và bên trong nỗi cô đơn của Reilly là một nghịch lý. Nếu một phụ nữ không làm Reilly mê mệt hoàn toàn thì anh chẳng bao giờ để mắt đến. Nhưng nếu cô gái có phẩm chất đặc biệt lôi cuốn được Reilly thì chuyện đã xảy ra với cha anh sẽ trở thành vấn đề ngay; những nỗi sợ hãi chắc chắn sẽ đẩy lên vào lúc nào đó và chối từ bất kỳ cơ hội nảy nở tình cảm nào.

Mày phải bỏ qua thôi. Chuyện đó đâu cần phải xảy ra với mày.

Lúc này, nhìn ra trước mặt, Reilly phát hiện thấy khói bốc lên và cùng với khói là ánh đèn chớp của hai xe cứu hoả. Anh liếc nhìn Aparo rồi lấy đèn chớp gắn lên mui xe trong khi Aparo bóp còi hụ và nhấn ga. Chẳng bao lâu sau, họ đã len lỏi ra vào giữa luồng xe lưu thông, phóng nhanh qua một đống xe ôtô và xe tải chướng ngại phía trước.

Khi họ tiến vào bãi để xe của chuồng ngựa, Reilly thấy ngoài xe cứu hoả còn có một xe cứu thương, một vài người da đen và da trắng. Dừng xe khá xa lối ra, họ rời khỏi xe và vừa bước về phía hiện trường vừa đeo phù hiệu lên áo. Một cảnh sát mặc đồng phục bắt đầu tiến về phía họ, dang rộng hai tay, khi nhìn thấy phù hiệu anh ta để họ đi qua.

Mặc dù lửa đã gần tắt, mùi gỗ cháy vẫn lơ lửng nặng nề trong không khí. Ba bốn người, trông bộ dạng có vẻ là nhân viên chuồng ngựa, đang loạng choạng tới lui trong làn khói, cố gắng kiềm chế những con ngựa hoảng sợ giữa mớ vòi nước nằm loằng ngoằng trên mặt đất. Một người đàn ông mặc áo mưa, vẻ mặt dữ tợn, đứng nhìn họ tiến lại.

Reilly tự giới thiệu mình và Aparo. Anh chàng cảnh sát, một trung sĩ tên là Milligan, không mảy may xúc động. "Đừng nói với tôi," anh ta nói giọng mỉa mai, "là các anh chỉ tình cờ có mặt ở vùng lân cận đấy nhé."

Reilly gật đầu hướng về phía các chuồng ngựa bị cháy thành than. "Branko Petrovic," Reilly xác nhận một cách đơn giản.

Milligan nhún vai rồi dẫn họ đi vào chuồng ngựa, nơi có hai y tá đang cúi đầu trên một thi thể. Một cáng cứu thương loại nhẹ dựng gần bên.

Reilly liếc nhìn cái cáng, rồi nhìn Milligan, người đã nhận ra thông điệp: vụ này phải được xử lý như một hiện trường tội ác với một cái chết đáng ngờ. "Chúng ta biết được gì?" Reilly hỏi.

Milligan cúi xuống cái xác cháy đen, nhăn nhúm nằm giữa các mẩu gỗ vụn. "Anh nói với tôi rồi mà. Tôi nghĩ vụ này sẽ là một vụ dễ thôi."

Reilly nhìn qua vai Milligan. Khó mà phân biệt được da thịt ám khói đen với cái gọi là máu trộn lẫn bồ hóng và nước từ những vòi chữa cháy. Một chi tiết kinh khủng khác bổ sung thêm vào khung cảnh rùng rợn: cánh tay trái của nạn nhân nằm bên cạnh xác chết, không còn gắn liền với thân mình. Reilly cau mày. Dù là gì đi nữa, cái đống hỗn độn từng là Branko Petrovic kia thật khó có thể nhận ra là con người.

"Làm sao anh chắc đó là anh ta? Reilly hỏi.

Miligan cúi xuống, trỏ ngón tay vào cạnh xác chết. Reilly có nhể nhìn thấy một vết lõm. Dù nằm giữa các thương tích khác vẫn rõ ràng không phải là vết thương mới. "Mấy năm trước, anh ta đã bị một con ngựa đá cho một cú. Lúc còn trong lực lượng. Anh ta thường tự hào là đã sống sót sau một cú đá vào đầu như vậy."

Trong lúc cúi xuống để nhìn gần hơn, Reilly để ý đến một trong hai y tá, một cô gái tóc đen ở độ tuổi hai mươi. Cô gái có vẻ hăm hở muốn nói xen vào. Ánh mắt Reilly bắt gặp ánh mắt cô gái trong một thoáng "Cô có gì cho chúng tôi phải không?"

Cô gái mỉm cười và nâng cổ tay trái của Petrovic lên. "Đừng nói với bác sĩ pháp y là tôi đã lanh chanh trong vụ này, nhưng có ai đó không ưa cái gã này. Cổ tay trái kia bị cháy xém, nhưng các anh thấy cổ tay này chứ?" Cô gái chỉ vào cánh tay bị đứt lìa. "Các vết bầm dập trên đó còn rất rõ. Anh ta đã bị trói." Cô y tá chỉ lên ngưỡng cửa. "Tôi nói là mỗi tay của anh ta bị trói vào một bên. Như thể bị đóng đinh lên cây thập ác vắt qua ngưỡng cửa này."

Aparo nhăn mặt trước hình ảnh đó. "Ý cô là có ai đó thả cho ngựa chạy toán loạn qua người anh ta?"

"Hoặc chạy xuyên qua người," Reilly nói thêm.

Cô gái gật đầu. Reilly cảm ơn cô ta và người bạn đồng nghiệp của cô trước khi bước đi cùng với Milligan và Aparo.

"Tại sao các anh tìm Petrovic?" Milligan hỏi.

Reilly đang quan sát những con ngựa. "Trước khi chúng tôi đến đây, anh có lý do nào để nghĩ là có ai đó muốn anh ta phải chết?"

Milligan nghiêng đầu về dãy chuồng ngựa đang âm ỉ cháy. "Chẳng có ý gì đặc biệt. Ý tôi là – các anh biết những nơi này thì thế nào rồi. Những tên láu cá ưa thích những con ngựa của chúng, và căn cứ vào quá khứ của Petrovic… Nhưng không, không có gì đặc biệt. Phần các anh là gì nào?"

Milligan chăm chú lắng nghe Reilly kể về mối quan hệ giữa Gus Waldron và Petrovic, và sự liên can của bọn chúng với vụ cướp tại Viện Bảo tàng Met.

"Tôi sẽ đề nghị toàn bộ vụ này được xếp ưu tiên," Milligan nói với Reilly. "Gọi toán điều tra hình sự đến đây, yêu cầu đội trưởng cứu hỏa xét nghiệm vụ cháy vào hôm nay, đẩy việc khám nghiệm tử thi lên đầu hồ sơ."

Khi Reilly và Aparo đến bến xe, một trận mưa phùn bắt đầu lất phất.

"Có kẻ nào đó đang thắt lại những đầu mút lỏng lẻo," Aparo nói.

"Có vẻ như vậy. Chúng ta sẽ cần bác sĩ pháp y xét nghiệm Waldron kỹ lưỡng hơn."

"Nếu sự thể như thế này, chúng ta cần phải tìm ra hai tên kỵ sĩ kia trước khi kẻ nào đó thực hiện việc này tiếp cận được chúng."

Reilly ngước nhìn bầu trời tối dần trước khi quay sang anh bạn đồng sự. "Hai kỵ sĩ, hoặc chỉ là một thôi," Reilly phản bác lại, "nếu tên cuối cùng trong số bốn kỵ sĩ đó chính là kẻ giết người."

Chương 26

Mắt tê nhức vì căng thẳng sau nhiều giờ mệt nhoài tra cứu các bản thảo cổ xưa, hắn tháo kính và nhẹ nhàng chùi mắt bằng chiếc khăn ướt.

Bao lâu rồi? Trời đã sáng chưa? Hay vẫn còn ban đêm? Hắn đã mất hết ý niệm về thời gian từ khi quay về đây sau vụ đột kích bằng ngựa vào Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan.

Dĩ nhiên giới truyền thông, cái bầy sinh vật hoạt động khá thường, cái lũ trí thức nửa mùa kia có lẽ đang đề cập đến vụ đột kích như một vụ đánh cướp hoặc trộm cắp. Không ai trong số bọn chúng, thậm chí ngay cả những kẻ ở cương vị cao hơn, hiểu nổi cách suy nghĩ của hắn – xem việc đó như một bài tập trong bài nghiên cứu thực tế. Nhưng quả thật nó là như vậy. Và cũng không còn bao lâu nữa, cả thế giới sẽ biết được thực chất sự kiện đêm thứ Bảy đó là gì: bước đầu tiên của một hành động sẽ tạo nên sự thay đổi, một sự thay đổi không thể đảo ngược, trong cách nhìn nhận thế giới của rất nhiều người trên thế giới này. Một nước cờ mà, một ngày không xa, sẽ làm tróc những lớp vảy ra khỏi những đôi mắt kia, để đón nhận những điều nằm ngoài trí tưởng tượng hèn yếu của họ.

Và ta đã gần đến đích rồi. Bây giờ, không còn phải đi lâu nữa.

Quay người lại, hắn nhìn vào bức tường sau lưng, một quyển lịch treo ở đó. Dù giờ giấc không quan trọng với hắn nhưng ngày tháng luôn có ý nghĩa.

Một trong những ngày như vậy được khoanh tròn bằng mực đỏ.

Liếc nhìn lần nữa kết quả công việc với máy mã hóa trục quay đa hộp số, hắn đọc một đoạn văn đã làm mình rối trí từ lúc giải mã song.

Quá thách đố, hắn trầm ngâm. Rồi mỉm cười khi nhận thấy một cách vô thức mình đã dùng từ hoàn toàn chính xác. Cái bản chép tay này không chỉ được mã hóa; trước khi được mã hóa, đoạn văn đặc biệt này trước tiên đã được thiết kế như một câu đố.

Hắn cảm thấy trào lên như một niềm ngưỡng mộ đối với người đã viết ra tài liệu này.

Nhưng rồi hắn lại cau mày. Phải giải câu đố ngay lập tức. Hắn biết, cho đến giờ phút này thì hành trang của mình vẫn được che giấu hoàn hảo, nhưng cũng không nên chủ quan ngờ nghệch đánh giá thấp địch thủ. Không may là, để giải đáp được câu đố này, hắn cần phải đến thư viện. Như vậy, có nghĩa là Vance phải rời khỏi ngôi nhà an toàn của mình và làm một chuyến ngao du trên mặt đất.

Hắn suy nghĩ một lát, và rồi quyết định dứt khoát là sẽ ra khỏi nhà vào buổi tối. Hắn sẽ đến thư viện vào buổi tối. Thận trọng. Đề phòng trường hợp bất kỳ kẻ nào đã tìm ra manh mối nào đó và dặn những người làm việc ở thư viện báo cáo khi có người hỏi về các tài liệu nhất định.

Rồi hắn mỉm cười với chính mình. Nào, mày lại hoang tưởng rồi. Bọn chúng không khôn ngoan đến mức ấy đâu.

Sau khi rời thư viện, hắn sẽ trở về nơi này, tràn đầy hy vọng với lời giải trong tay, rồi hoàn thành việc giải mã những đoạn văn còn lại.

Hắn lại liếc nhìn quyển lịch với cái ngày được khoanh tròn.

Một ngày khắc ghi mãi mãi trong ký ức hắn.

Một ngày mà hắn không thể nào quên.

Hắn có một nhiệm vụ tuy nhỏ nhưng quan trọng và đau đớn phải thực hiện. Sau đó, khi mọi việc đều tốt đẹp và với bản kinh chép tay đã giải mã hoàn toàn, hắn sẽ hoàn thành số mệnh đã giáng xuống đầu mình một cách bất công.

Chương 27

Đức Cha de Angelis ngồi trên một chiếc ghế mây cứng trong phòng ngủ ở tầng trên cùng của cái tòa nhà tập thể giản dị trên đường Oliver, địa điểm mà giáo khu đã thu xếp cho Đức Cha lưu trú trong thời gian ở New York. Cũng không hẳn là tồi tệ. Thực tế, tòa nhà này được đặc biệt chọn lựa cho Đức Cha, vì chỉ cách Federal Plaza vài khu phố về hướng Đông. Từ tầng trên của tòa nhà, quang cảnh cầu Brooklyn không thể không gợi nên những hình ảnh lãng mạn hóa của thành phố trong trái tim của các họa sĩ thuần túy thường cư ngụ trong những căn phòng này. Nhưng quang cảnh này chẳng có giá trị gì đối với Đức Cha.

Ngay lúc này tâm trí của Đức Cha de Angelis không hẳn là của một họa sĩ thuần túy.

Đức Cha kiểm tra lại giờ giấc rồi bật nắp điện thoại di động, bấm số gọi Rome. Hồng y Rienzi trả lời, lưỡng lự đôi chút về việc quấy rầy Đức Hồng y Brugnone rồi đồng ý chuyển máy, đúng như de Angelis biết ông ấy sẽ làm như vậy.

“Hãy nói với tôi là Cha có những tin tốt lành nhé. Michael,” Brugnone hắng giọng, nói.

“Người bên FBI đang tiến hành cuộc điều tra khá tốt. Một số món đồ bị đánh cắp đã được thu hồi.”

“Nghe phấn khởi đấy.”

“Vâng, đúng thế. FBI và sở Cảnh sát New York giữ lời hứa và dốc hết sức lực cho vụ này.”

“Bọn cướp thì sao? Họ có bắt giữ được kẻ nào khác không?”

“Không, thưa Đức Tổng,” de Angelis trả lời. “Người đàn ông bị bắt giữ đã chết trước khi họ kịp phỏng vấn. Tên đồng bọn thứ hai trong băng đảng cũng chết trong một vụ hỏa hoạn. Tôi đã nói chuyện với nhân viên đặc trách vụ án vào sáng sớm hôm nay. Họ còn đang chờ kết quả xét nghiệm pháp y nhưng anh ta tin rằng gã đàn ông kia có thể đã bị giết.”

“Bị giết. Kinh khủng quá,” Brugnone thở dài, “bi thảm quá. Lòng tham đang hủy hoại bọn họ. Người ta đang xâu xé nhau vì lợi lộc.”

Đức Cha nhún vai. “Vâng, có vẻ như vậy.”

Brugnone ngừng lại. “Michael, dĩ nhiên là có một khả năng khác.”

“Tôi đã nghĩ đến điều ấy.”

“Người của chúng ta có thể đang dọn dẹp nhà cửa.”

De Angelis khẽ gật đầu với chính mình. “Tôi cũng ngờ vụ việc là như vậy.”

“Như vậy là không tốt. Một khi hắn là người duy nhất còn lại, thậm chí sẽ còn khó tìm ra hắn hơn.”

“Ai cũng phạm sai lầm, thưa Đức Tổng. Và khi hắn sai lầm, tôi bảo đảm chúng ta sẽ không bỏ lỡ cơ hội đó.”

De Angelis có thể nghe thấy tiếng Hồng y xoay trở bồn chồn trên ghế ngồi. “Ta không an tâm với những việc phát sinh này. Anh không thể làm gì để giải quyết vấn đề hay sao?”

“Không thể làm điều gì mà không để FBI đánh giá là sự can thiệp không chính đáng.”

Brugnone im lặng một lúc rồi lên tiếng. “Trước mắt đừng làm họ tức giận. Nhưng anh phải đảm bảo chúng ta theo sát quá trình điều tra.”

“Tôi sẽ cố hết sức.”

Giọng nói của Brugnone như nặng âm sắc đe nẹt hơn. “Michael, anh hiểu tầm quan trọng của chuyện này. Dứt khoát chúng ta phải thu hồi tất cả mọi thứ trước khi bất kỳ tổn thất không thể bù đắp nào xảy ra.”

De Angelis biết chính xác sự nhấn mạnh cái cụm “tất cả mọi thứ” của Hồng Y có ý nghĩa gì. “Tất nhiên, thưa Đức Tổng,” ông ta đáp. “Tôi hoàn toàn thấu hiểu.”

Sau khi tắt điện thoại, de Angelis ngồi nán thêm ít phút, trầm tư suy nghĩ. Rồi ông quỳ bên cạnh giường để cầu nguyện, không cầu xin sự can thiệp của đấng thiêng liêng, mà cầu xin sự mềm yếu cá nhân không làm ông thất bại.

Có quá nhiều nguy cơ.

Chương 28

Khi các bản in từ Columbia đến văn phòng của Tess chiều hôm ấy, trông chúng có vẻ mỏng một cách đáng thất vọng. Một lượt đọc thoáng qua đã khẳng định nỗi thất vọng đó. Tess không tìm được trong đó điều gì hữu ích. Từ những điều Clive Edmodson đã tiết lộ, Tess không còn mong đợi biết thêm điều gì nữa về các Hiệp sĩ Đền Thánh. Đó không phải là lĩnh vực chuyên môn chính thức của William Vance. Hầu như, anh ta chỉ tập trung vào lịch sử của Phoenicia đến thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Tuy nhiên, sự liên kết là một thứ hết sức tự nhiên và có vẻ hứa hẹn; bến cảng Sidon và Tyre rộng lớn của Phoenicia một ngàn năm sau đã trở thành những pháo đài dũng mãnh của dòng Đền Thánh. Dường như người ta phải lột bỏ các lớp áo lịch sử của Đền Thánh và Thập tự quân để lén nhìn vào đời sống thời Phoenicia vậy.

Hơn nữa, không có chỗ nào trong số tài liệu đã được xuất bản của William Vance gửi đến Tess đề cập đến các vấn đề liên quan tới mật mã và mật mã học.

Tess cảm thấy cụt hứng. Toàn bộ việc đọc và nghiên cứu tại thư viện, và giờ là mớ tài liệu của Vance – chẳng có thứ gì giúp nàng tiếp cận gần hơn để tìm hiểu chuyện này.Tess quyết định rà soát lần cuối trên mạng, và cũng vẫn hàng trăm dữ kiện đó xuất hiện khi nàng nhập tên Vance vào bộ máy tìm kiếm. Dù vậy, lần này Tess quyết định không vội vàng và xem xét chúng cẩn thận hơn.

Tess đã lướt qua vài chục địa chỉ trang web thì chợt thấy một trang chỉ đề cập thoáng qua về Vance, và bằng một giọng điệu chế nhạo không thương tiếc. Bài viết đó, vốn là bản ghi lại diễn văn của một sử gia Pháp tại Đại Học Nantes gần mười năm trước, phê bình gay gắt điều tác giả cho là kém giá trị so với các ý tưởng đã có; theo quan điểm của sử gia kia thì nó chỉ làm vẩn đục dòng nước đối với những viện sĩ nghiêm túc hơn.

Nội dung đề cập tới Vance chiếm hai phần ba trong bài viết của nhà sử học người Pháp nọ. Trong đó, ông ta thoáng nhắc tới việc mình đã nghe được cái quan điểm lố bịch đó của Vance như thế nào, rằng Hughes de Payens có thể là một tín đồ giáo phái Cathar, đơn giản chỉ vì phả hệ gia tộc người đàn ông này cho thấy ông ta xuất xứ từ vùng Languedoc.

Tess đọc lại đoạn văn. Người sáng lập dòng Hiệp sĩ Đền Thánh, phải chăng là một tín đồ Cathar? Một ý kiến ngớ ngẩn. Giáo thuyết dòng Đền Thánh và giáo thuyết phái Cathar vốn hết sức mâu thuẫn nhau. Trong hai trăm năm, các Hiệp sĩ Đền Thánh đã là những người kiên quyết bảo vệ Giáo hội. Giáo thuyết phái Cathar, ngược lại là một phong trào theo phái Gnostic[37].

Tuy nhiên, có điều gì khơi gợi sự thích thú trong ý kiến này.

Phái Cathar khởi nguồn vào giữa thế kỷ thứ mười, có tên gọi theo từ Hy Lạp katharos, nghĩa là "những người thuần khiết". Giáo phái này đặt trên nền tảng quan điểm cho rằng thế giới là độc ác, rằng linh hồn con người sẽ tiếp tục tái sinh – và thậm chí có thể thông qua hình thức những loài thú vật, đó là lý do tại sao tín đồ Cathar ăn chay – cho đến khi họ thoát khỏi thế giới vật chất và đến được một thiên đường tâm linh.

Tất cả những gì tín đồ Cathar tin đều bị Giáo hội cấm đoán, nguyền rủa. Họ là những người theo thuyết nhị nguyên, vốn tin rằng bên cạnh một Thượng đế nhân từ tốt đẹp còn có một vị Thượng đế khác có quyền lực ngang bằng nhưng độc ác và xấu xa, để giải thích cho những điều khủng khiếp gây tai họa cho thế giới. Vị Thượng đế nhân từ sáng tạo thiên đường và linh hồn con người. Vị Thượng đế ác độc giam hãm linh hồn đó trong đó thân xác con người. Dưới mắt Tòa Thánh Vatican, tín đồ phái Cathar đã báng bổ thần thánh khi tôn vinh Saran lên ngang hàng với Chúa. Theo tín ngưỡng này, người Cathar xem mọi thứ vật chất đều là xấu xa, quan điểm này đưa họ đến hành vi loại bỏ những biểu hiện bề ngoài thể hiện cho của cải và quyền lực, những thứ rõ ràng đã làm băng hoại Giáo hội Thiên Chúa La Mã thời Trung cổ.

Điều đáng lo ngại hơn đối với Giáo hội, họ còn là những người phái Gnostic. Giáo thuyết phái Gnostic – giống như Cathar, xuất phát từ một từ Hy Lạp là gnosis, nghĩa là tầm hiểu biết cao hơn, hoặc sự thấu hiểu sâu sắc – với niềm tin rằng con người có thể tiếp xúc trực tiếp và gần gũi với Thượng đế mà không cần đến linh mục hoặc giáo hội nào. Niềm tin vào sự tiếp xúc cá nhân trực tiếp với Thượng đế đã giải phóng tín đồ giáo phái Cathar khỏi tất cả các

bổn phận tôn giáo hoặc những cấm đoán đạo đức. Ngoài việc không sử dụng các nhà thờ gây lãng phí và các nghi lễ bắt buộc, họ cũng không sử dụng các tu sĩ. Các nghi lễ tôn giáo đều được cử hành đơn giản tại nhà, hoặc trên những cánh đồng. Và nếu như vậy vẫn chưa đủ thì, phụ nữ được đối xử bình đẳng và được phép trở thành những 'parfait'[38], là chức vụ mà tín ngưỡng Cathar đặt ra gần với chức vụ linh mục nhất; vì đối với họ hình thức vật chất là không quan trọng, linh hồn lưu trú trong thân xác con người có thể dễ dàng là nam hoặc nữ, bất kể cái hình dáng bên ngoài.

Khi tín ngưỡng phát triển và lan tràn qua miền Nam nước Pháp và miền Bắc nước Ý, Vatican càng lúc càng lo ngại và sau cùng quyết định không thể dung tha phải dị giáo này nữa. Chẳng những đe dọa Giáo hội Thiên Chúa, nó còn đe dọa nền tảng hệ thống phong kiến tại châu Âu, vì người Cathar tin những lời thề là tội lỗi nếu chúng trói buộc một người với thế giới vật chất – tức là sự xấu xa. Ý niệm này làm xói mòn trầm trọng quan niệm lời thề trung thành của nông nô với các lãnh chúa. Giáo hoàng đã chẳng gặp khó khăn gì khi tìm kiếm sự ủng hộ của giới quý tộc Pháp để dập tắt mối hiểm hoạn này. Năm 1209, một đạo quân Thập tự tiến xuống Languedoc, và trong ba mươi lăm năm sau đó đã ra tay tàn sát hơn ba mươi ngàn người gồm cả đàn ông, phụ nữ và trẻ em. Người ta kể lại rằng máu tuôn ngập đến mắt cá chân trong các nhà thờ, nơi một số dân làng chạy đến trú ẩn; và khi một trong các chiến binh của Giáo hoàng than thở không biết mình đang giết những kẻ ngoại đạo hay những tín đồ Thiên Chúa giáo, anh ta chỉ được trả lời một cách đơn giản, "Cứ giết tất cả bọn chúng, Chúa sẽ tự biết."

Điều này hoàn toàn vô lý. Các Hiệp sĩ Đền Thánh đến Đất Thánh để hộ tống người hành hương – những người hành hương Thiên Chúa giáo. Họ là quân xung kích của Vatican, những người ủng hộ Vatican kiên trung nhất. Ngược lại, người Cathar là kẻ thù của Giáo hội.

Tess ngạc nhiên khi một người có học vấn như Vance lại nêu lên một đề xuất bừa bãi như vậy, đặc biệt khi nó dựa trên giả thuyết yếu ớt về nguồn gốc của một con người. Tess tự hỏi không biết mình có hiểu lầm gì không, nhưng Tess biết việc nàng thực sự cần là nói chuyện trực tiếp với Vance. Bất chấp một lập luận hớ hênh không thực tế như vậy, nếu có mối liên can giữa các Hiệp sĩ Đền Thánh và vụ cướp, có lẽ anh ta sẽ tìm ra đầu mối ngay tức khắc.

Tess quay số gọi Đại học Columbia lần nữa và được nối ngay với khoa Sử. Sau khi nhắc lại với cô thư ký về cuộc nói chuyện trước đó giữa họ, nàng hỏi liệu cô ta đã may mắn tìm được ai đó trong khoa biết cách liên lạc với William Vance. Người phụ nữ nói cô ta có hỏi một vài giáo sư giảng dạy ở đấy cùng thời với Vance, nhưng họ đã để mất liên lạc sau khi ông ta rời đi.

"Tôi hiểu," Tess nói giọng buồn bã. Nàng không biết phải xoay sở cách nào khác.

Cô thư ký thấu hiểu ngay sự thất vọng của Tess. "Tôi hiểu cô cần liên hệ với ông ấy, nhưng có lẽ ông ấy không muốn tiếp xúc với mọi người. Đôi khi người ta không muốn xới lại, cô biết đấy… những quãng thời gian đau buồn!"

Tess chợt chú ý. "Những quãng thời gian đau buồn?"

"Dĩ nhiên. Và sau những gì ông ấy trải qua… quả thật đáng buồn. Vance rất yêu bà ấy, cô biết đấy."

Đầu óc Tess như căng lên, cố suy nghĩ xem mình có bỏ sót điều gì không. "Rất tiếc. Tôi không chắc mình biết rõ sự việc cô đang nhắc đến. Giáo sư Vance đã mất đi người thân nào chăng?"

"Ồ, tôi tưởng cô biết chứ. Đó là vợ ông ấy. Bà ngã bệnh qua đời."

Đây hoàn toàn là tin mới với Tess. Không một trang web nào nàng xem đề cập đến chi tiết này, chúng chỉ thuần túy mang tính học thuật và không đả động đến vấn đề cá nhân. "Chuyện này xảy ra khi nào vậy?"

"Đã mấy năm rồi, năm hay sáu năm nhỉ? Xem nào… tôi nhớ là vào mùa xuân. Giáo sư nghỉ phép hè năm ấy rồi không bao giờ trở lại."

Tess cảm ơn người phụ nữ và gác điện thoại. Nàng tự hỏi có nên quên Vance đi và tập trung bắt liên lạc với Simmons hay không. Nhưng Tess vẫn bị Vance lôi cuốn. Nàng lại lên mạng, nhấp vào trang web của tờ New York Times. Tess chọn chức năng tìm kiếm nâng cao, và cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận ra phần văn bản lưu trữ trở ngược về năm 1996. Tess nhập tên "William Vance", đánh dấu vào ô cáo phó rồi nhấn phím.

Bài báo ngắn gọn thông báo cái chết của Martha, vợ William Vance. Nó chỉ đề cập đến những biến chứng sau một cơn bệnh ngắn ngủi, không cho biết thêm chi tiết. Ngẫu nhiên, Tess chú ý đến địa điểm chôn cất trong lịch trình tiến hành lễ tang: nghĩa trang Green-Wood ở Brooklyn, nàng tự hỏi không biết Vance có trả chi phí chăm sóc mộ hay không. Nếu có, có thể nghĩa trang sẽ ghi lại địa chỉ hiện tại của anh ta.

Tess nghĩ đến việc tự mình gọi điện thoại đến nghĩa trang, rồi lại quyết định không gọi. Dù sao, có thể người ta sẽ không tiết lộ thông tin với nàng. Tess miễn cưỡng lục tìm tấm danh thiếp mà Reilly đã đưa cho nàng và gọi đến văn phòng anh. Được cho biết Reilly đang họp, Tess do dự không biết có nên nói điều gì với nhân viên trực điện thoại, và nàng quyết định sẽ đợi để nói chuyện trực tiếp với Reilly.

Liếc nhìn lại màn hình, ánh mắt Tess đập vào bản án cáo phó và đột nhiên một cơn phấn khích bùng lên trong nàng.

Cô thư ký nói đúng, cái chết của Martha Vance xảy ra vào mùa xuân.

Tính đến ngày mai thì nó đã xảy ra đúng năm năm.

.....

[37] Giáo phái Ngộ Đạo, một giáo phái xuất phát từ Thiên Chúa giáo dạy rằng sự cứu rỗi đến từ chân lý tâm linh bí truyền, những chân lý có thể giải thoát nhân loại khỏi thế giới vật chất.

Chương 29

Cuộc giải phẫu tử thi xác nhận Waldron cũng bị sát hại," Reilly khẳng định khi nhìn một vòng những người khác ngồi quanh bàn trong phòng chiếu phim của Cục. Người ngoài duy nhất có mặt là Đức Cha de Angelis. "Chúng tôi phát hiện dấu vết chất lidocaine trong máu của anh ta. Đó là chất gây mê, và không phải do bất kỳ ai chăm sóc anh ta ở bệnh viện tiêm. Liều lượng cao đã kích thích làm trụy tim. Điều đáng quan tâm là còn có những vết kim đâm trên cổ. Thuốc được sử dụng để làm tê liệt dây thanh âm, nghĩa là Waldron không thể kêu cứu."

Đức Cha thoáng sững sờ trước báo cáo của Reilly, có vẻ như cũng hoảng sợ nữa. Những thành viên chính của cuộc điều tra vụ Cướp Viện Bảo tàng: Jansson, Buchinski, Amelia Gaines, Aparo, Blackburn cùng hai trong số các Nhân viên Phụ tá Đặc biệt của ông ta, cũng như hai kỹ thuật viên phụ trách vận hành khâu Âm thanh/ Hình ảnh cũng có mặt ở đó. Bản báo cáo thực sự không đem lại an tâm là mấy.

"Chúng tôi cũng tìm thấy thiết bị đóng dấu lạnh tại chuồng ngựa," Reilly tiếp tục, "mà Petrovic có lẽ đã dùng để ngụy trang những cái dấu trên các con ngựa mà bọn chúng sử dụng trong vụ cướp. Toàn bộ việc này có nghĩa là một trong hai khả năng sau. Hoặc chính kẻ nào đó đứng sau vụ này cho thủ tiêu đám lính trơn của hắn, hoặc một tên trong băng nhóm này quyết định giữ lại toàn bộ mớ đồ cướp được cho riêng gã. Dù thế nào chăng nữa thì chúng ta đã có một tên, và có khả năng là hai tên kỵ sĩ nữa có thể là mục tiêu tiếp theo. Và kẻ nào đó đang ra tay vụ này chính xác không phải là một tay mơ."

De Angelis quay sang Reilly. "Anh không thu hồi được món nào trong những món đồ mất mát của chúng tôi ở chồng ngựa sao?"

"Tôi e là không, thưa Cha. Thiên hạ đang bị tàn sát vì những thứ đó đấy."

De Angelis tháo kính ra, lau tròng kính bằng ống tay áo. "Còn những nhóm cực đoan mà anh quan tâm thì sao? Anh gặp may trong các cuộc điều tra của mình chứ?"

"Chưa có gì. Chúng tôi đang đặc biệt chú ý đến hai nhóm, những nhóm mới đây đã bày tỏ sự tức giận với Giáo hội vì cách mà Giáo hội chỉ trích chúng. Cả hai nhóm đều ở miền Trung Tây, các nhân viên hành động của chúng tôi ở đấy đang bám đuôi chúng. Chúng chưa biểu hiện một mối liên can rõ rệt nào, mới chỉ là những lời lẽ đe dọa."

De Angelis lại mang kính vào, cau mày. Rõ ràng Đức Cha lo lắng nhưng gắng không để lộ ra nét mặt. "Tôi cho là chúng ta phải chờ đợi thôi."

Reilly nhìn quanh bàn. Anh biết họ không đạt được tiến triển lớn nào để đi đến tận cùng vụ án. Cho đến giờ, họ chỉ đang thụ động phản ứng hơn là chủ động khởi động các sự kiện.

"Cậu muốn đề cập đến chuyện dòng Đền Thánh à?" Aparo hỏi.

De Angelis quay sang Aparo, ánh mắt của anh chàng này lại dẫn Đức cha đến với Reilly. "Các Hiệp sĩ Đền Thánh?"

Reilly không ngờ người cộng sự của mình lại nêu ra việc đó. Anh cố hết sức giảm nhẹ tầm quan trọng của sự việc. "Chỉ là một đầu mối mà chúng tôi đang lần theo."

Vẻ mặt như chế nhạo của De Angelis làm Reilly phải tiếp tục.

"Một nhân chứng tại viện bảo tàng, một nhà khảo cổ học… cô ấy cảm thấy có một sự liên hệ giữa các Hiệp sĩ Đền Thánh và vụ cướp."

"Vì những thánh giá màu đỏ trên áo khoác của các kỵ sĩ à?"

Ít nhất thì nó cũng không đi quá xa đến vậy. Reilly nghĩ. “Đúng, dấu hiệu đó và những chi tiết khác. Tên hiệp sĩ cướp chiếc máy mã hóa đã nói câu gì đó bằng tiếng Latinh, và rõ ràng cũng là câu được khắc trên cổng lâu đài của dòng Đền Thánh ở Pháp.”

De Angelis quan sát Reilly, thoáng nụ cười bối rối. “Và nhà khảo cổ này, cô ta nghĩ vụ cướp tại viện bảo tàng là hành động của một dòng tu đã không còn hiện hữu từ gần bảy trăm năm trước hay sao?”

Reilly cảm nhận mọi ánh mắt trong phòng xoáy vào mình. “Không hẳn vậy. Chỉ căn cứ vào lịch sử và vị thế được sùng bái của họ, các Hiệp sĩ Đền Thánh có thể trở thành nguồn cảm hứng cho một đám tôn giáo cuồng tín nào đó, vốn xem họ như thần tượng và bọn chúng có thể hành động như một kiểu báo thù hay phục hồi lại một huyền thoại nào đó.”

De Angelis gật đầu với chính mình, vẻ trầm ngâm. Dường như Đức Cha có vẻ khá thất vọng khi đứng lên và thu nhặt lại mớ giấy tờ. “Vâng, điều đó nghe rất có khả năng. Tôi mong anh tiếp tục may mắn trong cuộc điều tra, đặc vụ Reilly. Chào các quý ông. Chào cô Gaines,” Đức Cha lên tiếng chào từ biệt trong lúc liếc nhìn Jansson rồi lặng lẽ rời khỏi phòng, để Reilly lại với cảm giác khó chịu rằng những tàn dư bệnh hoạn điên rồ của các Hiệp sĩ Đền Thánh không chỉ dành riêng cho các nhà học thuật, viện sĩ.

Chương 30

Mitch Andeson biết nếu phải tiếp tục trốn tránh trong cái đống rác này lâu hơn nữa ắt y sẽ phát điên lên mất. Nhưng cũng rồ dại chẳng kém nếu ở lại cái xó riêng của y, còn chường mặt ra trên phố thì còn nguy hiểm hơn. Ít nhất thì tại đây, trong căn hộ của cha y, ở khu Queens, y được an toàn.

Đầu tiên là Gus, rồi đến Branko. Mitch khá tinh ranh, nhưng thậm chí nếu có ngốc nghếch như Gus Waldron thì cũng luận ra được rằng kẻ nào đó đã có một bản danh sách, và chắc chắn y không những có tên trên danh sách đó mà còn là nạn nhân kế tiếp.

Đã đến lúc phải chuyển đến những đồng cỏ an toàn hơn.

Mitch nhìn ngang qua căn phòng về phía người cha bị điếc và hầu như không còn kiểm soát được hoạt động bài tiết của bản thân; ông già đang làm cái việc mà ông luôn làm: trừng trừng nhìn vào những hình ảnh lờ mờ trên tivi, và vẫn như thường lệ chuyển kênh qua một loạt các chương trình talk show rẻ tiền rồi liên tục phun ra những câu chửi rủa chúng.

Mitch hẳn muốn kiểm tra về cái thằng đã thuê y. Y tự hỏi liệu có phải gã kia là kẻ cần phải đề phòng không, rồi lại nhận ra thằng cha đó không thể. Cái thằng ấy đã xoay xở ngon lành trên lưng ngựa, nhưng không phải là người có thể giết Branko, và chắc như đinh đóng cột gã không thể xuống tay ngon lành với cái thằng quả núi Gus Waldron. Phải là kẻ nào đó có đẳng cấp cao hơn trong cái chuỗi thức ăn này. Để phăng ra thằng khốn đó là ai và dần cho gã một trận, Mitch biết y phải thông qua cái gã đã tiếp xúc với y từ đầu, kẻ đầu tiên kể cho y nghe về cái mưu đồ điên khùng này. Vấn đề duy nhất là, y không có cách nào để liên lạc với gã này. Thậm chí Mitch cũng chẳng biết cả tên hắn nữa.

Mitch nghe cha y đáng rắm. Chúa ơi, y nghĩ, mình không thể chỉ ngồi ở đây. Cần làm cái gì đó.

Ban ngày cũng mặc, y phải tiến hành một nước cờ. Y nói với ông già rằng y sẽ về sau vài giờ nữa. Ông già làm ngơ, nhưng khi Mitch mặc áo khoác và bước ra cửa, ông ta rên lên, "Bia và thuốc lá."

Đó là câu nói dài nhất mà cha Mitch thốt ra với y kể từ lúc tảng sáng ngày Chủ nhật khi y đến thẳng đây từ Công viên Trung tâm, sau khi cả bọn đã cởi bỏ những cái áo giáp kia và tách ra đường ai nấy đi. Nhiệm vụ của Mitch là xếp gọn những thứ trang phục kia vào trong một chiếc xe tải giao hàng mà sau đó y bỏ lại trong một gara khóa kín, cách nhà riêng của y hai khu phố. Tiền thuê đã trả trước cho cả năm, và cho đến lúc đó, y sẽ không bén mảng đến gần đó.

Mitch ra khỏi căn hộ và xuống cầu thang, sau khi bỏ chút thời gian kiểm tra xem có điều gì đáng ngờ không, y bước ra con đường đang dần tối và hướng về phía ga tàu điện ngầm.

Trời đang mưa khi Mitch thận trọng di chuyển qua ngõ hẻm sau lưng tòa nhà bảy tầng đầy bụi bẩn ở Astoria, trong đó có căn hộ của y. Mitch kẹp dưới cánh tay một túi giấy đựng sáu chai bia Coors và một túi thuốc lá Winston cho ông già, người y ướt đẫm nước mưa. Mitch không định bén mảng gần chỗ ở của mình trong một thời gian, nhưng y quyết định mạo hiểm để lấy ít đồ đạc khi phải diễn trò biến mất.

Mitch đứng bất động vài phút trong ngõ hẻm trước khi rướn người lên, kéo thang thoát hiểm xuống. Y luôn luôn tra dầu chiếc thang để phòng hờ, và cái thang êm ả tuột xuống một cách ngoan ngoãn. Mitch hấp tấp trèo lên, lo lắng nhìn xuống ngõ hẻm phía dưới. Bên ngoài cửa sổ phòng ngủ, y đặt túi giấy trên cái thang, dùng ngón tay bới khe hở giữa lối thoát hiểm và bức tường, rút ra một mảnh thép y đã giấu ở đó. Chỉ lát sau, y đã cậy được then cài cửa sổ và leo vào trong nhà.

Mitch không bật đèn, thay vào đó chỉ sờ soạng tìm lối đi quanh cửa phòng quen thuộc. Y lôi một túi len cũ từ trên kệ xuống, rồi lần mò phía cuối phòng và kéo ra bốn hộp đạn, nhét vào túi. Sau đó y vào phòng tắm, lấy ra một túi nhựa từ bể nước. Trong túi là một gói to bọc giấy dầu, Mitch mở gói giấy và lấy ra một khẩu Kimber 45 li cùng khẩu Bersa 9 li nhỏ nhắn. Y quơ thêm bài bộ quần áo và một đôi giày ủng bảo hộ ưa thích. Vậy là đủ.

Mitch leo ra ngoài cửa sổ phòng ngủ, đóng cửa sổ lại sau lưng, khoác túi len lên vai và cúi xuống lấy cái túi giấy.

Cái túi đã biến mất.

Trong một thoáng. Mitch cảm thấy lạnh người, rồi thận trọng rút súng ra. Y trố mắt nhìn xuống ngõ hẻm. Y không thể thấy bất cứ chuyển động nào. Dưới thời tiết như thế này, thậm chí lũ mèo cũng không lảng vảng rình mò, và từ độ cao này thì lũ chuột cũng thành vô hình.

Ai đã lấy mất cái túi? Bọn nhóc chăng? Chắc là vậy. Nếu kẻ nào đó săn đuổi y, hẳn chúng sẽ không rình mò khắp nơi để rồi chôm một hộp bia sáu chai và một tút thuốc lá, nhưng bây giờ đây y không có tâm trạng để kiểm tra các giả thiết. Mitch quyết định lên trên mái nhà, từ đó y có thể bước sang tòa nhà khác và tìm lối xuống đường cách hơn ba mươi mét bên dưới. Trước đây, y từng làm như vậy, nhưng lúc đó mái nhà không ướt nước mưa.

Mitch bắt đầu chậm rãi và lặng lẽ trèo lên cho đến khi lên được trên mái. Y đang níu quanh một ống thông gió thì trượt chân trên một trong những ống thép tròn lạnh cóng và dài lòng thòng, do một toán thợ bảo trì cẩu thả bỏ lại đó. Cú trượt khiến Mitch bay nhào ra phía trước, đập mặt xuống một vũng nước mưa. Lồm cồm đứng lên, y nhanh chóng tiến về phía hàng lan can cao ngang đùi. Đến bên lan can, y nhấc một chân lên cao, rồi chợt cảm nhận một cơn đau buốt khi có kẻ nào đó bất ngờ đá vào phía sau đầu gối chân kia làm y sụm ngay xuống.

Mitch thọc tay vào túi để lấy khẩu súng, nhưng gã đàn ông kia đã chộp lấy cánh tay y rồi vặn tréo. Khẩu súng văng ra khỏi tay Mitch, y nghe tiếng lách cách vang lên khi khẩu súng lăn xuống mái nhà dốc đứng. Y dùng hết sức giật tay khỏi cú kẹp, cảm thấy mình đã thoát khỏi gã đàn ông kia và cảm nhận một khoảnh khắc phấn chấn trước khi mất thăng bằng, ngã nhào qua bên kia lan can.

Những ngón tay Mitch tuyệt vọng bấu víu lấy bất cứ vật gì trong tầm với, y bám được vào lớp đá nhám bằng cả hai tay. Rồi kẻ tấn công túm chặt cánh tay Mitch, ngay trên cổ tay, ghì lại, giữ cho y không bị trượt xuống với cái chết cầm chắc. Mitch sửng sốt ngước lên nhìn, thấy khuôn mặt của gã đàn ông kia, nhưng không nhận ra gã là ai.

Bất kể gã kia muốn gì, Mitch quyết định, gã kia có thể nhận được một cách vui vẻ.

“Kéo tôi lên,” Mitch khò khè. “Kéo tôi lên!”

Gã đàn ông chậm rãi làm theo yêu cầu cho đến khi Mitch nằm sõng soài, úp mặt xuống đất, nửa trong nửa ngoài hàng đá ngoài rìa. Y cảm thấy gã đàn ông kia thả một cánh tay gã ra, và rồi y nhìn thấy cái gì đó lóe lên. Trong một thoáng, Mitch nghĩ đó là một con dao, rồi nhận ra đó là cái gì: một mũi kim tiêm dưới da.

Mitch không biết điều này có ý nghĩa quái quỷ gì và cố gắng oằn người để thoát ra, nhưng trước khi kịp nhúc nhích, y cảm thấy một cơn đau buốt đột ngột trong các bắp thịt căng cứng từ bả vai hướng lên phía sọ.

Gã đàn ông kia vừa đâm mũi kim vào cổ Mitch.

Chương 31

Trong căn phòng riêng kín đáo, vừa đăm đăm nhìn bản in tấm ảnh đặt trước mặt, chụp từ máy quay, de Angelis vừa mân mê bức tượng làm bằng vàng ròng, cẩn kim cương và hồng ngọc hình một con ngựa đang lồng lên.

Về mặt cá nhân mà nói, de Angelis nghĩ món cổ vật này khá là thiếu thẩm mỹ. Ông biết đó là món quà của Nhà thờ Chính thống Nga tặng Đức Thánh Cha nhân dịp yết kiến Giáo hoàng vào cuối thế kỷ mười chín. Và ông cũng biết món quà đó là vô giá. Thiếu thẩm mỹ và xấu xí, nhưng lại vô giá.

De Angelis xem xét tấm ảnh tỉ mỉ hơn. Đó là tấm ảnh mà Reilly đã đưa cho ông vào lần gặp mặt đầu tiên, khi anh chàng đặc vụ đang nghi vấn về tầm quan trọng của máy mã hóa trục quay đa hộp số. Đó là một cảnh tượng vẫn làm tim ông đập rộn. Thậm chí tấm ảnh in đầy hạt này còn gợi lại cảm giác phấn khích mà ông đã cảm nhận, khi lần đầu chứng kiến khoảnh khắc trong đoạn phim giám sát mà ông đã xem tại Federal Plaza.

Các hiệp sĩ trong trang phục áo giáp sáng loáng, cướp phá một viện bảo tàng tại Manhattan vào thế kỷ hai mốt.

Quả là táo bạo, de Angelis nghĩ. Thật phi thường.

Tấm ảnh cho thấy tên cưỡi ngựa, người mà giờ đây de Angelis biết là tên kị sĩ thứ tư, đang cầm chiếc máy mã hóa lên. Ông nhìn chằm chằm cái mũ sắt của tên kỵ sĩ, cố xuyên qua lớp giấy mục kia để sục xạo vào trong đầu óc hắn. Hình ảnh chỉ xem được ba phần tư, chụp từ góc bên trái phía sau. Các tủ kính trưng bày bể nát vương vãi xung quanh tên hiệp sĩ. Và góc trên bên trái tấm ảnh là khuôn mặt một phụ nữ ló ra sau một cái tủ.

Một nữ khảo cổ gia nghe lỏm được tên kỵ sĩ thứ tư nói điều gì đó bằng tiếng Latinh, de Angelis nghĩ. Hẳn cô ta phải ở khá gần mới có thể nghe được, rồi nhìn đăm đăm vào tấm hình, ông biết chắc chắn đó là cô ta.

Ông nhìn kỹ gương mặt người phụ nữ: căng thẳng vì sợ hãi, như đông cứng lại. Vô cùng khiếp hãi.

Chắc chắn là cô ta.

De Angelis đặt tấm hình và con ngựa nạm ngọc xuống giường, bên cạnh mặt dây chuyền mà lúc này ông mới cầm lên. Nó được làm bằng bạc khảm hồng ngọc, một món quà của Tiểu vương xứ Hyderabad. Đáng giá tiền chuộc một vị hoàng tử, đó là chuyện đã từng xảy ra. Trong lúc xoay xoay mặt dây chuyền, de Angelis chợt cảm thấy cáu kỉnh và cái ngõ cụt mà ông đang đâm đầu vào.

Con mồi của ông đã che đậy dấu vết vô cùng khéo léo: ông không ngờ một con người táo bạo mà lại khéo léo như vậy. Đám tiểu tốt của gã đầu đảng, lũ người hèn mọn tuyệt vọng mà de Angelis đã lần ra, đã tra vấn và trừ khử một cách dễ dàng, tỏ ra là một lũ vô dụng.

Bản thân gã kia vẫn lẩn trốn được ông.

De Angelis cần một chiến thuật mới. Một sự can thiệp thiêng liêng giả tạo nào đó.

Và giờ là cái chuyện này. Một sự phiền hà.

Một nỗi bối rối.

De Angelis nhìn khuôn mặt cô gái lần nữa. Ông cầm điện thoại lên và nhấn một số gọi nhanh. Sau đó là hai hồi chuông ngắn, một giọng nói khàn khàn, khó chịu trả lời.

“Ai đấy?”

“Chính xác thì anh đã đưa số điện thoại này cho bao nhiêu người?” Đức Cha trả lời cộc lốc.

Gã đàn ông thở ra nghe thấy rõ. “Rất vui nhận được tin ngài, thưa ngài.”

De Angelis biết giờ gã kia đang dập tắt điếu thuốc, trong khi theo bản năng, lấy một điếu khác để thay thế. Ông luôn thấy thói quen đó là đáng ghét, nhưng các tài năng khác của gã cũng bù đắp lại rất nhiều cho tật xấu kia.

“Tôi cần anh giúp một việc.” Trong khi nói, de Angelis cau mày. Ông hy vọng là sẽ không cần phải dính líu đến bất kỳ người nào khác. Vị cha cố lại nhìn chăm chăm vào khuôn mặt Tess. “Tôi cần anh truy cập cơ sở dữ liệu của FBI về vụ cướp ở Viện Bảo tàng Metropolitan,” rồi nói thêm, “kín đáo đấy.”

Gã đàn ông trả lời ngay.

“Không thành vấn đề. Đấy là một trong những đặc quyền của cuộc chiến chống khủng bố. Tất cả chúng ta đều theo phương thức cùng chăm lo, cùng chia sẻ. Cứ cho tôi biết những gì Cha cần.”

Chương 32

Ngoặt ra khỏi một trong nhiều con đường quanh co của nghĩa trang, bây giờ Tess đang bước dọc theo một lối đi trải sỏi.

Lúc ấy vừa hơn tám giờ sáng. Xung quanh Tess, những đóa hoa xuân nở rộ quanh các bia đá, bãi cỏ được xén tỉa gọn ghẽ, ướt đẫm vì cơn mưa đêm qua. Nhiệt độ không khí tăng chút ít tạo nên một lớp sương mù, che phủ những ngôi mộ và các loại cây cối.

Trên không trung, một con chim két lẻ loi bay qua, phá vỡ khung cảnh tĩnh mịch bằng tiếng kêu đầy ám ảnh. Dù nhiệt độ đã tăng lên và có áo khoác bên ngoài, Tess vẫn thoáng rùng mình khi đi sâu hơn vào nghĩa trang. Việc đi qua nghĩa trang vẫn gây ra cảm giác bất an dù đang là thời điểm thích hợp nhất; việc có mặt tại đây hôm nay làm Tess nhớ lại cha mình và đã bao lâu rồi nàng chưa đến thăm mộ cha.

Tess dừng lại, xem tấm bản đồ mà nàng đã in ra tại quầy bên cánh cổng vào đồ sộ theo phong cách kiến trúc Gothic. Nàng nghĩ mình đã theo đúng hướng, nhưng giờ lại không thấy chắc chắn như vậy nữa. Nghĩa trang trải rộng hơn bốn trăm mẫu đất nên rất dễ bị lạc, nhất là khi nàng không lái xe. Tess đã đi theo đường gờ từ giữa thị trấn đến trạm đường 25 trong khu Brooklyn, đi bộ về hướng Đông qua một dãy phố và vào nghĩa trang qua cổng chính.

Tess nhìn quanh, cố gắng xác định phương hướng và rồi lại băn khoăn tự hỏi liệu việc đến đây xét cho cùng có phải là một ý tưởng đúng hay không. Trên thực tế đây là một tình huống hoàn toàn bất lợi. Nếu Vance có mặt ở đây, nàng sẽ có lỗi xâm phạm những giây phút hết sức riêng tư.

Và nếu anh ta không ở đây, chuyến đi trở thành một sự lãng phí thời gian.

Tess đẩy lùi những nghi ngờ của mình vào sâu trong tâm trí và tiếp tục bước tới. Bây giờ, rõ ràng nàng đang ở cái phần cũ kỹ hơn của nghĩa trang. Khi đi qua một ngôi mộ trang trí công phu, bên trên có tượng một thiên thần bằng đá hoa cương đang ngả đầu sang một bên, Tess nghe thấy một tiếng động vang lên bên cạnh. Giật mình, Tess nhìn chăm cú vào làn sương mù. Không có gì ngoài bóng tối và những bóng cây lay động. Lo lắng trong lòng, Tess sải bước nhanh hơn đôi chút, biết rằng mình đang dấn bước sâu hơn vào những nơi hẻo lánh của nghĩa trang.

Kiểm tra thật nhanh tấm bản đồ, Tess nhận ra lúc này hẳn nàng đã đến gần. Khá chắc chắn về vị trí hiện tại của mình, nàng quyết định đi tắt qua một cái gò nhỏ, bước vội trên thảm cỏ trơn trượt. Tess vấp phải một đường gạch viền bám đầy rêu, nàng phải níu tay vào một tấm bảng chỉ lối bị đổ để không ngã.

Và rồi Tess nhìn thấy anh ta.

Anh ta ở cách nàng khoảng gần năm mươi mét, một mình đứng nghiêm trang trước một bia mộ nhỏ. Một bó cẩm chướng màu đỏ sẫm và màu kem đặt trước tấm bia mộ, đầu anh ta cúi xuống. Một chiếc xe Volvo màu xám đỗ trên lối xe chạy gần đấy.

Tess chờ một lát trước khi quyết định tiếp cận anh ta. Nàng chậm rãi bước về phía anh ta, lặng lẽ, liếc nhìn tấm bia mộ và bắt gặp hàng chữ "Vance" cùng "Martha" trên bia. Vance vẫn không quay lại khi Tess chỉ cách anh ta chưa đến ba mét, mặc dù họ là những người duy nhất có mặt ở đấy.

"Giáo sư Vance", Tess lên tiếng, giọng ngần ngại.

Anh ta vẫn đứng đó, bất động một lúc trước khi chậm chạp quay lại đối mặt với nàng.

Tess thấy mình đang đứng trước một con người đã hoàn toàn thay đổi.

Tóc anh ta dày và có màu xám bạc, khuôn mặt hốc hác. Mặc dù vẫn còn dong dỏng và cao lớn, vóc dáng thể thao của anh ta như đã bị thu nhỏ lại, thậm chí có phần lom khom. Anh ta mặc áo khoác màu tối, cổ áo bẻ lên và tay đút

túi. Tess để ý thấy có một vài vết ố trên cổ tay áo đã bị sờn. Thực tế, Tess cảm thấy bối rối khi nhận ra toàn bộ dáng vẻ bên ngoài của Vance khá tiều tụy. Dù hiện tại đang làm gì đi nữa, rõ ràng địa vị của anh ta hiện nay giảm sút rất nhiều so với địa vị mà anh ta từng có. Nếu hôm nay tình cờ đi ngang qua anh ta trên đường phố – đã một thập niên từ lần cuối gặp gỡ – Tess ngờ rằng nàng khó mà nhận ra anh ta, nhưng ở đây, trong hoàn cảnh này, thì không còn nghi ngờ gì nữa.

Anh ta nhìn nàng, vẻ thận trọng.

"Tôi thực sự rất xin lỗi vì đã không mời mà đến," Tess lắp bắp, "mong anh thứ lỗi. Tôi biết đây là giây phút hết sức riêng tư, và xin anh tin tôi, nếu có cách nào khác để liên hệ với anh thì..." Nàng ngừng lại, để ý thấy nét mặt Vance có vẻ bừng lên nhưng chỉ là thoáng qua, không đủ để có thể nói là anh ta đã nhận ra nàng.

"Tess. Tess Chaykin. Con gái Oliver."

Nàng hít sâu và thầm thở ra nhẹ nhõm. Trong khi nét mặt anh ta dãn ra, đôi mắt xám sắc lẻm bừng lên, và Tess nhìn thấy dấu vết của sức lôi cuốn mà anh ta từng có khi họ gặp nhau lần cuối, từ bao năm trước đó. Rõ ràng trí nhớ của Vance không có gì trục trặc, bởi anh ta đã buột miệng, "Bây giờ tôi đã biết tại sao cô trông khác hẳn. Lúc chúng ta gặp nhau, cô đang mang thai. Tôi nhớ tôi đã nghĩ là thiên nhiên hoang dã ở Thổ Nhĩ Kỳ không phải là nơi tốt lành cho cô lúc ấy."

"Vâng." Tess thấy bớt căng thẳng. "Tôi có một bé gái tên Kim."

"Cháu bé hẳn đã..." Anh ta đang cố nghĩ xem đã bao lâu rồi.

"Cháu đã chín tuổi," Tess sốt sắng đỡ lời, rồi ánh mắt nàng lảng đi nơi khác, vẻ bối rối. "Xin lỗi, tôi... thực sự, tôi không nên đến đây."

Tess cảm thấy một nỗi thôi thúc bất chợt muốn rút lui và lẩn đi khi nàng nhận ra nụ cười của Vance tắt dần. Khuôn mặt anh ta tối sầm lại khi liếc nhìn về tấm bia mộ. Vance lên tiếng, giọng êm dịu. "Đến hôm nay, con gái Annie của tôi hẳn đã lên năm."

Con gái? Tess nhìn Vance, sững sờ và quay nhìn tấm mộ bia. Tấm bia mộ màu trắng, thanh nhã, giản dị, trên đó khắc hàng chữ cao chừng năm phân:

MARTHA VÀ ANNIE

VANCE

Mong sao những nụ cười của họ làm rạng ngời

một thế giới tốt đẹp hơn thế giới này

Thoạt tiên, Tess không hiểu. Rồi nàng hiểu ra.

Hẳn là vợ Vance đã chết khi sinh.

Tess cảm thấy mặt mình bừng đỏ, vô cùng ngượng ngùng vì sự thiếu suy nghĩ của mình khi theo dõi người đàn ông này đến tận huyệt mộ của vợ và con gái anh ta. Tess ngước nhìn Vance và thấy anh ta đang nhìn lại mình, nỗi buồn hằn thành những vết nhăn sâu trên mặt Vance. Lòng nàng như chùng lại. "Tôi rất tiếc," Tess lẩm bẩm, "Tôi không ngờ."

"Chúng tôi đã chọn sẵn tên, cô thấy đấy. Matthew nếu là con trai và Annie, dĩ nhiên. Chúng tôi đã chọn tên vào đêm chúng tôi cưới nhau."

"Điều gì... làm sao họ..." Tess không thể thốt ra trọn vẹn câu hỏi.

"Chuyện xảy ra ngay khi vợ tôi mang thai hơn nửa thời gian. Cô ấy đã được theo dõi chặt chẽ ngay từ đầu. Vợ tôi – phải, cả hai chúng tôi – khá lớn tuổi để có con đầu lòng. Và gia đình cô ấy có tiền sử cao huyết áp. Thêm nữa vợ tôi lại bị chứng gì đó gọi là chứng tiền sản giật. Người ta không biết tại sao nó xảy ra. Người ta thông báo với tôi là

bệnh khá phổ biến, nhưng có thể nguy hiểm. Điều đó rơi vào trường hợp của Martha." Vance ngưng nói, hít một hơi dài và nhìn đi nơi khác. Rõ ràng Vance rất đau đớn khi nói về chuyện này và Tess muốn anh ta dừng lại, nàng muốn mặt đất nứt ra nuốt chửng lấy nàng, tránh làm anh ta phải hồi tưởng lại sự việc vì sự hiện diện ích kỷ của nàng. Nhưng đã quá trễ.

"Các bác sĩ nói họ không làm gì được," Vance buồn bã nói tiếp. "Họ bảo chúng tôi rằng Martha sẽ phải phá thai. Annie quá nhỏ nên chẳng thể hy vọng con bé có thể sống sót trong lồng ấp, và cơ hội để Martha giữ lại cái thai thì đang giảm dần theo từng ngày."

"Việc phá thai đã không..."

Ánh mắt trân trân của Vance như chìm vào nội tâm. "Thông thường, chúng tôi lẽ ra còn không có cơ hội làm việc đó. Nhưng trường hợp này lại khác. Mạng sống của Martha đang lâm nguy. Vì vậy chúng tôi làm cái việc mà chúng tôi vẫn hay làm." Vance nói một cách khó khăn. "Chúng tôi hỏi cha xứ McKay xem chúng tôi nên làm gì."

Tess rúm người lại khi đoán được chuyện gì đã xảy ra.

Mặt Vance nhăn nhúm lại. "Cương vị của ông ta, vị thế của Giáo hội là rất rõ ràng. Ông cha xứ bảo như thế là giết người. Không chỉ là vụ giết người bất kỳ nào, cô hiểu đấy, mà là vụ ác độc nhất. Một tội ác khôn tả. Ồ, ông cha xứ tỏ ra là người có tài hùng biện tuyệt vời trong chuyện đó. Ông ta lên án chúng tôi đang vi phạm lời đã được viết ra của Chúa. 'Ngươi không được giết.' Ông ta bảo chúng tôi đang nói đến mạng sống của một con người. Chúng tôi đang giết chết một sinh mạng ngay từ khi nó bắt đầu sự sống, có thể nói là nạn nhân trong trắng nhất của một vụ giết người. Một nạn nhân không hiểu biết, không thể tranh luận, không thể cầu xin tha mạng. Ông cha xứ hỏi chúng tôi sẽ làm gì nếu nghe thấy tiếng kêu của nó, nhìn thấy nước mắt của nó. Và dường như làm vậy vẫn chưa đủ, lý lẽ kết luận của ông ta lại theo cái kiểu 'đã quyết định, không bàn cãi nữa'. 'Nếu có một đứa con một tuổi, các con có giết nó, hy sinh nó cho sự sống của chính các con không? Không. Dĩ nhiên các con sẽ không làm vậy. Nếu đứa bé được một tháng thì sao? Nếu chỉ một ngày tuổi thì sao? Khi nào thì đồng hồ thực sự bắt đầu điểm giờ cho một cuộc sống?'" Vance ngừng nói, lắc đầu trước ký ức. "Chúng tôi đã để tâm đến lời khuyên của cha xứ. Không phá thai. Chúng tôi đặt lòng tin vào Chúa."

Vance nhìn ngôi mộ, nỗi đau buồn pha lẫn giận dữ rõ ràng đang xoáy cuộn trong huyết quản anh ta. "Martha kiên trì đến khi cô ấy lên cơn co giật. Cô ấy chết vì xuất huyết não. Và Annie, ... lá phổi nhỏ bé của nó không bao giờ có cơ hội hít thở bầu không khí dơ dáy của chúng ta."

"Tôi rất tiếc," Tess hầu như không thốt được nên lời. Nhưng chuyện đó thực sự không phải là vấn đề. Vance dường như đắm chìm trong thế giới của riêng mình. Nhìn vào mắt anh ta, Tess có thể thấy nỗi buồn đau, giờ đây đã bị lấn át bởi cơn thịnh nộ cuộn dâng từ sâu thẳm trong lòng Vance.

"Chúng tôi đã ngờ nghệch giao sinh mạng của họ vào tay lũ lang băm kiêu căng, ngu dốt kia. Chuyện đó sẽ không xảy ra nữa. Không xảy ra với bất kỳ người nào nữa. Tôi bảo đảm điều đó." Vance nhìn trừng trừng vào khoảng không gian trống rỗng xung quanh họ. "Thế giới đã thay đổi rất nhiều trong một ngàn năm. Cuộc sống không còn do ý nguyện của Chúa hoặc ác tâm của Quỷ sứ nữa. Cuộc sống là sự thật mang tính khoa học. Và đã đến lúc mọi người hiểu điều đó."

Và trong khoảnh khắc đó, Tess hiểu ra.

Máu Tess như đông cứng lại khi nàng hiểu ra, với một sự chắc chắn tuyệt đối.

Anh ta là người đàn ông trong viện bảo tàng. William Vance là kỵ sĩ thứ tư.

Hình ảnh về cơn hoảng loạn tại viện bảo tàng, những tên hiệp sĩ đang tấn công, tiếng súng bắn, sự hỗn loạn và những tiếng thét dồn dập hiện ra trong tâm trí Tess.

"Sự thật sẽ giải thoát cho ngươi." Những từ ngữ vừa vuột thốt ra khỏi miệng Tess.

Vance nhìn Tess, đôi mắt xám của anh ta như xoáy vào nàng, vừa cuồng nộ vừa nhận thức rõ ràng.

"Chính xác."

Tess thấy phải tránh đi nhưng đôi chân như đã hóa chì. Nàng cảm thấy toàn thân cứng đờ, và trong khoảnh khắc đó nàng nghĩ đến Reilly.

"Tôi rất tiếc, lẽ ra tôi không nên đến đây," đó là tất cả những lời Tess có thể thốt lên. Nàng lại nghĩ đến viện bảo tàng, nghĩ đến cái thực tế nhiều người đã chết vì việc làm của người đàn ông này. Tess nhìn quanh, hy vọng thấy những người đưa tang khác, hoặc bất cứ du khách hay người chuyên quan sát các loài chim thường lui tới nghĩa trang này, nhưng lúc ấy hãy còn quá sớm. Chỉ có nàng và Vance.

"Tôi mừng là cô đã đến. Tôi thật sự cảm kích khi có bầu bạn, và cô, trong số tất cả mọi người, cô nên trân trọng điều tôi đang nỗ lực thực hiện."

"Xin anh, tôi... tôi chỉ cố gắng..." Tess xoay xở cố lấy lại sự sống cho đôi chân và do dự lùi ra sau vài bước, lo ngại liếc nhìn xung quanh, tuyệt vọng cố tìm ra một lối thoát. Đúng lúc ấy, chuông điện thoại của nàng vang lên.

Tess mở to mắt khi nhìn Vance và vẫn bước giật lùi, trong lúc đó Vance chậm rãi tiến về phía nàng, nàng chìa một tay ra, tay kia thọc vào túi xách lấy điện thoại vẫn đang reo.

"Xin anh." Tess van nài.

"Đừng," Vance thốt lên. Và ngay lúc đó Tess nhận ra cái gì đó như khẩu súng trong tay anh ta. Trông nó như một thứ đồ chơi, với những sọc màu vàng, nòng súng chĩa thẳng vào nàng. Và trước khi Tess kịp di chuyển hay la lên, những ngón tay nàng vẫn đang nắm chặt điện thoại trong túi xách, nàng nhìn thấy Vance bóp cò và hai luồng tia bay xuyên qua không khí. Chúng đập vào ngực Tess và nàng cảm thấy những luồng sóng thiêu đốt của cơn đau không thể chịu được.

Ngay lập tức, chân Tess khuỵu xuống, toàn thân tê liệt, bất động.

Tess sụm xuống.

Rơi vào trạng thái bất tỉnh.

Từ phía sau một thân cây gần đó, một gã đàn ông cao lớn mặc quần áo sẫm màu hôi mùi thuốc lá cảm thấy kích động khi nhìn thấy Tess bị bắn và ngã nhào xuống đất. Nhổ toẹt một thanh kẹo cao su cai thuốc lá hiệu Nicorette, gã rút di động ra và bấm nút gọi nhanh, bàn tay kia thọc vào bao súng sau lưng tìm khẩu Heckler & Koch USP nhỏ gọn.

De Angelis trả lời ngay. "Có chuyện gì?"

"Tôi vẫn đang ở nghĩa trang. Cô gái..." Joe Plunkett ngừng nói, nhìn Tess nằm đó trên bãi cỏ ướt. "Cô ta gặp gã nào đó, rồi bị hắn hạ gục bằng súng bắn điện taser."

"Cái gì?"

"Tôi nói với Cha là cô ta đã bị hạ. Cha muốn tôi làm gì? Muốn tôi lôi hắn ta ra không?" Đầu óc gã đang sắp xếp kế hoạch hành động. Súng bắn điện taser không phải là mối đe dọa. Gã không chắc người đàn ông tóc bạc đứng phía trên cô gái kia có mang theo vũ khí nào khác trong người không, nhưng dù thế nào cũng không phải là vấn đề; gã có thể khống chế hắn trước khi hắn ta kịp phản ứng, đặc biệt khi lão già đó dường như chỉ có một mình ở đây.

Plunkett chờ nghe lệnh. Tinh thần gã tự lên dây cót sẵn sàng cho cuộc tấn công, và gã thực sự nghe được tâm trí de Angelis đang rù rì chuyển động. Và rồi ông cha cố lên tiếng, một giọng nói bình thản, khẽ khàng.

"Không. Đừng làm gì cả. Cô ta không ảnh hưởng gì nữa. Giờ ông ta là ưu tiên của anh. Bám theo ông ta và bảo đảm là không để mất dấu. Tôi đến ngay đây."

Chương 33

Một cơn kinh hoàng ào qua Reilly khi anh lắng nghe, tai dán chặt vào điện thoại. “Tess à? Tess!” Vẫn không có tiếng trả lời, rồi đường dây đột ngột bị cắt đứt.

Reilly lập tức ấn nút gọi lại, nhưng sau bốn hồi chuông reo, giọng nói ghi âm sẵn của Tess vang lên yêu cầu anh để lại lời nhắn. Một cú gọi lại khác cũng có kết quả y như vậy.

Có cái gì đó không ổn. Rất không ổn.

Reilly thấy cuộc gọi của Tess lúc trước, nhưng nàng không để lại lời nhắn và đã rời khỏi văn phòng khi anh thử gọi lại. Dù sao Reilly cũng không chắc mình muốn đẩy quan điểm liên quan đến dòng Đền Thánh của Tess đi xa bao nhiêu. Reilly cảm thấy vụng về, gần như ngượng ngùng vì đã đặt ra vấn đề này tại buổi họp với các thành viên còn lại của đội và vị cha cố. Tuy nhiên, Reilly đã gọi đến văn phòng của Tess từ sáng sớm và nói chuyện với Lizzie Harding, thư ký của nàng. Lizzie cho anh biết Tess không đến văn phòng sáng hôm ấy. “Cô ấy gọi điện nói có thể sẽ đến trễ,” đó là lời của Lizzie.

“Trễ bao lâu?”

“Cô ấy không nói.”

Khi Reilly xin số điện thoại di động của Tess, người ta bảo với anh là không được tiết lộ thông tin cá nhân của nhân viên, nhưng Reilly quyết định đã đến lúc phải có số điện thoại của Tess, và uy thế của Viện Nghiên cứu nhanh chóng bị đảo ngược khi Reilly giải thích mình làm việc bên FBI.

Sau ba hồi chuông, điện thoại di động của Tess bật mở nhưng vẫn chẳng thấy nàng nói gì. Reilly chỉ nghe được một tiếng sột soạt, giống như có ai đó vô tình kích hoạt một cú gọi nhanh từ điện thoại di động trong túi xách hay túi quần; nhưng rồi anh nghe Tess nói “Xin anh,” bằng một giọng nói đáng lo ngại. Có vẻ như nàng đang sợ hãi. Giống như ai đó đang van nài. Và có một chuỗi các tiếng động mà Reilly đang vắt óc tìm hiểu ý nghĩa: một tiếng ‘cách’ sắc gọn, rồi vài tiếng thùm thụp nhỏ, cái gì đó nghe như một tiếng kêu đau đớn ngắn ngủi, nghèn nghẹt, và một tiếng thịch mạnh hơn nhiều. Reilly gào tên “Tess” vào điện thoại lần nữa, nhưng vẫn không có tiếng trả lời và đường liên lạc tắt ngóm.

Lúc nào, nhìn chằm chằm vào điện thoại, tim Reilly đập thình thịch. Anh thực sự chẳng thích cái cái cách mà câu nói “Xin anh” vang lên.

Dứt khoát có cái gì đó, sai lầm đáng sợ.

Tâm trí Reilly quay cuồng, anh bấm số gọi Viện Nghiên cứu lần nữa và nối máy với Lizzie.

“Lại là đặc vụ Reilly đây. Tôi cần biết Tess...” Anh nhanh chóng sửa sai, “... Cô Chaykin ở đâu. Việc khẩn cấp.”

“Tôi không biết cô ấy ở đâu. Cô ấy không nói đi đâu. Cô ấy chỉ nói sẽ đến trễ.”

“Tôi cần cô xem xét nhật ký, kiểm tra thư điện tử của cô ấy. Cô ấy có sử dụng lịch điện tử, có thể là một chương trình đồng bộ với máy PDA của cô ấy không? Phải có cái gì ở đó chứ.”

“Anh chờ một chút,” Lizzie đáp, giọng bực bội.

Reilly có thể thấy anh bạn đồng sự đang nhìn anh với vẻ lo lắng.

“Chuyện gì thế?” Aparo hỏi.

Reilly bụm ống thoại bằng một tay, ghi số di dộng của Tess cho Aparo bằng tay kia. “Là Tess. Có chuyện xảy ra. Hãy theo dõi điện thoại di động của cô ấy.”

Bên kia sông Đông, một chiếc Volvo xám chậm rãi chạy lên đường cao tốc Brooklyn – Queens, hướng về phía cầu Brooklyn.

Ba xe chạy sau chiếc Volvo và giữ một khoảng cách thận trọng là một chiếc Ford mui kín màu xám bạc, người lái xe là một gã đàn ông có tật xấu búng tàn thuốc lá qua cửa xe khi còn cháy dở.

Bên trái gã và bên kia sông, những ngọn tháp của khu Lower East Side vẫy gọi.

Đúng như gã đoán, chiếc Volvo nhanh chóng lên cầu và tiến vào Manhattan.

Chương 34

Thậm chí trước khi mở mắt ra, Tess đã cảm nhận được mùi hương trầm. Khi thật sự mở mắt, Tess thấy hình như có hàng trăm ngọn nến, những ngọn lửa vàng chiếu rọi khắp căn phòng một thứ ánh sáng mờ dịu, lung linh.

Tess nằm trên một tấm thảm kilim [39] cũ sờn và xù xì. Bất thình lình, cuộc chạm trán với Bill Vance ùa về ngập tâm trí nàng và nàng cảm thấy rùng mình sợ hãi. Nhưng anh ta không có ở đó. Chỉ có một mình nàng.

Tess ngồi dậy, cảm thấy chóng mặt nhưng nàng vẫn cố gượng đứng lên một cách run rẩy trên đôi chân mình. Nàng cảm thấy một cơn đau nhói trong lồng ngực, rồi một cơn đau khác bên sườn trái. Tess liếc nhìn xuống, sờ soạng xung quanh, cố nhớ lại chuyện đã xảy ra.

Anh ta đã bắn mình. Không thể tin là anh ta bắn mình thật.

Nhưng mình chưa chết mà...?

Tess nhìn lại quần áo của mình, cố tìm những dấu hiệu có thể nói lên việc gì đang xảy ra và tự hỏi tại sao mình vẫn còn thở. Rồi nàng nhận ra hai cái vết chỗ nàng bị bắn, hai lỗ thủng trên quần áo, các mép lỗ thủng hơi bị tưa và cháy nám. Và Tess từ từ nhớ lại, hình ảnh Vance và khẩu súng trong tay anh ta. Nàng nhận ra rằng Vance không có ý định giết nàng mà chỉ vô hiệu hóa nàng, và khẩu súng anh ta dùng để bắn nàng hẳn là một loại súng gây choáng.

Đó cũng chẳng phải là một ý nghĩ đặc biệt khiến nàng an tâm.

Nhìn quanh phòng bằng ánh mắt vẫn còn lờ đờ, Tess đoán mình đang ở trong một căn hầm. Những bức tường trơ trụi, nền lát đá, trần có vòm thấp được đỡ bằng những chiếc cột chạm khắc cầu kỳ. Không cửa sổ. Không cửa ra vào. Ở góc phòng là chiếc cầu thang gỗ dẫn lên trên, vào trong một khoảng tối mà ánh sáng từ các ngọn nến không chiếu tới, hầu hết các ngọn nến được cắm trên những khối sáp đã tan chảy chằng theo một hình thù nào cả.

Tess dần dần nhận ra nơi này còn hơn cả một hầm rượu. Có người sống ở đây. Kê sát bức tường là một cái giường nhỏ, và một cái thùng gỗ cũ được dùng làm bàn kê cạnh giường ngủ. Trên bàn bày la liệt sách vở và giấy tờ. Đầu bên kia là một cái bàn dài. Trước bàn có một cái ghế xoay kiểu văn phòng, hơi bị nghiêng đi có vẻ như đã trải qua nhiều năm sử dụng. Hai đầu bàn thậm chí còn chất đống nhiều sách vở và giấy tờ hơn, chễm chệ giữa bàn và được nhiều cây đèn cầy còn nguyên bao quanh là chiếc máy mã hóa bị đánh cướp từ Viện Bảo tàng Metropolitan.

Ngay cả trong bóng tối của căn phòng được thắp sáng bằng nến, chiếc máy vẫn tỏa sáng như hiện hữu từ thế giới bên kia. Dường như tình trạng của nó tốt hơn so với hình dung trong trí nhớ của Tess.

Tess nhìn thấy túi xách của nàng trên bàn, chiếc ví mở toang nằm bên cạnh, và nàng chợt nhớ ra chiếc điện thoại của mình. Tess mơ hồ nhớ có nghe tiếng chuông trước khi bất tỉnh. Tess nhớ đã mò mẫm tìm điện thoại khi chuông còn reo và biết chắc đã bấm được nút, máy đã được kết nối. Nàng tiến lên một bước để lấy cái túi, nhưng trước khi cầm được túi thì một tiếng động đột ngột buộc nàng phải xoay người lại. Tess nhận thấy tiếng động phát ra từ đầu cầu thang; tiếng cánh cửa mở ra rồi đóng lại cùng với âm thanh kim loại va chạm nhau. Rồi tiếng chân bước xuống bậc cầu thang và một đôi chân hiện ra, đôi chân đàn ông. Anh ta mặc cái áo khoác dài.

Tess vội vàng lùi lại khi anh ta xuất hiện. Vance đang nhìn về phía nàng, mỉm cười thân thiện và trong khoảnh khắc, nàng tự hỏi phải chăng nàng đang tưởng tượng ra chuyện anh ta đã làm để hạ gục nàng.

Vance tiến đến phía Tess, tay xách theo một chai nước to bằng nhựa.

“Tess ạ, tôi xin lỗi,” anh ta lên tiếng, giọng đầy vẻ biết lỗi. “Nhưng tôi không còn cách nào khác.”

Lấy một cái ly giữa đống sách trên bàn, Vance rót một ít nước và đưa cho Tess. Rồi anh ta lục lọi trong túi cho đến lúc tìm được một vỉ thuốc. “Đây. Thuốc giảm đau loại mạnh đấy. Uống một viên với thật nhiều nước. Nó sẽ giúp cô hết nhức đầu.”

Tess liếc nhìn và nhận ra nhãn hiệu của vỉ thuốc. Dường như nó vẫn còn nguyên, chưa ai đụng đến.

“Chỉ là Voltarol thôi. Nào, uống đi. Cô sẽ thấy khỏe hơn.”

Tess do dự một lúc, rồi bóc một viên thuốc ra khỏi vỉ, chiêu một ngụm nước để nuốt. Vance lại rót đầy ly và Tess lại uống hết một cách thèm khát. Vẫn còn choáng váng và chuyện xảy ra với mình, Tess trân trối nhìn Vance, đôi mắt nàng cố tập trung dưới ánh sáng của những ngọn nến. “Chúng ta đang ở đâu? Nơi này là chỗ nào vậy?”

Vẻ mặt Vance buồn bã, gần như là bối rối. “Tôi nghĩ cô có thể gọi là nhà.”

“Nhà ư? Anh không thực sự sống ở đây đấy chứ?”

Vance không trả lời.

Tess cảm thấy khó mà hiểu được điều gì đang diễn ra. “Anh muốn gì ở tôi?”

Vance nhìn nàng dò xét. “Cô tìm đến tôi kia mà.”

“Tôi tìm đến anh để nhờ giúp tìm hiểu một vài điều,” Tess bực tức ngắt lời. “Tôi không ngờ anh lại bắn và bắt cóc tôi thế này.”

“Bình tĩnh nào, Tess. Không ai bị bắt cóc cả.”

“Ồ, thế à? Vậy là tôi được tự do ra về chứ gì.”

Vance nhìn đi nơi khác, suy nghĩ. Rồi anh ta quay lại đối mặt với Tess. “Có thể cô sẽ không muốn ra về. Một khi đã nghe câu chuyện từ phía tôi.”

“Tin tôi đi, tôi chỉ muốn thoát ngay ra khỏi nơi quỷ quái này mà thôi.”

“Vậy thì... có thể cô nói đúng.” Vance có vẻ bối rối, thậm chí là xấu hổ. “Có lẽ việc này hơi phức tạp.”

Tess cảm thấy cơn tức giận trong nàng đang nhường chỗ cho sự thận trọng. Mình làm gì thế này? Đừng chọc giận anh ta chứ. Không thấy anh ta đang rối trí hay sao? Anh ta đang bất ổn. Sẵn sàng chặt đầu người đấy. Bình tĩnh nào. Tess không biết nhìn đi đâu hay nói gì. Liếc nhìn chiếc máy mã hóa lần nữa, Tess phát hiện ra một lỗ hổng trên tường, chỗ kê cái bàn. Lỗ hổng nhỏ, hình vuông và lắp cửa chớp. Nàng cảm thấy một tia hy vọng lóe lên, rồi nhanh chóng tan biến khi hiểu rằng anh ta hẳn sẽ không để một lối thoát lộ liễu như vậy. Anh ta có thể bị rối trí nhưng không ngu ngốc.

Ánh mắt Tess lại bị hút vào chiếc máy mã hóa. Mọi chuyện đều liên quan đến nó. Nàng cảm thấy cần phải tìm hiểu nhiều hơn. Tess tự trấn tĩnh rồi lên tiếng hỏi, “Nó là của dòng Đền Thánh, đúng không?”

“Đúng... và nghĩ xem, tôi đã đến thư viện của Vatican nhiều lần, và trong suốt thời gian ấy hẳn nó đang nằm trong một cái hầm nào đó, phủ đầy bụi bặm. Tôi không nghĩ là họ biết mình có cái gì trong tay.”

“Và sau ngần ấy năm tháng, nó còn hoạt động được à?”

“Chỉ cần chùi rửa một chút và tra dầu mỡ vào, nhưng phải đấy, nó vẫn còn hoạt động. Hoàn hảo. Các Hiệp sĩ Đền Thánh đều là những tay thợ thủ công lành nghề.”

Tess quan sát chiếc máy mã hóa. Nàng chú ý thấy trên bàn, bên cạnh cái máy là rất nhiều giấy tờ. Những tài liệu cổ xưa, giống như những trang giấy của một bản thảo chép tay. Tess nhìn Vance, anh ta cũng đang nhìn nàng. Tess có cảm giác anh ta gần như thích thú với vẻ băn khoăn của nàng.

“Tại sao anh làm chuyện này?” sau cùng Tess thốt lên. “Tại sao anh lại cần nó ghê gớm đến vậy?”

“Tất cả bắt đầu tại Pháp, chỉ vài năm trước đây.” Vance đưa ánh mắt đăm chiêu nhìn vào những xấp tài liệu cổ xưa bên cạnh chiếc máy giải mã, tâm trí như bồng bềnh ở một nơi chốn nào đó. “Thực tế là, không bao lâu sau khi

Martha và Annie mất, "anh ta nói, vẻ ủ dột. "Tôi đã bỏ trường đại học, tôi... hoang mang và giận dữ. Tôi xa lánh tất cả. Tôi dừng chân ở miền nam nước Pháp, vùng Languedoc. Trước kia tôi đã từng đến đó, trong những chuyến du lịch bộ hành với Martha. Phong cảnh ở đấy rất đẹp. Cô có thể dễ dàng hình dung lúc ấy nó như thế nào. Đó là một vùng đất giàu lịch sử cho dù phần nhiều lịch sử của nó khá là đẫm máu... Dù vậy, trong thời gian đó, tôi tình cờ biết được một câu chuyện mà tôi cứ nhớ mãi. Câu chuyện đã xảy ra cả mấy trăm năm trước. Câu chuyện kể về một linh mục trẻ tuổi được mời đến bên giường một ông lão đang hấp hối để làm các nghi lễ sau cùng và nghe lời xưng tội. Người ta tin rằng ông lão là một trong những Hiệp sĩ Đền Thánh cuối cùng còn sống. Vị tu sĩ bước vào dù người sắp chết không thuộc dòng tu của ông và không yêu cầu, trên thực tế, thậm chí lúc đầu ông lão còn từ chối gặp mặt. Sau cùng, ông lão dịu lại và chuyện kể lại rằng khi vị linh mục trẻ bước ra ngoài, mặt ông ta trắng bệch ra vì sốc. Không chỉ khuôn mặt mà kể cả mái tóc cũng bạc trắng. Người ta đồn từ sau ngày hôm ấy vị linh mục kia không bao giờ cười lại nữa. Và nhiều năm sau đó, ngay trước khi chết, vị linh mục đã tiết lộ sự thật. Hóa ra vị Hiệp sĩ Đền Thánh kia đã kể lại câu chuyện của mình và cho vị linh mục xem một số giấy tờ. Một thứ gì đó đã thực sự gây sốc và tước đi sự sống của người tu sĩ. Chuyện là vậy. Tôi không thể rũ bỏ được câu chuyện đó. Tôi không thể quên đi hình ảnh mái tóc của vị tu sĩ bỗng bạc trắng chỉ sau vài phút ở bên một ông lão sắp chết. Từ thời điểm đó trở đi, việc tìm hiểu bản chép tay cổ đó là gì, hoặc nó ở đâu đã trở thành..."

Một nỗi ám ảnh, Tess nghĩ thầm.

"... một sứ mệnh, đại loại là vậy." Vance khẽ mỉm cười, tâm trí rõ ràng đang mơ màng về những hình ảnh của những thư viện hẻo lánh, xa xôi. "Tôi không biết đã đào bới bao nhiêu tàng thư bụi bặm trong các viện bảo tàng, nhà thờ và tu viện khắp nước Pháp, thậm chí vượt qua dãy Pyrenee sang miền Bắc Tây Ban Nha." Anh ta dừng lại, rồi vươn tay ra đặt lên đống giấy tờ bên cạnh máy mã hóa. "Rồi một ngày kia, tôi đã tìm được thứ gì đó. Trong một lâu đài của dòng Đền Thánh."

Một lâu đài có hàng chữ khắc trên cổng. Tess cảm thấy tâm trí quay cuồng. Nàng nghĩ đến những từ ngữ Latinh đã nghe Vance thốt lên, nghĩ về câu châm ngôn latinh mà Clive đã kể với nàng được khắc ngay ở cổng lâu đài Blanchefort, Tess lại liếc nhìn đống giấy tờ. Nàng có thể nhận ra chúng là các bản tài liệu viết tay cổ. "Anh đã tìm được bản chép tay thật à?" Tess hỏi, ngạc nhiên khi thấy bản thân như cảm nhận phần nào nỗi kích động mà nàng biết Vance hẳn đã trải qua. Và rồi, một tia sáng chợt lóe lên trong đầu nàng. "Nhưng chúng đã bị mã hóa. Vì vậy anh cần đến cái máy mã hóa này."

Vance chậm rãi gật đầu, xác nhận suy đoán của Tess. "Phải. Quả thật là nản lòng. Đã bao năm qua, tôi biết mình đang ngồi trên cái gì đó rất quan trọng. Tôi biết mình có trong tay những tài liệu tốt nhưng không đọc được. Phương pháp thay thế đơn giản hoặc loại bỏ mã đều không có hiệu quả, nhưng rồi tôi biết họ khôn ngoan hơn thế nhiều. Tôi phát hiện bí mật liên quan đến công cụ mã hóa của dòng Đền Thánh, nhưng không thể tìm đâu ra các loại máy này. Có vẻ như thực sự vô vọng. Toàn bộ tài sản của họ đã phá hủy khi họ bị bố ráp vào năm 1307. Nhưng rồi định mệnh ra tay can thiệp và đã mang cái báu vật nhỏ bé này ra khỏi những hầm sâu trong lòng Vatican, nơi nó đã nằm bẹp suốt bao năm tháng, được cất giấu từ lâu và hầu như đã bị lãng quên."

"Và giờ anh có thể đọc được chúng."

Vance vỗ vào xấp giấy. "Như báo buổi sáng vậy."

Tess nhìn những tập tài liệu. Nàng cảm thấy ân hận vì cảm giác kích động dữ dội đang dâng trào trong người và phải tự nhắc nhở bản thân rằng nhiều người đã chết oan, rằng người đàn ông này có thể đã loạn trí; và căn cứ vào những sự kiện mới xảy ra thì anh ta rõ ràng là nguy hiểm. Phát hiện mà anh ta đang tìm tòi có khả năng là một phát hiện lớn, lớn hơn bất kỳ phát hiện nào mà Tess từng có cơ hội khám phá, nhưng nó thấm đẫm máu người vô tội và Tess không thể tự cho phép mình quên đi thực tế đó. Phát hiện này cũng có mặt đen tối của nó, một điều gì đó làm đảo lộn lịch sử của chính nó mà nàng không thể gạt bỏ.

Tess quan sát Vance, một lần nữa anh ta lại có vẻ như đắm chìm trong những suy nghĩ của riêng mình. "Anh hy vọng tìm ra cái gì?"

"Một cái gì đó đã mất đi quá lâu." Đôi mắt Vance nhíu lại, vẻ dữ dội. "Một cái gì đó sẽ làm mọi việc trở thành đúng đắn."

Cái gì đó đáng để giết người, Tess muốn nói thêm nhưng lại thôi. Thay vào đó, nàng nhớ lại những gì đã đọc về ý kiến của Vance cho rằng người sáng lập dòng Hiệp sĩ Đền Thánh là một người Cathar. Vance vừa cho nàng biết anh ta đã tìm được lá thư tại vùng Languedoc – nơi anh ta cho là nguồn gốc xuất phát của dòng họ Hughes de

Payens, giả thiết vốn bị nhà sử học người Pháp phản đối kịch liệt trong bài viết mà Tess đã đọc. Tess muốn tìm hiểu thêm về điều đó, nhưng chưa kịp nói ra nàng nghe thấy một tiếng động từ bên trên, giống như tiếng gạch cọ trên nền đá.

Vance đột ngột nhảy dựng lên. "Ở yên đấy," anh ta ra lệnh.

Tess đảo mắt nhìn lên trần, tìm nguồn phát tiếng động. "Cái gì vậy?"

"Cứ ở đây," Vance nhắc lại khi khẩn trương di chuyển. Anh ta ra phía sau bàn, rút ra khẩu súng điện đã dùng để bắn Tess, nhưng rồi quyết định bỏ nó lại. Rồi lại lục lọi trong một cái bao, anh ta lôi ra khẩu súng khác, một khẩu súng ngắn thông thường và lúng túng nạp đạn, hấp tấp chạy đến cầu thang.

Vance bước nhanh trên các bậc cầu thang, khi đôi chân anh ta khuất khỏi tầm nhìn, Tess nghe tiếng thịch của cánh cửa kim loại bị đóng và khóa lại sau lưng anh ta.

.....

[38] tiếng Pháp, những người hoàn hảo, ở đây chỉ những người thay thế cho hàng linh mục trong giáo phái Cathar.

[39] kilim: một loại thảm dệt, không sử dụng lông cừu, thêu trang trí bằng hoa văn kỷ hà, sản phẩm của vùng Trung Đông.

Chương 35

De Angelis tự nguyền rủa bản thân lúc ông ta đạp phải khúc gỗ đã cháy thành than và làm xáo trộn hiện trường đổ nát xung quanh. Việc di chuyển rón rén qua ngôi nhà thờ đã bị thiêu rụi thật không dễ dàng chút nào; các thanh xà cháy xém và gạch ngói vỡ từ cái mái bị sụp vương vãi khắp nơi trong khoảng không ẩm ướt, tăm tối xung quanh vị cha cố.

De Angelis thoạt đầu ngạc nhiên khi biết cái đống đổ nát này là nơi Plunkett đã theo dấu Tess và gã tóc bạc bắt cóc cô ta. Lén lút đi qua những tàn tích câm lặng, ma quái của căn nhà thờ Ascension, giờ đây de Angelis nhận ra nơi này quả là một địa điểm hoàn hảo cho kẻ nào muốn yên ổn làm việc, không bị quấy rầy; kẻ nào đó mà sự toàn tâm toàn ý cho công việc đã vượt qua cả những vấn đề tiện nghi cá nhân đơn giản. Thêm một sự xác nhận nữa, không phải là de Angelis cần đến sự xác nhận này, rằng kẻ mà ông ta săn đuổi biết chính xác món đồ mà hắn đã cướp của Viện Bảo tàng Metropolitan đêm hôm ấy là cái gì.

De Angelis bước vào nhà thờ qua một lối vào bên hông; chưa đến bốn mươi phút trước đó Plunkett đã theo dõi Tess Chaykin, bị bịt mắt và được dìu ra khỏi ghế sau chiếc Volvo rồi gã bắt cóc dẫn cô qua chính lối vào này. Cô ta dường như không tỉnh táo và cần sự giúp đỡ của gã đàn ông mới bước lên được mấy bậc tam cấp để vào trong ngưỡng cửa, tay cô ta quàng qua cổ gã kia.

Ngôi nhà thờ nhỏ nằm trên đường 114 Tây, kẹp giữa hai dãy nhà xây bằng đá kết nâu và một con hẻm chạy dọc theo mặt tiền phía Đông, một chiếc Volvo và một chiếc xe mui kín hiện đang đỗ ở đó. Nhà thờ mới bị trận hỏa hoạn nặng nề mấy năm trước, việc xây dựng lại nhà thờ rõ ràng chưa được quyết định. Một tấm biển to phía trước trình bày tiến độ của các nỗ lực gây quỹ xây dựng lại, dưới dạng cái nhiệt kế cao gần hai mét được chia thành hàng trăm ngàn đôla – số lượng tiền cần thiết để có thể khôi phục lại vẻ huy hoàng trước kia của nhà thờ, mà mức quyên góp hiện tại mới chỉ dừng lại ở một phần ba con số đó.

Ông cha cố đi qua một lối hẹp đến gian giữa của giáo đường. Những hàng cột chia nhà thờ thành hai gian cánh và khu giữa, vương vãi những đống ghế dài cháy nham nhở. Xung quanh de Angelis, lớp bụi vừa bị cháy rớt khỏi những bức tường, để lộ ra lớp gạch cháy đen và thủng lỗ chỗ. Bên dưới trần nhà, một phần nhỏ mái vòm thạch cao còn sót lại, kéo dài từ những bức tường ngoài đến những hàng cột không thể nhận ra nổi vì lửa đã thiêu đốt thành than và làm biến dạng. Chỉ còn một lỗ tròn trống rỗng ở nơi trước kia là ô cửa sổ khảm kính màu từng tự hào ngự trị trên lối vào nhà thờ, giờ cái lỗ trống đó đã được bịt lại bằng ván.

De Angelis rón rén đi dọc theo rìa gian giữa, ngang qua cánh cổng bằng đồng của bệ thờ đã bị nung chảy và thận trọng leo lên các bậc thang vào thánh đường. Những tàn tích cháy sém của cái bục giảng đồ sộ có nắp che lờ mờ hiện ra bên phải ông cha cố. Bốn bề xung quan de Angelis, nhà thờ chìm trong im lặng, chỉ có tiếng động thỉnh thoảng từ đường phố vẳng qua một trong các lỗ hổng của những bức tường đã loang lổ. De Angelis phỏng đoán kẻ bắt cóc cô gái hẳn đang sử dụng những phòng phía sau. Có Plunkett canh chừng bên ngoài, lúc này de Angelis yên lặng đi qua những tàn tích của bệ thờ, vào trong lối đi sau thánh đường, chậm rãi gắn ống hãm thanh lên nòng khẩu Sig Sauer.

Và đó là lúc ông cha cố đạp phải những mảnh ngói vụn.

Tiếng động dội lên xung quanh ông ta trong dãy hành lang tăm tối. De Angelis ớn lạnh, cẩn thận nghe ngóng, cảnh giác với bất kỳ xáo động nào mà mình gây ra. Nheo mắt lại, de Angelis chỉ vừa thấy một cánh cửa ở cuối lối đi thì đột nhiên, từ phía bên kia cửa, ông ta nghe được một tiếng thịch tắc nghẹn, rồi tiếng bước chân êm nhẹ tiến đến gần. Ngay tức khắc, de Angelis bước sang một bên, nép sát tường và giơ súng lên. Tiếng chân bước đến gần hành lang, tay nắm cửa khua lạch cạch, nhưng thay vì mở ra ngoài về phía ông ta, cánh cửa lại mở vào trong và tất cả những gì ông cha cố nhìn thấy là một khoảng không tối đen. De Angelis là người hiện ra dưới ánh sáng.

Quá trễ và quá nguy hiểm để rút lui, và dù không đúng với bản chất của mình, de Angelis vẫn lao về phía trước, vào trong bóng tối.

Nắm chặt súng trong tay, qua ngưỡng cửa Vance chăm chú nhìn gã đàn ông xâm nhập vào thánh đường của mình. Gã đàn ông kia không thấy anh ta. Vance thoáng thấy cái mà anh ta nghĩ là cổ áo của thầy tu. Điều đó làm anh ta lưỡng lự.

Thế rồi gã đàn ông kia lao về phía trước và Vance cố bóp cò súng thật nhanh, nhưng chưa làm vậy thì kẻ lạ đã chồm lên, vật anh ta ngã xuống sàn, khẩu súng văng ra khỏi tay. Lối đi vốn nhỏ hẹp và thấp; Vance tựa người vào tường để tự bật lên, nhưng gã đàn ông khỏe hơn và Vance lại phải té ngã xuống đất lần nữa. Lần này, anh ta bất ngờ giật gối lên và cảm thấy hài lòng khi nghe một tiếng kêu đau đớn. Một khẩu súng khác – khẩu súng của kẻ tấn công – lăn lóc cóc trên sàn nhà. Nhưng một lần nữa, kẻ tấn công nhanh chóng tỉnh táo lại ngay, tung một cú đấm như trời giáng vào đầu Vance.

Cú đấm đau nhưng không làm Vance choáng váng. Quan trọng hơn, nó kích động Vance nổi cơn thịnh nộ. Đã hai lần trong một ngày, đầu tiên là do Tess Chaykin và giờ là cái gã xa lạ này, nỗ lực của anh ta đang bị hủy hoại. Vance lại sử dụng đầu gối, rồi nắm đấm, rồi một loạt những cú đấm. Những cú đấm không rèn luyện qua trường lớp nào nhưng được tung ra bởi sự giận dữ. Không một điều gì và không một ai có quyền chen vào giữa anh ta và mục tiêu của anh ta.

Kẻ xâm nhập vừa tránh đỡ những đòn đánh của Vance một cách thành thạo vừa rút lui, và trong lúc đó gã vấp vào mấy miếng ván gỗ. Nhận ra cơ hội của mình, Vance vung chân đá một cú ác liệt vào đầu gối gã đàn ông kia. Chụp lấy khẩu súng, Vance nhắm mục tiêu và bóp cò. Tuy vậy, gã lạ mặt cũng rất nhanh, hắn kịp phóng sang một bên khi đạn bắn ra. Qua tiếng thét đau đớn và uất nghẹn sau đó, Vance nghĩ có thể một trong các viên đạn đã trúng mục tiêu, nhưng anh ta không biết chắc. Gã đàn ông kia vẫn di chuyển, lảo đảo lùi lại phía sau, lẩn vào trong điện thờ.

Vance do dự chỉ trong thoáng chốc.

Liệu có nên đuổi theo, tìm hiểu xem gã đàn ông kia là ai và kết liễu gã không? Và rồi, anh ta nghe có tiếng động phát ra từ góc xa nhà thờ. Gã kia không đến một mình.

Vance quyết định tốt hơn hết là đánh bài chuồn. Quay lại, anh ta vội vã đến bên cánh cửa sập dùng để ngụy trang căn hầm của mình.

Chương 36

Tess nghe thấy một tiếng súng vang lên, tiếp theo là âm thanh nghe như tiếng giận dữ. Có ai đó bị thương. Rồi tiếng bước chân hấp tấp quay lại hướng về phía cửa sập. Không biết đó là Vance hay một kẻ nào khác, nhưng Tess sẽ không đứng trơ ra đó chờ người kia xuất hiện.

Tess lao sang bên kia phòng, chộp lấy cái túi xách trên bàn và lấy di động ra. Dưới ánh sáng nến le lói, màn hình LED sáng lên như đèn chớp chỉ để báo cho nàng biết là không có tín hiệu trong căn hầm. Điều đó không thực sự quan trọng vì Tess không thuộc số điện thoại của FBI, và nếu gọi số 911, Tess biết sẽ tốn nhiều thời gian để giải thích việc đang xảy ra. Vả lại, Tess không biết gì về địa điểm nàng đang có mặt.

Cứu tôi. Tôi đang ở trong một căn hầm ở đâu đó trong thành phố.

Tôi nghĩ thế.

Hoàn hảo.

Vẫn còn choáng váng, tim đập thình thịch nghe rõ mồn một trong tai, Tess lo lắng liếc quanh căn phòng rồi nàng chợt nhớ lại lỗ thủng có cửa chớp bên cạnh bàn. Nôn nóng, Tess gạt qua một bên mớ đồ đạc hỗn độn trên mặt bàn, bò lên bàn và mệt mỏi kéo các tấm ván bịt lỗ thủng kia, cố kéo chúng long ra. Không ăn thua. Tess nện, đạp vào các tấm ván một cách tuyệt vọng, nhưng chúng vẫn trơ trơ. Rồi nàng nghe tiếng cửa hầm mở ra. Quay lại, Tess thấy hai cái chân bắt đầu bước xuống. Nàng nhận ra đôi giày. Là Vance.

Ánh mắt Tess nhanh chóng quét qua phòng và dừng lại trên khẩu súng bắn điện mà Vance đã bỏ lại. Khẩu súng nằm đó, trên góc bàn, rất gần nàng, phía sau một chồng sách. Tess chụp lấy súng, chĩa vào anh ta, tay nàng run rẩy khi khuôn mặt của Vance hiện ra từ trong bóng tối, đôi mắt nhìn nàng đăm đăm, rất bình thản.

“Tránh xa tôi ra!” Tess gào lên với Vance.

“Tess, làm ơn nào,” Vance đáp trả với một cử chỉ trấn an, hối thúc, “chúng ta cần ra khỏi đây.”

“Chúng ta ư? Anh đang nói gì vậy? Tránh xa tôi ra.”

Vance vẫn tiến về phía nàng, “Tess, bỏ súng xuống đi.”

Hoảng hốt, Tess bóp cò – nhưng không có gì xảy ra. Vance chỉ còn cách nàng chưa đến ba mét. Tess xoay khẩu súng lại, nhìn chăm chăm vào nó, căng mắt ra để tìm xem liệu nàng có bỏ sót điều gì không. Lúc này, Vance di chuyển nhanh hơn đến chỗ nàng. Loay hoay một cách tuyệt vọng với khẩu súng, cuối cùng Tess nhận ra cái chốt an toàn nhỏ xíu và đẩy nó lên. Một bóng đèn nhỏ màu đỏ lóe lên ở đuôi khẩu súng. Tess lại nâng súng lên và nhận ra bằng cách nào đó nàng đã kích hoạt tia laser, và nó đang chiếu một chấm đỏ rất nhỏ lên ngực Vance. Chấm sáng nhỏ kia cứ liên tục nhảy qua trái rồi phải, phản chiếu đôi bàn tay nàng đang run rẩy. Giờ Vance đã đến rất gần. Mạch đập dồn dập, Tess nhắm mắt lại và bóp cò, nàng có cảm giác cò súng giống như một cái nút bọc cao su thay vì thứ thép lạnh của cò súng ngắn như nàng tưởng tượng. Khẩu súng bắn điện laser bừng tỉnh với một tiếng nổ bốp lớn, và Tess thét lên khi luồng tia kim loại cùng những cái ngạnh thép không gỉ của chúng bắn ra khỏi nòng, kéo theo phía sau những sợi thép mảnh.

Cực dò thứ nhất hụt mục tiêu, bay qua ngực Vance và biến mất trong bóng tối, nhưng cực dò thứ hai cắm vào đùi anh ta. Điện thế năm mươi ngàn volt nung đốt Vance trong năm giây, chế ngự hệ thần kinh trung ương và gây nên những cơn co rút bắp thịt không thể kiểm soát. Anh ta co giật và uốn cong người lên vì những cơn co thắt thiêu đốt đang bùng phát trong cơ thể, và Vance không trụ được nữa. Anh ta đổ sụp xuống, bất lực, mặt méo lại vì đau đớn.

Tess như ngây đi một lát vì đám mây đĩa ID nhỏ xíu như hoa giấy nổ bung ra khỏi vỏ khi nàng bấm cò, nhưng những tiếng rên của Vance đang nằm ở đó, quằn quại vì đau đớn đã kéo nàng trở lại ngay với tình huống khó khăn

trước mắt. Tess nghĩ đến việc bước qua Vance và lên cầu thang, nhưng lại khá e ngại không dám đến gần anh ta thêm một chút nào nữa. Nàng cũng không biết chắc Vance đã chạm trán với ai trên kia và quá sợ không dám tìm hiểu. Tess quay về với chỗ lỗ thủng có cửa chớp, vừa đá vừa kéo các tấm ván cho đến khi một tấm ván long ra. Tess giật mạnh tấm ván đó, rồi dùng nó để bẩy những tấm khác và nhìn qua cái lỗ trống vừa được nàng tạo ra.

Bên kia là một đường hầm tối đen.

Không còn lối nào khác để đi, Tess bắt đầu leo qua lỗ trống, rồi nhìn lại phía sau thấy Vance vẫn đang quằn quại vì đau đớn, và thấy cái máy mã hóa, đống giấy tờ và bản thảo chép tay nằm đó, trong tầm tay.

Chúng như đang mời gọi nàng, quá hấp dẫn không thể cưỡng lại được.

Ngạc nhiên với chính mình, Tess leo ngược lại qua cái lỗ trống, quơ lấy đống tài liệu và nhét chúng vào túi xách. Một thứ gì khác chợt làm nàng chú ý: cái ví của nàng, đang nằm giữa cái đống hỗn độn mà nàng đã vội vàng gạt qua một bên bàn. Tess bước lên một bước để lấy lại ví thì, từ khóe mắt, nàng thấy Vance cựa quậy. Nàng do dự trong một tích tắc đồng hồ trước khi quyết định – như vậy là đã đủ mạo hiểm lắm rồi và phải ra khỏi nơi này ngay. Tess trở gót, lại leo qua đường hầm và hấp tấp tiến vào trong bóng tối.

Cúi mình xuống thấp, đầu chạm nhẹ vào nóc đường hầm, có lẽ Tess đã tiến sâu vào được gần ba mươi mét, đường hầm mở rộng hơn và cao hơn, Tess bất ngờ và lúng túng hồi tưởng lại chuyến đi đến một hầm mộ cổ Mexico thời sinh viên. Không khí tại đây thậm chí còn ẩm ướt hơn ở đó và nhìn xuống dưới Tess hiểu được nguyên nhân. Một dòng nước đen, nhỏ chảy vào giữa. Tess loạng choạng đi dọc mép nước, chân trượt trên nền đá mòn, nhớp nháp. Làn nước lạnh cắt da cắt thịt cuộn xoáy trước mũi giày nàng. Rồi dòng nước chợt biến mất, biến thành một dòng thác đổ xuống phía dưới khoảng từ một mét rưỡi đến hai mét, vào một đường hầm khác rộng hơn.

Liếc nhìn ra sau, Tess lắng nghe. Phải chăng chỉ là tiếng nước chảy, hay thứ gì khác nữa? Rồi một tiếng gào lớn đầy đau đớn vang vọng trong bóng tối.

“Tess!”

Giọng của Vance gầm vang từ phía sau. Anh ta đã đứng dậy được và đang đuổi theo nàng.

Hít một hơi, Tess cúi rạp người qua gờ đá, vươn hết tầm tay, nước tràn vào một ống tay áo khoác làm ướt đẫm cả quần áo và cơ thể nàng. Lúc này, nhờ trời, những ngón chân duỗi thẳng của Tess đã chạm nền đá cứng và nàng buông tay ra. Quay người lại, giờ Tess thấy dòng nước đã sâu và rộng hơn. Một lớp bùn cặn dầu nhầy nhụa lờ đờ trôi trên mặt nước, mùi bốc lên nồng nặc và hôi thối đến mức Tess hiểu ngay là nàng đang ở trong một đường cống. Sau vài lần cố đi dọc theo bờ nước, Tess đành bỏ cuộc. Khúc quanh quá dốc, mặt đá quá trơn trượt. Không thể vượt qua lối đó, không thèm để ý đến những thứ mà nàng biết dòng nước nhớp nháp có thể mang theo, Tess lội xuống giữa dòng nước, mực nước giờ cao gần đầu gối.

Từ khóe mắt, Tess chợt cảm thấy sự chuyển động, màu sắc, và nàng quay đầu lại. Những đốm sáng đỏ lấp lánh trong bóng tối, di chuyển, và tiếng chít chít.

Những con chuột cống chạy nhốn nháo dọc theo mép dòng nước thải.

“Tess!”

Giọng của Vance rền vang dọc theo đường hầm ẩm ướt, dội vào các bức tường, dường như cùng lúc vang ra từ mọi hướng.

Thêm vài mét nữa, Tess nhận thấy phía trước bóng tối không còn dày đặc. Luýnh quýnh, nàng tiếp tục bước nhanh đến mức trong chừng mực cho phép. Nàng không thể mạo hiểm để mình ngã úp mặt xuống dòng nước này. Sau cùng, khi đến được nơi phát ra ánh sáng, Tess thấy nó chiếu từ phía trên xuống. Từ một tấm lưới sắt trên lề đường, Tess có thể nghe được tiếng người phía trên. Nhích đến gần hơn, nàng thực sự có thể nhìn thấy người ta đang bước đi trên đầu nàng, chỉ cách nàng năm sáu mét.

Tess cảm thấy dâng trào hy vọng và bắt đầu gào lên. “Cứu! Cứu tôi với! Dưới này! Cứu tôi!” nhưng dường như không ai nghe thấy nàng, và nếu có nghe thì đơn giản là người ta làm ngơ trước những tiếng kêu cứu của nàng. Dĩ nhiên người ta đang làm ngơ với mày. Mày mong đợi cái gì chứ? Đây là thành phố New York kia mà. Coi những tiếng kêu la loạn trí vang lên từ những cái cống là chuyện nghiêm túc là cái chuyện chẳng ai quanh đây muốn dây vào.

Tess cảm thấy tiếng kêu cứu của mình đang vọng xuống phía dưới đường hầm trước mặt và sau lưng nàng. Những âm thanh bì bõm, và những tiếng tóe nước nghe nặng nề. Tess không thể đứng yên đó chờ Vance đến tóm được, Tess lại đi tiếp, giờ đây hoàn toàn bất chấp, không chú ý gì đến dòng nước và rác rưởi nữa, và gần như ngay lập tức, nàng đến một ngã ba trong đường hầm.

Một lối đi rộng hơn nhưng tối hơn và ẩm ướt hơn. Liệu có dễ ẩn nấp hơn không? Có thể. Tess chọn lối này. Chỉ vừa đi được hơi mười mét, có vẻ như Tess đã lựa chọn sai. Đằng kia, trước mặt Tess, chỉ là một bức tường gạch trống trơn.

Một ngõ cụt.

Chương 37

Sau khi đẩy lùi được kẻ xâm nhập khu hầm mộ, Vance dự định sử dụng những đường hầm để đánh bài chuồn, mang theo chiếc máy mã hóa và bản thảo chép tay chưa giải mã hoàn chỉnh. Nhưng tất cả những gì giờ đây anh ta có, kẹp chặt trong tay, chỉ là chiếc máy phức tạp kia. Mớ giấy tờ tài liệu đã biến mất. Vance cảm thấy một cơn thịnh nộ dâng trào; anh ta thét gọi tên Tess, tiếng thét giận dữ vang khắp những bức tường ẩm ướt vây bọc xung quanh.

Vance không có gì để phải phàn nàn về Tess Chaykin. Anh ta nhớ đã có thời thích cô ta, cái thời anh ta vẫn còn khả năng quý mến con người, và giờ đây anh cũng chẳng còn lý do gì để ghét bỏ cô ta. Thực vậy, thậm chí Vance đã thoáng nghĩ đến việc mời Tess tham gia… cuộc thánh chiến của mình.

Nhưng cô ta đã đánh cắp đống giấy tờ, những giấy tờ của anh ta, và điều đó làm anh ta nổi điên.

Kẹp cái máy mã hóa vào vị trí thuận tiện hơn, Vance tiếp tục đuổi theo Tess. Nếu không sớm đuổi kịp Tess, cô ta có thể ngã vào không cửa hầm này thì cũng cửa hầm kia trong cái mê cung khúc khuỷu ngoằn ngoèo này.

Không thể để điều đó xảy ra.

Một lần nữa, Vance lại cảm thấy cơn thịnh nộ nổi lên nhưng anh ta cố kìm lại. Không thể liều lĩnh di chuyển hoặc hành động cẩu thả được.

Không phải bây giờ.

Và nhất là ở dưới này.

Quay trở lại từ ngõ cụt, Tess đang định men trở lại theo lối cũ thì nhìn thấy một cánh cửa sắt bị che lấp trên bức tường hông. Nàng túm lấy cái cánh đã gỉ sét và kéo ra. Cánh cửa không khóa, chỉ bị kẹt. Dốc hết sức bình sinh, Tess mở được cánh cửa và thấy một cầu thang dẫn xuống phía dưới. Dấn bước vào chỗ sâu và tối hơn dường như không phải là hành động khôn ngoan nhưng Tess không còn lựa chọn nào khác.

Sờ soạng thăm dò mọi thanh ngang đầy góc cạnh của các bậc cầu thang trước khi đặt chân lên chúng, cuối cùng Tess cũng xuống hết cầu thang và thấy mình lại ở trong một đường hầm khác. Vì Chúa, có bao nhiêu đường hầm dưới này nhỉ? Ít nhất thì đường hầm này rộng hơn cái trước, và thậm chí còn tốt hơn, nó khô ráo. Trong cái thời điểm này. Dù là gì, ít nhất cũng không phải đường cống.

Tess không biết nên chạy theo lối nào. Nàng chọn lối bên trái. Ở phía trước, Tess thấy có le lói ánh sáng. Ánh sáng màu vàng, đang chuyển động. Lại là nến chăng?

Ngần ngại, Tess nhích dần lên phía trước.

Ánh sáng vụt tắt.

Người Tess lạnh cứng. Rồi nàng nhận ra ánh sáng không bị tắt, ai đó đã bước vào đứng chắn phía trước nguồn sáng.

Lại có những tiếng động phía sau nàng. Người đang đứng phía trước nàng không thể là Vance được. Hoặc cũng có thể lắm chứ? Có thể anh ta rành rẽ đường đi lối lại quanh những đường hầm này. Vance đã nói anh ta sống dưới này kia mà. Dù vậy, Tess buộc mình phải tiến lên. Và giờ nàng có thể nhìn thấy, cách đó vài mét, không chỉ là một mà là hai bóng người đứng dọc theo đường hầm. Tess không nghĩ ai trong hai người đó là Vance. Nàng cũng không biết họ là đàn ông hay đàn bà, nhưng ở dưới này thì chẳng ai có vẻ tốt lành cả.

“Này, cô em,” một giọng khàn khàn vang lên. “Cô em lạc đường à?”

Nhận ra ngay rằng việc lên tiếng đáp lại lúc này chẳng có lợi ích gì cho nàng. Tess bước nhanh hơn, lúng túng trong thứ ánh sáng mờ mờ gần như là bóng tối.

"Có vẻ là ngày may mắn của mày đấy, anh bạn," một giọng nói khác vang lên, lần này là một giọng cao.

Giọng điệu của họ nghe không có vẻ gì là đặc biệt thân thiện.

Tess tiếp tục đi. Sau lưng nàng một tiếng động lớn vang lên. Tim Tess giật nhảy lên. Bây giờ, nàng đã đến gần hai bóng người kia. Mặt họ vẫn còn chìm trong bóng tối. Dưới ánh nến lờ mờ phía sau họ, Tess có thể nhận ra một đống thùng cactông lộn xộn, những cuộn tròn có vẻ như là thảm, các bó giẻ rách.

Tess suy nghĩ rất nhanh. "Bọn cớm sắp đến đấy," nàng cáu kỉnh quát lên khi đến gần họ.

"Chúng muốn cái mẹ gì?" Một trong hai tên gầm lên.

Khi Tess vượt nhanh qua hai gã đàn ông, một trong hai gã đưa tay ra chụp lấy áo khoác của nàng.

"Ê, hượm đã nào, búp bê…"

Theo bản năng, Tess vùng quay lại, tống một cú đấm vào một bên đầu gã đàn ông. Gã loạng choạng lùi lại kèm theo là một tiếng tru tréo thảng thốt. Đến lượt tên có giọng cao định thử vận may, nhưng hắn đã nhìn thấy gì đó trong ánh mắt của Tess, quắc lên thứ ánh sáng màu vàng, y vội lùi lại.

Tess quay đi, cố giữ khoảng cách giữa nàng và hai gã du thủ du thực càng xa càng tốt. Tess bỏ chạy, và giờ đã mệt mỏi, thở hổn hển, vẻ thê lương ảm đạm của cái địa ngục tăm tối này cũng bắt đầu tràn ngập tâm trí nàng.

Tess đến một ngã ba khác trong đường hầm. Nàng không biết phải đi đường nào. Lần này Tess rẽ sang phải. Đi loạng choạng thêm vài mét, nàng thấy một hốc tường, tấm lưới sắt mở ra ngay khi Tess đẩy vào. Một cầu thang khác dẫn xuống phía dưới. Tess cần đi lên, không phải đi xuống. Nhưng nàng phải thoát khỏi Vance và quyết định đi theo nó, hy vọng anh ta không đuổi theo.

Lúc này, Tess đang ở trong một đường hầm lớn hơn nhiều, đường hầm này cũng khô ráo và các bức tường thẳng đứng. Ở đây tối hơn nhiều, Tess thận trọng tiến dần lên, tay rà dọc theo bức tường để dò dẫm. Nàng không nghe thấy tiếng chân hoặc tiếng gào thét của Vance nữa. Tess thở ra. Tuyệt vời. Bây giờ thì sao nhỉ? Và rồi sau đó, có lẽ chưa đầy một phút mà như dài vô tận, nàng nghe một âm thanh từ phía sau. Lần này không phải là lũ chuột, cũng không phải là kẻ săn đuổi. Cái nàng nghe thấy là tiếng ầm ầm của tàu điện.

Chết tiệt. Mình đang ở trong một đường tàu điện ngầm.

Một thứ ánh sáng mờ nhạt, lập lòe nảy ra khỏi những bức tường khi cái tàu điện rít ầm ầm tiến đến gần. Nó chiếu sáng đường ray trên mặt đất. Tess vùng chạy, cố sống cố chết nhìn thật kỹ, hy vọng không chạm phải đường ray điện. Chuyến tàu đang tiến đến rất nhanh cùng với những âm thanh lanh canh dồn dập, đều đặn dội ra từ những bức tường của đường hầm. Thành tàu gần như chạm vào Tess, ngay lúc đó nhờ ánh sáng đèn pha, nàng phát hiện ra một hốc tường nhỏ và nép mình vào đó. Trong khi Tess oằn người nép vào khoảng trống cong cong, chuyến tàu lao vút qua, chỉ cách thân hình run rẩy của Tess vài phân. Tim đập mạnh, hai tay ôm lấy đầu như để phòng vệ, mắt nhắm chặt nhưng vẫn cảm nhận được ánh sáng nhấp nháy khi đoàn tàu vụt qua, Tess chờ đợi. Không khí nóng nực, đầy muội than ập vào người nàng, phủ lấp mọi chỗ trên cơ thể, len lỏi vào miệng và mũi nàng. Tess áp sát hơn nữa vào tường. Tiếng động inh tai, tràn ngập tất cả các giác quan khác của nàng. Tess vẫn nhắm mắt, và sau cùng khi ánh sáng đã đi qua, một tiếng rít vang lên xé tan bầu không khí khi bộ phanh của đoàn tàu cắm vào các bánh thắng. Tim nàng vẫn còn đập thình thịch bên tai, Tess cảm thấy dâng trào một cảm giác nhẹ nhõm.

Một sân ga. Chắc hẳn mình đang ở gần một sân ga.

Tess gom chút sức lực còn lại, loạng choạng đi nốt vài mét đường tuyệt vọng cuối cùng. Khi chuyến tàu lại rời đi, nàng bước ra ngoài ánh sáng chói lòa, nặng nhọc lê bước trên sân ga. Vài hành khách sau cùng đang khuất dần trên đầu cầu thang. Nếu có ai thấy Tess, hẳn họ cũng không phản ứng gì.

Trong một lát, Tess vẫn ở đó, một mình, hai tay chống xuống đất và quỳ mọp xuống ở rìa sân ga, tim đập dồn dập vì sợ hãi và kiệt sức. Sau đó, ướt nhẹp, dơ dáy và vẫn còn run rẩy, Tess gượng đứng dậy.

Mệt lả và trên đôi chân mềm nhũn như cao su, Tess đi theo những người khác lên cầu thang, trở lại với xã hội văn minh.

Chương 38

Quấn mình trong tấm chăn và đung đưa một tách cà phê nóng lớn, Tess ngồi trong xe Reilly bên kia đường , đối diện với trạm tàu điện ngầm trên đường 103 và run rẩy. Cái lạnh đã thấm qua bộ quần áo ướt sũng của nàng. Người Tess tê cóng từ eo lưng xuống, phần cơ thể còn lại cũng chẳng có cảm giác khá hơn chút nào.

Reilly ngỏ ý muốn đưa nàng đến bệnh viện hoặc về thẳng nhà, nhưng Tess cứ khăng khăng bảo nàng không bị thương và chưa cần về nhà. Nàng cảm thấy cần phải kể hết cho Reilly biết những phát hiện của mình trước đã.

Vừa quan sát những toán cảnh sát tiến vào nhà ga, Tess kể cho Reilly nghe vụ chạm trán với Vance. Kể lại việc Clive đã gợi ý nàng tham khảo ý kiến vị giáo sư như thế nào, nàng thực sự gặp gỡ Vance nhiều năm trước ra sao, nàng đã nắm lấy cơ hội ở nghĩa trang như thế nào, hy vọng anh ta có thể giúp nàng tìm ra mối liên hệ với chuyện xảy ra ở viện bảo tàng. Tess kể lại những gì Vance đã nói, về người vợ chết khi sinh con và về chuyện anh ta đổ lỗi cho vị linh mục như thế nào, về chuyện anh ta nói muốn "làm cho mọi chuyện đúng đắn" ra sao, những chuyện này có vẻ khiến Reilly quan tâm. Tess kể cho Reilly nghe câu chuyện về vị Hiệp sĩ Đền Tháh hấp hối và ông linh mục với mái tóc đang đen hóa bạc trắng, và giải thích Vance đã bắn nàng như thế nào, nàng nhận ra mình ở trong căn hầm như thế nào; họ bị kẻ nào đó xen vào như thế nào, vụ đấu súng mà nàng nghe được, và sau cùng nàng đã trốn thoát như thế nào.

Trong khi thuật lại, Tess hình dung cảnh những đội tìm kiếm tỏa vào các đường hầm, sục tìm Vance trong cái ác mộng địa ngục đó, dù nàng thừa biết anh ta đã đi mất từ lâu. Nghĩ đến các đường hầm Tess lại rùng mình. Đó không phải là nơi nàng sẵn sàng trở lại, và hy vọng sẽ không bị yêu cầu làm cái việc đó. Trong đời, Tess chưa bao giờ phải sợ hãi như vậy. Ít nhất là không kể từ vụ đột kích viện bảo tàng chưa đầy một tuần trước. Nàng đang ở trong một đống lùng bùng và nó không được dễ chịu cho lắm.

Lúc Tess kể xong, Reilly lắc đầu.

"Gì vậy?"

Reilly im lặng nhìn Tess.

"Tại sao anh lại nhìn tôi như vậy?" Tess gặng hỏi.

"Vì cô quá điên rồ, cô biết không?"

Tess mệt mỏi thốt ra. " Tại sao?"

"Thôi nào, Tess. Cô không buộc phải chạy khắp nơi truy tìm manh mối này nọ và cố gắng tự mình giải quyết vụ việc này. Quỷ quái thật, thậm chí cô không cần phải cố gắng giải quyết nó cơ mà, chấm hết. Đó là việc của tôi."

Tess gắng nở một nụ cười. "Anh lo là tôi sẽ biến tất cả bọn anh thành ra tệ hại, phải vậy không?"

Reilly không hề có ý đó. "Tôi nói nghiêm chỉnh đấy. Có thể cô đã bị thương nặng. Hoặc tệ hơn nữa. Cô không hiểu điều đó, đúng không? Nhiều người đã chết vì vụ này. Không phải là chuyện đùa. Ý tôi là, vì Chúa, cô còn có một đứa con gái phải nghĩ đến."

Tess ngẩn người ra khi Reilly nhắc đến Kim. "Này, tôi nghĩ mình sẽ gặp một giáo sư lịch sử để tán gẫu chút đỉnh về học thuật này nọ bên tách cà phê phải không nào? Tôi đâu có ngờ anh ta lại hạ gục tôi bằng…" Tâm trí nàng chợt trống rỗng.

"Súng bắn điện laser."

Gì cũng được. “Súng bắn điện của anh ta, nhét tôi vào phía sau xe và rượt đuổi tôi trong những đường cống đầy chuột bọ. Lạy chúa, anh ta là một giáo sư sử học kia mà. Lẽ ra, họ phải là những người xử sự hòa nhã, sống nội tâm, hút ống tẩu, không…”

“Tâm thần?”

Tess nhíu mày và nhìn đi nơi khác. Dù thế nào chăng nữa, bất kể mọi điều đã xảy ra, nàng không nghĩ từ đó là thích hợp. “Tôi không chắc tôi nghĩ xa đến mức đó, nhưng… dứt khoát tình trạng anh ta không được tốt.” Tess cảm thấy có chút cảm thông với vị giáo sư, điều này làm nàng ngạc nhiên và nàng lại nghe thấy chính mình thốt lên. “Anh ta cần được giúp đỡ.”

Reilly quan sát Tess, ngừng lại một lúc. “Thôi được, chúng tôi sẽ cần một cuộc phỏng vấn đúng cách thức và sâu sát hơn sau khi cô khỏe lại, nhưng ngay lúc này, tôi cần bảo đảm tìm ra nơi anh ta đưa cô đến. Cô không có ý niệm gì về nơi cô bị giam giữ, căn hầm đó ở đâu à?”

Tess lắc đầu. “Không, tôi đã nói với anh rồi. Lúc vào trong xe tôi bị bịt mắt, và khi thoát ra khỏi nơi đó lại gặp một mê cung các đường hầm rộng lớn tối tăm. Nhưng chắc không thể xa đây. Tôi muốn nói là, tôi đã đi bộ.”

“Nếu phải đoán chừng thì bao nhiêu tòa nhà?”

“Tôi không biết… có thể là năm tòa nhà chăng?”

“Được rồi. Chúng ta lấy vài tấm bản đồ để tìm xem liệu có tìm được cái ngục tù tăm tối của cô không.”

Reilly sắp bước đi thì Tess đưa tay chặn anh lại. “Còn chuyện khác nữa, một chuyện mà tôi chưa nói với anh.”

“Tại sao tôi không ngạc nhiên nhỉ?” Reilly đay. ”Chuyện gì vậy?”

Tess thọc tay vào túi xách, rút ra cuộn giấy nàng đã lấy trên bàn làm việc của Vance. Nàng trải xấp giấy ra cho Reilly xem, và giờ dưới ánh sáng lần đầu tiên nàng có thể nhìn rõ chúng. Xấp tài liệu, gồm những bản chép tay cổ trên giấy da rất đẹp dù không có hình minh họa; được bó lại một cách đơn giản và kỳ lạ, mép này liền mép kia với một dòng các con chữ được phát thảo một cách hoàn mỹ chạy liên tục. Không có ngắt câu, không có khoảng cách giữa các từ hoặc đoạn văn.

Reilly im lặng sững sờ xem xét những bản chép tay đó, sau đó quay sang Tess. Nàng toét miệng cười, nụ cười thắp sáng gương mặt lấm lem bụi đất của đường hầm. “Của Vance đấy.” Tess nói. “Những bản chép tay cổ của các Hiệp sĩ Đền Thánh, tìm được ở Languedoc. Nhưng vấn đề là thế này. Tôi đọc được chữ Latinh, vì vậy mà chẳng từ nào trên đây có nghĩa cả. Vô nghĩa. Đó là lý do tại sao anh ta cần máy mã hóa. Chúng là chìa khóa giải thích toàn bộ vụ này.”

Nét mặt Reilly sa sầm. “Nhưng những trang giấy này là vô dụng nếu không có máy mã hóa.”

Mắt Tess ngời lên ánh tự mãn. “Đúng vậy, nhưng… máy mã hóa cũng vô dụng nếu không có những trang giấy này.”

Đó là khoảng khắc nàng sẽ luôn thích thú nhớ lại: nhìn thấy Reilly giằng xé trong lòng và không nói nên lời. Tess biết Reilly hẳn phải rất vui sướng, nhưng nàng biết điều đó cũng có thể làm Reilly khổ sở vì anh không thể hiện được cảm xúc của mình. Điều anh chẳng hề muốn làm là khuyến khích sự liều lĩnh của Tess. Song Reilly chỉ biết giương mắt nhìn Tess trước khi ra khỏi xe và gọi một nhân viên khác đến, yêu cầu anh ta chụp ảnh xấp tài liệu ngay lập tức. Ít lâu sau, một nhân viên hấp tấp đi đến với chiếc máy ảnh to đùng, Reilly trao cho anh ta những tờ bản thảo.

Tess nhìn người thợ chụp hình trải chúng ra trên thùng xe và bắt tay vào việc. Rồi nàng quay qua nhìn Reilly sử dụng cái máy bộ đàm hai chiều nhỏ, cập nhật thông tin về tình hình trong đường hầm. Chính sự khẩn trương trong cách Reilly tiến hành công việc có cái gì đó rất lôi cuốn Tess. Trong khi Tess nhìn Reilly lẩm bẩm những lời khó hiểu vào máy bộ đàm, anh ta cũng liếc nhìn nàng và Tess nghĩ mình nhận ra một nụ cười thoáng qua trên môi Reilly.

“Tôi cần phải xuống dưới đó,” Reilly nói với Tess sau khi cắt tín hiệu. “Họ đã tìm thấy hai người bạn cô.”

“Vance thì sao?”

“Chẳng có dấu vết gì của anh ta cả.” Rõ ràng Reilly không hài lòng vì điều đó. “Tôi sẽ cho người đưa cô về nhà.”

“Tôi không vội mà.” Tess trả lời. Điều này thực sự không đúng. Nàng rất muốn trút bỏ bộ quần áo ướt nhẹp và dơ dáy này, được đứng dưới vòi sen hàng giờ liền nhưng chỉ sau khi người nhân viên chụp ảnh đã xong việc. Tess thậm chí còn khao khát xem qua những tài liệu vốn là nguyên nhân gây ra toàn bộ vụ này.

Reilly bỏ đi, để Tess lại trong xe. Nàng dõi theo anh trò chuyện với một vài nhân viên khác trước khi tất cả tiến về phía cổng nhà ga.

Dòng suy nghĩ của Tess đột ngột bị gián đoạn bởi điện thoại di động của nàng. Màn hình cho biết số gọi đến là số điện thoại nhà nàng.

“Tess, con yêu, mẹ đây.” Là bà Eillen.

“Mẹ! Con xin lỗi, lẽ ra con phải gọi cho mẹ.”

“Gọi cho mẹ? Tại sao? Có gì không ổn à?”

Tess thở ra nhẹ nhõm. Không có lý do gì mẹ nàng lo lắng về nàng. FBI hẳn đã cẩn thận không làm bà lo lắng nếu như họ có gọi đến để tìm nàng. “Không ạ. Dĩ nhiên là không. Có chuyện gì vậy mẹ?”

“Mẹ chỉ thắc mắc là bao giờ con mới về. Bạn của con đã đến rồi.”

Tess chợt cảm thấy lạnh toát xương sống. “Bạn con à?”

“Phải,” bà mẹ líu lo nói. “Anh ta thật dễ thương. Đấy, con nói với anh ta vài tiếng. Và đừng về quá trễ đấy. Mẹ đã mời anh ta ở lại ăn tối.”

Tess nghe thấy tiếng điện thoại được trao tay, và một giọng nói mới trở nên quen thuộc cất lên.

“Tess, em yêu, Bill đây. Bill Vance đây.”

Chương 39

Tess đông cứng lại trong ghế, dường như một cục bướu to bằng nắm tay đang hình thành trong cổ họng nàng. Anh ta ở đó, ngay trong chính nhà nàng. Với mẹ nàng. Và – Kim, con gái nàng?

Tess ra khỏi xe, cầm chặt như muốn bóp nát chiếc điện thoại trong tay.

"Anh đang…"

"Anh nghĩ là em ở đây rồi," Vance bình thản tiếp lời Tess. "Anh tính thời điểm không sai chứ, phải không? Tin nhắn của em cho biết sự việc khá khẩn cấp."

Tin nhắn? Tess suy nghĩ rất căng. Anh ta ở trong nhà mình và đang giở trò với mình. Cơn giận dữ như cuộn dâng trong người nàng. "Nếu anh chạm đến họ, tôi thề…"

"Không, không, không," Vance ngắt lời, "vấn đề không phải là vậy. Nhưng thực sự là anh không thể ở lại quá lâu. Dù rất muốn nhận lời mẹ em mời ăn tối với cả gia đình, anh phải trở về Connecticut. Em bảo có điều gì đó cho anh. Thứ gì đó mà em muốn anh xem."

Dĩ nhiên. Mớ giấy tờ. Anh ta muốn lấy lại mớ giấy tờ của mình. Tess nhận thấy anh ta không muốn gây nguy hiểm cho mẹ nàng và Kim. Anh ta tự xưng và ứng xử như một người bạn. Mẹ nàng sẽ không biết là có điều không ổn. Tốt. Cứ giữ như vậy.

"Tess?" Vance hỏi với vẻ bình thản đáng lo ngại. "Em còn đó chứ?"

"Còn. Anh muốn tôi đưa lại cho anh mớ giấy tờ tài liệu kia chứ gì?"

"Vậy thì tốt quá."

Tess vụt nhớ đến cái ví của nàng nằm giữa đống hỗn độn trong căn hầm của Vance, và tự trách mình đã không lấy lại cái ví. Tess lo lắng nhìn ra cửa xe. Chỉ có người chụp ảnh ở gần đó, vẫn đang chụp các tài liệu. Cảm thấy như có một cơn co thắt trong lồng ngực, Tess hít một hơi dài và quay khỏi người chụp ảnh. "Tôi sẽ đến ngay. Xin đừng làm điều gì…"

"Tất nhiên là không," Vance cười ầm lên. "Vậy anh sẽ đợi em. Có ai khác tham gia cùng chúng ta không?"

Tess nhíu mày. "Không"

"Tuyệt," Vance ngừng một lúc. Tess tự hỏi anh ta đang làm gì. "Dành chút thời gian ở bên mẹ và con gái em và hiểu họ hơn một chút là điều rất thú vị," Vance nói tiếp. "Kim quả thật là một cô bé vui vẻ."

Vậy rốt cuộc con bé có mặt ở đó. Thằng khốn kiếp. Anh ta đã mất con gái, giờ đây anh ta đang đe dọa con mình.

"Đừng lo, tôi sẽ đến một mình," Tess khẳng định.

"Đừng lâu quá đấy."

Tess nghe tiếng cúp máy, trong khoảng khắc nàng tiếp tục giữ điện thoại bên tai, nhớ lại cuộc nói chuyện, cố gắng chấp nhận điều đang xảy ra.

Tess có một quyết định quan trọng cần phải cân nhắc. Có nên nói cho Reilly biết không? Nàng đã biết câu trả lời: dĩ nhiên. Ai từng xem một chương trình trên truyền hình cũng đều biết rằng, bất chấp kẻ bắt cóc nói gì, mọi người đều phải gọi báo cáo cho cảnh sát. Phải luôn luôn gọi cho cảnh sát. Nhưng đó là truyền hình, còn đây là đời thực. Đó là chuyện của gia đình nàng, đang nằm trong tay một gã đàn ông mà cuộc đời đã bị hủy hoại. Dù rất muốn báo

cho Reilly biết, Tess vẫn không muốn mạo hiểm tạo ra một tình huống bắt giữ con tin. Nhất là với tình trạng tâm lý hiện tại của Vance.

Bám vào những suy luận vẩn vơ, Tess cố thuyết phục bản thân rằng Vance sẽ không làm hại mẹ và con gái nàng. Anh ta đã không làm hại nàng, đúng không nào? Thậm chí còn vô cùng hối tiếc về chuyện đã gây ra cho nàng. Nhưng giờ đây nàng đã ngáng đường Vance, chôm mất tài liệu của anh ta, những tài liệu rất cần thiết cho sứ mệnh của anh ta. Những tài liệu mà, như Reilly đã nói một cách chính xác, nhiều người phải chết vì chúng.

Tess không thể mạo hiểm . Gia đình nàng đang bị đe dọa.

Tess liếc trộm người nhân viên chụp hình lần nữa. Anh ta đã xong việc. Vẫn còn áp điện thoại di động vào tai, Tess nhích dần về phía anh ta. "Phải," nàng nói lớn vào đường dây đã ngắt. "Anh ấy vừa chụp xong." Nàng gật đầu với người chụp hình, cố tạo ra một nụ cười "Hẳn rồi, tôi sẽ mang chúng lại ngay," Tess tiếp tục, "Các anh cứ tiến hành và bắt đầu lắp đặt thiết bị đi."

Tắt điện thoại, Tess nói với anh nhân viên chụp hình. "Anh chắc chúng sẽ hiện ra chứ?"

Câu hỏi của Tess làm anh ta ngạc nhiên. "Tôi hy vọng như vậy. Tôi được trả lương để làm việc đó mà."

Tess cuộn mớ tài liệu lại trong khi anh ta lùi ra xa một cách máy móc. "Tôi phải đem những thứ này về phòng thí nghiệm ngay." Bao giờ chả dính đến một phòng thí nghiệm nào đó. Tess hy vọng như vậy nghe có vẻ đáng tin một chút. Tess liếc nhìn cái máy chụp hình và nói thêm, "Reilly muốn cho rửa nhanh những tấm ảnh này. Anh làm được chứ?"

"Chắc chắn rồi, không thành vấn đề – ảnh kỹ thuật số mà," anh ta trả lời, mặt tỉnh bơ.

Tess nhăn mặt vì sai lầm của mình trong khi cố hết sức ra vẻ tự tin trở về xe Reilly, cố kìm nén sự thôi thúc muốn bỏ chạy. Khi đến bên cửa chỗ ngồi của lái xe, Tess liếc vào và thấy chìa khóa xe vẫn còn đó, vẫn còn ở cái nơi mà nàng thấy Reilly bỏ nó lại. Tess vào xe, bật công tắc khởi động.

Nàng lướt qua những khuôn mặt tại hiện trường, tìm kiếm Reilly và hy vọng không phải thấy anh. Anh ấy không quanh quẩn đâu đây, cả người bạn đồng sự của Reilly cũng vậy. Tess cho xe ra khỏi chỗ đậu, và từ tốn điều khiển xe len qua những chiếc xe mui kín khác và xe cảnh sát, nhích dần lên phía trước, ngượng ngùng mỉm cười với vài ba người cảnh sát vẫy tay cho nàng qua, hy vọng nỗi kinh hoàng cực độ trong lòng không lộ ra ngoài.

Khi ra đến chỗ trống, Tess vừa lái đi vừa nhìn kính hậu; chỉ lát sau nàng đã phóng ào ào trên đường hướng về phía Westchester.

Chương 40

Khi quành vào lối lái xe vào nhà mình, Tess đã căn đường không chuẩn và tông mạnh vào lề đường trước khi dừng lại trong tiếng phanh kêu kin kít của bánh xe.

Ngồi tại chỗ, người tê liệt vì sợ hãi. Tess nhìn xuống đôi bàn tay. Chúng đang run rẩy, Tess thở dồn dập. Nàng cố trấn tĩnh bản thân. Phải bình tĩnh chứ. Thôi nào, Tess. Bình tĩnh. Nếu nàng có thể giải quyết việc này thì, có thể, có thể thôi, nàng và Vance mỗi người sẽ đạt được điều họ muốn.

Tess ra khỏi xe và đột nhiên cảm thấy hối tiếc về quyết định không cho Reilly biết những gì đã xảy ra. Nàng vẫn có thể đến đây, trong khi Reilly tổ chức… cái gì nhỉ?! Một đội phản ứng nhanh, gồm những người trang bị súng và loa phóng thanh xung quanh nhà, kêu gọi "Ra khỏi nhà và giơ tay lên"? Hàng tiếng đồng hồ kinh hoàng thương lượng việc thả con tin trước khi có cuộc tấn công không thể tránh khỏi và đầy rủi ro, dù được lên kế hoạch tỉ mỉ đến đâu đi nữa? Ác tưởng tượng của Tess đang hành hạ bản thân nàng. Tess cố chú tâm vào thực tại xung quanh nàng. Không, rốt cuộc có lẽ lựa chọn của nàng là một lựa chọn đúng đắn.

Trong bất cứ trường hợp nào, giờ cũng đã quá trễ.

Nàng đã ở đây rồi.

Bước đến cửa, Tess chợt cảm thấy ngần ngại. Nàng có thể hình dung điều gì đã xảy ra ở đây. Vance hẳn đã bấm chuông, nói chuyện với mẹ nàng Eileen. Một vài lời nào đó về cha nàng – ông Oliver Chaykin, về nàng, và mẹ nàng sẽ hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa, không biết chừng còn dễ bị lôi cuốn nửa kìa.

Giá mà nàng nói với Reilly.

Đẩy nhẹ chìa khóa vào ổ, Tess mở cửa và bước vào phòng khách. Cảnh tượng chào đón nàng quả là siêu thực, Vance có mặt ở đó, đang ngồi trên sofa, nhấm nháp một tách trà và thân mật chuyện trò với mẹ nàng. Tess nghe được tiếng nhạc phát ra từ phòng Kim. Con gái nàng đang ở trên tầng.

Bà Eileen há hốc miệng khi nhìn thấy tình trạng nhếch nhác của cô con gái. Bà nhảy dựng ra khỏi chỗ ngồi. "Ôi chúa ơi, Tess, chuyện gì xảy ra với con vậy?"

"Em ổn chứ?" Vance đứng lên, giọng nói nghe có vẻ thực sự ngạc nhiên.

Anh ta lại dám nói như vậy nữa chứ. Tess nhìn Vance trừng trừng, cố kiềm chế cơn thịnh nộ đang dâng trào, lấn át những cảm giác sợ hãi của nàng.

"Tôi khỏe." Tess cố nặn ra một nụ cười. "Có một ổ gà bên ngoài phòng làm việc, và chiếc xe tải chạy thẳng vào vũng nước ngay chỗ tôi đứng, chà… anh chẳng muốn biết đâu."

Bà Eileen nắm lấy tay Tess. "Thay quần áo đi con, con sẽ bị cảm lạnh đấy." Bà quay sang Vance. "Bill, xin phép anh nhé?"

Tess nhìn Vance chằm chằm. Anh ta chỉ đứng đó, ra vẻ nhiệt tình và lo lắng.

"Thực ra thì anh e rằng mình nên đi thôi." Ánh mắt anh ta như xoáy vào mắt Tess. "Nếu muốn em hãy đưa các tài liệu kia cho anh, anh sẽ đi ngay. Vả lại, ngay lúc này, anh chắc là em chẳng thích thú gì khi có khách trong nhà."

Tess đứng đó, cứ trừng trừng nhìn Vance. Sự yên lặng ngột ngạt. Bà Eileen nhìn Vance, rồi nhìn Tess, nàng có thể hiểu rằng mẹ mình rõ ràng đang cảm nhận có điều gì đó chẳng dễ chịu chút nào trong căn phòng này. Bà nhanh chóng tặc lưỡi bỏ qua và mỉm cười với Vacne.

“Dĩ nhiên, tôi có chúng ngay đây.” Tess thọc tay vào túi, rút ra xấp bản thảo chép tay. Nàng đưa chúng cho Vance. Anh ta đưa tay ra cầm lấy, và trong vài giây, cả hai người cùng nắm giữ xấp tài liệu.

“Cảm ơn. Anh sẽ nghiên cứu ngay khi có thể.”

Tess nặn ra một nụ cười khác.”Vậy thì còn gì bằng.”

Vance quay sang bà Eileen, nắm và khum bàn tay bà trong hai tay anh ta. “Thật hân hạnh.”

Bà Eileen cảm thấy nhẹ lòng, má ửng đỏ, mặt rạng rỡ vì lời khen. Tess cảm thấy hết sức nhẹ nhõm vì mẹ nàng được miễn khỏi cái khoản biết về con người thật của Vance. Ít nhất cũng là lúc này. Tess nhìn lại sang Vance nhưng qua vẻ mặt anh ta, nàng không hiểu anh ta đang nghĩ gì. Vance cũng đang quan sát nàng.

“Anh phải đi.” Vance gật đầu với Tess. “Cảm ơn lần nữa nhé.”

“Có gì đâu.”

Vance dừng lại ở cửa và quay sang Tess.

“Anh sẽ sớm gặp lại em.” Và với câu nói đó, anh ta bước ra khỏi cửa.

Tess để bà Eileen ở lại đó, nàng đứng bên cửa, nhìn Vance lái xe đi. Bà Eileen đến bên nàng.

“Anh ta quả là người tử tế. Tại sao con không cho mẹ biết là con quen anh ta? Anh ta bảo với mẹ là từng làm việc với cha con.”

“Thôi nào, mẹ.” Tess nói, giọng nhỏ nhẹ, vừa yên lặng đóng cửa.

Tay nàng vẫn còn run rẩy.

Chương 41

Cuối cùng thì Tess cũng nhìn thấy chính mình trong tấm gương dài ở phòng tắm. Nàng chưa bao giờ dơ bẩn, lếch thếch, hay nhợt nhạt như vậy. Dù những cơn run rẩy vì căng thẳng vẫn truyền xuống đôi chân nàng nhưng Tess đã cưỡng lại được cái khát khao ngồi xuống. Sau tất cả những gì xảy ra hôm nay, nếu ngồi xuống, Tess biết có lẽ nàng sẽ không thể đứng dậy được trong một khoảng thời gian nữa. Nàng cũng biết ngày hôm nay chưa kết thúc. Reilly đang trên đường đến. Anh ấy đã gọi điện thoại đến không lâu sau khi Vance đi, và lúc này Reilly đang hối hả lao đến. Cho dù giọng nói Reilly nghe có vẻ bình thản, Tess biết Reilly rất giận nàng. Và hẳn nàng phải giải thích đâu ra đó với anh ấy.

Lại một lần nữa.

Có điều lần này sẽ khó khăn hơn một chút. Tess sẽ phải nói cho Reilly biết vì sao nàng đã không đủ tin cậy Reilly để nhờ anh giúp đỡ.

Tess đăm đăm nhìn vào kẻ xa lạ trong gương. Người phụ nữ tóc vàng tự tin, sôi nổi không còn nữa. Thay vào đó là một con người tàn tạ cả về thể xác lẫn tinh thần. Sự hoài nghi chính bản thân đang bủa vây tâm trí Tess. Nàng nhớ lại những sự kiện trong ngày, chất vấn về mọi hành vi của mình và tự trách bản thân vì đã đẩy mẹ cùng con gái vào vòng nguy hiểm.

Tess, đâu phải là chuyện đùa. Mày phải dừng ngay việc này lại ngay. Phải dừng lại ngay.

Khi thay quần áo, Tess thấy nước mắt bắt đầu ứa ra. Nàng đã cố kiềm chế không khóc lúc ôm chầm lấy Kim sau khi Vance bỏ đi. Nàng nén những giọt nước mắt bối rối đầy hạnh phúc khi Kim đẩy nàng ra và nói. “Eo ơi, mẹ hôi quá. Mẹ phải tắm thật lâu mới được.” Tess cố nén không khóc khi nói chuyện qua điện thoại với Reilly. Ngẫm nghĩ về điều này, Tess không nhớ lần cuối cùng mình khóc là lúc nào, nhưng ngay lúc này nàng không dằn lòng được. Tess cảm thấy hoảng hốt, run rẩy sợ hãi vì những kịch bản “cái gì sẽ xảy ra nếu” tồi tệ nhất mà nàng đang tưởng tượng.

Ngoài việc dội nước rửa sạch bụi bặm và mùi hôi. Tess dùng thời gian tắm rửa để suy nghĩ và quyết định một vài việc. Một trong những quyết định đó là nàng phải có nghĩa vụ đối với Kim và bà Eileen về một điều gì đó.

Sự an toàn.

Một ý tưởng chợt đến với nàng.

Chỉ mặc áo tắm và tóc vẫn còn nhỏ nước ròng ròng, Tess vào bếp tìm bà Eillen. “Con đang nghĩ về kế hoạch chúng ta sẽ đến ở với dì Hazel trong mùa hè này,” Tess lên tiếng không rào đón. Dì Hazel là em gái của mẹ nàng. Dì sống tại một trang trại nhỏ ngay bên ngoài Prescott, Arizona, ở một mình cùng vài chục thú nuôi đủ loại.

“Thế có chuyện gì hả con?”

Tess tiếp tục dấn tới, không bỏ lỡ thời cơ. “Con nghĩ chúng ta nên đến đấy ngay trong lễ Phục sinh.”

“Chuyện quái quỷ gì vậy…” Bà Eillen chợt ngừng lại trước khi thốt lên, “Tess, con đang giấu mẹ điều gì phải không?”

“Không có gì đâu ạ,” Tess vừa nói dối vừa nhớ lại người đàn ông kia, kẻ đã đến tìm Vance trong căn hầm, nhớ lại tiếng súng nổ và tiếng gào thống thiết của anh ta.

“Nhưng…”

Một lần nữa, Tess lại ngắt lời mẹ. Tất cả chúng ta đều cần một kỳ nghỉ. Coi nào, con cũng sẽ đến, được chứ? Sẽ mất vài ngày để giải tỏa lịch làm việc và thu xếp với văn phòng. Nhưng con muốn mẹ và Kim đi vào ngày mai.”

“Ngày mai ư?”

“Tại sao lại không hả mẹ? Mẹ vẫn mong muốn được đi và Kim có thể bắt đầu nghỉ lễ Phục sinh sớm vài ngày. Con sẽ đăng ký chuyến bay, cách này thì dễ dàng hơn và chúng ta không phải vội vàng cho ngày Phục sinh,” Tess khăng khăng.

“Tess,” giọng nói của mẹ nàng tỏ ra giận dữ và cương quyết, “chuyện này là thế nào?”

Tess mỉm cười bối rối trước vẻ bực mình của mẹ. Nàng sẽ xin lỗi sau. “Chuyện quan trọng, mẹ à,” nàng trả lời, giọng bình thản.

Bà Eillen chăm chú nhìn Tess. Bà vẫn luôn có khả năng đọc được ý nghĩ của con gái, và hôm nay không phải ngoại lệ. “Có chuyện gì vậy? Con đang gặp nguy hiểm phải không? Mẹ muốn con trả lời thực ngay bây giờ. Con có gặp nguy hiểm.”

Tess không thể nói dối về chuyện ấy. “Con không nghĩ thế. Chuyện con quan tâm chỉ là chuyện ở Arizona thôi,” nàng trả lời kiểu khoái thác. “ Hoàn toàn chẳng có gì để lo ngại cả.”

Bà Eillen cau mày. Rõ ràng không phải là câu trả lời bà đang mong đợi. “Vậy ngày mai con hãy đi với chúng ta.”

“Con không thể.” Nét mặt và giọng nói của Tess cho thấy không có chỗ cho cuộc tranh luận.

Bà Eillen gật đầu, vẻ không vui. “Nhưng con sẽ đến đấy với bọn ta chứ. Con hứa chứ.”

“Con hứa. Con sẽ đến với mẹ sau một hai ngày.”

Đột nhiên, Tess cảm thấy một cảm giác nhẹ nhõm lan tỏa trong lòng. Rồi tiếng chuông cửa vang lên.

“Tess, lẽ ra cô nên nói với tôi. Lẽ ra cô nên nói cho tôi biết,” Reilly giận dữ. “Lẽ ra chúng ta đã có thể bắt được gã sau khi gã ra khỏi nhà, ít ra chúng ta có thể theo dõi được gã, có nhiều cách mà lẽ ra chúng ta có thể giải quyết được chuyện này,” Reilly lắc đầu. “Lẽ ra chúng ta đã có thể tóm được gã và đặt dấu chấm hết cho chuyện này.”

Họ nói chuyện trong sân sau, mục đích để bà Eileen và Kim không nghe được. Tess đã yêu cầu Reilly phải kín đáo, không xuất hiện với cái kiểu súng ống lồ lộ ra ngoài và cả quyết với anh rằng mọi người đều được an toàn. Aparo đang canh chừng phía trước nhà và đợi xe của đội đặc nhiệm cảnh sát địa phương đến, Reilly nhanh chóng xác định được tình hình, như Tess đã nói, đang trong tầm kiểm soát và mối nguy hiểm quả thực đã trôi qua.

Tess mặc một chiếc áo choàng màu trắng, mái tóc dài sậm màu hơn vì ướt nước, đôi chân để trần dưới lớp áo. Ngồi dưới gốc cẩm quỳ lớn, và bất chấp nỗi thất vọng cùng sự giận dữ mà nàng có thể thấy là mình đã gây ra cho Reilly, Tess vẫn cảm thấy thanh thản một cách kỳ lạ. Sự hiện diện của Reilly hẳn rất liên quan đến cảm giác thanh thản này. Đã hai lần trong cùng một ngày, Tess cảm thấy bị đe dọa theo cái cách mà trước đây nàng chưa từng trải qua, và cả hai lần Reilly đều đến vì nàng.

Tess nhìn lảng đi nơi khác, thu những ý nghĩ tản mát lại, để cho cơn xáo động của Reilly lắng xuống một chút trước khi liếc nhìn anh. “Tôi rất tiếc. Tôi thật sự… tôi chỉ không biết phải làm gì khác. Tôi cho là mình không suy nghĩ đúng. Tôi đã hình dung về các Đội đặc nhiệm, các nhà thương thuyết giải cứu con tin và…”

“… và cô phát hoảng lên chứ gì. Tôi hiểu điều đó, đó cũng là chuyện hoàn toàn bình thường. Ý tôi là gã đang đe dọa con gái cô, mẹ cô, nhưng vẫn…” Reilly lại lắc đầu, thở ra vẻ thất vọng.

“Tôi biết. Anh nói đúng. Tôi xin lỗi.”

Reilly nhìn Tess.

Reilly căm ghét cái sự thật là Tess đang trong vòng nguy hiểm, căm ghét vì con gái nàng cũng bị như vậy. Và Reilly cũng biết mình không thể chê trách gì nàng. Tess không phải là nhân viên FBI, nàng chỉ là một nhà khảo cổ và là một bà mẹ. Reilly không thể mong đợi Tess suy nghĩ theo cách của anh, không thể mong đợi nàng phản ứng

một cách lạnh lùng và tỉnh táo trước một tình huống cam go. Không thể nào, nhất là khi tình huống đó có liên quan đến con gái nàng. Không thể được, sau khi đã trải qua một ngày như vậy.

Sau một lúc lâu, Reilly lên tiếng. "Nghe này, cô đã làm những gì cô nghĩ là tốt nhất cho gia đình mình, không ai có thể chê trách cô vì điều đó. Có lẽ tôi cũng sẽ hành động như vậy. Điều cốt yếu là mọi người vẫn yên ổn. Đó mới thực sự là vấn đề quan trọng."

Nét mặt Tess rạng rỡ. Nàng gật đầu, phần nào cảm thấy có lỗi khi nhớ lại hình ảnh Vance đứng trong phòng khách nhà mình. "Nhưng… tôi đã đưa lại cho anh ta hết mớ giấy tờ tài liệu của anh ta rồi."

"Và chúng ta vẫn còn những bảo sao," Reilly nhắc, nét mặt có phần dịu xuống trước khi liếc nhìn đồng hồ. "Thôi được. Chắc là cô cũng muốn nghỉ ngơi đôi chút, vậy tôi không làm phiền cô nữa. Tôi sẽ cho một xe cảnh sát canh chừng nhà. Nhớ khóa cửa sau khi tôi đi."

"Tôi sẽ ổn thôi." Đột nhiên Tess nhận ra mình dễ bị tổn thương biết bao. Tất cả mọi người đều dễ bị tổn thương biết bao. "Tôi đâu còn có thứ gì khác mà anh ta cần."

"Cô chắc chứ?" Reilly hỏi, giọng nửa đùa nửa thật.

"Danh dự hướng đạo sinh đấy."

Lại là sự đùa cợt hóm hỉnh, Reilly quả thật biết cách làm nàng thư giãn.

"Được rồi. Nếu cô sẵn lòng thì," Reilly nói, "tôi thật sự muốn cô đi vào thành phố vào sáng mai. Tôi nghĩ sẽ rất có ích nếu xem xét lại mọi thứ một cách chi tiết cùng với những người khác trong đội, sắp xếp lại mọi việc đâu ra đó."

"Không vấn đề gì. Miễn là để tôi đưa mẹ và Kim lên máy bay đã."

"Tốt. Hẹn gặp cô ngày mai."

Ánh mắt Tess gặp ánh mắt Reilly. "Vâng." Nàng đứng lên đưa Reilly trở vào nhà.

Mới chỉ vài bước bỗng Reilly dừng lại, quay sang Tess. "Cô biết đấy, có một điều tôi chưa kịp hỏi cô lúc ở thành phố."

"Chuyện gì vậy?"

"Tại sao cô lấy chúng?" Reilly dừng lại. "Những tài liệu kia. Tôi muốn hỏi là hẳn cô rất nôn nóng muốn thoát ra khỏi nơi đó… vậy mà cô đã trì hoãn cái ý nghĩ đó lại đủ lâu để chộp mớ giấy tờ kia."

Tess không biết chắc điều gì đã diễn ra trong tâm trí nàng lúc ấy. Toàn bộ sự kiện dường như là một màng sương mờ ảo. "Tôi không biết," cuối cùng nàng nói. "Chúng chỉ nằm ngay đó."

"Tôi biết, nhưng… Tôi nghĩ tôi chỉ ngạc nhiên, vậy thôi. Tôi đã cho rằng mối bận tâm duy nhất trong tâm trí cô là thoát ngay ra khỏi cái nơi quái quỷ đó, càng nhanh càng tốt thôi."

Tess nhìn lảng đi nơi khác. Nàng biết Reilly định nói gì.

"Liệu cô có thể bỏ qua chuyện này đi không," Reilly gằn giọng, "hoặc là tôi sẽ phải nhốt cô lại vì sự an toàn của chính cô?" Giọng Reilly vô cùng nghiêm túc. "Chuyện này quan trọng như thế nào đối với cô, Tess?"

Tess mỉm cười nửa miệng. "Chuyện này… Có một điều gì trong đó. Bản thảo kia, toàn bộ lịch sử của nó… Tôi cảm thấy cần có mặt ở đấy, tôi cần tìm hiểu thực sự là chuyện gì. Anh phải hiểu một điều," Tess nói với giọng khẩn khoản. "Khảo cổ học, nó… chẳng phải là cái nghề hào phóng nhất đâu. Đâu phải ai cũng phát hiện được một công trình như Tutankhamen hoặc Troy. Tôi đã ở ngoài trời mười bốn năm, đào bới và xúc dọn tại các xó khỉ ho cò gáy và đầy muỗi trên hành tinh này, và trong suốt thời gian đó, tôi luôn hy vọng sẽ vớ được cái gì đó như chuyện này, không chỉ là những mảnh gốm vô danh hoặc một món đồ chạm khắc này nọ không còn nguyên vẹn mà là cái gì đó có giá trị hơn, anh hiểu chứ! Đó là mơ ước của mọi nhà khảo cổ. Một thứ có giá trị thực sự, cái gì đó có thể đi vào sử sách, cái gì đó một ngày kia tôi có thể đưa Kim đến xem tại Met, trỏ tay vào đầy tự hào và bảo, "Chính mẹ khám

phá ra nó." Tess dừng lại, quan sát phản ứng của Reilly. "Vụ này đối với anh hẳn cũng không chỉ là một vụ thông thường, đúng không?"

Reilly ghi nhận những gì Tess nói trước khi nét mặt tươi trở lại. "Phải, mỗi tuần bọn tôi đều túm cổ những gã tâm thần quái dị cưỡi ngựa phá hoại các viện bảo tàng. Đó là điều tôi rất ghét khi làm cái nghề này. Công việc thường lệ. Nó là một kẻ giết người." Reilly lại nghiêm mặt. "Tess, cô nên quên chuyện này đi. Đây không chỉ là một thách đố học thuật này nọ đâu, không chỉ là chuyện bản thảo viết tay kia có ý nghĩa gì… Đây là một cuộc điều tra án mạng trong đó nhiều người đã bị giết."

"Tôi biết."

"Trước tiên, hãy tống bọn chúng vào tù đã. Sau đó cô có thể tìm ra chúng theo đuổi chuyện gì. Hãy đến vào ngày mai. Chỉ dẫn bọn tôi bằng những gì cô biết, rồi để chúng tôi tiếp tục giải quyết. Nếu cần trợ giúp thì cô sẽ là người đầu tiên được biết. Và tôi không biết liệu cô có muốn một hình thức thỏa thuận độc quyền nếu có điều gì…"

"Không, không phải như vậy. Chỉ là…" Tess nhận thấy không điều gì nàng nói ra có thể làm Reilly đổi ý.

"Tess này, cô sẽ phải bỏ chuyện đó thôi. Xin cô đấy. Tôi cần cô bỏ qua chuyện đó."

Nàng cảm thấy xúc động trước cái cách mà Reilly nói với nàng.

"Cô sẽ là như vậy chứ?" Reilly tiếp tục. "Quả thật đó chẳng phải là một trò chơi mà tôi muốn cô tham gia lúc này đâu."

"Tôi sẽ cố," Tess gật đầu.

Reilly nhìn nàng chăm chú rồi cười phá lên, lắc đầu.

Cả hai đều biết Tess đâu có lựa chọn nào khác trong chuyện này.

Nàng đã nuốt phải lưỡi câu, đến tận cả dây lẫn chì.

Chương 42

Loay hoay trong chiếc ghế ngồi của mình tại phòng hội thảo trơ trụi, có vách ngăn bằng kính ở mặt trước tại Federal Plaza, de Angelis chăm chú quan sát Tess Chaykin. Một phụ nữ rất thông minh, ông nghĩ. Đó là điều quá hiển nhiên. Chú tâm hơn chút nữa thì sẽ thấy có vẻ như cô nàng cũng thuộc loại coi trời bằng vung. Nó là một sự kết hợp khá hấp dẫn tuy nhiên cũng ẩn chứa nguy hiểm. Nhưng nếu được chơi đúng cách, nó cũng có thể tỏ ra hữu ích. Có vẻ như cô ta cũng biết câu hỏi nào cần phải hỏi và những bước đi cần phải theo.

Liếc nhìn những người khác xung quanh bàn, de Angelis lắng nghe Tess kể lại chuyện cô ta bị bắt đi và cuộc đào thoát sau đó. Ông kín đáo xoa nhẹ chỗ trầy xước ở chân, nơi viên đạn Vance bắn sượt qua. Chỗ vết thương nhức nhối như một vết bỏng, đặc biệt khi de Angelis bước đi, nhưng thứ thuốc giảm đau ông đang sử dụng đã làm giảm cảm giác đau nhức đó đến mức mà không ai có thể nhận ra bất kỳ dấu hiệu thương tích nào.

Những lời nói của Tess làm ông nhớ lại cuộc chạm trán với Vance ở khu hầm mộ tối thui của nhà thờ. Ông cảm thấy cơn giận dữ trào dâng cuồn cuộn trong lòng. Ông tự trách móc mình vì cái cách đã để Vance tẩu thoát. Vậy đấy, chỉ là một tên giáo sư lịch sử ốm yếu, khổ sở. Không thể bào chữa được gì. Ông sẽ không để chuyện này xảy ra lần nữa. Suy ngẫm về chuyện đó, ông chợt nhận ra, vì ông đã chống lại Vance, nên có thể ông cũng sẽ phải đối phó với Tess, quả thật là rối rắm. Ông chẳng có việc gì phải chống lại cô ta. Ít ra là lúc này vẫn chưa. Cho đến khi các động cơ của Tess chưa đi ngược lại với sứ mạng của ông.

Ông cần phải hiểu Tess nhiều hơn. Tại sao cô ta lại hành động như vậy. Cô ta thực sự theo đuổi cái gì? Ông tự hỏi. Hẳn ông sẽ phải tìm hiểu lý lịch của cô ta và, quan trọng hơn, cương vị của cô ta lại liên quan đến một vài vấn đề quan trọng.

Khi Tess kể xong câu chuyện, de Angelis nhận ra một điều khác nữa. Đó là cách Reilly nhìn cô ta. Có điều gì đó, ông trầm ngâm. Sự quan tâm. Anh chàng đặc vụ này rõ ràng đã nhìn cô ta như cái gì đó hơn hẳn chứ không chỉ là một người trợ giúp cho cuộc điều tra. Về phần Reilly thì chả có gì phải ngạc nhiên, nhưng liệu thái độ đó có được đáp trả lại không?

Dứt khoát, ông phải để mắt đến Tess nhiều hơn nữa.

Lúc Tess nói xong, Reilly bắt đầu nhập cuộc, anh cho hiển thị lại trong máy tính xách tay của mình hình ảnh đổ nát của ngôi nhà thờ. Hình ảnh này cũng xuất hiện trên tấm bản lớn trước bàn hội thảo. “Đó là nơi giam giữ cô,” Reilly nói với Tess. “Nhà thờ Thăng Thiên.”

Tess ngạc nhiên. “Nó bị cháy rụi rồi mà.”

“Đúng vậy, người ta vẫn đang quyên góp để xây dựng lại nhà thờ đó.”

“Mùi vị, sự ẩm ướt… rõ ràng là đúng rồi, nhưng…” Tess có vẻ sửng sốt. “Anh ta sống dưới hầm một nhà thờ đã bị cháy rụi à.” Nàng dừng lại, cố liên hệ tấm hình trước mặt với những hồi tưởng của nàng về Vance và những điều anh ta đã thổ lộ. Tess nhìn Reilly. “Nhưng anh ta căm thù giáo hội.”

“Đây chẳng phải là một nhà thờ vớ vẩn nào đâu. Nó đã bị cháy năm năm trước. Điều tra viên Arson lúc đó không phát hiện bất kỳ điều gì đáng nghi, dù thậm chí ông linh mục của xứ đạo cũng chết cháy.”

Tess nhớ lại, hình dung cái tên ông linh mục mà Vance đề cập. “Cha McKay?”

“Đúng”

Reilly nhìn Tess. Rõ ràng họ đã có cùng một kết luận.

“Vị linh mục mà Vance đổ lỗi về cái chết của vợ anh ta.” Bây giờ trí tưởng tượng của nàng đang phi nước đại về phía trước, và những hình ảnh gợi lên thật khủng khiếp.

“Và các thời điểm đều khớp. Vụ hỏa hoạn xảy ra ba tuần sau khi anh ta chôn vợ.” Reilly quay sang Jansson. “Chúng ta sẽ phải mở lại vụ án này.”

Jansson gật đầu. Reilly lại quay sang Tess, dường như nàng vẫn chìm đắm trong suy tư.

“Cái gì vậy?”

“Tôi không biết,” Tess trả lời như vừa hiện ra từ đám sương mù, “Thật quá khó suy nghĩ về anh ta trong những phạm trù đầy mâu thuẫn như vậy. Một mặt, anh ta là một giáo sư uyên bác, đầy sức quyến rũ, và rồi là một cực đối nghịch, một con người có khả năng làm những việc đầy bạo lực như vậy…”

Aparo chen vào. “Thật không may, đó không phải là chuyện bất thường. Cũng giống như chuyện anh bạn láng giềng trầm lặng, thân thiện nhưng lại có những bộ phận cơ thể trong tủ ướp đông vậy. Bọn chúng thường nguy hiểm hơn nhiều so với những gã đêm nào cũng quậy phá ở các quán rượu.”

Reilly lại tiếp tục. “Chúng ta cần phải hiểu cái mà hắn theo đuổi là gì, hoặc cái mà hắn nghĩ hắn theo đuổi là gì. Tess, cô là người đầu tiên nhận ra mối liên hệ giữa Vance và các Hiệp Sĩ Đền Thánh, và nếu cô có thể kể qua cho chúng tôi về những gì mà cô biết cho đến giờ, có lẽ chúng tôi có thể hình dung ra bước đi kế tiếp của hắn như thế nào.”

“Anh muốn tôi bắt đầu từ đâu?”

Reilly nhún vai. “Từ phần đầu được không?”

“Đó là một câu chuyện dài.”

“Chà, cô để bọn tôi cách xa cả cây số. Bất kỳ chuyện gì đáng chú ý, chúng tôi sẽ đi sâu vào chi tiết sau.”

Tess sắp xếp qua những ý nghĩ trước khi bắt đầu.

Nàng kể lại với họ về nguồn gốc dòng Đến Thánh,về việc chín hiệp sỹ xuất hiện ở Jerusalem; về thời gian chín năm ẩn dật của họ tại ngôi Đền, về các giả thiết cho rằng họ đã đào bới cái gì đó trong thời gian đó,về sự lớn mạnh về quyền lực nhanh chóng và có phần không giải thích nỗi của họ sau đó; về những chiến thắng trong các trận đánh, và cuộc bại trận sau cùng của họ ở Acre. Tess dẫn dắt mọi người đến với chuyến trở về Châu Âu của các hiệp sỹ Đền Thánh, quyền lực và kiêu ngạo của họ, và tất cả đã làm vua Pháp và vị Giáo hoàng ngoan ngoãn của ông ta tức điên lên như thế nào và sự sụp đổ sau cùng của họ.

“Với sự hỗ trợ của Giáo hoàng Clement V, tay sai của mình, nhà vua đã phát động một đợt đàn áp, bố ráp các Hiệp sĩ Đền Thánh, cáo buộc họ là dị giáo. Chỉ trong vòng vài năm, họ đã bị quét sạch. Hầu hết đều chịu những cái chết cực kỳ đau đớn.”

Trông Aparo có vẻ bối rối. “Hượm đã nào, dị giáo à? Làm sao người ta có thể buộc tội như vậy được nhỉ? Tôi nghĩ các anh chàng hiệp sỹ này là những người bảo vệ Thánh giá, là những con người được lựa chọn của Giáo hoàng kia mà.”

“”Chúng ta đang đề cập đến những thời kỳ cực đoan của tôn giáo,”Tess tiếp tục. “Thời ấy, ý niệm về cái ác rất phổ biến trong đầu óc mọi người.” Nàng ngừng lại và liếc nhìn quanh bàn. Sự im lặng khuyến khích Tess tiếp tục. “Các cáo buộc cho rằng, khi đã được nhận vào dòng tu, các hiệp sỹ đã có những hành động như khạc nhổ và thậm chí đi tiểu trên thánh giá, và phủ nhận Jesus. Và đó cũng chưa phải tất cả những tội lỗi họ bị cáo buộc. Có những cáo buộc là họ đã thờ phụng một ác quỷ kỳ lạ gọi là Baphomet và họ còn là những kẻ đồng tính. Về cơ bản, những cáo buộc thông thường về tội thờ cúng dị giáo thường chỉ được Tòa Thánh Vatican sử dụng khi muốn loại trừ một đối thủ nào đó trong những cuộc chiến tôn giáo mà Giáo hội muốn tiêu diệt kẻ thù tận gốc rễ. ”

Nàng liếc về phía de Angelis. Ông ta vẫn giữ vẻ mặt hiền hậu chăm chú lắng nghe, nhưng không nói một lời.

“Suốt những năm sau cùng này,” Tess tiếp tục, “họ đã thừa nhận rất nhiều điều trong số những cáo buộc trên, nhưng sự thừa nhận đó cũng chỉ như những lời thú nhận được dựng lên suốt thời kỳ Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha.

Mối đe dọa sẽ bị cắm vào người một dùi sắt nhọn nung đỏ đủ để bất kỳ ai cũng phải sẵn sàng thừ nhận đủ tội lỗi trên đời. Nhất là khi xung quanh người ta, mối đe dọa này được thực thi với bạn bè của mình."

De Angelis tháo cặp mắt kính và lau chúng bằng ống tay áo khoác, mang chúng vào lại rồi buồn bã gật đầu với Tess. Rất dễ nhận biết mối thương cảm của nàng đang nằm ở đâu.

Tess xếp lại những tờ giấy vào trong tập hồ sơ. "Hàng trăm Hiệp sĩ Đền Thánh trên khắp nước Pháp đã bị vây bắt và giam giữ suốt cuộc chơi đố chữ này. Khi không còn sự chống cự nào, hàng tá giám mục và tu viện trưởng nhảy vào đánh hơi, và ngay sau đó các Hiệp sỹ Đền Thánh phải cố trốn tránh cho khỏi bị bắt. Ở đây chỉ có một điều duy nhất đáng lưu ý: cái kho tàng của họ chưa bao giờ được tìm thấy." Tess lại kể với họ về những câu chuyện như các hộp tráp chứa vàng bạc và châu báu được giấu kín trong các hang động hay dưới những hồ nước khắp châu Âu, và những chiếc thuyền của các Hiệp sĩ Đền Thánh đã biến mất khỏi cảng La Rochelle trong đêm trước đêm định mệnh thứ Sáu ngày Mười Ba đó.

"Có phải đó là ý nghĩa của tất cả việc này?" Jansson cầm bản sao bản thảo viết tay bằng mật mã lên. "Một kho tàng bị mất tích?"

"Hân hạnh được chứng kiến thứ lòng tham lỗi thời tái xuất giang hồ." Aparo khụt khịt cười, giọng chế nhạo. "Vậy thì cái lòng tham này tạo ra một thay đổi, hướng điều tra không nhằm vào những tên tâm thần lệch lạc mà chúng ta thường săn đuổi nữa rồi."

De Angelis chồm về phía trước, hắng giọng rồi liếc nhìn Jansson, "Kho tàng của họ chưa bao giờ được thu hồi trở lại, đó là thực tế được mọi người thừa nhận."

Jansson gõ gõ ngón tay lên xấp tài liệu. "Như vậy, bản thảo viết tay này là một loại bản đồ kho báu mà giờ tay Vance kia có thể đọc được."

""Điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả." Tess phản bác, và đột nhiên cảm thấy lạc lõng khi những gương mặt ngồi quanh bàn đều quay nhìn về mình. Trước khi tiếp tục, nàng quay qua Reilly và tìm được chỗ dựa từ một cái nhìn mà nàng nghĩ là đầy khuyến khích. "Nếu Vance theo đuổi tiền bạc, thì hẳn có rất nhiều thứ mà anh ta có thể lấy đi ở Viện Bảo tàng Met."

"Đúng vậy," Aparo trả lời, "nhưng cái mớ đồ đem ra trưng bày gần như là không thể bán được. Và theo những gì cô đã trình bày thì cái kho báu của các Hiệp sĩ Đền Thánh đáng giá hơn nhiều so với những gì được trưng bày, hơn nữa người ta có thể tự do bán nó mà không sợ bị buộc tội vì kho báu đâu có bị trộm cướp, nó chỉ được tìm thấy thôi."

Các nhân viên đặc vụ gật gù ra vẻ đồng ý, nhưng de Angelis nhận thấy Tess vẫn có vẻ hoài nghi, dù nàng thận trọng không thể hiện suy nghĩ của mình ra. "Trông cô không có vẻ như là đã bị thuyết phục, phải không cô Chaykin?"

Tess nhăn mặt tỏ vẻ khó chịu. "Rõ ràng là Vance muốn lấy chiếc máy mã hóa để đọc cái bản thảo viết tay mà anh ta đã tìm thấy."

"Chìa khóa dẫn đến vị trí kho báu," Jansson lên tiếng, nửa xác nhận nửa dò hỏi.

"Có thể," Tess trả lời, đoạn quay sang ông ta. "Nhưng còn tùy thuộc cách ông định nghĩa kho báu như thế nào."

"Nó còn có thể là cái gì khác nữa chứ?" De Angelis hy vọng biết được thêm thông tin nào khác mà Tess đã moi được từ Vance.

Tess lắc đầu. "Tôi cũng không chắc."

Vậy là ổn, nếu cô ta nói thật. De Angelis nghĩ.

Ông hy vọng Tess đã nói thật.

Nhưng rồi Tess lại dập tắt niềm hy vọng đó ngay khi tiếp tục nói. "Vance có vẻ như theo đuổi một cái gì khác chứ không phải chỉ là tiền bạc. Anh ta giống như là bị ám ảnh, là một con người đang thi hành một sứ mệnh." Tess lại

dẫn dắt họ đến với những giả thuyết bí ẩn hơn về kho báu của các Hiệp sĩ Đền Thánh, kể cả ý kiến cho rằng họ tham gia vào một vài hội nhóm bí mật để bảo vệ dòng dõi hậu duệ của Jesus. Lúc nói, nàng liếc nhìn de Angelis. Ông cha cố vẫn nhìn nàng đăm đăm, mặt tỉnh bơ, không biểu lộ điều gì.

Khi Tess dứt lời, ông ta chen vào ngay. "Dẹp bỏ tất cả ba cái chuyện phỏng đoán mua vui qua một bên," ông cha cố vừa nói vừa nhoẻn miệng cười ra vẻ kết thân với Tess, "cô nói anh ta là một người ham muốn trả thù, đại loại là một người với cuộc Thập tự chinh của riêng mình."

"Đúng vậy."

"Vậy thì," de Angelis tiếp tục nói với vẻ dịu dàng, bình thản của một giáo sư đại học từng trải, "tiền bạc, nhất là rất nhiều tiền, nó có thể là một công cụ kỳ lạ. Những cuộc Thập tự chinh, dù là ở thế kỷ mười hai hoặc trong thời đại hôm nay, đều rất tốn kém, đúng không nào?" Ông ta nhìn quanh bàn.

Tess không trả lời.

Câu hỏi treo lơ lửng một lúc cho đến khi Reilly lên tiếng. "Điều mà tôi không hiểu là chuyện này. Chúng ta biết Vance đổ lỗi cho vị linh mục và cũng có nghĩa là Giáo hội, về cái chết của vợ anh ta.

"Vợ và con gái anh ta," Tess chữa lại.

"Đúng vậy. Và bây giờ anh ta dùng cái bản thảo viết tay này, thứ mà anh ta bảo là kinh khủng đến độ có thể khiến một linh mục bạc đầu đi chỉ trong vài phút khi được nghe kể về nó. Và tất cả mọi người chúng ta đều đồng ý rằng cái bản thảo viết bằng mật mã này là một tư liệu của dòng Đền, đúng không?"

"Điều anh muốn nói là gì?" Jasson chen vào.

"Tôi nghĩ rằng các Hiệp sĩ Đền Thánh và giáo hội là cùng một phe. Ý tôi là, theo cách tôi hiểu, những anh chàng hiệp sĩ này là những người bảo vệ Giáo hội. Suốt hơn hai trăm năm họ đã lao vào những cuộc chiến đẫm máu dưới danh nghĩa của Vatican. Tôi có thể tưởng tượng là đám con cháu hậu duệ của họ đang kể lể với Giáo hội về những gì đã xảy ra với họ, nhưng các giả thuyết mà cô đang đề cập đến," Reilly nhìn Tess trong lúc tiếp tục nói, "lại là về cái gì đó mà họ được cho là đã phát hiện hai trăm năm trước khi họ bị đàn áp. Tại sao họ lại sở hữa cái gì đấy, kể từ ngày đó, cái gì đấy làm Giáo hội lo lắng?"

"Chính điều đó giúp giải thích vì sao họ đã bị trói vào cột và hỏa thiêu," Amelia góp ý.

"Hai trăm năm sau? Và không còn một thứ gì khác," Reilly tiếp tục, giờ thì anh quay sang Tess. "Những anh chàng này từ chỗ bảo vệ đã quay sang bán bổ Thánh giá. Tại sao họ hành động như vậy? Các nghi lễ kết nạp của họ đâu có mang ý nghĩa đó."

"Đúng vậy, nhưng đó cũng là điều họ bị cáo buộc," Tess trả lời. "Như vậy không có nghĩa là họ đã thực sự làm những việc đó. Đó là một loại cáo buộc thường được sử dụng thời bấy giờ. Vài năm trước đó, nhà vua đã sử dụng chính những cáo buộc đó để loại trừ vị Giáo hoàng tiền nhiệm, Boniface VIII."

"Được rồi, nhưng câu chuyện vẫn còn có chỗ vô lý," Reilly tiếp tục tranh luận. "Tại sao họ vẫn tiếp tục chiến đấu cho Giáo hội suốt thời gian đó nếu họ đang cất giấu bí mật nào đó mà Giáo hội không muốn tiết lộ?"

De Angelis rốt cuộc lại tham gia cuộc tranh luận bằng cái giọng êm ái thường ngày của mình, "Nếu được phép… Tôi nghĩ, nếu các anh chị sẵn lòng xem xét đến những ý tưởng viễn vông như vậy, có lẽ các anh chị cũng nên xem xét một khả năng khác chưa được đề cập đến."

Cả nhóm quay lại nhìn ông ta. Ông ta dừng lại, để cho cảm giác nôn nao của mọi người kịp dâng lên trước khi bình thản nói tiếp.

"Toàn bộ câu chuyện phỏng đoán về hậu duệ của Đức Chúa cứ vài năm lại được nhắc đến và luôn lôi kéo sự quan tâm của mọi người, dù là trong lĩnh vực văn chương tiểu thuyết hay trong các hội trường cửa giới học thuật. Nào là Holy Grail, San Graal rồi Sang Real[40], tùy các anh chị muốn gọi nó thế nào cũng được. Nhưng, như cô Chaykin đã giải thích rất rành mạch," ông ta dừng lại một giây, gật đầu với Tess vẻ độ lượng, "rất nhiều chuyện xảy ra với các Hiệp sĩ Đền Thành có thể giải thích một cách đơn giản bằng cái nét cơ bản nhất trong đặc điểm tính cách con

người, ấy là," giờ ông cha cố quay sang liếc nhìn Aparo, "lòng tham. Không chỉ vì họ đã trở nên quá mạnh, mà vì không còn nhiệm vụ bảo vệ Đất Thánh giữ cho họ bận rộn, bấy giờ họ đã trở về châu Âu – chủ yếu là về Pháp – họ được trang bị vũ khí, họ rất hùng mạnh, và họ rất, rất giàu có. Vua nước Pháp cảm thấy bị đe dọa, đúng là như vậy. Mắc nợ họ ngập đầu ngập cổ và hầu như sắp vỡ nợ, nhà vua vô cùng thèm thuồng khối tài sản của họ. Ông vua này là một người đáng ghét về mọi mặt; tôi sẵn sàng đồng ý với cô Chaykin về toàn bộ chuyện họ bị bắt giữ. Tôi đã không đọc nhiều lắm về những tội lỗi họ bị cáo buộc. Rõ ràng là họ vô tội, là những tín đồ chân chính, là những Chiến binh sẵn sàng chết vì Chúa. Nhưng những cáo buộc đó đã tạo cho nhà vua cái cớ để loại bỏ họ, và bằng cách đó, ông vua đã bắn một mũi tên trúng hai đích. Ông ta đã loại bỏ những đối thủ của mình và chiếm đoạt kho báu của họ. Hoặc ít ra là cố chiếm đoạt, vì kho tàng ấy chưa bao giờ được tìm thấy."

"Bây giờ chúng ta lại nói về một kho tàng cụ thể, chứ không phải là loại 'kiến thức bí truyền' nào đó, đúng không nào?" Jansson hỏi.

"Chà, tôi thích nghĩ như vậy, nhưng bởi tôi chưa bao giờ được ban cho một trí tưởng tượng tốt, mặc dù tôi hiểu được sự hấp dẫn của tất cả những giả thuyết màu mè và kì dị. Nhưng cái cụ thể và cái bí truyền có thể liên quan đến nhau theo một cách khác. Các anh chị thấy đấy, rất nhiều mối quan tâm đến các Hiệp sĩ Đền Thánh bắt nguồn từ sự thật là không một ai có thể giải thích một cách rõ ràng làm thế nào mà họ trở nên giàu có quá mức và hùng mạnh chỉ trong một thời gian ngắn như vậy. Đơn giản, tôi tin đó đơn giản là kết quả của sự thừa thãi những món đồ được hiến tặng mà họ nhận được khi sứ mệnh của họ được tuyên truyền rộng rãi. Nhưng rồi, ai mà biết được? Có thể họ đã phát hiện được một bí mật bị trôn giấu nào đó, một bí mật đã làm họ trở thành giàu có một cách đáng kinh ngạc trong một thời gian kỷ lục. Nhưng bí mật đó là gì? Liệu nó có liên quan đến những hậu duệ huyền thoại của Jesus, bằng chứng Đức Chúa của chúng ta đã có một hoặc hai người con từ ngàn năm trước…" giọng ông cha cố thoáng vẻ chế giễu, "hoặc liệu bí mật đó là cái gì đó ít gây tranh luận hơn, nhưng có khả năng mang lại lợi lộc nhiều hơn?"

Ông ta chờ đợi, để chắc rằng tất cả mọi người vẫn đang dõi theo dòng ý tưởng của mình.

"Tôi sẽ nói về những bí mật của thuật giả kim, về cái công thức để biến những thứ kim loại thông thường," ông cha cố bình thản tuyên bố, "thành vàng."

Chương 43

Những gương mặt xung quanh bàn như đông cứng lại trong yên lặng khi de Angelis kể cho tất cả nghe lịch sử tóm tắt của môn khoa học bí truyền.

Bằng chứng lịch sử đã xác nhận cho luận điểm của de Angelis. Thuật giả kim thật ra được đưa vào châu Âu trong suốt thời kỳ Thập tự chinh. Những cuốn sách đầu tiên về thuật giả kim có nguồn gốc từ vùng Trung Đông và được viết bằng tiếng Ả rập từ rất lâu trước khi dịch sang tiếng Latinh.

Những thí nghiệm của các nhà giả kim đặt nền tảng trên lý thuyết 'bốn nguyên tố' của Aristotle bao gồm không khí, đất, nước và lửa. Họ tin rằng mọi vật đều được tạo thành bởi sự kết hợp của bốn nguyên tố này. Họ cũng tin là với liều lượng và phương pháp thích hợp, từng nguyên tố một có thể chuyển hóa thành bất kỳ nguyên tố nào trong ba nguyên tố còn lại. Chẳng hạn như nước có thể chuyển hóa thành không khí dễ dàng khi được đun sôi, vân vân. Và theo lý thuyết, vì mọi vật trên hành tinh này được cấu tạo bởi một sự kết hợp giữa không khí, đất, nước và lửa, người ta nghĩ rằng có thể chuyển hóa bất kỳ loại nguyên liệu ban đầu nào thành thứ nguyên liệu mà người ta mong muốn chế tạo. Và đứng đầu bảng của thứ được mong muốn, dĩ nhiên, là vàng.

Vị cha cố giải thích thuật giả kim cũng hoạt động trên mặt sinh lý học như thế nào. Bốn nguyên tố của Aristotle cũng tự biểu trưng cho bốn trạng thái: lạnh lùng, nóng nảy, cáu gắt và u sầu. Trong một con người mạnh khỏe, người ta tin là những trạng thái này cân bằng nhau. Bệnh tật con người ta cho là phát sinh do thiếu hụt hay quá dư thừa một trong các trạng thái này. Thuật giả kim không chỉ là một nghiên cứu ra một công thức để biến chì thành vàng. Nó hứa hẹn khám phá những bí mật về các quá trình chuyển hóa sinh lý, từ bệnh tật thành khỏe mạnh, hoặc tuổi già thành tuổi trẻ. Xa hơn nữa, nhiều nhà giả kim cũng sử dụng cách nghiên cứu để tìm ra công thức này như một phép ẩn dụ để tìm kiếm sự hoàn mỹ, tin rằng điều gì có thể đạt được trong tự nhiên thì cũng có thể thực hiện được trong tâm hồn và trí óc của con người. Trong vỏ bọc tâm linh của thuật này, loại Đá Tạo Vàng mà người ta săn lùng cũng được tin là không chỉ có khả năng tạo ra sự chuyển hóa vật chất mà còn có thể chuyển hóa tinh thần. Thuật giả kim hứa hẹn tất cả mọi điều cho bất kỳ ai khám phá được các bí mật của nó: sức khỏe, trường thọ, thậm chí là cả sự bất tử nữa.

Tuy vậy, vào thế kỷ mười hai, thuật giả kim cũng là cái gì đó bí ẩn và đáng sợ đối với những người chưa bao giờ biết về nó. Các nhà giả kim sử dụng những dụng cụ kỳ dị và bùa chú huyền bí, họ dùng những biểu tượng bí ẩn và những màu sắc mang nhiều hàm ý trong nghệ thuật của mình. Sau cùng, các công trình của Aristotle đều bị cấm. Vào thời đó, bất kỳ môn khoa học nào, như là nó được gọi sau này, đều bị cho là thách thức quyền lực của Giáo hội; một môn khoa học hứa hẹn sự thuần khiết tâm linh là một mối đe dọa trực tiếp đối với Giáo hội. "Điều này," de Angelis tiếp tục, "có thể là một lời giải thích khác về hành động của Vantican đã cho phép đàn áp các Hiệp sĩ Đền Thánh để tránh không bị thách thức."

"Thời gian, địa điểm, nguồn gốc của chuyện đó, tất cả mọi điều đều khớp." Vị cha cố liếc nhìn quanh bàn. "Bây giờ, xin đừng hiểu lầm tôi." Ông ta nở một nụ cười như muốn an ủi mọi người. "Tôi không nói rằng có tồn tại một công thức như vậy, mặc dù đối với tôi, cái công thức này chắc chắn cũng không hơn gì sự tưởng tượng ra những giả thuyết kỳ cục khác về cái bí mật vĩ đại của các Hiệp sĩ Đền Thánh đang được thảo luận quanh cái bàn này hoặc là ở những nơi khác. Tôi chỉ đơn giản nói rằng một người khi đã mất mối liên hệ với thực tại thì có thể dễ dàng tin là có tồn tại một công thức như vậy."

Tess liếc nhanh về phía Reilly và ngần ngại trước khi quay sang đối mặt với de Angelis. "Vậy, vì sao Vance muốn chế tạo vàng?"

"Cô quên rồi, anh chàng đó đâu có suy nghĩ bằng cái đầu óc sáng suốt nhất. Chính cô đã nói như vậy mà, cô Chaykin. Chỉ cần nhìn vào những gì xảy ra tại Viện Bảo tàng Met là người ta có thể nhận ra điều đó. Đó không phải là kế hoạch được vạch ra bởi một người có đầu óc lành mạnh. Như vậy, một khi cô đã cho rằng anh chàng đó không hành xử một cách có lý trí, thì mọi thứ đều có thể xảy ra. Nó có thể là một phương tiện để đạt được mục đích. Việc đó có thể cung cấp tài chính cho phép anh ta đạt được bất kỳ mục tiêu điên loạn nào mà anh ta đã tự đặt ra cho bản thân." Ông cha cố nhún vai. "Cái anh chàng Vance này… rõ ràng là anh ta loạn trí, và bị sức hút của cuộc săn lùng kho tàng vô nghĩa nào đó cuốn vào. Đối với tôi, có vẻ như các anh chị đang có một thằng điên trong

tay, và dù có theo đuổi bất kỳ cái gì, chẳng chóng thì chầy, anh ta nhận ra là mình đang theo đuổi một bóng ma, và tôi cảm thấy kinh hoàng khi nghĩ đến anh ta sẽ phản ứng thế nào lúc nhận ra điều đó."

Một khoảng im lặng ngột ngạt bao trùm căn phòng, một vài người có vẻ trầm ngâm suy nghĩ về cái ý tưởng u ám của ông cha cố.

Jansson chồm người về phía trước. "Dù gã đó nghĩ mình theo đuổi cái gì, có vẻ như gã không thèm quan tâm phải bước qua bao nhiêu xác người để đạt được cái đó, và chúng ta phải ngăn gã lại. Nhưng đối với tôi, có vẻ như thứ duy nhất mà chúng ta phải lao vào làm rõ ngay lúc này là mớ giấy tờ ẩm ướt này." Ông ta cầm bản sao của bản thảo kia lên. "Nếu chúng ta có thể đọc được, có thể bản thảo này sẽ cho chúng ta biết hành động tiếp theo của hắn," Jansson quay về Reilly. "Bên NSA có gì không?"

"Dường như cũng chưa có tin gì tốt lành. Tôi đã nói chuyện với Terry Kendricks trước cuộc họp, anh ta cũng không mấy lạc quan."

"Sao lại không?"

"Người ta biết đó là loại mật mã thay thế đa mẫu tự cơ bản. Không có gì quá phức tạp. Bên quân đội đã sử dụng nó mấy chục năm nay, nhưng việc phá mã tùy thuộc vào những yếu tố như tần số xuất hiện và các loại khuôn mẫu được sử dụng; người ta lưu ý đến những chữ lập đi lập lại, luận xem chúng là gì, và điều này cũng cho phép loại trừ một số yếu tố cho đến khi cuối cùng người ta cũng tìm được mã khóa và từ đó bắt đầu lần ngược lại. Trong trường hợp này, đơn giản là bên NSA không có đủ tư liệu để tìm được mã khóa. Nếu tài liệu này dài hơn hoặc nếu họ có những tài liệu khác được viết bằng cùng loại mật mã đó thì họ sẽ dễ dàng suy ra mã khóa. Nhưng sáu trang quả là quá ít để có thể mò mẫm ra mã khóa."

Jansson xịu mặt xuống. "Tôi chẳng tin cái chuyện này. Hàng tỷ đôla đã đổ ra mà bọn họ vẫn không thể bẻ khóa được cái mật mã do một nhúm các ông thầy tu đặt ra cách nay bảy trăm năm hay sao?" Ông ta nhún vai, thở ra, mím môi lại một lúc lâu. "Thôi được. Vậy hãy quên cái bản thảo chết tiệt kia đi đã và tập trung vào nơi khác. Chúng ta cần phải rà soát lại mọi cái hiện có và tìm ra một chiến thuật mới."

De Angelis đang nhìn Tess. Nàng không nói gì, chỉ liếc nhìn ông cha cố, và có cái gì đó trong ánh mắt nàng như bảo cho ông ta biết rằng ông ta không thuyết phục được nàng, và Tess cũng cảm thấy còn có điều gì khác chứ không chỉ là việc tài trợ cho cuộc trả thù cá nhân.

Quả thực vậy, de Angelis trầm ngâm. Người đàn bà này đã rõ là nguy hiểm. Nhưng ở thời điểm hiện nay, lợi ích mà cô ta có thể mang lại vẫn giá trị hơn mối nguy hiểm mà cô ta đặt ra.

Dù vậy, được bao lâu, là vấn đề cần phải xem xét.

Chương 44

Ga đó là ga nào?”

Tess đồng ý với lời đề nghị của Reilly đưa nàng về và giờ Tess đang ngồi trong xe với anh, lắng nghe tiếng nhạc ngân nga, mặt trời hoàng hôn nhô lên phía sau một cụm mây màu chì và tô lên cuối chân trời một màu hồng sẫm, Tess thấy mừng là mình đã nhận lời đề nghị của Reilly.

Nàng cảm thấy thoải mái, và an toàn. Hơn thế nữa, nàng nhận ra mình thích ở bên Reilly. Có điều gì đó trong sự lì lợm, tính cả quyết, sự trung thực… của anh. Rất dễ nhận ra. Tess biết nàng có thể tin cậy Reilly, đó là điều làm anh hơn hẳn hầu hết những người đàn ông mà nàng đã gặp, mà anh chồng cũ của nàng là một thí dụ điển hình cho cái thứ đàn ông súc vật kia. Kim và mẹ nàng đã bay đi Arizona, căn nhà bây giờ chỉ còn mình Tess, nàng mong muốn được tắm một trận nước nóng và uống một ly vang đỏ; thêm viên thuốc ngủ là đảm bảo một đêm ngon giấc.

“Đó là một đĩa CD. Bài cuối cùng là bài của Willie và Lobo trong album Caliente. Bài này là của Pat Metheny. Đó là một trong những đĩa nhạc tôi tự thu.” Reilly khẽ lắc đầu. “Thời buổi bây giờ, có những điều mà một gã đàn ông không bao giờ tự thú nhận.”

“Tại sao không?”

Reilly nở nụ cười rạng rỡ. “Cô sẽ không chế nhạo tôi chứ? Tự sưu tập, chép từng bản nhạc lên các đĩa CD? Cứ như vậy. Một dấu hiệu rõ ràng của việc quá dư thừa thời gian.”

“Ồ, tôi không biết điều đó đấy. Có thể đó cũng là dấu hiệu của một người nào đó khá là đặc biệt và biết chính xác mình thích gì.”

Reilly gật đầu. “Tôi thích cách hiểu đó.”

“Tôi có cảm giác là anh sẽ thích.” Tess mỉm cười và nhìn về phía trước một lát, đắm chìm trong sự kết hợp đam mê của tiếng ghita điện và những đoạn hòa âm phức tạp vốn là dấu ấn của nhóm nhạc. “Hay thật.”

“Ừ!”

“Thực sự êm diệu và… truyền cảm. Chúng ta đã nghe cái đĩa này hơn mười phút rồi mà tôi vẫn chưa ù lên, thật là một sự thay đổi dễ chịu khi chuyển từ cái loại nhạc chém giết mà bé Kim thường tra tấn hai cái lỗ tai tôi.”

“Tệ vậy à?”

“Đừng làm tôi bắt đầu ca cẩm chứ. Và còn lời bài hát nữa chứ, lạy Chúa… Tôi nghĩ mình cũng là một bà mẹ sành điệu, nhưng một số “bài hát” đó, nếu có thể gọi chúng như vậy…”

Reilly cười. “Thế giới sắp biến thành cái gì đây nhỉ?”

“Này, anh cũng chẳng phải là ông vua của nhạc hip hop đâu đấy nhé.”

“Nhóm Steely Dan không đáng kể sao?”

“Tôi không nghĩ như vậy.”

Reilly làm vẻ mặt như vờ phản đối. “Kẻ khó ưa.”

Tess nhìn về phía trước, “Tôi nói anh nghe này, đó là ca khúc New Frontier.” Tess làm mặt tỉnh bơ, nhìn Reilly qua khóe mắt, chờ đợi, rồi cười toa toét khi thấy Reilly bị lôi cuốn, thích thú nhìn anh bị bất ngờ với tựa đề ca khúc của

Donald Fagen. Reilly khẽ gật đầu với nàng, một cái gật đầu đầy cảm kích và ánh mắt họ gặp nhau. Lúc Tess cảm thấy mặt mình khẽ nóng lên thì điện thoại cầm tay của nàng quyết định thể hiện sự tồn tại của mình.

Bực mình vì bị quấy rầy, nàng thò tay lấy điện thoại ra khỏi túi và nhìn. Màn hình không hiển thị số người gọi. Tess quyết định trả lời và hối hận ngay về quyết định đó.

"Xin chào, là anh đây, Doug đây."

Nếu bình thường nàng đã không thích nói chuyện với anh chồng cũ thì bây giờ lại càng không chút nào. Thật không đúng lúc! Tránh ánh mắt Reilly. Tess hạ thấp giọng.

"Anh muốn gì?" Tess hỏi, giọng cộc lộc.

"Anh biết em có mặt ở Met đêm đó, anh muốn biết liệu có chuyện gì…"

Lại nữa rồi. Với Doug, luôn luôn là cái kiểu đó. Nàng ngắt lời anh ta. "Tôi không thể nói về chuyện đó." Tess nói dối, "Bên FBI đặc biệt yêu cầu tôi không được nói chuyện với báo chí."

"Vậy à? Hay thật." Hay thật? Tại sao như vậy lại hay thật? "Đâu có ai bị yêu cầu như vậy," anh ta hào hứng. "Vậy thì vì sao, hả? Em biết chuyện gì mà họ không biết à?"

Lời nói dối của Tess đã có tác dụng ngược. "Bỏ qua đi, Doug."

"Đừng như vậy chứ," anh ta lại ngoe nguẩy cái trò quyến rũ giả dối. "Anh cơ mà, em nhớ chứ."

Phải chi nàng có thể quên phắt đi. "Không," Tess lặp lại.

"Tess cho anh một cơ hội đi."

"Tôi cúp máy đây."

"Thôi nào, cưng…"

Tess tắt máy di động, ném nó vào túi, mạnh tay hơn mức cần thiết, nặng nề thở ra và nhìn trừng trừng về phía trước.

Sau một hai phút cố thả lỏng cơ cổ và vai, nàng nói mà không nhìn Reilly. "Xin lỗi. Đó là chồng cũ của tôi."

"Tôi cũng đoán thế. Một ít thông tin tôi đã ghi nhận được ở Quantico."

Tess bật cười khúc khích. "Anh chẳng bỏ sót chuyện gì cả, đúng không nào?"

Reilly liếc nhìn nàng. "Không phải bao giờ cũng vậy. Trừ phi đó là chuyện về các Hiệp sĩ Đền Thánh, trong trường hợp có cái cô khảo cổ thực sự gây phiền nhiễu này, người có vẻ như bao giờ cũng đi trước bọn trần tục không chuyên chúng tôi một hai bước."

Tess mỉm cười. "Đừng dừng lại vì tôi đấy nhé."

Reilly nhìn Tess, và thấy nàng cũng đang nhìn mình. Anh nhìn vào mắt nàng một lúc, lâu hơn trước.

Reilly thấy vui vì Tess đã đồng ý để anh lái xe đưa nàng về tận nhà.

Đèn đường đã bật sáng lúc họ chạy vào con đường nhà nàng, khung cảnh nhà Tess lại làm cho những nỗi sợ hãi và lo lắng của hai ngày qua dâng lên.

Vance đã ở đó. Tess rùng mình. Anh ta đã ở trong nhà mình.

Họ lái ngang qua chiếc xe tuần tra của cảnh sát đang đậu dưới lòng đường gần nhà nàng. Reilly khẽ vẫy tay với anh chàng cớm ngồi bên trong, anh ta vẫy lại, nhận ra Tess qua thông tin chi dẫn trước đó.

Đến nhà Tess, Reilly rẽ vào đường lái xe vào nhà rồi tắt máy. Tess liếc nhìn ngôi nhà, cảm thấy bồn chồn. Nàng đang băn khoăn không biết có nên yêu cầu Reilly vào nhà một lát không thì những lời nói đã vuột ra khỏi miệng. "Anh có muốn vào không?"

Reilly lưỡng lự rồi đáp. "Hẳn rồi." Chẳng có chút gì ong bướm, tán tỉnh trong giọng nói của anh. "Liếc sơ một cái cũng tốt."

Reilly đưa tay nhận lấy chìa khóa và bước vào nhà trước.

Căn nhà im lặng một cách bất thường, Tess theo chân Reilly vào phòng khách, máy móc bật đèn, rồi đến tivi, vặn nhỏ tiếng đi. Tivi đang bật kênh WB kênh ưa thích của Kim, Tess không buồn chuyển qua kênh khác.

Reilly nhìn nàng, lộ vẻ ngạc nhiên.

"Tôi làm như vậy khi chỉ có một mình," Tess giải thích. "Để tạo ra cảm giác có người bên cạnh."

"Cô sẽ ổn thôi," Reilly an ủi. "Tôi sẽ kiểm tra các phòng," anh tiếp tục nói rồi lại tỏ ra ngần ngại và hỏi thêm. "Làm vậy được chứ?"

Sự ngần ngại xuất hiện là vì anh sắp bước vào phòng ngủ của nàng, Tess nghĩ vậy. Nàng thầm cảm ơn vì sự quan tâm và hài lòng trước sự nhạy cảm của Reilly.

Không vấn đề.

Reilly gật đầu và ra khỏi phòng, Tess thả người xuống chiếc ghế dài, với tay lấy chiếc điện thoại và bấm số nhà dì nàng ở Prescott. Dì Hazel nghe máy sau ba hồi chuông reo. Dì vừa về nhà, dì đã đón Kim và bà Eileen ở sân bay Phoenix và đưa họ đi ăn tối bên ngoài. Cả hai, dì Hazel bảo với nàng, đều khỏe. Tess nói chuyện vắn tắt với mẹ trong lúc dì Hazel đi tìm Kim, nó đang ở trong chuồng ngựa, mê mệt với các con ngựa. Có vẻ như bà Eileen tỏ ra đỡ lo lắng hơn nhiều so với lúc trước. Tess đoán có lẽ đó là do cảm giác được bình yên bên cạnh người em ân cần và dịu dàng, cộng thêm cái khoảng cách xa xôi cách New York sau chuyến bay dài đó. Khi Kim tiếp chuyện, con bé đang mê tít trước cái viễn cảnh được cởi ngựa vào ngày mai, hoàn toàn chẳng tỏ ra nhớ nhung gì nàng cả.

Reilly quay trở lại phòng lúc nàng nói lời tạm biệt và gác máy.

Trông Reilly có vẻ mệt mỏi như nàng cảm nhận. "Hoàn toàn sạch sẽ, đúng như mong muốn. Tôi thực sự không nghĩ là cô có điều gì đó phải lo lắng."

"Chắc anh nói đúng. Dù sao cũng cảm ơn anh đã xem qua."

"Không có gì." Reilly liếc nhìn lần cuối rồi gật đầu với Tess, và trong khoảng khắc anh có vẻ băn khoăn. Tess nhận ra vẻ băn khoăn đó.

"Tôi chắc là chúng ta có thể uống chút gì đó," Tess nói và đứng dậy, dẫn Reilly vào bếp. "Bia nhé, hay một ly rượu?"

"Ồ không," Reilly mỉm cười. "Cám ơn."

"À, tôi quên mất, anh đang làm nhiệm vụ, đúng không? Vậy cà phê nhé?"

"Không. Không phải vậy. Chỉ là…" Có vẻ như Reilly không muốn nói tiếp.

"Gì vậy?"

Reilly đắn đo trước khi bổ sung, "chỉ vì đang tuần chay Lent mà thôi."

"Tuần chay Lent? Thực à?"

"Đúng vậy."

“Và rồi đoán là anh ăn chay không chỉ vì muốn giảm cân. phải không nào?”

Reilly lắc đầu.

“Bốn mươi ngày không rượu chè. Chà.” Tess đỏ mặt. “Được thôi, chỉ là không đúng lúc, đúng không? Tôi không muốn anh hiểu lầm không phải là tôi thuộc Hội người cai rượu hoặc bất cứ cái gì đâu đấy.”

“Quá trễ. Tôi nghĩ như vậy rồi.”

“Tuyệt thật.” Tess bước đến tủ lạnh và rót cho mình một ly vang trắng. “Buồn cười thật, chỉ là tôi không nghĩ bây giờ vẫn còn có người ăn chay. Nhất là trong thành phố này.”

“Thực ra, đây rõ ràng là một nơi để sống một… cuộc sống tâm linh.”

“Anh không đùa đấy chứ? Ở Thành phố New York này ư?”

“Không. Thành phố này là một nơi hoàn hảo cho cuộc sống đó. Thử nghĩ mà xem. Không hẳn là vì nơi này không có đủ những thách thức về lương tâm và đạo đức để đối phó. Những sự khác biệt giữa đúng và sai, giữa tốt và xấu, chúng rất rõ ràng trong thành phố này. Người ta cần phải lựa chọn.”

Tess vẫn tiếp tục với lời thú nhận của Reilly.“Vậy anh sùng đạo đến mức nào? Nếu anh không thấy phiền vì sự tò mò của tôi.”

“Không, chẳng có gì phiền cả.”

Tess cười tươi, “chỉ cần nói với tôi là anh không lặn lội đến một cánh đồng chăn nuôi bò ở chốn xa xôi hẻo lánh nào đó bởi có người nghĩ rằng đã thấy Đức Mẹ Đồng trinh hiện ra giữa các đám mây hoặc điều gì đó đại loại như thế đấy nhé.”

“Không, dù sao gần đây thì không. Tôi đoán cô hẳn không phải là một người ngoan đạo cho lắm.”

“Chà… hãy nói là tôi cần phải nhìn thấy cái gì đó có vẻ thuyết phục hơn một chút trước khi anh có thể lôi tôi đi khắp đất nước chỉ vì ba cái chuyện như vậy.”

“Cái đó có thuyết phục hơn một chút… Cô đang nói cô cần một dấu hiệu. Một phép lạ được chứng minh, không thể phủ nhận chứ gì?”

“Cái gì đó giống như vậy.”

Reilly không nói gì thêm, chỉ mỉm cười.

“Cái gì vậy?”

“À, một điều về phép lạ ấy là… Nếu cô có lòng tin, cô không cần đến phép lạ, và nếu cô là người không có đức tin thì chẳng có phép lạ nào vừa đủ.”

“Ồ, tôi có thể nghĩ ra một vài thứ sẽ thuyết phục tôi tốt.”

“Có thể chúng đã có ở đây. Có thể cô chỉ chưa nhận ra chúng mà thôi.”

Điều này thực sự làm Tess sửng sốt. “Thôi được. Anh dừng lại được rồi đấy. Anh là một đặc vụ mang huy hiệu FBI, vậy mà anh lại đang nói với tôi anh thực sự tin vào những phép lạ à?”

Reilly nhún vai, rồi nói. “Ví dụ như, cô đang đi dưới phố và cô sắp băng qua đường bỗng dưng, chẳng vì một lý do đặc biệt nào cả, ngay lúc cô sắp bước khỏi lề đường, cô dừng lại. Và ngay sau đó, vào chính cái khoảnh khắc mà cô dừng lại, một chiếc xe buýt hoặc xe tải phóng vụt qua, ngay trước mũi cô, chỉ cách cô vài phân, đúng ngay vị trí mà cô đáng lẽ sẽ ở đó nếu cô không bất chợt dừng lại. Cô không biết tại sao. Nhưng có cái gì đó đã làm cô đứng lại. Có

điều gì đó đã cứu cô thoát chết. Nhưng cô có biết điều đó là gì không? Hẳn có thể cô sẽ nói với ai đó là, "Quả là phép lạ khi tôi vẫn còn sống." Đối với tôi, nó chính là như vậy. Một phép lạ."

"Anh gọi đó là một phép lạ. Tôi cho đó là sự may rủi."

"Đức tin sẽ dễ dàng có được khi cô đứng trước một phép lạ. Còn thử thách đích thực của đức tin là khi không có bất kỳ một dấu hiệu nào."

Tess vẫn sửng sờ, không ngờ đến mặt này của Reilly. Nàng không chắc mình cảm nhận như thế nào về điều này, mặc dù nàng vốn không phải là loại người ưa thích lối suy nghĩ của Reilly, "Anh nghiêm túc đấy chứ?"

"Hoàn toàn nghiêm túc."

Tess vừa chăm chú quan sát Reilly vừa trầm ngâm suy nghĩ. "Thôi được, xin hãy cho tôi biết một điều," nàng nói. "Làm thế nào đức tin – ý tôi là, đức tin thực sự và chân thật như đức tin của anh – làm sao nó có thể tồn tại trong cùng một nhân viên điều tra được chứ?"

"Ý cô là gì?"

Tess nghĩ là Reilly hiểu nàng muốn nói gì; đó là điều mà hẳn anh đã từng đương đầu. "Một nhân viên điều tra không thể tin bất kỳ điều gì hoặc bất kỳ ai. Anh không thể coi là bất cứ điều gì cũng đúng. Anh quan tâm đến sự việc, chứng cứ. Vượt qua nỗi hoài nghi hợp lý và tất cả mọi thứ như vậy."

"Đúng vậy." Reilly có vẻ chẳng ngạc nhiên chút nào về thắc mắc của Tess.

"Như vậy làm sao anh có thể hòa hợp điều đó với đức tin của mình?"

"Niềm tin của tôi đặt vào Thượng đế chứ không phải vào con người."

"Thôi nào. Sự việc không thể đơn giản như thế."

"Thực tế," Reilly trả lời với vẻ bình thản không ngờ, "là vậy."

Tess lắc đầu, một nụ cười yếu ớt và ngượng nghịu thoáng hiện trên gương mặt nàng. "Anh biết đấy, tôi thích nghĩ rằng tôi có thể đánh giá mọi người rất chính xác, nhưng tôi hoàn toàn sai lầm về anh. Tôi không nghĩ anh là… anh biết đấy, là một người có đức tin. Có phải anh đã được nuôi dạy như vậy không?"

"Không, cha mẹ tôi không phải là những người đặc biệt sùng đạo. Mọi việc xảy ra sau này."

Tess chờ cho Reilly nói rõ hơn. Nhưng Reilly không nói gì thêm. Nàng chợt cảm thấy ngượng ngùng. "Xem nào, tôi xin lỗi, chuyện này rõ ràng là rất riêng tư và ở đây tôi không cố tình tấn công anh với tất cả những thắc mắc này đâu."

"Không vấn đề, thực đấy. Chuyện chỉ là… ừm, cha tôi mất khi tôi còn rất nhỏ và tôi đã phải trải qua một thời kỳ khó khăn và người duy nhất nâng đỡ tôi là vị cha xứ. Ông đã giúp tôi vượt qua thời kỳ đó, và sau đó tôi cho rằng lòng tin đã đến. Tất cả là vậy."

Dù Reilly nói gì, Tess cảm thấy anh không muốn đi quá sâu, nàng hiểu điều đó. "Được rồi."

"Còn cô thì sao? Tôi đoán cô đã không lớn lên trong một môi trường tôn giáo đặc biệt nào?"

"Không hẳn vậy. Tôi cũng không chắc, tôi cho rằng bầu không khí trong nhà tôi đượm mùi học thuật, khảo cổ, khoa học, tất cả những thứ đó làm tôi khó đánh đồng những thứ mình nhìn thấy xung quanh với khái niệm thần thánh. Và rồi tôi cũng khám phá ra là Einstein chẳng tin gì vào ba cái chuyện đó vì vậy tôi nghĩ, chà, nếu nó chẳng đủ tốt đẹp cho người thông minh nhất trên hành tinh này…"

"Tốt thôi," Reilly nói, mặt tỉnh bơ. "Một vài người bạn tốt nhất của tôi là những người vô thần."

Tess liếc nhanh sang Reilly, thấy anh cười, nàng nói, "Thật tốt khi biết điều đó," dù là anh chưa hẳn đúng hoàn toàn. Tess nghĩ mình là người theo thuyết bất khả tri chứ không phải người vô thần. "Hầu hết mọi người tôi biết, cách này hay cách khác, đều đánh đồng sự vô thần như sự khiếm khuyết về mặt đạo đức… nếu không nói là vô đạo đức."

Tess đưa Reilly trở lại phòng khách, nàng liếc nhìn về phía tivi lúc họ bước vào. Tivi đang chiếu một tập phim Smallville – bộ phim dài tập về những thử thách trong cuộc đời của nhân vật Siêu Nhân thời niên thiếu. Nhìn chăm chăm qua màn hình, Reilly chợt lên tiếng hỏi, chuyển qua một đề tài khác hẳn. "Tôi cần hỏi cô vài chuyện. Về Vance."

"Được thôi. Chuyện gì về anh ta nào?"

"Cô biết đấy, toàn bộ khoảng thời gian mà cô kể về những gì đã xảy ra với anh ta, trong nghĩa trang, trong tầng hầm nhà thờ, tất cả… tôi chỉ không biết là cô thấy anh ta như thế nào."

Mặt nàng sa sầm. "Khi tôi gặp anh ta nhiều năm trước đây, anh biết đấy, anh ta thực sự là một chàng trai dễ chịu và bình thường. Và sau đó, những gì đã xảy ra với vợ và đứa con gái chưa được sinh ra của anh ta, thật là kinh khủng."

Mặt Reilly thoáng vẻ khó chịu. "Cô thấy thông cảm với anh ta."

Tess nhớ lại sự thông cảm kì lạ đối với Vance trước đêm hôm đó. "Theo một cách nào đó… đúng là vậy."

"Thậm chí sau vụ cướp, hành động chặt đầu, nổ súng bừa bãi… hành động đe dọa Kim và mẹ cô?"

Tess cảm thấy khó mà bày tỏ hết cảm nghĩ của mình, Reilly đang làm nàng nhận ra những xúc cảm rối bời, mâu thuẫn mà nàng không nhận thức được một cách đầy đủ. "Tôi biết, có vẻ như là điên khùng nhưng thật kỳ lạ – đúng là ở mức độ nào đó, tôi thấy cảm thông với anh ta. Cái cách anh ta nói, rồi những thay đổi đột ngột trong tâm tính đã làm anh ta hành động khác hẳn. Anh ta cần được điều trị, chứ không phải là dồn vào đường cùng. Anh ta cần được giúp đỡ."

"Trước hết, chúng tôi cần phải bắt giữ anh ta. Xem nào, Tess, tôi chỉ cần cô nhớ cho là, dù anh ta đã trải qua những gì, anh ta là một con người nguy hiểm."

Tess nhớ lại vẻ bình thản trên mặt Vance lúc anh ta ngồi ở kia chuyện trò với mẹ nàng. Vài điều gì đó về Vance, về nhận thức của nàng đối với anh ta, đã thay đổi. "Thật kì lạ, nhưng… tôi chắc đó không phải là những đe dọa suông."

"Về chuyện này, xin cô hãy tin tôi. Còn những chuyện phức tạp mà cô chưa biết đâu."

Tess ngẩng đầu lên, vẻ như giễu cợt. Nàng nghĩ mình đang đứng trước một khúc quanh. "Chuyện phức tạp gì vậy?"

"Những cái chết khác. Anh chàng đó là một người nguy hiểm, chấm hết, được chưa nào?"

Giọng nói dứt khoát không có chỗ cho sự hồ nghi của Reilly giờ lại làm Tess lúng túng. "Ý anh muốn nói gì? Những cái chết khác? Ai chết?"

Mất một lúc, Reilly không trả lời. Không phải vì anh không muốn trả lời. Có cái gì đó làm anh sao lãng. Dường như Reilly đang trong một thoáng sững sờ, tựa như đang nhìn một nơi xa nào đó, bên kia Tess. Nàng chợt nhận ra Reilly không còn để ý đến mình nữa. Nàng quay lại, dõi theo ánh mắt đăm đăm của Reilly. Có vẻ như Reilly bị những hình ảnh trên tivi mê hoặc. Trên màn hình, cậu thiếu niên Clark Kent lại sắp cứu thế giới một lần nữa.

Tess cười rạng rỡ. "Gì thế, anh đã bỏ lỡ tập này hay sao?"

Nhưng Reilly đã tiến đến cửa. "Tôi phải đi."

"Đi ư? Đi đâu chứ?"

“Tôi phải đi thôi.” Và chỉ trong vài giây, Reilly biến mất, cánh cửa ngoài đóng sầm lại phía sau Reilly, còn lại một mình Tess đang nhìn chăm chăm vào cậu thiếu niên có khả năng nhìn xuyên qua tường và vọt qua các tòa nhà cao nhất chỉ bằng một cú nhảy.

Những hình ảnh kia thực sự không giải thích được gì cả.

Chương 45

Dòng xe cộ lưu thông ban đêm vẫn còn dày đặc khi chiếc Pontiac của Reilly đến đầu phía Nam của đường cao tốc Van Wyk. Những chiếc phản lực thân rộng và trắng bóng gầm rít trên đầu hạ cánh liên tục. Giờ đây, phi trường còn cách chưa đến một dặm.

Aparo, nắm chặt súng, dụi mắt khi liếc nhìn ra ngoài, không khí se lạnh của mùa xuân ùa vào người anh ta qua cửa xe để mở. "Cái tên kia là gì nhỉ?"

Reilly đang bận dõi theo hàng loạt những biển báo hiện ra trước họ ở mọi góc đường. Ánh mắt Reilly rốt cuộc cũng dừng lại trên một biển báo mà anh đang tìm kiếm. Reilly trỏ tay.

"Nó kìa."

Anh bạn đồng sự cũng đã thấy. Tấm biển báo màu xanh lá cây ở bên phải họ chỉ con đường dẫn vào Kho Hàng hóa Sân bay số 7. Phía dưới bảng hiệu chính, chìm dưới đống logo nhỏ hơn của các hãng hàng không là tấm biển báo mà Reilly đặc biệt quan tâm.

Dịch vụ Hàng hóa hãng hàng không Alitalia.

Không bao lâu sau các cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng Chín, Quốc hội đã ban hành Đạo luật An ninh Hàng không và Vận chuyển. Theo đạo luật này, trách nhiệm kiểm tra người và tài sản vẫn chuyển bằng máy bay được chuyển giao cho một cơ quan mới thành lập, Cục An ninh Vận tải. Hiện tại, bất kỳ người nào và bất kỳ thứ gì đến Mỹ đều phải trải qua những cuộc kiểm tra vô cùng nghiêm ngặt. Các máy chụp X-quang vi tính hóa phát hiện các loại chất nổ trong người hành khách và máy kiểm tra hành lý được triển khai trên khắp đất nước. Thậm chí du khách cũng bị chiếu qua X-quang, cho đến khi việc này phải dừng lại sau khi bị phản đối om sòm, không phải vì người ta sợ phơi nhiễm với bức xạ có hại cho sức khỏe, mà vì sự thật đơn giản là không có thứ gì dù là riêng tư, thoát khỏi mắt quét của các máy Rapiscan, chúng phơi bày tất cả.

Một lĩnh vực được Cục An ninh Vận tải đặc biệt quan tâm là hàng hóa vận chuyển trên hoàn cầu; nó có khả năng là mối đe dọa thậm chí còn lớn hơn đối với an ninh nội địa. mặc dù là lĩnh vực ít được biết đến. Mười ngàn côngtenơ, giá đỡ hàng và các loại sọt bao hàng hóa đổ vào Mỹ mỗi ngày, đến từ khắp xó xỉnh trên thế giới. Và như vậy, trong thời đại mới với biện pháp an ninh tăng cường, những chỉ thị kiểm tra mới không giới hạn đối với hành lý của du khách. Chúng cũng được áp dụng đối với việc vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài vào bằng đường hàng không, đường bộ, hoặc đường biển với những hệ thống chụp X-quang quy mô lớn dành cho hàng hóa, hiện đang được triển khai tại hầu hết các cửa khẩu.

Và ngay chính lúc này, khi ngồi trong phòng điều hành của bộ phận giao nhận hàng hóa của hãng hàng không Ý tại phi trường JFK, Reilly cảm thấy vô cùng biết ơn cái hệ thống kia.

Một kỹ thuật viên dữ liệu đang cho hiển thị lại hình ảnh trên màn hình. "Tốt hơn là các anh cứ thoải mái đi, đây là một chuyến hàng cực lớn đấy."

Reilly thả người xuống chiếc ghế đã sờn rách. "Chiếc hộp mà chúng tôi quan tâm khá dễ phân biệt. Anh có thể phóng to chúng lên, tôi sẽ báo các anh biết khi tìm thấy nó."

"Anh tìm đi." Anh chàng kỹ thuật viên gật đầu lúc bắt đầu cho cuộn màn hình qua ngân hàng dữ liệu của mình.

Những hình ảnh lần lượt hiện ra trên màn hình, những tấm ảnh chụp X-quang chụp từ bên hông hoặc từ trên đỉnh của những sọt, bao với đủ kích cỡ. Bên trong chúng, người ta có thể nhìn rõ hình ảnh khung của món đồ mà những người quản lý ở Vatican đã chuyển đến để tổ chức cuộc triển lãm ở Met, Reilly vẫn còn bực mình vì trước đây đã không nghĩ đến việc này, chăm chú tập trung nhìn vào màn hình, Aparo cũng vậy. Tim họ đập dồn dập hơn khi những bóng hình lờ mờ xanh xám của các loại khung hình trạm trổ hoa văn, những cây thánh giá, và những bức

tượng nhỏ dồn dập hiện ra trước mắt họ. Độ phân giải tốt đến độ không ngờ, tốt hơn so với mong đợi của Reilly: thậm chí anh có thể nhận ra những chi tiết nhỏ trên những món nữ trang được khảm đá hoặc những đồ đúc.

Và rồi, trong vô số những hình ảnh tràn ngập làm hoa cả mắt, nó hiện ra.

“Dừng lại,” cơn xúc động trào dâng trong Reilly.

Ở đó, rõ mồn một, bị lột trần ra khỏi lớp vỏ bọc và phơi bày những bộ phận bên trong tuyệt vời của mình, là chiếc máy mã hóa.

Chương 46

Tess dừng những suy nghĩ của mình lại ngay giây phút bước vào phòng họp.

Nàng thấy vui khi nhận được những tin tức của Reilly sau ba ngày im lặng đầy chán nản và thất vọng, ba ngày mà Tess cảm thấy càng lúc càng khó khăn hơn trong việc né tránh những cuộc gọi dai dẳng của mẹ nàng hối thúc nàng phải đến gặp họ ở Arizona. Tess cũng bắt đầu cảm thấy bồn chồn lo lắng, nhận ra cuộc điều tra đã ảnh hưởng đến cuộc đời nàng, và rằng, bất kỳ những gì Reilly đã khuyên nhủ, vụ này không phải chuyện mà Tess có thể bỏ qua một cách dễ dàng.

Và giờ đây, nhìn cái thứ đang đặt trên bàn hội nghị, mọi ý niệm về chuyện bỏ qua vụ này kể như đã chết và bị chôn vùi.

Ở đó, là một bản sao y chang chiếc máy mã hóa trục quay đa hộp số, làm bằng nhựa cứng và trong suốt.

Tess hầu như không thốt nên lời. "Làm thế nào mà…?"

Nàng ngước lên nhìn Reilly, sửng sốt cùng cực. Reilly rõ ràng đã sắp xếp mọi chuyện như thế này; anh gọi tới, yêu cầu Tess đến Federal Plaza, không đề cập đến gì khác ngoài việc sẽ "xem xét một vài việc với cô".

Tess chợt nhận ra tất cả những gương mặt khác trong phòng. Jansson, Aparo, Gaines, một vài người khác mà nàng không nhận ra và vị cha cố. Nàng lại nhìn Reilly.

Reilly chỉ thoáng nở một nụ cười. "Tôi nghĩ có thể cô muốn đến đây vì cái này". Reilly chỉ về phía một trong những người mà nàng chưa từng gặp trước đó. Người đàn ông kia đang phân phát cho mỗi người trong phòng một tập tài liệu in ra từ máy tính. "Đây là Terry Kendricks. Anh ấy đã xây dựng mô hình này."

"Thực ra, nhóm của tôi và tôi chứ," Kendricks nhanh chóng thanh minh, nở nụ cười thân mật với Tess. "Rất vui được gặp cô."

Tess thấy khó mà rời mắt khỏi cái máy mã hóa. Nàng đọc lướt qua tập tài liệu trong tay, nó củng cố thêm hy vọng của Tess. Nàng ngước lên nhìn Kendricks.

"Nó hoạt động được chứ?"

"Ồ vâng. Tất cả đều ngon lành, đâu vào đấy. Dĩ nhiên, là tiếng Latinh. Ít ra thì đó là điều mà một nhóm các nhà ngôn ngữ học chịu trách nhiệm dịch nó bảo tôi vậy."

Tess vẫn không hiểu. Nàng quay sang nài nỉ Reilly. "Nhưng… Làm thế nào?"

"Mọi thứ đều phải qua máy chụp X-quang khi đi qua cửa khẩu." Reilly giải thích. "Ngay cả khi đó là đồ của Tòa Thánh Vatican cho mượn."

Tess ngồi xuống. Nàng có cảm tưởng như hai đầu gối muốn sụm xuống. Đôi tay khẽ run rẩy, Tess đọc thật kỹ tập tài liệu Kendricks trao. Nàng háo hức tập trung vào những con chữ in rõ ràng và ngay ngắn.

Đó là một lá thư, viết từ tháng Năm năm 1291.

"Đó là khoảng thời gian thành Acre thất thủ," nàng kêu lên. "Thành phố cuối cùng mà quân Thập tự chinh còn giữ được."

Nàng quay trở lại với lá thư và bắt đầu đọc, cảm thấy bị chấn động mạnh mẽ khi được trực tiếp kết nối xuyên qua hàng thế kỷ với những con người mà những kỳ công chói lọi của họ đã trở thành chất liệu cho những huyền thoại.

“Tôi vô cùng đau buồn,” lá thư bắt đầu, “phải báo cho ngài biết rằng thành Acre không còn nằm dưới sự bảo vệ của chúng tôi nữa. Chúng tôi đã rời bỏ thành phố lúc màn đêm buông xuống, lòng trĩu nặng khi nhìn thành phố bốc cháy…”

Chương 47

Đông Địa Trung Hải – tháng Năm năm 1291

Họ dong buồm về hướng Bắc dọc theo bờ biển suốt đêm và khi bình minh đến, chiếc thuyền rẽ về phía Tây và hướng về đảo Cyprus tìm nơi ẩn náu an toàn cho người thầy của họ ở đó.

Sau mười mấy giờ đồng hồ chấn động vừa qua ở Acre, Martin xuống dưới cố gắng nghỉ ngơi, nhưng chuyển động của con thuyền làm việc đó trở nên thật khó khăn, và hình ảnh của vị Thủ lĩnh đang hấp hối cũng như cuộc đào thoát cứ ám ảnh đầu óc anh. Martin trở lại boong thuyền vào lúc rạng đông và bàng hoàng vì những gì trông thấy. Phía trước họ, những tia chớp sáng lòa xé rách màn đêm tối đen của một cơn bão đang tiến tới rất nhanh, có thể nghe được tiếng sấm đì đoàng từ xa dội lại trong tiếng rít của những cơn gió lạnh buốt thổi qua con thuyền. Phía sau họ, về hướng Đông, một dải mây màu tím, giận dữ cuồn cuộn dâng lên che lấp mặt trời đang lên, những tia nắng đâm thẳng lên trên trong nỗ lực vô vọng nhằm chiếu sáng bầu trời u ám kia.

Làm sao có thể như thế được? Martin nghĩ. Hai cơn bão, một chặn ở phía trước, một đuổi theo phía sau. Một lời trao đổi ngắn gọn với Hugh xác thực một điều là vị thuyền trưởng cũng chưa bao giờ chứng kiến một hiện tượng nào như vậy.

Họ đã bị mắc kẹt giữa hai cơn bão.

Gió thổi nhanh và mạnh hơn, và cùng với gió là cơn mưa bất chợt đổ xuống, lạnh buốt và nhức nhối. Cánh buồm quật dữ dội vào cột buồm, những người thủy thủ vật lộn cố gắng buộc chặt các dây nhợ, cột buồm rên rỉ oằn mình chống đỡ. Những con ngựa trong khoang thuyền không ngớt hí vang và gõ móng xuống sàn gỗ ván. Martin nhìn vị thuyền trưởng khi ông đang luống cuống tham khảo tấm bản đồ, đánh dấu vị trí hiện tại của con thuyền trước khi ra lệnh cho viên đốc công thúc đám nô lệ chèo thuyền tăng tốc độ và hét lên thật to các hướng đi mới với tay lái thuyền trong nỗ lực tuyệt vọng thoát ra khỏi hai cơn bão.

Martin đến gặp Aimard ở khoang trước mũi tàu. Người hiệp sĩ lớn tuổi hơn cũng đang quan sát hai cơn bão tiến tới với nỗi lo âu càng lúc càng tăng. “Như thể chính Thượng đế muốn biển cả nuốt chửng chúng ta vậy,” Aimard nói với Martin, mắt nhói lên vẻ bứt rứt không yên. Chẳng bao lâu, cơn bão bùng lên dữ dội xung quanh họ. Bầu trời tối sầm lại thành một màu đen kịt, biến ngày thành đêm, và gió trở thành cơn cuồng phong. Xung quanh con tàu, mặt biển đục ngầu bỗng vỡ tung thành những con sóng bạc đầu khổng lồ lao về phía họ, đập vào mạn phải đuôi tàu. Sét liên tục nối nhau lóe lên cùng với những tiếng nổ inh tai, và cơn mưa nặng hạt quất xuống con tàu như một tấm màn nước dày đặc, tách biệt con tàu với thế giới bên ngoài.

Hugh ra lệnh cho người thủy thủ trèo lên cột buồm để quan sát phía chân trời, tìm một chỗ đất liền có thể cập bến. Martin nhìn anh chàng thủy thủ lì lợm bất chấp cơn mưa xối xả leo lên cái chòi trên đỉnh cột buồm. Chiếc thuyền vẫn rẽ sóng lao đi khi những con sóng khổng lồ dồn dập đập vào nó, một vài con sóng nhô cao qua đuôi tàu và ập xuống mặt boong. Những mái chèo tự chuyển động, một số va đập vào thân tàu, số khác dữ dội quật vào những nô lệ vẫn bị xiềng xích và đang vật vã chống lại chúng, làm bị thương nhiều người, và Hugh phải ra lệnh kéo các mái chèo vào.

Chiếc thuyền bất lực tròng trành giữa những con sóng cao như núi đã hàng giờ đồng hồ thì bỗng có một tiếng động chói tai. Martin nghe như có cái gì đó vỡ ra, khi nắp cửa hầm chứa hàng phía đuôi tàu bật tung lên và dòng nước xanh thẫm tràn vào các khoang tàu. Gần như ngay lập tức, con tàu rơi vào tình trạng nguy ngập hoàn toàn khi từ phía trên vang lên âm thanh răng rắc của những thanh gỗ đang bị xé toạc. Cột buồm đã gãy tách ra, Martin nhìn lên đúng lúc cây cột buồm đổ ập xuống, đè lên ba người thủy thủ, anh chàng hoa tiêu đen đủi trong cái chòi trên đỉnh cột buồm bị văng xuống mặt biển đang sôi sùng sục.

Không còn buồm và cũng chẳng còn mái chèo, chiếc thuyền như bị phó mặc cho cơn bão và dòng nước, biển cả cuồng nộ đẩy tới đẩy lui vô mục đích. Cả ba ngày ba đêm, cơn bão vẫn không dịu đi, chiếc Falcon Temple oằn mình dưới sức mạnh tàn bạo của cơn bão, nhưng chẳng biết sao vẫn trôi nổi chưa bị vỡ thành từng mảnh. Và rồi đến ngày thứ tư, khi những cơn gió vẫn còn chưa dịu lại, một tiếng thét lẻ loi đột ngột vang lên, “Đất liền! Đất

liền!" Martin nhìn ra và thấy một thủy thủ thẳng tay chỉ về phía trước, nhưng anh không thấy gì cả ngoài mặt biển đang dậy sóng. Và rồi, Martin cũng phát hiện ra: một khối đen, ở phía xa, tận đường chân trời, hầu như không thể thấy rõ.

Và rồi, chuyện đó đã xảy ra.

Thật ác nghiệt, trong khi đất liền đã ở trong tầm mắt, chiếc thuyền bắt đầu vỡ toác ra. Còn thuyền đóng bằng ván sàn, ngay cả những tấm ván đã trải qua những va đập dữ dội nhất, bây giờ cũng không chịu đựng nổi. Những tiếng kẽo kẹt inh tai được nối tiếp bởi những âm thanh giống như những tiếng nổ khi toàn bộ thân tàu vỡ ra. Sự hoảng loạn bùng lên trong đám nô lệ trèo thuyền vẫn đang bị xiềng xích, cùng lúc những con ngựa bên dưới lồng lên và kí vang một cách điên cuồng.

"Bọn nô lệ," Hugh gầm lên. "Tháo xiềng ra trước khi chúng chết đuối !" Các thủy thủ bò vào để tháo xiềng cho họ, nhưng sự tự do của những người nô lệ thật ngắn ngủi, những dòng nước ầm ầm ùa vào thân tàu cuốn trôi tất cả bọn họ.

Hugh chẳng thể làm gì nữa để ngăn chặn cái việc không thể tránh khỏi. "Hạ thủy xuồng lớn," Hugh lại hét lên, "bỏ tàu" Martin lao tới giúp giữ chặt phương tiện cứu sinh duy nhất của họ và thấy Aimard xuất hiện, mang tới một cái túi da kềnh càng, đi về hướng ngược lại, về phía mũi tàu. Martin gào thét gọi tên Aimard vừa lúc một con sóng khổng lồ khác ập đến, Aimard bị cuốn ngã nhào vào buồng lái và bị ghìm cứng vào bản hải đồ, một bên ngực va mạnh vào góc bàn. Người hiệp sĩ già kêu lên đau đớn nhưng vẫn nghiến răng, cố hết sức đứng dậy, một tay ôm chặt mạng sườn. Aimard không chịu để cho Martin giúp đỡ, không chịu buông cái túi da, dù sự cồng kềnh và sức nặng của cái tũi rõ ràng chỉ làm Aimard xoay xở khó khăn hơn.

Họ chỉ đủ thời gian leo vào chiếc xuồng lớn, giờ đang nằm ngang độ cao boong chiếc thuyền, và Martin chỉ kịp liếc nhìn lần cuối chiếc Falcon Temple khi rút cuộc con tàu nát tươm bị đại dương cuồng nộ nuốt chửng. Cây đà gỗ khổng lồ có một đầu là hình chạm khắc đầu một con chim ưng gãy gập như một cành cây trước sức mạnh khủng khiếp của cơn bão, và bất cứ tiếng động nào mà nó tạo ra đều bị tiếng rít điên cuồng của gió và những tiếng hí ghê rợn của lũ ngựa đang bị chìm dần át đi. Nhìn tám nhân mạng khác trên chiếc xuồng lớn, Martin nhìn thấy nỗi khiếp đảm của mình phản chiếu trong những ánh mắt trừng trừng đau buồn của họ, trong khi đó từng phần từng phần một rồi cả chiếc thuyền biến mất dưới những ngọn sóng cao như núi.

Chính những con sóng và ngọn gió cuốn họ đi, lắc lư chiếc xuồng lớn như thể nó được làm bằng giấy, nhưng ngay sau đó vị thuyền trưởng đã bố trí sáu trong chín người sống sót điều khiển mái chèo chống chọi lại những cú lắc hung bạo nhất. Trong lúc trèo, Martin chỉ ngây người nhìn về phía trước, sự mệt mỏi và tuyệt vọng đã làm chàng hiệp sĩ trẻ suy sụp. Họ bị đuổi khỏi Đất Thánh và giờ chiếc Falcon Temple cũng đã mất. Martin băn khoăn tự hỏi không biết họ sẽ sống sót được bao lâu dù có vào được đất liền. Dù có ở đâu thì bây giờ họ cũng đang rất xa quê nhà, sâu trong những lãnh thổ quân địch, và hầu như không được trang bị gì để tự vệ trước những kẻ thù trang bị nghèo nàn nhất.

Chiếc xuồng lớn lao đi như thế hàng giờ đồng hồ trước khi những con sóng hạ thấp dần độ cao, và cuối cùng thì họ thấy dải đất liền mà người canh gác đã phát hiện. Không bao lâu sau, họ kéo chiếc xuồng lớn qua sóng vỗ ven bờ, vào nơi an toàn trên một bãi cát. Cơn bão vẫn gầm rít và cơn mưa lạnh giá vẫn quất xuống làm thân thể họ đau rát, nhưng ít ra họ đã có mặt đất dưới chân mình.

Sau khi dùng kiếm phá thủng đáy xuồng, họ đẩy nó trở lại biển để không ai lang thang dọc theo mép nước ven bờ có thể phát hiện sự có mặt của họ, đại dương vẫn đang giận dữ dù mắt bão đã đi qua. Hugh bảo với mọi người là khi cơn bão ập đến thì bọn họ đang hướng về phía Bắc, và ông ta tin là chiếc Falcon Temple đã bị cuốn quanh đảo Cyprus rồi sau đó cũng bị đẩy về hướng Bắc. Căn cứ vào kiến thức và sự thông thạo của người thủy thủ, Aimard quyết định tránh vùng bờ biển trống trải, đi sâu vào đất liền trước khi ngoặt theo hướng Tây để tìm một bến cảng nào đó.

Không bao lâu sau, những ngọn đồi thấp đã che chắn bớt gió cho họ, quan trọng hơn, che chở họ khỏi ánh mắt tò mò của bất kỳ một người dân địa phương nào. Có vẻ như họ không phải đối đầu với mối nguy hiểm này; họ không thấy một người nào, không nghe thấy gì ngoài tiếng gầm rít của cơn bão. Ngay cả những loài động vật hoang dã cũng không có, rõ ràng bị đe dọa bởi thời tiết khắc nghiệt nơi đây. Suốt chặng đường dài và mệt mỏi, Martin có thể nhận ra là tình trạng của Aimard đang dần xấu đi. Cú đập vào lồng ngực quả là một đòn nặng và sự tổn thương nghiêm trọng do cú ngã gây ra bắt đầu phát tác. Bề ngoài có vẻ nhưng hoàn toàn bình thản trước cơn đau đang

hoàng hành trong cơ thể mình, người hiệp sĩ già tiếp tục dấn bước đầy dũng cảm, khư khư giữ lấy cái túi da cồng kềnh trong khi tay ôm chặt bên sườn đau nhức.

Khi bắt gặp một thị trấn, họ thoáng lo là có thể phải chiến đấu trong tình trạng hiện tại. Họ không chỉ bị thương và yếu ớt mà còn quá ít vũ khí. Nỗi lo sợ đó rồi cũng bị lấn át bởi niềm hy vọng có thể sẽ tìm được ít lương thực ở thị trấn đó. Và rồi cả nỗi sợ hãi lẫn hy vọng của họ đều thành ra vô căn cứ. Thị trấn bị bỏ hoang, những ngôi nhà trống rỗng. Ngay giữa trung tâm thị trấn là những dấu vết còn lại của một nhà thờ. Các bức tượng vẫn còn nguyên vẹn, nhưng mái chỉ là một khung gỗ đã cháy thành than, vẫn đang treo cao tít trên những cột đá. Khó mà nói được những hành động mạo phạm này đã xảy ra trước đây bao lâu. Chắc chắn là đã hàng tuần hoặc thậm chí hàng tháng, và có thể đã hàng năm qua.

Phía bên kia nhà thờ, một cây liễu già cao lớn rủ cành lá sum sê xuống một miệng giếng.

Thận trọng, những kẻ sống sót ngả mình trên nền đất nghỉ ngơi. Trong số tất cả bọn họ, tình trạng của Aimard là tồi tệ nhất. Đang múc nước từ giếng lên cho Aimard thì Martin bỗng nghe thấy một âm thanh, tiếng reo ngân êm ái và du dương của những chiếc chuông. Những con người tơi tả và rách nát hấp tấp tìm chỗ ẩn nấp và lặng lẽ quan sát khi một bầy dê nhỏ đi ngang qua con đường hẹp. Chẳng bao lâu, bọn dê bu quanh miệng giếng, cào bới một cách vô vọng tìm thức ăn, vài con kéo các cành liễu xuống, nhai ngấu nghiến. Người chăn dê xuất hiện, một ông lão vừa gù vừa què, theo sau là một cậu bé.

Martin liếc nhìn, Aimard gật đầu đồng ý cho Martin nắm quyền chỉ huy. Dùng tay ra hiệu, Martin cho nhóm người của mình tỏa ra phía ngoài để tiếp tục quan sát, trong lúc đó Hugh và anh tiếp tục tiến về phía ông lão, ông ta lập tức quỳ xuống, van xin họ đừng giết ông ta và thả thằng cháu ra. Giống như một số các Huynh đệ Chiến hữu của họ, Martin và Aimard biết nói một chút tiếng Ả rập. Dù vậy, phải mất một lúc lâu mới làm ông lão yên tâm và tin tưởng là mạng sống ông ta an toàn. Và phải mất lâu hơn nữa để giải thích là họ muốn mua một con dê chứ không phải chiếm đoạt bằng vũ lực. Không phải là họ có tiền hoặc những thứ đồ quý giá này nọ, nhưng họ đã cố gom góp những thứ đồ đạc quần áo linh tinh để ít ra thì cũng là một cuộc thỏa thuận trao đổi dù rằng tất cả những thứ họ gộp lại chưa đủ bằng giá trị của con dê. Trong khi ông lão chăn dê và đứa cháu phụ việc lấy nước cho bầy gia súc của họ, các hiệp sĩ xẻ thịt con dê và với một viên đá lửa, họ nhóm lửa để nướng thịt. Họ mời ông lão và cậu bé cùng ăn.

Hành động tử tế đó có lẽ đã cứu mạng họ.

Ông lão, người nói cho họ biết tên thị trấn là Fonsalis, rất biết ơn vì được sống sót. Cuối buổi chiều, ông lão cùng đứa cháu phụ việc và đàn gia súc lại tiếp tục lang thang. Đã no nê và sung sức trở lại, các hiệp sĩ và thủy thủ lại tiếp tục nghỉ ngơi, yên chí là họ có thể bắt đầu lại cuộc hành trình vào sáng mai.

Nhưng thời gian nghỉ ngơi của họ không được lâu.

Người hiệp sĩ đứng canh gác nghe thấy tiếng động trước tiên và báo với Martin. Có người đang chạy, đang trên đường đến. Đó là thằng bé, cháu ông lão chăn dê. Thở hổn hển và rõ ràng là rất sợ hãi, thằng bé báo tin một toán quân Mameluke[41] đang trên đường kéo đến. Ông lão đã từng gặp phải bọn chúng trước đó, bị bọn chúng cướp bóc, và biết rằng bọn chúng sẽ đến đây để lấy nước.

Họ không còn chọn lựa nào khác ngoài việc phải chiến đấu chống lại bọn Mameluke này.

Với sự hỗ trợ của Aimard, Martin nhanh chóng vạch kế hoạch cho một cuộc phục kích. Giữ khoảng cách đều nhau, mọi người sẽ theo đội hình chữ V, cánh công khai sẽ đối đầu trực diện với quân địch đang tiến đến, điểm nút là cái giếng.

Họ tận dụng những mảnh sắt đầu thừa đuôi thẹo trong ngôi nhà thờ đổ nát để bổ sung cho mớ vũ khí đơn sơ của mình và tháo cuộn dây thừng trên miệng giếng ra. Hugh và một người trong đám thủy thủ kéo sợi thừng về vị trí của mình, ở phía đầu mở của đội hình chữ V. Họ đắp đất phủ lên đoạn dây bắc ngang qua con đường mà bọn kỹ sĩ Mameluke sẽ tiến đến, và tất cả mọi người vào vị trí của mình. Khi đã chắc chắn không còn điều gì có thể làm hỏng kế hoạch của họ, Martin nấp sau giếng, cúi thấp xuống và chờ đợi.

Họ không phải chờ đợi lâu. Họ nghe thấy tiếng bọn Mameluke trước khi thấy chúng, tiếng cười nói của bọn chúng vang lên giữa không gian tĩnh lặng. Rõ ràng, những hoạt động của bọn chúng trong khu vực này đã cho bọn chúng cái cảm giác hoàn toàn chắc chắn là chúng không thể bị tấn công. Bọn Mameluke rất đáng sợ. Khoảng năm mươi năm trước đây, hàng ngàn thanh niên trẻ khu vực này đã bị bán làm nô lệ cho quốc vương Ai Cập. Kẻ thống trị lúc

đó, không bao giờ tưởng tượng được hậu quả hành động của mình, đã sử dụng những thanh niên trai trẻ này để thành lập Đội Vệ binh Quốc gia và gọi họ là Mameluke, một từ Ả rập nghĩa là "bị sở hữu". Vài năm sau, bọn Mameluke chủ mưu một cuộc đảo chính và chẳng bao lâu sau, nắm quyền cai trị Ai Cập. Bọn chúng thậm chí còn đáng sợ hơn những kẻ trước kia đã bán chúng làm nô lệ.

Trang phục và nai nịt kỹ lưỡng trong những bộ áo giáp bằng da và sắt, mỗi kỵ sĩ còn mang theo một thanh gươm dài có bao ngoài và một dao găm ở thắt lưng. Phía bên kia các quả táo yên ngựa của mỗi con ngựa là một khiên tròn, lớn, làm bằng kim loại, và những là cờ hiệu đuôi nheo đủ màu sắc gắn ở các ngọn giáo bay phấp phới trong đám bụi mù xung quanh bọn chúng.

Martin đếm. Ước lượng của thằng bé chính xác. Có hai mươi mốt tên. Martin biết hoặc tất cả bọn chúng phải chết, hoặc số phận của chính mình và các chiến hữu sẽ chấm dứt. Nếu một tên trong bọn chúng trốn thoát, nhiều tên khác sẽ quay trở lại.

Khi tên Mameluke cuối cùng đã đi qua vị trí do Hugh và một người nữa trấn giữ, Martin nghe thấy tiếng tên chỉ huy của bọn chúng tiến đến cái giếng và xuống ngựa. Từ phía sau giếng, Martin lao vọt ra, như bắn khỏi một khẩu đại bác, và nhanh chóng hạ gục cả hai tên bằng những nhát kiếm ác liệt. Nhiều tên Mameluke khác cũng đang xuống ngựa trong lúc những thủy thủ sống sót ùa ra khỏi vị trí ẩn núp, thét vang những tiếng thét chiến đấu, tấn công bọn kỵ sĩ đang sửng sốt bằng bất kỳ thứ vũ khí nào họ có trong tay. Hoàn toàn bất ngờ, vô cùng hiệu quả.

Những tên còn trên lưng ngựa, quay ngựa, thúc chúng phóng nước đại quay ngược trở lại. Khi chúng đến ngang tầm Hugh, viên thuyền trưởng nâng sợi dây kéo nó thật căng. Bọn kỵ sĩ không trông thấy sợi dây. Những con ngựa đầu tiên ngã nhào, các con khác ngã dúi dụi xô vào, bọn kỹ sĩ bị quăng quật chồng chất lên nhau một cách bất lực. Các hiệp sĩ đã sẵn sàng xông đến bọn chúng và không bao lâu, không một tên Mameluke nào sống sót ở phía đầu kia của chiến trường.

Nhưng đó chỉ là một chiến thắng nhỏ bé. Trong cuộc chiến hỗn loạn, hai thủy thủ và hai hiệp sĩ đã hy sinh. Còn lại năm người, kể cả hiệp sĩ Aimard đang bị thương.

Nhưng giờ họ đã có ngựa và vũ khí.

Đêm đó, sau khi chôn cất những người đã hy sinh, những người sống sót nằm ngủ bên cạnh tường của ngôi nhà thờ đổ nát, thay phiên nhau canh gác. Dù vậy, Martin không thể ngủ được, tâm trí vẫn rối bời, Martin rơi vào tình trạng cảnh giác quá mức với bất kỳ tiếng động và chuyển động nào.

Martin nghe có tiếng sột soạt từ bên trong nhà thờ, chỗ Aimard nằm nghỉ. Anh biết người hiệp sĩ lớn tuổi rất đau đớn và anh cũng nghe thấy tiếng ông ho ra máu nhiều lần. Martin đứng dậy, bước vào nhà thờ qua cánh cổng cháy đen. Aimard không có ở nơi Martin đã đặt ông nằm. Martin căng mắt nhìn vào bóng tối và phát hiện người hiệp sĩ lớn tuổi đang ngồi, ánh sáng từ đống lửa nhỏ lập lòe bùng lên theo từng cơn gió cuộn xuống của mái nhà trống. Tiến đến bên Aimard, Martin thấy ông đang bận viết cái gì đó. Một lá thư. Bên cạnh Aimard là một cái máy kỳ lạ, có bánh răng, Martin chưa bao giờ nhìn thấy.

Aimard ngẩng đầu nhìn lên, nhìn Martin qua ánh lửa. "Tôi cần cậu giúp chuyện này," Aimard nói, giọng khàn khàn cáu kỉnh.

Martin ngập ngừng tiến đến, cảm thấy cơ bắp căng cứng. "Tôi có thể làm chuyện gì cho ngài?" Martin hỏi.

"Có vẻ như sức lực tôi đã cạn kiệt," Aimard ho. "Đến đây nào." Người hiệp sĩ lớn tuổi đứng dậy, nhấc cái túi da lên với vẻ đau đớn cùng cực, dẫn Martin vào sâu hơn trong nhà thờ đến một khu vực có nền nhà được làm bằng đá phiến, một số viên đá có khắc tên tuổi và ngày tháng. Martin nhận ra chúng là những tấm bia mộ.

"Tấm này," Aimard thốt lên khi dừng lại trên một phiến đá có khắc chữ Romiti.

Martin chăm chăm nhìn người hiệp sĩ già vẻ dò hỏi, không biết ông định làm gì. Aimard cố nở nụ cười. "Tôi cần cậu mở tấm bia mộ lên."

Không đợi một lời giải thích nào nữa, Martin rút gươm ra và dùng nó để nạy bật phiến đá lên.

“Cứ giữ như vậy cho tôi,” Aimard yêu cầu trong lúc quỳ xuống để nhét túi da vào cái khoảng trống tối đen kia. Khi đã xong, Aimard gật đầu với chàng hiệp sĩ trẻ. “Vậy là được rồi.” Martin cẩn thận hạ phiến đá xuống. Aimard kiểm tra lại để chắc chắn là việc làm vừa rồi của họ không để lại dấu vết nào, rồi đứng dậy và quay trở lại chỗ nằm nhỏ bé của mình, đau đớn ngả người xuống nền đất.

Martin nhìn vào bóng tối, những ý tưởng rối rắm quay cuồng trong đầu. Khi Aimard de Villiers lần đầu động viên anh gia nhập Dòng tu, Martin cảm thấy rất vinh dự và phấn khích. Suốt ba năm đầu tiên, niềm vinh dự đó rõ ràng đã được minh chứng – các Hiệp sĩ Đền Thánh quả thực là một nhóm hiệp sĩ cao quý gồm những con người vô cùng quả cảm, một lòng một dạ với Thượng Đế, với nhân loại, với Giáo hội. Nhưng giờ đây Đất Thánh đã mất, họ sẽ trở thành gì? Martin không còn thấy rõ mục đích của họ nữa.

Giờ đây những chuyện khác làm anh lo lắng lại hiện ra. Đã nhiều năm qua, Martin biết có những điều tế nhị không được nói ra trong nội bộ Dòng tu, Martin biết, từ những lần tình cờ nghe lỏm được trong các cuộc chuyện trò trao đổi rằng có sự va chạm giữa dòng Đền Thánh và Giáo hội. Ở cái nơi mà Martin nghĩ là cần có sự gắn kết bền chặt và tin tưởng thì anh lại cảm thấy mối bất đồng và ngờ vực. Nhiều đến độ Giáo hội đã không hợp tác với những yêu cầu tăng cường quân số mới đây. Do sự từ chối giúp đỡ của Giáo hội, số phận của lực lượng trấn thủ thành Acre đã được định đoạt. Phải chăng Giáo hội cố tình đặt dòng Đền vào tình thế nguy nan?

Martin gạt bỏ ý nghĩ đó ngay. Chắc chắn là không.

Rồi sau đó là những cuộc họp bí mật gồm một vài thành viên cao cấp của dòng Đền do Đại Thủ lĩnh William de Beaujeu tổ chức. Những cuộc họp mà ai nấy đều trở ra với gương mặt cau có, lầm lì. Những thành viên cao cấp như Aimard de Villiers mà tính cách cởi mở và trung thực luôn làm Martin quý mến. Có một cái hộp được chạm khắc tinh tế, những lời lẽ bí ẩn giữa Aimard de Villiers và vị Đại Thủ lĩnh ngay trước khi họ bước xuống Falcon Temple. Và giờ là cái này.

Phải chăng anh không được tin tưởng?

“Martin”

Giật mình, anh quay lại đối diện với Aimard, khuôn mặt Aimard nhăn lại vì đau đớn, giọng nói thì thào, chỉ còn là tiếng làu bàu trong cổ họng.

“Tôi biết những gì hẳn đang hiện diện trong suy nghĩ của cậu. Nhưng hãy tin tôi, khi tôi nói với cậu những điều này… Có những điều cậu phải biết, những điều cậu cần phải biết, nếu Dòng tu của chúng ta sống sót. William đã giao phó cho tôi cả tri thức và trách nhiệm, nhưng…” Aimard đột ngột ngưng lại, ho sù sụ, rồi chùi miệng trước khi bắt đầu tiếp tục nói, chậm rãi. “Cuộc hành trình của tôi kết thúc ở đây, cả hai chúng ta đều biết điều đó,” Aimard đưa tay lên để ngăn những lời phản đối của Martin. “Tôi phải giao lại cái tri thức này cho anh. Anh phải hoàn thành nhiệm vụ mà tôi mới chỉ vừa bắt đầu.”

Martin thoáng cảm thấy tội lỗi vì những ý nghĩ nhỏ nhen của mình.

“Ngồi xuống đây với tôi,” Aimard nói. Và sau vài khoảnh khắc để lấy hơi, người hiệp sĩ già bắt đầu nói.

“Đã nhiều năm rồi, có một bí mật mà chỉ có một số ít người trong Dòng tu của chúng ta được biết. Ban đầu, chỉ có chín người được biết. Chưa bao giờ nhiều hơn số đó được chia sẻ tri thức này. Nó nằm ngay ở trung tâm của dòng Đền chúng ta, và nó cũng là nguồn gốc gây ra sự sợ hãi và đố kỵ của Giáo hội.”

Aimard đã nói chuyện thâu đêm. Thoạt tiên, Martin không tin, rồi anh lại cảm thấy cảm giác kinh ngạc và giận dữ đang lớn dần, nhưng vì chính Aimard là người đang kể lại điều đó cho anh, từ trong thâm tâm Martin biết câu chuyện này không thể là chuyện tưởng tượng. Nó chỉ có thể là sự thật.

Trong khi Aimard tiếp tục câu chuyện, Martin nhận thấy giọng nói của người hiệp sĩ già rất yếu ớt và ngắt quãng. Nỗi giận dữ của Martin chuyển thành sự kính sợ và rồi gần như lấn át hết mọi cảm xúc khác về tính cao quý của mục đích cao cả. Đối với Martin, Aimard như một người cha, và sự tận tụy hết mình của người hiệp sĩ già có một trọng lượng rất lớn trong mắt Martin. Từ từ nhưng chắc chắn, nó đang thấm vào anh, khắc sâu vào tâm hồn anh cùng với từng lời Aimard nói.

Lúc mặt trời mọc, họ vẫn còn đang trò chuyện. Khi Aimard ngừng kể, Martin vẫn im lặng một lúc rồi lên tiếng hỏi. "Ông muốn tôi làm gì?"

"Tôi đã viết một lá thư," Aimard trả lời. "Một lá thư phải được trao tận tay cho Đại Thủ lĩnh của Đền thờ Paris. Không một ai khác được thấy lá thư này." Aimard trao lá thư cho Martin, anh cũng không thể đọc được lá thư. Aimard gật đầu chỉ cái thiết bị có bánh răng ở bên cạnh. "Lá thư này đã được mã hóa… để phòng trường hợp bị rơi vào tay kẻ thù."

Aimard dừng lại liếc ra ngoài, hướng về phía những người còn lại. "Chúng ta đang ở trên lãnh thổ của quân thù và chỉ còn lại bốn người các cậu." Aimard tiếp tục. "Chỉ ở cùng nhau cho đến khi chúng ta phải làm vậy, sau đó hãy chia thành hai cặp. Chọn hai lộ trình khác nhau để đến Paris. Tôi đã chép thêm một bản khác. Mỗi cặp sẽ giữ một bản. Hãy nhấn mạnh với những người kia tầm quan trọng của sứ mệnh, nhưng đừng, tôi khẩn cầu cậu đấy, đừng tiết lộ cái sự thật mà tôi đã kể với cậu tại nơi này, trừ phi cậu tin chắc rằng mình sắp chết."

Martin chăm chăm nhìn người bạn lớn tuổi và hỏi. "Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tất cả chúng tôi đều chết trên đường đi? Chuyện gì sẽ xảy ra với Dòng tu của chúng ta?"

"Có những người khác," Aimard trả lời. "Một số ở Paris, một số ở nơi khác. Sự thật sẽ không bao giờ mất đi."Aimard dừng lại thở. "Chỉ có mình tôi biết một số điều trong những lá thư, dù vậy tôi nghĩ Hugh hẳn cũng đoán ra. Nhưng cậu ấy sẽ chẳng thắc mắc gì. Cậu ấy có thể không phải là Huynh đệ, nhưng là một người có lòng trung thành không thể lay chuyển. Cậu có thể tin tưởng cậu ấy, cũng như tôi đã tin tưởng cậu."

Thò tay vào một cái túi phía trong áo chẽn da, Aimard lấy ra hai gói, mỗi gói đều được bọc lại bằng da dê tẩm dầu. "Bây giờ, cậu cầm lấy chúng. Và trao cho cặp kia một gói."

"Trao cho Hugh ư?"

Aimard lắc đầu. "Không, Hugh không phải là thành viên của dòng Đền chúng ta, và có thể xảy ra khả năng là Đại Thủ lĩnh của Đền thờ Paris chỉ tin tưởng nếu đó là một Huynh đệ đích thực trong chúng ta. Thật ra tôi nghĩ Hugh nên là người cùng đi với cậu."

Martin gật đầu tỏ vẻ đã hiểu, rồi hỏi. "Phần ngài thì sao?"

Aimard lại ho và đưa một tay quẹt ngang bộ râu, Martin thấy có nhiều máu trong nước bọt của Aimard. "Cho tới nay, chúng ta vẫn gặp may, nhưng chắc chắn là các cậu sẽ gặp nhiều nguy hiểm trên đường đi," Aimard nói. "Hành trình của các cậu không thể trì hoãn vì người bệnh hay người bị thương. Không phải là sau này, và chắc chắn không phải là lúc này. Như tôi đã nói, cuộc hành trình của tôi đến đây là kết thúc."

Nhăn mặt vì đau đớn, Aimard đưa tay sờ vào lồng ngực. "Sau tai nạn trên thuyền," Aimard tiếp tục, "đi được đến tận nơi này là tôi đã may mắn lắm rồi. Lấy các lá thư và đi đi. Dù thế nào chăng nữa, cậu phải đến Paris. Cậu phải gánh vác nhiều trọng trách lắm đấy."

Martin de Carmaux gật đầu, rồi vươn tay ra, ôm chặt người bạn và cũng là người thầy của mình trong vòng tay. Sau đó, anh đứng dậy bước lại chỗ những người khác và lũ ngựa đang chờ sẵn.

Martin nói với họ vài lời ngắn gọn và tất cả quay lại nhìn Aimard de Villiers, người hiệp sĩ già đón nhận ánh mặt của họ chỉ trong một lát rồi nặng nhọc đứng lên, khập khiễng bước về phía cái giếng, cầm trong tay cái thiết bị có bánh răng. Martin chỉ lặng nhìn trong lúc người bạn già của anh đập mạnh cái thiết bị kia vào bức tường đá và, từ từ, thả từng mảnh vỡ của nó vào lòng giếng.

"Cầu Chúa phù hộ cho ông," Martin nói giọng từ tốn. "Và phù hộ cho tất cả chúng ta."

Cầm lấy dây cương của một con ngựa, Martin nhảy lên chiếc yên ngựa lạ lẫm. Chẳng bao lâu, bốn kỵ sĩ nối đuôi nhau đi hàng dọc băng qua đống đổ nát của ngôi làng, những con ngựa không người cưỡi kéo theo phía sau, trước khi họ bắt đầu hướng về phía Tây Bắc, mù mờ về số phận của họ, không hay biết về những hiểm nguy có thể nằm phía trước, trong cuộc hành trình dài đằng đẵng đến Pháp.

Chương 48

Trong lúc tâm trí Tess vẫn còn lang thang trên vùng lãnh thổ sát bờ biển của người Mameluke thì tiếng nói của Jansson cắt ngang cuộc lãng du về thời Trung cổ và lôi tuột nàng về với hiện tại.

“Chúng ta phải giả định là đến giờ thì Vance đã dịch được lá thư này.” Jansson phát biểu, giọng cục cằn.

Reilly gật đầu không một chút lưỡng lực. “Chắc chắn là như vậy.”

Tess nhớ ra mình đang ở đâu, tay vẫn cầm chặt tập tài liệu, nàng quan sát những gương mặt xung quanh. Họ không có vẻ như đang chìm trong khoảnh khắc thăng hoa như nàng. Tess thì khác. Sự thấu hiểu đặc biệt và hoàn toàn mang tính cá nhân này về cuộc đời, hành động, suy tư, và cái chết của những con người huyền thoại này làm nàng xúc động tột độ. Ở một cấp độ khác, nó cũng là sự khẳng định tất cả mọi điều mà những suy đoán mang tính bản năng của nàng cứ trở đi trở lại kể từ đêm xảy ra vụ cướp. Toàn thân nàng râm ran cái cảm giác nôn nao. Đây có thể là thành Troy, là kim tự tháp của vua Tutakhamen của riêng nàng. Tess băn khoăn không biết có ai trong những người đang ngồi kia cảm thấy khích động chút nào bởi những gì mà tập tài liệu trên tay họ gợi ra không hay là họ chỉ đơn giản chú ý đến lá thư vì nó có thể giúp họ giải quyết một vụ án đặc biệt gây nhiều tranh cãi.

Vẻ mặt của Jansson không còn chút nghi ngờ như trước đó. “Được rồi, như vậy chúng ta vẫn chưa biết chúng ta đang bàn về thứ gì ở đây,” ông ta tiếp tục, “ngoại trừ cái thực tế dù là gì đi nữa, nó khá nhỏ nên có thể được mang đi khắp nơi trong cái túi khoác vai – nhưng ít ra chúng ta cũng biết được hắn đang đi đâu. Đó là Fonsalis.” Jansson ném cho Kendricks một cái nhìn tra vấn.

“Rất tiếc,” Kendricks buồn bã trả lời. “Không thể giúp gì cho các anh ở khâu này được. Tôi đã huy động rất nhiều người, nhưng cho đến giờ vẫn chưa có gì tiến triển. Chúng tôi không tìm được bất cứ tư liệu nào về nó ở bất kì đâu.”

Jansson cau mày, rõ ràng không vừa lòng. “Không có gì ư?”

“Không, dù sao đi nữa thì cũng chưa có gì. Ở đây, chúng ta đang bàn về châu Âu thế kỷ mười ba. Thời đó, làm gì đã có MapQuest[42]. Việc lập bản đồ là một công việc rất thô sơ, nguyên thủy, và vì vậy, rất ít các bản đồ của thời kỳ đó còn tồn tại, đấy là còn chưa nói đến các văn bản viết tay. Chúng tôi đang tiến hành công việc bằng bất kỳ bản sách chép tay nào mà chúng tôi có được từ thời đó, tất cả mọi thứ cho đến ngày nay – những lá thư, các tờ báo, những thứ đại loại như vậy. Rất tốn thời gian đấy.”

Tess nhìn Jansson ngồi lại xuống ghế và để một tay sau gáy. Mặt ông ta tối sầm lại. Jansson rõ ràng không vừa lòng khi bị cản trở không làm gì được với bất cứ thứ gì có liên quan đến mớ dữ liệu khó hiểu, cần phải nghiên cứu này.

“Như vậy, có thể Vance cũng chưa tìm ra nó ở đâu,” Aparo góp ý.

Tess lưỡng lự trước khi tham gia vào cuộc thảo luận. “Tôi không trông mong gì điều đó. Đó là lĩnh vực anh ta rất thông thạo. Các chỉ dẫn liên quan đến một địa điểm như thế có thể không có trong các cuốn sách xuất bản rộng rãi mà các anh có thể có trong cơ sở dữ liệu. Có nhiều khả năng nó được tìm thấy trong các bản thảo viết tay ít người biết đến, một loại sách hiếm mà những người như Vance sẽ biết tìm ở đâu.”

Jansson chăm chú nghe Tess, dường như đang nghiền ngẫm ý kiến của nàng một lúc lâu. Ngồi cạnh ông ta là de Angelis. Ánh mắt vị cha cố dán chặt vào nàng. Dù vậy Tess không thể đoán được ông ta nghĩ gì. Chắc chắn là, trong số tất cả những người có mặt trong phòng, ông ta phải hiểu rõ giá trị của cái mà họ vừa mới có đặc quyền tham gia vào. Nhưng ông cha cố không tỏ bất kỳ dấu hiệu ngạc nhiên nào và cũng không nói một lời suốt buổi họp.

“Thôi được, chúng ta cần phải tìm ra điều này nếu muốn tóm cổ gã kia,” Jansson càu nhàu. Ông ta quay qua de Angelis, “Thưa Đức Cha, người của Cha có thể sẽ giúp ích được rất nhiều trong việc này.”

“Chắc chắn rồi, tôi sẽ nhờ các học giả xuất sắc nhất làm chuyện này. Chúng tôi có một thư viện khổng lồ. Chỉ là vấn đề thời gian thôi, tôi đoan chắc như vậy.”

“Thời gian là cái mà chúng tôi có lẽ không có.” Jansson quay sang Reilly. “Dứt khoát là gã kia đang chuẩn bị hành động, nếu hắn chưa ra khỏi đất nước này.”

“Tôi sẽ bảo đảm để bên CBP ưu tiên hàng đầu vụ này.” Cục Hải quan và Biên phòng (CBP) có nhiệm vụ theo dõi ai và cái gì ra, vào lãnh thổ. “Dù sao, nó cũng chỉ quanh quanh khu vực Đông Địa Trung Hải, đúng không?” Reilly quay sang Tess. “Chúng ta có thể thu hẹp những nơi mà hắn có khả năng mò đến chứ?”

Tess hắng giọng, suy nghĩ về điều đó. “Nó có thể ở bất kỳ nơi đâu. Họ đã bị thổi bạt hoàn toàn ra khỏi dòng chảy… Các anh có bản đồ khu vực đó chứ?”

“Có.” Kendricks chồm tới, kéo bàn phím về phía anh ta, gõ vài phím. Một tấm bản đồ thế giới hiện ra ngay trên cái màn hình tinh thể lỏng đồ sộ trước mặt họ. Kendricks gõ thêm vài phím nữa, màn hình thay đổi, phóng bản đồ to ra nhiều lần cho đến lúc nó hiển thị khu vực Đông Địa Trung Hải.

Tess đứng dậy và bước về phía bản đồ. “Theo lá thư của Aimard, họ đã rời thành Acre, ở ngay đây, nơi bây giờ thuộc về Israel, ngay hướng Bắc của thành phố cảng Haifa và đi thuyền tới đảo Cyprus. Hẳn họ đã dong buồm đi về hướng Bắc trước khi quẹo về hướng Tây, nhưng họ đã gặp bão trước khi đến được nơi nào đó gần Cyprus…” Tess lại xem xét tấm bản đồ, và không thể nào ngăn được tâm trí mình bay bổng một chút, tưởng tượng về cuộc hành trình bi thảm kia, chúng dường như thật đến mức, trong khoảnh khắc, Tess cảm thấy như nàng đang thực sự hiện diện ở đó cùng với họ. Tess tập trung tư tưởng, trở lại công việc trong hiện tại. “Nó hoàn toàn phụ thuộc vào hướng cơn bão đẩy họ đi. Liệu nó có đẩy họ về hướng Đông hòn đảo – trong trường hợp này họ có thể trôi dạt vào bất kỳ nơi nào đó dọc theo bờ biển Syria, hoặc bờ biển Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ dọc theo đây…” Tess dùng ngón tay để vạch ra cái lộ trình kia. “Hoặc liệu họ có đi quá về phía Tây đảo Cyprus, và trong trường hợp đó, chúng ta sẽ đề cập đến khu vực này, miền duyên hải Tây Nam Thổ Nhĩ Kỳ, từ vịnh Antalya đến đảo Rhodes.”

“Đó là một vùng mục tiêu quá rộng,” Jansson cau có nhận xét.

“Quang cảnh suốt dọc vùng bờ biển này rất giống nhau,” Tess tiếp tục, “Không có chi tiết nào trong lá thư gợi ý được cho chúng ta là trường hợp này hay trường hợp kia. Nhưng tôi không thể tưởng tượng là họ ở xa bờ biển đến vậy khi họ phát hiện ra nó lúc ở giữa cơn bão khổng lồ.”

Reilly gật đầu, nghiên cứu tấm bản đồ. “Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách báo cho người của chúng ta ở Thổ Nhĩ Kỳ và Syria.”

Trán Jansson nhướn lên lộ vẻ thắc mắc rõ ràng. “Vậy cái gã Vance này đang nghĩ gì nhỉ? Rằng cái thứ mà họ chôn vùi vẫn còn đang ở ngoài kia chờ đợi gã hay sao? Lá thư rốt cuộc có vẻ như đã được mang đến Pháp. Làm sao gã biết là các Hiệp sĩ Đền Thánh không phải người đi thu hồi lại thứ đồ đó?”

Tess nhớ lại câu chuyện của Vance. Người ta nói là người đàn ông ấy không bao giờ cười nữa. “Thời điểm là mấu chốt vấn đề. Vance nói là ông lão đã đưa bản kinh viết tay cho vị linh mục, nên nhớ là, ông đã bạc trắng cả đầu khi biết được câu chuyện – anh ta nói ông lão là một trong số các Hiệp sĩ Đền Thánh sống sót cuối cùng, De Molay và những hiệp sĩ khác đã bị trói vào cọc và thiêu chết vào năm 1314. Vậy là vị Hiệp sĩ Đền Thánh đang hấp hối của anh ta phải xuất hiện sau đó. Và nó xảy ra hơn hai mươi năm sau khi chiếc thuyền chìm. Tôi đoán Vance hy vọng rằng nếu lúc đó người ta không thể thu hồi món đồ kia, sẽ không còn một ai khác làm cái việc này sau đó.”

Căn phòng rơi vào yên lặng. Chuyện này quả là quá phức tạp, không thể hiểu cho hết được, đặc biệt là đối với những người khác trong phòng, những người không được học hành chuyên sâu như nàng để có thể hiểu được quá khứ xa xưa. Kendricks, có lẽ là người gần gũi nhất với Tess trong việc đánh giá đúng giá trị lịch sử của cái mà họ đang xem xét tại đây, lên tiếng. “Chúng ta sẽ chạy một số mô phỏng về lộ trình của chiếc thuyền. Những yếu tố như gió mùa, dòng chảy, những thứ đại loại như thế. Xem xét liệu có bất kỳ chi tiết nào trong lá thư kia phù hợp với địa hình của vùng đất và cố đưa ra cho mọi người gợi ý về nơi có thể tìm ra nó.”

“Kiểm tra chéo với bất kỳ con tàu đắm nào được phát hiện trong khu vực có lẽ cũng là một ý kiến hay. Ai mà biết được, một trong số chúng có thể là chiếc Falcon Temple lắm chứ.” Ngôn ngữ cử chỉ mất kiên nhẫn của Jansson cho thấy cuộc họp đã chấm dứt. Ông ta quay sang de Angelis. “Đức Cha sẽ thông báo kịp thời cho chúng tôi chứ?”

“Ngay khi tôi có được tin tức gì.” Ông cha cố vẫn bình thản và tỉnh bơ như thường lệ.

Reilly đưa Tess đến buồng thang máy. Không có ai đang đợi ở đó. Lúc sắp bấm vào nút đi xuống thì Tess quay lại đối mặt với Reilly, trên mặt nàng là ánh mắt hiếu kỳ.

“Tôi khá ngạc nhiên khi anh yêu cầu tôi tham gia vào vụ này. Nhất là sau cái câu ‘cô phải bỏ cái chuyện này đi’ hôm nọ.”

Reilly nhăn mặt, bóp trán. Quả là một buổi chiều dài. “Vâng, và có lẽ tôi sẽ tự đá vào người mấy cú vì đã kéo cô vào việc này.” Nét mặt Reilly chợt trở nên nghiêm trọng. “Nói thực lòng, tôi đã rất phân vân về chuyện đó.”

“Vậy thì tôi mừng vì cái mặt đỡ buồn chán hơn đã thắng trong trò chơi sấp ngửa.”

Ngay lúc ấy, Reilly cảm thấy mình thực sự thích cái nụ cười láu lỉnh kia. Tất cả mọi thứ thuộc về Tess đều hấp dẫn anh. Reilly nhớ lại vẻ rạng rỡ bừng lên trên mặt Tess lúc nàng nhìn thấy bản mô phỏng chiếc máy mã hóa trong phòng họp. Nó đầy đam mê; người phụ nữ này vẫn có thể tìm được niềm vui chính đáng, đích thực và mãnh liệt trong cuộc sống một cái gì đó dường như hầu hết mọi người và theo như anh có thể nhớ – chắc chắn kể cả anh nữa đều không nhận ra được.

“Coi nào, Tess. Tôi biết, đối với cô chuyện này quan trọng đến thế nào, nhưng…”

Tess chộp lấy ngay khoảng thời gian ngắn ngủi Reilly ngưng lại. “Còn anh thì sao? Chuyện này có ý nghĩa gì đối với anh?”

Reilly cảm thấy ngần ngại; anh không quen bị dò xét những động cơ của mình. Nhất là khi đang làm một vụ án khó nào đó. Đó là một điều đã được chấp nhận. Hay ít ra, nó cũng thường là vậy. “Ý cô là sao?”

“Tôi muốn hỏi, đối với tất cả các anh có phải bắt giữ Vance xong là chấm dứt vụ này?”

Reilly nghĩ câu trả lời quả là đơn giản. “Trong thời điểm hiện tại, tôi không thể nghĩ gì ngoài chuyện đó.”

Tess nổi cáu. “Tôi không tin một chút nào cả. Thôi nào, Sean. “Tess tiếp tục dồn ép. “Anh không thể bảo tôi là anh không cảm thấy kích thích bởi chuyện này. Lạy Chúa, họ đã viết một thông điệp được mã hóa. Về điều gì đó mà toàn bộ tương lai của họ phụ thuộc vào đó. Họ đã bị trói vào cọc vì nó, bị thiêu sống, bị xóa sổ, bị diệt trừ tận gốc. Có thực là anh không tò mò muốn biết cái gì bị chôn vùi dưới nấm mộ đó?”

Reilly cảm thấy khó cưỡng lại sự nhiệt tình tỏa ra từ nàng. “Trước tiên, phải bắt giữ anh ta đã. Có quá nhiều người chết vì chuyện này rồi.”

“Còn nhiều hơn là anh nghĩ nữa đấy. Nếu anh tính luôn tất cả những Hiệp sĩ Đền Thánh đã chết lúc ấy.”

Không biết vì sao, lời nhận xét của Tess đã làm anh chợt hiểu ra vấn đề, theo cái cách mà Reilly chưa bao giờ nghĩ đến. Lần đầu tiên, Reilly nhận ra tính chất trọng đại của vấn đề mà họ đang xử lý. Nhưng anh cũng biết bức tranh toàn cảnh vẫn chưa lộ diện. Ưu tiên của anh là phải khép lại hồ sơ vụ án METRAID – Vụ cướp Viện Bảo tàng Metropolitan. “Cô thấy đấy, đó là lý do tại sao tôi không muốn cô dính vào vụ này nữa. Cô đã dính líu quá sâu rồi và điều này làm tôi lo lắng.”

“Vậy mà anh đã gọi cho tôi.”

Lại là nó. Lại là nụ cười tươi rói, láu lỉnh. “Vâng, thôi được… giống như là chúng tôi có thể sử dụng sự giúp đỡ của cô ngay lập tức. Với một chút may mắn có thể chúng tôi sẽ tóm được anh ta khi đang vượt biên ở đâu đó, nhưng trong thời gian chờ đợi, sẽ tốt biết bao nếu có thể cài sẵn vài người của chúng tôi đợi anh ta ở Fonsalis, cho dù nó ở đâu đi nữa.”

Tess bấm nút xuống ở cửa thang máy. “Tôi sẽ suy nghĩ kỹ về việc này.”

Vẫn đứng đấy Reilly nhìn Tess, khóe miệng nàng khẽ nhếch cong lên, đôi mắt màu xanh lá cây lấp lánh vẻ láu lỉnh. Reilly khẽ lắc đầu, một cái lắc đầu hầu như không thể nhận ra và không ngăn được tiếng cười thầm. “Tôi không biết là cô từng không thèm suy nghĩ đấy.”

“Ồ, đã từng vậy đấy.” Tess liếc nhìn Reilly, bẽn lẽn. “Vào những dịp hiếm hoi.”

Hai tiếng chuông rời rạc vang lên khi hai cánh cửa thang máy trượt mở ra. Buồng thang trống trơn. Reilly nhìn nàng bước vào. “Cô sẽ cẩn thận chứ?”

Tess quay lại, giữ cửa mở. “Không, tôi định là sẽ liều lĩnh một cách hoàn toàn, ngoan cố và không thể tha thứ được.”

Reilly không kịp đối đáp lại cửa thang máy đã khép và Tess biến mất, Reilly đứng đấy một lát, hình ảnh gương mặt rạng rỡ của Tes vẫn đọng lại trong tâm trí anh, rồi một tiếng ping quen thuộc báo hiệu thang máy đến kéo anh trở lại với thực tại chán chường.

Cái đường cong nhếch lên ở khóe miệng Tess vẫn còn ở đó lúc nàng bước ra khỏi tòa nhà. Tess biết, rõ ràng có điều gì đó đang xảy ra giữa nàng và Reilly, và nàng thích điều mà nàng cảm nhận được. Đã từ rất lâu Tess chẳng nhảy một điệu nào, và những giai đoạn đầu của việc này cũng giống như trong công việc của nàng, luôn luôn thú vị nhất – ít ra là theo kinh nghiệm của riêng nàng. Cứ tin là tôi sẽ tìm ra sự tương đồng giữa khảo cổ học và đàn ông. Tess nhăn mặt khi nhận ra rằng, như trong khảo cổ học, cảm giác khích động dâng trào thuở ban đầu trong một mối quan hệ, sự bí ẩn, niềm lạc quan và hy vọng, không bao giờ hoàn thành được những lời hứa hẹn của chúng.

Có thể lần này sẽ khác. Trên cả hai phương diện.

Ừ, đúng vậy.

Khi Tess bước ra giữa làn không khí khô lạnh của mùa xuân, một ý nghĩ mà nàng không thể chấp nhận là đề xuất của de Angelis cho rằng bí mật bị che giấu có liên quan đến thuật giả kim. Nó cứ bám riết lấy nàng, và Tess càng xem xét nó thì nàng lại càng thấy không thể tin được. Tuy vậy, vị khâm sứ của Tòa Thánh Vatican dường như rất tin tưởng giả thuyết đó. Một công thức biến chì thành vàng. Ai mà lại không dành hết thời gian và công sức để che giấu công thức này khỏi những cặp mắt tham lam ác độc? Vả lại, một vài điều về giả thuyết này hoàn toàn không hợp lý.

Điều kích thích trí tò mò nhất trong tất cả mọi điều là việc Aimard nghĩ rằng cơn bão biểu lộ ý muốn của Thượng đế. Ông ta sẵn sàng chấp nhận rằng biển cả sẽ nuốt gọn bất kỳ cái gì họ mang theo và chôn vùi nó mãi mãi. Tại sao ông ta phải nghĩ như vậy? Và rồi, vấn đề về kích thước của vật đó nữa. Một cái hòm Thánh tích. Một cái tráp nhỏ. Liệu nó có thể giữ cái gì mà lại khiến những người kia phải chết hoặc giết chết người khác vì nó? Fonsalis.

Tess phải tìm ra nó nếu nàng định theo đuổi cuộc chơi này.

Nàng cảm thấy có lẽ cũng phải mất vài đêm không ngủ. Và nàng sẽ chắc chắn rằng hộ chiếu của mình hợp lệ.

Tess biết nàng hẳn sẽ phải đối mặt với cuộc điện thoại khó chịu từ mẹ vì Tess đã nói với bà là chỉ một hai ngày nàng sẽ đến gặp họ ở Arizona.

De Angelis nhanh chóng trở về căn phòng của mình trong tòa nhà tập thể. Lo lắng vì những vấn đề có thể xảy ra trước mắt. Ông ta ngồi ở mép chiếc giường cứng ngắc và gọi về La Mã. Ông cha cố nói chuyện trực tiếp với một đồng sự từ lâu đã không còn là người thân cận của đức Hồng y Brugnone. Đây rõ ràng không phải là lúc đối mặt với những câu hỏi truy vấn.

Ý thức được rằng cái lợi thế mình có được lúc lần theo dấu vết và tìm ra bốn tên kỵ sĩ giờ đã không còn nữa, và tương tự như vậy, de Angelis cũng hiểu rằng việc kè kè bên cuộc điều tra về chiếc tàu đắm không còn ích lợi gì nữa, ông cha cố biết ông ta sẽ sớm phải đi con đường của riêng mình. Ông ta ra lệnh chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng để khi buộc phải ra đi, ông ta có thể làm vậy ngay lập tức.

Vậy là xong, ông cha cố lấy trong cặp ra một xấp ảnh, trải chúng ra giường và xem từng tấm một. Tess đi ra đi vào Federal Plaza. Ra khỏi rồi trở về nhà cô ta ở Mamaroneck. Văn phòng của cô ta ở Viện Manoukian. Những tấm hình đủ loại – chụp từ xa, khoảng cách vừa phải, cận cảnh. Ngay cả trong hai tấm hình bị vỡ hạt lờ mờ, cô ta vẫn toát ra vẻ tự tin và lòng quyết tâm mà cô thường biểu lộ trong cuộc sống. Cô ta cũng tỏ ra rất nhiệt thành và giàu trí

tưởng tượng. Không giống với bọn FBI, cô ta đã nhanh chóng gạt bỏ cái lối suy nghĩ gò bó câu nệ cho rằng tất cả việc này chẳng qua chỉ là một vụ trộm đơn thuần.

Kiến thức nền tảng của cô ta, mối quen biết với Vance từ trước vụ tên này tấn công cô ta, tất cả những yếu tố trên làm cô ta trở thành một đồng minh hữu ích và cũng là một đối thủ nguy hiểm.

Ông cha cố chạm vào một tấm hình, gõ gõ ngón tay vào giữa trán Tess. Cô gái thông minh. Cô gái thông minh, rất thông minh. Nếu phải đánh cược ai là người sẽ tìm ra được vụ này thì ông sẽ đặt cược vào cô ta. Nhưng ông cũng biết rằng cô ta không phải là người sẵn sàng chia sẻ khám phá của mình.

Hẳn sẽ phải đoạt nó lại từ tay cô ta.

.....

[40] Những từ trên dùng để chỉ chung một khái niệm là Chén Thánh.

[41] Mameluke: một tầng lớp những người Thổ Nhĩ Kỳ bị bán làm nô lệ, đã thống trị Ai Cập từ thế kỷ mười ba đến thế kỷ mười sáu, và duy trì quyền lực cho đến đầu thế kỷ mười chín.

[42] MapQuest: công ty của Mỹ, chuyên cung cấp và vẽ các loại bản đồ theo yêu cầu của cá nhân và cả của các quốc gia, bằng những kỹ thuật tiên tiến nhất.

Chương 49

Tess không còn ý niệm về thời gian, nhưng qua đống tách cà phê chất đống trên bàn làm việc và lượng caffeine đang chạy rần rần trong mạch máu, nàng biết chắc hẳn đã nhiều giờ trôi qua kể từ lúc nàng đăng nhập vào máy tính của mình ở Viện Manoukian.

Văn phòng trống trơn, không còn ai. Bên ngoài, lũ bồ câu và se sẻ đã bay đi từ lâu, và khu vườn cũng chìm trong bóng tối. Lại một đêm dài, đầy thất vọng nữa đang chờ đón.

Hai ngày vừa qua là một quãng thời gian tù mù, chán nản. Tess đã ở lì trong Thư viện Butler của trường Đại học Columbia cho đến lúc gần như bị tống cổ ra khỏi đó vào giờ đóng cửa thư viện lúc mười một giờ đêm. Gần như ngay sau lúc nửa đêm, nàng lại tiếp tục công việc tại nhà với một đống sách bên cạnh, và cuối cùng gục xuống ngủ vì không chịu nổi khi mặt trời bắt đầu xuất hiện bên ngoài cửa sổ phòng ngủ, để rồi lại bị lôi trở dậy một cách tàn nhẫn chỉ chín mươi phút sau đó bởi tiếng chuông báo thức từ radio.

Giờ đây, mắt nhắm mắt mở và tại bàn làm việc của mình, Tess vẫn đang tra cứu cái núi sách nhỏ ấy, một số do nàng tìm được, số khác là từ bộ sưu tập phong phú của Viện. Thỉnh thoảng, có vài điều bỗng nảy ra trong đầu nàng, và nàng lại phấn khích khởi động các bộ máy tìm kiếm trên mạng, cảm ơn Google đã tiết kiệm cho nàng hàng giờ đồng hồ hoặc chửi rủa bộ máy tìm kiếm mỗi khi nó thất bại không tìm được điều nàng cần.

Cho đến giờ, việc chửi rủa vẫn đang chiến thắng, chiến thắng áp đảo.

Tess ngoảnh mặt khỏi bàn làm việc, liếc nhìn ra ngoài cửa sổ, dụi dụi đôi mắt mệt mỏi của mình. Những hình bóng trong khu vườn như hòa lẫn vào nhau. Tess nhận ra mình không thể thấy rõ nữa, đôi mắt nàng đang nổi loạn. Tess không thấy phiền vì việc đó lắm. Nàng có thể nghỉ ngơi một chút. Tess không nhớ nổi lần cuối cùng nàng phải đọc nhiều như thế này trong một thời gian ngắn là khi nào. Và một từ đã trở nên chai sạn trước mắt nàng, dù rằng nàng chưa tìm được chi tiết nào liên quan đến nó.

Fonsalis.

Nhìn đăm đăm ra ngoài bóng đêm, ánh mắt Tess hướng về gốc liễu đồ sộ đang sừng sững bao trùm cả khu vườn. Cây liễu đứng đó, những cành lá mảnh mai đu đưa trong làn gió nhẹ ban đêm, những ngọn đèn đường hắt bóng lên bức tường gạch phân cách cao ngất phía sau.

Tess nhìn chiếc ghế dài trống trơn bên dưới liễu. Trông nó có vẻ lạc điệu, ở đây, ngay giữa trung tâm thành phố; quá tĩnh lặng và bình dị. Nàng muốn bước ra ngoài, cuộn mình trên chiếc ghế đó, và ngủ vùi đi đôi ba ngày.

Và đó là lúc một hình ảnh lóe lên trong đầu nàng.

Một hình ảnh không rõ ràng.

Tess nghĩ đến tấm bảng đồng gắn trên một cái cột nhỏ bên cạnh gốc liễu. Một tấm bảng mà nàng đã đọc hàng trăm lần.

Cây liễu được nhập khẩu từ năm mươi năm trước trong sự khoa trương ầm ĩ của nhà tài trợ người Armenia của Viện. Nhà tài trợ này đã chở cây liễu bằng tàu từ ngôi làng tổ tiên của ông ta để tưởng nhớ đến người cha bị tàn sát cùng hơn hai trăm trí thức và lãnh đạo người Armenia khác trong những ngày đầu của vụ diệt chủng năm 1915. Ông Bộ trưởng Nội vụ Thổ Nhĩ Kỳ lúc đó đã khoác lác rằng sẽ cho dân Armenia "một đòn choáng váng đến cả năm mươi năm sau cũng chưa thể đứng dậy nổi". Những lời phát biểu của ông ta hóa ra lại là một lời tiên tri bi thảm, đất nước Armenia phải chịu đựng hết thảm kịch này đến thảm kịch khác, kể từ đó, một kỷ nguyên đen tối chỉ mới bắt đầu.

Hoàn toàn phù hợp, cây liễu đã được chọn vì cái ý nghĩ tượng trưng đau buồn của nó. Những cây liễu rủ cành thường được tìm thấy trong các nghĩa trang từ khắp châu Âu đến Trung Hoa. Sự liên tưởng ấy đã có từ thời Kinh

Cựu Ước, theo đó, người ta truyền tụng là những cành liễu rủ xuống dưới sức nặng của những cây đàn hạc do những người Israel bị lưu đày treo lên đó. Mãi sau này, những nghệ nhân kể chuyện người Ả rập mô tả lại chuyện hai thiên thần xuất hiện trước David như thế nào, sau khi nhà vua cưới nàng Bathsheba[43], và đã làm ông ta nhận thức được tội lỗi của mình. Quằn quại vì đau đớn, David đã quăng mình xuống đất và nằm đó, nhỏ những giọt nước mắt cay đắng vì ăn năn hối hận suốt bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, trong suốt thời gian đó người ta cho rằng nhà vua đã nhỏ "nhiều nước mắt bằng toàn bộ nước mắt cả nhân loại đã nhỏ xuống vì tội lỗi của họ, kể từ lúc đó cho đến Ngày Phán xét". Hai dòng nước mắt của vua David tương truyền là đã tràn ngập khu vườn, và theo thời gian, ở nơi đó mọc lên hai cái cây: Hương Trầm mãi mãi ứa ra những giọt nước mắt sầu khổ và Thùy Liễu mà cành lá lúc nào cũng rủ xuống vì đau buồn.

Tâm trí Tess dõi theo những con chữ trên tấm bảng đồng. Nàng có thể hình dung ra những dòng chữ khắc trên tấm bảng. Nàng nhớ rằng câu chuyện đã mô tả cây liễu thuộc họ thực vật lớn hơn có tên là Vitisalix.

Nàng cũng nhớ tấm bảng còn đề cập đến bảng phân loại chi tiết hơn về loài thùy liễu.

Salix Babylonica.

Cái tên đó đang sờ sờ trước mặt Tess.

,,,,,,,,,,,,,,,

[43] Theo Kinh Cựu Ước: David giết tướng Uriah để cướp vợ của Uriah là Bathsheba. Sau này Bathsheba là mẹ của vua Solomon.

Chương 50

Sáng hôm sau, cả Reilly và Aparo đều bận rộn làm việc qua điện thoại tại bàn làm việc của họ ở Federal Plaza. Reilly đang cập nhật tin tức từ Kendricks. Vẫn chưa có tin gì tốt lành cả. Các bộ óc thông thái của NSA[44] vẫn loay hoay với cái từ Fonsalis. Kendricks cảnh báo Reilly là từ đây trở đi, tiến độ công việc sẽ chậm lại nhiều. Những cuộc gọi đến các chuyên gia thân hữu trên khắp thế giới cũng không giúp họ sáng tỏ thêm điều gì, và những cuộc dò tìm bằng kỹ thuật điện tử về cơ sở dữ liệu có liên quan đã chẳng còn giúp ích được nhiều nữa. Hiện tại, các chuyên gia phân tích đang làm việc với những bộ sách theo kiểu truyền thống, chúi đầu chúi mũi đọc từ đầu đến cuối từng cuốn sách, nghiên cứu bất kỳ điều gì liên quan đến vị trí của hầm mộ kia.

Reilly không đợi thêm được nữa.

Phía bên kia bàn, Aparo ném cho Reilly một cái gật đầu dứt khoát trước khi kết thúc cuộc nói chuyện. Reilly nhận ra được rằng dù cái tin xấu mà người bạn đồng sự của mình nhận được có là gì đi nữa thì ít nhất nó cũng có vẻ rất khẩn cấp. Aparo khẳng định ngay cảm nhận đó của Reilly. Cuộc gọi đến từ Buchinski. Sáng sớm hôm nay, thi thể một người đàn ông đã được tìm thấy trong cái ngõ hẻm phía sau một chung cư trong khu vực Astoria quận Queens. Phát hiện thấy người đàn ông đó có chất lidocaine trong cơ thể. Anh ta cũng có những vết chích rõ ràng trên cổ. Tên nạn nhân là Mitch Adeson.

Reilly cảm thấy khó chịu bực bội kinh khủng khi thấy vụ án đang trôi tuột khỏi tầm tay của họ. “Anh ta chết như thế nào?”

“Rơi từ mái nhà xuống. Té ngã, nhảy xuống, bị đẩy xuống – tuỳ cách anh gọi.”

Reilly dựa ra sau, mệt mỏi dụi mắt. “Ba trong bốn tên đã chết. Còn một tên nữa. Câu hỏi là, hắn sẽ thò đầu ra với một mũi kim chích vào cổ… hay hắn đang trên đường tới châu Âu rồi?”

Liếc nhìn quanh phòng, Reilly nhận thấy ông cha cố đang hiện ra từ chỗ cánh cửa đôi dẫn đến buồng thang máy. Việc ông ta đích thân có mặt ở đây chỉ có thể có nghĩ là ông ta chẳng có tin gì mới để báo cả.

Vẻ ảm đạm trên gương mặt lúc ông ta ngồi xuống với Reilly chỉ càng khẳng định thêm điều đó.

“Tôi e rằng các đồng nghiệp của tôi ở La Mã vẫn chưa tìm được gì cả. Họ vẫn đang tìm kiếm, nhưng…” Ông ta có vẻ không lạc quan. “Tôi cho rằng…?” Ông ta không cần phải tiếp tục câu nói.

“Vâng, ở đây chúng tôi vẫn chưa có được thêm thông tin gì mới, thưa Đức Cha.”

“Chà, vậy à.” Ông cha cố cố nở một nụ cười hy vọng. “Nếu cả những học giả của chúng tôi lẫn các chuyên viên của các anh đều không thể tìm ra chỗ đó cho đến tận bây giờ… thì có lẽ hắn cũng khó mà lần ra được.”

Trong thâm tâm, Reilly biết đó chỉ là một điều mơ tưởng mà thôi. Ảnh Vance đã được gửi đến tất cả những thư viện lớn từ thủ đô Washington đến Boston, và cho đến nay chưa có thư viện nào báo là đã trông thấy anh ta. Vance hẳn đã biết phải đi đâu, hoặc anh ta có những nguồn riêng của mình, những nguồn mà FBI không thể truy cập được. Dù gì đi nữa thì cũng chẳng dự báo điều gì tốt đẹp cả.

Ông cha cố im lặng một lát rồi lên tiếng. “Cô Chaykin. Có vẻ như cô ấy… biết rất nhiều.”

Reilly không thể ngăn không nhếch lên một nụ cười mệt mỏi. “Ồ, tôi chắc chắn là cô ấy cũng đang hành hạ não mình để tìm kiếm nó trong lúc chúng ta nói chuyện đấy.”

Câu nói trên có vẻ như xác nhận dự đoán của de Angelis. “Anh có nghe tin gì từ cô ấy không?”

“Chưa có gì cả.”

De Angelis im lặng gật đầu. Reilly có thể nhận ra có điều gì đó đang làm ông ta lo lắng, điều mà ông ta cố giấu trong lòng.

"Có chuyện gì vậy, thưa Đức Cha?"

Vị khâm sứ có vẻ hơi ngượng ngùng. "Tôi cũng không chắc. Chỉ là một chút quan tâm, vậy thôi."

"Về cái gì?"

Ông cha cố mím môi. "Anh có chắc là cô ấy sẽ gọi không? Nếu cô ấy tìm ra được?"

Câu hỏi của de Angelis làm Reilly ngạc nhiên. Ông ta không tin tưởng cô ấy chăng? Reilly chồm tới. "Cái gì khiến Đức Cha phải hỏi như vậy?"

"À, cô ấy có vẻ khá kích động, và xét cho cùng thì đó là lĩnh vực của cô ấy. Và một khám phá như thế này… sự nghiệp được gây dựng nên từ những thứ còn ít ỏi hơn thế. Nếu tôi tự đặt mình vào cương vị của cô ấy chỉ một lát thôi, tôi cũng không biết những ưu tiên của mình là gì nữa. Tóm cổ cái gã Vance kia… hay là khám phá điều gì đó mà bất kỳ nhà khảo cổ nào cũng đều khao khát có được. Tôi sẽ thông báo cho chính quyền để rồi liều lĩnh đánh mất vinh quang… hay là tôi tự mình theo đuổi lấy?" Giọng ông cha cố êm dịu như đầy vẻ tự tin không thể cưỡng lại được. "Cô ấy tỏ ra là một phụ nữ đầy tham vọng, và tham vọng… nó thường có thể dẫn dắt người ta đến, nói thế nào nhỉ, con đường kém cao thượng hơn."

Những lời nói của de Angelis cứ lảng vảng trong đầu Reilly sau khi ông ta đi khỏi. Liệu nàng có gọi không? Thậm chí, Reilly không hề nghĩ, dù chỉ thoáng qua trong đầu, là Tess sẽ không gọi. Nhưng rồi, nếu vị khâm sứ Tòa Thánh Vatican đúng thì sao nhỉ? Động cơ nào khiến Tess phải gọi? Nếu nàng tìm ra và trao cho FBI vị trí địa điểm đó, các nhân viên đặc vụ sẽ lao ra cố mà chặn Vance lại, các cơ quan thi hành luật pháp địa phương sẽ vào cuộc, và tình hình sẽ nhanh chóng vượt ra ngoài tầm kiểm soát; sẽ còn rất ít lý do hoặc khả năng cho cuộc truy tìm của nàng. Công việc được ưu tiên hàng đầu, theo mức độ mà chính quyền quan tâm, là tóm cổ tên tội phạm đào tẩu. Cái khám phá khảo cổ học đâu có quan trọng bằng.

Tuy nhiên, Tess sẽ không liều lĩnh đến vậy… nhưng nhỡ nàng làm thế thì sao? Thế thì sẽ làm gì, bay ra ngoài đó một mình chăng?

Một cảm giác lo lắng nhấn chìm Reilly. Không, làm vậy hoạ có điên.

Reilly nhấc điện thoại quay số nhà nàng. Không có người nhấc máy. Reilly để máy đổ chuông cho đến lúc máy trả lời tự động của nàng nhận cuộc gọi, rồi anh gác máy, không để lại lời nhắn nào. Reilly nhanh chóng gọi vào máy di động của Tess. Máy reo năm lần trước khi chuyển qua dịch vụ để lại lời nhắn.

Vô cùng bực bội lo lắng, Reilly gác máy và gọi cho tổng đài nội bộ. Chỉ vài giây, Reilly đã được nối máy với viên sĩ quan đậu xe bên ngoài nhà Tess. "Hôm nay anh có nhìn thấy cô ấy không?"

Câu trả lời của anh chàng sĩ quan rõ ràng và dứt khoát. "Không thấy kể từ lúc cô ấy về nhà muộn tối qua."

Tín hiệu nguy hiểm trong người Reilly như đang bóp còi inh ỏi. Có cái gì đó hỏng rồi, hỏng bét. "Tôi cần anh đến cửa trước nhà để xem cô ấy có ổn hay không. Tôi sẽ chờ máy."

Có vẻ như anh chàng sĩ quan đã ra khỏi xe. "Anh giữ máy nhé"

Anh lo lắng chờ đợi từng giây trôi qua. Reilly hình dung anh chàng sĩ quan băng qua đường, bước lên lối đi ngang qua cái sân trước, bước lên ba bậc đá, và bấm chuông. Nếu ở trên lầu hẳn Tess sẽ mất thêm vài giây để đi xuống. Và ngay lúc này đây, nàng đang mở cửa.

Không có gì cả.

Càng lúc Reilly càng lo lắng bồn chồn hơn khi những giây phút chờ đợi kéo dài. Rồi giọng anh sĩ quan lại vang lên trong ống nghe của Reilly. "Cô ta không mở cửa. Tôi đã nhìn vào phía sau, không có gì xáo trộn cả, không có dấu hiệu đột nhập, như hình như cô ta không còn ở nhà nữa."

Reilly đã ở trong tư thế sẵn sàng hành động. “Được rồi, anh nghe này,” vừa nói Reilly vừa khẩn trương ra hiệu với Aparo. “Tôi cần anh vào trong đó, ngay bây giờ, và xác nhận với tôi là căn nhà không có ai. Cứ phá cửa, nếu cần.”

Aparo đứng bật dậy. “Chuyện gì vậy?”

Reilly nhấc một điện thoại khác. “Nối cho tôi bên Hải quan và Biên phòng.” Khum tay lại để đỡ chiếc máy điện thoại, Reilly nhìn anh bạn đồng sự, vẻ thất vọng và giận dữ hiện lên trong mắt anh. “Tôi nghĩ có lẽ Tess đã chuồn mất rồi.”

.....

[44] NSA: viết tắt của National Security Agency – Cơ quan An ninh Quốc gia.

Chương 51

Đứng xếp hàng trước bàn đăng ký của hãng Hàng không Thổ Nhĩ Kỳ tại phi trường JFK, Tess nhìn đăm đăm vào màn hình điện thoại di động của mình. Màn hình không hiển thị người gọi là ai nên nàng quyết định không trả lời. Tess biết cuộc gọi đến từ một tổng đài điện thoại định tuyến nào đó, và ngay lúc này Tess không muốn tiếp chuyện với bất kỳ ai trong số những người có khả năng gọi đến. Không phải là Leo ở Viện, còn Lizzie hẳn bây giờ đang chuyển lời giải thích lúng túng, bí ẩn cho sự vắng mặt của nàng đến mọi người. Không phải là Doug gọi từ L.A – không phải. Nhưng nếu là Reilly… đó là người làm nàng thấy nghèn nghẹn trong cổ họng. Tess ghét phải đối xử với Reilly như thế này. Đây là một trong những quyết định khó khăn nhất mà nàng phải lựa chọn, nhưng giờ thì nàng phải vượt qua việc này thôi, Tess không thể nói với anh. Chưa thể.

Chưa thể nói được khi nàng vẫn còn ở trong nước.

Nhét điện thoại trở lại túi áo khoác, Tess đi đến bàn và bắt đầu cái thủ tục đăng ký nhàm chán. Sau khi làm xong thủ tục, Tess theo các bảng chỉ dẫn đến phòng chờ và uống thêm một ly cà phê, lúc đi ngang qua quầy báo nàng mua vài cuốn truyện bìa mềm để đọc khi rãnh rỗi; mặc dù liệu nàng có thể kiềm chế được trí tưởng tượng lồng lên như ngựa vía trong người để tập trung tinh thần vào cái loại tiểu thuyết ba xu này hay không, căn cứ vào những gì đang xảy ra, thì lại là một chuyện khác.

Tess đi ngang qua bộ phận kiểm tra hành khách tới phòng chờ rồi thả người xuống một cái ghế ở đó.

Tess không thể tin là nàng đang làm việc này. Ngồi đấy, chẳng thể làm gì khác ngoài việc đợi chuyến bay, cuối cùng đầu óc nàng cũng có cơ hội để chùng xuống, lùi lại một bước, và ngẫm nghĩ về những sự cố vừa qua cẩn thận hơn. Việc này không hẳn là tốt. Hai mươi bốn giờ qua, kể từ lúc Tess biết mình phát hiện ra được cái gì đó cho đến giây phút nàng thực sự khám phá ra nó, quả là một quãng thời gian căng thẳng tột độ . Giờ đây, lẻ loi một mình và chờ đợi cất cánh bay vào bóng đêm, Tess thấy mình trở thành con mồi của những nỗi sợ hãi và lo âu đang trào dâng từ sâu thẳm trong lòng.

Mày đang nghĩ gì vậy? Đến tận nơi kia, đến tận nơi thâm sơn cùng cốc của Thổ Nhĩ Kì – một thân một mình? Nếu tình cờ gặp phải Vance ở đó thì sao? Còn tất cả những chuyện đáng sợ khác mà mày có thể gặp phải? Đó đâu phải là đất nước an toàn nhất thế giới này. Một phụ nữ Mỹ đơn thương độc mã trong vùng rừng núi xa xôi của Thổ Nhĩ Kì. Mày điên à?

Chẳng bao lâu, sự lo lắng về tình trạng thể chất đã nhường chỗ cho một điều còn làm nàng phiền muộn hơn.

Reilly.

Nàng đã nói dối Reilly. Thêm một lần nữa. Một lời nói dối vì thói chểnh mảng, có lẽ vậy, nhưng cũng là lời nói dối khá nghiêm trọng. Lần này khác hẳn với việc lái xe bỏ đi cùng với tập bản thảo viết tay và không báo với Reilly về việc Vance đang chờ nàng ở nhà. Tess biết có điều gì đó đang nảy nở giữa Reilly và nàng, một điều nàng thích thú và muốn nuôi dưỡng, dù Tess cũng cảm thấy có cái gì đó giữ Reilly lại mà nàng không thể gọi tên. Tess băn khoăn không biết liệu nàng có làm hỏng bất cứ cơ may nào nếu có thể đưa cả hai đến với nhau không. Tess nghĩ, đã có lần nàng trốn tránh một cơ hội như vậy; có những trường hợp bất khả kháng và Reilly rất thông cảm cho nàng – thực tế, anh đã cư xử tuyệt vời. Và giờ đây, lại là nàng, một lần nữa cư xử thật tệ.

Việc này có ý nghĩa như thế nào với mày hả Tess?

Nàng bừng tỉnh khỏi dòng suy tư đầy bất ổn khi thấy luồng ánh sáng huỳnh quang chói mắt bị chắn ngang và cảm thấy có sự hiện diện của ai đó đứng đằng kia che mất luồng sáng. Tess mở mắt.

Đó là Reilly. Anh đứng đó, lù lù trước mặt nàng và vẻ mặt không một chút hào hứng.

Nói đúng hơn, Reilly đang vô cùng rất tức giận.

Reilly phá vỡ sự im lặng ngột ngạt.“Cô nghĩ cô đang làm cái gì vậy hả?”

Tess không biết phải trả lời ra sao. Ngay lúc đó, một giọng mũi vọng xuống từ hệ thống truyền thanh phía trên đầu thông báo việc mở cổng đón khách lên máy bay. Hành khách xung quanh họ đứng dậy khỏi ghế và lũ lượt kéo về các cổng soát vé, việc này giúp cho nàng có được khoảng thời gian hòa bình quý báu.

Reilly nhìn đám hành khách và rõ ràng đang cố giữ bình tĩnh trước khi ngồi phịch xuống bên cạnh nàng. “Cô định khi nào mới nói với tôi?”

Nàng hít một hơi. “Khi nào tôi đến nơi,” Tess ngượng ngùng trả lời.

“Cái gì, cô sẽ gửi cho tôi một tấm bưu thiếp à? Khỉ thật, Tess. Có vẻ những gì tôi nói với cô như nước đổ lá khoai ấy.”

“Nghe này, tôi...”

Reilly lắc đầu, giơ cả hai tay lên để cắt lời nàng. “Tôi biết, cô xin lỗi, đối với cô đây là một cơ hội tuyệt vời, cơ hội có một không hai trong đời, có một thời điểm quyết định trong sự nghiệp… Chúng ta đã nói rõ về chuyện này trước đây rồi mà Tess. Có vẻ như cô cứ nhất quyết tự lao đầu vào chỗ chết, chết tiệt.”

Tess thở dài thất vọng, nghiền ngẫm những lời của Reilly. “Tôi không thể chỉ ngồi yên và để nó trôi qua. Vả lại, cho đến khi vụ này được giải quyết xong, dù thế nào đi chăng nữa, tôi cũng vẫn không cảm thấy an toàn, Kim cũng sẽ không được an toàn… Anh ta đã ở trong nhà tôi, Sean à. Dù muốn hay không, tôi cũng đã dính vào chuyện này.” Nàng dừng lại, gần như rất sợ hãi khi phải hỏi Reilly. “Anh nói có những chuyện mà tôi không biết? Những cái chết khác phải không?”

Reilly gật đầu rồi đưa mắt thận trọng nhìn xung quanh trước khi hạ giọng nói. “Ba tên kỵ sĩ khác đêm hôm đó – chúng chết rồi. Và chính xác là bọn chúng không chết khi đang ngủ.”

Tess nhích tới. “Anh nghĩ Vance giết bọn chúng à?”

“Hoặc là anh ta, hoặc là kẻ nào đó dính dáng tới anh ta. Dù kẻ nào đã làm chuyện đó thì thực tế là hắn vẫn còn nhởn nhơ ngoài kia và cái việc chết chóc kia xem ra chẳng làm hắn áy náy chút nào cả.”

Tess đưa tay dụi mắt, và nàng nhận thấy những ngón tay mình run run. “Nếu anh ta chưa tìm ra nó thì sao? Fonsalis ấy?”

“Tôi nghĩ là hẳn cô đã có một cuộc viếng thăm khác nếu anh ta chưa tìm ra nó. Theo suy đoán của tôi, anh ta biết rồi.”

Tess buông ra một tiếng thở dài. “Vậy giờ chúng ta phải làm gì?”

Reilly quan sát nàng, rõ ràng là anh cũng đang tự hỏi như vậy. “Cô chắc là cô tìm ra đúng nó chứ?”

Nàng gật đầu. “Vâng.”

“Nhưng cô sẽ không cho tôi biết nó đang ở đâu phải không?”

Tess lắc đầu. “Tôi sẽ không nói đâu. Mặc dù tôi biết chắc là anh có thể buộc tôi phải nói, đúng không nào?” Ở bên trên, giọng mũi kia lại thông báo lần nữa, mời những hành khách cuối cùng lên máy bay. Tess quay qua Reilly. “Đó là chuyến bay của tôi.”

Reilly nhìn những hành khách cuối cùng đi qua cổng.“Cô chắc là mình vẫn muốn làm như vậy chứ?”

Nàng gật đầu với Reilly đầy cả quyết.“Vâng, chắc chắn.”

“Hãy để chúng tôi giải quyết chuyện này. Cô sẽ có toàn quyền đối với bất kỳ phát hiện nào, tôi đảm bảo điều đó. Chỉ cần để bọn tôi loại bỏ anh ta trước đã.”

Tess nhìn sâu vào mắt Reilly.“Đó không chỉ là về chuyện lòng tin. Đó là... đó là công việc của tôi. Và đó cũng là việc tôi phải làm.” Nàng chăm chú tìm kiếm những dấu hiệu của sự thông cảm, những đầu mối cho thấy anh đang nghĩ gì. “Vả lại, có thể nó nằm ngoài tầm tay cô... Những phát hiện tầm cỡ quốc tế... nó có thể rất cục bộ và rất lộn xộn.” Tess cố nở nụ cười ngập ngừng.“Vậy giờ tôi đã đi được chưa, hay là anh sẽ bắt tôi lại hoặc là làm cái gì đó tương tự.”

Reilly nghiến chặt quai hàm. “Tôi đang suy nghĩ về khả năng đó.”

Vẻ mặt Reilly chẳng có dấu hiệu gì trêu đùa. Ngượclại là khác.

“Vì tội gì nào?”

“Tôi không biết. Tôi sẽ tìm ra cái gì đó. Có lẽ là bỏ vào người cô một hai tép ma tuý.” Reilly giả vờ vỗ vỗ vào túi quần. “Tôi biếtlà mình mang theo người một ít.”

Mặt Tess dãn ra.

Nét mặt Reilly trở nên vô cùng nghiêm trọng. “Tôi phải nói gì để làm cô thay đổi ý định hả Tess?”

Nàng thích cái cách mà Reilly vừa hỏi nàng. Có lẽ mình chưa hoàn toàn làm hỏng chuyện này đâu. Tess đứng dậy.“Tôi sẽ ổn thôi.” Dù rằng nàng không tin là mình sẽ ổn.

Reilly cũng đứng dậy, và trong khoảnh khắc ngắn ngủi, cả hai đều đứng như vậy. Tess chờ Reilly nói thêm điều gì đó, nhưng anh vẫn lặng thinh. Một phần nhỏ bé trong thâm tâm nàng thậm chí vẫn đang hy vọng Reilly sẽ ôm chầm lấy nàng và ngăn không cho nàng đi. Nhưng anh đã không làm vậy. Tess liếc về phía cổng rồi quay lại đối mặt với Reilly. “Hẹn gặp lại anh.”

Reilly không trả lời.

Tess bước đi, đến chỗ người phụ nữ tươi cười một cách thái quá phụ trách máy quét thẻ lên máy bay. Nàng lấy hộ chiếu ra, đưa cho cô ta rồi nhìn về phía Reilly. Anh vẫn đứng đó, nhìn nàng ra đi. Tess cố nở nụ cười gượng gạo rồi quay đi, bước xuống lối đi nhỏ lót các tấm panô trắng.

Bốn động cơ phản lực cánh quạt đẩy rít lên khi nhân viên phi hành đoàn đứng dọc các lối đi hoàn tất những công đoạn chuẩn bị cuối cùng cho việc cất cánh. Tess được xếp một ghế cạnh cửa sổ cho chuyến bay dài mười tiếng đồng hồ và nàng thở phào nhẹ nhõm khi nhận thấy chiếc ghế bên cạnh bỏ trống. Lúc Tess nhìn toán nhân viên mặt đất đến dọn nốt thiết bị bảo dưỡng ra khỏi khu vực xung quanh máy bay, nàng cảm thấy một cảm giác hòa trộn kỳ lạ giữa sự phấn khích với dự cảm đầy bất an về những chuyện sẽ xảy đến. Nàng không thể ngăn mình cảm thấy phấn khích với cuộc hành trình phía trước, tuy nhiên những tin tức của Reilly về những tên kỵ sĩ đã chết cũng làm cho nàng lo sợ. Tess cố xua đuổi những hình ảnh đáng sợ đang hình thành trong đầu và cố thuyết phục bản thân rằng chỉ cần một vài biện pháp phòng ngừa cơ bản thì nàng sẽ được an toàn.

Tess hi vọng như vậy.

Lúc với tay lấy tờ tạp chí đọc trong chuyến bay nàng nhận thấy có tiếng lao xao ở phần đầu máy bay. Toàn thân nàng bỗng cứng đờ khi nhận ra đó là Reilly, anh ta đang bước về phía nàng.

Khỉ thật. Anh chàng trở mặt rồi. Anh ta định lôi mình ra khỏi máy bay đây

Trừng trừng nhìn Reilly với vẻ sửng sốt, Tess cảm thấy giận sôi lên. Khi anh ta tiến về hàng ghế của nàng, Tess dịch về phía cửa sổ.“Đừng làm thế mà? Đừng lôi tôi khỏi máy bay. Anh không có quyền. Tôi sẽ ổn mà – Ý tôi là, thôi nào, anh có người ở đó, đúng không nào? Họ có thể để mắt đến tôi mà. Tôi làm được việc này.”

Mặt Reilly vẫn tỉnh bơ.“Tôi biết.” Reilly thoải mái ngồi xuống chiếc ghế cạnh nàng.

Tess tròn mắt nhìn Reilly, kinh ngạc. Không thốt lên được lời nào.

Hoàn toàn bình thản, Reilly lấy tờ tạp chí khỏi tay nàng lúc cài dây an toàn.“Vậy đấy,” Reilly nói,“không biết họ có bộ phim nào ra hồn không nhỉ?”

Chương 52

Người đàn ông ngồi cách Tess sáu hàng ghế phía sau chẳng cảm thấy dễ chịu chút nào. Gã rất ghét đi máy bay. Điều này chẳng liên quan gì đến một nỗi sợ hãi vô lý nào đó, cũng chẳng phải vì gã ghét cái cảm giác tù túng. Đơn giản chỉ vì lão không thể chịu đựng nổi việc bị giam hãm hàng giờ đồng hồ trong một cái hộp thiếc nơi mà gã không được phép hút thuốc. Mười giờ đồng hồ. Đó là chưa kể quãng thời gian chờ đợi tại nhà khách cấm hút thuốc tại sân bay.

Ôi, đất nước của những người dùng Nicorette thay cho thuốc lá.

Gã gặp may. Được giao nhiệm vụ theo dõi Tess, gã đã thực hiện nhiệm vụ đó ở một vị trí quan sát từ xa và không thuận lợi chút nào vì cảnh sát cũng đang theo dõi nhà nàng. Dù vậy, nếu được tiếp cận gần hơn, có lẽ gã đã không phát hiện ra lúc nàng chuồn từ phía sau nhà, băng qua sân sau hai nhà hàng xóm rồi trở ngược lại con phố, có một chiếc taxi chờ sẵn ở đó, chỉ cách nơi gã đậu xe vài mét.

Gã báo cho de Angelis rồi bám theo nàng đến tận sân bay. Từ chỗ ngồi trong phòng chờ, gã dễ dàng quan sát Tess và Reilly mà chẳng hề sợ bị phát giác. Không ai trong bọn họ biết đến sự tồn tại của gã. Gã đã dùng di động gọi cho de Angelis hai lần. Lần thứ nhất để báo cho ông khâm sứ Toà Thánh biết Tess đã được phép lên máy bay, gã chỉ đủ thời gian để báo cho ông cha cố về sự xuất hiện của Reilly trước khi cuộc trò chuyện của gã bị gián đoạn vì cô tiếp viên kiên quyết yêu cầu gã tắt điện thoại.

Nghiêng người ra ngoài để nhìn lên lối đi, gã vừa quan sát hai đối tượng của mình, vừa xoay xoay di chuyển một cái đĩa nhỏ không lớn hơn đồng hai mươi lăm xu giữa các ngón tay. Gã nhận thấy Reilly không mang theo một thứ hành lý xách tay nào. Chuyện này thực sự cũng chẳng thành vấn đề. Tess mang theo một va li xách tay nhét trong ngăn hành lý ở trên đầu, và nàng mới là mục tiêu chính của gã. Lúc nhìn họ, gã biết chẳng việc gì phải vội vàng. Đây sẽ là một chuyến bay dài, và hầu hết mọi người trong cabin, kể cả hai đối tượng của gã, một lúc nào đó cũng sẽ ngủ thôi. Gã cần phải kiên nhẫn, chờ tới thời điểm thích hợp để cài cho được thiết bị theo dõi của gã. Ít ra, gã thầm nghĩ, nó sẽ cho gã cơ gội được giải trí đôi chút trong cuộc hành trình chán ngắt này.

Gã loay hoay trong ghế, nhăn nhó khi cô tiếp viên đi qua rồi tiến xuống giữa các hàng ghế, kiểm tra để đảm bảo là tất cả các dây an toàn đã được cài lại. Gã ghét tính cứng nhắc của toàn bộ công việc khốn kiếp này. Gã có cảm giác như đang trở lại hồi lớp sáu. Không thể hút thuốc, không thể gọi điện thoại. Không thể gọi bọn họ là các em tiếp viên. Và gì nữa nhỉ? Có phải xin phép sử dụng phòng vệ sinh nữa không nhỉ?

Nhìn ra ngoài cửa sổ, gã tống thêm vào mồm hai viên Nicorette.

Lúc Plunkett gọi, de Angelis đã đến sân bay Teterboro ở New Jerssey. Cái sân bay nhỏ bé và yên tĩnh này là một lựa chọn có vẻ như là kín đáo và hiệu quả hơn cho chuyến đi vội vàng của ông cha cố; cách Manhattan mười cây số, sân bay này cũng là một bãi đáp ưa thích của những nhân vật nổi tiếng, các ủy viên quản trị doanh ngiệp, và những chiếc phản lực riêng của họ.

Gần như không thể nhận ra người đang ngồi trên hàng ghế sau chiếc Lincoln Town là ông cha cố. Ông ta cởi bỏ bộ quần áo thầy tu khắc khổ để khoác lên mình một bộ comlê đen bảnh bao chính hiệu Zegna mà ông ta vẫn thường quen mặc hơn, và mặc dầu luôn cảm thấy e ngại khi cởi cái áo cổ cồn của Giáo hội La Mã ra nhưng ông ta cũng đã làm vậy, và thay một chiếc áo xanh dương. Cặp kính cáu bẩn cổ lỗ mà ông ta mang suốt khi ở Manhattan cũng bị dẹp qua một bên, thay vào đó là cặp kính không gọng quen thuộc. Cái cặp da tả tơi cũng biến mất, bây giờ là chiếc cặp nhôm mỏng đặt cạnh chân lúc chiếc limousine lướt êm ru đưa ông ta đến tận cửa máy bay.

Lúc leo lên chiếc Gulfstream IV, ông ta liếc nhìn đồng hồ và nhẩm tính. Ông cha cố biết mình trông rất phong độ. Có thể ông ta sẽ hạ cánh ở Rom trước khi đến Istanbul một chút. Chiếc phản lực G-IV này không chỉ là một trong số ít các máy bay phản lực tư nhân có thể bay thẳng đến Rom mà không cần tiếp nhiên liệu, mà nó còn bay nhanh hơn chiếc Airbus khổng lồ bốn động cơ mà Tess và Reilly ở trên đó. Ông ta sẽ có một chút thời gian thu thập mọi trang thiết bị cần thiết để hoàn thành sứ mạng mà vẫn có thể bắt kịp họ ở bất cứ nơi nào mà họ đến.

Ngồi xuống ghế, de Angelis lại suy tính về tình hình tiến thoái lưỡng nan mà Tess Chaykin đã tạo ra. Tất cả những gì FBI thực sự quan tâm là nhốt Vance vào tù vì tội cướp Viện Bảo tàng Met. Còn Tess, thì ngược lại, cô ta theo đuổi một cái gì khác; ông ta biết rằng ngay cả sau khi Vance đã nằm sau song sắt nhà tù, cô ta vẫn tiếp tục tìm kiếm, lật tung từng hòn đá lên, để tìm kiếm nó. Đó là bản chất của cô ta rồi.

Không, ông ta không hề nghi ngờ gì về điều này; vào lúc nào đó; sau khi Tess không còn hữu ích như hiện giờ, có lẽ ông ta sẽ phải giải quyết vấn đề này. Một vấn đề vừa mới bị Reilly và quyết định đi cùng Tess đầy dại dột của anh ta làm trầm trọng thêm.

Ông ta nhắm mắt, ngả người về phía sau, gối đầu vào chiếc ghế xoay bọc lông mềm mại. Ông ta không cảm thấy lo lắng chút nào. Đó chỉ là một rắc rối mà đơn giản là ông ta sẽ phải giải quyết nó.

Chương 53

Máy bay vẫn đang bay là là mặt đất khi Tess bắt đầu giải thích cho Reilly những phát hiện của nàng. “Chúng ta đang tìm kiếm một nơi không hề tồn tại, tất cả là vậy.”

Tess và Reilly cuối cùng đã nhìn thấy đường chân trời Manhattan sáng lên mờ mờ trong cái ánh sáng vàng-xanh nhập nhoạng tỏa ra từ vầng mặt trời đang lặn dần, tòa tháp đôi giờ thậm chí càng trở nên nổi tiếng hơn bởi sự vắng mặt của chúng, toàn cảnh vụ thảm họa đó hiện lên thậm chí còn rõ ràng hơn khi nhìn xuống từ trên không. Rồi chiếc máy bay đuôi đỏ lượn vòng rồi phi thẳng lên trời xuyên qua tầng mây mỏng, dễ dàng đạt đến khoảng không gian bao la ở độ cao 11.200 cây số. Màn đêm giờ sẽ nhanh chóng buông xuống khi họ lao vào trong bóng tối đang kéo về.

“Aimard de Villiers là một người thông minh, và ông ta biết rằng người mà ông ta gửi thư tới, Đại Thủ lĩnh của Đền thờ Paris, cũng là một người thông minh như ông ta.” Rõ ràng, Tess cảm thấy phấn khích với khám phá của mình. “Không có ‘Fonsalis’. Không bao giờ có. Nhưng trong tiếng Latinh, fons có nghĩa là giếng và salis nghĩa là cây liễu.”

“Giếng cây liễu ư?”

Tess gật đầu. “Chính xác. Và rồi tôi nhớ ra rằng bọn họ đang ở trên lãnh thổ của kẻ thù lúc Aimard viết bức thư đó. Ngôi làng đã bị quân Hồi giáo phá huỷ, và việc này khiến tôi phải suy nghĩ – tại sao Aimard lại dùng tên Latinh cho ngôi làng? Làm sao ông ta biết? Có vẻ như ông ta biết tên Ả rập của ngôi làng, cái tên mà những kẻ chinh phục đã sử dụng. Đó là cái tên mà người chăn dê có lẽ đã nói cho họ biết. Nhưng Aimard muốn che giấu cái tên này, đề phòng trường hợp lá thư rơi vào tay kẻ xấu và rốt cuộc bị giải mã.”

“Như vậy ngôi làng được gọi là ‘giếng cây liễu’ à?”

“Chính xác. Đó là thói quen chung đặt tên cho địa thế hiểm trở theo các đặc điểm địa lý của chúng.”

Reilly nhìn Tess, vẻ ngờ vực. Có cái gì đó trong lý luận của nàng khiến anh băn khoăn. “Để làm được điều đó, ông ta phải biết nói ngôn ngữ của họ.”

“Hẳn Aimaird phải biết ngôn ngữ đó, nếu ông ta không biết thì một trong những người cùng đi vơi ông ta biết. Vào cuối thời Thập tự chinh, rất nhiều người trong số những tay hiệp sĩ kia thực tế là sinh ra ở đó, trong Đất Thánh. Người ta gọi họ là bọn ngựa non. Và những Hiệp sĩ Đền Thánh có một mối quan hệ kì quặc với vài người Hồi giáo. Tôi đọc thấy là bọn họ đã trao đổi với người Hồi giáo những kiến thức khoa học cũng như những kiến thức huyền bí, và thậm chí người ta còn nói là họ đã thuê mướn bọn hashasheen – những tên ám sát nghiện ngập nhưng làm việc cực kỳ hiệu quả của người Hồi giáo – một vài lần.

Reilly cau mày. “Họ thuê những tên ám sát của kẻ thù à? Tôi tưởng họ ở đó để chống lại bọn chúng chứ.”

Tess nhún vai. “Anh cứ thử ở hai trăm năm trong sân sau nhà ai đó thì biết, sớm muộn gì anh cũng làm bạn với người ta.”

Reilly đồng ý.“Thôi được, vậy thì cái tên địa danh đó trong tiếng Ả rập là gì?”

“Beer el Sifsaaf.”

“Cái tên mà cô đã tìm ra nhờ...?”

Tess không thể nào nén được một nụ cười thoả mãn. “Những ghi chép của Al-Idrissi[45]. Ông ta là một nhà du hành nổi tiếng người Ả rập, một trong những người chuyên về vị trí bản đồ vĩ đại nhất thời kì đó, ông ta đã để lại cho hậu thế những ghi chép quan trọng và cực kì chi tiết về những chuyến hành trình khắp châu Phi và thế giới Hồi giáo, nhiều bản ghi chép vẫn còn được lưu truyền đến tận ngày nay.”

“Bằng tiếng Anh à?”

“Trên thực tế là tiếng Pháp.” Tess với tay lấy túi sách, lôi ra một tấm bản đồ và vài bản sao của cuốn sách cổ mà nàng đã tìm được. “Ông ta đã nhắc đến thị trấn và nhà thờ bị cướp phá trong một bản ghi chép của mình.” Nàng trải rộng tấm bản đồ được đánh dấu những chữ viết nguệch ngoạc và các ghi chú. “Ông ta đã đi qua ngang thị trấn đó, trong cuộc hành trình từ Antalya, qua Myra, và ngược lên vùng duyên hải Izmir. Khu vực duyên hải này có vô số địa điểm lịch sử – Byzantine, Lycian... Dù sao đi nữa, bản ghi chép của ông ta rất chi tiết. Tất cả những gì chúng ta cần làm là đi theo lộ trình của ông ta, chúng ta sẽ tìm thấy thị trấn kia – và cả cái nhà thờ ấy nữa.”

Reilly đăm đăm nhìn bản đồ.“Giờ thì cô đã tìm ra... Cô nghĩ liệu Vance có thể làm được như cô không?”

Tess cau mày rồi nhìn Reilly với ánh mắt vô cùng quả quyết. “Tôi hẳn rất lấy làm lạ nếu giờ anh ta vẫn chưa có mặt ở đó.”

Reilly gật đầu. Rõ ràng anh có cùng ý kiến với Tess. “Tôi cần sử dụng điện đài.”

Reilly đứng dậy và đi về phía buồng lái.

Lúc Reilly quay trở lại, Tess đang ngồi thoải mái, uống cạn cốc cà chua ép. Nàng cũng đã lấy cho Reilly một cốc. Tess nhìn Reilly uống, cảm thấy cơ thể khẽ run rẩy với cái ý nghĩ mình đang ngồi đây, bên Reilly, bay đến một vùng đất xa xôi và kỳ lạ, trong cuộc hành trình phiêu lưu.“Chỉ hai tuần trước đây thôi, nếu có ai bảo là mình sẽ làm chuyện này...” Tess mỉm cười một mình.

Reilly bắt gặp nụ cười đó. “Có chuyện gì vậy?”

“Không có gì. Tôi chỉ... Tôi vẫn ngạc nhiên vì anh đang ở đây.”

“Chắc là không bằng sếp tôi đâu, chắc chắn đấy.”

Nàng há hốc miệng ngạc nhiên.“Anh không vắng mặt mà không có phép đấy chứ?”

“Cứ nghĩ như thế này. Chính xác là ông ta cũng chẳng sửng sốt gì với chuyện này đâu. Nhưng vì cô không biết chính xác nó ở đâu, và vì cách duy nhất để tìm ra nó là cô phải trực tiếp ở đó...”

“Nhưng anh đâu có biết chuyện đó trước khi lên máy bay?”

Reilly nở nụ cười rạng rỡ. “Cô có phải là người luôn đi vào tiểu tiết không nhỉ?”

Tess lắc đầu, thích thú với nhận xét của Reilly. Như vậy cả hai người bọn họ đều sắp dấn thân vào tình thế nguy hiểm. Anh ấy muốn có mặt ở đây cũng như mình. Điều đó khiến nàng ngạc nhiên.

Ngắm nhìn Reilly, Tess nhận ra là nàng vẫn chưa biết gì nhiều về người đàn ông phía sau tấm phù hiệu kia. Tối hôm đó, khi Reilly lái xe đưa nàng về nhà, Tess đã biết được một chút về con người anh. Sở thích âm nhạc, sự duy linh, khiếu hài hước dù tất cả chỉ là thoáng qua. Tess muốn biết nhiều hơn nữa. Mười giờ đồng hồ quả là quá dư dả cho việc đó – nếu nàng chống chọi được với cơn buồn ngủ. Hai mí mắt nàng nặng như đeo chì. Sự mệt mỏi kiệt sức sau những ngày vừa qua chợt đổ ập xuống người nàng. Tess xoay mình trong ghế, dựa vào cửa sổ và quay mặt về phía Reilly.

“Làm thế nào mà anh có thể nhảy ngay lên máy bay ở phút cuối như vậy được nhỉ?” Nụ cười lại xuất hiện trên mặt Tess.“Chẳng lẽ không có ai ở nhà để tôi có thể kêu ca phàn nàn về anh, theo dõi cái cách mà anh lên lớp tôi về Kim à?”

Reilly hiểu ý nàng muốn nói gì. “Rất tiếc,” anh bỡn cợt. “Tôi chưa có vợ.”

“Ly dị à?”

“Không. Vẻ mặt Tess làm Reilly thấy cần phải nói rõ hơn. “Làm cái nghề như tôi khó lấy vợ lắm.”

“Chà, hẳn rồi. Nếu cái nghề đó cho phép anh nhảy lên máy bay với các cô gái chỉ mới quen biết – Tôi cũng chẳng muốn chồng mình làm điều đó hàng ngày.”

Reilly thấy mừng vì Tess đã mở lối cho anh thoát khỏi cái phần tiếp theo mà cuộc nói chuyện này đang hướng tới. “Nhân tiện nói chuyện về các ông chồng, cô thì thế nào?Xảy ra chuyện gì với Doug vậy?”

Gương mặt hiền dịu của Tess bỗng đanh lại, mắt nàng lộ vẻ hối tiếc pha lẫn giận dữ. “Đó là một sai lầm. Lúc đó tôi còn trẻ...” nàng kể lại, “... trẻ hơn bây giờ, và tôi đang làm việc với cha mình, đó quả thực chẳng phải là công việc hấp dẫn gì cho lắm. Khảo cổ học là một ngành bó hẹp, không có sự giao du rộng rãi. Và lúc tôi gặp Doug, anh ta là một chàng trai năng nổ, tự tin, làm việc trong ngành giải trí. Anh talà một tên khốn hấp dẫn, đó là điều không thể phủ nhận, và tôi đã bị lôi cuốn. Cha tôi là người nổi tiếng và được ngưỡng mộ trong giới khảo cổ, nhưng cũng là người rất nghiêm khắc – có phần dữ tợn, anh biết không? Và gia trưởng nữa. Tôi khao khát thoát khỏi sự thống trị của ông. Và Doug là lối thoát. Cái anh chàng hung hăng, thùng rỗng kêu to.”

“Và cô thích cái kiểu thùng rỗng kêu to ấy à?”

Tes nghiến răng. “Không. Ừm, có lẽ là tôi cũng thích. Một chút. Dù sao đi nữa, khi chúng tôi hẹn hò, anh ta thích với cái thực tế là tôi cũng có một nghề nghiệp. Anh ta tỏ ra rất quan tâm và thông cảm với công việc của tôi. Rồi bọn tôi lấy nhau... Chỉ qua một đêm là anh ta thay đổi. Anh ta trở nên gia trưởng, còn hơn cả cha tôi nữa. Cứ như thể anh ta sở hữu tôi, như thể tôi là món đồ sưu tầm mà anh ta muốn có trên giá của mình. Tôi đã miễn cưỡng nhận lời đề nghị tham gia cuộc khai quật của cha tôi ở Thổ Nhĩ Kì...”

“... Có phải chính là chuyến đi mà cô gặp Vance lần đầu?”

“Đúng vậy,” nàng xác nhận, “dù sao đi nữa, tôi đã đến đó với ý nghĩ trong đầu là thời gian xa cách sẽ là liều thuốc tốt để suy ngẫm mọi thứ, và khi trở về tôi phát hiện ra anh ta đang quan hệ nhăng nhít với một phụ nữ bên ngoài.”

“Cô gái bên chương trình dự báo thời tiết chứ gì?”

Tess buông ra một tiếng thở dài cay đắng.“Gần như vậy. Nhà sản xuất của anh ta. Dù sao đi nữa, chuyện là vậy đấy. Tôi chẳng còn dính dáng gì ở đó nữa.”

“Và cô sử dụng lại cái tên thời con gái của mình.”

“Chính xác là nó cũng chẳng gây phiền hà gì trong công việc. Chỉ có điều là tôi không muốn cái tên kinh khủng kia gắn liền với tên tôi lâu hơn nữa.” Chẳng những không gây phiền toái, cái tên thời con gái còn giúp cho Tess kiếm được việc ở viện Manoukian. Và đó là lý do vì sao một khám phá tiềm năng có tầm cỡ như thế này, chẳng dính dáng nợ nần gì với giáo sư Oliver Chaykin hoặc việc là con gái ông, lại có thể là cú đánh đập tan bất kỳ ý tưởng nào còn đọng lại trông đầu óc nàng cũng như trong đầu những kẻ khác – rằng bản thân nàng chỉ là một phụ nữ, ngoài ra chẳng là gì khác.

Dĩ nhiên, miễn rằng nàng là người phát hiện ra khám phá đó.

Hai mí mắt Tess sụp xuống. Nàng đã quá mệt mỏi và cần ngủ một chút. Cả hai đều cần một giấc ngủ.

Tess nhìn Reilly bằng ánh mắt nồng nàn. Sau một hồi im lặng, Tess chỉ thốt lên,“Cám ơn anh.”

“Vì chuyện gì?”

“Vì mọi chuyện.” Nàng vươn người, hôn nhẹ lên má Reilly, rồi ngả về phía sau. Ngoài kia những vì sao gần đến nỗi có thể chạm vào, chúng lướt nhẹ gần như không thể nhận thấy được trên bầu trời tối dần. Nàng buông màn che cửa sổ xuống, quay người lại rồi nhắm mắt, cảm thấy mình như trôi đi.

.....

[45] Al-Idrissi (1110-1165), nhà vật lý và nhà thực vật học người Ả Rập, sống ở Tây Ban Nha, thời thuộc quyền cai trị của đế quốc Hội giáo.

Chương 54

Khi Tess và Reilly bước xuống những bậc thang kim loại và đứng trên mặt nhựa đường của phi trường Dalaman thì đã giữa trưa và cả hai đều cảm thấy mệt lả. Giấc ngủ trong vài tiếng đồng hồ mà họ cố xoay xở trên chuyến máy bay xuyên đại dương cũng giúp ích được đôi chút, nhưng thực sự họ cần một giấc ngủ thực sự ở trên giường trước khi tiếp tục chuyến hành trình của mình. Chẳng có thời gian cho việc ngủ nghê đó. Thay vào đó, họ lại càng mệt mỏi hơn với ba tiếng đồng hồ chờ đợi ở phi trường Istanbul trước khi đáp một chuyến bay ngắn xuống vùng duyên hải phía Nam, từ đó họ bắt đầu chuyến đi đến đảo đầy gian khổ.

Reilly dành một phần thời gian chờ đợi ở Istanbul bên chiếc di động, tóm tắt ngắn gọn tình hình cho Aparo trước khi có một cuộc trao đổi giận dữ với Jansson, ông ta vẫn hoài nghi về cái quyết định vội vàng của Reilly – đi theo Tess thay vì túm nàng lôi về Federal Plaza. Thời gian còn lại anh dùng để là việc với viên sĩ quan liên lạc người của Cục, một anh chàng bụng phệ tên Vedat Ertugrul, anh ta lái xe đến gặp họ và giúp giải quyết việc nhập cảnh mà không có hộ chiếu của Reilly trở nên dễ dàng. Ertugrul chỉ mới được thông báo vài ngày trước đó về khả năng Vance có thể sẽ xuất đầu lộ diện ở khu vực của anh ta. Ertugrul khẳng định là cho đến nay chưa có điểm phụ trách nhập cảnh nào báo cáo điều gì, trước khi anh ta thông qua những công tác chuẩn bị về mặt hậu cần và các hình thức hỗ trợ. FBI không có nhân viên đặc vụ thường trực ở Thổ Nhĩ Kỳ. Các đặc vụ gần nhất đang ở Athens, để giúp cảnh sát địa phương điều tra một vụ đánh bom xe mới đây. Mối quan hệ với chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ đang trong tình hình căng thẳng nhất do tình trạng lộn xộn kéo dài liên miên ở Iraq. Ertugrul đảm bảo với Reilly là nếu cần, anh ta có thể cử một cảnh sát địa phương tháp tùng họ ở Dalaman. Reilly cảm ơn và từ chối lời đề nghị của anh ta, vì không muốn giải quyết với hàng rào ngôn ngữ và nạn quan liêu ở địa phương. Reilly chỉ yêu cầu Ertugrul đảm bảo họ được thông báo kịp thời về sự hiện diện của Vance trong khu vực của họ. Anh ta phải giữ liên lạc và xin quân đội trợ giúp nếu cần thiết, dù Reilly vẫn ngỡ rằng đây là việc mà có lẽ anh phải xử lý một mình.

Reilly cũng dành thời gian tạm nghỉ để mua vài bộ quần áo phù hợp hơn. Cái ba lô mỏng trong tay anh giờ chứa bộ quần áo làm việc anh vừa thay và thứ giấy tờ mà Ertugrul đưa cho anh sử dụng thay cho hộ chiếu. Nó cũng đựng một cái điện thoại vệ tinh làm bằng iridium, thông qua cổng EMSS chuyên dụng của Bộ Quốc phòng đặt ở Hawaii, sẽ giúp Reilly liên lạc được với thế giới bên ngoài từ gần như bất cứ địa điểm nào trên hành tinh.

Trong ba lô còn có khẩu súng ngắn hiệu Browning Hi-Power của Reilly mà Ertugrul đã ưu ái cung cấp thêm một số băng đạn và đạn.

Tess cũng nhân cơ hội này gọi về nhà dì để nói chuyện với Kim và bà Eileen. Quả là một cuộc nói chuyện khó khăn. Tess nhớ Kim và còn cảm thấy thậm chí còn nhớ hơn khi nghe thấy giọng con bé trong điện thoại, mặc dù nàng cảm thấy an ủi đôi chút vì biết rằng con gái mình đang có một khoảng thời gian tuyệt vời ở đấy. Ngược lại phải nói với bà Eileen việc nàng định làm xem ra khó khăn hơn nhiều. Tess cố hết sức trấn an mẹ nàng và trong nỗi tuyệt vọng nàng đã phải viện việc Reilly đang ở đây với mình – nhưng điều này chỉ khiến bà lo lắng hơn.Vì sao một đặc vụ FBI phải tháp tùng Tess nếu không có gì nguy hiểm, mẹ nàng thắc mắc. Tess vụng về đưa ra vài lời giải thích về việc nàng có mặt ở đấy thuần tuý với tư cách là một chuyên gia bên ngoài, rồi lấy lời thông báo lên máy bay vọng xuống từ phía trên như một cái cớ để kết thúc cuộc nói chuyện ngắn ngủi. Sau khi gác máy, Tess cảm thấy rất khó chịu với cuộc nói chuyện. Nhưng nàng biết chẳng thể nói gì hơn với mẹ nàng, không kể việc nàng không nói cho bà biết là mình đã đi rồi, mà lại không làm cho bà thêm lo lắng.

Tess chỉ kịp nhận ra người đàn ông có gương mặt vàng bủng vô tình đâm sầm vào nàng lúc nàng băng qua nhà khách đông nghẹt người để đến phòng vệ sinh nữ chỉ vài phút sau cuộc gọi khó khăn kia. Ông ta làm nàng đánh rơi túi hành lý mà nàng đang kéo theo phía bên phải, nhưng đã lịch sự nhặt nó lên cho Tess và chỉ tiếp tục đi khi chắc chắn là nàng vẫn ổn.

Tess cũng nhận ra người ông ta nồng nực mùi thuốc lá, nhưng rồi theo những gì nàng nhớ thì hầu hết đàn ông ở đây đều hút thuốc lá. Điều mà nàng không nhận ra là một mảnh đen nhỏ xíu, kích thước bằng khoảng đồng xu ông ta đã gắn được vào cái bánh xe nhỏ xíu ở dưới đấy túi.

Với cái túi hành lý giờ được kéo theo an toàn phía sau, Tess cùng Reilly bước qua khỏi nhà khách ngột ngạt và hỗn độn đến bàn cho thuê xe. Erturgul mang đến vài đồ tiếp tế gom vội, gồm một thùng nước đóng chai, hai cái túi ngủ,

một cái lều nilon. Chỉ lát sau, họ đã ngồi trong một chiếc Mitsubishi Pajero bốn bánh khá tả tơi, trên con đường mòn đã có hàng thế kỉ nay của nhúm hiệp sĩ chiến binh bị đắm tàu.

Reilly cầm lái còn Tess đảm nhận vai trò hoa tiêu chỉ đường. Nàng sử dụng một bảng phân loại bản đồ và các ghi chú để cố vẽ lại con đường Al-Idrissi đã nhắc đến trong những ghi chép của ông ta đồng thời kết hợp nó đi với những điều rút ra từ lá thư của Aimard.

Khi bờ biển đã lùi ra phía sau, những ngôi nhà chen chúc sát bên nhau và những toà nhà ít tầng nhanh chóng nhường chỗ cho một khung cảnh êm đềm hơn. Những trảng thực vật mênh mông vùng duyên hải Tiểu Á đã được bảo vệ như những khu bảo tồn trước khi sân bay ở Dalaman được xây dựng, khiến cả khu vực này không bị ảnh hưởng xấu bởi các khu nghỉ dưỡng phục vụ cho thị trường đại chúng. Tess và Reilly nhanh chóng thấy mình đang lái xe qua khu cảnh mang dáng dấp đồng quê của những điền sản lâu đời hơn, mặt tiền là những bức tường đã thô ráp và hàng rào gang gỉ sét, nằm yên lặng dưới bóng râm của những hàng thông. Hai bên vệ đường, đất đai có vẻ màu mỡ và phì nhiêu, dày đặc bụi cây và lác đác những khoảnh rừng. Ở phần đất phía cao hơn phía bên phải tay, là cây cối rậm rạp.

Chưa đến một giờ họ đã tới được Kõycegiz, thị trấn nhỏ nằm trên rìa một hồ nước rộng và bí ẩn, đã từng là một bến cảng tự nhiên. Những ngôi mộ trên vách đá của người Carian, được chạm khắc cầu kỳ sâu trong các núi đá quanh hồ và được bảo tồn cẩn thận một cách đáng kinh ngạc, lờ mờ hiện ra từ xa, buồn rầu nhìn thấy họ như lời nhắc nhở về một trong những nền văn minh từng hiện diện ở khu vực này.

Đi quá thị trấn không quá ba cây số, Tess chỉ đường cho Reilly rời khỏi con đường chính. Mặt đường nhựa nứt nẻ và đầy ổ gà; hành trình từ đây hẳn sẽ cam go, nhưng cũng từ lúc này hệ thống giảm xóc hiệu quả của chiếc Pajero bắt đầu phát huy tác dụng.

Họ vượt qua những lùm cây chanh và ôliu, qua những cánh đồng ngô và vườn ươm cà chua trên những con đường có hai hàng cây hương trầm nằm dọc hai bên, sắc màu rực rỡ và mùi hương ngây ngất giúp đánh thức các giác quan bị thui chột vì mệt mỏi của họ sau những chuyến bay dài. Và rồi họ lại tiếp tục leo lên, tiến vào trong những ngọn núi phủ kín màu xanh cây cối, thỉnh thoảng lại được điểm bằng một ngôi làng vẫn còn đang say ngủ.

Xung quanh họ là những dấu tích nghèo nàn, nguyên sơ và đầy ấn tượng về một nếp sống đã có trên một ngàn năm tuổi, một lịch sử sống động đã biến mất từ lâu của một phương Tây thịnh vượng. Vào xa hơn, những cảnh tượng bất ngờ và tươi vui hiện ra như chào đón họ; một cô gái vừa ngồi quay len vừa ngồi canh chừng đàn cừu, một tiều phu oằn lưng xuống vì bó củi ngất ngưởng trên lưng, một đôi bò đang nặng nhọc kéo cày dưới ánh chiều tà.

Thỉnh thoảng, Tess cảm thấy cực kỳ khích động khi phát hiện những điều có trong ghi chép của Al- Idrissi khớp với lộ trình của họ. Do vậy, hầu hết những suy nghĩ của nàng không phải là về hành trình của họ mà thay vào đó lại hướng vào những hiệp sĩ sống sót, những người từng lê bước chân nặng nhọc trong tuyệt vọng qua vùng đất này cái thuở xa xưa kia.

Đến giờ thì ánh sáng đã nhạt màu, hai ngọn đèn trước của chiếc SUV[46] phải bật lên để soi đường. Con đường biến thành một đường nhỏ hẹp, lởm chởm sỏi đá.

“Tôi nghĩ ngày hôm nay đến đây là xong,” Reilly lên tiếng.

Tess tham khảo tấm bản đồ. “Nó không còn xa nữa đâu. Tôi chắc chúng ta chỉ còn cách khoảng bốn mươi, năm mươi cây số thôi.”

“Có thể nhưng trời đang tối dần và tôi chẳng muốn đâm sầm vào một tảng đá hoặc cái gì đó và bị gãy trục xe ở ngoài này chút nào cả.”

Tess nôn nóng muốn tới ngay được đích, nhưng lúc Reilly thận trọng đẩy chiếc Pajero đi vào một vạt đất tương đối bằng phẳng, nàng phải thừa nhận là anh có lý. Bây giờ, thậm chí một cái lốp xe bị xì hơi cũng là điều tệ hại rồi.

Cả hai xuống xe và nhìn xung quanh. Những dấu vết yếu ớt cuối cùng của mặt trời hoàng hôn ửng lên rực rỡ sau những cụm mây xám hồng, nổi bật giữa một bầu trời trong veo. Trên đầu, vầng trăng lưỡi liềm có vẻ như gần một cách bất thường. Những ngọn núi xung quanh họ vẫn chìm trong tĩnh lặng và hoang vắng, bị bao phủ bởi sự tĩnh lặng đầy bối rối mà Reilly vốn không quen. “Có thị trấn nào gần đây để nghỉ lại không?”

Tess kiểm tra lạ bản đồ. “Chẳng có cái nào gần cả. Thị trấn gần nhất cách đây khoảng mười cây số, hướng ngược trở lại.”

Reilly nhìn quanh thật nhanh kiểm tra địa thế khu vực và quyết định là khu vực này có thể dùng làm chỗ nghỉ qua đêm như bất cứ mọi nơi nào khác. Anh bước tới cửa sau của chiếc SUV. “Xem thử anh chàng ở Istanbul cho chúng ta cái gì nào?”

Trong lúc Reilly bận rộn lắp thanh giằng bằng nhôm cuối cùng và dựng lều thì Tess cũng loay hoay nhóm lên một đống lửa nhỏ. Sau đó họ hăm hở lục lọi thùng thực phẩm Ertugrul cung cấp, chén sạch bay từng lát xúc xích basterma và món borek dùng chung với pho mát kasseri và uống nước khoáng đóng chai.

Reilly nhìn ánh mắt Tess sáng lên lúc nàng mở hộp cactông nhỏ, lấy ra một miếng bánh lokma rồi ăn nghiến ngấu, những ngón tay nàng ướt đẫm sirô.

“Anh chàng nhân viên địa phương của các anh đúng là trời cho.” Tess lúng búng nói trước khi cho một miếng bánh khác vào miệng. “Anh ăn đi. Ngon lắm. Lần trước, khi ở đây, tôi ăn không biết chán. Ấy là vì lúc đó tôi đang mang thai.”

“Vậy điều gì đã đưa Vance đến đây?” Reilly thắc mắc lúc ăn thử một miếng bánh.

“Cha tôi lúc đó đang làm việc ở một công trình khai quật không xa ngọn Ararat Anomaly. Vance khao khát muốn được xem qua và cha tôi đã mời anh ta đến.” Tess giải thích làm thế nào mà năm 1959, một máy bay gián điệp U-2 trên đường trở về sau một chuyến bay do thám ở Liên bang Xô Viết lúc bay ngang qua Thổ Nhĩ Kỳ đã chụp được vài tấm hình làm các chuyên gia phân tích ảnh của CIA nhức óc suy nghĩ cả mấy năm trời. Rốt cuộc tin tức cũng rò rỉ ra ngoài, vào cuối những năm 90, cuối cùng những tấm ảnh cũng được công bố, gây ra một sự xáo động nhỏ. Trong những ngọn núi xứ Armenia, không xa phía dưới đỉnh, là một vật trông giống như một chiếc tàu. Những tấm hình cận cảnh cho thấy đó là ba cái sườn ngang lớn cong cong bằng gỗ của sàn tàu, giống như một phần thân của một con thuyền lớn.

“Con thuyền Noah,” Reilly thốt lên khi anh nhớ lại những cái từ rất mơ hồ trên báo chí.

“Rất nhiều người đã bị nó lôi cuốn, kể cả cha tôi. Vấn đề ở đây là ngay cả khi Chiến Tranh Lạnh đã bắt đầu đi vào hồi kết, khu vực này vẫn còn rất nhạy cảm. Ngọn núi này chỉ cách biên giới Nga khoảng hai mươi cây số, cách Iran chưa đến ba mươi cây số. Một vài người được cấp phép đã thử leo lên để xem nó thực sự là cái gì. James Irwin là một trong số những người đó. Một phi hành gia. Đã từng đặt chân lên mặt trăng, và sau này cải đạo theo Thiên Chúa Giáo. Ông ta cố leo lên để có được cái nhìn cận cảnh hơn về Ngọn núi Dị thường.” Nàng dừng lại. “Trong lần leo lên thứ hai, ông đã bị tử nạn.”

Reilly cau mày. “Vậy cô nghĩ thế nào? Liệu đó có phải là Con thuyền Noah không?”

“Người ta đã nhất trí đấy không phải là Con thuyền Noah. Chỉ là một tảng đá hình thù kỳ dị.”

“Nhưng cô nghĩ thế nào?”

“Tôi không biết. Chưa có ai thực sự đến được đó hay chạm vào nó. Điều mà chúng ta biết là câu chuyện về một trận đại hồng thủy và một người đàn ông cùng với chiếc thuyền và một đám súc vật, câu chuyện có trong các văn bản đã chu du cả một chặng đường dài tìm về với vùng Lưỡng Hà, những văn bản có trước Kinh Thánh cả ngàn năm. Điều đó làm tôi nghĩ có thể một chuyện gì đó giống như vậy đã thực sự xảy ra. Không phải là toàn bộ thế giới bị ngập lụt. Chỉ là một khu vực rộng lớn nào đó của vùng này. Và một người đàn ông đã sống sót, câu hcuyện của ông ta đi vào huyền thoại.”

Có điều gì đó trong cách nàng nói có vẻ như quá rõ ràng và dứt khoát. Không phải Reilly tin câu chuyện về Con thuyền Noah. Nhưng... “Buồn cười thật đấy,” Reilly nói.

“Cái gì cơ?”

“Tôi nghĩ những nhà khảo cổ, so với tất cả mọi người, sẽ bị lôi cuốn vào những bí ẩn của quá khứ vì có đầu óc tưởng tượng phong phú hơn những người khác, có ý thức lục vấn về những gì có thể xảy ra vào một thời kỳ quá xa

xưa và khác biệt với chúng ta ngày nay... nhưng cách tiếp cận của cô thì lại rất logic và hợp lý. Việc này không loại bỏ sự... biết nói thế nào nhỉ, sự huyền bí của nó đấy chứ?"

Tess chẳng có vẻ gì là thấy có bất kỳ điều gì nghịch lý về việc này. "Tôi là một nhà khoa học, Sean à. Tôi cũng như a..h, tôi quan tâm đến những sự thật không thể chối cãi. Khi khai quật, tôi tìm kiếm những bằng chứng cho thấy người ta đã sống, đã chết, đã chiến đấu trong chiến tranh, và đã xây dựng nên những thành phố như thế nào... Tôi để những câu chuyện thần thoại và truyền thuyết cho những người khác."

"Vậy nếu như nó không thể được giải thích một cách khoa học..."

"Thì nó có lẽ đã không xảy ra." Nàng đặt hộp bánh lokma xuống rồi lấy khăn lau mặt trước khi uể oải ngã lưng xuống và nghiêng người đối mặt với Reilly. "Tôi cần hỏi anh một chuyện."

"Cứ hỏi đi."

"Lúc ở phi trường JFK"

"Ừ..."

"Sao anh không lôi tôi ra khỏi cái máy bay đó? Anh có thể bắt tôi kia mà, đúng không? Tại sao anh không làm như vậy?"

Từ dấu hiệu mơ hồ nhất của nụ cười và tia sáng lấp lánh trong mắt nàng, Reilly biết Tess đang muốn nói gì. Nàng đang dẫn dắt câu chuyện, và điều này cũng khiến anh cảm thấy ngần ngại khó chịu đôi chút khi buộc phải đi theo sự dẫn dắt của nàng. Và giờ, Reilly tránh né bằng một câu trả lời nước đôi, "Tôi không biết," rồi nói thêm "Tôi biết là cô sẽ thực sự nổi điên lên và có lẽ cô sẽ la hét đến sập nhà nếu tôi giữ cô ở lại."

Tess nhích lại gần hơn. "Quả đúng là tôi sẽ làm như vậy."

Cảm thấy tim mình khẽ đập nhanh hơn, Reilly loay hoay đổi tư thế, cúi xuống và chồm lên một chút để đối mặt với Tess. "Hơn nữa... tôi đã nghĩ là, thôi thì mặc kệ, cứ để xem cô ta có thông minh như cô ta nghĩ hay không."

Tess lặng lẽ vươn người lên gần anh hơn. Bây giờ, mặt nàng chỉ cách mặt Reilly vài phân, ánh mắt nàng lướt trên mặt anh. Nụ cười rạng rỡ trên gương mặt. "Anh mới cao thượng làm sao!"

Bầu trời, khu rừng, lửa trại... thật hoàn hảo. Reilly cảm nhận hơi ấm tỏa ra từ đôi môi nàng, mời gọi đôi môi anh, và trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Reilly cảm thấy mọi thứ khác như biến mất. Phần còn lại của thế giới như không còn tồn tại.

"Tôi có thể nói gì với cô đây, tôi thuộc loại đàn ông cao thượng. Đặc biệt là khi anh đó đi... hành hương."

Nàng chộp ngay khoảng thời gian anh ngừng lại. "Vậy cứ cho là anh ở đây để bảo vệ tôi," nàng thì thầm, "tôi nghĩ điều đó có vẻ như khiến anh trở thành Hiệp sĩ Đền Thánh của riêng tôi."

"Đại loại là vậy."

"Anh biết đấy." Tess trầm ngâm, nhìn Reilly bằng ánh mắt tinh nghịch, "theo sách chỉ dẫn chính thức của các Hiệp sĩ Đền Thánh thì anh phải đứng gác suốt đêm khi những người hành hương đi ngủ."

"Cô chắc chắn về điều đó chứ?"

"Chương sáu, điều bốn. Anh kiểm tra lại mà xem."

Cảm giác như là không có thật.

"Anh nghĩ mình có thể đảm đương được việc đó chứ?" Tess hỏi.

"Không hề gì. Đó là những gì mà Hiệp sĩ Đền Thánh chúng tôi làm."

Nàng mỉm cười. Và cùng với nụ cười đó, anh nghiêng người hôn nàng.

Reilly tiến lại gần và nụ hôn trở nên cuồng nhiệt hơn. Cả hai như tan chảy vào nhau, đắm chìm trong khoảnh khắc ấy, tâm trí họ không còn nghĩ suy gì nữa, bị cuốn trôi bởi sự bùng cháy của cảm giác, xúc giác và khứu giác – và rồi cái gì đó bỗng ùa đến, một làn sóng dội ngược quen thuộc lại cuồn cuộn dâng trào, đẩy tâm trí anh đến một nơi tăm tối hơn, tới với gương mặt người mẹ đau khổ của anh và tới một người đàn ông ngồi trên ghế bành, đôi tay buông thõng xuống hai bên, một khẩu súng nằm hững hờ trên tấm thảm, bức tường phía sau ông tung toé máu.

Reilly kìm lại.

"Gì vậy?" Tess mơ màng hỏi.

Reilly ngồi bật dậy, cảm thấy áy náy. Đôi mắt Reilly đờ ra, nhìn vào khoảng không, như bị ám ảnh. "Chuyện này... chuyện này không đúng lắm."

Tess nhổm dậy, luồn một tay vào tóc Reilly, kéo miệng anh sát lại miệng nàng "Ôi, em xin phép có ý kiến ngược lại.Em nghĩ là rất tuyệt." Nàng lại hôn Reilly, nhưng ngay khi môi họ vừa chạm nhau, Reilly đã ngừng lại.

"Nghiêm túc đấy, Tess."

Tess chống khuỷu tay nâng người lên, lặng đi không nói được lời nào. Reilly chỉ nhìn nàng, vẻ chán nản.

"Ôi lạy Chúa, anh đang nghiêm túc cơ đấy." Tess nhìn Reilly vẻ ngờ vực rồi ném cho anh cái nhăn mặt thách thức. "Chắc đây không phải là việc ăn chay nằm đất trong mùa Lent đấy chứ?"

"Không phải đâu."

"Được rồi, vậy thì là cái gì nào? Anh chưa có vợ, và em chắc chắn anh không phải là dân đồng tính, mặc dầu…" Nàng làm điệu bộ như muốn nói 'có lẽ'. "Và lần sau cùng soi gương, em nghĩ mình trông cũng đâu có đến nỗi nào. Vậy thì chuyện quái quỷ gì nào?"

Reilly cố nói thành lời. Đây không phải là lần đầu tiên những cảm giác này bất chợt dâng trào lên trong anh, nhưng đã từ lâu lắm rồi. Đã một thời gian dài, anh không có cảm giác như vậy về một ai đó. "Rất khó giải thích."

"Anh cố thử xem."

Chẳng dễ dàng chút nào. "Anh biết chúng ta chỉ mới quen biết nhau, và có lẽ trong chuyện này anh đã hơi vội vàng, nhưng anh thật sự thích em, và... và có những chuyện về anh mà anh nghĩ em cần phải biết, thậm chí nếu..." Reilly không nói tiếp, nhưng hàm ý của anh thì rất rõ ràng. Thậm chí nếu vì chuyện đó mà cuối cùng anh mất em. "Đó là chuyện về cha anh."

Điều này làm nàng choáng váng.

"Chuyện này thì liên quan gì đến chúng ta? Anh nói là ông mất khi anh còn nhỏ, và chuyện đó khiến anh rất đau đớn." Tess thấy Reilly nhăn mặt. Ngay từ lần đầu tiên Reilly nhắc đến chuyện này ở nhà nàng tối hôm đó, nàng biết là mình đang xâm phạm vào một lãnh địa tế nhị, nhưng nàng cần phải biết. "Chuyện gì đã xảy ra vậy?"

"Cha anh đã dùng súng tự sát. Chẳng vì lý do gì cả."

Tự đáy lòng. Tess cảm thấy một nút thắt đã được tháo gỡ. Trí tưởng tượng đã đưa nàng đến nơi còn tối tăm hơn "Anh muốn nói gì? Chẳng có lý do gì cả ư? Phải có lý do nào đó chứ."

Reilly lắc đầu, mặt tối sầm lại. "Đó mới là vấn đề. Chẳng có lý do gì cả. Ý anh là, chẳng có lý do nào hợp lý cả. Ông chẳng bao giờ tỏ ra buồn rầu hay thất vọng. Rốt cuộc, gia đình anh cũng đã tìm ra là ông bị bệnh, ông bị suy nhược thần kinh, nhưng chẳng có lý do nào cả. Ông có một công việc tốt và yêu thích công việc của mình, gia đình anh khá sung túc, và ông có một người vợ rất yêu thương mình. Với tất cả nhuững biểu hiện bên ngoài đó, rõ ràng cha anh đang có một cuộc sống tuyệt vời. Nhưng nó không ngăn được ông tự bắn vào sọ mình."

Tess dựa vào người Reilly, "Đó là một căn bệnh, Sean à. Một tình trạng bệnh tật, một sự mất cân bằng hoá học, anh muốn gọi thế nào cũng được. Như chính anh đã nói đấy, ông bị bệnh."

"Anh biết. Vấn đề là, đó cũng là một bệnh di truyền. Khả năng anh mắc bệnh là một phần tư."

"Và khả năng anh không mắc bệnh là ba phần tư." Nàng cười, vẻ khuyến khích. Nhưng Reilly không có vẻ như là bị thuyết phục. "Cha anh có điều trị căn bệnh đó không?"

"Không. Việc này xảy ra trước khi Prozac [47] trở thành một loại Aspirin mới."

Nàng ngưng lại, nghiền ngẫm vấn đề. "Anh đã kiểm tra chưa?"

"Bọn anh vẫn có những cuộc đánh giá đều đặn ở Cục."

"Và...?"

"Người ta không phát hiện ra điều gì bất thường."

Tess gật đầu "Vậy là tốt. Em cũng không thấy nó."

"Thấy nó à?"

Giọng nàng dịu xuống. "Trong mắt anh. Em có thể nhận ra cái gì đó, một chút xa cách, giống như anh đang bị ngăn cách bởi một bức tường, luôn luôn giữ cái gì đó lại. Thoạt tiên, em nghĩ có thể đó là tính cách của anh, anh biết đấy, kiểu người mạnh mẽ, ít nói." Tess lại nở nụ cười tin tưởng và chắc chắn. "Chuyện đó không nhất thiết sẽ xảy ra với anh."

"Nếu nó xảy ra thì sao? Anh đã trải qua chuyện đó, anh đã thấy những gì đã xảy ra với mẹ anh. Anh không muốn đẩy em hay bất kỳ ai mà anh yêu quý vào chuyện đó."

"Vậy anh sẽ tự khép mình lại, bế quan toả cảng với cả thế giới còn lại sao? Thôi nào, Sean. Chuyện này cũng chẳng khác gì anh nói với em chúng ta không nên ở cùng nhau chỉ vì, em không biết nữa, cha anh mất vì bệnh ung thư. Có ai trong chúng ta thực sự biết được chuyện gì sẽ xảy ra với mình? Anh chỉ cần sống cuộc sống của mình và hy vọng vào những điều tốt đẹp nhất mà thôi."

"Không phải tất cả mọi người đều thức dậy một sáng nọ rồi quyết định bắn một phát đạn vào đầu để thoát khỏi thế giới này. Vấn đề là, anh nhận ra một phần của cha anh ở trong anh. Khi làm cái việc đó, ông cũng không nhiều tuổi hơn anh bây giờ là mấy. Đôi lần, nhìn vào gương, anh nhìn thấy ông, thấy vẻ mặt và tư thế của ông và nó làm anh sợ hãi."

Tess lắc đầu với vẻ thất vọng rõ rệt. "Anh nói ông linh mục đã giúp anh vượt qua chuyện đó rồi mà?"

Reilly lơ đãng gật đầu. "Cha anh không theo đạo. Ông nghi ngờ sự tồn tại của đức tin, còn mẹ anh, ừm, bà là kiểu người chỉ biết phục tùng và bà chẳng theo một tôn giáo nào. Sau khi cha chết, anh hoàn toàn suy sụp. Anh không thể hiểu nổi tại sao ông lại làm vậy, tại sao mẹ và anh không thấy được chuyện đó đến, tại sao mẹ và anh không ngăn được chuyện đó xảy ra. Mẹ anh cũng sụp đổ hoàn toàn. Cuối cùng bà càng lúc càng tìm đến vị linh mục nhiều hơn, rồi đến lượt vị linh mục nói chuyện với anh về chuyện đó. Ông ấy đã giúp anh hiểu vì sao không ai trong gia đình anh đáng trách và chỉ cho anh thấy một khía cạnh khác của cuộc sống. Nhà thờ đã trở thành nơi ẩn náu thiêng liêng của anh, và anh không bao giờ quên điều đó."

Rõ ràng, Tess đã trấn tỉnh lại, giờ đây nàng lên tiếng với sự quyết tâm mới lấy lại được. "Thôi được rồi, anh biết không? Em rất cảm kích trước sự quan tâm và lời cảnh báo của anh, anh thật cao thượng, nhưng chuyện này chẳng khiến em sợ hãi chút nào. Anh muốn em biết, và giờ thì em đã biết, phải không nào? Nhưng em không nghĩ anh nên tiếp tục sống như vậy, anh không thể để một chuyện có thể không bao giờ xảy ra huỷ hoại cuộc đời anh. Anh chỉ đang giúp nó biến thành một dự đoán để tự thoả mãn cái ước nguyện của anh mà thôi. Anh không phải là ông ấy, phải không nào? Anh cần phải để chuyện đó trôi qua, sống cuộc sống của chính mình, và nếu việc đó không có kết quả, hẳn có lẽ là có điều gì đó sai lầm cơ bản trong cách sống của anh. Anh chỉ có một thân một mình, đó chẳng phải là một khởi đầu tuyệt vời cho lắm, và chỉ có Chúa mới biết là anh đã không chọn một công việc tươi sáng và thú vị để làm."

“Đó là việc anh đang làm.”

“Được thôi, nhưng có lẽ anh cũng cần làm một vài chuyện khác nữa.” Nụ cười rạng rỡ rất đúng lúc và đầy mời gọi lại xuất hiện trên khuôn mặt nàng. “Như là nhắm mắt lại và hôn em.”

Ánh mắt Reilly lướt trên mặt nàng. Tess đang gắng làm cho cuộc sống của anh có ý nghĩa, đang nhồi nhết vào đầu anh sự lạc quan yêu đời, tuy rằng anh chỉ mới quen nàng chưa được bao lâu. Reilly cảm thấy cái gì đó rất thân thuộc, cái gì đó mà anh chỉ bắt đầu cảm nhận được khi ở bên nàng: chỉ một từ thôi, sống động.

Reilly vươn người về phía nàng và kéo nàng sát lại, siết chặt.

Khi hai người trên màn hình sát lại gần nhau, hai vệt biểu thị thân nhiệt màu xanh xám của họ hòa vào nhau thành một khối hình thù không rõ rệt. Những giọng nói câm lặng giờ đã biến mất, thay vào đó là tiếng nghèn nghẹn của âm thanh trút bỏ y phục và tiếng hai cơ thể đang xoắn xuýt vào nhau.

De Angelis đưa tách cà phê âm ấm trong tay khi quan sát màn hình với vẻ dửng dưng. họ đậu xe trên đỉnh đồi nhìn xuống phần đất trũng nơi Tess và Reilly cắm trại. Cốp sau chiếc Landcruiser màu be đang mở, để lộ ra hai màn hình sáng rực trong bóng tối. Một là máy tính xách tay có dây dẫn nối với máy quay quan sát hồng ngoại hiệu Raytheon Thermal-Eye đặt trên cái giá ba chân, có thể thu được toàn bộ quang cảnh phía trước. Một micro định hướng bằng sóng vệ tinh gắn trên một giá ba chân khác. Màn hình kia là của một thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân. Nó nhấp nháy biểu thị vị trí của thiết bị định vị toàn cầu đã được bí mật gắn dưới chiếc túi xách du lịch của Tess.

Ông cha cố quay người nhìn xuống thung lũng tối đen phía trước. Ông ta hoàn toàn hài lòng. Mọi việc đều trong tầm kiểm soát và ông ta thích như vậy. Họ đã ở rất gần, và với một chút may mắn, họ sẽ hạ được Vance. Ông ta vẫn chưa biết chính xác nơi họ nhắm đến; ông ta muốn nghe được âm thanh ở trong xe họ, nhưng cơ hội để cài máy ghi âm không có. Không phải việc này là không quan trọng. Dù họ tìm ra bất kỳ cái gì, ông ta cũng sẽ ở ngay phía sau họ, chờ sẵn để hớt tay trên.

Đó là phần việc dễ dàng.

Phần khó khăn hơn là cái câu hỏi phải làm gì với họ khi xong việc.

De Angelis hờ hững nhìn vào màn hình lần cuối trước khi vứt tách cà phê vào bụi cây.

Ông cha cố sẽ không mất ngủ vì tách cà phê ấy.

.....

[46] Xe SUV: viết tắt của sport utility vehicle, xe thể thao đa năng hai cầu, lái được bốn bánh, có thể di chuyển trên mọi địa hình.

[47] Prozac: một loại thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh.

Chương 55

Khi Tess thức dậy, ánh nắng đang chiếu xuyên qua lớp vải bạt. Nàng uể oải vươn tay ra, nhưng tay nàng chỉ chạm vào chiếc gối trống. Chỉ còn một mình nàng trong chiếc túi ngủ đã được khoá kéo thông vào nhau. Khi ngồi dậy, Tess nhớ ra là mình đang không mặc gì, nàng liền đi tìm đống quần áo đã cởi vội ra tối hôm trước.

Bên ngoài, mặt trời đã lên cao hơn so với dự đoán của nàng, và khi xem đồng hồ, Tess biết lý do tại sao. Đã gần chín giờ và mặt trời đã ở lưng chừng bầu trời xanh ngắt, trong trẻo, không một gợn mây. Tess nheo mắt nhìn quanh và thấy Reilly đang đứng cạnh chiếc Pajero, không mặc áo. Anh đang cạo râu, lấy nước nóng từ một thùng đun nước bên trong có dây mayso cắm vào ổ cắm bật lửa của xe.

Khi Tess bước về phía Reilly, anh quay lại nói, "Cà phê đã sẵn sàng."

"Em thích anh chàng Ertugrul này của các anh đấy," Tess ngạc nhiên khi thấy một cái phích đang toả khói. Mùi cà phê đen thẫm thơm ngào ngạt kích thích các giác quan của nàng. "Các anh đúng thật là những kẻ du hành đầy phong cách."

"Và em nghĩ là những đồng tiền đóng thuế của em đang bị phí phạm chứ gì."

Reilly lau sạch bọt xà phòng rồi hôn nàng, và, khi anh làm vậy, nàng lại thấy cây thánh giá bạc nhỏ, khó thấy, có hình Jesus bị đóng đinh gắn với một sợi dây chuyền mảnh quấn quanh cổ Reilly mà nàng đã chú ý đến nó từ tối hôm trước. Đó không phải là thứ mà ngày nay nhiều người còn đeo, Tess nghĩ, dù sao đi nữa thì cũng không phải là nơi nàng sống, và nó toát lên một vẻ đẹp cuốn hút cổ xưa làm nàng phải sửng sờ. Tess không nghĩ đó là thứ mà nàng thấy hấp dẫn, tuy vậy, khi nó ở trên người Reilly thì lại khác hẳn. Nó có vẻ rất hợp với anh, nó là một phần con người anh.

Chỉ lát sau, họ đã lại lên đường, chiếc Pajero nuốt gọn đống ổ gà lồi lõm trên con đường nhựa lởm chởm khi họ tiến sâu hơn vào đất liền. Họ chạy ngang qua vài ngôi nhà bỏ hoang và một nông trại trước khi rời con đường nhỏ để tiến vào con đường rừng còn hẹp hơn và dốc ngược.

Khi họ đi qua một bãi cây lấy nhựa nơi có một anh trai làng trẻ tuổi, đang cạo lấy nhựa bồ đề thơm ngát, Tess cảm thấy niềm phấn khích trào dâng khi những ngọn núi lù lù hiện ra trước mặt.

"Đằng kia kìa, thấy không?" Mạch máu Tess đập dồn dập hơn khi nàng chỉ về một ngọn núi ở đằng xa. Đỉnh ngọn núi ấy rất cân xứng và dễ nhận ra khi nhìn nghiêng. "Nó đấy," nàng reo lên. "Hai hình người lưng gù trên ngọn Kenjik." Đôi mắt Tess nuốt gọn những điểm ghi chú và tấm bản đồ trong tay nàng khi đối chiếu chúng với quang cảnh phía trước. "Đó là nơi chúng ta phải đến. Ngôi làng hẳn phải ở trong thung lũng, phía bên kia những ngọn núi."

Con đường mòn cắt qua một vạt thông dày đặc, ánh sáng lại tràn ngập khi họ ra khỏi rừng thông, họ chạy men một ngọn đồi nhỏ, và giờ chiếc Pajero mới sử dụng hết sức mạnh của bốn chiếc bánh lái, tiếp tục leo lên đến tận đỉnh ngọn núi.

Không giống như Tess mong đợi. Cảnh tượng đập vào mắt nàng như thể một đòn búa tạ.

Ở đó, trước mặt họ, trong thung lũng giữa hai rặng núi um tùm, phủ đầy thông, là một hồ nước mênh mông trải rộng.

Chương 56

Toàn thân Tess đông cứng lại, nàng hoang mang nhìn sững khung cảnh phía trước rồi bấu chặt vào tay cầm cửa xe và lao vọt ra ngoài trước khi chiếc xe dừng lại hẳn. Nàng chạy như bay đến rìa đỉnh núi và nhìn quanh, hoàn toàn choáng váng không hiểu gì cả. Một hồ nước đen thẫm lung linh, nằm đó thật yên bình, trải dài từ đầu này qua đầu kia thung lũng.

“Em không hiểu,” Tess thốt lên. “Lẽ ra ngôi làng phải ở ngay kia chứ.”

Lúc này, Reilly đã đứng bên cạnh nàng. “Hẳn là chúng ta rẽ nhầm ở đâu đó rồi.”

“Không thể thế được.” Tess hoàn toàn bối rối, đầu óc nàng căng ra, nghiền ngẫm lại từng chi tiết trong cuộc hành trình mà họ đã thực hiện, rà soát lại từng dấu hiệu dọc đường. “Mọi thứ hoàn toàn khớp với nhau. Chúng ta đi theo đúng lộ trình trong lá thư. Nó phải ở đây. Phải ở ngây đây.” Không chịu chấp nhận sai lầm sờ sờ trước mắt, Tess mò mẫm bò xuống qua vạt cây, đi xa hơn về phía trước để có được tầm nhìn tốt hơn. Reilly đi theo nàng.

Hồ nước trải rộng hết cỡ về phía bên phải của thung lũng. Phía đối diện bị rừng cây che khuất.

Tess nghi hoặc nhìn đăm đăm vào mặt hồ phẳng lặng. “Em không hiểu.”

Reilly đánh giá khu vực xung quanh. “Xem này, chúng ta không thể đi lạc xa như vậy được. Nó ở quanh quẩn đâu đây thôi. Chúng ta chỉ rẽ nhầm đâu đó trên đường đến đây thôi.”

“Đúng vậy, nhưng nhầm ở đâu?” Tess nói giọng gắt gỏng. “Chúng ta đã theo đúng những gì Aimard viết, ngay giữa hai đỉnh núi. Ngôi làng phải ở ngay đây chứ.” Tess chăm chú xem lại tấm bản đồ “Trong bản đồ đâu có cái hồ nào chứ.”

Tess nhìn Reilly, buông một tiếng thở dài lộ vẻ thất vọng cùng cực.

Reilly vòng tay ôm Tess. “Xem này, chúng ta đã đến rất gần, anh chắc chắn như vậy. Chúng ta đã đi mấy tiếng đồng hồ rồi. Đi tìm một thị trấn, rồi kiếm nơi nào đó ăn uống chút đỉnh. Chúng ta có thể kiểm tra lại các điểm ghi chú của em ở đó kia mà.”

Ngôi làng khá nhỏ, chỉ có duy nhất một quán ăn địa phương nhỏ bé, một nơi làm ăn khó khăn. Ông lại có bộ mặt nhăn nhúm và đôi mắt màu mã não sẵm chờ họ gọi món, cũng chỉ là những món ông lão cho biết là có sẵn trong quán mà thôi. Hai chai bia Efes và một đĩa lá nho cuốn thịt được mang lên ngay.

Tess chúi mũi vào các ghi chép của mình. Nàng đã bình tĩnh trở lại nhưng vẫn thất vọng và chán nản, và hãy còn chìm trong nỗi sợ hãi sâu sắc rất rõ ràng và hoàn toàn chính đáng.

“Em ăn đi,” Reilly bảo Tess. “Em sẽ hờn giận giỏi hơn đấy.”

“Em đâu có hờn giận,” Tess liếc nhìn Reilly, lầm bầm, vẻ khó chịu.

“Cho anh nhìn một cái nào.”

“Gì cơ?” Ánh mắt nàng trừng trừng, gay gắt.

“Những ghi chép của em. Chúng ta hãy kiểm tra lại, từng cái một.”

Tess đẩy chúng ra, ngả người về phía sau, siết chặt tay, như muốn vắt hết không khí ra khỏi hai bàn tay. “Chúng ta đến gần lắm rồi. Em có thể cảm thấy như vậy.”

Ông lão quay lại với hai đĩa bắp cải cuốn thịt và xiên thịt cừu nướng. Reilly nhìn ông ta bày hai đĩa thức ăn lên bàn, gật đầu ra hiệu cảm ơn rồi quay qua Tess. “Có lẽ chúng ta nên hỏi ông ta xem sao?”

“Cái tên Beer el Sifsaaf không có ở trên bất kỳ bản đồ nào từ hàng trăm năm nay rồi,” Tess làu bàu. “Ý em là thôi nào, Sean. Ông ta khá già, nhưng không già đến thế đâu.”

Reilly không nghe nàng nói. Anh đang nhìn ông chủ quán, ông lão toét miệng cười để lộ hàm răng thưa và ngượng ngập gật đầu với anh. Reilly bất chợt cảm thấy râm ran một cảm giác phấn khích. “Beer el Sifsaaf?” anh cất tiếng hỏi ông lão, giọng lưỡng lự, rồi chậm rãi: “Ông biết nó ở đâu không?”

Ông lão cười, vui vẻ gật đầu. “Beer el Sifsaaf,” ông ta nói. “Biết.”

Đôi mắt Tess sáng lên, nàng đứng bật dậy. “Cái gì?” Ông lão lại gật đầu. “Ở đâu?” nàng phấn khích hỏi. Ông chủ quán rõ ràng vui vẻ nhưng giờ có vẻ bối rối. Tess cau mày, rồi thử hỏi lại “Ở đâu?” Ông lão chỉ lên ngọn núi mà họ vừa đi xuống. Tess đứng sững nhìn theo ngón tay thẳng đơ của ông ta. Ông lão vẫy vẫy tay về hướng Bắc, và Tess cắm đầu bước về phía xe.

Vài phút sau, chiếc Pajero gầm lên lao ngược trở lại ngọn núi. Ông lão chủ quán, tay cầm cây súng săn, bám vào tay cầm phía trên cửa xe chỗ ông ta ngồi, sợ toát mồ hôi khi nhìn ngọn núi lao vun vút qua mặt mình, gió quật mạnh vào cửa xe đang mở, những tiếng thét “Coi chừng, coi chừng” của ông lão chỉ càng làm tăng thêm sự phấn khích đang bùng lên trong Reilly khi họ lao về phía trước. Trên ghế sau, Tess cũng chồm người về phía trước, đôi mắt nàng dán chặt vào quang cảnh đang lao đi vun vút, mong tìm ra chút manh mối.

Ngay trước cái đỉnh núi nơi mà họ nhìn thấy hồ nước, ông lão chỉ tay “Quẹo, quẹo” Reilly quặt tay lái cho xe rẽ vào một con đường mòn thậm chí còn hẹp hơn mà trước đó họ không phát hiện ra. Mặc cho những cành cây đập mạnh vào hai bên thành xe, chiếc SUV vẫn lù lù tiến tới. Sau khoảng một cây số, cây cối trở nên thưa thớt, họ chạy lên một đỉnh núi khác.

Ông lão cười tươi đầy phấn khích, chỉ xuống thung lũng “Ngôi làng, ngôi làng! Dưới đó!”[48]

Khi thung lũng mở rộng ra trước mắt họ, Tess không tin vào mắt mình.

Đó là hồ nước.

Lại là hồ nước.

Nàng ném ánh mắt hoàn toàn thất vọng về phía Reilly lúc anh dừng chiếc xe đồ sộ lại, cả ba cùng xuống xe. Họ bước về phía bìa rừng trống, ông lão vẫn gật gù ra vẻ tự mãn. Tess nhìn ông ta, lắc đầu rồi quay qua Reilly. “Hẳn chúng ta vớ phải một ông già lẩm cẩm rồi.” Nàng lại nhìn ông lão, giọng như van nài. “Beer el Sifsaaf? Ở đâu?”

Lông mày ông già nhíu lại, vẻ bối rối “Ngôi làng,” ông ta khăng khăng, chỉ tay xuống hồ.

Reilly bước tới mấy bước và nhìn quanh. Từ vị trí thuận lợi đó, anh có thể nhìn thấy toàn bộ hồ nước, kể cả rìa phía Tây mà từ vị trí trước đây họ không nhìn thấy vì bị cánh rừng che khuất.

Reilly quay sang Tess, một nụ cười tự mãn thoáng hiện trên mặt anh. “Ồ, chỉ cần em có chút lòng tin thôi,” anh nói.

“Anh muốn nói gì vậy?” Tess thốt lên. Những ngón tay Reilly bình thản mời gọi nàng nhìn theo. Nàng nhìn ông lão đang háo hức gật đầu tỏ vẻ đồng ý, rồi lúng túng nhìn qua Reilly và trông thấy nó.

Từ góc nhìn mới này, Tess có thể thấy, là cách đó khoảng một cây số rưỡi hoặc xa hơn nữa và cắt ngang rìa hồ nước là một con đường bêtông đắp cao chạy từ đỉnh núi này qua đỉnh núi kia. Đỉnh con đập.

“Ôi, lạy Chúa,” nàng thốt lên.

Reilly lấy cuốn sổ tay trong túi ra, phác thảo mặt cắt dọc của những ngọn núi với một đường nối liền chúng tượng trưng cho mặt hồ. Sau đó Reilly vẽ phác qua hình dáng một vài căn nhà ở đáy hồ và đưa bản phác thảo đó cho ông lão, ông ta lấy bút bi đánh một dấu X to tướng ở đáy hồ rồi nói "Kõy suyun altinda. Beer el Safsaaf!"

Tess nhìn Reilly và anh cho nàng xem cái hình vẽ tệ hại kia. "Nó ở dưới đó," anh khẳng định. "Ở dưới nước, con đập này đã nhấn chìm toàn bộ thung lũng cùng với những gì còn lại của ngôi làng. Nó ở dưới đáy hồ."

.....

[48] Nguyên văn tiếng Thổ Nhĩ Kỳ: "Orada, Orada! Shte!"

Chương 57

Ông lão giờ đã ngồi thoải mái hơn trong xe, Reilly cẩn thận lái chiếc Pajero chạy xuống con đường mòn mấp mô và lởm chởm sỏi đá cho đến khi họ đến bên mép hồ.

Hồ nước thật rộng, mặt hồ phẳng lặng và óng ánh như gương. Ở bờ bên kia là một hàng cột trụ, đường dây điện và điện thoại. Reilly phỏng đoán, và có lẽ còn có một con đường dẫn vào. Từ chỗ con đập, Reilly có thể nhìn thấy một hàng cột điện cao thế nối tiếp nhau chạy về phương Bắc qua dãy núi, hướng về phía thế giới văn minh. Con đập và cái hồ nhân tạo như tách biệt hẳn ra, thế giới văn minh chưa chạm đến nơi này. Những vùng rừng xung quanh và những đỉnh núi càng cao càng hoang vắng, trong mắt Reilly chẳng có chút thân thiện nào cả, và có lẽ các Hiệp sĩ Đền Thánh, những người đã đi ngang qua đây vào bảy trăn năm trước cũng cảm thấy như vậy.

Họ đến con đập, cảm thấy nhẹ nhõm khi rời khỏi con đường mòn gồ ghề kia, và giờ cũng háo hức như Tess khi đến được cái đích của họ. Reilly cho xe bon nhanh trên con đường bêtông chạy suốt trên đỉnh của cái cấu trúc bêtông khổng lồ. Phía bên trái, Reilly thấy một vách dựng đứng cao ít ra phải sáu mươi mét. Tít tận đầu bên kia có một trạm điều hành, đó là nơi ông lão đang dẫn họ đến.

Khi lái ngang qua con đường bêtông, Reilly quan sát thật kỹ hai bên bờ hồ và vùng đất ở phía trên. Không có dấu hiệu của sự sống, dù anh không chắc lắm; cây cối bao phủ dày đặc, bóng râm che phủ kín mít đủ để che giấu bất kỳ ai không muốn bị nhìn thấy. Reilly đã cẩn thận để mắt đến bất kỳ dấu hiệu nào của Vance kể từ khi họ bước vào những giai đoạn cuối của cuộc hành trình và chẳng thấy có dấu hiệu gì cho thấy có người lạ trong vùng. Có lẽ đây là tình trạng bất thường trong giai đoạn cao điểm của mùa du lịch hè, nhưng ngay lúc này, dường như chỉ có một mình họ.

Chẳng có điều gì trong chuyện đó làm Reilly cảm thấy thoải mái hơn. Vance đã chứng tỏ bản thân hắn là một tay có nghề khi đi trước họ một bước, và hắn cũng thể hiện sự kiên trì và quyết tâm ngoan cố trong việc theo đuổi mục tiêu của mình.

Hắn đang ở ngoài kia. Đâu đó.

Trong lúc chạy xe xuống, Reilly đã tranh thủ hỏi ông lão xem gần đây có ai khác hỏi thăm về ngôi làng không. Phải mất một lúc lâu, sau vài động tác múa tay múa chân kỳ dị của ông lão, anh mới hiểu được rằng theo như ông lão biết thì không có ai hỏi han gì về ngôi làng. Có lẽ mình đang chạy trước hắn, Reilly thầm nghĩ khi quan sát khoảnh đất trước mặt, nhìn xem có điều gì khác thường không trước khi dừng chiếc SUV bên cạnh một nơi có vẻ như là trạm bảo dưỡng nhỏ.

Một chiếc Fiat trắng hoen gỉ đậu bên ngoài. Từ vị trí này, Reilly có thể nhìn thấy cái có vẻ như là con đường dẫn vào từ đầu kia. Nó có vẻ bằng phẳng và khá mới. “Nếu con đường đó đúng như anh nghĩ,” Reilly nói với Tess, “chúng ta có thể có một chuyến đi thoải mái và tiết kiệm được nửa thời gian.”

“Tốt thôi, khi nào chúng ta xong việc ở đây,” Tess cười hớn hở, “có lẽ chúng ta sẽ có chuyến trở về êm ái và nhanh chóng.” Tâm trạng Tess đã thay đổi không thể lường được, nàng nhoẻn miệng cười với Reilly trước khi nhảy ra khỏi xe và bước theo ông lão, ông ta đang chào hỏi một người đàn ông trẻ vừa hiện ra từ căn nhà nhỏ.

Reilly đợi một lát, ngắm nhìn Tess sải đôi chân dài bước về phía hai người đàn ông địa phương. Nàng đúng là người không thể thay đổi được. Cái gì vậy kìa, Reilly băn khoăn tự hỏi, mình đang dính vào người phụ nữ này hay sao? Reilly đã đề nghị là họ sẽ thông báo về phát hiện của mình và chờ đợi một toán chuyên gia đến xử lý vấn đề, anh cũng cả quyết với Tess là sẽ hết sức đảm bảo những gì được tìm thấy sẽ là của nàng. Tess bác bỏ ngay đề nghị của Reilly và van nài anh hoãn việc đó lại. Dù thấy vậy là ngu ngốc nhưng Reilly vẫn phải xuôi theo, nhượng bộ trước nhiệt tình sôi sục của Tess. Nàng đã hoàn toàn bị cuốn vào chuyện này, và thậm chí nàng còn khăng khăng là giờ Reilly không được sờ đến cái điện thoại vệ tinh nữa, ít ra cho đến khi nàng có cơ hội được tự mắt trông thấy cái khám phá đó.

Tess đang trao đổi gì đó với người đàn ông trẻ, một kỹ sư tên Okan. Anh ta nhỏ con và mảnh khảnh, có mái tóc đen dày và hàng ria rậm, và qua nụ cười nhăn nhỏ trên gương mặt anh ta, Reilly có thể nhận thấy vẻ quyết rũ của Tess đã lấn át bất kỳ sự miễn cưỡng nào của anh chàng kia để anh ta sẵn sàng giúp đỡ họ. Okan nói được một ít tiếng Anh, điều này quả thực là có ích cho họ. Reilly chăm chú nhìn Tess giải thích rằng họ là những nhà khảo cổ quan tâm đến các nhà thờ cổ, đặc biệt là nhà thờ dưới đáy hồ này. Anh chàng kỹ sư giải thích là thung lũng đã bị ngập năm 1973 – hai năm sau khi tấm bản đồ của Tess được phác thảo ra. Hiện tại, đập nước này đang cung cấp phần lớn điện năng cho cả vùng duyên hải thịng vượng trải dài về phía Nam này.

Câu hỏi kế tiếp của Tess làm Reilly phải dừng sự quan sát của mình lại vì ngạc nhiên. “Anh hẳn phải có đồ lặn ở đây chứ? Để kiểm tra con đập ấy mà.”

Okan tỏ vẻ ngạc nhiên chẳng kém gì Reilly. “Vâng, có chứ,” anh ta lắp bắp. “Thì sao?”

Tess nói thẳng. “Chúng tôi muốn mượn chúng.”

“Cô muốn lặn xuống tìm cái nhà thờ chứ gì?” anh ta hỏi, mặt lộ vẻ bối rối.

“Đúng vậy,” Tess trả lời một cách sôi nổi, dang rộng hai tay ra. “Hôm nay đúng là một ngày tuyệt vời để làm việc đó, không phải sao?”

Anh chàng kỹ sư liếc nhìn Reilly và ông lão, không biết phải làm thế nào. “Chúng tôi có vài thiết bị, vâng, nhưng mỗi năm chỉ sử dụng một hai lần,” anh ta ngần ngại nói. “Cần phải kiểm tra lại, tôi không biết nếu...”

Tess nhảy vào ngay “Anh bạn tôi và tôi có thể kiểm tra chúng. Chúng tôi vẫn làm vậy mà. Chúng tôi sẽ đi theo anh, được chứ?” Reilly nhìn nàng, vẻ không chắc lắm. Tess nhìn lại anh với ánh mắt hoàn toàn tự tin. Reilly vẫn cảm thấy e dè vì sự liều lĩnh của Tess khi nàng nói cả hai đều là thợ lặn lão luyện. Reilly không biết Tess thì sao, nhưng về phần mình, anh chẳng biết gì nhiều hơn những huấn luyện cơ bản sơ đẳng nhất về hoạt động dưới nước. Tuy vậy, Reilly không muốn làm Tess cụt hứng – nhất là tại đây, trước mặt hai người lạ. Reilly tò mò muốn thấy lòng quyết tâm của Tess sẽ dẫn đến đâu.

Okan rõ ràng không cảm thấy thoải mái với ý tưởng đó. “Tôi không chắc. Tôi – tôi không có thẩm quyền làm bất cứ việc gì đại loại như thế.”

“Ồ, tôi chắc chắn là sẽ ổn mà.” Nàng lại nở nụ cười tươi tắn. “Dĩ nhiên, chúng tôi sẽ ký một giấy cam kết,” Tess trấn an anh ta. “Chúng tôi hoàn toàn chịu hết mọi trách nhiệm. Và, dĩ nhiên, chúng tôi rất hân hạnh được trả một khoản phí cho... công ty – về việc sử dụng các thiết bị.” Khoảng dừng trước khi nàng nói “công ty” hoàn toàn đúng lúc. Không quá ngắn để Okan không nghe được nó; cũng không quá dài để anh ta có thể cảm thấy bị xúc phạm vì một sự hối lộ được gợi ý vụng về như vậy.

Anh chàng kỹ sư nhỏ con quan sát Tess một lát, bộ ria mép rung rung, rồi anh ta nhún vai. “Thôi được. Đi theo tôi. Tôi sẽ chỉ cho cô những thứ chúng tôi có.”

Một cầu thang hẹp dẫn từ văn phòng xuống nhà kho bụi bặm, chất bừa bãi thiết bị và được chiếu sáng lờ mờ nhờ cái đèn huỳnh quang nhập nhòe và kêu o o. Dưới ánh sáng màu xanh dương, Reilly có thể nhận thấy một máy hàn hồ quang, các bình khí butan, và, trong góc xa, một đống thiết bị lặn.

Anh ta để cho Tess nhìn qua chúng, và có vẻ như nàng biết mình đang làm gì khi nhấc lên ước lượng trọng lượng của từng thiết bị.

“Không phải là loại tối tân, nhưng cũng dùng được.” Nàng nhún vai.

Tess không tìm thấy chiếc đồng hồ lặn đâu, dù vậy, không có nó thì cũng chả sao. Nàng hỏi Okan hồ sâu bao nhiêu khi thấy một biểu đồ lặn trên tường. Okan bảo nàng, theo anh thì có lẽ từ ba mươi đến ba mươi sáu mét. Tess tham khảo lại biểu đồ và cau mày. “Chúng ta không có nhiều thời gian đến thế ở đáy hồ đâu. Chúng ta cần bắt đầu lặn ngay phía trên ngôi làng.” Lại quay sang Okan, Tess hỏi anh ta có bất cứ cái gì giúp chỉ ra ngôi làng không.

Lông mày anh chàng nhỏ con cong lên, trầm tư suy nghĩ.“Cô phải hỏi ông Rũstem,” rốt cuộc anh ta lên tiếng. “Trước khi ngôi làng bị nhấn chìm, ông ta sống ở đó, và chưa bao giờ rời khỏi vùng này. Ngoài ông ta ra chẳng ai biết cái nhà thờ đó đâu.”

Reilly chờ Okan bước ra khỏi phòng một lát rồi mới quay sang Tess. “Thật là điên khùng. Chúng ta nên gọi vài thợ lặn chuyên nghiệp.”

“Anh quên mất một điều rồi. Em là dân chuyên nghiệp đây,” nàng khăng khăng. “Em làm việc này cả trăm lần rồi.”

“Ừ, nhưng không phải như thế này. Vả lại, anh chẳng thấy sung sướng gì khi cả hai chúng mình ở dưới đó mà chẳng có ai canh chừng phía trên này.”

“Chúng ta cứ thử một lần xem sao. Thôi nào anh cứ lo lắng vớ vẩn. Đâu có ai ở quanh đây. Chúng ta đã qua mặt Vance trong chuyện này.” Tess dựa vào Reilly, mặt nàng ngời lên vẻ mong đợi. “Giờ chúng ta không thể dừng lại được. Nhất là khi chúng ta đã tiến gần đến thế này.”

“Một lần thôi.” Reilly nhượng bộ. “Rồi chúng ta sẽ gọi dân chuyên nghiệp.”

Tess đã bước ra cửa. “Vậy là được rồi.”

Họ mang đồ lên tầng trên rồi nhét mọi thứ vào cốp chiếc Pajero. Okan mời Tess lên chiếc Fiat trắng gỉ sét của anh ta, yêu cầu Reilly lái theo sau cùng với ông lão chủ quán. Reilly nhìn Tess, nàng nháy mắt đồng loã với vẻ thích thú ra mặt của anh chàng kỹ sư trước khi bước lên xe.

Chiếc Pajero chạy theo xe Okan suốt con đường nhựa dài gần một cây số cho đến lúc anh chàng kỹ sư cho xe rời khỏi đường và dừng lại bên cạnh một khu đất rào kín, bên trong chất đầy những khối bêtông, ống nước và hàng chục phuy dầu trống rỗng; tất cả những thứ thông thường còn lại khi kết thúc bất kỳ một dự án xây dựng nào. Bên trong khu đất, một người đàn ông lớn tuổi đội mũ trùm đầu và mặc váy truyền thống đang đi thu dọn các thứ linh tinh. Reilly đoán chừng một công ty tư nhân khá nhỏ đang hoạt động ở đây, và chẳng ngạc nhiên chút nào khi Okan giới thiệu người đi thu dọn các lại vật tư phế liệu đó là ông lão Rũstem, chú của anh ta.

Ông Rũstem nhe hàm răng đã rụng gần hết ra cười với họ, rồi chăm chú lắng nghe người cháu liến thoắng một vài câu hỏi trước khi trả lời bằng vô số cái khoát tay và gật đầu nhiệt tình.

Okay quay sang Tess và Reilly. “Chú tôi nhớ rất kỹ những tàn tích còn lại của ngôi làng. Đã nhiều năm qua, ông vẫn dẫn bầy dê của mình đến nơi này. Ông bảo chỉ có những phần của nhà thờ là còn đứng vững.” Anh ta nhún vai, tự ý chêm vào một câu bình luận của riêng mình. “Ít ra, nó là như vậy trước khi thung lũng bị nhấn chìm. Có một cái giếng cạnh nhà thờ, và ông nhớ là có…” Okan cau mày, tìm từ thích hợp. “Cái rễ chết của một cái cây rất lớn.”

“Một gốc cây,” Tess tiếp lời.

“Vâng, đúng rồi, gốc cây. Một gốc liễu.”

Tess quay sang Reilly, mắt nàng ngời lên vẻ mong đợi.

“Vậy em nghĩ thế nào? Có đáng để xem qua một cái không?” Reilly ngây mặt ra hỏi.

“Nếu anh cứ khăng khăng muốn xem,” Tess cười toe toét.

Họ cảm ơn Okan và ông lão trước khi Okan lái xe đi, anh chàng kỹ sư nhìn Tess bằng ánh mắt chia tay bất đắc dĩ và ngay sau đó, nàng và Reilly mặc đồ lặn vào rồi kéo đống đồ ra mép nước, ông Rũstem để ở đó hai chiếc thuyền chèo nhỏ. Họ leo lên thuyền, Rũstem đẩy họ ra khỏi bè rồi nhảy tót lên sau. Nhặt mái chèo lên, ông lão bắt đầu chèo với những chuyển động dễ dàng của một tay chèo lão luyện.

Tranh thủ thời gian ông lão Rũstem chèo ra giữa hồ, Tess nhắc Reilly về những thủ tục thường lệ mà anh chỉ nhớ lại mang máng từ lần lặn duy nhất trước đây, trong kỳ nghỉ ngắn ngủi ở quần đảo Cayman bốn năm trước. Ông Rũstem ngừng chèo khi họ ra gần giữa bờ Đông và bờ Tây của hồ nước, cách con đập khoảng hơn một cây số. Lẩm bẩm một mình, thoạt tiên ông lão nheo mắt nhìn về đỉnh đồi gần đó, rồi một đỉnh khác và một đỉnh nữa, ông dùng mái chèo như một thanh gỗ thực hiện một loạt những động tác xác định vị trí hết sức cẩn thận. Trong lúc đó, Reilly nghiêng về một bên mạn thuyền, quậy hai chiếc mặt nạ dưới nước.

“Em nghĩ cái gì ở dưới này?” Reilly hỏi.

“Em không biết.” Tess nhìn xuống nước, vẻ căng thẳng. “Ngay bây giờ, em chỉ hy vọng là nó ở dưới đó.”

Cả hai im lặng nhìn nhau chằm chằm, rồi chợt nhận ra là ông lão đã dừng lại và đang nhe hàm nhe lợi khoe nụ cười đắc thắng. Ông trỏ xuống phía dưới và nói với họ. “Kilise suyun altinda”. Những từ này nghe gần giống với những từ mà ông lão ốm yếu ở nhà hàng sử dụng.

“Sũkran,” Tess tiếp lời.

“Ông ta nói gì vậy?”

“Có giời mới biết,” nàng đáp lại lúc leo lên mạn thuyền, rồi nói thêm, “nhưng em chắc chắn rằng từ kilise có nghĩa là nhà thờ, vì thế em đoán hẳn đúng là nó”. Tess hất đầu về phía Reilly. “Anh xuống không?”

Trước khi Reilly kịp trả lời, nàng đã kéo mặt nạ xuống, lộn người ngã về phía sau, rơi tõm xuống hồ. Sau khi liếc nhìn Rũstem đang giơ ngón tay cái lên ra hiệu kiểu hiện đại, Reilly phóng theo nàng, kém điệu nghệ hơn nhiều, vào trong làn nước đen thẫm.

Chương 58

Khi họ rơi vào bóng tối lờ mờ lạnh lẽo trong lòng hồ, Tess cảm thấy tràn ngập cảm giác hồi hộp quen thuộc, cái cảm giác mà nàng luôn khát khao điên cuồng. Có cái gì đó gần như là huyền bí khi biết rằng có thể nàng sắp nhìn thấy những thứ mà từ nhiều năm qua không một người nào nhìn thấy. Bao giờ cũng là cái cảm giác ngất ngây ở trên mặt đất. Cái cảm giác có được khi tới gần những tàn tích còn lại của nền văn minh đã biến mất từ lâu, bị che giấu hàng thế kỷ dưới lớp đất cát cũng đủ ngất ngây lắm rồi. Khi hiện trường bị chôn vùi dưới cả một núi nước, cảm giác phấn khích kia lại càng lớn hơn.

Dẫu vậy, theo như nàng thấy thì lần lặn này kích động cả hai người bọn họ. Nếu đa số những cuộc khai quật hoặc lặn tìm chỉ bắt đầu với lời hứa hẹn sẽ tìm ra được một khám phá vĩ đại nào đó, thì thường là chúng gây thất vọng lớn. Nhưng cuộc tìm kiếm này khác hẳn. Việc lần theo các manh mối đã dẫn họ đến cái hồ này, nội dung của cái thông điệp mã hóa, và cả những quãng thời gian mà người ta đã được chuẩn bị để đến lấy cho được thứ này – tất cả đều chỉ ra rằng Tess đang mắp mé bên bờ của một khám phá khảo cổ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, hơn hẳn bất kỳ khám phá nào mà nàng từng thực sự mong ước.

Bây giờ họ đang ở độ sâu sáu mét và tiếp tục rơi xuống chậm chạp. Giữa cái lạnh và cảm giác mong đợi nôn nao, Tess thấy mình nổi hết cả da gà. Tess ngước nhìn nơi ánh sáng mặt trời chiếu lốm đốm trên mặt nước. Đáy chiếc thuyền chèo của ông lão yên lặng lững lờ trên đầu nàng, làn nước nhẹ nhàng vỗ bập bềnh vào mạn thuyền. Làn nước trong vắt rất thuận lợi cho họ vì về căn bản, họ đang ở trong một con sông đã bị chặn, nhưng bóng tối cũng nhanh chóng bao trùm xung quanh nàng và Reilly.

Vẫn chưa có dấu hiệu nào của đáy hồ. Tess bật chiếc đèn pin trong tay, phải mất vài giây luồng ánh sáng cường độ cao mới đạt đủ công suất và soi rõ màn đen kỳ dị phía trước. Những sinh vật nhỏ li ti nhảy múa trước mắt, từ từ trôi theo dòng chảy, hướng về con đập. Tess liếc nhìn Reilly đang chìm xuống cạnh nàng trong lúc một bầy cá hồi nhỏ tò mò lượn lờ xung quanh trước khi bơi vụt vào trong bóng tối.

Tess thấy Reilly đang chỉ tay xuống dưới và nhìn thấy đáy hồ từ từ hiện ra trong tầm mắt. Thoạt tiên nàng cảm thấy bối rối: thậm chí sau bao nhiêu năm nằm dưới lớp bùn đất và phù sa lắng đọng kể từ ngày con đập được xây dựng, nó không giống như những đáy biển mà nàng từng thấy. Thực tế, trông nó chỉ giống như nó bây giờ: một thung lũng bị nhấn chìm trong nước, rãi rác những tảng đá và những thân cây trơ trụi đã chết từ lâu. Hầu hết đều bị bao phủ bởi những lớp tảo dày và đen kịt.

Họ bơi cạnh nhau, di chuyển theo đường xoắn ốc, quan sát đáy hồ, và rồi đôi mắt lão luyện của Tess nhận ra nó trước tiên. Ông lão nói đúng, ở đó, gần như không thể nhận ra được trong cái quang cảnh như đến từ thế giới khác này, là những tàn tích kỳ dị của thị trấn.

Đầu tiên, Tess chỉ nhìn thấy những bức tường đá bị xói mòn, rồi dần dần nàng bắt đầu có một chút cảm nhận về hình dạng và mục đích, và có thể nhận ra những tảng đá xếp thành những đường thẳng giống nhau như thế nào. Nàng dẫn Reilly lặn xuống sâu hơn, và giờ thì Tess có thể nhận ra con đường và vài căn nhà. Họ lướt về phía trước, nhìn xuống những tàn tích còn lại của ngôi làng cổ, bơi lơ lửng phía trên nó trong bóng tối ảm đạm như những nhà thám hiểm đang bay lượn trên mảnh đất xa lạ. Quang cảnh ấy dường như không có thực, những cành chết trơ trụi lá đong đưa theo dòng nước lờ đờ như cánh tay đang vẫy gọi của những linh hồn bị giam cầm.

Một sự lay động bất chợt xuất hiện làm Tess đánh mắt nhìn sang bên trái. Một đàn cá nhỏ lúc trước đang rỉa những đám rong tảo giờ tản vào trong bóng tối. Quay người lại, nàng nhận thấy những căn nhà không còn nữa, thay vào đó là một khoảng trống. Bơi về phía đó, Tess nhìn thấy cái gốc đen sì của một thân cây khổng lồ, những cành cây còm cõi và mục ruỗng còn lại đong đưa theo dòng nước. Nó đây rồi: họ đã tìm được cây liễu. Nàng bất giác thở ra, một đám bong bóng nhỏ trào ra khỏi bộ điều áp rồi lao thẳng lên mặt nước. Tess luống cuống quan sát xung quanh. Nàng biết là đã rất gần. Khi Reilly đến bên, nàng nhận ra nó: những dấu vết đổ nát của cái giếng trước kia, cách gốc cây vài mét ngược với dòng chảy. Tess lao về phía trước, chùm sáng của cây đèn pin chiếu xuyên qua bóng tối dày đặc phía bên kia giếng. Và ở đó, ngay bên kia, những bức tường nhà thờ sừng sững vươn lên trong vẻ uy nghi trầm lặng.

Tess liếc nhìn Reilly. Anh vẫn bơi cạnh nàng, đang chiêm ngưỡng nó, rõ ràng cũng kinh sợ chẳng kém gì Tess. Nàng đạp chân bơi lên trước, lọt thỏm vào giữa những công trình kiến trúc đồ sộ. Lớp bùn đất bám vào các vách tường làm chúng vững chắc hơn. Phần mái bị hư hại nặng. Khi chiếu đèn vào tường, nàng nhận thấy nhà thờ ở trong tình trạng rất tồi tệ, và chắc chắn tệ hơn nhiều so với bảy trăm năm trước, khi các Hiệp sĩ Đền Thánh phát hiện ra nó.

Với Reilly bám theo sau, Tess hạ xuống, như một cánh chim xà xuống kho thóc, bơi qua cổng nhà thờ, một cánh cổng đã lệch hẳn về một bên. Lúc này, ở bên trong, bơi lơ lửng cách nền đất hơn bốn mét, họ di chuyển dọc theo dãy cột trụ, một số đã sụp đổ. Các bức tường chắn không cho bùn đất tích tụ lại quá dày nên sẽ tìm ra được những tấm bia mộ. Họ sát cánh bên nhau cùng tiến về phía trước, cây đèn pin tạo ra những luồng sáng nhiều hình thù tựa như nhìn qua chiếc kính vạn hoa trên các hốc tường sâu hoắm.

Tess nhìn quanh, ghi lại từng hình dạng và hình bóng ma quái, cố giữ cho trái tim đang loạn nhịp của mình đập bình thường trở lại. Cánh cổng giờ đã bị bóng tối phía sau họ nuốt chửng, và nàng ra dấu cho Reilly rồi thả người xuống đáy hồ. Reilly theo sát bên nàng. Một phiến đá vỡ khổng lồ nằm dưới đó, nàng đoán nó là một phần bệ thờ. Nó cũng bị rong tảo bám đầy và những con tôm bé xíu lẩn khuất ở trong đó. Tess kiểm tra đồng hồ và giơ mười ngón tay ra dấu với Reilly. Họ phải ngơi lên trong vài phút nữa; không khí trong các bình lặn không đủ nên họ không thể dừng lại lâu để giảm áp suất.

Tess biết giờ họ đã ở rất gần. Nhích dần từng phân trên nền nhà thờ, nàng nhẹ nhàng gạt lớp bùn đất trên nền, cố không tạo ra đám bụi mù. Không thấy dấu vết của những phiến đá lát đường. Chỉ có những mảnh vỡ nhỏ và rất nhiều bùn đất, và những con lươn uốn éo trườn qua trườn lại ở đó. Bỗng Reilly thúc khuỷu tay vào người Tess. Reilly nói gì đó, giọng anh méo mó, nghe như tiếng kim loại va vào nhau giữa đám bong bóng nước thoát ra khỏi ống thở. Tess nhìn Reilly cúi xuống, gạt lớp bùn đất và đá trên một hốc tường nhỏ. Những chữ khắc mờ mờ hiện ra trên nền đất. Đó là một tấm bia mộ. Hơi thở Tess giờ trở nên dồn dập. Lần ngón tay theo những con chữ, nàng tìm ra cái tên: Caio. Tess nhìn Reilly, đôi mắt nàng rực lên vì khích động. Ánh mắt Reilly mỉm cười đáp lại. Cẩn thận và miệt mài, cả hai phủi sạch cát trên những phiến đá khác. Nàng nghe thấy tim mình đập thình thịch trong lồng ngực, và dần dần từng chữ một, những cái tên khác hiện ra. Và rồi, qua lớp bùn đất, nó đây:

Romiti.

Lá thư của Aimard là có thật. Chiếc máy giải mã do FBI tạo ra đã giải mã chính xác và, phấn khích hơn cả là, những giả định của nàng cũng chính xác.

Họ đã tìm ra nó.

Chương 59

Giờ họ di chuyển nhanh hơn, bắt đầu phủi sạch những mảnh vỡ và đất cát xung quanh tấm bia mộ.

Reilly cố lách các ngón tay vào kẽ hở để nhấc tấm bia lên, nhưng điểm tựa yếu và sức lực hạn chế khiến anh không thể nào đủ lực bẩy để nâng nó lên. Tess kiểm tra đồng hồ, chỉ còn năm phút. Nàng dáo dát nhìn quanh tìm cái gì đó làm dụng cụ và phát hiện mấy thanh kim loại cong queo thò ra từ một cây cột. Bơi lên đó, Tess giật mạnh thanh kim loại nhỏ ra cho đến khi nó long khỏi đám bụi đá nhỏ. Nàng bơi thật nhanh xuống phía nền nhà thờ, Reilly cầm lấy nó rồi lèn một đầu thanh kim loại vào kẽ hở quanh bia mộ. Họ cùng cố đè đầu kia xuống.

Đột nhiên, có tiếng cọt kẹt. Không phải ở phía dưới mà là phía trên. Liếc vội lên, Tess thấy các mảnh vỡ nhỏ rơi xuống từ nơi nàng lôi thanh kim loại ra. Liệu đó đơn thuần chỉ là chuyển động của dòng nước, hay là phần trên của cây cột đang trượt ra khỏi chân đế? Tess nhìn Reilly đầy vẻ hối thúc. Reilly bấu chặt tay vào thanh kim loại, ra hiệu là mình sẽ cố cạy nắp bia mộ. Nàng gật đầu, tóm lấy nó; một lần nữa, họ dùng hết sức bẩy nó lên. Lần này, tấm bia đã nhúc nhích. Dù chỉ một chút thôi, nhưng nó đã nhúc nhích, dầu rằng chưa đủ rộng để luồn tay vào. Lần nữa, họ ra sức bẩy thanh sắt lên. Thêm một lần nữa, tấm bia nhúc nhích rồi hếch lên, một cái bong bóng khí to tướng xuất hiện trước họ. Nó thô bạo lướt qua người họ rồi vọt biến lên phía trên qua lỗ thủng trên trần nhà mục nát.

Lại thêm một tiếng cọt kẹt khác ở bên trên.

Nhìn lên, Tess thấy phần trên của cây cột rõ ràng đang lệch dần ra khỏi chân đế. Thanh sắt lúc trước nàng vội vàng lấy đi vì lý do nào đó đã làm cây cột mất thăng bằng khiến cấu trúc vốn đã yếu giờ càng thêm lỏng lẽo. Phía trên Tess, những đám bụi phụt ra trong nước giống như những vụ nổ ngầm. Nàng quay lại phía Reilly, anh đang vật lộn với tấm bia mộ và chỉ tay xuống dưới. Tess nhận thấy giờ đã đủ chỗ để nàng luồn tay vào. Tess nhoài người cúi xuống, trong đầu chợt nhớ lại một bộ phim cũ trong đó có cánh tay người thợ lặn bị con lươn hung dữ ngoạm chặt. Cố gạt hình ảnh ấy ra khỏi đầu, Tess thò tay vào hầm mộ. Nàng liều lĩnh sờ soạng xung quanh, hoàn toàn không để ý đến những tiếng nứt đang dội lại và kết cấu thiếu vững chãi của các bức tường cổ quanh mình. Rồi các ngón tay Tess cảm thấy được cái gì đó. Nó có vẻ cồng kềnh. Nàng nhìn Reilly với ánh mắt khẩn khoản thúc giục anh nâng tấm bia mộ lên cao hơn để có đủ chỗ lấy vật đó ra. Reilly nắm chặt thanh sắt lên, thở ra một chùm bong bóng nước to tướng khi anh gắng sức bẩy nắp hầm mộ cao hơn. Tess lôi vật đó ra, cố xoay xở kéo món đồ qua cái lỗ mà không làm hư hại.

Reilly bẩy nắp hầm mộ lần cuối, phiến đá được nâng lên đủ rộng để vật đó trượt ra ngoài. Trông nó giống như cái túi da, có một quai đeo dài, kích thước cỡ balô nhỏ, cộm phồng lên bởi một vật gì đó cứng và có vẻ nặng. Khi Tess lôi cái túi ra khỏi khe hở, thanh sắt bỗng gãy đánh tách một tiếng và nắp mộ trượt xuống, sượt qua cái túi khi nó đóng sập khoang mộ lại và tạo thành một đám mây bùn đất bay tứ tung. Từ phía trên, một tiếng kẽo kẹt khác vang lên, tiếp theo là tiếng hai phiến đá đập vào nhau trong khi phần trên của cây cột từ từ lệch dần ra khỏi chân đế, mái nhà bên trên cũng sụp xuống theo. Tess và Reilly trao cho nhau những cái nhìn thúc giục rồi cùng hướng ra phía cửa, nhưng có cái gì đó kéo Tess lại. Cái túi bị mắc, quai kẹt lại dưới phiến đá.

Trong lúc Tess điên cuồng kéo quai túi ra, Reilly đảo mắt khắp hồ tìm cái gì đó làm đòn bẩy, nhưng không tìm được gì. Lúc này, các mảnh vỡ rơi xuống người họ như mưa, trôi lềnh bềnh thành một đám mây bùn đất dày đặc. Tess lại giật mạnh quai túi, ánh mắt lo lắng của Reilly bắt gặp ánh mắt nàng, rồi Tess lắc đầu. Ngôi nhà thờ sắp đổ sập, cả hai phải ra khỏi nơi này ngay, nhưng như vậy có nghĩa là phải bỏ cái túi lại. Tess vẫn nắm chặt chiếc túi da tơi tả. Nàng không định bỏ cuộc.

Reilly di chuyển thật nhanh. Anh hụp xuống, bấu chặt tay vào rìa phiến đá, trụ vững trên hai chân rồi lấy hết sức đẩy phiến đá để kéo sợi dây ra. Một thanh xà lớn rơi xuống, cách chân Reilly chỉ vài phân. Với nỗ lực cuối cùng ấy, phiến đá khẽ nhích đi một chút – nhưng vậy là đủ để kéo cái quai túi ra. Reilly lao đi, hướng về cánh cổng, cả Tess cũng vậy, họ điên cuồng đạp chân phóng đi trong lúc những mảnh vỡ từ mái nhà rơi xuống xung quanh. Tránh né chúng, họ len lỏi giữa những cây cột và sau cùng lao qua cổng nhà thờ, hòa mình vào dòng nước trong trẻo hơn.

Chỉ vài khoảnh khắc sau, cả hai đã lơ lửng ở đó, nhìn ngôi nhà thờ đổ sụp xuống, những khối gạch đá khổng lồ sụm xuống tạo nên những đám mây bụi và bong bóng nước. Tim Tess vẫn đập điên cuồng. Nàng cố trấn tĩnh thở chậm

lại, ý thức được về nguồn dưỡng khí ít ỏi còn lại và hành trình trồi lên chậm chạp và dài dằng dặc phía trước. Tess liếc cái túi, băn khoăn không biết nó chứa gì bên trong, liệu vật đó có còn nguyên vẹn sau bao nhiêu năm trời không và hy vọng là nó không bị hủy hoại khi tiếp xúc với nước. Khi liếc nhìn từ giã cái giếng, tâm trí nàng chợt hướng về Aimard và cái đêm định mệnh đó. Ngay cả trong những giấc mơ dữ dội nhất, ông ta cũng không thể tưởng tượng nổi, từ bảy trăm năm trước, thung lũng này sẽ bị nhấn chìm bởi một con đập nhân tạo, và cái nơi cất giấu bí mật của ông ta phải nằm sâu dưới nước hàng chục mét.

Reilly nhìn nàng. Ánh mắt họ gặp nhau. Dù bị lớp kính mặt nạ che khuất, sự phấn chấn của Tess vẫn biểu hiện rõ ràng. Nàng kiểm tra đồng hồ. Bình dưỡng khí sắp hết. Nàng chỉ tay lên trên. Reilly gật đầu đồng ý và họ bắt đầu trồi lên chậm chạp, cố gắng không để mình nhanh hơn các bong bóng khí nhỏ nhất đang thoát ra khỏi các bộ điều áp.

Xung quanh họ, nước dần trong lại, những đám bụi bùn đất đá ở phía dưới. Hành trình trồi lên dường như dài vô tận, nhưng cuối cùng ánh sáng cũng bắt đầu thấp thoáng. Nhìn lên nơi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, mặt Tess trắng bệnh không còn giọt máu khi nàng chợt nhận ra có gì đó khang khác. Tess đưa bàn tay không cầm túi chụp lấy tay Reilly, nhưng qua cảm giác căng cứng trong cơ bắp Reilly, nàng biết anh cũng nhận ra sự khác thường đó.

Ở phía trên họ, thay vì bóng của một chiếc thuyền, bây giờ là hai cái bóng.

Có ai đó đang ở đấy, nhưng họ không thể làm gì khác khi nguồn dưỡng khí sắp cạn kiệt. Họ buộc phải trồi lên. Ánh mắt Tess đanh lại. Nàng biết kẻ đó là ai rồi. Và khi trồi lên khỏi mặt nước, nàng thấy mình đoán đúng.

Ông lão Rũstem vẫn ở đấy, giống như khi họ để ông ta lại, chỉ có điều trên mặt ông lão là cái cau mày đầy sợ hãi và buồn bực. Ngồi trong chiếc thuyền thứ hai và nhìn họ bằng ánh mắt thích thú câm lặng – gần như là một giáo sư đang công nhận thành công của người học trò xuất sắc, Tess thầm nghĩ – là William Vance.

Anh ta giữ khư khư khẩu súng ngắn trong tay.

Chương 60

Lúc giúp Tess leo lên thuyền Rũstem, Reilly liếc nhanh về phía bờ. Một chiếc pickup[49] nâu hiệu Toyota đang đậu bên cạnh chiếc SUV của họ. Hai gã đàn ông đứng ở rìa hồ, chẳng có ai trong bọn chúng là anh chàng kỹ sư Okan cả. Tên thứ nhất cao to và kềnh càng hơn anh chàng kỹ sư nhỏ bé nhiều, tên thứ hai dù cũng dẻo dai và không cao hơn Okan, nhưng không có kiểu đầu tổ quạ như Okan. Reilly còn nhận ra một điểm nữa: cả hai tên đều mang súng. Ở khoảng cách khá xa như thế này, trông có vẻ như là súng săn, nhưng anh cũng không chắc lắm. Reilly đoán là dọc đường đi, Vance hẳn đã kịp tuyển vài tên vai u bắp thịt người địa phương. Anh không biết có tên nào trong bọn chúng nghĩ đến việc lục soát chiếc Pajero không, và nếu vậy, hẳn chúng đã phát hiện ra khẩu Browning nhét trong cái hộp bí mật dưới ghế.

Reilly quan sát Vance, lần đầu tiên nhìn thấy hắn bằng xương bằng thịt. Hóa ra đây chính là kẻ đứng đằng sau toàn bộ cái đống hỗn loạn này cơ đấy. Anh nhớ lại những tên kỵ sĩ bị giết ở New York, gắn con người đang ở trước mặt anh với tất cả những sự kiện đã đưa họ đến chốn khỉ ho cò gáy này, và phán đoán tính khí của gã giáo sư. Cái thông báo đầy đe dọa rằng Reilly thực chất là đặc vụ FBI dường như chẳng hề làm Vance nao núng chút nào. Nhìn thái độ bình thản và vẻ tự chủ của hắn, Reilly tự hỏi làm thế nào mà con người phức tạp này, ngài viện sĩ đáng kính này, biến thành kẻ đào tẩu ngồi trước mặt anh với khẩu súng trong lòng; làm sao một người có cương vị xã hội như hắn lại có thể tham gia vào một băng cướp, và kinh khủng hơn nữa, làm sao hắn có thể thủ tiêu những tên sát thủ mà hắn đã thuê, từng tên một, một cách hiệu quả và nhẫn tâm như vậy.

Có cái gì đó không được ăn khớp lắm.

Reilly nhận thấy Vance hoàn toàn bị cuốn hút bởi cái túi trong tay Tess.

"Cẩn thận đấy," Vance bảo Tess khi nàng xuống thuyền. "Chúng ta chẳng muốn làm sứt mẻ cái món đó đâu. Nhất là sau tất cả những chuyện này." Giọng hắn vang lên bàng quan lạ lùng lúc hắn chìa tay ra. "Nào, đưa đây," hắn vẫy tay ra hiệu.

Tess nhìn Reilly, phân vân không biết phải làm gì. Reilly quay về phía Vance, hắn chậm rãi vung vẩy khẩu súng bằng tay kia cho đến lúc chĩa thẳng mũi súng về phía họ. Biểu hiện trên khuôn mặt gã giáo sư gần như là buồn bã nhưng ánh mắt hắn lại không hề thiếu vẻ cương quyết. Tess đứng dậy, đưa tay ra rồi trao cho hắn chiếc túi.

Vance đặt ngay chiếc túi dưới chân rồi hướng nòng súng về phía bờ. "Ta vào bờ được rồi, phải không nào?"

Lúc họ leo ra khỏi thuyền lên bờ, Reilly giờ đã nhìn thấy quả thực hai tên thủ hạ của Vance mang súng săn. Tên cao lớn hơn, vẻ mặt dữ tợn, cổ bè bè như gốc cây, ánh mắt trừng trừng lạnh tanh, chĩa cây súng săn về phía họ, ra lệnh cho họ rời khỏi thuyền. Cây súng xem ra chẳng mới mẻ gì, nhưng cũng đủ khiến người ta khiếp sợ. Quả là một thứ vũ khí kỳ quặc đối với một tên sát thủ được thuê. Reilly chợt nhận ra, Vance gần như chắc chắn buộc phải sử dụng bất kỳ kẻ nào hắn tìm được trong thời gian trước mắt. Điều này có thể có lợi cho họ, Reilly nghĩ, nhất là nếu khẩu Browning vẫn còn trong chiếc Pajero. Mặc dầu vậy, giờ đây họ đang ở trong tình thế quá nguy hiểm, đứng đó, toàn thân ướt sũng trong bộ đồ lặn.

Vance tìm thấy trong sân nhà Rũstem một cái bàn cũ ọp ẹp, hắn dựa cây súng vào bàn. Liếc nhìn Tess, mặt hắn thoáng bừng lên. "Tôi đoán rằng tôi không phải là fan duy nhất của Al-Idrisssi, tôi thực sự muốn là người đầu tiên lấy được nó, như cô có thể tưởng tượng, nhưng…" Hắn bỏ lửng câu nói, đặt chiếc túi cồng kềnh lên bàn. Nhìn chăm chăm vào cái túi với vẻ sùng kính, trong giây lát, tâm trí hắn dường như trôi dạt đi đâu mất. "Mặc dầu vậy," hắn tiếp tục, "tôi rất mừng vì cô đã đến đây. Tôi không chắc bọn thợ lặn nghiệp dư ở đây có thể mang nó lên ngon lành như cô."

Các ngón tay hắn chìa ra, rồi dừng lại chỗ cái túi phồng lên, vuốt nhẹ, cố cảm nhận những bí mật chứa đựng trong chiếc túi. Hắn bắt đầu mở nắp túi, nhưng rồi dừng lại, ngẩng đầu lên như chợt nhận ra điều gì. Hắn quay sang Tess. "Cô nên tham gia cùng tôi trong việc này. Trên nhiều phương diện, đây cũng là khám phá của cả cô nữa."

Tess liếc nhìn Reilly, rõ ràng nàng đang phân vân. Reilly gật đầu bảo nàng cứ làm theo. Tess lưỡng lự tiến lên một bước, nhưng gã đàn ông dẻo dai đầu hói bỗng trở nên căng thẳng và giương súng lên. Vance xổ ra vài từ Thổ Nhĩ Kỳ, tên thủ hạ dịu lại, tránh qua một bên để nàng đi qua. Tess đến chỗ Vance đứng ở bên bàn.

"Hy vọng chúng ta đã không phí công vô ích," Vance nói lúc đưa tay với lấy cái túi và mở nắp túi.

Chậm rãi, và dùng cả hai tay, hắn lôi từ trong túi ra cái gì đó. Một tấm da dê tẩm dầu. Hắn đặt nó lên bàn. Trán hắn nhăn tít lại lộ vẻ bối rối rõ mồn một khi quan sát cái hình thù sau lớp da kia. Những ngón tay e dè của Vance lật tấm da, để lộ một cái vòng bằng đồng thau chạm khắc hoa văn tinh tế đường kính khoảng hai mươi lăm phân.

Vành của nó được chia theo phút, những vết khía V cách nhau đều đặn, và nó có một cái tay quay hai kim nhọn đầu nằm chính giữa cùng với một cặp kim nhỏ hơn - những chiếc kim phụ nằm phía dưới.

Reilly lia mắt nhìn từ chiếc vòng đồng đến gã người Thổ cao lớn, hắn cũng đang nhìn tới nhìn lui từ cái bàn tới Reilly rồi Rũstem, vật lộn để kiềm chế tính tò mò của mình. Cơ bắp của Reilly căng lên mỗi khi anh thấy một cơ hội khả thi, nhưng gã đàn ông cao lớn ấy cũng có cùng ý nghĩ nên lùi lại, giương súng lên đe dọa. Reilly lại thôi, nhận ra là Rũstem đã đánh hơi được ý định của anh, mồ hôi giờ đang túa ra trên da đầu ông lão.

Tại bàn, đôi mắt Tess dán chặt vào thiết bị kia. "Cái gì vậy?"

Vance đang chúi mũi xem xét cẩn thận. "Một cái máy đo độ cao thiên thể của dân đi biển," hắn nói với vẻ ngạc nhiên khi nhận ra cái thiết bị ấy là gì. Hắn ngước lên một chút và nhận ra vẻ bối rối của Tess. "Đây là một dụng cụ đi biển, kiểu như một thứ kính lục phân cổ xưa," hắn giảng giải. "Dĩ nhiên, hồi đó người ta chưa biết về kinh độ, nhưng…"

Được gọi là "thước trượt đến thiên đàng", máy đo độ cao thiên thể, thiết bị khoa học cổ xưa nhất, đã có từ năm 150 trước Công nguyên. Ban đầu được các học giả Hy Lạp sử dụng ở Alexandria, sau đó truyền bá vào châu Âu trong cuộc chinh phục Tây Ban Nha của người Hồi giáo. Được các nhà thiên văn Ả rập sử dụng rộng rãi để tính thời gian bằng cách đo độ cao của mặt trời, sau đó, vào thế kỷ mười lăm, khi các thủy thủ Bồ Đào Nha dùng chúng để xác định vĩ độ của họ, loại máy này đã phát triển thành dụng cụ quý giá của người đi biển. Máy đo độ cao thiên thể của người đi biển là con chủ bài giúp làm nên danh hiệu Nhà Hàng Hải cho Hoàng tử Henry, con của Vua Joao nước Bồ Đào Nha. Suốt nhiều năm, hạm đội của hoàng tử đã bí mật sử dụng thiết bị này và là hạm đội độc nhất có thể xác định phương hướng giữa biển khơi mênh mông. Nó tỏ ra là một dụng cụ vô giá suốt thời đại khai phá của Bồ Đào Nha, thời đại đã phát triển đến tột đỉnh với sự kiện Columbus đặt chân đến Tân Thế Giới năm 1492.

Không phải ngẫu nhiên mà Hoàng tử Henry là Thống lãnh của dòng Chúa Cứu Thế từ năm 1420 cho đến khi qua đời, năm 1460. Một cấp bậc trong quân đội Bồ Đào Nha, nguồn gốc của nó chính là từ các Hiệp sĩ dòng Đền Thánh.

Vance xem xét tỉ mỉ hơn, cẩn thận lật đi lật lại, nghiên cứu từng vết khắc ở vành ngoài. "Thật là khác thường. Nếu cái này thực sự là của dòng Đền Thánh, nó phải có trước những cái mà chúng ta đã nhìn thấy hơn một trăm năm." Vance lại bỏ lửng câu nói. Các ngón tay hắn vừa chạm vào cái gì đó trong chiếc túi: một cuộn da.

Mở cuộn da ra, hắn tìm thấy một tờ giấy da nhỏ.

Reilly nhận ra ngay tức khắc kiểu chữ viết: giống như kiểu chữ trong bản thảo viết tay mã hóa đã dẫn bọn họ đến đây. Chỉ có điều, dường như có khoảng cách giữa các từ.

Bức thư này không bị mã hóa.

Tess cũng phát hiện ra điều tương tự. "Nó là của Aimard," nàng kêu lên. Nhưng Vance không nghe thấy. Hắn đang miên man, mê mải dán mũi vào tờ giấy da đang cầm trong tay. Những giây phút căng thẳng trôi qua lúc Vance im lặng đọc nó. Cuối cùng khi đã trở lại với thực tại, vẻ cam chịu xuất hiện trên gương mặt hắn. "Hình như," hắn ủ rũ thốt lên, "chúng ta vẫn chưa đến được đó."

Tess cảm thấy cơn buồn nôn dâng lên trong cổ họng. Tess biết là nàng sẽ chẳng thích gì câu trả lời, nhưng vẫn phải cố hỏi. "Nó nói gì vậy?"

.....

[49] Xe pickup: loại xe bán tải hai chỗ ngồi, có thùng chở hàng phía sau cabin.

Chương 61

Đông Địa Trung Hải – tháng Năm năm 1291.

“Hạ thủy xuồng lớn!”

Bất chấp tình trạng hỗn loạn điên cuồng xung quanh, tiếng thét của viên thuyền trưởng vẫn vang lên inh tai nhức óc trong đầu Aimard. Khi một bức tường nước nữa ập xuống con thuyền, ý nghĩ duy nhất trong ông là về chiếc tráp Thánh tích, Aimard chạy nhào về phía boong tàu.

Ta phải bảo vệ nó.

Aimard hồi tưởng lại đêm đầu tiên của chuyến hải trình, sau khi chắc chắn thủy thủ đoàn cũng như số Huynh đệ Chiến hữu còn lại đã ngủ say, ông và Hugh yên lặng đi về phía boong tàu, Aimard ôm chặt chiếc tráp mà William de Beaujeu đã tin tưởng giao phó cho mình. Các Hiệp sĩ Đền Thánh có kẻ thù ở khắp mọi nơi, và với thất bại ở Acre, họ hiện đang lâm vào tình thế rất nguy hiểm. Chiếc tráp phải được bảo vệ an toàn, thoát khỏi những cuộc truy lùng có thể xảy ra đối với họ. Aimard đã chia sẻ lo lắng của mình với Hugh sau khi rời Acre, cả Beaujeu và ông đều hoàn toàn tin tưởng con người này. Aimard không ngờ viên thuyền trưởng lại đề ra một giải pháp hoàn hảo đến như vậy.

Aimard nhớ lại sự việc đã diễn ra khi họ đến mũi tàu, Hugh giơ cao ngọn đuốc bùng cháy soi rõ một cái hốc sâu, lớn hơn chiếc tráp một chút, được khoét ngay phía sau đầu chim ưng. Hugh leo lên ngồi giạng chân trên hình đầu chim ở mũi tàu. Aimard nhìn chiếc tráp lần cuối trước khi nhấc nó lên và đưa cho viên thuyền trưởng để ông cẩn thận nhét nó vào cái hốc trống. Ngay bên cạnh, lò than cháy bập bùng dưới các chum nhỏ chứa nhựa thông nóng chảy, bề mặt lớp nhựa thông sóng sánh theo nhịp của những cơn sóng cồn càng lúc càng lớn dần mà chiếc Falcon Temple đang lướt trên đó. Khi chiếc tráp đã yên vị trong cái chỗ ẩn nấp được chuẩn bị cho nó, Aimard thận trọng dùng một chiếc bình kim loại có tay cầm dài để múc nhựa thông, sau đó chuyển cái bình cho Hugh để viên thuyền trưởng đổ nhựa thông vào các khe hở giữa cái tráp và các cạnh hốc. Một lát sau, một xô nước được dội ào lên lớp nhựa thông nóng bỏng, hơi nước xèo xèo bốc lên. Hugh gật đầu với Aimard, và ông giao cho Hugh lo tiến hành công đoạn cuối của việc che giấu chiếc tráp Thánh tích. Một miếng gỗ dày, đẽo gọt khớp với đường cong của đầu chim, được đặt trên cái hốc. Hugh dùng các mẩu gỗ chèn to cỡ ngón tay cái nêm chặt miếng gỗ vào vị trí, sau đó tất cả cũng được phủ kín một lớp nhựa thông nóng, lớp nhựa này cũng nhanh chóng được làm đông cứng lại bằng nước lạnh. Công việc hoàn thành, Aimard quan sát thêm một lúc lâu cho đến khi Hugh bò xuống khỏi hình đầu chim chạm khắc ở mũi tàu, leo xuống boong an toàn.

Nhìn quanh, Aimard nhận thấy không có ai phát hiện ra việc họ vừa làm. Ông nghĩ đến Martin de Carmaux đang nghỉ ngơi ở phía dưới. Không nhất thiết phải tiết lộ cho người được ông bảo trợ những gì ông đã làm. Sau này, khi cập bến, chuyện đó có thể sẽ cần thiết, nhưng từ bây giờ cho đến lúc đó chỉ có Hugh và ông là được biết nơi cất giấu chiếc tráp Thánh tích. Về những gì trong chiếc tráp – đó là điều mà anh chàng trẻ tuổi Martin chưa sẵn sàng để được biết.

Một tia chớp lóe lên kéo Aimard trở lại với tình thế khó khăn hiện tại. Ông lao qua màn mưa như trút và lúc gần đến boong tàu thì một con sóng khổng lồ khác ập vào chiếc Falcon Temple, sức mạnh hung bạo của con sóng nhấc bổng Aimard lên rồi quăng ngược ông về phía bàn hải đồ, ghìm cứng ông vào góc bàn. Martin nhanh chóng chạy đến và bất chấp những lời phản đối của Aimard, chàng hiệp sĩ trẻ giúp Aimard đứng dậy, kéo ông xuống chiếc thuyền lớn đang đợi sẵn.

Aimard ngã quỵ vào lòng xuồng, và bất chấp cơn đau đang nhói lên bên hông, ông cố đứng thẳng lên, vừa kịp nhìn thấy Hugh leo qua thành thuyền và nhập bọn với họ. Viên thuyền trưởng ôm chặt thứ thiết bị hình tròn kỳ lạ, một dụng cụ đi biển mà Aimard đã thấy ông ta sử dụng và giờ đang mải mê xác định vị trí con thuyền. Người hiệp sĩ đấm mạnh vào mạn xuồng, tuyệt vọng nhìn vào hình đầu chim ở mũi tàu, vẫn sừng sững hiên ngang chống chọi lại

những cơn va đập không thương tiếc và liên hồi của biển cả đang cơn giận dữ trước khi gãy tan như một cành cây con rồi biến mất dưới làn nước sôi sục.

Chương 62

Tess cảm thấy lòng nặng trĩu tựa như bao nhiêu không khí đã tuôn hết khỏi lồng ngực. Nàng nhìn một cách hoài nghi, "Vậy là nó đấy à? Sau tất cả những chuyện này, đó là thứ đã nằm sâu dưới đáy biển à?"

Nàng cảm thấy cơn giận dữ trào dâng. Không phải lại thế nữa chứ. Đầu óc Tess rối như một mớ bòng bong. "Vậy tại sao lại có cái bí mật này," nàng thốt lên, mặt đanh lại. "Tại sao lại có lá thư mã hóa? Tại sao lại không để các Hiệp sĩ Đền Thánh ở Paris biết họ đã mất nó mà không thể làm gì được?"

"Để duy trì một trò lừa bịp," Vance phỏng đoán. "Miễn là nó vẫn nằm trong tầm tay của họ, chính nghĩa vẫn còn tồn tại. Và họ được an toàn."

"Cho đến khi trò lừa bịp của họ được gọi là…?"

Ông giáo sư gật đầu. "Chính xác. Nhớ rằng dù là gì đi nữa thì điều này vẫn có tầm quan trọng tối cao đối với các Hiệp sĩ Đền Thánh. Cô đừng nghĩ rằng Aimard chịu để cho vị trí của nó không được ghi chép lại, bất kể suốt cuộc đời mình họ có đến lấy lại được nó hay không."

Tess buông một tiếng thở dài nặng trịch rồi thả người xuống chiếc ghế gỗ cạnh bàn. Nàng dụi dụi mắt khi hình ảnh của cuộc hành trình gian khổ hàng mấy thế kỷ trước cũng như cảnh tượng của những người bị kéo lê đến dàn hỏa thiêu rừng rực lửa tràn ngập tâm trí nàng. Tess mở mắt và lại nhìn sững vào cái máy đo độ cao thiên thể. Tất cả những cuộc hành trình dó, tất cả những mạo hiểm đó, nàng nghĩ… cũng chỉ vì cái vật này.

"Họ đã đến rất gần". Vance chìm trong thế giới của riêng mình, xem xét cái dụng cụ hàng hải tỉ mẩn hơn. "Nếu chiếc Falcon Temple cầm cự thêm một vài giờ, hẳn họ đã tiến lại gần bờ, đi theo đường bờ biển và dùng những tay chèo đưa họ đến một trong những hòn đảo Hy Lạp lân cận, nằm trong tay của những người bạn thân thiện. Ở đó, hẳn họ đã có thể sửa chữa lại cột buồm và tiếp tục ra khơi, thoát khỏi nỗi sợ hãi bị tấn công, thậm chí có thể quay trở lại đảo Cyprus hoặc, nhiều khả năng hơn, đến Pháp." Vance dừng lại, rồi nói thêm, gần như là với chính mình. "Và có lẽ chúng ta sẽ được sống trong một thế giới rất khác…"

Reilly ngồi trên cái mép nhỏ của khối bêtông, không thể kìm nén hơn nữa. Cảm giác bất lực không thể chịu đựng nổi. Anh cảm thấy mình có cơ hội tốt hạ gục hai tên Thổ và Vance nếu nhanh tay, tuy nhiên Reilly cũng không muốn đẩy Tess hoặc Rũstem vào vòng nguy hiểm. Vả lại, Reilly cảm thấy còn có cái gì đó chứ không chỉ là cái bản ngã méo mó. Trong sâu thẳm đáy lòng, một cái gì khác đang kêu gào anh chú ý. Ở điểm nào đó, cuộc săn đuổi tội phạm dễ hiểu này đã biến thành một sự kiện âm thầm mà khốc liệt hơn nhiều; anh cảm thấy bị đe dọa, nhưng nó không phải là thứ gì đó cụ thể hữu hình. Reilly không thể nào xác định được nó là gì. Những câu hỏi sâu xa hơn, cốt lõi hơn đã giày vò anh kể từ khi họ giải mã được bản viết tay kia, và đột nhiên Reilly cảm thấy lo lắng và yếu ớt một cách kỳ lạ. "Một thế giới khác ư?" anh chế giễu. "Tất cả chỉ vì, cái gì nhỉ, một công thức thần kỳ tạo ra vàng chăng?"

Vance tuôn ra tràng cười ngạo mạn. "Thôi nào, đặc vụ Reilly. Đừng có làm hoen ố di sản của Hiệp sĩ Đền Thánh bằng những câu chuyện hoang đường nhảm nhí về thuật giả kim chứ. Chuyện họ trở nên giàu có nhờ vào tặng vật của giới quý tộc khắp châu Âu, với sự ban phước đầy đủ của Tòa Thánh Vatican là một sự thật được chứng minh đầy đủ bằng các tài liệu để lại. Người ta dâng tặng đất đai và tiền bạc cho các Hiệp sĩ Đền Thánh vì họ là người bảo vệ dũng cảm cho những người hành hương… Nhưng không chỉ có vậy. Anh thấy đấy, sứ mệnh của họ được coi là thiêng liêng. Những người ủng hộ họ tin rằng các Hiệp sĩ Đền Thánh đang tìm kiếm cái gì đó mang lại lợi ích không đo đếm được đối với nhân loại." Nụ cười thoảng hiện trên khuôn mặt lạnh lùng của Vance. "Điều người ta không biết là nếu các Hiệp sĩ Đền Thánh thành công, nó sẽ mang lại lợi ích cho toàn bộ nhân loại, chứ không phải chỉ cho 'những người được chọn lựa', như những tín đồ Công giáo châu Âu ngạo mạn tự nhận."

"Anh đang nói về cái gì vậy?" Reilly buột miệng.

"Một trong những lời cáo buộc dẫn đến sự diệt vong của các Hiệp sĩ Đền Thánh là họ đã trở nên quá gần gũi với những cư dân khác trong vùng Đất Thánh – người Hồi giáo và người Do Thái, Người ra nói rằng vì tiếp xúc với

bọn họ mà các hiệp sĩ yêu quý của chúng ta đã bị dụ dỗ chia sẻ với họ những tri thức huyền bí. Về khía cạnh đó, những cáo buộc ấy thực sự chính xác, mặc dù chúng nhanh chóng bị gạt sang một bên để nhường chỗ cho những cáo buộc khác màu mè hơn mà tôi chắc rằng cả hai người đều biết rõ. Có thể hiểu được tại sao Giáo hoàng và nhà vua – người xét cho cùng đã được Chúa xức dầu thánh, và khao khát chứng tỏ mình là ông vua ngoan đạo nhất – đều kiên quyết loại bỏ ý kiến đó, cái ý niệm cho rằng các hiệp sĩ của họ đã thực sự kết thân với bọn ngoại đạo, hơn là sử dụng nó làm vũ khí sau này để hạ bệ các Hiệp sĩ Đền Thánh. Nhưng cáo buộc không chỉ là về việc họ đã chia sẻ kiến thức huyền bí. Thực ra, nó mang tính thực tế hơn nhiều. Họ đang trù định cái gì đó liều lĩnh, can đảm và không thể ngờ tới, có thể đó là hành động điên rồ nhưng cũng là hành động vô cùng dũng cảm và có tầm nhìn xa." Vance dừng lại, dường như xúc động vì chính cái ý nghĩ kia, hắn lại nhìn Reilly chằm chằm.

"Họ đã," Vance tuyên bố, "âm mưu hợp nhất ba tôn giáo lớn."

Hắn ngẩng đầu nhìn những ngọn núi bao quanh họ, dang rộng đôi tay. "Hợp nhất ba tôn giáo," Vance cười lớn. "Thử tưởng tượng chuyện này. Người Công giáo, Do Thái và Hồi giáo – tất cả kết nối trong cùng một đức tin. Và tại sao lại không nhỉ? Rốt cuộc, tất cả chúng ta thờ phụng cùng một vị Thượng đế. Tất cả chúng ta đều là con cháu của ông tổ Abraham, phải không nào?" hắn nhạo báng. Mặt Vance đanh lại. "Nghĩ về điều đó đi. Tưởng tượng chúng ta sẽ sống trong một thế giới khác biệt như thế nào nếu điều đó xảy ra. Một thế giới chắc chắn tốt đẹp hơn... Nghĩ đến nỗi khổ đau và chết chóc mà chúng ta hẳn đã tránh được trong những năm qua – ngay chính ngày hôm nay chứ không phải bất cứ lúc nào khác. Hàng triệu triệu con người, sẽ không ai phải chết một cách vô nghĩa. Không còn những cuộc tra vấn xét hỏi, không còn những vụ diệt chủng, không còn chiến tranh ở vùng Balkan hoặc Trung Đông, không còn những chiếc máy bay đâm vào những tòa nhà chọc trời..." Ánh mắt ranh mãnh thoáng hiện trên mặt hắn. "Chắc hẳn lúc đó anh cũng chẳng có việc để làm, đặc vụ Reilly à."

Reilly suy nghĩ rất lung, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa những lời hắn vừa tiết lộ. Có thể như vậy chăng...? Anh chợt nhớ lại cuộc nói chuyện với Tess về khoảng thời gian chín năm mà các Hiệp sĩ Đền Thánh sống ẩn mình trong ngôi Đền, sự tăng tiến nhanh chóng về quyền lực và tài sản, và dòng chữ Latinh và Tess đã nói với anh.

Veritas vos liberabit.

Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi.

Anh nhìn Vance. "Anh cho rằng họ đã tống tiền Giáo hội. Anh nghĩ Vatican cho phép các Hiệp sĩ Đền Thánh thâu tóm quyền lực."

"Tòa Thánh sợ mất vía. Họ không còn lựa chọn nào khác."

"Nhưng... bằng cái gì?"

Vance bước lên một bước gần hơn, vươn tay ra chỉ vào chiếc thánh giá nằm ở khoảng hở hình chữ V trên bộ đồ lặn ướt đẫm của Reilly và bất ngờ giật nó khỏi cổ anh. Cầm chiếc thánh giá trong tay, sợi dây chuyền lủng lẳng dưới mu bàn tay, hắn nhìn cây thánh giá bằng ánh mắt khinh bỉ giờ đã hóa đá.

"Bằng sự thật về câu chuyện cổ tích này."

Chương 63

Những lời Vance nói treo lơ lửng trên đầu họ như lưỡi dao máy chém.

Ánh mắt hắn lại đầy sức sống khi liếc nhìn cái vật nhỏ bé và bóng loáng đang nằm trong tay. Nét mặt sa sầm lại. "Quả là đáng ngạc nhiên, phải không nào? Chúng ta ở đây, hai ngàn năm sau, với tất cả những điều mà chúng ta đã làm được, tất cả những gì mà chúng ta biết, vậy mà cái thứ bùa chú bé nhỏ này vẫn còn tác động đến cách sống... và chết của hàng tỷ người."

Mặc bộ đồ lặn ẩm ướt, Reilly cảm thấy một cơn ớn lạnh khó chịu. Anh đảo mắt nhìn Tess. Nàng đang nhìn Vance với vẻ chăm chú say mê mà Reilly không tài nào hiểu được.

"Làm sao anh biết được điều này?" Nàng ngập ngừng hỏi.

Vance rời mắt khỏi chiếc thánh giá của Reilly quay sang phía nàng. "Hughes de Payens. Người sáng lập dòng Hiệp sĩ Đền Thánh. Khi còn ở miền Nam nước Pháp, tôi đã phát hiện vài điều về ông ta khiến tôi vô cùng sửng sốt."

Những bình luận đầy chế giễu của nhà sử học người Pháp bỗng ùa về trong đầu nàng. "Vậy là ông ta đến từ nơi đó, từ Languedoc – và ông ta là một người giáo phái Cathar?"

Lông mày của Vance nhướn lên và hắn ngoẹo đầu sang một bên, rõ ràng là bị ấn tượng. "Cô thuộc bài đấy."

"Nhưng điều đó cũng đâu có ý nghĩa gì," Tess phản bác. "Họ đến đấy ban đầu là để hộ tống những người Công giáo hành hương."

Nụ cười của Vance vẫn còn đó, nhưng giờ giọng nói hắn đã gay gắt hơn. "Họ đến đấy với sứ mệnh tìm lại cái gì đó đã thất lạc trong một ngàn năm, cái gì đó đã bị giới giáo phẩm cao cấp trong các quân đoàn của Titus che dấu. Vỏ bọc nào tốt hơn cho họ – và con đường nào tốt hơn để tiếp cận nơi mà họ quan tâm – ngoài việc thừa nhận là những người ủng hộ trung kiên của Giáo hoàng và cuộc Thập tự chinh sai lầm của ông ta. Cô thấy đấy, họ đâu có mù quáng cố gắng chiến đấu chống lại Giáo hội – trước khi họ tích lũy đủ quyền lực và tiền của để có thể tồn tại trước một thách thức như vậy. Vatican có cả một lịch sử dài dằng dặc đàn áp không thương tiếc bất kỳ thách thức nào đe dọa đức tin duy nhất đúng đắn duy nhất của nó – toàn bộ các làng mạc, phụ nữ và trẻ em đều bị đội quân của Giáo hoàng tàn sát vì dám theo đuổi tín ngưỡng của riêng mình. Do vậy, họ đã ấp ủ một kế hoạch. Để hạ bệ Giáo hội, họ phải có vũ khí và ảnh hưởng. Và gần như họ đã thực hiện được đều đó. Họ đã tìm được cái họ muốn. Khi đã là Hiệp sĩ Đền Thánh, họ trở thành một thế lực quân sự hùng mạnh và có tầm ảnh hưởng rộng lớn. Họ sắp sửa bước ra khỏi chốn tâm linh của mình. Điều mà họ không ngờ đến là họ – không chỉ Hiệp sĩ Đền Thánh, mà tất cả các đội quân Công giáo – sẽ bị đá văng khỏi Đất Thánh trước khi có cơ hội phát động cuộc tấn công vào Giáo hội. Và khi việc này xảy ra, kết thúc bằng trận chiến tại Acre năm 1291, họ không chỉ mất đi nền tảng quyền lực của mình – các lâu đài, quân đội, vị thế áp đảo ở Hải ngoại – mà còn mất cả thứ của trời cho, thứ vũ khí cho phép họ tống tiền Vatican trong suốt hai trăm năm, vật đã trao quyền cho họ hoàn thành sứ mạng của mình, khi chiếc Falcon Temple chìm vào lòng biển cả. Và kể từ thời điểm đó, việc họ bị xóa sổ chỉ là vấn đề thời gian." Hắn khẽ gật đầu rồi nhìn sững hai người với ánh mắt đầy phấn khích. "Ngay lúc này, với một chút may mắn, chúng ta có thể hoàn thành công việc của họ."

Bỗng nhiên, sự yên lặng bị phá vỡ bởi một tiếng nổ khủng khiếp khi đầu của một trong hai tên thủ hạ của Vance nổ tung, lực tác động đẩy thân hình hắn bắn về phía sau và quăng mạnh xuống đất thành một đống bầy nhầy.

Chương 64

Theo bản năng, Reilly lao về phía Tess, nhưng Vance đã chộp vào thắt lưng Tess và đẩy nàng vào chỗ an toàn phía sau chiếc pickup. Đạn bay vèo vèo, nổ tứ tung xung quanh Reilly lúc anh cúi đầu nấp sau chiếc Pajero, đồng thời, theo bản năng anh tập trung lắng nghe âm vang của tiếng nổ để xác định vị trí của tay súng. Ba viên đạn trúng chiếc SUV, xuyên qua nắp capô, ghim vào đầu máy, và xé toạc bánh trước bên phải đồng thời cũng cho Reilly biết vị trí tương đối của tên bắn tỉa: đâu đó ở hướng Nam, trong hàng cây – nhưng điều đáng thất vọng là nằm ngoài tầm súng ngắn.

Sự im lặng nặng nề đổ xuống khu rừng, và sau những khoảnh khắc trì hoãn căng thẳng, Reilly nghiêng người ra ngoài xem xét tổn thất. Chiếc Pajero hẳn là không chạy được nữa. Nhìn về phía chiếc bàn bị lật ngửa, nơi họ đã ngồi. Tên Thổ dẻo dai bị hói chúi đầu núp phía sau, lộ rõ vẻ kinh hoàng. Reilly nhận thấy có chuyển động bên cạnh mình, chỗ nhà xe, một ánh màu xanh thoáng qua khi Rũstem xuất hiện với khẩu súng trường, một loại vũ khí nòng nhỏ mà có lẽ ông dùng để săn thỏ. Ông già đứng ở đó, dán mắt về đám cây phía xa, có vẻ bối rối, tìm nơi phát ra tiếng súng. Reilly điên cuồng vẫy tay và hét gọi ông lão, nhưng trước khi ông kịp phản ứng, hai phát đạn khác lại bay ra từ chỗ tên bắn tỉa, một viên bật vào những ống bêtông xếp trên mặt đất, viên kia ghim vào lồng ngực ông lão, đẩy bật ông về phía nhà xe như con búp bê làm bằng giẻ rách.

Từ sau cửa thùng xe Pajero, Reilly thấy Vance với tay, giật mạnh cửa chiếc pickup trước khi đẩy Tess lên trước hắn rồi bò vào sau nàng. Hắn khởi động xe và vào số. Tên Thổ nhỏ con đã kịp trèo lên thùng sau khi chiếc Toyota quay ngoắt lại rồi lao vọt về phía cổng chính khu đất.

Reilly không còn lựa chọn nào khác. Anh cũng không có thời giờ để lấy lại khẩu Browning trong chiếc Pajero. Lo lắng nhìn lên sườn núi, Reilly quyết định liều một phen. Từ phía sau chiếc SUV, Reilly lao ra, phóng theo chiếc pickup đang sắp khuất dạng.

Thêm hai phát súng nã vào sườn chiếc Toyota khi Reilly đuổi kịp lúc chiếc xe đến ngang cổng và chộp được cửa thùng xe. Chiếc pickup va vào một bên cột cổng trước khi lao xuống đoạn dốc lởm chởm đá. Reilly treo mình lơ lửng, các ngón tay đau nhức, hai chân bị kéo lê trên mặt đất gồ ghề, rồi chân trái va vào một tảng đá nhô lên trên mặt đất, anh cảm thấy đau nhói như bị một que sắt nóng đỏ đâm tận xương tủy. Từng thớ thịt trên cơ thể như bị bốc cháy, Reilly cảm thấy mình sắp bỏ cuộc.

Nhưng không thể được.

Tess đang ở trong xe tải. Anh không thể để mất nàng. Không phải ở đây, không phải lúc này.

Reilly ngước lên và thoáng thấy cái tay cầm ở mặt trong thành xe. Thu hết tất cả sức lực còn lại, anh đạp mạnh đôi chân đang đau nhói xuống đất, rướn người chụp lấy cái tay cầm bằng tay trái. Các ngón tay Reilly rời khỏi cửa thùng xe, bám vào tay cầm, anh kéo thật mạnh, nâng người lên rồi quăng cả thân người lên thùng xe.

Tên Thổ nhỏ con đang lom khom dựa vào thành xe, ôm chặt khẩu súng, chăm chú lo lắng nhìn về một bên. Hắn quay lại và thấy Reilly đã ở trên xe. Hoảng hốt, hắn lóng ngóng để báng súng quay về phía anh, Reilly chụp và đẩy ngược nòng súng lên trời, anh nghe tiếng súng nổ và thấy khẩu súng giật mạnh khi tên Thổ siết cò. Reilly quét cả hai chân, đá vào háng tên Thổ trước khi lao vào hắn. Trong lúc giằng co với tên Thổ, Reilly phát hiện ra cái gì đó và nhìn qua cabin chiếc pickup. Chưa đến một trăm thước phía trước, một chiếc Landcruiser màu be đang đậu ngược chiều, chặn đường họ. Tên Thổ cũng nhìn thấy chiếc xe, tiếng động cơ xe vẫn không giảm. Vance vẫn không giảm ga, Reilly liếc vào kính chiếu hậu ở trong cabin và bắt gặp ánh mắt Tess. Nàng có vẻ hoảng sợ, chồm về phía trước, ép sát người vào bảng đồng hồ điều khiển.

Cả Reilly và tên Thổ đều chộp vào trần cabin khi chiếc pickup nghiêng sang một bên đường, rung lắc dữ dội trên nền đất gồ ghề đầy sỏi đá, bị ép chặt giữa rìa sườn đồi và chiếc Landcruiser đang đậu rồi đâm vào đầu chiếc SUV đồ sộ. Chiếc xe lao đi cùng với âm thanh loảng xoảng của thủy tinh và nhựa, rồi tiếp tục tăng tốc.

Reilly ngoái lại nhìn chiếc Landcruiser, trông nó có vẻ đã bị hư hại quá nặng để tên bắn tỉa có thể tiếp tục sử dụng, và rồi tên Thổ lại cố kéo cây súng khỏi tay Reilly. Trong khi họ giằng co, chiếc pickup đã đến rìa con đập và tiếp tục phóng tới, không hề giảm tốc độ.

Chiếc pickup phóng nhanh trên con đường bêtông chạy dọc theo đỉnh đập, lao tới đầu bên kia. Đang đứng, Reilly liên tục đấm vào người tên Thổ, cuối cùng anh cũng giật được cây súng rơi ra khỏi tay tên Thổ, hắn quay qua ôm lấy ngực anh và siết chặt. Quá gần, không thể sử dụng đầu gối một cách hiệu quả, Reilly bất ngờ dùng chân đá vào má trong mắt cá chân phải của hắn. Vòng ta siết chặt của hắn đã lỏng ra và Reilly cuối cùng cũng đẩy được hắn ra khỏi người mình. Cả hai giờ đang ép sát vào buồng lái, Reilly bắt gặp cái liếc nhanh của Tess, nàng cũng đang giằng co với Vance, ép hắn dừng xe lại. Tess chụp lấy tay lái, chiếc pickup đi trệch ra ngoài, va vào thành chắn bảo vệ. Reilly tuột tay đánh rơi khẩu súng, nó trượt khỏi thùng xe rồi rơi xuống kêu lách cách trên mặt đường bêtông, anh thấy ánh mắt hoảng sợ của tên Thổ khi cây súng biến mất vào khoảng không phía dưới. Hoảng hốt, hắn hấp tấp lao vào anh. Phản ứng theo bản năng, Reilly ngả người về phía sau ngay dưới thân hình đang lao tới của tên Thổ, nâng hai chân hắn lên rồi ném hắn qua thành chiếc pickup đang lao đi vùn vụt và giờ lại đâm sầm vào thành tường bảo vệ. Tên Thổ bay ra khỏi xe, lao thẳng vào tường, rơi xuống phía bên bờ cạn nước của con đập, tiếng thét của hắn chìm vào tiếng động cơ gầm rú của chiếc pickup.

Họ đã đến cuối con đập, Vance bẻ tay lái cho chiếc pickup lướt trên con đường mà Tess và Reilly đã đi qua hồi sáng. Khi họ lao xuống con đường mòn đầy vết xe, Reilly biết lúc này họ đã khuất sau đỉnh đồi, nơi anh nghĩ là tên bắn tỉa đang trấn giữ. Vì tình trạng con đường, Vance buộc phải cho xe chạy chậm lại, nhưng giờ thì Reilly cũng thấy chưa cần bắt hắn phải dừng lại.

Anh để hắn chạy tiếp vài dặm trước khi gõ lên đầu cabin. Gã giáo sư gật đầu tỏ ý phục tùng và, chỉ lát sau, chiếc pickup lắc lư dừng lại.

Chương 65

Sau khi cho tay vào giật chùm chìa khóa khỏi ổ, Reilly đi quanh chiếc xe xem xét thiệt hại. Họ đã thoát khỏi đó khá là nhẹ nhàng. Ngoài vài vết bầm và cơn đau nhói ở chân trái Reilly, cả ba không hề hấn gì ngoài vài chỗ trầy xước, và mặc dù chiếc Toyota bị méo mó, sứt càng gãy gọng đủ chỗ, song Reilly vẫn bị ấn tượng bởi khả năng chống đỡ tuyệt vời của chiếc xe.

Cửa xe phía Vance cọt kẹt mở ra, gã giáo sư và Tess bước ra. Reilly có thể nhận ra cả nàng và Vance đều sốc nặng. Anh cứ nghĩ, Tess thì có thể nhưng Vance thì không thể như vậy được. Mình đã đánh giá hắn sai chăng? Anh nhìn sâu vào mắt hắn và nhận ra, phản chiếu trong đôi mắt đó chính là nỗi bất an đang giày vò anh. Hắn cũng bất ngờ như mình thôi. Hắn không ngờ tới chuyện này. Nó khẳng định có điều gì đó sai lầm kể từ giây phút đầu tiên Reilly để mắt đến gã giáo sư, ngay trên mặt hồ. Phát súng đầu tiên xóa sổ tên đầu sai người Thổ cũng rung lên hồi chuông bao động trong đầu Reilly.

Vance không giết những tay kỵ sĩ kia. Có một kẻ khác đằng sau việc này.

Ý nghĩ đó làm Reilly lo lắng. Đây quả là một sự phức tạp mà nếu không có nó hẳn anh sẽ cảm thấy vui vẻ hơn. Mặc dù khả năng có một "kẻ chỉ đạo" đứng ngoài đã được tính đến từ khi nảy sinh vấn đề mấy tên kỵ sĩ bị giết, nhưng từ lâu nó đã bị coi nhẹ. Mọi dấu vết dường như đều chỉ ra rằng Vance đã khử những tên đồng phạm; dường như hắn cũng đang điều khiển màn trình diễn của chính mình. Nhưng những phát súng ở bờ hồ đã phá bỏ giả thiết đó. Có một kẻ khác ở đây, nhưng là ai? Một kẻ nào khác biết cái mà Vance theo đuổi, tệ hại hơn, còn sẵn sàng tàn sát nhiều người để chiếm được cái đó?

Vance quay sang Tess. "Cái máy đo độ cao thiên thể...?"

Tess gật đầu như thể vừa ra khỏi cơn mộng du. "Nó an toàn," nàng trấn an hắn rồi với tay vào buồng lái lôi cái dụng cụ đó ra. Vance đăm đăm nhìn cái máy, gật đầu ra vẻ hài lòng rồi lại nhìn trừng trừng về phía sườn núi mà họ vừa lao xuống. Reilly quan sát hắn trầm ngâm ngắm nhìn vùng rừng núi hoang vu xung quanh họ. Anh nghĩ mình đã nhận ra vẻ cam chịu, nhẫn nhục trong đôi mắt của gã giáo sư, nhưng chúng nhanh chóng trở nên ngang ngạnh và dữ dội cùng với quyết tâm đáng lo ngại.

"Chuyện gì xảy ra ở phía sau vậy?" Tess đến bên Reilly.

Reilly thôi không nhìn gã giáo sư. "Em ổn chứ?" anh hỏi khi phát hiện vết xước nhỏ trên trán Tess.

"Em ổn," nàng cau mày trước khi ngước nhìn rặng cây vây kín họ như cái hàng rào khổng lồ. Những ngọn núi yên ắng một cách kỳ lạ, nhất là sau cơn cuồng nộ vừa mới nhấn chìm họ vài phút trước. "Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra vậy? Anh nghĩ kẻ nào ở ngoài kia?"

Reilly chăm chú quan sát rặng cây. Không có dấu hiệu của sự sống. "Anh không biết."

"Ồ, tôi có thể nghĩ ra rất nhiều kẻ không muốn những thứ như thế này lộ ra," Vance chen vào. Hắn quay lại đối mặt với họ, nụ cười thỏa mãn hiện ra trên môi hắn. "Rõ ràng bọn họ đang lo sợ – điều đó có nghĩa là chúng ta hẳn đã đến gần lắm rồi."

"Tôi cảm thấy sẽ tốt hơn nếu chúng ta bỏ cách họ vài mét nữa." Reilly ra dấu chỉ về phía chiếc pickup. "Đi nào." Anh giục Vance và Tess vào xe.

Tess ngồi giữa hai ngươi đàn ông, Reilly vào số và chiếc Toyota bầm dập bò dần xuống con dốc, các hành khách trên xe yên lặng chìm trong suy tư về những gì ở phía trước.

Khoảnh khắc nhìn chiếc pickup lao ra khỏi khu đất nhỏ và phóng xuống con đường, de Angelis hối tiếc là đã đậu chiếc Landcruiser bên vệ đường để ngăn chặn bất kỳ cuộc tẩu thoát cuối cùng nào. Âm thanh chói tai khi chiếc xe

tải nhỏ lao vào xe họ chẳng báo hiệu điều gì tốt lành cả, và bây giờ, cảnh tượng cái cản sốc phải và lưới trước bẹp rúm của chiếc SUV đã khẳng định nỗi sợ hãi tồi tệ nhất của ông ta.

Chẳng cần Plunkett xác nhận, ông ta cũng biết là chiếc xe chẳng thể chạy đi đâu được nữa. De Angelis bật mở cốp sau, lục tung đồ đạc bên trong, lôi ra chiếc màn hình GPS[50] và tức giận gõ lách cách lên bàn phím. Con trỏ nhấp nháy, hiển thị không có bất cứ di chuyển nào. Thiết bị theo dõi hoàn toàn không có dấu hiệu di chuyển. De Angelis quắc mắt giận dữ nhìn chiếc màn hình nhỏ xíu và nhận ra tọa độ trên màn hình cũng là tọa độ khu đất của Rústem và hiểu rằng thiết bị theo dõi hắn vẫn còn trong chiếc túi xách trên chiếc Pajero bị bỏ lại của Reilly và Tess. Ông ta phải tìm cách khác để xác định vị trí của họ, một công việc chẳng dễ dàng gì trong vùng đất trùng điệp rừng núi này.

Vị cha cố đành gập màn hình lại, quay mặt ra hồ, cảm thấy muốn nổi điên vì sự xoay chuyển của tình thế. Ông ta biết mình không thể trách cứ Plunkett vì tình trạng thê thảm của họ. Ông ta nhận ra còn có thứ khác góp phần vào chuyện này.

Sự ngạo mạn.

Ông ta đã quá chủ quan.

Tội lỗi của sự kiêu ngạo. Một thứ khác để xưng tội.

“Chiếc SUV của bọn chúng. Nó vẫn còn trong khu đất. Có lẽ ta có thể sử dụng nó.” Plunkett đang cầm cây súng trường to đùng, bước xa khỏi chiếc Landcruiser, háo hức muốn bắt đầu.

De Angelis đứng yên không nhúc nhích. Ông cha cố chỉ đứng đó, bình thản, nhìn trừng trừng vào mặt hồ phẳng lặng như gương.

“Việc đầu tiên đã. Đưa điện đài cho ta.”

.....

[50] GPS: Viết tắt của Global Positioning System – Hệ thống định vị toàn cầu, dùng để xác định vị trí (tọa độ) của vật thể (có gắn thiết bị phát sóng) qua vệ tinh viễn thông. Hệ thống này do Bộ Quốc phòng Mỹ thiết kế và quản lý, nhưng cho phép sử dụng trên toàn thế giới.

Chương 66

Reilly ngoái lại nhìn đăm đăm dọc con đường, lắng tai nghe ngóng. Chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng chim hót, thứ âm thanh nghe thật lạc lõng trong tình hình hiện tại. Họ đã đi thêm được mười ba, mười bốn dặm trước khi bóng tối dần phủ xuống buộc họ phải vạch kế hoạch cho đêm nay. Reilly quyết định bỏ con đường đất đi theo con đường phụ dẫn họ đến khoảng rừng thưa nhỏ bên cạnh dòng suối. Họ sẽ phải phác thảo sơ qua kế hoạch cho đến sáng, trước khi chạy tiếp về phía bờ biển.

Reilly tin chắc rằng chiếc Landcruiser to lớn kia đã hư hỏng nặng vì cú tấn công ngoạn mục của Vance. Nếu đi bộ, dù kẻ tấn công họ có là ai cũng phải mất đến hàng giờ đồng hồ mới đuổi kịp họ; nếu đi bằng xe, ít nhất bọn chúng cũng bị phát hiện khi đến gần. Khi nhìn những tia sáng mặt trời cuối cùng biến mất sau dãy núi, Reilly hy vọng bóng tối đang buông xuống sẽ giúp che dấu cho họ. Đêm nay chắc hẳn sẽ không có tiết mục đốt lửa trại rồi.

Reilly để Vance lại bên cạnh chiếc pickup, trói tay hắn ra sau lưng. Sợi dây trói buộc chặt vào xe. Cuộc lục soát chớm nhoáng chiếc pickup không phát hiện ra bất kỳ thứ vũ khí cất giấu nào, thay vào đó anh lại tìm thấy vài thứ tiện nghi cơ bản như bếp ga du lịch và một ít thực phẩm đóng hộp. Họ chẳng tìm thấy quần áo để thay. Vậy là bây giờ, Tess và anh vẫn phải mặc bộ đồ lặn này.

Reilly đến bên Tess ở mép nước, quỳ xuống hớp một ngụm nước trước khi nằm xuống một tảng đá lớn bên cạnh nàng. Đầu óc anh rối như một mớ bòng bong, vừa lo lắng vừa sợ hãi, tất cả đang đánh nhau tranh giành sự chú ý. Anh đã hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra; chỉ còn phải mang Vance trở về Mỹ an toàn để hắn đối mặt với pháp luật nữa là xong. Cơ hội để đưa tên tù nhân của anh ra khỏi đất nước này một cách êm thấm quả là mong manh. Đã có những tội ác xảy ra ở đất nước này, đã có thêm người bị giết. Reilly tiếp tục suy nghĩ, cảm thấy bực bội trước viễn cảnh những thủ tục dẫn độ rắc rối không thể nào tránh khỏi với chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ. Cấp thiết hơn, anh phải đưa tất cả bọn họ thoát khỏi vùng núi non khỉ ho cò gáy này và trở về bờ biển an toàn. Dù những kẻ bắn họ là ai thì rõ ràng là chúng ở trong tâm thế bắn-trước-hỏi-sau, trong khi họ lại không vũ khí, không điện đài, và ngoài vùng phủ sóng di động.

Dù nghiêm trọng, những mối lo lắng kia cũng nhanh chóng nhường chỗ cho vấn đề lớn hơn đang ám ảnh Reilly. Và từ vẻ bất an trên mặt Tess, anh có thể nhận ra nàng cũng bị những mối lo âu đó dằn vặt.

“Em luôn băn khoăn không biết Howard Carter cảm thấy thế nào khi ông ta tìm ra hầm mộ Vua Tut,” cuối cùng nàng cũng rầu rĩ nói.

“Anh đoán là ông ta đã có một quãng thời gian vui vẻ.”

“Em không chắc. Thật ra ông ta có một lời nguyền phải vượt qua, anh nhớ chứ?” nụ cười yếu ớt thoáng hiện trên mặt, Tess tươi tỉnh hơn một chút, và điều này làm Reilly phấn chấn lên. Nhưng nó vẫn còn ở đó. Cái đống gạch đá ấy đang nặng trình trịch trong bụng anh. Nó sẽ không biến đi, và anh cũng không thể tiếp tục lờ nó đi nữa. Anh phải hiểu cặn kẽ hơn cái mà họ đã dính vào.

Lòng đầy phấn khích, Reilly đứng phắt dậy, bước về phía Vance, Tess đi theo sát bên. Anh quỳ xuống bên cạnh gã giáo sư bị trói, kiểm tra lại dây trói quanh cổ tay hắn. Vance chỉ yên lặng nhìn Reilly chằm chằm. Kỳ quặc thay, hắn có vẻ hoàn toàn chấp nhận tình trạng của mình. Reilly cau mày, lòng phân vân với câu nói nên hay không nên can dự vào chuyện này, và quyết định là không thể tiếp tục tránh né được nữa.

“Tôi cần phải biết vài điều,” Reilly thử lên tiếng, ngắn gọn. “Anh muốn đề cập đến cái gì khi nói ‘sự thật về câu chuyện cổ tích này’... Anh nghĩ người ta giấu cái gì trên chiếc Falcon Temple?”

Vance ngẩng đầu lên, đôi mắt soi mói màu xám của hắn xuyên thấu anh. “Tôi không hoàn toàn chắc chắn, nhưng dù là gì đi nữa, tôi nghĩ đó là điều mà anh có lẽ không dễ dàng chấp nhận.”

“Cứ để mặc tôi lo chuyện đó,” Reilly đáp.

Hình như Vance đang cân nhắc cẩn thận từng lời nói. “Vấn đề là, cũng như hầu hết các tín đồ chân chính, anh sẽ không bao giờ dừng lại suy nghĩ về sự khác nhau giữa đức tin và thực tế, giữa niềm tin vào Jesus Christ và ông Jesus thực sự trong lịch sử, giữa sự thực và... sự bịa đặt.”

Reilly không để bị tác động bởi sự nhạo báng mà anh nhận ra trong giọng điệu của Vance. “Tôi không chắc là tôi cần phải làm vậy.”

“Và anh vui sướng tin vào tất cả những gì có trong Kinh Thánh, đúng không? Nghĩa là, anh thật sự tin tưởng tất cả những điều đó, phải không? Những phép lạ, nào là Ngài đi được trên nước, nào là Ngài chữa sáng mắt cho một người mù... và Ngài trở về từ cõi chết?”

“Dĩ nhiên là tôi tin.”

Nụ cười nhạt thoáng hiện trên môi Vance. “Được rồi. Vậy thì cho tôi hỏi anh điều này. Anh biết gì về nguồn gốc của cái anh đang đọc? Anh có biết ai thực sự viết ra cuốn Kinh Thánh – cuốn kinh mà anh rất đỗi quen thuộc, cuốn Tân Ước ấy không?”

Reilly quả là chẳng biết gì. “Anh muốn nói đến những sách Phúc âm của Matthew, Mark, Luke và John?”

“Đúng vậy. Chúng đã xuất hiện như thế nào? Hãy khởi đầu với điều cơ bản nhất. Chẳng hạn như, chúng được viết vào thời điểm nào?”

Reilly cảm thấy gánh nặng vô hình đè lên người. “Tôi không biết.... Họ là môn đệ của Ngài, vì vậy tôi đoán là chúng được viết ra không lâu sau cái chết của Ngài?”

Vance liếc Tess rồi buông một tràng cười thô lỗ. Ánh mắt trừng trừng bực bội của hắn lại quay về phía Reilly. “Tôi không nên ngạc nhiên làm gì, nhưng quả là đáng kinh ngạc, phải không nào? Hơn một tỷ con người ngoài kia sùng bái những cuốn sách này, coi từng lời từng chữ trong đó như sự uyên thâm của Thượng đế, chém giết lẫn nhau vì chúng, và trên hết không hề có một ý niệm dù là mơ hồ nhất về nguồn gốc thật sự của những cuốn kinh này.”

Reilly cảm thấy cơn giận dữ trào dâng. Giọng nói ngạo mạn của Vance cũng chẳng làm được gì. “Đó là Kinh Thánh. Nó được lưu truyền quá lâu...”

Vance mím môi và nhẹ nhàng lắc đầu, rồi nhanh chóng phản bác lại. “Và anh cho rằng điều đó khiến mọi thứ viết trong đó đều đúng hết, phải không nào?” Hắn ngả người ra sau, đôi mắt mơ màng nhìn vào khoảng xa xăm nào đó. “Đã có thời, tôi cũng như anh. Tôi không thắc mắc gì cả. Tôi tiếp nhận chúng như là... đức tin. Dù vậy, tôi có thể nói với anh rằng, ... một khi anh bắt đầu đào bới kiếm tìm sự thật...” Ánh mắt đăm đăm của hắn, rõ ràng là u uẩn, dừng lại ở Reilly. “Đó chẳng phải là một bức tranh đẹp đẽ gì.”

Điều anh cần phải nhận ra," Vance giải thích, "là thuở sơ khai của đạo Cơ đốc chỉ là một vết đen học thuật lớn khi đề cập đến những thực tế có tài liệu dẫn chứng cụ thể và có thể kiểm chứng. Nhưng nếu chúng ta không nói được gì nhiều về những gì đã xảy ra ở Đất Thánh gần hai ngàn năm trước, vẫn có một điều chúng ta biết rõ: không cuốn nào trong bốn cuốn phúc âm tạo thành Kinh Tân Ước được viết bởi những người cùng thời với Jesus. Điều này," hắn nhấn mạnh khi thấy phản ứng của Reilly, "chưa bao giờ làm các tín đồ, như anh chẳng hạn, phải sửng sốt gì cả."

"Cuốn xuất hiện trước tiên trong bốn cuốn phúc âm," Vance giảng giải, "Kinh Phúc âm của Mark – hoặc đúng hơn, cuốn mà chúng ta cho là Kinh Phúc âm của Mark vì chúng ta thực sự không biết ai viết nó, như thông lệ của thời đó là quy những tác phẩm được viết ra cho những người nổi tiếng – được cho rằng viết vào thời điểm ít nhất là bốn mươi năm sau cái chết của Jesus. Đó là bốn mươi năm không có CNN, chẳng có quay phim phỏng vấn, không có công cụ tìm kiếm Google để xới tung hàng loạt các bản tường trình tai nghe mắt thấy của những người thực sự biết Ngài. Vì vậy trong điều kiện ấy, những gì chúng ta đề cập đến ở đây chỉ là những câu chuyện truyền khẩu, trong bốn mươi năm, chẳng có bất kỳ ghi chép văn bản nào cả. Vậy nói cho tôi nghe xem, đặc vụ Reilly – nếu anh tiến hành một cuộc điều tra, anh sẽ chính xác được đến đâu nếu chỉ xem xét những loại chứng cớ như vậy, sau bốn mươi năm chỉ từ câu chuyện của những người sơ khai, thất học, mê tín kể cho nhau nghe quanh đống lửa trại?"

Reilly không kịp trả lời vì Vance đã lại nhanh chóng tiếp tục. "Còn rắc rối hơn nữa, nếu anh hỏi tôi, là chuyện bốn cuốn phúc âm đặc biệt này đã thực sự kết hợp với nhau để tạo thành cuốn Kinh Tân Ước như thế nào. Anh thấy đấy, sau hơn hai trăm năm đi theo Kinh Phúc âm của Mark, chúng ta lại biết rằng còn có nhiều cuốn phúc âm khác cũng được viết ra, với đủ thứ chuyện về cuộc đời của Jesus. Khi phong trào mới đầu trở nên phổ biến hơn và lan rộng trong các cộng đồng sống rải rác khắp nơi thì những câu chuyện về cuộc đời của Jesus lại mang màu sắc địa phương và bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh riêng của từng cộng đồng. Hàng chục sách phúc âm trôi nổi đây đó, thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Chúng ta biết được điều này qua thực tế, vì tháng Mười hai năm 1945, khi một số nông dân Ả rập đang đào đất bón phân trong vùng núi Jabalal-Tarif thuộc Ai Cập Thượng, gần thị trấn Nag Hammadi, họ đã phát hiện một vại đất nung cao khoảng gần hai mét. Thoạt đầu, họ lưỡng lự không dám phá vỡ chiếc vại, vì sợ rằng djin – linh hồn ác quỷ – có thể bị giam cầm trong đó. Nhưng rốt cuộc, họ cũng đập vỡ chiếc vại, hy vọng tìm thấy vàng thay vì linh hồn ác quỷ, và hành động đó đã dẫn đến phát hiện khảo cổ gây chấn động nhất mọi thời đại: trong chiếc vại là mười ba cuốn sách bằng giấy cói bọc bìa da dê có hình trang trí. Nhưng bất hạnh thay, những người nông dân không nhận ra giá trị của những gì họ vừa phát hiện, và một vài cuốn sách cùng những trang giấy cói bị rời ra đã biến thành tro trong lò sưởi nhà họ. Những trang khác thì bị thất lạc trong chuyến hành trình tìm đến Bảo tàng Công giáo Ai Cập ở Cairo. Dù vậy, năm mươi hai văn bản còn lại vẫn là chủ đề gây tranh luận lớn giữa những học giả chuyên nghiên cứu về Kinh Thánh, khi những tác phẩm này – thường được quy là Sách Phúc âm Ngộ đạo – đề cập đến lời nói và niềm tin của Jesus nhưng lại mâu thuẫn với những điều trong Kinh Tân Ước".

"Ngộ đạo," Reilly hỏi. "Như những người thuộc giáo phái Cathar?"

Vance mỉm cười. "Chính xác," hắn gật gù. "Trong số những văn bản tìm thấy ở Nag Hammadi có Kinh Phúc âm của Thomas vốn được coi là cuốn phúc âm bí mật và mở đầu với dòng chữ: "Đây là những lời bí mật Jesus nói khi còn sống, và được người anh em song sinh, Judas Thomas, ghi lại." Người anh em song sinh. Và còn nữa. Cùng trong tập đó là Kinh Phúc âm của Philip, mô tả công khai mối quan hệ luyến ái của Jesus với Mary Magdalene. Mary cũng có cuốn sách của riêng mình – Kinh Phúc âm của Mary, trong đó bà ta được xem như là một môn đồ và người đứng đầu của một nhóm tín đồ Cơ đốc. Còn có Kinh Phúc âm của Peter, Kinh Phúc âm của người Ai Cập, cuốn sách bí mật của John. Còn có Phúc âm Chân lý, rõ ràng mang sắc thái của tín đồ Phật giáo... danh sách còn tiếp tục."

"Sợi dây gắn kiết chung trong tất cả các sách phúc âm này," Vance tiếp tục, "ngoại trừ những hành động và lời nói được quy cho là của Jesus hoàn toàn khác với những gì trong các cuốn phúc âm của Kinh Tân Ước, ở chỗ chúng xem những đức tin chung của người Cơ đốc, như đồng trinh và phục sinh, là những điều hoang tưởng ngờ nghệch. Còn tệ hơn nữa, những tác phẩm này cũng kiểu như là một loại ngộ đạo, vì mặc dù nhắc đến Jesus và các môn đồ của Ngài, nhưng thông điệp mà chúng truyền tải lại là hiểu biết bản thân mình ở mức độ sâu xa nhất cũng là hiểu

biết về Thượng đế – nghĩa là, bằng cách nhìn vào bản thân mình để tìm ra nguồn gốc của niềm vui, nỗi buồn, tình thương yêu và lòng thù hận, người ta sẽ tìm thấy Thượng đế."

Vance giải thích phong trào Cơ đốc ban đầu là bất hợp pháp như thế nào và cần phải có thứ gì đó kiểu như cấu trúc thần học nếu muốn tồn tại và phát triển. "Sự gia tăng nhanh chóng của những cuốn phúc âm với tư tưởng mâu thuẫn nhau đe dọa dẫn đến một nguy cơ tan rã tiềm tàng không thể tránh được. Cần có sự lãnh đạo, và điều này sẽ không thể nào đạt được nếu mỗi cộng đồng lại có những đức tin và cuốn phúc âm của riêng mình. Vào cuối thế kỷ thứ hai, cấu trúc quyền lực bắt đầu hình thành. Hệ thống ba cấp bậc gồm các giám mục, linh mục, trợ tế xuất hiện trong nhiều cộng đồng, tự xưng là người phát ngôn cho đa số, tin tưởng rằng họ chính là người bảo vệ cho đức tin đúng đắn duy nhất. Tôi không nói rằng những người này nhất thiết là những tên quái vật đói khát quyền lực," Vance tuyên bố. "Họ thực sự rất dũng cảm với những việc mà họ cố thực hiện, và có thể họ thật sự lo sợ rằng nếu không có một bộ quy tắc và nghi lễ khắc khe được chấp nhận rộng rãi thì toàn bộ phong trào sẽ suy tàn."

Vance kể với Reilly làm thế nào, ở vào thời điểm mà việc là một người Cơ đốc có nghĩa là có nguy cơ bị bức hại, thậm chí bị giết, những người sống sót của Giáo hội có thể đồng lòng hiệp sức cùng nhau thành lập một kiểu dòng tu. Phong trào này phát triển cho đến thời điểm khoảng năm 180 và dưới sự lãnh đạo của Irenaeus – Giám mục thành Lyon, quan điểm thống nhất và duy nhất cuối cùng đã được áp dụng. Chỉ có thể có một Giáo hội và một bộ đức tin cùng những lễ nghi duy nhất. Tất cả các quan điểm khác đều bị chối bỏ như là dị giáo. Chủ thuyết của họ rất dứt khoát: không thể có sự cứu rỗi nào bên ngoài Giáo hội chân chính; thành viên của giáo hội phải orthodox – chính thống, có nghĩa là "suy nghĩ thẳng thắn"; và Giáo hội phải và catholic –bao gồm tất cả, nghĩa là "phổ quát". Điều này có nghĩa những sách phúc âm tự phát riêng lẻ của từng cộng đồng phải chấm dứt. Irenaeus quyết định chỉ nên có bốn sách phúc âm đích thực, căn cứ trên cái luận cứ kỳ dị là vũ trụ có bốn phương và bốn loại gió chính, vì vậy chỉ nên có bốn sách phúc âm. Ông ta viết năm tập sách dưới tựa đề Sự phá hoại và báng bổ của cái được gọi sai lệch là tri thức, trong đó ông ta lên án hầu hết những cuốn sách đương thời là báng bổ, dựa trên bốn cuốn phúc âm mà chúng ta biết ngày nay là bản ghi chép cuối cùng lời Thượng đế – không thể sai lầm, không thể sai lạc, và thừa đủ so với nhu cầu của những môn đồ trung kiên nhất.

"Ngoại trừ cuốn Phúc âm của Peter, chẳng có cuốn phúc âm ngộ đạo nào có đoạn thuật lại nỗi khổ hình của Jesus," Vance chỉ ra, "nhưng bốn cuốn phúc âm mà Irenaeus chọn đều có. Chúng nói về cái chết trên Thập giá của Jesus và sự phục sinh của Ngài, chúng liên kết câu chuyện được tuyên truyền cổ xúy với nghi lễ cơ bản trong lễ ban Thánh thể, bữa ăn cuối cùng. Và thậm chí chúng cũng chẳng khởi đầu theo cách đó," Vance nhạo báng. "Trong những bản cũ nhất, kể cả bản đầu tiên, Kinh Phúc âm của Mark, không hề nhắc gì đến đồng trinh, cũng chẳng hề có sự phục sinh nào cả. Bản này chỉ kết thúc với chi tiết ngôi mộ trống rỗng của Jesus, nơi một phụ nữ trẻ bí ẩn, một kiểu nhân vật mơ hồ nào đó, chẳng hạn như thiên thần, phán truyền với một nhóm phụ nữ tìm đến ngôi mộ là Jesus đang chờ đợi họ ở Galilee. Và lời phán truyền này làm những người phụ nữ hãi sợ, họ bỏ chạy và không kể với ai về chuyện đó – điều này sẽ làm anh thắc mắc là làm thế nào Mark hoặc bất kỳ ai đã viết cuốn phúc âm này, lại từng nghe được chuyện này trước đó. Nhưng đó là cách Mark kết thúc cuốn phúc âm của mình. Chỉ trong Kinh Phúc âm của Matthew – năm mươi năm sau – và sau đó là trong Kinh Phúc âm của Luke, mười năm sau nữa thì sự xuất hiện của hậu-phục sinh mới được thêm vào cái kết ban đầu của Mark, và chính bản thân nó về sau cũng được viết lại."

"Phải mất hai trăm năm nữa – trên thực tế là tới năm 367 – danh sách hai mươi bảy văn bản bao gồm những gì mà chúng ta coi là Kinh Tân Ước cuối cùng mới được thống nhất. Đến cuối thế kỷ đó, đạo Cơ đốc đã trở thành tôn giáo được chính thức thừa nhận và việc sở hữu bất kỳ loại văn bản nào đạo Cơ đốc đánh giá là dị giáo đều bị cáo buộc là phạm tội báng bổ. Tất cả các bản sao chép được biết đến của các sách phúc âm khác đều bị phá hủy hay thiêu hủy. Tất cả, nghĩa là ngoại trừ những bản cất giấu trong các hang động ở Nag Hammadi, những bản chẳng hề trưng ra chút nào hình ảnh siêu nhiên thần thánh của Jesus," Vance tiếp tục, mắt dán chặt vào Reilly. "Chúng bị cấm đoán vì Jesus trong các văn bản này chỉ là một người thông minh đi khắp nơi để rao giảng về một cuộc sống lang thang vô sản và toàn tâm toàn ý yêu thương nhân loại. Ngài không ở đây để cứu vớt chúng ta khỏi tội lỗi và kiếp đọa đày vĩnh cửu, Ngài chỉ ở đây để hướng chúng ta đến với một kiểu nhận thức tâm linh. Và khi một môn đồ đạt đến mức khai sáng – ý niệm này hẳn đã làm bản thân Irenaeus cùng những người bạn chí cốt của ông ta không ít đêm mất ngủ – ông thầy không còn cần thiết nữa. Học trò và ông thầy trở thành những người ngang vai phải lứa. Bốn cuốn phúc âm được công nhận, những phúc âm trong Kinh Tân Ước – xem Jesus như Chúa Cứu thế, Đấng Cứu thế, Con trai Thượng đế. Đối với vấn đề này, những tín đồ Cơ đốc Chính thống – và Do Thái chính thống – đều khăng khăng rằng có một khoảng cách không thể vượt qua tách biệt con người với Đấng sáng tạo. Các sách phúc âm tìm thấy ở Nag Hammadi phủ nhận điều này: theo những cuốn sách này, tự nhận biết về bản thân là nhận biết về Thượng đế; con người và thần thánh là một và giống nhau. Tệ hại hơn, bằng cách miêu tả Jesus như một thầy giáo, một nhà hiền triết được khai sáng – các kinh phúc âm này xem Ngài là một con người, một người mà những người như anh hoặc tôi có thể sánh vai, và đó là điều không có lợi cho Irenacus và những kẻ cùng hội cùng thuyền với ông ta. Jesus không thể chỉ là một con người, Ngài phải là cái gì đó hơn thế. Ngài phải là Con trai

Thượng đế. Ngài phải là độc nhất, bởi từ danh vị Đấng độc nhất của Ngài, Giáo hội cũng trở thành độc nhất, là con đường duy nhất đến với sự cứu rỗi. Bằng cách tô vẽ Jesus theo quan điểm đó, Giáo hội thuở sơ khai có thể công bố rằng nếu anh không theo họ, tuân theo những nguyên tắc của họ, sống theo cách mà họ muốn anh phải sống, anh sẽ bị đọa đày xuống địa ngục."

Vance dừng lại, dường như thăm dò nét mặt Reilly trước khi nghiêng người về phía trước, giọng hắn rít lên tựa như muốn xé nát cả bầu trời.

"Những gì tôi đang nói với anh, đặc vụ Reilly ạ, là mọi điều cơ bản mà các tín đồ Cơ đốc ngày nay tin tưởng và đã tin tưởng từ thế kỷ thứ tư, tất cả các nghi lễ mà người ta tuân theo, lễ ban Thánh thể, những ngày lễ Thánh – chẳng có điều gì trong đó là một phần cái mà những môn đệ gần gũi của Jesus tin tưởng. Tất cả chúng đã được bịa ra, được thêm thắt vào sau này – các nghi lễ và niềm tin siêu nhiên mà trong nhiều trường hợp được du nhập từ những tôn giáo khác, từ Lễ Phục sinh cho đến lễ Giáng sinh. Nhưng những kẻ thành lập Giáo hội đã làm việc rất tốt. Đó là món hàng bán chạy trong suốt gần hai ngàn năm qua, nhưng… tôi nghĩ các Hiệp sĩ Đền Thánh hoàn toàn đúng. Vào những ngày đó, tình thế không nằm trong tầm tay họ, người ta sẽ bị tàn sát nếu chọn một tín ngưỡng khác."

"Và nhìn vào tình trạng thế giới hiện nay," Vance tuyên bố với một vẻ đinh nhin đáng sợ, "Tôi sẽ nói rằng cái món hàng này dứt khoát đã quá thời hạn tiêu thụ rồi."

Có phải đó là thứ mà anh nghĩ họ mang lên chiếc Falcon Temple?" Reilly hỏi, giọng mỉa mai. "Cứ cho rằng các sách phúc âm, như anh nói, là những tác phẩm bịa đặt? Cứ cho rằng Jesus không phải là một nhân vật thần thánh? Dù thực sự có thể là vậy," Reilly phản bác, "tôi hình dung điều đó sẽ làm suy yếu đạo Cơ đốc đến mức nào, nhưng làm thế nào điều đó có thể giúp các Hiệp sĩ Đền Thánh hợp nhất ba tôn giáo – giả sử rằng đó là việc mà họ thực sự lên kế hoạch?

"Họ khởi đầu với một điều mà họ biết," Vance tự tin bác lại, "tôn giáo nằm trong tay họ, cái tôn giáo mà họ đã tự mình chứng kiến những điều phóng đại khoa trương của nó. Một khi điều đó… bị vạch trần, tôi tưởng tượng là họ đã nỗ lực tạo lập liên minh với những kẻ tay trong thuộc các cộng đồng Hồi giáo và Do Thái, những cộng sự cùng hoạt động với họ để xúi giục mọi người đặt ra những nghi vấn tương tự về tín ngưỡng của mình và mở đường cho một quan điểm mới, thống nhất trên thế giới."

"Bằng cách nhặt lại từng mảnh của những khối ảo tưởng đã tan vỡ?" Đó là một câu bình luận hơn là một câu hỏi từ phía Reilly.

Vance vẫn tỏ ra ngạc nhiên. "Về lâu dài, tôi nghĩ thế giới phải là nơi tốt đẹp hơn. Anh không nghĩ như vậy à?"

"Tôi rất nghi ngờ điều đó," Reilly đáp lại. "Nhưng dù có như vậy, tôi không mong đợi kẻ nào coi rẻ mạng sống con người có thể hiểu được điều đó."

"Ồ, xin miễn cho tôi cái khoản phẫn nộ chính đáng của anh và trưởng thành hơn, được chứ? Toàn bộ chuyện đó quá ư buồn cười," Vance gằn giọng. "Chúng ta vẫn đang quanh quẩn trong vương quốc của những ý nghĩ kỳ quặc, dù là ở đây, ngày hôm nay, trong thế kỷ hai mốt. Chúng ta thực sự chẳng tiến bộ bao nhiêu so với những con người khốn khổ của thành Troy. Toàn bộ hành tinh bị giam cầm trong ảo tưởng khổng lồ. Cơ đốc, Do Thái, Hồi giáo… mọi người sẵn sàng chiến đấu đến chết để bảo vệ từng lời từng chữ trong những cuốn sách mà họ cho là thiêng liêng, nhưng chúng thực sự được xây dựng trên những gì? Phải chăng là những truyền thuyết và những truyện hoang đường từ hàng ngàn năm trước? Phải chăng là Abraham là người đàn ông, nếu anh tin vào Kinh Cựu Ước, sinh con ở tuổi một trăm và sống đến một trăm bảy mươi lăm tuổi? Liệu có nghĩ lý gì không khi cuộc sống con người vẫn cứ bị chi phối bởi đống kịch bản buồn cười và ngớ ngẩn kia?"

"Những cuộc thăm dò dư luận vẫn khăng khăng khẳng định là hầu hết các tín đồ Cơ đốc, người Do Thái và người Hồi giáo ngày nay đều không biết rằng tôn giáo của họ có chung nguồn gốc từ Abraham, tổ phụ của cả ba tôn giáo và là người sáng lập thuyết đơn thần," Vance giải thích. "Điều mỉa mai là, theo cuốn Kinh Sáng Thế ký[51], Thượng đế đã phái Abraham thực hiện sứ mệnh hàn gắn sự chia rẽ giữa loài người. Thông điệp của Ngài là bất chấp ngôn ngữ và văn hóa khác nhau, tất cả nhân loại đều thuộc về một gia đình nhân loại, trước một vị Thượng đế cai quản toàn bộ vũ trụ. Bằng cách nào đó, thông điệp cao thượng này đã bị bóp méo," Vance tiếp tục nhạo báng, "chẳng khác gì một thứ trong đoạn phim Dallas[52] chán phèo. Vợ Abraham, Sarah, không thể sinh con, vì vậy ông ta lấy vợ hai, cô hầu gái Ả rập tên Hagar, người đã sinh cho ông cậu con trai được đặt tên là Ishmael. Mười ba năm sau, Sarah cuối cùng cũng đẻ được một cậu con trai, Isaac. Abraham qua đời, Sarah đuổi Hagar và Ishmael đi, và từ đó dòng giống Semite bị phân chia thành hai nhánh Ả rập và Do Thái."

Vance lắc đầu, cười với chính mình. "Điều bực mình là cả ba tôn giáo đều tuyên xưng là họ tin vào cùng một Thượng đế, vị Thượng đế của Abraham. Mọi việc chỉ rối tung rối mù lên khi người ta bắt đầu tranh cãi nhau từng li từng tí xem lời của ai mới đại diện trung thực nhất cho ý nghĩ của Thượng đế. Tín ngưỡng Do Thái xây dựng đức tin từ vị tiên tri của họ, Moses, người có dòng dõi Do Thái bắt nguồn từ Isaac và Abraham. Vài trăm năm sau, Jesus – vị tiên tri người Do Thái – xuất hiện với một bộ đức tin mới, tức là cách giải thích của ông ta về tín ngưỡng của Abraham. Vài trăm năm sau nữa, lại thêm một người khác, Mohamed, xuất hiện và tuyên bố rằng ông ta mới là sứ giả đích thực của Thượng đế, chứ không phải hai tên lừa bịp trước kia, và hứa hẹn dẫn dắt con người trở về với sự khải huyền khai sáng của Abraham – lần này, bắt nguồn từ Ishmeal, anh hãy lưu ý điểm này – và đạo Hồi ra đời. Chẳng có gì phải ngạc nhiên khi các nhà lãnh đạo Cơ đốc giáo thời ấy xem đạo Hồi là dị giáo của đạo Cơ đốc chứ không phải là một tôn giáo mới mẻ hay khác biệt. Và khi Mohamed chết, đạo Hồi lại chia thành hai phái chính – Shi'ite và Sunnites – vì một cuộc tranh giành quyền lực giữa những người kế vị ông ta."

“Vì vậy mà chúng ta có những tín đồ Cơ đốc coi thường người Do Thái,” Vance lên giọng, “xem họ như là những kẻ đi theo sự khải huyền sơ khai và chưa hoàn chỉnh về các ước nguyện của Thượng đế, các tín đồ Hồi giáo cũng nhạo báng tín đồ Cơ đốc theo cách đó – mặc dù họ cũng tôn kính Jesus, nhưng chỉ như một sứ giả lỗi thời chứ không phải là con trai của Thượng đế. Thật là nực cười. Anh có biết là những người Hồi giáo mộ đạo cầu Abraham ban phước mười bảy lần mỗi ngày không? Hajj – cuộc hành hương về Mecca, bổn phận thiêng liêng của mỗi tín đồ Hồi giáo – hàng triệu tín đồ bất chấp cái nóng ngạt thở cũng như nguy cơ hiển nhiên là có thể chết vì chen lấn giẫm đạp lên nhau – anh biết tất cả việc này là vì cái gì không? Họ đến đó để tưởng niệm sự hiến tế Ishmeal, con trai của Abraham, dâng lên Thượng đế! Chỉ cần đến Hebron là anh sẽ nhận ra toàn bộ sự việc đã trở nên lố bịch như thế nào. Người Ả rập và người Do Thái vẫn tiếp tục giết chóc lẫn nhau trên cái mẩu đất bị tranh giành ác liệt nhất hành tinh, tất cả chỉ vì mẩu đất đó được cho là địa điểm có hầm mộ Abraham, một cái hang nhỏ có những khu vực quan sát riêng biệt, cách ly cho mỗi nhóm. Abraham – nếu như ông ta thực sự từng hiện hữu – chắc hẳn đang quay mòng mòng trong mộ khi nghĩ về đám hậu duệ bần tiện, nhỏ nhen, ầm ĩ đấu đá nhau trên đầu ông ta. Còn nói về các dòng họ bất thường…”

Vance thở dài. “Tôi biết, đổ tất cả những cuộc xung đột trong lịch sử của chúng ta cho chính trị và lòng tham của con người là điều rất dễ dàng.” hắn nói, “và lẽ dĩ nhiên chúng cũng có vai trò trong đó thật… nhưng sâu xa mà nói, tôn giáo luôn luôn là thứ nhiên liệu giữ cho lò lửa không khoan dung và thù hận bùng cháy. Và điều này kìm hãm không cho chúng ta vươn đến những điều tốt đẹp hơn, nhưng chủ yếu là, ngăn không cho chúng ta chấp nhận và đối mặt với sự thật về bản thân con người chúng ta, ngăn không cho chúng ta nắm lấy mọi điều mà khoa học đã và vẫn tiếp tục dạy cho chúng ta, ngăn không cho chúng ta dấn thân tự chịu trách nhiệm về những hành động của bản thân. Hàng ngàn năm trước, con người thời bộ lạc sơ khai luôn sợ hãi, họ cần đến tôn giáo để cố hiểu được những bí ẩn của cuộc sống và cái chết, để chấp nhận và đối mặt với sự thất thường của bệnh tật, thời tiết, những vụ mùa bấp bênh và thiên tai. Chúng ta không cần cái đó nữa. Chúng ta có thể cầm di động lên, nói chuyện với ai đó phía bên kia hành tinh. Chúng ta có thể đặt một chiếc xe điều khiển từ xa lên sao Hỏa. Chúng ta có thể tạo ra sự sống trong ống nghiệm. Và chúng ta còn làm được nhiều điều kỳ diệu hơn thế nữa. Đã đến lúc chúng ta thoát ra khỏi những thứ mê tín dị đoan cổ hủ và đối diện với con người thực sự của chúng ta, và chấp nhận rằng chúng ta đã trở thành cái mà con người của thời cách đây vài trăm năm từng xem là Thượng đế. Chúng ta cần nắm lấy những gì có thể và không nên trông cậy vào sức mạnh bí ẩn nào đó từ trên trời rơi xuống để xếp đặt mọi chuyện đâu vào đó cho chúng ta.”

“Cái quan điểm mà anh nhắc tới quá là hết sức thiển cận, phải vậy không?” Reilly giận dữ vặc lại. “Còn tất cả những điều tốt đẹp mà tôn giáo làm được thì sao? Những quy tắc đạo đức, các khuôn khổ luân thường đạo lý mà tôn giáo xây dựng lên thì sao? Nguồn an ủi mà tôn giáo mang lại, đó là chưa nói đến những công việc từ thiện như phân phát thức ăn cho người nghèo và chăm lo cho người kém may mắn. Lòng tin vào Chúa là tất cả những gì mà rất nhiều người ngoài kia có, và hàng ngàn người dựa vào tôn giáo để có được sức mạnh, giúp họ vượt qua những ngày tháng khó khăn. Nhưng anh không nhìn thấy bất kỳ điều gì trong những điều tốt đẹp đó, đúng vậy không nào? Anh chỉ bị ám ảnh bởi một sự kiện bi kịch, cái sự kiện đã hủy hoại cuộc sống của chính anh, cái sự kiện đã bóp méo quan điểm của anh về thế giới và tất cả những gì tốt đẹp trong đó.”

Vẻ mặt của Vance trở nên xa vắng và ma quái. “Tất cả những gì tôi nhìn thấy là nỗi đau đớn và sự chịu đựng không cần thiết mà nó gây ra, không phải chỉ với cá nhân tôi, mà với hàng triệu con người trong bao thế kỷ qua.” Sau một lúc, ánh mắt đăm đăm của Vance lại dừng lại ở Reilly, và giọng hắn đanh lại. “Đạo Cơ đốc đã phục vụ một mục tiêu vĩ đại khi bắt đầu hình thành. Nó đã cho con người niềm hy vọng, đã mang lại hệ thống hỗ trợ xã hội, đã giúp hạ bệ sự bạo ngược chuyên chế. Nó cũng đáp ứng những nhu cầu của cộng đồng. Nhưng ngày nay cái tôn giáo đó phục vụ cho những nhu cầu nào, ngoài việc ngăn cản nghiên cứu y học và biện minh cho các cuộc chiến tranh? Chúng ta cười nhạo khi nhìn vào những thứ Thượng đế ngớ ngẩn mà người Inca hoặc người Ai Cập thờ phụng. Liệu chúng ta có khá hơn chút nào không? Một ngàn năm nữa, người ta sẽ nghĩ gì khi nhìn lại chúng ta? Phải chăng chúng ta sẽ là đối tượng của sự nhạo báng ấy? Chúng ta vẫn đang nhảy múa theo giai điệu được tạo ra bởi những người nghĩ rằng sấm chớp và dấu hiệu giận dữ của Thượng đế. Và điều đó,” giọng Vance sôi lên, “tất cả mọi thứ đó cần phải thay đổi.”

Reilly quay sang Tess. Nàng không nói một lời nào trong suốt bài diễn thuyết của Vance. “Còn em thì sao? Em nghĩ gì? Em có đồng ý với tất cả những điều đó không?”

Gương mặt Tess buồn buồn. Nàng tránh ánh mắt Reilly, rõ ràng đang gắng tìm từ thích hợp. “Nhưng thực tế lịch sử đều ở đấy, Sean à. Và chúng ta đang đề cập đến những điều đã được ghi chép và chấp nhận rộng rãi.”

Tess tỏ vẻ ngần ngại trước khi nói tiếp. “Em tin là những sách Phúc âm ban đầu được viết ra để truyền bá một thông điệp tâm linh, nhưng chúng đã trở thành cái gì đó khác. Chúng đã được khoác lên một mục tiêu lớn hơn, mục tiêu chính trị. Jesus đã sống trong một xứ sở bị chiếm đóng, vào một thời đại đáng sợ. Đế quốc La Mã thời đó là thế giới của những điều bất công rõ rành rành. Quần chúng nhân dân thì vô cùng nghèo khổ, còn một số ít người thì giàu sang tột đỉnh. Đó là thời của đói khát, ốm đau và bệnh tật. Thật dễ dàng hình dung trong thế giới bất công và đầy bạo lực đó, thông điệp của đạo Cơ đốc đã được chào đón như thế nào. Cái tiền đề cơ bản của đạo Cơ đốc, về một Thượng đế nhân từ, dạy bảo con người hãy sống nhân ái với nhau, thậm chí ngay cả với những người không cùng một gia đình và cộng đồng vời mình, đúng là mang tính cách mạng. Nó đem lại cho những người cải đạo, bất chấp họ xuất thân từ đâu, một nền văn hóa thống nhất, ý thức về sự bình đẳng và tình họ hàng thân thuộc, mà không đòi hỏi người ta phải từ bỏ những ràng buộc với dân tộc mình. Nó mang lại cho họ phẩm giá và sự bình đẳng với những người bất chấp địa vị xã hội của họ như thế nào. Những kẻ đói khát biết nơi đâu họ có được miếng ăn cái uống, người đau ốm và già cả biết nơi đâu họ được chăm sóc. Nó mang đến cho mọi người tương lai vĩnh hằng thoát khỏi nghèo đói, bệnh tật và cô đơn. Nó mang lại quan niệm mới về lòng nhân đạo, thông điệp của lòng yêu thương, lòng bao dung và tình đoàn kết cho cái thế giới đầy rẫy sự tàn ác và bị kìm kẹp trong thứ văn hóa chết chóc.”

“Em không phải là một chuyên gia tầm cỡ về lĩnh vực này như anh ta,” Tess tiếp tục, nàng ra hiệu chỉ về Vance, “nhưng anh ta đúng. Bao giờ em cũng cảm thấy có vấn đề với ba cái thứ siêu nhiên kia, nào là sự thần thánh của Jesus, rồi cái ý tưởng ngài là Con trai Thượng đế, rồi việc sinh đẻ của Đức Mẹ Đồng trinh Mary. Sự thật khó chịu là chẳng điều nào trong đó xuất hiện cho đến tận hàng chục năm, thậm chí là hàng trăm năm sau ngày Jesus chịu khổ hình đóng đinh trên thập giá, và nó chỉ trở thành chính sách chính thức của Giáo hội tại Hội đồng Nicaca năm 325 Công nguyên. Nó giống như…” nàng ngập ngừng, “người ta cần cái gì đó đặc biệt, một cái lưỡi câu vĩ đại. Và trong thời kỳ mà sự siêu nhiên dị thường là cái được hầu hết mọi người chấp nhận, vậy thì cái gì có thể tốt hơn việc đưa ra giả thuyết rằng tôn giáo mà anh đang rao bán được đặt tên theo không phải một ông thợ mộc hèn kém mà là một nhân vật thần thánh, người có thể hứa hẹn với anh về cuộc sống vĩnh hằng ở thế giới bên kia?”

“Thôi nào, Tess,” Reilly giận dữ vặc lại, “em đang mô tả đạo Cơ đốc chẳng hơn gì một chiến dịch tuyên truyền bất cần đạo lý. Em có thực sự tin là nó có nhiều quyền năng như vậy, hoặc có thể tồn tại lâu dài như vậy nếu chỉ xây dựng trên sự dối trá lừa gạt không? Trong số tất cả những người thuyết giáo và những người thông thái đi khắp nơi rao giảng thời đó, Ngài là người duy nhất đã vận động được mọi người hy sinh cả mạng sống để tuân theo những lời chỉ dạy của Ngài. Ngài là người duy nhất truyền được cảm hứng nhiều nhất cho những người xung quanh, không có bất kỳ ai khác gây được ảnh hưởng đến mọi người như Ngài, và họ đã ghi lại, nói lại những gì họ chứng kiến.”

“Nhưng quan điểm của tôi là,” Vance chen ngang, “không hề có ai như vậy cả. Chẳng gì có thể chứng minh điều đó một cách rõ ràng cả.”

“Hoặc bác bỏ nó,” Reilly vặc lại. “Hơn nữa, anh thực sự không xem xét cả hai mặt của vấn đề, đúng không nào?”

“Vậy thì, nếu Vatican quả thực khiếp sợ phát hiện của các Hiệp sĩ Đền Thánh được công khai,” giọng Vance chế giễu, “thì tôi cho rằng tôi có thể đoán ra những suy nghĩ của Vatican dựa trên cái gì. Và nếu chúng ta hoàn tất điều mà các Hiệp sĩ Đền Thánh dự định làm,” hắn quay sang Tess, mặt ngời lên vẻ nhiệt tình đáng sợ, “đó hẳn là bước cuối cùng trong điều gì đó đã được trù tính từ Thời khai sáng. Cách đây không lâu người ta vẫn còn tin rằng trái đất là trung tâm vũ trụ và mặt trời quay quanh chúng ta. Khi Galileo xuất hiện và chứng minh ngược lại, Giáo hội suýt nữa thì thiêu sống ông ta trên cọc. Chuyện tương tự cũng xảy ra với Darwin. Nghĩ mà xem. Ngày nay, lời nói của ai mới là chân lý ‘phúc âm’?”

Reilly im lặng cân nhắc những thông tin mới nghe được. Anh bực bội vì mọi điều anh đã nghe, dù anh nỗ lực cố gắng gạt bỏ chúng thế nào đi nữa, có vẻ như không chỉ hoàn toàn có thể xảy ra mà còn hợp lý một cách khó chịu. Rốt cuộc, có nhiều tôn giáo lớn cùng tranh đua thu phục tín đồ trên khắp hành tinh, tất cả đều tự tuyên xưng là tôn giáo đích thực, và chúng không thể đều đúng. Reilly cũng nhận ra với cảm giác tội lỗi rằng anh cũng rất sẵn sàng bài bác các tôn giáo khác như là những trò lừa mị tập thể… Tại sao cái tôn giáo mà anh tình cờ tin vào lại có chút khác biệt chứ?

“Từng cái một,” Vance cao giọng tuyên bố, ánh mắt hắn dán chặt vào Tess, “những trò dối trá này, những lời bịa đặt của những kẻ đầu tiên sáng lập Giáo hội, tất cả đang sụp đổ. Đây là cái cuối cùng phải sụp đổ, không còn gì nữa.”

.....

[51] Genesis: tức Sáng Thế kỷ, cuốn đầu tiên của Kinh Cựu Ước

[52] Dallas: tên một phim truyền hình nhiều tập ở Mỹ, tương tự như kiểu "Trong nhà ngoài phố" của truyền hình Việt Nam.

Chương 69

Reilly ngồi một mình trên tảng đá xù xì nhìn ra vạt rừng thưa, nơi chiếc pickup đang đậu. Anh nhìn bầu trời đang tối dần, tựa như một tấm màn dần vén lên, để lộ ra vô số những vì sao và vầng trăng mà anh chưa bao giờ thấy to và ngời sáng như vậy. Khung cảnh đủ để khuấy động tâm hồn của kẻ cay độc nhất, nhưng ngay lúc này, Reilly chẳng thấy có chút cảm hứng nào cả.

Những lời của Vance vẫn vang lên trong đầu anh. Những yếu tố siêu nhiên của câu chuyện bên trong đức tin của Reilly, bao giờ cũng gây khó chịu cho cái đầu óc duy lý ưa tra vấn của anh, nhưng Reilly chưa bao giờ cảm thấy cần phải xem xét chúng đến mức độ chi li như vậy. Dù Reilly ghét phải thừa nhận điều này nhưng những lý lẽ vừa thuyết phục vừa khó chịu của Vance đã dẫn đến một vấn đề khó khăn không dễ gì giải quyết được.

Cái xe tải giờ đã chẳng nhìn rõ nữa, hình dáng Vance hiện lên mờ mờ bên cạnh xe nơi anh để hắn ngồi lại. Reilly không thể xua cái bài diễn văn công kích đầy cay đắng của gã giáo sư ra khỏi đầu, anh cố tìm kiếm kẽ hở hòng làm cho toàn bộ cái đống lý luận bẩn thỉu kia phải sụp đổ, nhưng anh không thể tìm ra một lý lẽ nào. Không có điều gì phản trực giác cả. Có thể nói, ngược lại, chúng rất có ý nghĩa.

Âm thanh lạo xạo từ lớp sỏi phía sau kéo Reilly ra khỏi cơn mơ màng. Anh quay lại thấy Tess đang leo lên gờ đá tới bên anh.

"Này," Tess nói. Vẻ tươi cười rạng rỡ thoáng hiện trên mặt anh bỗng biến mất, thay vào đó là vẻ bối rối.

Reilly khẽ gật đầu. "Ừ".

Tess đứng ở rìa núi, tận hưởng sự tĩnh lặng quanh họ một lúc lâu trước khi ngồi xuống tảng đá cạnh Reilly, "Nghe này, em… em rất tiếc. Em biết những tranh luận như vậy có thể rất khó chịu."

Reilly nhún vai. "Có thể nói, nó còn gây thất vọng nữa là khác."

Tess nhìn Reilly, ngập ngừng.

"Ý anh là em thực sự không hiểu điều này," Reilly nói tiếp, "Em đang có được một thứ độc nhất vô nhị, một thứ đặc biệt lạ thường, nhưng em lại hạ nó xuống cái hình thức thô thiển nhất."

"Anh muốn em bỏ qua các bằng chứng ư?"

"Không, nhưng nếu nhìn nhận chúng dưới góc độ đó rồi mổ xẻ đủ thứ chi tiết thì em sẽ không thể có được cái nhìn toàn diện. Điều mà em không hiểu là việc này không phải chuyện bằng chứng khoa học. Không phải như vậy. Đó cũng không phải là về những sự kiện thực tế hoặc việc phân tích hoặc giải thích duy lý. Đó là về cảm giác. Nó là niềm cảm hứng, lối sống, sự kết nối…," anh dang rộng hai tay, "… với tất cả." Reilly nhìn nàng chăm chú một lát rồi hỏi, "Chẳng lẽ không còn điều gì để em tin hay sao?"

"Vấn đề không phải là em tin cái gì."

"Đối với anh thì đó là vấn đề," Reilly khăng khăng, đanh thép. "Anh nói nghiêm túc đấy, anh muốn biết. Em không còn tin vào bất kỳ điều gì nữa hay sao?"

Tess quay mặt đi, nhìn xuống Vance, mặc cho bóng tối dày đặc dường như đôi mắt gã giáo sư vẫn đang dán chặt vào họ. "Về vấn đề này, em nghĩ câu trả lời đơn giản là em đứng về phía Jefferson."

"Jefferson?"

Tess gật đầu. "Thomas Jefferson[53] cũng có những vấn đề về lòng tin đối với Kinh Thánh. Dù ông ta đã đánh giá hệ thống đạo đức của Jesus là hệ thống tốt nhất mà thế giới từng có, ông ta cũng tin rằng để cố làm cho những lời

giáo huấn của Jesus trở nên lôi cuốn hơn đối với những người ngoại đạo, các phán truyền và lịch sử về Ngài đã bị thêu dệt bằng cách bóp méo hoặc thêm thắt này nọ. Vì vậy Jefferson đã quyết định nghiên cứu sâu hơn về Kinh Thánh và lột trần tất cả những điều ông cho là không đúng, trong nỗ lực tìm ra những lời đích thực của Jesus từ, như chính ông ta gọi, 'cái thứ rác rưởi đã chôn vùi nó'. Người mà Jefferson đề cập trong cuốn sách Cuộc đời và những lời răn dạy của Jesus ở Nazareth chẳng có gì giống với nhân vật thần thánh trong Kinh Tân Ước: trong cuốn Kinh Thánh của Jefferson chẳng có đồng trinh, không có những phép lạ, không có sự phục sinh. Chỉ có một con người."

Nàng nhìn vào mắt Reilly, tìm kiếm trong đó sự đồng cảm. "Đừng hiểu sai về em, Sean à. Em tin rằng Jesus là một người vĩ đại, một trong những người quan trọng nhất từng hiện diện trên thế gian này, người đã khơi gợi rất nhiều cảm hứng với vô số những lời răn dạy vĩ đại. Em nghĩ, viễn cảnh của ông ta về một xã hội vị tha nơi mọi người tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau quả là hết sức tuyệt vời. Ông ta đã khơi gợi được rất nhiều điều tốt đẹp và giờ ông vẫn đang làm vậy. Ngay cả Gandhi[54], dù không phải là tín đồ Cơ đốc giáo, vẫn luôn nói rằng ông hành động theo tinh thần của Jesus. Ý em là, rõ ràng, Jesus là người phi thường, không nghi ngờ gì nữa – nhưng, Socrates và Khổng Tử cũng là những người như vậy. Em đồng ý với anh là những lời giảng của Ngài về lòng yêu thương và tình bằng hữu nên là nền tảng cho những mối quan hệ giữa người với người – nếu được vậy, chúng ta quả là rất may mắn. Nhưng liệu Ngài có phải là thần thánh? Có lẽ anh có thể cho rằng Ngài có được khả năng nhìn xa trông rộng siêu phàm hoặc soi sáng tương lai, nhưng em không chấp nhận những thứ thần diệu và nhất là không thể chấp nhận cái đám đồng bóng đầy quyền lực luôn tự xưng là người đại diện độc quyền của Thượng đế trên trái đất này. Em tin chắc rằng Jesus cũng không mong là cuộc cách mạng của Ngài sẽ trở thành như ngày hôm nay, và em không thể hình dung là Ngài muốn những Lời Răn dạy của mình trở thành một thứ niềm tin nặng tính giáo điều, ngột ngạt phát triển nhân danh Ngài. Em muốn nói Ngài là người đấu tranh cho tự do bất chấp bạo quyền. Điều này thật mỉa mai thế nào?"

"Thế giới này quá ư rộng lớn," Reilly đáp. "Giáo hội ngày nay là sản phẩm được con người tạo ra sau bao nhiêu thế kỷ. Nó là một tổ chức vì nó phải như vậy để hoạt động được. Và các tổ chức bao giờ cũng cần một cấu trúc quyền lực – nếu không, làm sao thông điệp của nó có thể tồn tại và truyền bá?"

"Nhưng anh xem nó đã trở nên nực cười thế nào," Tess phản bác. "Anh từng xem một tay truyền giáo nào trên truyền hình chưa? Nó đã trở thành trò diễn kiểu Las Vegas, một cuộc phô trương của những tên hề chuyên tẩy não người khác. Người ta bảo đảm cho anh một chỗ trên Thiên đường chỉ với một tờ ngân phiếu. Điều này đáng buồn đến mức nào? Số người đi nhà thờ đang giảm xuống, mọi người quay sang tất cả các loại hình thay thế khác, từ yoga cho đến Kabbalah[55], rồi tới tất cả các loại sách vở và những nhóm theo trào lưu Thời đại Mới để có được một thứ nâng đỡ tinh thần con người, đơn giản chỉ vì Giáo hội đã quá xa rời cuộc sống hiện đại, xa rời những gì mà ngày nay mọi người thực sự cần thiết…"

"Dĩ nhiên là vậy," Reilly chen ngang khi đứng dậy, "chỉ bởi chúng ta đang tiến quá nhanh. Giáo hội đã rất gắn kết với cuộc sống trong gần hai ngàn năm. Chỉ trong vài thập niên gần đây nó đã thay đổi, vào thời điểm mà chúng ta đang tiến lên phía trước với tốc độ đáng kinh ngạc, đúng là Giáo hội không bắt kịp tốc độ đó và đây là một vấn đề lớn. Nhưng như vậy, không có nghĩa là chúng ta gạt bỏ toàn bộ mọi điều và tiến lên… chính xác là lên cái gì nhỉ?"

Tess cau mặt. "Em không biết. Nhưng có thể chúng ta không cần đến thứ đồ hối lộ thiên đường hay nỗi sợ hãi địa ngục để buộc mình phải cư xử cho tử tế. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu thay vào đó, mọi người nên bắt đầu tin tưởng vào chính bản thân mình."

"Em thực sự nghĩ vậy à?"

Tess nhìn chăm chăm vào mắt Reilly. Cả hai đều cảm thấy sôi sục trong lòng, nhưng họ vẫn cố tỏ ra bình thản. "Vâng. Và em cũng biết là em vẫn muốn con gái mình được lớn lên trong một thế giới mà mọi người không bị lừa gạt bởi bất kỳ trò dối trá nào trong lịch sử, cái thế giới mà người ta tự do tin tưởng vào bất kỳ điều gì họ chọn để tin, căn cứ vào sự thật chứ không phải vào sự tưởng tượng hoang đường." Tess nhìn đi nơi khác, nhún vai. "Dù sao, cũng chẳng vấn đề gì. Ít nhất là cho đến khi chúng ta tìm ra chiếc tàu đắm kia và biết được cái gì trong chiếc hộp đó."

"Việc đó thực sự đâu tùy thuộc vào chúng ta, đúng không nào?"

Phải mất một lúc lâu Tess mới lên tiếng đáp lại, và lúc đó giọng nàng lại đầy vẻ hoài nghi. "Ý anh muốn nói gì?"

“Anh đến đây để tìm và mang Vance trở về. Bất kỳ chuyện gì ngoài kia… anh không quan tâm.” Ngay khi những lời trên tuôn ra khỏi miệng, Reilly biết rằng mình không hoàn toàn thành thật. Anh đã giấu giếm suy nghĩ của mình.

“Như vậy anh chỉ cần đi khỏi đây thôi chứ gì?” Tess thốt lên, giận dữ trèo xuống.

“Thôi nào, Tess. Em muốn anh làm gì nào? Gạt New York qua một bên trong vài tuần để cùng em lặn ngụp tìm chiếc tàu đắm à?”

Đôi mắt xanh lá cây của Tess nhìn xói vào Reilly với vẻ phẫn nộ. “Em không thể tin là anh nói như vậy. Khỉ thật, Sean à! Anh biết là họ sẽ làm gì khi tìm được chiếc tàu ở đâu chứ?”

“Ai cơ?”

“Vatican, Tòa Thánh Vatican,” nàng giải thích. “Nếu họ chạm tay được vào cái máy đo độ cao thiên thể và tìm được chiếc tàu đắm, thì đó cũng là lúc chẳng ai còn nghe nói về nó nữa. Họ sẽ làm nó biến mất trở lại, không phải chỉ bảy trăm năm nữa đâu mà là vĩnh viễn.”

“Đó là sứ mệnh của họ.” Reilly nói, giọng xa vắng. “Đôi khi, có những điều cứ để yên thì tốt hơn.”

“Anh không thể hành động như vậy.” Tess khăng khăng.

“Em muốn anh làm gì nào?” Reilly cãi lại. “Giúp em sục sạo dưới đáy biển tìm thứ gì đó rồi hãnh diện giơ cao vật đó lên để làm thiên hạ nghẹt thở hay sao? Anh ta đã chẳng hề giấu giếm điều anh ta theo đuổi,” Reilly nói, giận dữ trỏ tay về phía Vance. “Anh ta muốn hạ bệ Giáo hội. Em thực sự muốn anh giúp em làm cái chuyện đó hay sao?”

“Không, dĩ nhiên là không. Nhưng hàng tỷ con người ngoài kia có thể đang sống mà vẫn bị dối lừa. Việc đó không làm anh thấy phiền lòng sao? Anh không cảm thấy mang nợ họ sự thật hay sao?”

“Có lẽ, chúng ta cũng nên hỏi ý kiến những người đó trước đã,” Reilly vặc lại.

Reilly nghĩ nàng sẽ tiếp tục tranh luận, khăng khăng bảo vệ quan điểm của mình, nhưng rồi Tess chỉ lắc đầu, mặt nàng lộ vẻ thất vọng cùng cực.

“Anh không muốn hiểu phải không?” rốt cuộc Tess cũng thốt ra câu hỏi.

Reilly đón nhận ánh mắt đăm đăm của nàng trong cái khoảnh khắc khó chịu ấy và ngoảnh mặt đi, không nói một lời. Anh cần có nhiều thời gian hơn để suy nghĩ thông suốt chuyện này.

Tess lắc đầu, nhìn về vạt rừng thưa, nơi họ để Vance lại. Sau một hồi im lặng chờ đợi, nàng nói, “Em… em cần uống chút gì đó,” và bước xuống rìa hồ, hướng về phía dòng nước nhờ nhờ tối.

Reilly nhìn nàng biến mất vào trong bóng tối.

Những ý nghĩ lộn xộn như cơn cuồng phong ập xuống đầu Tess khi nàng loạng choạng bước vào vạt rừng thưa, nơi họ đậu chiếc pickup.

Tess quỳ xuống bên dòng suối, dùng hai tay vốc uống từng ngụm nước mát lạnh, và thấy tay mình đang run rẩy. Nàng nhắm mắt, hít làn không khí khô của rừng đêm, cố gắng trong vô vọng để tim mình không đập dồn dập nữa và bình tĩnh trở lại, nhưng chỉ hoài công vô ích.

“Việc đó thực sự đâu tùy thuộc vào chúng ta, đúng không nào?”

Những lời nói của Reilly bám riết theo Tess suốt quãng đường từ lúc nàng bước xuống khỏi mỏm đá, đến giờ vẫn không chịu buông tha.

Tess liếc lên phía đỉnh núi lởm chởm đá và chỉ thoáng nhìn thấy hình bóng xa xa của Reilly nổi lên trên nền trời đêm. Nàng miên man hình dung lại hình ảnh của Reilly trong những bước ngoặt quyết định, chúng giờ như đang quay cuồng hiện đi hiện lại trong tâm trí nàng. Căn cứ vào tất cả những gì đã xảy ra, tất cả những vụ giết chóc đẫm

máu và những câu hỏi chưa có lời giải đáp, Tess biết rằng quyết định mang Vance trở về New York của Reilly có lẽ là một quyết định hợp lý.

Nhưng Tess không chắc là nàng có thể chấp nhận điều đó. Đấy là chưa kể đến những gì có nguy cơ sẽ xảy ra.

Tess liếc mắt về phía Vance. Anh ta vẫn ngồi y như lúc họ rời đi, lưng dựa vào chiếc pickup, tay bị trói. Từ ánh trăng yếu ớt phản chiếu trong mắt anh ta, Tess biết anh ta cũng đang chăm chú quan sát nàng.

Và đó là lúc một ý nghĩ bất chợt lóe lên.

Một ý nghĩ liều lĩnh táo bạo chợt sượt qua đống lộn xộn đang ngự trị trong nàng và chực chờ trào dâng trong người nàng.

Và dù cố gắng đến mấy, Tess vẫn không thể xua đuổi cái ý nghĩ đó đi.

Reilly biết rằng Tess nói đúng. Khi nghe Vance nói, nàng đã vấp phải mối ngờ vực mà Vance thấy trước đó. Dĩ nhiên, Reilly muốn biết. Còn hơn là muốn nữa, anh cần phải biết. Nhưng, bất chấp những cảm xúc mâu thuẫn trong lòng, anh phải hành động theo lý trí. Đó là cách anh làm mọi thứ, vả lại, anh thực sự không có quyền chọn lựa. Không phải là không có căn cứ khi anh nói rằng họ không thể tự mình truy tìm con tàu đắm. Làm sao họ có thể làm được chuyện đó chứ? Anh là nhân viên FBI, chứ không phải là tay lặn biển. Việc anh cần ưu tiên là mang Vance – và cả chiếc máy đo độ cao thiên thể kia – trở về New York.

Nhưng Reilly cũng hoàn toàn biết rõ cái kết quả cuối cùng của hành động đó là như thế nào.

Anh nhìn vào màn đêm và lại thấy gương mặt Tess, vẻ thất vọng mà anh đã thấy trong mắt nàng, và Reilly đau khổ nhận ra rằng anh cũng cảm thấy thất vọng như vậy. Reilly không hề biết cái gì có lẽ đã phát triển giữa họ, ở một thời điểm xác định nào đó, nhưng ngay lúc này, có vẻ như bất kỳ mối quan hệ nào họ đã có đều xây dựng trên nền tảng vững chắc của niềm tin nơi anh.

Và đó cũng là lúc anh nghe âm thanh bất ngờ của động cơ xe.

Không phải ở xa.

Rất gần.

Giật mình, Reilly nhìn xuống và thấy chiếc pickup phóng đi.

Theo phản xạ, Reilly thò tay vào túi và nhận ra mình chẳng hề có cái túi nào. Anh vẫn đang mặc bộ đồ lặn. Reilly nhớ lại Tess đã ở bên cạnh lúc anh giấu chùm chìa khóa dưới cái ghế chở khách.

Rồi với nỗi hoảng sợ làm quay cuồng cả người, Reilly chợt hiểu ra.

“Tess!” anh hét lên khi lao xuống con dốc, làm tung tóe sỏi đá, mất thăng bằng rồi loạng choạng ngã nhào trong bóng tối. Khi Reilly đến được vạt rừng thưa, chỉ còn một đám bụi mù đang lùi xa dần trên con đường mòn.

Tess và Vance đã chạy mất.

Giận dữ điên cuồng với chính bản thân vì đã để sự việc xảy ra, mắt Reilly sục sạo khắp nơi, hoàn toàn không hiểu cái gì đã gây nên thảm họa này, Reilly nhanh chóng phát hiện một mảnh giấy nhỏ lòi ra dưới vài hộp thức ăn và đồ cắm trại được để lại cho anh, ngay gần nơi đỗ chiếc pickup.

Reilly nhặt mảnh giấy lên, nhận ra ngay chữ Tess:

Sean,

Mọi người đáng được biết sự thật,

Em hy vọng anh có thể hiểu điều đó…

và anh sẽ tha thứ cho em…

Em sẽ gọi người đến trợ giúp ngay khi có thể.

T.

.....

[53] Thomas Jefferson (1743-1826) tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ (từ 1801-1809) và cũng là tác giả bản Tuyên ngôn Độc lập của đất nước này.

[54] Gandhi, Mohandas Karamchand (1869-1948), lãnh tụ Ấn Độ, chủ trương tranh đấu bất bạo động chống lại sự đô hộ của thực dân Anh và đã giành được độc lập cho Ấn Độ vào năm 1947. Năm 1948, ông bị một tên cực đoan theo đạo Hindu ám sát.

[55] Kabbalah còn gọi là Cabala, một giáo phái nhỏ tin vào sự diễn dịch những ý nghĩa ẩn tàng bị che giấu trong Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái.

Chương 70

Reilly tỉnh dậy trong trạng thái mê mụ, đầu óc vẫn còn choáng váng với những cảm xúc trần trụi. Anh vẫn không thể tin là Tess đã bỏ đi cùng Vance. Dù anh đã cố giải thích duy lý về sự việc xảy ra, nhưng nó vẫn xúc phạm lòng tự ái của anh – còn hơn là xúc phạm lòng tự ái, nó còn ngốn sạch mọi thớ thịt trong cơ thể anh. Anh cảm thấy tức giận vì đã bị lừa, vì bị bỏ rơi giữa chốn khỉ ho cò gáy, Reilly sững sờ vì quyết định bỏ đi của Tess, càng tệ hại hơn là nàng bỏ đi cùng Vance. Reilly đã không ngờ đến tính táo bạo liều lĩnh của Tess, và lo âu vì nàng tự đưa mình vào vòng nguy hiểm – lại một lần nữa. Và, dù Reilly cố gắng kiềm chế bao nhiêu, anh vẫn không thể không cảm thấy lòng kiêu hãnh của mình đã bị giáng cho một đòn quá nặng nề.

Duỗi thẳng người ra, Reilly cảm thấy như có tiếng chim kêu chiêm chiếp và ánh nắng ban mai chói lòa tràn ngập mọi giác quan. Nó đã đưa anh chìm vào giấc ngủ mơ màng trong chiếc túi ngủ mà họ để lại cho anh, sự mệt mỏi cuối cùng cũng chiến thắng, đẩy lùi cơn giận dữ của anh vào đêm qua lúc trời đã về khuya. Hé mắt nhìn đồng hồ, anh biết mình mới chợp mắt chưa được bốn tiếng.

Chẳng sao. Cũng đến lúc phải nhúc nhích rồi.

Reilly uống nước từ dưới suối, cảm nhận dòng nước mát lạnh lan dần trong cơ thể. Một cơn co thắt bao tử làm anh nhớ lại là mình đã không ăn gì trong gần hai mươi bốn giờ qua, Reilly nhanh chóng ăn nốt mấy miếng bánh mì và một quả cam. Ít ra họ cũng còn nghĩ đến điều đó. Anh cảm thấy cơ thể từ từ hồi phục, đầu óc dần tỉnh táo trở lại, những hình ảnh và sự giận dữ lại tràn ngập tâm trí.

Reilly quan sát quang cảnh xung quanh. Không một cơn gió, và ngoài tiếng chim hót giờ cũng đã lắng xuống, không gian lặng ngắt như tờ. Reilly quyết định sẽ theo con đường mòn dẫn ngược về con đập và văn phòng của Okan, từ đó hẳn anh có thể liên lạc với Federal Plaza – không phải là cuộc gọi mà anh mong muốn chút nào.

Ngay lúc bắt đầu cuộc hành trình dài gian khổ, Reilly nghe thấy một âm thanh vọng đến từ xa. Tiếng động cơ. Tim anh đập lỡ nhịp khi ngỡ đó là chiếc pickup, nhưng Reilly nhanh chóng nhận ra âm thanh kia không phải là tiếng xe chạy trên đường. Đó là âm thanh lạch bạch đùng đục của một chiếc trực thăng, tiếng đập của các cánh quạt vang vọng khắp dãy núi và càng lúc càng rõ hơn.

Và rồi Reilly cũng thấy nó, nhận ra cái hình bóng quen thuộc đang xẻ dọc thung lũng. Đó là chiếc Bell UH-1Y, hiện thân của loài chiến mã hiện đại trong số cuộc chiến tranh. Đang lướt trên những ngọn cây ở sườn đồi phía bên kia, chiếc trực thăng bất chợt đảo vòng và hướng thẳng về phía Reilly. Anh biết mình đã bị phát hiện. Anh cảm thấy toàn bộ cơ bắp căng cứng khi nhanh chóng xem xét xem những kẻ ngồi trên trực thăng có khả năng là ai: hoặc là Tess đã thực hiện đúng theo lời nàng nói và báo cho chính quyền địa phương về sự hiện diện của anh, hoặc là những tên bắn tỉa ở bờ hồ đã phát hiện ra anh. Reilly cảm thấy có khả năng là trường hợp sau hơn. Quan sát kỹ khu vực xung quanh, anh bình tĩnh tìm ra những vị trí chiến lược nhất, nhưng rồi \Reilly quyết định không cần phải lẩn trốn. Bọn chúng được trang bị vũ khí còn anh thì không, vả lại, Reilly không có cái mà bọn chúng đang săn đuổi. Hơn nữa, anh cũng đã quá mệt mỏi và giận dữ. Anh cảm thấy chẳng còn thích thú cái trò trốn chạy nữa.

Reilly dõi theo chiếc trực thăng lượn vòng trên đầu và những dấu hiệu trên đuôi máy bay, một phù hiệu tròn đỏ và trắng giống như cái bia tập bắn. Anh cảm thấy bớt căng thẳng khi nhận ra đó là trực thăng của Không lực Thổ Nhĩ Kỳ. Chiếc trực thăng đáp xuống vạt rừng thổi tung đám cát và nước mịt mù. Lấy tay che mắt , Reilly ngập ngừng tiến đến chiếc máy bay. Cửa máy bay trượt ra, và qua màn bụi mù mịt, anh thấy một dáng người nhỏ con chạy lúp xúp trên nền đất gồ ghề tiến về phía mình. Khi người đó đến gần hơn, Reilly nhận ra người đàn ông đó mặc bộ đồ bay của phi hành đoàn và chiếc áo gió màu tối, đeo kính râm. Khi gã đàn ông đã ở trong khoảng cách gần như đối mặt, anh mới nhận ra đó là de Angelis.

“Ông đang làm gì ở đây vậy?” Mắt Reilly đảo quanh, nhìn chiếc trực thăng, cố tìm ra ý nghĩa của sự xuất hiện bất ngờ này. Một cơn gió mạnh từ động cơ quay tít thổi thốc vào chiếc áo gió của de Angelis, Reilly thoáng nhìn thấy khẩu súng ngắn Glock nằm dưới đó. Sau thoáng sững sờ, Reilly nhìn vào cabin máy bay và phát hiện một khẩu súng trường bắn tỉa ở cạnh chân người đàn ông đang ngồi thu lu trong góc và châm thuốc với vẻ vô tư lự của một

anh chàng hướng dẫn viên du lịch mệt mỏi. Hai gã đàn ông khác, lính Thổ Nhĩ Kỳ trong trang phục dã chiến, ngồi đối diện anh ta.

Những ý nghĩ mâu thuẫn nhau tràn ngập trong đầu Reilly khi anh chăm chú nhìn ông cha cố. Anh chỉ chiếc trực thăng. "Chuyện gì vậy? Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra vậy?"

De Angelis chỉ đứng đấy, bình thản. Ngay khi ông ta bỏ kính râm ra, Reilly nhận thấy mắt của ông cha cố trông khác hẳn. Chúng không còn vẻ nhân từ khiêm tốn vốn có của vị linh mục ở New York nữa. Cặp kính cáu bẩn mà ông ta mang ở đấy bằng cách nào đó đã che giấu được vẻ đe dọa giờ đang lộ ra mồn một, không thể nhầm lẫn vào đâu được.

"Bình tĩnh đi nào."

"Đừng có bảo tôi bình tĩnh," Reilly quát lên. "Tôi không tin điều này. Ông suýt giết chết tất cả bọn tôi. Ông làm cái quái quỷ gì, ông chui từ đâu ra rồi bắn vung vãi vào bọn tôi? Những người ở đó đã chết…"

"Tôi chẳng quan tâm," de Angelis ngắt lời Reilly. "Cần phải bắt Vance lại. Bằng bất cứ giá nào. Người của hắn có vũ khí, vì vậy phải thanh toán bọn chúng."

Đầu óc Reilly như quay cuồng đầy hoài nghi. "Vậy ông đã có kế hoạch gì cho Vance rồi?" anh vặc lại. "Ông sẽ đóng cọc thiêu sống hắn chứ gì? Sao nào, phải chăng ông ở nhầm thời hay là đại loại như vậy? Những năm tháng của Tòa án Dị giáo đã qua rồi, thưa Cha. Giả dụ ông thực sự là như vậy." Reilly chỉ vào cây súng bắn tỉa cạnh chân Plunkett. "Phải chăng đó là cách giải quyết chuẩn mực của Vatican ngày nay?"

De Angelis nhìn trừng trừng Reilly, không hề tỏ ra nao núng. "Các mệnh lệnh tôi nhận được không chỉ đến từ Vatican."

Reilly chợt hiểu tại sao lại có trực thăng quân đội, rồi hai tên lính và gã dân thường đang ngồi với cây súng bắn tỉa dưới chân. Reilly đã gặp cái bộ mặt lạnh lẽo trơ trơ kia rồi. Ký ức anh quay về với những sự kiện bắt đầu từ cuộc tấn công có vũ trang vào Viện Bảo Tàng Met, và đột nhiên những mẩu dữ liệu như chắp nối lại với nhau.

"Langley[56], Reilly vừa thốt lên vừa lắc đầu, sửng sốt. "Ông đúng là tên khốn khiếp, phải không? Toàn bộ sự việc này…" Giọng Reilly chợt ngưng bặt rồi đanh lại. "Waldron, Petrovic… Những tay kỵ sỹ ở New York. Không phải là Vance. Tất cả chỉ là do ông, đúng không?" Đột ngột, Reilly lao về phía trước, chộp lấy de Angelis, đẩy mạnh ông ta về phía sau. Anh tiến đến, vươn tay về phía cổ họng ông Cha cố. "Ông là…"

Reilly không kịp nói hết câu. Vị khâm sứ Tòa Thánh phản ứng lại nhanh như chớp, vừa gạt bàn tay của Reilly, ông ta vừa chộp và vặn tréo cánh tay anh bằng động tác nhẹ nhàng nhưng Reilly thấy vô cùng đau đớn, anh quỵ xuống.

"Tôi không có thời gian cho ba cái trò vớ vẩn này," ông Cha cố quát lên, giọng the thé, giữ Reilly như thế một lúc trước khi đẩy anh chúi đầu xống đất. Reilly khạc đất cát trong miệng ra, cánh tay vẫn đau nhói. Ông Cha cố bước lên hai bước, đi quanh anh chàng đặc vụ ngã lăn quay dưới đất. "Bọn chúng đâu? Chuyện gì đã xảy ra ở đây?"

Reilly từ từ nặng nhọc đứng lên. Anh bắt gặp ánh mắt gã ngồi trong trực thăng, hắn đang quan sát với nụ cười nhếch mép khinh khỉnh trên mặt. Reilly cảm thấy cơn giận dữ sôi sục trong lòng. Nếu Reilly từng băn khoăn về mức độ dính líu cá nhân của ông khâm sứ Tòa Thánh vào những vụ giết chóc ở New York, thì nay chỉ cần một chút trình diễn về kỹ năng chiến đấu tay bo của ông ta đã đánh tan bất kỳ nghi ngờ nào trong anh. Reilly đã thấy trước điều đó; con người này có đôi tay có thể giết người.

Reilly phủi bụi đất trên người rồi nhìn chòng chọc vào de Angelis. "Như vậy, chính xác ông là gì nào?" anh hỏi, giọng chua chát. "Một người của Chúa với súng trong tay hay một kẻ giết người đã tìm đến với Chúa?"

De Angelis vẫn tỉnh bơ. "Tôi không hạ anh để nhận một lời chế giễu đâu."

"Và tôi cũng không hạ ông để làm một kẻ giết người đâu."

De Angelis thở ra, dường như ông ta đang nghiền ngẫm câu đối đáp. Cuối cùng ông Cha cố cũng mở miệng, giọng ra vẻ thờ ơ. "Tôi cần anh bình tĩnh lại. Chúng ta cùng phe mà."

“Vậy chuyện kia là thế nào, chuyện ở bờ hồ ấy? Bắn giao hữu hả?”

De Angelis chăm chú nhìn Reilly bằng đôi mắt lạnh tanh, khinh miệt. “Trong cuộc chiến này,” ông ta gằn giọng, dứt khoát, rành mạch. “tất cả mọi người đều có thể là con tốt thí cả.” Ông Cha cố dừng lại, dường như đợi cho ý nghĩa của lời mình nói thấm sâu vào Reilly trước khi tiếp tục. “Anh phải hiểu. Chúng ta đang chiến đấu trong cuộc chiến. Một cuộc chiến mà chúng ta đã chiến đấu từ hơn một ngàn năm qua. Toàn bộ cái ý niệm về ‘sự va chạm giữa các nền văn minh’ này… không phải chỉ là thứ lý thuyết hoang tưởng xuất phát từ vài bộ óc vĩ đại xuất thân từ viện nghiên cứu này hoặc ủy ban kia ở Boston đâu. Nó có thật. Nó xảy ra ngay khi chúng ta nói, và nó đang phát triển, trở nên nguy hiểm hơn, quỷ quyệt hơn, mỗi ngày một đe dọa, và nó sẽ không biến mất. Và ở cốt lõi của nó là tôn giáo, bởi, dù muốn hay không, ngay thời buổi hiện nay, tôn giáo vẫn là một thứ vũ khí phi thường. Nó có thể ăn sâu mọc rễ trong lòng người và khiến người ta làm đủ mọi chuyện không thể tưởng tượng nổi.”

“Như giết những nghi phạm ngay trên giường bệnh viện chứ gì?”

De Angelis không thèm để ý câu mỉa mai của Reilly. “Hai mươi năm trước, chủ nghĩa cộng sản đã lan truyền như căn bệnh ung thư. Theo anh, vì sao chúng ta đã chiến thắng trong Chiến tranh Lạnh? Anh nghĩ cái gì đã hạ bệ chủ nghĩa cộng sản? Chương trình SDI[57] chăng, ‘Cuộc chiến tranh giữa các vì sao’ của Reagan ư? Trình độ kém cỏi đáng kinh ngạc của chính quyền Xô Viết cộng sản ư? Chỉ là phần nào. Nhưng anh biết điều gì thực sự khiến chuyện đó xảy ra không? Giáo hoàng. Một Giáo hoàng người Ba Lan, người đã vươn tay kết nối với đám con chiên của mình, thúc đẩy họ tay không phá bỏ những bức tường thành kia. Khomeni cũng đã làm điều tương tự, cho phát thanh những bài diễn văn của ông ta từ Paris trong thời gian bị lưu đày, kích động tinh thần một dân tộc đói khát ở cách xa hàng ngàn dặm, thúc đẩy họ nổi dậy lật đổ Quốc vương Ba Tư. Quả thực là một sai lầm khi chúng ta cho phép chuyện đó xảy ra… Nhìn xem hôm nay chúng ta đang ở đâu. Và giờ Bin Laden cũng đang sử dụng cái chiêu đó…” Ông Cha cố dừng lại, cau mày, dán ánh mắt sắc lạnh vào Reilly. “Những lời nói đúng là có thể dời non lấp biển. Hoặc phá hủy chúng. Và hơn bất kỳ thứ nào trong kho vũ khí đạn dược của chúng ta, tôn giáo là thứ vũ khí tối thượng, và chúng ta không thể để bất kỳ kẻ nào tước đoạt nó khỏi tay chúng ta. Lối sống của chúng ta, tất cả mọi thứ mà anh đang chiến đấu bảo vệ từ khi gia nhập FBI, gắn bó với nó… hết thảy mọi điều. Vì vậy, câu hỏi của tôi dành cho anh rất đơn giản: rằng anh, như vị Tổng thống của chúng ta từng nghiêm chỉnh tuyên bố, rằng anh về phe với chúng tôi… hay chống lại chúng tôi?”

Mặt Reilly đanh lại, và anh cảm thấy như có gì đó đè nặng trên ngực. Bức tường thành hoài nghi mà anh vội dựng lên đã sụp đổ hoàn toàn chỉ vì sự hiện diện của ông Cha cố. Đó là một minh chứng chẳng thú vị chút nào cho những gì Vance đã nói.

“Như vậy tất cả đều là sự thật hay sao?” Reilly hỏi, tựa như vừa ra khỏi một đám sương mù.

Câu trả lời của ông Cha cố đến nhanh và cộc lốc. “Có chuyện gì sao?”

Reilly lơ đãng gật đầu. Anh cảm thấy chẳng còn chút tự tin nào nữa.

De Angelis nhìn quanh, quan sát mặt đất trống trơn. “Tôi nghĩ anh không còn có nó ở đây nữa nhỉ?”

“Cái gì?”

“Cái máy đo độ cao thiên thể.”

Reilly bàng hoàng vì câu hỏi đó. “Làm sao ông biết về…” anh hỏi ngược lại, trước khi nói hết câu Reilly đã kịp nhận ra là Tess và anh hẳn đã bị đặt máy nghe trộm suốt thời gian qua. Reilly im lặng một lát, để cho cơn giận lắng xuống, rồi lắc đầu, vẻ chán nản và nói, “Họ đã lấy nó đi rồi.”

“Anh biết họ ở đâu chứ?” de Angelis hỏi.

Tuy chẳng tin tưởng ông khâm sứ Tòa Thánh chút nào, Reilly cũng miễn cưỡng kể lại hết những chuyện đã xảy ra đêm qua.

Ông Cha cố ủ rũ đánh giá tình hình. “Bọn họ không có khởi đầu thuận tiện lắm, và chúng ta biết rõ toàn bộ khu vực mà họ đang hướng đến. Chúng ta sẽ tìm ra họ.” Ông ta quay người, giơ tay lên và quay quay tay, ra hiệu cho viên phi công khởi động trực thăng, trước khi liếc về phía Reilly. “Nào, đi nào.”

Reilly đứng yên ở đó, lắc đầu. “Không. Ông biết gì cơ chứ? Nếu tất cả là một sự lừa dối vĩ đại… tôi hy vọng cái trò lừa dối đó cũng làm tất cả các người sáng mắt ra.”

De Angelis nhìn anh, hoàn toàn bất ngờ.

Reilly đáp lại ánh mắt trừng trừng của ông ta một lúc. “Ông có xuống địa ngục cũng mặc,” anh tuyên bố thẳng thừng, “ông với cái đám CIA bè lũ của ông. Tôi bỏ cuộc.” Và với câu nói đó, Reilly quay người bước đi.

“Chúng tôi cần anh,” ông Cha cố hét lên phía sau anh. “Anh có thể giúp chúng tôi tìm họ.”

Reilly chẳng buồn quay lại. “Các người tự đi mà tìm họ. Tôi xong việc rồi.”

Reilly vẫn tiếp tục bước đi.

Giọng ông Cha cố vang lên phía sau Reilly, chìm lẫn trong âm thanh gầm gào của động cơ trực thăng. “Còn Tess thì sao? Anh bỏ mặc cô ta với hắn à? Cô ta có thể vẫn còn có ích. Và ngoài anh ra thì ai có thể thuyết phục được cô ta chứ?”

Reilly ngoái lại, vẫn bước, rồi dợm lui vài bước. Anh nhận ra vẻ ranh mãnh láu cá trong ánh mắt đăm đăm của de Angelis, chứng tỏ ông Cha cố đã biết tỏng anh và Tess thân thiết với nhau như thế nào. Reilly nhún vai. “Hết rồi.”

De Angelis nhìn Reilly bước đi. “Anh định làm gì vậy? Bách bộ về New York à?”

Reilly không dừng lại. Cũng chẳng thèm trả lời.

Ông Cha cố thét to lần cuối phía sau anh. Giọng ông ta giờ đã trở nên giận dữ, pha lẫn với vẻ thất vọng.

“Reilly!”

Reilly dừng lại, gục đầu xuống một lát trước khi quyết định quay trở lại.

De Angelis bước mấy bước tiến về phía Reilly. Miệng ông ta mở một nụ cười, nhưng đôi mắt vẫn giữ vẻ lạnh lùng xa cách. “Nếu tôi không thể thuyết phục được anh làm việc với chúng tôi… có lẽ tôi sẽ đưa anh đến gặp một người có thể thuyết phục được.”

.....

[56] Langley: địa danh thuộc bang Washington của Mỹ, nơi đặt đại bản doanh Bộ Quốc phòng Mỹ, còn gọi là Lầu Năm Góc.

[57] SDI: viết tắt của Strategic Defence Initiative – Chương trình Sáng kiến Phòng Thủ Chiến Lược.

Chương 71

Vatican hay CIA, dù là ai sắp xếp cuộc hành trình này thì quả là họ đã làm việc rất tốt. Chiếc trực thăng bay đến một căn cứ không quân gần Karacasu, không xa lắm phía Bắc nơi Reilly được đón lên. Ở đó, anh và de Angelis lên chiếc phản lực G-IV chờ sẵn đã bay từ Dalaman đến đón họ và sau đó thực hiện cuộc hành trình chớp nhoáng về phía Tây đến Ý. Thủ tục nhập cảnh và hải quan được nhanh chóng thông qua ở Rome, và chưa đầy ba tiếng đồng hồ kể từ khi ông khâm sứ Tòa Thánh bất chợt hiện ra giữa đám mây bụi đất trong vùng rừng núi Thổ Nhĩ Kỳ, họ đã lao nhanh qua Thành phố Vĩnh cửu[58] trong một chiếc Lexus màu đen đầy đủ tiện nghi với điều hòa và cửa kính đen.

Reilly cần tắm rửa và thay quần áo sạch, nhưng vì de Angelis tỏ ra rất vội nên anh phải rửa tay ngay trên chiếc phản lực và thay bộ đồ lặn bằng chiếc quần nhà binh[59] và áo phông xám kiếm vội ở trung tâm tiếp liệu của căn cứ không quân. Anh chẳng phàn nàn một câu. Thay cho bộ lặn, thứ đồng phục tác chiến này rõ là một sự thoải mái quá sức mong đợi rồi, và hơn nữa, Reilly cũng rất nôn nóng. Càng lúc anh càng cảm thấy lo lắng cho Tess. Reilly muốn tìm thấy nàng, dù cố không đào xới quá sâu những động cơ của mình. Anh cũng có những suy nghĩ linh tính khác về việc đã đồng ý với sự mời mọc của ông khâm sứ Tòa Thánh; anh không chắc về những gì chờ đợi anh ở cái đích cuối cùng của họ, và Reilly nghĩ càng sớm càng thoát khỏi nơi đó và trở về Thổ Nhĩ Kỳ càng tốt. Nhưng quá trễ để rút lui rồi. Qua thái độ im lặng bí mật của de Angelis, Reilly cảm nhận rõ ràng cuộc thăm viếng này không chỉ là một sự ngẫu nhiên vớ vẩn.

Từ trên máy bay, Reilly đã nhận ra Thánh đường Thánh Peter, lúc này, khi chiếc Lexus len lỏi giữa dòng xe cộ, anh lại thấy nó, lù lù ở phía trước, những mái vòm đồ sộ kiêu hãnh vươn cao khỏi sự rối rắm và hỗn loạn của cái thành phố lúc nhúc người với người này. Mặc dù cảnh quan của một công trình kiết trúc đồ sộ như vậy chắc chắn khơi gợi cảm giác kính sợ ngay cả đối với những kẻ bất tín lì lợm nhất nhưng Reilly chỉ thấy gợn lên trong lòng cảm giác bị phản bội và tức giận. Anh không biết nhiều về nhà thờ lớn nhất thế giới này, trong đó còn có Nhà Nguyện Sistine và nó được xây dựng ngay trên phần mộ Thánh Peter, Giáo hoàng đầu tiên của Giáo hội, người đã bị đóng đinh lộn ngược trên thánh giá đến chết vì đức tin của mình. Khi chiêm ngưỡng nhà thờ, Reilly nhớ đến những tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc tuyệt vời mà chính đức tin này là nguồn cảm hứng, những bức tranh, tượng và địa điểm thờ phụng do các tín đồ Cơ đốc sáng tác và tạo dựng khắp thế giới. Reilly nhớ đến không biết bao nhiêu đứa trẻ con cầu nguyện hàng đêm vào giờ đi ngủ, hàng triệu người mộ đạo đi nhà thờ vào mỗi ngày Chủ nhật, người bệnh tật thì cầu nguyện mong được chữa lành, và người sống cầu nguyện cho linh hồn của người quá cố. Phải chăng tất cả mọi người đều bị lừa dối? Phải chăng tất cả đều là một sự dối trá? Và, tệ hơn – phải chăng Vatican đã biết ngay từ đầu?

Chiếc Lexus chạy xuống khu Via de Porta Angelica đến cổng Thánh Anne, chiếc cổng gang lớn được Đội Vệ binh Thụy Sĩ trong trang phục đủ màu sắc mở ra ngay khi chiếc xe trờ tới. Chỉ vài cái khẽ gật đầu của vị khâm sứ, chiếc Lexus được khoát tay cho tiến vào cái quốc gia nhỏ nhất trên hành tinh này, đưa Reilly vào trung tâm của cái thế giới tâm linh rắc rối của mình.

Chiếc xe dừng lại bên ngoài tòa nhà xây bằng đá có mái tạo thành cửa vào, de Angelis nhanh nhẹn ra khỏi xe. Reilly theo ông ta lên những bậc tam cấp ngắn, bước vào sự im lặng uy nghi của cái tiền sảnh rộng thênh thang. Họ đi dọc theo những hành lang lát đá phiến, ngang qua những căn phòng có trần cao và lờ mờ tối, lên cái cầu thang rộng bằng đá cẩm thạch và cuối cùng đến một cánh cửa gỗ chạm khắc cầu kỳ. Ông khâm sứ Tòa Thánh gỡ cặp kính phi công ra, mang lại cặp kính trắng cũ kỹ. Reilly đứng nhìn de Angelis – thoải mái như một đại kịch sĩ sắp bước ra sân khấu, vẻ mặt ông ta chuyển từ vẻ mặt của tay điệp viên cải đạo tàn nhẫn thành vị linh mục hiền lành lịch sự như cái ngày mà ông ta xuất hiện ở New York. Trước sự ngạc nhiên của Reilly, ông Cha cố hít một hơi thở thật sâu trước khi gõ mạnh lên cánh cửa.

Tiếng trả lời vang lên ngay tức khắc, một giọng nói êm nhẹ.

“Mời vào.”[60]

De Angelis mở cửa, bước vào trước.

Căn phòng sâu hun hút, các giá kệ cao từ nền đến trần nằm dọc theo các bức tượng và xếp đầy sách. Nền phòng không lót thảm, lát gỗ sồi theo hình chữ chi. Trong góc phòng, ngay cạnh lò sưởi xay bằng đá, một chiếc tràng kỷ lớn bọc vải trang trí nằm giữ hai chiếc ghế bành. Phủ sau hai cánh cửa sổ cao kiểu Pháp là một cái bàn, sau bàn là một ghế đệm lớn, phía trước là ba chiếc ghế bành khác đối diện với cái bàn. Vị chủ nhân duy nhất của căn phòng, một người to lớn, oai vệ, tóc hoa râm bước quanh bàn để chào đón de Angelis và vị khách do ông ta đưa đến. Nét khắc khổ u sầu hằn sâu trên gương mặt vị chủ nhân.

De Angelis giới thiệu Hồng y Brugnone với Reilly, họ bắt tay nhau. Cái bắt tay của vị Hồng y mạnh và chặt đến không ngờ. Reilly cảm thấy mình đang bị quan sát bởi một cái đầu mình mẫn đáng sợ khi ánh mắt của ông Hồng y im lặng rà đi soát lại trên người anh. Vẫn không rời mắt khỏi người khách của mình, Brugnone trao đổi với ông Cha cố vài lời bằng tiếng Ý mà Reilly không hiểu.

“Xin mời ngồi, đặc vụ Reilly,” rốt cuộc ông ta cũng mở miệng với Reilly, ra hiệu về phía chiếc tràng kỷ. “Tôi hy vọng anh chấp nhận lòng biết ơn của tôi về tất cả những gì anh đã và sẽ tiếp tục làm trong trục trặc không may này. Và cũng như việc anh đã đồng ý đến đây ngày hôm nay.”

Ngay khi Reilly ngồi xuống một cái ghế và de Angelis yên vị trên chiếc ghế kia, Brugnone tỏ rõ là ông ta không muốn phí thời gian trò chuyện không đâu và đi ngay vào vấn đề. “Tôi đã được cung cấp vài thông tin cơ bản về anh.” Reilly liếc de Angelis, ông Cha cố không nhìn lại anh. “Tôi nghe nói anh là người có thể tin cậy và không bao giờ vi phạm những quy tắc đạo đức của mình.” Con người to lớn đó dừng lại, đôi mắt nâu nghiêm khắc của ông ta đè nặng xuống Reilly.

Reilly cảm thấy không gì sung sướng hơn là được đi thẳng vào vấn đề. “Tôi chỉ muốn biết sự thật.”

Brugnone chồm người về phía trước, đôi tay bè bè to lớn của ông ta chắp vào nhau. “Tôi e rằng sự thật đúng như anh đang e sợ.” Sau một lát im lặng, ông ta bật dậy khỏi ghế, bước những bước nặng trịch về phía cánh cửa sổ kiểu Pháp. Nhìn đăm đăm ra ngoài, mắt nheo lại vì ánh nắng gay gắt ban trưa. “Chín tên… chín ác quỷ. Chúng xuất hiên ở Jerusalem và vua Baldwin đã cho chúng tất cả những gì chúng muốn, vì nghĩ rằng chúng cùng phe với chúng ta, vì nghĩ rằng chúng ở đó để giúp truyền bá thông điệp của chúng ta.” Ông Hồng y nấc lên, một âm thanh mà trong những trường hợp khác có thể ngộ nhận là tiếng cười, nhưng Reilly biết rằng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài của cái suy tư đầy đau đớn. Giọng ông ta trầm xuống lầm bầm trong cổ họng. “Ông ta quả là xuẩn ngốc khi tin tưởng bọn chúng.”

“Bọn họ đã tìm thấy gì?”

Hồng y Brugnone hít một hơi, giống như nuốt ngược vào lòng tiếng thở dài, rồi quay lại nhìn thẳng vào mặt Reilly. “Một cuốn nhật ký. Một cuốn nhật ký rất riêng tư và chi tiết, một kiểu sách Phúc âm. Tác phẩm của một người thợ mộc tên Jeshua ở Nazareth.” Ông ta dừng lại, nhìn chằm chằm Reilly với ánh mắt sắc lạnh trước khi nói thêm, “tác phẩm…của một con người.”

Reilly cảm thấy không khí đã không còn trong phổi nữa. “Chỉ là một con người?”

Brugnone ủ rũ gật đầu, đôi vai to lớn của ông ta chợt chùng xuống như thể không chịu nổi gánh nặng đang đè lên chúng. “Theo cuốn Phúc âm của chính ông ta thì Jeshua ở Nazareth – tức Jesus – không phải là Con trai Thượng đế.”

Những lời nói đó cứ mãi quay cuồng trong đầu Reilly trước khi rơi tọt vào lòng anh, nặng như khối đá ngàn cân. Reilly xòe hai tay, làm cử chỉ như đã xong xuôi mọi việc. “Và tất cả chuyện này…?”

“Tất cả chuyện này,” Brugnone kêu lên, “là điều tốt nhất mà con người kia, con người trần tục tầm thường sợ hãi kia có thể tạo ra. Tất cả đã được tạo ra với những mục đích cao quý nhất. Đây là điều anh phải tin tưởng. Anh đã làm gì? Anh muốn chúng tôi phải làm gì bây giờ? Đã gần hai ngàn năm, chúng ta đã được tin tưởng giao phó những niềm tin này, những niềm tin vô cùng quan trọng đối với những người đã khai sáng Giáo hội, những niềm tin mà ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục tin tưởng. Phải ngăn chặn bất kỳ điều gì có thể làm suy yếu chúng. Không còn sự lựa chọn nào khác, bởi chúng ta không thể bỏ mặc người của chúng ta, từ trước đã vậy và chắc chắn giờ cũng vậy. Ngày nay, sẽ càng thảm họa hơn nếu tiết lộ với mọi người rằng tất cả là…” Ông Hồng y nhún vai, không thể nói cho hết câu.

“Một sự lừa dối vĩ đại?” Reilly kết luận một cách cộc lốc.

“Nhưng phải chăng đó thực sự là một sự lừa dối? Đức tin là gì, rốt cuộc, nếu không phải là niềm tin vào cái không cần phải có bằng chứng, niềm tin vào lý tưởng. Và đức tin đó cũng là một lý tưởng xứng đáng để người ta tin tưởng. Chúng ta cần phải tin vào một điều gì đó. Tất cả chúng ta đều cần có đức tin.”

Đức tin.

Reilly cố gắng thấu hiểu những ý nghĩa ẩn chứa trong điều mà Hồng y Brugnone vừa nói. Trong trường hợp của anh, chính đức tin đã giúp anh, từ lúc còn là một cậu bé, đối phó với cái chết để lại nhiều hậu quả kinh khủng của người cha. Chính đức tin đã dẫn dắt anh qua giai đoạn trưởng thành. Và bây giờ, trong số tất cả mọi nơi, ở đây, ngay chính giữa trái tim của Giáo hội Công giáo La Mã, anh được người ta cho biết rằng tất cả đức tin đó là một sự vờ vịt giả dối to tổ bố.

“Nhưng chúng ta cũng cần sự trung thực,” Reilly giận dữ phản bác. “Chúng ta cần sự thật.”

“Nhưng trên tất cả, hơn bao giờ hết, giờ đây con người cần có đức tin,” Brugnone nhấn mạnh, giọng cương quyết, “và cái chúng ta hiện có còn tốt hơn rất nhiều so với việc chẳng hề có đức tin nào cả.”

“Đức tin vào sự phục sinh chưa từng xảy ra ư?” Reilly vặc lại. “Đức tin vào một thiên đàng không có thực ư?”

“Cứ tin tôi, đặc vụ Reilly, nhiều người đáng kính đã từng trăn trở như vậy bao nhiêu năm, và rồi tất cả đều đi đến một kết luận: đó là điều cần phải gìn giữ. Quá khủng khiếp khi nghĩ đến giải pháp thay thế.”

“Nhưng chúng ta không đề cập đến những lời phán truyền và những giáo huấn của Ngài, chúng ta chỉ đề cập đến những phép lạ và sự sống lại của Ngài.”

Giọng Brugnone vẫn bình thản. “Cơ đốc giáo không xây dựng trên ý niệm chứa đựng trong những lời thuyết giáo của một người thông minh. Nó được xây dựng trên một ý niệm vang dội hơn nhiều – những lời phán truyền của Con trai Thượng đế. Sự phục sinh không chỉ là một phép lạ – nó chính là nền móng của Giáo hội. Phá bỏ nền móng này, Giáo hội sẽ sụp đổ. Hãy nghĩ đến những phán truyền của Thánh Paul trong Kinh Corinthian Đệ Nhất: “Và nếu Chúa không sống dậy thì sự rao giảng của ta chẳng ích gì, và đức tin của người cũng vô ích mà thôi.”

“Những người sáng lập Giáo hội – chính họ đã chọn những lời đó,” Reilly trả lời, gần như nổi cáu. “Toàn bộ ý nghĩa của tôn giáo là giúp chúng ta cố gắng thấu hiểu việc chúng ta đang làm ở đây, đúng không? Nhưng làm sao chúng ta có thể hiểu được nếu chúng ta khởi đầu với một tiền đề sai lạc? Chính sự dối trá này làm méo mó mọi khía cạnh trong cuộc sống chúng ta.”

Brugnone thở dài, gật đầu ngầm đồng ý với Reilly, “Có lẽ là vậy. Có lẽ, nếu sự dối trá này chỉ mới khởi đầu từ bây giờ chứ không phải từ hai ngàn năm trước, mọi việc có thể đã được xử lý khác hẳn. Nhưng nó đâu có bắt đầu từ bây giờ. Nó tồn tại, đã được truyền lại cho chúng ta và chúng ta phải gìn giữ nó; hành động ngược lại sẽ hủy hoại chính chúng ta – và tôi e rằng, còn phải đối phó với tai họa khủng khiếp giáng xuống cái thế giới mỏng manh này của chúng ta.” Mắt ông Hồng y không còn chăm chăm vào Reilly nữa, mà nhìn vào cái gì đó xa xăm, cái gì đó dường như gây ra nỗi đau thể xác cho ông ta. “Chúng ta đã luôn phòng ngự kể từ khi chúng ta bắt đầu. Tôi cho điều đó là tự nhiên, dựa vào vị thế của ta, nhưng tình hình càng lúc càng khó hơn, khoa học và triết học hiện đại không cổ vũ cho đức tin. Và chúng ta phần nào đang bị đổ lỗi, trách móc. Kể từ khi Giáo hội non trẻ thuở sơ khai thực sự bị Constantine và sự nhạy bén chính trị của ông ta chiếm đoạt, đã có qua nhiều chia rẽ và bất đồng. Quá nhiều sự soi mói về giáo lý, quá nhiều kẻ suy đồi và lừa lọc gian trá bu quanh, quá nhiều lòng tham. Thông điệp nguyên thủy của Jesus đã bị những kẻ theo thuyết duy ngã tự cao tự đại và những kẻ mù quáng xuyên tạc, nó cũng bị suy yếu bởi những đối thủ nội bộ hèn hạ, và bởi những người theo trào lưu chính thống cứng đầu cứng cổ. Ngoài ra, chúng ta còn phạm phải những sai lầm chẳng ích lợi gì cho chính nghĩa của chúng ta. Tránh né những vấn nạn thực sự mà người dân đang phải đối mặt. Tha thứ cho những lạm dụng đáng xấu hổ, những hành động kinh khủng chống lại những con người hoàn toàn vô tội, thậm chí còn âm mưu che đậy chúng. Chúng ta quá lề mề không hòa nhịp được với thế giới đang biến đổi vô cùng nhanh chóng này, và bây giờ, vào thời điểm mà chúng ta đặc biệt dễ bị tổn thương, tất cả lại bị đe dọa, chẳng khác gì cách đây chín trăm năm. Chính ngay lúc này, cái dinh thự mà chúng ta xây dựng đã vĩ đại hơn kỳ vọng của bất kỳ người nào, vì vậy sự sụp đổ của nó sẽ vô cùng thảm khốc.”

“Có lẽ, nếu chúng ta bắt đầu thành lập Giáo hội bây giờ, với câu chuyện thực sự về Jeshua xứ Nazareth,” Brugnone bổ sung, “có lẽ chúng ta có thể làm khác đi. Có lẽ chúng ta sẽ tránh được những giáo điều sai lạc và hành động một cách đơn giản. Cứ nhìn đạo Hồi mà xem. Họ cũng đã khởi phát với sự lừa dối, gần bảy trăm năm sau ngày Chúa bị

đóng đinh trên thập giá. Một kẻ bỗng xuất hiện rồi nói: "Không có Đấng Cứu Thế, chẳng có ai là Con trai Thượng đế, chẳng có Cha của Chúa Thánh Thần, chẳng có Chúa Ba Ngôi rối rắm gì hết, chỉ có sứ giả của Thượng đế. Chỉ vậy thôi. Và thế là đủ. Cái thông điệp đơn giản đó nhanh chóng được mọi người chấp nhận. Chưa đến một trăm năm, tín đồ của ông ta hầu như có mặt khắp nơi trên thế giới, và tôi đau đớn khi nghĩ rằng cho đến giờ, trong thời đại ngày nay, Hồi giáo là tôn giáo lớn mạnh nhất trên thế giới… mặc dù so với chúng ta, họ bắt nhịp với thực tại và nhu cầu của thời hiện đại chậm hơn, và điều đó đương nhiên sẽ gây ra cho họ những vấn nạn trong tương lai. Nhưng chúng ta cũng rất lề mề, vừa lề mề vừa ngạo mạn… và giờ chúng ta đang phải trả giá cho điều đó, ngay khi người dân cần chúng ta nhất."

"Bởi họ cần," ông ta tiếp tục. "Họ cần chúng ta, họ cần điều gì đó. Hãy nhìn vào sự lo âu xung quanh anh, nỗi giận dữ, lòng tham, sự mục nát tiêm nhiễm cả thế giới, từ trên xuống dưới. Hãy nhìn vào cái khoảng trống luân lý, sự khao khát tâm linh, sự thiếu vắng những chuẩn mực. Càng ngày thế giới càng trở nên yếm thế, thụ động và đáng thất vọng hơn. Con người trở nên thờ ơ, thiếu lòng trắc ẩn, và ích kỷ hơn bao giờ hết. Chúng ta cướp bóc và giết chóc lẫn nhau ở một quy mô chưa từng có. Những vụ nhũng lạm tập thể đến hàng tỷ dôla. Những cuộc chiến được phát động chẳng cần lý do nào, hàng triệu sinh mạng bị tàn sát trong những cuộc diệt chủng. Khoa học có thể cho phép chúng ta thoát khỏi các loại bệnh tật như bệnh đậu mùa, nhưng khoa học cũng buộc chúng ta trả giá nhiều hơn bằng cách hủy hoại hành tinh của chúng ta và biến chúng ta thành những sinh vật nóng nảy, cô đơn và hung bạo. Những người may mắn trong chúng ta có thể sống thọ hơn, nhưng phải chăng cuộc sống của chúng ta được thỏa mãn hay an bình hơn? Phải chăng thế giới thực sự văn minh hơn so với hai ngàn năm trước?"

"Hàng trăm năm trước, chúng ta chẳng biết gì nhiều. Mọi người chỉ biết đọc và viết. Ngày nay, trong cái thời đại gọi là khai sáng của chúng ta, có lý do nào để biện minh cho cách cư xử vô cùng tệ hại trên? Trí tuệ và khả năng hiểu biết của con người có thể đã tiến triển, nhưng tôi e rằng phần hồn của họ đã bị bỏ lại phía sau – và, thậm chí tôi dám khẳng định phần hồn con người còn bị thoái hóa nữa kìa. Không ít lần, con người đã thể hiện bản chất mình chỉ là con thú hoang, thậm chí cả khi Giáo hội dạy bảo chúng ta phải chịu trách nhiệm với năng lực nhận thức cao hơn, chúng ta cuối cùng vẫn hành xử một cách độc ác. Thử tưởng tượng sẽ ra sao nếu không có Giáo hội. Nhưng rõ ràng chúng ta đang mất dần khả năng truyền cảm hứng. Chúng ta không hiện diện ở đó vì quần chúng, chúng ta đang bị sử dụng như một cái cớ cho các cuộc chiến tranh và giết chóc. Chúng ta đang bị cuốn vào một cuộc khủng hoảng tâm linh đáng sợ, đặc vụ Reilly à. Phát hiện này không thể xảy ra vào thời điểm tồi tệ hơn nữa đâu."

Brugnone bỗng im bặt và nhìn vào Reilly từ đầu bên kia căn phòng.

"Có lẽ đó là điều không thể tránh khỏi, đồng thời," Reilly nói, giọng nhỏ nhẹ tỏ vẻ chấp nhận. "Có thể cũng là một chuyện chẳng đặng dừng."

"Có thể Giáo hội đang chết dần chết mòn," Brugnone tỏ vẻ đồng ý. "Rốt cuộc, tất cả mọi tôn giáo đều lụi tàn và biến mất vào một thời điểm nào đó, và tôn giáo của chúng ta đã tồn tại lâu hơn hầu hết các tôn giáo khác. Nhưng với một phát hiện bất ngờ như thế này… Bất chấp những khuyết điểm của mình, Giáo hội vẫn là một phần to lớn trong cuộc sống con người. Hàng triệu người ngoài kia nhờ vào đức tin đưa họ sống qua ngày. Đức tin giúp mang lại niềm an ủi, ngay cả đối với những tín đồ lầm lạc, trong những lúc họ cần đến chúng. Và cao hơn cả, đức tin mang lại cho tất cả chúng ta cái gì đó thực sự thiết yếu đối với sự tồn tại đích thực của chúng ta: giúp chúng ta vượt qua nỗi sợ hãi cố hữu về cái chết và nỗi kinh sợ những gì có thể đang chờ đợi ở thế giới bên kia. Không có đức tin vào một vị Chúa phục sinh, hàng triệu linh hồn con người sẽ lang thang phiêu bạt không nơi nương tựa. Đừng nghĩ là tôi nói sai, đặc vụ Reilly à, để cho phát hiện này lộ ra là đẩy thế giới vào tình trạng tuyệt vọng và tan vỡ ảo tưởng không giống như bất kỳ điều gì mà chúng ta từng chứng kiến."

Sự im lặng ngột ngạt tràn ngập căn phòng, đè nặng lên Reilly. Anh vẫn chưa thoát ra khỏi những ý nghĩ lo âu bực bội đang ngự trị trong đầu mình. Reilly nhớ lại nơi mà cuộc hành trình này đã bắt đầu với anh, từ lúc anh đứng trên bậc thềm của Viện Bảo tàng Met cùng với Aparo trong cái đêm bạo loạn của bọn kỵ sĩ, và tự hỏi làm sao mình lại đến được đây, ở ngay trung tâm đức tin của mình, tham gia vào cuộc trò chuyện vô cùng khó chịu mà lẽ ra anh đừng bao giờ dấn vào thì tốt hơn.

"Đức Cha biết bao lâu rồi?" cuối cùng, Reilly hỏi vị Hồng y.

"Ta à, cá nhân ta à?"

"Vâng."

“Từ khi ta nhận chức vụ hiện tại. Ba mươi năm.”

Reilly gật gù. Quả là quãng thời gian dài khủng khiếp phải làm việc với những hồ nghi giống như những điều giờ đang hành hạ anh. “Nhưng Đức Cha đã thỏa hiệp với nó.”

“Thỏa hiệp?”

“Đức Cha đã chấp nhận điều đó,” Reilly giải thích.

Hồng y Brugnone nghiền ngẫm một lúc khá lâu, ánh mắt phiền muộn. “Ta sẽ không bao giờ thỏa hiệp với điều đó, theo cái ý nghĩa mà ta tin là anh đang nói đến. Nhưng ta đã học cách để thích ứng với nó. Đó là cách tốt nhất ta có thể làm.”

“Còn ai khác biết không?” Reilly có thể nhận ra sự lên án trong giọng nói của mình, và anh biết là Brugnone cũng nhận ra điều đó.

“Một vài người trong chúng ta.”

Reilly băn khoăn về câu trả lời đó. Đức Giáo hoàng thì sao? Giáo hoàng có biết không? Anh nhận ra mình thực sự muốn biết – anh không thể tưởng tượng là Giáo hoàng không biết – nhưng Reilly cố ngăn không nêu ra câu hỏi đó. Đã có quá nhiều cú đánh choáng váng dồn dập cùng một lúc rồi. Thay vì đó, một ý tưởng khác vẫy gọi sự chú ý của anh. Bản năng điều tra cựa quậy, nhe nanh múa vuốt chực chờ thoát khỏi vũng lầy trong cái đầu óc tù mù của Reilly.

“Làm sao Đức Cha biết nó là thật?”

Đôi mắt Brugnone bừng sáng, khóe miệng hé ra nụ cười nhạt. Ông ta dường như được khuyến khích bởi lời biện hộ đầy hy vọng của Reilly, nhưng giọng nói tàn nhẫn của ông Hồng y đã nhanh chóng bóp chết bất kỳ sự hy vọng nào như vậy. “Giáo hoàng đã cử ra những chuyên gia ưu tú nhất sang Jerusalem ngay khi các Hiệp sĩ Đền Thánh phát hiện ra cuốn sách đó. Họ đã xác nhận đó là cuốn sách thật.”

“Nhưng đã gần một ngàn năm rồi,” Reilly phản bác. “Họ có thể bị lừa một cách dễ dàng. Nếu đó là giả mạo thì sao? Từ những gì mà tôi nghe được thì các Hiệp sĩ Đền Thánh thừa khả năng thực hiện những việc như thế. Tuy nhiên, Đức Cha có sẵn sàng chấp nhận điều đó là sự thực khi thậm chí chẳng nhìn thấy nó không…” Cái hàm ý bất chợt hiện ra trong đầu Reilly ngay khi những lời nói tuôn ra khỏi miệng anh. “Điều này có nghĩa là Đức Cha luôn nghi ngờ câu chuyện trong những cuốn Phúc âm đúng không?”

Brugnone đáp lại sự kinh ngạc của Reilly bằng vẻ tươi cười, trấn an. “Có những người tin câu chuyện chỉ có ý nghĩa ẩn dụ: vì vậy để thực sự hiểu được đạo Cơ đốc cần phải hiểu được cái cốt yếu nằm bên trong thông điệp. Tuy nhiên, vì muốn có được sự hòa hợp tốt hơn, hầu hết các tín đồ thường xem từng câu từng chữ trong Kinh Thánh như là chân lý. Tôi cho là mình nằm đâu đó ở giữa. Có lẽ tất cả chúng ta đều ở trên cái lằn ranh tốt đẹp giữa giải phóng trí tưởng tượng của mình đối với những điều kỳ diệu của câu chuyện và cho phép đầu óc duy lý của chúng ta hoài nghi tính xác thực của nó. Nếu cái mà các Hiệp sĩ Đền Thánh tìm thấy thực chất chỉ là thứ đồ giả mạo, chắc chắn nó sẽ giúp chúng ta thoải mái hơn khi bỏ thêm thời gian vào bên gây cảm hứng hơn của lằn ranh đó, nhưng cho đến khi chúng ta khám phá ra cái mà bọn họ mang theo trên con tàu đó…” Ông Hồng y trừng trừng nhìn Reilly. “Anh sẽ giúp chúng tôi chứ?”

Mất một lúc Reilly vẫn không trả lời. Anh quan sát khuôn mặt hằn sâu những nếp nhăn của người đàn ông trước mặt. Dù thấy những lời nói của vị Hồng y chứa đựng sự thành thật ẩn sâu bên trong, Reilly không hề ảo tưởng về động cơ của de Angelis, và anh biết rằng việc giúp họ đương nhiên có nghĩa là phải làm việc với tay khâm sứ Tòa Thánh kia, một viễn cảnh chẳng thích thú chút nào đối với anh. Reilly liếc nhìn de Angelis. Chẳng có gì trong những điều anh đã nghe giảm bớt sự ngờ vực của anh đối với ông linh mục lá mặt lá trái kia, cũng như không hề làm vơi bớt sự khinh thường của anh đối với phương pháp làm việc của con người đó. Reilly biết, anh sẽ phải tìm ra cách đối phó với ông ta vào thời điểm nào đó trong tương lai. Nhưng có những vấn đề bức bách hơn cần phải giải quyết ngay. Tess đang ở đâu đó ngoài kia, đơn độc với Vance, và có một khám phá có khả năng hủy diệt đang lù lù đe dọa hàng triệu tâm hồn vô tư chưa hề biết đến hoài nghi.

Anh nhìn chằm chằm vào Brugnone. “Vâng,” là câu trả lời đơn giản của anh.

.....

[58] Eternel City: Thành phố Vĩnh cửu, ám chỉ địa phận Tòa Thánh Vatican ở thủ đô Rome nước Ý.

[59] Nguyên văn, BDU pants: viết tắt Battle Dress Uniform: quần trận, quần tác chiến.

[60] Nguyên văn tiếng Ý: Avonti.

Chương 72

Cơn gió Đông Nam nhẹ nhàng mơn man trên mặt nước quanh chiếc Savarona, tạo nên làn sương mù mằn mặn mà Tess gần như có thể nếm thử khi đứng trên boong sau của chiếc tàu đánh cá đã được sửa sang lại. Tess rất thích sự tươi mát của những buổi bình minh trên biển cả, cũng như vẻ êm ả thanh bình đến cùng với mỗi buổi hoàng hôn. Khoảng thời gian dài đằng đặc giữa hai thời điểm đó mới là lúc khó khăn.

Họ đã gặp may khi tìm được chiếc Savarona trong khoảng thời gian ngắn như vậy. Từ vùng biển Caribê đến vùng duyên hải Trung Hoa, nhu cầu về những loại tàu thăm dò đáy biển đã tăng vọt trong những năm gần đây, việc tìm thuê được một chiếc tàu như vậy là rất khó khăn và giá cả thường cũng trên trời. Ngoài các nhà hải sinh học, hải dương học, các công ty dầu lửa, và những người làm phim tư liệu – theo truyền thống là những người chiếm tỷ lệ sử dụng hầu hết nhu cầu này, hai nhóm khách hàng mới giờ đang dẫn đầu thị trường là: những người lặn mạo hiểm, cả một đội ngũ càng lúc càng đông đảo những người sẵn sàng bỏ ra mười ngàn đôla để có cơ hội được đến gần và đích thân tiếp cận con tàu Titanic hoặc ủ ấm cơ thể trong các ống nhiệt độ ở độ sâu ba ngàn mét dưới mặt nước biển gần quần đảo Azore[61]; và những kẻ săn lùng kho báu hay là những người mà ngày nay thích được gọi là những nhà khảo cổ thương mại.

Mạng lưới Internet đã đóng vai trò chủ yếu giúp tìm ra chiếc tàu khảo sát trên. Chỉ vài cuộc điện thoại và sau đó là một chuyến bay ngắn, Vance và Tess đã đến cảng Piraeus ở Athens, nơi chiếc Savarona đang bỏ neo. Thuyền trưởng – một tay phiêu lưu mạo hiểm người Hy Lạp tên George Rassoulis, dáng cao lớn trông rất ấn tượng, có làn da rám nắng trông như thể ăn sâu vào tận xương – đã bác bỏ ngay từ đầu đề nghị của Vance vì không thống nhất về lịch trình. Những công việc chuẩn bị đang được tiến hành để đón một nhóm nhỏ các nhà sử học và một đoàn làm phim đi vào phía Bắc biển Ege để tìm kiếm một đội tàu chiến cổ ba tầng chèo bị thất lạc của Ba Tư. Rassoulis chỉ có thể phục vụ Vance trong thời gian không quá ba tuần trước khi phải đón nhóm người kia, và ba tuần, ông ta giải thích, chẳng thể làm được gì. Tàu ông ta đã được đặt trước trong hai tháng, nhưng thời gian dó là tương đối ngắn vì xác định thành công vị trí các vụ đắm tàu cổ cũng chẳng khác gì mò kim đáy biển. Tuy vậy, hầu hết các cuộc tìm kiếm đều thiếu cái mà Vance đang có trong tay: chiếc máy đo độ cao thiên thể, với cái máy này, anh ta hy vọng sẽ thu hẹp khu vực của chiếc tàu đắm trong vòng mười sáu mét vuông.

Vance bảo Rassoulis là họ săn lùng một chiếc tàu của quân Thập tự chinh, nói bóng gió về khả năng con tàu có chở vàng và những thứ quý giá khác đã biến mất khỏi Đất Thánh sau khi thành Acre sụp đổ. Bị kích thích, Rassoulis miễn cưỡng nhận lời, một phần bị cuốn theo lòng nhiệt thành của Vance cũng như niềm tin dễ lây của vị giáo sư vào khả năng của cái dụng cụ cổ xưa kia, rằng nó sẽ mang lại cho họ chiếc Falcon Temple trong quãng thời gian giới hạn, và phần khác cũng vì một chút lòng tham. Viên thuyền trưởng tỏ ra vô cùng sung sướng khi thỏa mãn yêu cầu phải hoàn toàn thận trọng giữ bí mật của Vance. Ông ta đã quá quen với dân săn lùng kho báu – những nhà khảo cổ thương mại – và yêu cầu tránh không cho thiên hạ biết đến của họ. Và do vậy, tay thuyền trưởng đã thương lượng để chia một phần giá trị kho báu, đó cũng là thứ lợi ích tốt nhất để bảo đảm không có kẻ ngoài cuộc phá vỡ liên minh của họ. Ông ta giải thích cho Vance biết con tàu sẽ rà soát hiện trường từ ngoài vào trong, mỗi lần vài giờ đồng hồ trước khi di chuyển qua vị trí khác, ngoài ra còn có những địa điểm tìm kiếm "dỏm" nhằm đánh lạc hướng sự chú ý khỏi khu vực mục tiêu của họ, một chiến thuật hoàn toàn thích hợp với Vance.

Điều mà Tess lại phát hiện ra – lần trước nàng đã trải qua, Tess nhớ lại, ngoài khơi cảng Alexandria của Ai Cập, lúc Clive Edmondson đang giở trò tán tỉnh nàng một cách vụng về – là quá trình rà soát đòi hỏi phải kiên nhẫn, điều mà ngay lúc này Tess không thể nào có được. Nàng vô cùng nôn nóng muốn tìm ra những bí mật nằm dưới lớp sóng cồn nhấp nhô dưới chân mình, và Tess biết rằng những bí mật đó đang ở rất gần. Tess có thể cảm nhận điều đó, và nó làm cho những quãng thời gian dài đứng bên lan can tàu trở nên khó chịu hơn.

Đã nhiều giờ trôi qua, Tess đắm chìm trong suy tư, ánh mắt vô thức dán vào hai sợi cáp kéo theo đằng sau con tàu cũ kỹ, chìm dưới hai đường bọt nước. Một sợi kéo theo máy định vị bằng sóng âm tần số thấp có thể vẽ bản đồ từng vị trí lồi lõm đáng chú ý ở đáy biển; sợi kia kéo máy cộng hưởng từ có khả năng phát hiện bất kỳ vật dụng bằng sắt nào trong con tàu đắm. Cũng đã có đôi ba khoảnh khắc đầy phấn khích trong những ngày trước. Mỗi lần chiếc máy định vị phát hiện ra cái gì đó, chiếc ROV của con tàu – tàu lặn robot điều khiển từ xa gọi thân mật là Dori, theo tên của chú cá đãng trí trong phim Đi tìm Nemo – được thả xuống để thám sát. Mỗi lần như vậy, Tess và Vance chạy ùa vào phòng điều khiển chiếc Savarona, tim đập thình thịch, lòng tràn đầy hy vọng. Họ ngồi đó, mắt

dán chặt vào màn hình, đăm đăm nhìn vào những hình ảnh mờ mờ truyền từ máy quay của Dori, trí tưởng tượng của họ căng lên, rồi tia hy vọng cũng vỡ tan khi biết rằng thứ mà máy định vị phát hiện không phải là cái họ mong mỏi: khi thì một tảng đá nhô lên có dáng giống một con tàu đắm, lúc lại là tàn tích của một tàu đánh cá thế kỷ hai mươi.

Thời gian còn lại là để đứng ở lan can tàu chờ đợi và hy vọng. Theo từng ngày qua đi, Tess thả cho tâm trí lan man nhớ về những sự kiện gần đây trong cuộc đời mình. Nàng nhận ra mình liên tục hồi tưởng lại khoảnh khắc đã dẫn nàng đến đây, cách bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ sáu mươi cây số, trên một con tàu với gã đàn ông từng chỉ huy một vụ cướp có vũ trang tại Viện Bảo tàng Met khiến bao người phải chết. Quyết định bỏ rơi Reilly để đi với Vance đã ám ảnh nàng trong mấy ngày đầu. Tess cảm thấy đau đớn vì cảm giác tội lỗi và hối hận, và thường lâm vào tình trạng hoảng hốt, sợ hãi; mỗi lần như vậy, Tess thường vùi đầu vào việc gì đó để khỏa lấp cái thôi thúc muốn rời khỏi con tàu bằng bất cứ giá nào và bỏ đi. Nhưng rồi những mối bận tâm lo lắng từ từ giảm xuống theo từng ngày trôi qua. Đôi khi, Tess tự hỏi liệu mình nên hay không nên làm tất cả những việc này, nàng cố hết sức lý giải quyết định của mình và xua đi những ý nghĩ lo lắng, tự thuyết phục bản thân rằng những gì mà nàng đang làm là cần thiết. Không chỉ đối với bản thân nàng, dù rằng, như nàng đã nói với Reilly, một phát hiện như thế này chắc chắn không chỉ có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự nghiệp của nàng, thêm nữa, còn là sự bảo đảm về tài chính cho nàng và Kim – mà còn có ý nghĩa đối với hàng triệu người trên khắp thế giới, một thế giới mà Kim sẽ lớn lên. Tess hy vọng đó sẽ là một thế giới tốt đẹp hơn, chân thực hơn. Nhưng rốt cuộc, Tess biết rằng dù cố gắng biện minh cho điều đó bao nhiêu đi nữa cũng vô ích mà thôi. Đó là điều Tess thấy cần phải làm mà không thể giải thích được.

Mối lo lắng về Reilly là điều mà Tess không thể khỏa lấp được. Nàng nghĩ về anh rất nhiều. Tess băn khoăn không biết giờ này anh ra sao, và ở đâu. Tess nghĩ đến cái cách mà nàng đã bỏ rơi anh và trốn trong đêm tối như kẻ trộm, và nhận ra rằng quả thực khó mà biện minh cho hành động đó. Quả là sai lầm, sai lầm khủng khiếp, nàng biết vậy. Nàng đã đẩy Reilly vào tình thế nguy hiểm. Nàng đã bỏ anh ngoài đó, giữa chốn đồng không mông quạnh – với một tên bắn tỉa đang chạy loăng quăng bên ngoài. Làm sao Tess có thể làm một việc vô trách nhiệm như vậy? Nàng mong ước được biết chắc là Reilly vẫn bình yên, nàng muốn nói lời xin lỗi với anh, cố gắng giải thích vì sao nàng đã làm việc đó. Tess cảm thấy đau đớn khi nghĩ rằng đó quả là một cú đánh chí mạng mà nàng sẽ không thể nào bù đắp lại được. Ít nhất không phải là về phía Reilly. Nhưng Tess cũng biết là Vance đã đúng khi nói rằng Reilly sẽ trao khám phá của họ cho những người sẽ chôn vùi nó mãi mãi – và đó là điều nàng không thể chịu đựng nổi. Dù sao chăng nữa, nàng nhận thấy rằng mối quan hệ của Reilly và nàng đã tan vỡ – điều mỉa mai là, do chính nguyên nhân đã mang họ đến với nhau.

Hiện giờ, với con sóng cồn cao gần hai mét đang lờ đờ lướt cuộn bên dưới, chiếc Savarona bắt đầu cuộc dò tìm theo hướng đã vạch sẵn. Tess rời mắt khỏi những sợi cáp và đăm đăm nhìn về phía chân trời, những cuộn mây đen hiện rõ mồn một và nổi bật trên nền trời trong trẻo. Tess bỗng cảm thấy nhoi nhói trong lồng ngực. Còn có cái gì đó khác nữa làm Tess thấy bứt rứt kể từ đêm nàng bỏ chạy cùng Vance. Một cảm giác bất an luôn hiện hữu, cào cấu bên trong nàng, chưa bao giờ biến mất, và sau mỗi chuyến dò tìm của chiếc Savarona, càng khó tránh né nó hơn: nàng hành động vậy có đúng không? Nàng đã suy nghĩ thấu đáo chưa? Phải chăng có những bí mật nếu bị quên lãng hoặc chôn vùi thì tốt hơn? Trong trường hợp này, liệu việc theo đuổi theo sự thật là cuộc truy tìm sáng suốt và đáng khâm phục, hay là nàng đang giúp tháo cũi sổ lồng cho thứ tai ương khủng khiếp vào một thế giới ngây thơ chưa từng bao giờ biết đến hoài nghi?

Những nghi ngờ của Tess bị cắt ngang khi bóng dáng cao cao của Vance xuất hiện. Anh ta bước ra khỏi buồng lái và đến gặp nàng ở lan can tàu. Vance có vẻ lo lắng.

“Vẫn chưa có gì à?” Tess hỏi.

Anh ta lắc đầu. “Sau chuyến đi này, chúng ta phải biến khỏi đây ngay.” Vance nhìn đăm đăm ra ngoài, hít một hơi thật dài như muốn làm căng phồng lồng ngực bằng thứ không khí của biển cả. “Dù sao, tôi không lo lắm. Thêm ba ngày nữa chúng ta sẽ bao phủ hết khu vực cần tìm kiếm.” Vance quay qua Tess và mỉm cười. “Chúng ta sẽ tìm ra nó. Nó ở đâu đó ngoài kia. Chỉ có điều là hơi khó lấy một chút, tất cả chỉ có vậy thôi.”

Ánh mắt anh ta bị phân tán bởi một âm thanh ù ù vọng lại từ xa. Vance nhíu mắt, nhìn về phía chân trời, trán hằn lên những vết nhăn khi nhận ra nguồn gốc của âm thanh đó: một chấm nhỏ, một chiếc trực thăng, đang lượn trên mặt biển cách xa vài cây số, dường như đang tiến song song với chiếc tàu. Mắt họ dán chặt vào chiếc trực thăng, dõi theo khi nó tiếp tục bay theo một đường thẳng trước khi lượn vòng. Chỉ trong vài giây, chiếc trực thăng biến mất khỏi tầm nhìn.

“Chắc là vì chúng ta, đúng không?” Tess hỏi. “Bọn họ đang tìm kiếm chúng ta.”

“Bọn chúng chả làm được gì ngoài này đâu,” Vance nhún vai, “chúng ta đang ở trong hải phận quốc tế. Vả lại, người ta cũng đâu có chơi theo luật, phải không nào?” Vance liếc nhìn về phía đài chỉ huy, nơi viên kỹ sư đang bước vào phòng điều khiển. “Cô có biết điều gì buồn cười không?”

“Tôi chẳng nghĩ ra,” Tess đáp lại, cộc cằn.

“Thủy thủ đoàn. Bảy người bọn họ và hai người chúng ta, làm thành bộ chín,” anh ta mơ màng. “Chín người. Giống như Hughes de Payens và phe đảng ông ta. Thi vị đấy chứ, cô không nghĩ thế à?”

Tess nhìn lảng đi, chẳng nhận thấy bất cứ điều gì thi vị – dù chỉ là chút xíu thôi. Trong những gì họ đang làm ở đây. “Tôi băn khoăn không biết họ có những điều hoài nghi như chúng ta hay không.”

Vance cau mày, hếch mặt lên và nhìn nàng vẻ thách thức. “Cô không suy đi tính lại đấy chứ?”

“Anh không thế à?” Tess nhận ra sự dao động trong giọng nói của mình và cũng thấy là Vance đã nhận ra điều đó. “Việc mà chúng ta đang làm ở đây, những gì mà chúng ta có thể tìm thấy… ít ra cũng làm anh băn khoăn lo lắng chứ?”

“Lo lắng à?”

“Anh biết ý tôi muốn nói gì mà. Anh không nghĩ đến sự chấn động và hỗn loạn mà việc này có thể gây ra hay sao?”

Vance chế giễu một cách thô bạo. “Con người là sinh vật đáng thương, Tess à. Luôn tìm kiếm trong vô vọng cái gì đó hoặc người nào đó để tôn thờ, và chẳng phải chỉ riêng cho bản thân họ, không phải vậy, nó còn phải được thờ phụng bởi tất cả mọi người, ở khắp mọi nơi, bằng bất kỳ giá nào. Đó chính là nguyên nhân tàn lụi cho sự tồn tại của loài người từ thời khai thiên lập địa… Lo nghĩ về điều đó ư? Tôi đang trông ngóng nó đây. Tôi đang mong ngóng giải phóng hàng triệu con người khỏi một sự dối trá bị áp đặt. Điều mà chúng ta đang làm một bước tiến tự nhiên trong quá trình tiến hóa của tâm linh con người. Đó sẽ là bước khởi đầu của một thời đại mới.”

“Anh nói như thể nó sẽ được chào đón bằng pháo hoa và những đoàn diễu hành vậy, nhưng chính xác là điều ngược lại, anh biết mà. Sự việc đã từng xảy ra rồi. Từ thời người Sassanid[62] cho đến dân tộc Inca[63] lịch sử đầy rẫy những nền văn minh đã sụp đổ sau khi những vị thánh của họ bị hạ bệ.”

Vance vẫn tỉnh bơ. “Đó là những nền văn minh được xây dựng trên sự giả dối, trên cát chảy – giống như nền văn minh của chúng ta. Nhưng cô đã lo lắng quá mức rồi đấy. Thời thế đã đổi thay. Thế giới ngày nay phức tạp hơn thời đó nhiều.”

“Nhưng đó là những nền văn minh tiến bộ nhất trong thời đại đấy.”

“Hãy tin tưởng vào những linh hồn khốn khổ ngoài kia một chút, Tess ạ. Tôi không nói là sẽ không đau khổ, nhưng… người ta có thể đối phó được.”

“Điều gì sẽ xảy ra nếu người ta không làm được?”

Vance xòe lòng bàn tay ra, làm điệu bộ bất lực nhạo báng, nhưng chẳng có chút gì bất lực trong giọng anh ta. Anh ta hoàn toàn nghiêm túc. “Nhưng vậy cũng đâu có sao.”

Tess nhìn sững Vance một lát rồi quay đi, đăm đăm nhìn về phía chân trời. Những đám mây màu xám dường như chẳng biết từ đâu hiện ra, và xa xa, những ngọn sóng bạc đầu nhấp nhô trên mặt nước chỉ tuyền một màu đen thẳm.

Vance dựa vào lan can tàu bên cạnh Tess. “Tess, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về chuyện này, và cân nhắc kỹ càng tôi không hề mảy may nghi ngờ rằng liệu việc chúng ta đang làm có đúng đắn hay không. Tự đáy lòng mình, cô cũng biết là tôi đúng.”

Tess không hề hoài nghi anh ta đã suy nghĩ rất nhiều về chuyện này. Tess biết Vance đã héo hon vì chuyện này cả về mặt học thuật lẫn cá nhân, nhưng anh ta luôn nhìn nhận nó dưới quan điểm sai lạc, qua lăng kính méo mó bởi cái chết bi thảm của những người thân yêu. Nhưng liệu anh ta đã suy nghĩ cặn kẽ chưa, một chuyện như thế này sẽ ảnh hưởng ra sao đến hầu hết các linh hồn sống trên hành tin này? Làm thế nào nó lại đặt ra vấn đề không chỉ về đức tin

đạo Cơ đốc mà là về chính ý niệm đức tin? Chuyện này sẽ được kẻ thù của Giáo hội chộp lấy như thế nào, nó sẽ phân hóa người dân ra sao, và hàng triệu tín đồ chân chính sẽ mất đi cái cốt lõi tâm linh từng nâng đỡ họ trong cuộc sống như thế nào?

“Người ta sẽ chiến đấu chống lại điều này, anh biết đấy,” Tess tuyên bố, ngạc nhiên về dấu hiệu hy vọng trong giọng mình. “Người ta sẽ đưa các chuyên gia ra khỏi tủ để phủ nhận nó, họ sẽ sử dụng mọi thứ họ có thể nghĩ đến để chứng minh đó chỉ là một trò lừa, và cho dù câu chuyện của anh…” Bất chợt, Tess cảm thấy khó lòng nói ra hết quan điểm của mình.

Vance gật đầu. “Tôi biết,” anh ta vẫn bình thản đồng ý. “Đó là lý do vì sao tôi muốn cô nói điều này ra với thế giới.”

Tess cảm thấy mặt nàng trắng bệch, như không còn chút máu. Nàng trố mắt nhìn anh ta, sửng sốt vì lời đề nghị kia. “Tôi…?”

“Dĩ nhiên. Xét cho cùng, đó là phát hiện của cả cô và tôi, và, như cô nói, căn cứ vào hành vi gần đây của tôi không hẳn là…” anh ta dừng lại, như đang tìm kiếm từ thích hợp nhất “… đáng tán thưởng…”

Trước khi kịp trả lời, Tess nghe thấy tiếng động cơ dừng và con tàu như đột nhiên bị kéo trì lại trước khi lướt đi nhẹ nhàng. Nàng thấy Rassoulis vọt ra khỏi đài chỉ huy, trong tâm trí hoang mang rối bời, Tess nghe ông ta hét to về phía họ. Vance nhìn sững nàng một lát rồi quay về phía viên thuyền trưởng đang tỏ ra rất kích động, ngoắc họ lại và gào lên cái gì đó mà nàng nghĩ dường như là, “Chúng ta tìm thấy cái gì đó.”

.....

[61] Azore: quần đảo nằm ở phía Bắc Đại Tây Dương, phía Tây Bồ Đào Nha.

[62] Triều đại phong kiến cai trị Ba Tư (Iran) từ năm 224-651 Công nguyên, có nền văn minh rực rỡ xây dựng trên nền tảng Bái Hỏa giáo.

[63] Dân tộc có nguồn gốc ở Peru, Nam Mỹ. Nền văn minh của họ phát triển được rực rỡ từ thế kỷ mười hai đến giữa thế kỷ mười sáu, trên toàn bộ khu vực núi Andes. Ngày nay, hậu duệ người Inca chiếm tỷ lệ khoảng 50% dân số Peru.

Chương 73

Đứng lặng im sau đài chỉ huy, Reilly nhìn de Angelis và viên thuyền trưởng chiếc Karadeniz, một anh chàng hộ pháp tên Karakas với mái tóc đen dày và bộ ria mép rậm rịt, đang chồm trên màn hình rađa của chiếc tàu tuần tra để lựa chọn mục tiêu kế tiếp của họ.

Có quá nhiều mục tiêu. Màn hình rada nhấp nháy hàng chục đốm sáng màu xanh lá. Một số đốm sáng này có kèm theo các mã nhỏ gồm cả chữ và số đã được số hóa cho biết đó là một con tàu có hệ thống thu phát tín hiệu hiện đại. Khi sử dụng cơ sở dữ liệu tàu thuyền và của Đội Bảo vệ Bờ biển, việc nhận dạng và loại trừ những con tàu như vậy dễ dàng hơn rất nhiều, nhưng rất ít, năm thì mười họa mới có một chiếc như vậy. Chiếm số lượng áp đảo, những tiếp điểm trên màn hình chỉ là những đốm sáng không tên biểu thị cho hàng trăm chiếc tàu đánh cá và thuyền buồm tập trung dày đặc trong vùng biển nổi tiếng này. Tìm được chiếc tàu có Tess và Vance trong hàng trăm chiếc tàu đó, Reilly biết, không phải là chuyện dễ.

Đây là ngày thứ sáu Reilly lênh đênh ngoài biển, anh thấy, như vậy quá nhiều. Reilly nhanh chóng nhận ra chắc chắn rằng mình không phải một thủy thủ dày dạn kinh nghiệm, hoàn toàn không, nhưng Reilly vẫn trụ vững chỉ vì trời yên biển lặng kể từ khi họ bắt đầu công việc truy tìm và, may thay, được quay trở lại đất liền lúc đêm về. Mỗi ngày, họ dong thuyền ra khỏi Marmaris từ sáng sớm và chạy đi chạy lại dọc theo bờ biển từ vịnh Hisaronu đến phía Nam khu vực Mười Hai Đảo. Chiếc Karadeniz, một chiếc tàu tuần tra dòng SAR – 33, màu trắng đục có sọc đỏ rộng ở bên hông, kế bên dòng chữ kẻ đậm Sahil Güvenlik, những con chữ không thể lầm lẫn – tên chính thức Đội Bảo vệ Bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ – loại tàu siêu tốc, khá tiện nghi, và có thể hoạt động bao phủ vùng biển rộng lớn một cách đáng kinh ngạc trong một ca tuần tiễu trong ngày. Những chiếc tàu khác đóng căn cứ tại hai cảng Fethiye và Antalya thì lùng sục xa hơn về hướng Đông. Những chiếc trực thăng Agusta A-109 cũng tham gia, thực hiện những chuyến bay quan sát bằng mắt thường ở cao độ thấp và báo động cho các xuồng máy cao tốc về những phát hiện đầy hứa hẹn.

Sự phối hợp giữa các thành phần khác nhau từ trên không, dưới biển và trên mặt đất trong cuộc truy tìm gần như không có một khiếm khuyết nào; Đội Bảo vệ Bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ rất dày dạn kinh nghiệm trong công tác tuần tra vùng biển náo nhiệt này. Quan hệ giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ bao giờ cũng là mối quan hệ dưới mức thân thiện, vùng phụ cận quần đảo Dodecanese của Hy Lạp luôn là nguồn gốc của những cuộc tranh chấp về khai thác cá và du lịch. Thêm vào đó, bọn buôn người bất hợp pháp – chuyên tổ chức nhập cư lậu cho những đám di dân tuyệt vọng vào Hy Lạp và phần còn lại của Liên minh châu Âu từ nước Thổ vẫn chưa gia nhập EU – rất ưa chuộng cái eo biển hẹp ngăn cách giữa hai quốc gia này. Hơn nữa, có quá nhiều khu vực cần phải kiểm soát, và hầu hết tàu bè lưu thông đều là những du thuyền bình thường, không có người trực liên lạc bằng máy vô tuyến, việc sàng lọc chúng quả là một nỗ lực nặng nề và khổ ải.

Khi tay kỹ thuật viên rađa mải mê nhìn vào mấy tấm biểu đồ bên cạnh màn hình và anh chàng nhân viên đài trao đổi với phi hành đoàn của một trong các trực thăng, Reilly bước xa khỏi màn hình, nhìn qua cửa lính chắn gió chiếc Karadeniz. Anh ngạc nhiên khi thấy dường như thời tiết đang trở nên xấu đi ở hướng Nam. Một bức tường mây tối sầm nằm ngay trên chân trời, ngăn cách ở giữa là một dải sáng vàng rực rỡ. Cảnh tượng trông có phần hư hư ảo ảo.

Reilly gần như cảm nhận được sự hiện diện của Tess, và việc biết nàng đang ở đâu đó ngoài kia, vừa như trong tầm tay vừa như không thể với tới được khiến anh bực tức. Reilly băn khoăn tự hỏi không biết ngay lúc này Tess đang ở đâu và làm gì. Nàng và Vance đã tìm ra chiếc Falcon Temple chưa? Họ đang trên đường đến… đâu nhỉ? Họ sẽ làm gì với "nó" nếu tìm được? Họ sẽ công bố khám phá của họ với thế giới như thế nào? Reilly đã suy nghĩ rất nhiều về những gì sẽ nói khi gặp lại Tess, nhưng, cũng thật ngạc nhiên khi anh nhận ra rằng nỗi giận dỗi trước đây do bị bỏ rơi đã nguôi ngoai từ lâu. Tess có những lý do của nàng. Anh không đồng ý với nàng, nhưng tham vọng của Tess là một phần bản chất của nàng và chính nó đã tạo nên con người nàng.

Reilly nhìn xuyên qua buồng lái ra phía đầu kia con tàu, những gì nhìn thấy làm anh cảm thấy không yên tâm. Xa về hướng Bắc, bầu trời tối sầm lại một cách đáng ngại. Mặt biển như một lớp vân cẩm thạch màu xám, những con sóng bạc đầu nhấp nhô ở phía xa. Reilly nhận thấy người lái chiếc tàu liếc nhìn một người đàn ông khác trên đài chỉ huy, anh đoán là viên thuyền phó, gật đầu ra dấu về hiện tượng đang xảy ra. Dường như họ bị kẹp giữa hai kiểu

thời tiết xấu đối ngược nhau. Những cơn bão xuất hiện cùng lúc ở hai hướng và cùng tiến về phía họ. Reilly lại nhìn thấy người lái tàu, lúc này tỏ ra khá mất bình tĩnh. Trong khi đó, tay thuyền phó đã đến bên Karakas và rõ ràng đang thảo luận với viên thuyền trưởng về cơn bão.

Viên thuyền trưởng nhìn phong vũ biểu và rađa báo thời tiết rồi trao đổi vài câu với hai thuyền viên của mình. Reilly liếc về phía de Angelis, ông cha cố hiểu ra và dịch lại cho anh những lời trao đổi đó.

"Tôi nghĩ, hôm nay chúng ta phải về sớm hơn so với dự định. Có vẻ như chúng ta không chỉ có một mà là hai cơn bão khá hung dữ, cả hai đang tiến nhanh về phía chúng ta." Ông khâm sứ Tòa Thánh nhìn Reilly, nhíu mày, ngập ngừng lên tiếng. "Nghe quen quen đúng không?"

Reilly cũng đã nghĩ đến mối liên hệ này trước khi de Angelis đề cập đến. Nó giống một cách đáng lo ngại với những gì Aimard mô tả trong lá thư. Anh thấy Plunkett đang hút thuốc trên boong, ánh mắt có vẻ lo lắng khi nhìn thấy cơn bão tụ lại. Quay về phía buồng lái, Reilly nhìn thấy viên thuyền phó và tay lái tàu chăm chú vào một mớ màn hình và các con số trên đồng hồ. Việc đó và những cái liếc thường xuyên về phía những đám mây đen tích tụ dần đang nói với Reilly rằng những cơn bão làm cả hai lo lắng. Ngay lúc đó, anh chàng kỹ thuật viên rađa kêu to về phía viên thuyền trưởng và lắp bắp cái gì đó bằng tiếng Thổ. Karakas bước vội về phía bảng điều khiển, de Angelis cũng vậy. Reilly không nhìn vào cơn bão trước mặt nữa mà đi cùng với họ.

Theo sự diễn giải tóm tắt của viên thuyền trưởng thì tay kỹ thuật viên chỉ cho họ biểu đồ anh ta đã đánh dấu được hoạt động của vài con tàu mà anh ta đang theo dõi. Anh ta đặc biệt chú ý một con tàu có cách di chuyển kỳ lạ. Nó dành khoảng thời gian đáng kể chỉ chạy lên chạy xuống trong một vùng biển hẹp. Chuyện này, về căn bản, cũng không phải là bất thường. Có khả năng đó là một tàu đánh cá, đang cào vét khu vực ưa thích theo lệnh của viên thuyền trưởng. Nhiều điểm trên màn hình cũng biểu lộ y như vậy. Nhưng anh chàng kỹ thuật viên nhận thấy ngược lại với vài ngày trước, cái điểm sáng mà anh ta cho là con tàu đó, hẳn phải chạy lên chạy xuống vài giờ đồng hồ trong vùng biển đặc biệt đó trước khi đổi hướng và rà soát khu vực khác, nhưng con tàu mà giờ anh ta đang theo dõi lại đứng yên suốt hai giờ đồng hồ qua. Hơn nữa, trong bốn chiếc tàu ở khu vực đó thì ba chiếc đang rời khỏi đó, có lẽ chúng đã phát hiện ra những cơn bão đang đến gần. Chiếc thứ tư – cái điểm sáng nghi vấn kia – vẫn cứ ì ra ở đó.

Reilly vươn tới để nhìn gần hơn. Anh thấy ba điểm sáng khác quả thực đang di chuyển. Hai cái hướng về phía đất liền Thổ Nhĩ Kỳ, cái thứ ba hướng về đảo Rhodes của Hy Lạp.

Trán de Angelis nhăn tít lại lúc nghiền ngẫm thông tin vừa nhận được. "Bọn chúng đấy," ông ta nói với vẻ cả quyết lạnh người khi Plunkett bước vào. "Và nếu chúng không di chuyển, đó là vì chúng đã phát hiện ra cái mà chúng tìm kiếm." Ông ta quay sang Karakas, trừng mắt lên. "Bọn chúng cách bao xa?"

Karakas nhìn màn hình bằng con mắt nhà nghề. "Khoảng bốn mươi hải lý. Trong vùng biển này, tôi ước lượng có thể mất hai giờ rưỡi. Nhưng thời tiết sắp biến chuyển tồi tệ hơn. Chúng ta có lẽ phải quay về trước khi đến được chỗ họ. Kim phong vũ biểu đang xuống rất nhanh, tôi chưa bao giờ gặp tình trạng như thế này cả."

De Angelis chen vào ngay tức khắc. "Tôi không quan tâm. Gọi một chiếc trực thăng để quan sát gần hơn, và đưa chúng tôi đến đó nhanh hết mức có thể."

Chương 74

Chiếc máy quay lướt trong bóng tối đầy đe dọa, ngang qua những quần thể sinh vật phù du, chúng làm màn hình lóe sáng lên trước khi nhanh chóng trôi ra khỏi vùng ánh sáng của đèn pha máy quay.

Hình ảnh truyền về từ chiếc ROV lần lượt hiện ra trước đám khán giả đang ngồi lặng yên gần như nín thở trong phòng chỉ huy chiếc Savarona, một khoảng không gian ngột ngạt ngự trị phía sau đài chỉ huy. Tess và Vance đang đứng, chồm qua vai Rasoullis và hai kỹ thuật viên ngồi trước mấy cái màn hình. Bên trái màn hình hiển thị những hình ảnh truyền về từ máy quay của Dori, màn hình định vị GPS nhỏ hiển thị vị trí hiện tại của chiếc tàu, trong khi nó quay vòng vòng và đột ngột quay ngược lại, cố giữ vững vị trí trong dòng nước mạnh không ngờ. Cái màn hình nhỏ hơn bên phải hiển thị kết quả dò tìm bằng sóng âm được đưa vào máy tính, một vòng tròn lớn với nhiều vòng đồng tâm màu xanh biển, xanh lá cây, vàng; một màn hình khác là la bàn kỹ thuật số, hiển thị hướng đi của họ – hướng chính Nam. Nhưng chẳng ai chú ý đến những màn hình đó, dù chỉ là cái nhìn thoáng qua. Ánh mắt của tất cả mọi người đều tập trung vào màn hình chính hiển thị những hình ảnh truyền về từ máy quay của chiếc ROV. Họ yên lặng quan sát khi đáy biển đột ngột hiện ra, chỉ số độ sâu trong góc màn hình nhanh chóng lên đến con số 173 mét, độ sâu đáy biển do máy đo độ sâu trong chiếc ROV ghi nhận.

Ở độ sâu 168 mét, những đốm sáng hình sao dày đặc hơn. Ở 171 mét, một cặp tôm giật mình búng ra khỏi vùng sáng, và rồi, ở 173 mét, màn hình đột nhiên tràn ngập thứ ánh sáng màu vàng. Chiếc ROV đã chạm đáy biển.

Người bảo vệ mẫn cán của Dori, anh chàng kỹ sư người đảo Corse tên Pierre Attal, dồn hết tâm trí khi sử dụng cần gạt và bàn phím nhỏ để vận hành chú robot thân yêu của mình. Anh ta rê bi lăn ở rìa bàn phím và theo lệnh của các ngón tay anh ta, cái máy quay xoay một vòng, quét qua đáy biển. Giống như những hình ảnh truyền về từ tàu thăm dò vũ trụ trên sao Hỏa, những hình ảnh cho thấy một thế giới kỳ lạ, nguyên sơ chưa từng bị bàn tay con người xâm phạm. Bốn bề xung quanh vị khách robot chẳng có gì ngoài mặt cát bằng phẳng trải rộng chìm sâu trong một thứ bóng tối thê lương.

Người Tess như nổi da gà vì cảm giác bồn chồn. Nàng không thể không thấy xúc động, dù biết rằng họ không nhất thiết phải xúc động đến vậy, dù theo bất kỳ nghĩa nào. Máy quét siêu âm tần số thấp chỉ xác định được vị trí tương đối của những mục tiêu triển vọng; vậy là phải cho ROV lâm trận, thiết bị siêu âm tần số cao của con robot cho phép định vị chính xác và khảo sát những hiện trường như thế này. Tess biết nhiều vị trí ở đáy biển bên dưới chiếc Savarona sâu đến 250 mét và bị bao phủ bởi những dải san hô rải rác, nhiều dải có kích thước và hình dạng làm họ lầm tưởng là chiếc Falcon Temple. Việc rà quét bằng sóng âm không đủ khả năng giúp phân biệt con tàu đắm với những loại gò ụ tự nhiên này và đây là lúc cái từ kế phải tham gia. Các chỉ số trên mặt đồng hồ từ kế sẽ giúp phát hiện những vật bằng sắt còn lại trên con tàu đắm, và như Rassoulis và đội của ông ta tính toán thì sau bảy trăm năm bị nước biển ăn mòn vẫn còn tối thiểu là gần năm trăm cân sắt trong tàn tích của chiếc Falcon Temple – họ vẫn có nguy cơ bị báo động giả do những túi địa từ tự nhiên hoặc thông thường hơn là do những con tàu đắm trong thời gian gần đây.

Tess chăm chú theo dõi cái quy trình mà nàng đã hai lần chứng kiến trong những ngày vừa qua, giờ lại đang tái diễn. Kéo thật khẽ chiếc cần gạt, Attal tự tin điều khiển chiếc ROV di chuyển trên đáy biển. Khoảng chừng mỗi phút, anh ta lại cho nó hạ xuống, làm tung lên một đám cát khác. Sau đó, anh ta lại bấm một nút, và chiếc ROV lại bắt đầu một cuộc rà quét 360 độ khu vực bao quanh kề cận. Cả đội cùng phân tích kỹ lưỡng kết quả rà quét trước khi Attal quay trở lại bàn điều khiển, khởi động lại động cơ thủy lực, đẩy con tàu robot nhỏ tiếp tục tiến tới trong cuộc truy tìm lặng lẽ.

Attal đã lặp lại động tác trên khoảng năm sáu lần thì một vệt lờ mờ xuất hiện ở góc màn hình. Điều khiển chiếc ROV đến vị trí đó, anh ta lại bắt đầu một cuộc rà quét khác. Phải mất vài ba giây màn hình mới thu được kết quả trước khi nhận ra cái vệt mờ kia hiện thành một khối chữ nhật màu hồng nhạt, vẫy gọi nàng giữa cái màu xanh biếc bốn bề xung quanh.

Tess liếc nhìn Vance, anh ta đón nhận ánh mắt của nàng một cách bình thản.

Không thèm ngước lên nhìn họ, Rassoulis nói với Attal, “Đến gần hơn chút nữa.”

Chiếc ROV lại di chuyển, lướt là là trên đáy biển như một chiếc tàu đệm không khí khi Attal khéo léo điều khiển nó hướng về phía mục tiêu. Ở thao tác tiếp theo, cái khối hồng hồng kia đã rõ góc cạnh hơn.

"Anh nghĩ đó là cái gì?" Vance hỏi.

Rassoulis nhìn lên Vance và Tess. "Chỉ số từ kế khá cao, nhưng…" Ông ta trỏ một ngón tay vào hình ảnh trên màn hình. "Các người thấy nó vuông vức ở đầu này và méo mó ở đầu kia không?" Viên thuyền trưởng nhướn hàng lông mày, vẻ tràn trề hy vọng. "Nhìn nó chẳng giống một tảng đá chút nào."

Căn phòng rơi vào im lặng khi chiếc ROV tiến đến gần hơn. Đôi mắt Tess dán chặt vào màn hình khi chiếc máy quay lơ lửng trên một đám thực vật biển khẽ đong đưa theo dòng nước dưới đáy biển hoang vắng. Khi chiếc ROV lại một lần nữa đáp xuống và chạm vào lớp cát, cái gì đó hiện ra trong tầm nhìn. Các cạnh của vật đó đều có góc cạnh, những chỗ cong cũng đều đặn. Trông nó có vẻ là sản phẩm của bàn tay con người.

Chỉ trong vài giây, những dấu vết còn lại không thể nhầm lẫn của một con tàu đã trở nên rõ ràng. Con tàu robot lượn quanh hiện trường, cho thấy khung sườn của một chiếc tàu, những thanh sườn gỗ trống hoác, bám đầy hà.

Tess nghĩ là nàng đã phát hiện ra một cái gì đó. Nàng chỉ vào một góc màn hình đầy kích động. "Cái gì kia? Anh có thể cho nhìn rõ hơn một chút không?"

Attal điều khiển con tàu robot như chỉ dẫn. Tess chồm tới để nhìn rõ hơn. Trong ánh sáng chói lòa của những đèn pha, nàng nhìn thấy một vật tròn tròn, giống như cái thùng. Hình như nó được làm bằng kim loại và đã gỉ sét. Khó mà xác định được tỉ lệ tương đối của các đồ vật trên màn hình, trong một lát Tess băn khoăn không biết vật mà nàng đang nhìn thấy có phải là một khẩu đại bác không. Ý nghĩ đó lại gợi lên một mối lo lắng bất chợt khác trong tâm trí nàng – Tess biết tàu trong các đợt Thập tự chinh sau cùng không thể nào trang bị súng đại bác. Nhưng khi chiếc ROV lượn đến gần hơn, cái khối kim loại cong cong kia trông khác hẳn. Trông nó phẳng và rộng hơn. Và từ khóe mắt, Tess nhìn thấy một cái nhăn mặt đau khổ thoáng hiện trên gương mặt Rassoulis.

"Tàu bọc thép," ông ta nhún vai. Nàng hiểu ý viên thuyền trưởng trước khi ông ta nói thẳng ra. "Không phải chiếc Falcon."

Chiếc ROV lượn quanh, cho thấy xác con tàu từ góc khác. Attal gật đầu xác nhận một cách không thương tiếc. "Và nhìn này, ở đây này. Đó là lớp sơn." Anh chàng kỹ sư nhìn lên Tess, lắc đầu chán nản. Khi chiếc tàu robot đi sát quanh thân con tàu đắm, rõ ràng thứ mà họ tìm thấy là tàn tích của một con tàu thời cận đại.

"Giữa thế kỷ mười chín," Rassoulis xác nhận. "Rất tiếc." Ông ta liếc nhanh qua ngoài cửa sổ. Biển đang càng lúc càng sôi lên, những đám mây đen to tướng cuộn lên từ hai phía trước mặt với tốc độ đáng lo ngại. "Dù sao, chúng ta nên rời khỏi chỗ này, quay lại thôi. Trông chẳng tốt chút nào." Viên thuyền trưởng quay sang Attal. "Đưa Dori lên. Xong việc ở đây rồi."

Tess uể oải gật đầu, buông tiếng thở dài thất vọng. Nàng sắp quay đi và rời khỏi phòng thì cái gì đó ở rìa màn hình đập vào mắt nàng. Tess cảm thấy run lên vì kích động và nhìn chăm chăm vào màn hình, mắt mở trừng trừng và chỉ tay vào cạnh trái màn hình. "Cái gì đây? Ngay ở đây này? Anh có thấy không?"

Rassoulis nghển cổ vào, chăm chú nhìn màn hình trong khi Attal điều khiển con robot hướng về vị trí Tess chỉ. Ngồi giữa hai người đàn ông, Tess chăm chú quan sát màn hình. Ở cuối luồng sáng lờ mờ của chiếc ROV, một vật nhô ra trong tầm nhìn. Trông giống như một cái gốc cây, nhô lên khỏi một ụ nhỏ. Khi con robot men đến gần hơn, Tess có thể nhận ra cái ụ kia gồm những thứ có vẻ như là cột buồm, một số đoạn cột bám đầy những dải rong tảo, nhưng trí tưởng tượng của nàng lại hy vọng đó thực ra là hệ thống dây dợ trên tàu. Một số mảnh bị cong lại, như xương sườn của một xác chết cổ. Hàng thế kỷ các loại sinh vật biển đã bao phủ những tàn tích ma quái còn lại.

Tim nàng đập rộn ràng. Đó là một chiếc tàu. Một chiếc tàu khác xưa hơn, bị che lấp một phần bởi con tàu đắm sau này, nằm phía trên nó.

Chiếc ROV tiến gần hơn, lướt trên cái đống đổ nát đã bị lớp san hô bao phủ bên ngoài, chiếu rọi lên cái đống lù lù kia thứ ánh sáng trắng đục nhờ nhờ.

Đột nhiên, Tess cảm thấy như không khí xung quanh như bị hút hết ra khỏi căn phòng.

Ở đó, tắm mình trong ánh sáng chói lòa của chiếc đèn pha, và nhô lên khỏi đáy đại dương đầy thách thức, ngạo nghễ, hình chạm chim ưng ở mũi tàu sừng sững hiện ra.

Chương 75

Trong buồng lái như đang chực vỡ òa vì vui sướng. Rassoulis, Vance và Tess nhìn chằm chằm ra bên ngoài, càng lúc càng lo ngại vì các cơn bão ở trước mặt đang tiến lại. Gió đã lên đến ba mươi hải lý, con sóng cồn quanh chiếc Savarona đã biến thành những con sóng vỡ, mặt biển sôi sùng sục hợp cùng những đám mây đen kịt trở thành một mối đe dọa đáng sợ đối với họ.

Phía dưới đài chỉ huy, chiếc ROV được một cái cần cẩu nhỏ hạ xuống boong giữa. Attal và hai thủy thủ đứng ở đó, họ có vẻ như không màng đến thời tiết khi đợi buộc chặt chiếc ROV vào boong tàu.

Tess gạt mớ tóc gió thổi che lấp gương mặt. "Không phải chúng ta nên quay về sao?" nàng hỏi Rassoulis.

Vance nhảy vào ngay, nói một cách quả quyết. "Bậy bạ nào. Thời tiết đâu có tệ hại lắm đâu. Tôi chắc rằng chúng ta còn đủ thời gian để đưa chiếc ROV xuống khảo sát thêm lần nữa," anh ta quay qua Rassoulis, cười vẻ quyết đoán, "anh không đồng ý à?"

Tess nhìn viên thuyền trưởng trong khi ông ta quan sát bầu trời tím bầm, giận dữ chực chờ đổ ập xuống đầu họ. Ở hướng Nam, những tia chớp xé rách màn mây, thậm chí ngay từ khoảng cách này họ đã nhìn thấy những màn mưa đang quét khắp mặt biển. "Tôi không thích việc này lắm. Một cơn bão thì chúng ta còn đối phó được, nhưng hai… Chúng ta có thể thoát khỏi chúng nếu rời khỏi đây ngay bây giờ." Ông ta quay qua Vance. "Đừng lo. Những cơn bão ở ngoài này không kéo dài quá lâu đâu, vả lại thiết bị định vị GPS của chúng ta chính xác đến từng mét một. Chúng ta sẽ quay lại khi cơn bão qua đi, có thể chỉ sáng mai thôi."

Vance nhăn nhó với chính mình. "Tôi thực sự chẳng muốn rời khỏi nơi đây với hai bàn tay không," anh ta nói tiếp với vẻ bình thản. "Phải lấy được cái gì đó, như cái hình chạm chim ưng chẳng hạn. Chắc chắn là chúng ta có đủ thời gian để lấy lại nó trước khi rời khỏi nơi đây, đúng không nào?" Rassoulis nhíu mày lo lắng, rõ ràng ông ta chẳng thích thú cái ý tưởng kia chút nào. "Tôi chỉ ngại rằng cơn bão sẽ kéo dài hơn anh dự kiến," Vance tiếp tục nài ép, "và lúc đó, cái hợp đồng đã kí kết kia của anh thì sao, có thể phải mất cả mấy tháng chúng ta mới quay trở lại được và ai mà biết chuyện quái quỷ gì xảy ra trong thời gian đó."

Rassoulis cau mày nhìn những cơn bão tụ lại, rõ ràng viên thuyền trưởng đang cân nhắc xem chiếc Savarona có thể chịu đựng nổi không khi neo lại hiện trường chiếc tàu đắm.

"Tôi sẽ đền công anh xứng đáng," Vance nhấn mạnh. "Anh hãy mang con chim ưng lên và tôi xong việc ở đây. Anh có thể lấy hết những thứ còn lại ở dưới đó."

Rassoulis nhướn hàng lông mày, vẻ ngạc nhiên. "Đó là tất cả những gì anh muốn? Con chim ưng?" Viên thuyền trưởng ngưng lại, nhìn Vance với vẻ soi mói. Tess nhìn ông ta và có cảm giác như đang tham dự vào một ván bài nguy hiểm. "Tại sao?"

Vance nhún vai, và rồi vẻ mặt anh ta trở nên xa cách. "Chỉ là chuyện cá nhân. Hãy xem việc đó như là chuyện đã… kết thúc." Ánh mắt Vance đanh lại, nhìn thẳng vào Rassoulis. "Chúng ta đang lãng phí thời gian. Tôi chắc chắn là nếu nhanh lên chúng ta sẽ làm được việc đó. Và sau đó, tất cả là của anh."

Tay thuyền trưởng dường như chỉ mất vài giây để cân nhắc những chọn lựa của mình, ông ta gật đầu và bước đi, hét to ra lệnh cho Attal và các thủy thủ khác.

Vance quay sang Tess, vẻ mặt bồn chồn căng thẳng. "Gần tới nơi rồi," anh ta thì thầm. "Chúng ta gần tới nơi rồi."

"Còn bao xa nữa?" de Angelis gào to về phía tay thuyền trưởng.

Reilly có thể cảm nhận âm thanh bị dội lại trong đài chỉ huy chiếc Karadeniz rất chát chúa, chát chúa nhiều hơn bình thường. Đã hơn một giờ đồng hồ, họ cắt xéo qua những con sóng đang đập dồn dập vào mạn phải và thân

chiếc tàu tuần tra, càng lúc càng ác liệt hơn. Giữa những tiếng gió rú rít, tiếng động cơ gầm rú cùng với tiếng sóng biển, họ phải gào to lên mới nghe được nhau.

“Chưa đến hai mươi hải lý.” Karakas trả lời.

“Thế còn chiếc trực thăng?”

Viên thuyền trưởng hỏi tay kỹ thuật viên rađa rồi lại hét to lên. “Thời điểm tiếp xúc ước lượng chưa tới năm phút nữa.”

De Angelis phì phò thở ra, sôi lên vì nôn nóng. “Cái đồ chết tiệt mày không chạy nhanh hơn được sao?”

“Không phải trong vùng biển này.” Karakas trả lời cộc lốc.

Reilly bước gần hơn đến chỗ viên thuyền trưởng. “Thời tiết sẽ xấu như thế nào khi chúng ta đến chỗ họ?”

Karakas lắc đầu, mặt đanh lại. Ông ta không hét to câu trả lời nhưng dù sao Reilly vẫn nghe được.

“Có Chúa mới biết,” viên thuyền trưởng nhún vai.

Tess chăm chú nhìn những ngón tay của Attal khéo léo điều khiển cánh tay máy của chiếc Dori tròng sợi dây đai cuối cùng vào cái hình chạm chim ưng. Bất chấp những điều kiện khó khăn, thủy thủ đoàn đã làm việc rất nhanh và chính xác theo kiểu nhà binh, trang bị cho chiếc ROV những thiết bị cần thiết trước khi thả nó lại cái mặt biển đang sôi sục kia. Attal như biểu diễn ảo thuật với chiếc cần gạt của mình khi điều khiển chiếc ROV lặn xuống và định vị chiếc lưới thu hồi với mức độ hiệu quả đáng kinh ngạc. Tất cả việc còn lại là phải kéo nó lên, sử dụng hệ thống điều khiển từ xa kích hoạt bơm căng cùng lúc ba cái túi nặng, và trông chừng để cái hình chạm nhẹ nhàng nổi lên trên mặt nước.

Attal gật đầu ra hiệu sẵn sàng. “Chúng ta có thể đưa nó lên được rồi, nhưng…” Anh ta nhún vai một cái đặc sệt kiểu Pháp, liếc mắt về phía kính chắn gió đang đưa mình chịu đựng những cơn gió gầm rít.

Rassoulis cau mày, nhìn chăm chăm vào vũng nước xoáy cuồn cuộn xung quanh. “Tôi biết. Việc đưa nó lên boong khi nó nổi lên chẳng dễ dàng lắm đâu.” Viên thuyền trưởng quay qua Vance, vẻ mặt rất cương quyết. “Chúng tôi không thể đưa chiếc Zodiac xuống trong tình trạng biển cả như thế này, tôi cũng không muốn mạo hiểm đưa thợ lặn xuống bây giờ, thu hồi lại chiếc ROV cũng là việc khó khăn rồi, nhưng ít ra nó còn cơ động và có cáp kết nối.” Viên thuyền trưởng ngừng lại, dường như để đánh giá những điều kiện đang xấu đi nhanh chóng trước khi quyết định. “Hôm nay chúng ta không thể đưa nó lên được. Chúng ta sẽ để những cái phao ở lại dưới đó và quay lại khi bão tan.”

Vance tỏ vẻ ngờ vực. “Chúng ta phải đưa nó lên ngay bây giờ,” anh ta gằn giọng. “Có thể chúng ta không còn cơ hội khác đâu.”

“Anh nói cái gì vậy?” Rassoulis vặc lại. “Chẳng ai ra đến đây để đánh cắp nó khỏi tay chúng ta trong cái thời tiết như thế này. Chúng ta sẽ quay lại ngay khi thời tiết cho phép.”

“Không!” Vance hét to một cách giận dữ. “Chúng ta phải đưa nó lên ngay bây giờ!”.

Rassoulis ngã ngửa ra sau, ngạc nhiên vì giọng nói giận dữ của Vance. “Nghe này, tôi sẽ không hy sinh mạng sống của bất kỳ ai vì việc này. Chúng ta sẽ trở về, và chỉ vậy thôi.” Ông ta nhìn xoáy vào Vance bằng ánh mắt sắc lạnh trước khi quay qua Attal. “Đưa Dori lên càng nhanh càng tốt,” viên thuyền trưởng quát lên. Nhưng trước khi kịp đưa ra những mệnh lệnh khác, có cái gì đó làm Rassoulis chú ý. Đó là âm thanh đùng đục quen thuộc của cánh quạt trực thăng. Tess cũng nghe thấy nó, và qua cái quắc mắt cau có của Vance, rõ ràng anh cũng thế.

Họ khoác vội áo gió và bước ra khoảng boong nhỏ hẹp bên ngoài đài chỉ huy. Gió đã biến thành cuồng phong, những màn mưa quét theo từng cơn gió giật. Tess dùng tay che mắt, nhìn lên bầu trời quay cuồng bên trên, và nhanh chóng phát hiện ra chiếc trực thăng.

“Kia kìa.” Tess gào lên và chỉ tay vào chiếc trực thăng.

Nó đang lượn là là sát mặt nước, hướng thẳng về phía họ. Chỉ trong vài giây, chiếc trực thăng đã ở phía trên đầu họ trước khi lao vụt lên và lượn thêm một vòng. Chiếc trực thăng giảm tốc độ khi đến gần chiếc tàu, rồi treo lơ lửng trong gió, các cánh quạt trực thăng làm đảo điên mặt biển, cuốn lên một cột nước xoáy trên đầu những ngọn sóng ngầu bọt. Tess có thể nhận ra rõ ràng các dấu hiệu của Đội Bảo vệ Bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ trên thân máy bay và thấy người phi công đang nói vào chiếc micrô trong khi đảo mắt nhìn xuống chiếc tàu.

Sau đó, anh ta chỉ vào bộ ống nghe điện đài của mình, ra hiệu thúc giục họ bật điện đài lên.

Trên đài chỉ huy chiếc Karadeniz. Reilly nhìn thấy gương mặt de Angelis sáng bùng lên. Báo cáo từ chiếc trực thăng khẳng định cái điểm sáng đó là một tàu lặn. Bất chấp điều kiện thời thiết đang xấu đi một cách trầm trọng, chiếc tàu vẫn ở yên tại chỗ. Viên phi công có thể nhận ra hoạt động trên boong tàu quanh chiếc cần cẩu, cho thấy sắp có việc thu hồi lại một thứ tàu lặn gì đó. Anh ta cũng phát hiện hai người trên boong và những mô tả về họ rõ ràng đã quét sạch mọi nghi ngờ trong đầu vị khâm sứ Tòa Thánh.

“Tôi vừa mới yêu cầu anh ta thiết lập liên lạc với họ bằng điện đài.” Karakas báo với de Angelis. “Ông muốn tôi nói gì với họ?”

De Angelis trả lời không chút do dự. “Nói với chúng là chúng sắp gặp một cơn bão có tầm cỡ như trong Kinh Thánh.” Ông ta trả lời một cách dứt khoát. “Báo với chúng là nên cút khỏi đó ngay nếu chúng muốn sống.”

Reilly quan sát khuôn mặt de Angelis, và nó chỉ càng khẳng định sự đe dọa không thể nào thỏa hiệp mà anh đã đọc thấy trong câu trả lời của ông cha cố. Ông ta đã hạ quyết tâm không để cho họ thoát với những gì mà họ phát hiện bằng bất cứ giá nào. Ông ta lộ rõ sự nhẫn tâm xem thường mạng sống con người của mình khi phải bảo vệ cái bí mật sống còn của Giáo hội. Tất cả mọi người đều có thể là con tốt thí. Ông ta đã không ngần ngại tuyên bố như vậy, lúc còn ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Reilly phải can thiệp vào. “Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là sự an toàn của họ,” anh lên tiếng phản đối. “Còn có cả một đội thợ lặn ngoài đó.”

“Quan điểm của tôi, chính xác là như vậy.” de Angelis bình thản đáp trả.

“Họ không có nhiều chọn lựa đâu,” Karakas chỉ tay ra ngoài. Viên thuyền trưởng quan sát màn hình rađa, nhiều đốm sáng đang chạy ra khỏi khu vực đó. Những cơn bão từ hướng Nam và Bắc đã kẹp họ vào giữa. Họ chỉ có thể hoặc chạy về hướng Đông, ở đó đã có hai tàu tuần tra chờ sẵn để hốt họ, hoặc chạy về hướng Tây và gặp chúng ta. Dù theo đường nào, chúng ta cũng sẽ bắt được họ. Tôi cho rằng họ không có đủ may mắn thoát khỏi chúng ta trong tình huống này.” Nụ cười của Karakas xem ra chẳng có gì là hài hước cả. Reilly chợt nghĩ Karakas có thể thực sự hứng thú với một cuộc săn đuổi như thế này và quả là chẳng báo trước điều gì tốt lành khi kết hợp điều này với cái thiên hướng ưa giết chóc của de Angelis.

Reilly liếc về phía mũi tàu và khẩu đại bác tự động 23 li sừng sững ở đó, trong lòng trào dâng một cảm giác bất an. Anh phải báo động cho Tess và những người đang ở bên nàng về những gì mà họ sắp phải đối phó.

“Để tôi nói chuyện với họ,” Reilly thốt lên.

De Angelis nhìn Reilly, lộ vẻ lúng túng vì yêu cầu của anh.

“Ông muốn tôi giúp kia mà.” Reilly tiếp tục dồn ép. “Họ không biết chúng ta đang ở ngoài này. Càng có thể họ không ý thức đầy đủ về quy mô của cơn bão sắp ập vào họ. Để tôi nói chuyện với họ, thuyết phục họ theo chúng ta vào bờ.”

Karakas trông không có vẻ như là quan tâm lắm đến việc này, tay thuyền trưởng nhìn de Angelis chờ lệnh.

Ông khâm sứ Tòa Thánh đón nhận ánh mắt trừng trừng của Reilly bằng đôi mắt lạnh tanh, đầy toan tính, rồi gật đầu đồng ý. “Đưa micro cho anh ta,” de Angelis ra lệnh.

Tess cảm thấy như tim mình bị bóp nghẹt khi nghe giọng Reilly trên điện đài. Nàng chộp cái micrô từ tay Rassoulis.

“Sean, Tess đây.” Nàng hổn hển, hai bên thái dương giật giật. “Anh đang ở đâu?”

Chiếc trực thăng đã tách ra, bay ngược trở lại rồi nhanh chóng biến mất trong bầu trời tối đen và mưa như trút.

“Bọn anh không ở xa lắm,” giọng Relly lại vang lên. “Anh đang ở trên một tàu tuần tra, cách em mười lăm hải lý về hướng Tây. Bọn anh có hai tàu khác ở hướng Đông. Nghe anh đây Tess. Em cần phải ngưng ngay mọi việc em đang làm và ra khỏi đó ngay. Hai cơn bão sắp va chạm nhau ngay trên đầu em. Em phải chạy về hướng Tây ngay tức khắc, theo hướng,” Reilly ngưng lại, dường như để chờ đợi lấy thông tin, rồi lại nói tiếp, “hai bảy không. Hướng hai, bảy, không. Bọn anh sẽ đón em và hộ tống em về Marmaris.”

Tess nhận thấy Rassoulis đang nhìn Vance vẻ như dò hỏi, giờ rõ ràng anh chàng giáo sư đang nổi cáu. Trước khi Tess kịp trả lời Reilly, viên thuyền trưởng lấy lại micrô trên tay nàng. “Đây là George Rassoulis, thuyền trưởng tàu Savarona. Tôi đang tiếp chuyện với ai?”

Kế tiếp là vài âm thanh nhiễu tĩnh điện, rồi giọng của Reilly lại vang lên. “Tôi là Sean Reilly. Tôi là nhân viên FBI.”

Tess thấy vẻ mặt Rassoulis tối sầm lại khi ném về phía tay giáo sư một cái nhìn không tin cậy. Vance chỉ đứng đó, bất động, rồi quay người bước vài bước về phía sau đài chỉ huy.

Vẫn không rời mắt khỏi Vance, viên thuyền trưởng cất tiếng hỏi. “Chuyện quái quỷ gì mà FBI phải cảnh báo một chiếc tàu lặn Hy Lạp về cơn bão ở giữa Địa Trung Hải như thế này?”

Vẫn đứng xoay lưng lại, Vance trả lời. “Họ đến đây là vì tôi,” anh ta nói với vẻ dửng dưng đáng ngạc nhiên. Khi Vance quay lại, Tess thấy anh ta đang cầm khẩu súng ngắm chĩa thẳng vào Rassoulis. “Tôi nghĩ chúng ta đã nghe mấy ông bạn FBI đủ rồi đó.” Nói xong câu đó, anh ta nã hai phát vào điện đài. Tess thét lên khi ánh lửa và những mảnh vụn điện đài văng tung tóe. Âm thanh rè rè phát ra từ những chiếc micrô tắt hẳn.

“Nào,” Vance rít lên, đôi mắt long sòng sọc giận dữ, “tất cả chúng ta quay lại với công việc trước mắt được chưa?”

Chương 76

Tess cứng đờ cả người. Nàng có cảm giác như bị đóng đinh xuống sàn buồng lái, và chỉ có thể đứng lặng yên trong góc, nhìn Vance hằm hằm bước về phía Rassoulis và ra lệnh bắt đầu lại việc trục vớt cái hình chạm mũi tàu.

"Chẳng ích gì đâu," viên thuyền trưởng cãi lại, "tôi đã nói với anh là không thể đưa nó lên tàu được, nhất là trong điều kiện thời tiết này."

"Bấm cái nút khốn kiếp kia đi," Vance khăng khăng, "nếu không tôi sẽ bấm thay anh đấy." Vance trừng mắt nhìn Attal, vẫn đang ngồi trước bảng điều khiển chiếc ROV, các ngón tay anh ta như đông cứng lại trên cần điều khiển.

Anh chàng kỹ sư liếc về phía viên thuyền trưởng, Rassoulis dịu lại khẽ gật đầu. Attal đẩy nhẹ vào các cần điều khiển. Trên màn hình, hình ảnh truyền về từ máy quay của Dori thu nhỏ lại khi chiếc ROV lùi ra xa, rồi, chỉ trong vài giây, hết cái này đến cái khác, những túi nâng màu cam bắt đầu căng phồng lên hết cỡ. Thoạt tiên, con chim ưng trông không có vẻ như là đã dịch chuyển, ngoan cố chống lại lực kéo lên của những chiếc phao khổng lồ. Rồi bỗng nhiên, trong đám bụi cát bốc tung lên, con chim ưng nhích lên như một thân cây bị tróc gốc, kéo theo một đám xoáy trầm tích lắng đọng quanh nó hàng bao thế kỷ nay. Attal điều khiển chiếc ROV trồi lên theo một đường song song để giữ cho hình ảnh mờ mờ như đến từ một thế giới khác của cái hình chạm đang nổi lên vẫn hiện trên màn hình.

Tess nghe tiếng lách cách phát ra từ cánh cửa buồng lái khi một thủy thủ bước vào. Nàng nhận thấy Vance bị mất tập trung, anh ta đảo đôi mắt mê mẩn từ màn hình qua người mới xuất hiện. Đột nhiên, Rassoulis lao vào Vance, bắt đầu vật nhau với anh ta để đoạt lấy khẩu súng. Tess lùi lại, thét lên. "Đừng!" Attal và một kỹ sư khác bật dậy, nhào vào hỗ trợ viên thuyền trưởng thì một tiếng nổ chát chúa vang lên trong khoảng không gian khép kín, súng đã nổ.

Trong một lát, Vance và Rassoulis đứng im, bất động và dính chặt vào nhau, rồi Vance lùi ra còn viên thuyền trưởng thì sụm xuống sàn, máu ứa ra từ miệng, đôi mắt trừng trừng trợn ngược lên rồi khép lại.

Hoảng sợ, Tess chằm chằm nhìn xuống thân hình viên thuyền trưởng, khẽ co giật trước khi bất động hẳn. Nàng giận dữ nhìn Vance. "Anh làm cái gì vậy?" nàng gào lên và quỳ xuống cạnh Rassoulis, bối rối, không biết phải làm gì, rồi bắt mạch và nghe hơi thở của Rassoulis.

Không có gì cả.

"Ông ta chết rồi," Tess bật khóc. "Anh giết ông ta rồi."

Attal và người thủy thủ kia như đông cứng người lại, không tin những gì đang xảy ra trước mắt. Ngay lúc đó, theo phản xạ, người lái tàu lao vào Vance, vồ lấy khẩu súng. Nhưng với tốc độ đáng kinh ngạc, Vance quật báng súng vào mặt anh ta, anh chàng lái tàu ngã vật xuống sàn. Chỉ trong tích tắc, Vance hiện nguyên hình là một kẻ tâm thần mê loạn, đôi mắt anh ta trừng trừng, mặt đanh lại.

"Đem con chim ưng lên đây cho tôi, và chúng ta đều được về nhà," anh ta ra lệnh. "Ngay bây giờ."

Lưỡng lự, viên thuyền phó và Attal chuẩn bị quay trở lại với công việc chuẩn bị cho việc thu hồi, truyền mệnh lệnh đến các thủy thủ, nhưng những lời nói đó chỉ thoáng qua tai Tess một cách mơ hồ, rối rắm không thể hiểu được. Tess không thể không nhìn chằm chằm vào Vance, đôi mắt anh ta trở nên cực kỳ linh hoạt. Chúng không còn thuộc về vị giáo sư uyên bác mà nàng gặp gỡ lần đầu mấy năm trước đây, cũng không thuộc về con người đầy thiên kiến và đau khổ mà nàng đã cùng dấn thân vào chuyến đi lầm lạc này. Tess nhìn thấy trong đôi mắt ấy sự nhẫn tâm, vô cảm, lạnh lùng. Nàng đã nhìn thấy ánh mắt đó lần đầu tiên ở Bảo tàng Met, trong đêm xảy ra vụ cướp. Lúc đó, nó đã làm nàng sợ hãi, và giờ đây cùng với một xác chết kề bên, nó càng làm nàng kinh sợ.

Nhìn lại thi thể Rassoulis, Tess chợt nhận ra rằng nàng rất có thể cũng bỏ mạng ở đây. Và trong khoảnh khắc đó, nàng nhớ đến con gái mình, và băn khoăn tự hỏi không biết có được gặp lại Kim không.

Reilly nói như quát khi giọng Rassoulis ngưng bặt và loa điện đài còn vang lên tiếng rít ầm ầm. Một cơn rùng mình sợ hãi chạy dọc sống lưng anh. Reilly nghĩ mình đã nghe thấy cái gì đó như tiếng súng nổ qua điện đài nhưng không chắc lắm.

"Thuyền trưởng? Tess? Có ai không?"

Không có tiếng trả lời.

Reilly quay qua người kỹ thuật viên điện đài, người đang nghịch nghịch vẩn mấy cái nút bấm bàn điều khiển, anh ta lắc đầu, báo cáo với viên thuyền trưởng bằng tiếng Thổ.

"Mất tín hiệu," Karakas xác nhận, "có vẻ như bọn chúng đã nghe những gì chúng muốn."

Reilly giận dữ nhìn trừng trừng về phía trước, những cần gạt nước cũng không giúp anh nhìn rõ hơn. Chiếc Karadeniz đang nỗ lực chống chọi lại những cơn sóng càng lúc càng trở nên hung bạo. Tất cả các lời chuyện trò, trao đổi trong đài chỉ huy đều bằng tiếng Thổ, nhưng Reilly vẫn nhận ra là đám thủy thủ chiếc tàu vũ trang này chú ý đến mặt biển nổi cơn thịnh nộ hơn là chiếc tàu kia, có vẻ như nó vẫn đang đứng im tại chỗ. Mặc dù bây giờ chiếc Savarona theo lý thuyết thì đã ở trong tầm quat sát, nhưng làn mưa dày đặc và tình trạng biển động như thế này không cho phép nhìn thấy nó thường xuyên được, đồng thời lớp sóng cồn dưới cả hai con tàu cũng bắt đầu dựng đứng lên. Khi Reilly thoáng thấy chiếc Savarona, anh chỉ có thể nhận ra một hình bóng lờ mờ xa xôi. Reilly cảm thấy như có một nắm đấm chẹn ngang họng khi nghĩ đến Tess đang ở ngoài đó, trên con tày bị sóng gió vùi dập kia.

Reilly thấy Karakas và tay thuyền phó trao đổi với nhau dăm ba câu rời rạc, sau đó viên thuyền trưởng quay qua de Angelis, những nếp nhăn vì lo lắng hằn sâu trên trán anh ta. "Con tàu đang dần mất kiểm soát. Gió gần đến năm mươi hải lý, và với tình trạng thời tiết như thế này, chúng ta không thể làm gì để buộc họ phải theo chúng ta."

Kỳ lạ là de Angelis có vẻ như không hề bối rối. "Chừng nào chúng còn ngoài đó, thì chúng ta cứ tiếp tục ra đó."

Viên thuyền trưởng thở nặng nề. Ánh mắt ông ta đảo về phía Reilly, như muốn tìm hiểu những suy nghĩ trong đầu Angelis nhưng không thấy gì. "Tôi không cho rằng chúng ta nên ở lại đây lâu hơn nữa," Karakas tuyên bố thẳng thừng, "không còn an toàn nữa rồi."

De Angelis quay mặt đối diện với tay thuyền trưởng. "Sao hả," ông cha cố nói, giọng tức giận, "anh không đối phó với mấy con sóng à?" Ông ta giận dữ trỏ tay về chiếc Savarona. "Tôi không thấy chúng cụp đuôi xuống bỏ chạy cơ mà. Rõ ràng là chúng đâu có sợ ở lại ngoài này." Miệng ông cha cố méo lại trong rất kỳ dị. "Anh sợ à?"

Reilly nhìn Karakas đứng đó, mạch ông ta đập nhanh hơn trước lời chế nhạo đó. Viên thuyền trưởng quắc mắt nhìn ông cha cố rồi ngoác miệng quát mấy câu ra lệnh cho người thuyền phó. De Angelis gật đầu, liếc nhanh về phía Plunkett rồi quay qua nhìn trừng trừng về phía trước, nhìn khuôn mặt nghiêng nghiêng của de Angelis, Reilly có thể nói ông khâm sứ Tòa Thánh đang cực kỳ khoái trá.

Tess đứng bên cạnh Vance, đăm đăn nhìn ra ngoài, bụi nước dội ào ào như vãi đạn lên tấm kính chắn gió trong lúc tiếng gió mưa gào rú bốn bề xung quanh buồng lái. Những mảng bọt trắng tung tóe xung quanh họ, boong chiếc Savarona tràn ngập nước.

Và đúng lúc đó chúng hiện ra.

Ba chiếc túi nặng màu cam, phóng lên khỏi mặt nước như những con cá voi ở mạn phải con tàu.

Tess căng mắt, cố nhìn xuyên qua màn mưa, và nàng thấy nó, khối gỗ lớn, đen, tròn nhấp nhô giữa những chiếc phao. Dù đã bị bào mòn sau bao thế kỷ, không thể nhầm lẫn là nó đã được chạm khắc theo hình một con chim ưng và làm người ta liên tưởng mạnh mẽ đến quá khứ vinh quang của nó.

Tess liếc nhìn Vance, gương mặt anh ta rạng rỡ hẳn lên. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi phù du nàng chợt rùng mình, cảm nhận cơn khích động dâng trào lấn át cả cảm giác sợ hãi và căm ghét trước đây.

Và rồi tất cả lại vội vã quay trở lại.

“Cho thợ lặn xuống,” Vance gào lên với viên thuyền phó đang lo chăm sóc cái má đầy máu của người lái tàu. Nhìn thấy vẻ do dự trong mắt anh ta, Vance vung tay ra, thúc mũi súng vào gương mặt hoảng hốt của viên thuyền phó. “Làm ngay. Chúng ta sẽ không rời khỏi đây mà không có nó đâu.”

Ngay lúc đó, một con sóng khổng lồ đập ầm vào đuôi tàu. Chiếc Savarona nặng nề nghiêng hẳn về một bên, người lái tàu lảo đảo đứng dậy, cầm lái thay viên thuyền phó đang khiếp đảm, vật lộn với bánh lái giữ cho con tàu quay lưng về hướng sóng và gió, điều khiển con tàu ra khỏi vòng nguy hiểm và tiến đến gần các túi phao nâng. Khéo léo cưỡi trên những con sóng, anh ta giữ vững vị trí của con tàu đã bị tơi tả vì sóng gió trong khi hai thủy thủ khác mặc đồ lặn vào và miễn cưỡng nhảy xuống khỏi boong tàu, cầm chặt những sợi cáp thu hồi nặng nề trong tay.

Tess lo lắng nhìn những người thợ lặn vùng vẫy tiến đến mục tiêu, những phút căng thẳng nặng nề cũng trôi qua khi họ đưa ngón tay cái lên ra hiệu đã hoàn thành công việc. Viên thuyền phó bấm vào một công tắc và trên boong trước, chiếc cần cẩu ầm ĩ thức dậy, căng lên với trục kéo của con tàu và cú đập dự dội của những con sóng. Cái hình chạm, vẫn còn dính với các túi nặng, nhô lên khỏi mặt nước ngầu bọt trắng, quay vòng lại rồi hướng về phía boong tàu đang chờ sẵn.

Vance chợt cau mày, sự chú ý của anh đã bị cái gì đó phía bên kia sợi cáp đang treo lơ lửng thu hút. Gương mặt Attal sáng bừng lên khi anh ta chộp lấy tay Tess và hất đầu về hướng sợi cáp, hướng Tây. Tess nhìn qua mũi tàu, một hình bóng mờ mờ ở phía xa. Đó là chiếc Karadeniz đang nỗ lực vượt qua những cơn sóng, tiến về phía họ.

Vance giận dữ quay về phía tay lái tàu. “Đưa chúng ta thoát khỏi đây,” anh ta ra lệnh, điên cuồng huơ huơ khẩu súng.

Nhiều vệt mồ hôi lẫn những vệt máu giàn giụa trên khuôn mặt người lái tàu, khi anh ta vật lộn giữ cho mạn tàu không xoay về phía những con sóng. “Trước tiên, chúng ta phải lấy hai thợ lặn lên đã,” anh ta phản đối.

“Mặc bọn họ,” Vance rống lên. “Tàu tuần tiễn sẽ vớt họ lên. Nó sẽ giúp làm bọn chúng chậm lại.”

Người lái tàu đảo mắt, đọc những chỉ số trên rađa báo thời tiết. Anh ta chỉ về hướng chiếc Karadeniz. “Lối thoát duy nhất ra khỏi cơn bão này là hướng về phía họ.”

“Không. Không được đi về hướng đó.” Vance hét lên.

Tess nhìn chiếc Karadeniz đang nhích đến gần hơn, quay quaVance. “Xin anh đấy, Bill. Kết thúc rồi. Họ đã bao vây chúng ta, và nếu không thoát ra khỏi đây ngay bây giờ, cơn bão sẽ giết tất cả chúng ta mất.”

Vance ném cho Tess cái nhìn ngụ ý câm miệng lại. Anh ta lo lắng nhìn ra ngoài trời rồi nhìn xuống rađa thời tiết. Ánh mắt Vance lạnh tanh. “Hướng Nam,” anh ta quát người lái tàu. “Chạy về hướng Nam.”

Người lái tàu trợn tròn đôi mắt tưởng chừng như vừa nhận một cú đấm vào bụng. “Hướng Nam? Đâm ngay vào cơn bão à,” anh ta phản đối. “Ông điên rồi.”

Vance hướng mũi súng vào mặt anh chàng lái tàu đang lưỡng lự, không một lời cảnh báo, bóp cò, vừa khẽ hất nhẹ mũi súng qua một bên khi nó phát nổ. Viên đạn đi sượt qua người lái tàu, cắm vào vách ngăn phía sau. Vance trừng mắt nhìn những người còn lại trong đài chỉ huy, ánh mắt đe dọa rồi lại chĩa súng vào mặt anh chàng lái tàu khiếp sợ.” Mày có thể thử vận may với con sóng hay… với một viên đạn. Tùy mày đấy.”

Tay lái tàu chỉ trừng mắt đáp trả Vance một lúc rồi lướt nhìn những thiết bị của mình, anh ta quay bánh lái, đẩy cần ga về phía trước. Con tàu chồm lên, bỏ lại những người thợ lặn đang thì thụp vô vọng trong sóng nước và lao đầu vào cơn thịnh nộ.

Chỉ đến khi Vance cuối cùng rời mắt khỏi người lái tàu, anh ta mới nhận ra Tess đã biến mất.

Chương 77

Trên đài chỉ huy chiếc Karadeniz, de Angelis nhìn đăm đăm qua cặp ống nhòm chuyên dụng đi biển Fujinon với vẻ nghi ngờ giận dữ.

“Chúng lấy được rồi,” ông cha cố nói qua hàm răng nghiến chặt. “Không thể tin được. Chúng đã mang nó lên được rồi.”

Reilly cũng nhận ra điều đó, và một cảm giác lo lắng chạy dọc sống lưng. Như vậy, rốt cuộc tất cả đều là sự thật. Như vậy, sau hàng trăm năm, nó đã được lôi lên khỏi lòng biển cả sâu thẳm bởi sự ngoan cố lì lợm của một con người.

Tess. Em đang làm gì vậy?

Reilly kinh hoàng nhận ra rằng, giờ đây de Angelis sẽ không dừng lại vì bất cứ chuyện gì.

Viên thuyền phó đứng bên cạnh họ, cũng dán mắt vào chiếc tàu lặn nhưng có những mối lo âu khác. “Chúng chạy về hướng Nam. Chúng bỏ rơi những người thợ lặn.”

Ngay khi nghe được điều đó, Karakas bắt đầu quát to và ra lệnh cho mọi người. Ngay lập tức, một hồi còi vang lên, tiếp theo là những mệnh lệnh dồn dập trên loa phóng thanh chiếc tàu tuần tra. Các thợ lặn mặc đồ lặn vào ngay tức khắc, trong lúc đó, ở trên boong, các thủy thủ hối hả chuẩn bị sẵn chiếc xuồng phao.

De Angelis nhìn hoạt động hối hả kia với thái độ hoàn toàn dửng dưng. “Kệ xác bọn thợ lặn,” ông ta quát nhặng lên, chỉ tay thẳng về chiếc Savarona. “Chúng đang chạy trốn kìa. Phải bắt chúng lại.”

“Không thể bỏ họ ở đây được,” Karakas vặc lại, sự khinh bỉ hiện rõ trong mắt viên thuyền trưởng. “Vả lại, con tàu kia không bao giờ thoát được cơn bão này. Sóng quá lớn. Chúng ta phải biến khỏi nơi này ngay khi cứu xong các thợ lặn.”

“Không,” ông khâm sứ Tòa Thánh thẳng thừng quạt lại. “Ngay cả khi chỉ còn xác suất một phần triệu là họ thoát được cơn bão này, chúng ta cũng không thể cho phép điều đó xảy ra.” Ông ta cau có nhìn ra ngoài kính chắn gió, rồi quay lại đối mặt với viên thuyền trưởng vạm vỡ, mắt toát lên vẻ đe dọa. “Bắn chìm chúng đi.”

Reilly không thể chịu được hơn nữa. Anh lao đến de Angelis, tóm lấy ông cha cố rồi nặng nhọc xoay ông cha cố đối mặt với mình. “Ông không được làm như vậy không…”

Reilly bỏ dở câu nói giữa chừng.

Vị khâm sứ Tòa Thánh rút khẩu súng lục tự động to tổ bố ra, chĩa mũi súng vào mặt Reilly. “Đừng có dính vào chuyện này,” ông ta hét lên, đẩy Reilly về phía sau buồng lái.

Reilly nhìn chằm chằm qua cái nòng súng bằng thép lạnh lẽo đang xoay xoay trước mặt anh chỉ vài li rồi nhìn thẳng vào mắt de Angelis. Chúng rực lên vẻ điên cuồng đầy sát khí.

“Anh đã vượt quá mục đích của anh ở đây rồi đấy,” ông cha cố rít lên the thé. “Anh hiểu ý tôi chứ?”

Vẻ cả quyết trên mặt de Angelis làm Reilly tin rằng ông ta vẫn sẵn sàng bóp cò không một chút do dự. Reilly cũng biết rằng chỉ cần nhúc nhích anh sẽ chết trước khi chạm được vào ông ta.

Anh gật đầu và nhẹ nhàng bước lui, đều đặn theo nhịp lắc lư của con tàu. “Bây giờ thì thoải mái nào,” ông ta nói giọng bình thản. “Thoải mái nào.”

De Angelis vẫn dán mắt vào Reilly. “Dùng đại bác ấy,” ông ta ra lệnh cho viên thuyền trưởng. “Trước khi chúng ra khỏi tầm bắn.”

Reilly có thể nhận ra Karakas vô cùng khó chịu vì những gì xảy ra trên tàu của mình. “Chúng ta đang ở trong hải phận quốc tế,” tay thuyền trưởng phản đối, “và nếu điều đó là chưa đủ đối với ông thì ông nên biết là chúng ta đang đề cập đến một chiếc tàu Hy Lạp đấy. Chúng tôi đã có quá đủ rắc rối với…”

“…Tôi không quan tâm,” de Angelis nổi điên lên, ông ta quay qua đối mặt với Karakas, điên cuồng huơ huơ khẩu súng. “Con tàu này hoạt động dưới quyền chỉ huy của NATO và với tư cách sĩ quan cao cấp ở đây, tôi ra lệnh trực tiếp cho anh. Thuyền Trưởng…”

Lần này, chính Karakas cắt ngang. “Không,” viên thuyền trưởng tuyên bố dứt khoát, nhìn de Angelis trừng trừng. “Tôi thà ra trước tòa án binh.”

Hai người gườm gườm nhìn nhau trong một khoảnh khắc căng thẳng, ông cha cố vương cánh ta ra hết cỡ, chĩa thẳng súng vào mặt viên thuyền trưởng. Trước sự tự tin của Karakas, ông ta không hề nao núng. Karakas vẫn không có ý định nhượng bộ cho đến lúc tay cha cố xô ông ta qua một bên, quay qua ra lệnh cho Plunkett canh chừng họ và nhảy xổ về phía cửa mở ra mũi tàu. “Quỷ tha ma bắt chúng bây,” ông ta giận dữ gào lên. “Tao sẽ tự làm lấy.”

Plunkett bước vào vị trí, rút khẩu súng ra khỏi bao khi ông cha cố đẩy tung cửa ra. Cơn gió mạnh ùa vào đài chỉ huy. De Angelis chuẩn bị sẵn sàng rồi bước ra ngoài cơn bão giận dữ điên cuồng.

Reilly lia một cái nhìn thăm dò về phía Karakas, ngay lúc một con sóng lớn ập vào mạn phải tàu, đập vào đài chỉ huy làm mọi người phải chụp lấy thanh tay cầm. Reilly nhận ra cơ hội và chộp ngay lấy nó. Anh nhào đến Plunkett, túm lấy gã đặc vụ CIA khi gã đang với tay chụp lấy bảng điều khiển bên cạnh để giữ thăng bằng. Reilly cố khóa chặt bàn tay cầm súng của Plunkett vào thành tàu, đồng thời tung ra một cú đấm móc cực mạnh từ dưới lên làm Plunkett buông lỏng tay ra, đủ để Reilly tước khẩu súng khỏi tay gã. Plunkett đánh trả bằng một cú tạt ngang hung tợn và điên cuồng, nhưng Reilly đỡ được dễ dàng cú tạt và không một chút do dự, quật mạnh khẩu súng vào tên sát thủ, cùng với cú đánh hiểm ác trúng vào trán. Plunkett quỵ xuống sàn, bất tỉnh.

Reilly nhét khẩu súng vào thắt lưng, bước ngang qua viên thuyền trưởng, chộp lấy cái áo phao, hối hả mặc vào và bước ra ngoài theo de Angelis.

Ngay lập tức, những cơn gió quật dữ dội vào Reilly, ném anh vào vách buồng hoa tiêu như một con búp bê làm bằng giẻ rách. Reilly tìm cách trụ vững lại, rồi dùng tay lần dọc theo lan can tàu, anh nhận ra sau làn mưa cái bóng đen lờ mờ của de Angelis đang lần mò dọc theo thành tàu tiến về phía trước, hướng về phía boong trước, nơi có khẩu súng đại bác tự động.

Lấy tay che mắt khi tiến tới, Reilly nhìn qua mũi tàu và thoáng thấy chiếc Savarona. Nó đang tròng trành dữ dội, chỉ cách chiếc tàu tuần tra chưa đến hai trăm mét, nhưng giờ ngăn cách giữa con tàu đó và chiếc tàu tuần tra là cả một khối nước khổng lồ cao như núi.

Reilly chợt cảm thấy tê cứng người lại. Trên mặt boong trước buồng lái, một bóng người nhỏ nhắn có vẻ như đang di chuyển, bị vùi dập dưới những cột nước dữ dội, tuyệt vọng bám vào đám dây dợ trên tàu.

Reilly cảm thấy như nghẹt thở.

Anh chắc chắn đó là Tess.

Tess vội vàng đi xuống cầu thang dẫn xuống bên dưới hầm tàu, những ý nghĩ lờ mờ tràn ngập trong đầu và tiếng tim đập nghe lùng bùng trong tai. Nàng nhìn kỹ những tấm vách, tuyệt vọng cố nhớ lại xem đã thấy chiếc rìu ở đâu.

Cuối cùng Tess cũng tìm thấy chiếc rìu, gắn trên một bức vách ngay ngoài gian bếp. Chỉ trong vài giây, nàng cũng tìm ra một cái áo phao và mặc nó vào. Hít một hơi thật sâu và cố trấn tĩnh để sắp xếp những việc sẽ làm, Tess giật tung cánh cửa ngăn nước và bước lên đường viền quanh hầm tàu, lao người vào cơn cuồng nộ đang hoành hành bên ngoài.

Tess biết Vance không dám mạo hiểm rời khỏi buồng lài. Một tay cầm chặt chiếc rìu, tay kia giữ cho khỏi ngã, nàng cẩn thận men qua boong chính, vừa dò dẫm đi vừa thả thêm những cái đai cứu sinh, hy vọng chúng sẽ có ích đối với những người thợ lặn bị bỏ rơi kia.

Tess nhìn thấy một con sóng khổng lồ ập lên mũi tàu và vòng tay bám chặt vào lan can, gồng mình khi bước tường ấy đập thẳng vào người nàng và chôn vùi cả boong tàu. Rồi Tess cảm thấy boong tàu như trượt đi dưới chân mình khi chiếc Savarona bay trên đầu ngọn sóng, dốc ngược trở lại rồi rơi phịch xuống đáy con sóng. Tess chồm dậy rồi qua mớ tóc rối bù quất vào mặt đau rát, nàng thấy con chim ưng, lủng lẳng trên không, cách mặt boong cả mét, lắc qua lắc lại điên cuồng. Tess bò về phía chân cần cẩu, sợi cáp hiện ra trong trục tời.

Đến nơi, Tess liếc nhìn lên cửa sổ buồng lái. Qua màn nước, nàng nhìn thấy khuôn mặt hoảng sợ của Vance. Thu hết can đảm, Tess nâng chiếc rìu lên và dùng hết sức bình sinh để bổ xuống. Nàng gần như tuột tay khi chiếc rìu nảy lên khỏi sợi cáp căng cứng. Tess ngẩng lên thấy Vance đã nhào ra khỏi buồng lái và đang chống chọi lại cơn gió như muốn thổi bật anh ta đi. Vance điên cuồng ra dấu và hét cái gì đó giống như những tiếng "Không!" liên tục bằng tất cả sức lực của mình, nhưng tiếng gió rít làm Tess không nghe rõ. Không chịu thua, Tess lại vung rìu lên, chặt, rồi lại vung lên. Một sợi dây đứt nghe đánh tách một tiếng, rồi một sợi khác khi nàng liên tục vụt mạnh lưỡi rìu xuống với những nhát chặt hối hả điên cuồng.

Nàng sẽ không để Vance có được nó. Không phải theo cách này. Không phải bằng cái giá này. Nàng đã quá ngu ngốc khi hoàn toàn tin tưởng hắn, và giờ là lúc bắt đầu sửa sai.

Sợi dây cuối cùng đứt khi chiếc Savarona tròng trành nghiêng về bên trái, con chim ưng đột ngột rơi xuống, nặng nề lao thẳng xuống lòng biển.

Tess men theo boong tàu dốc tuột, tránh xa buồng lái, cúi đầu xuống tránh tầm nhìn của Vance. Liếc nhanh về phía sau, nàng thấy những túi phao nâng nổi lên trên mặt biển ngầu bọt. Tim Tess cũng ngừng đập khi nàng chờ xem liệu chúng vẫn còn dính với con chim ưng không, và buông một tiếng thở dài nặng trịch khi thấy khối nâu đen tròn của cái hình chạm nhấp nhô giữa những phao nâng căng phồng.

Sự phấn khích vì thành công của Tess chẳng kéo dài được bao lâu vì, ngay lúc đó, một loạt vụ nổ nhỏ làm rung chuyển chiếc Savarona. Hụp xuống tìm chỗ nấp, Tess liếc nhìn về chiếc tàu tuần tra đang bám đuổi theo họ, sửng sốt khi thấy khẩu đại bác ở mũi tàu đang khạc ra một loạt đạn chết người.

Bị bầm dập tơi tả vì mưa gió, Reilly đuổi theo sau de Angelis.

Chiếc Karadeniz vất vả giữ vững vị trí, những người thợ lặn giải cứu đã lôi được một trong hai người thợ lặn bị bỏ rơi lên xuồng phao, người kia đang cố bám vào một dây đai cứu sinh cho đến khi được kéo lên xuồng.

Ông cha cố rốt cuộc cũng đến được boong trước. Chỉ vài giây, ông ta đã yên vị giữa các giá đệm vai hình bán nguyệt của khẩu súng. Mở chốt an toàn cái thứ vũ khí đáng sợ rồi quay vòng khẩu súng một cách điệu nghệ, ông ta nhanh chóng phát hiện ra chiếc tàu lặn đang chạy trốn và điên cuồng nhả ngay loạt đạn 23 li.

"Không!" Reilly gào lên, trèo qua lan can, xông đến chỗ đặt khẩu súng. Giữa những tiếng gió gào thét, tiếng súng nổ vẫn vang lên chát chúa.

Reilly lao vào de Angelis, kéo súng lệch khỏi hướng ngắm khiến những viên đạn vạch một đường vòng cung cách xa chiếc Savarona trước khi biến mất một cách vô hại trên mặt biển. Ông khâm sứ Tòa Thánh lách một bên vai ra khỏi giá đỡ của khẩu súng, chộp lấy tay Reilly, vặn tréo ngược các ngón tay anh trước khi đấm một cú tạt ngang vào giữa má làm Reilly bật ngược ra sau, loạng choạng trên boong tàu đang nghiêng ngả và đầy nước.

Mất thăng bằng, Reilly trượt ngã dọc sàn tàu và bị cuốn ra xa khỏi de Angelis. Anh tuyệt vọng cố chụp cái gì đó để không bị trượt đi nữa. Tay anh tóm được một mẩu dây và anh giữ chặt lấy nó. Reilly cuối cùng cũng nâng mình dậy được nhưng chỉ có thể đợi lúc con tàu tuần tra tròng trành dữ dội leo lên đầu núi nước cao ngất. Khi con tàu đang cưỡi trên đầu ngọn sóng, de Angelis đã trở lại vị trí, và con tàu lặn lại hiện ra trong tầm ngắm. Ông cha cố nhả một loạt đạn khác. Kinh hoàng, Reilly tuyệt vọng nhìn hàng chục viên đạn lần theo con đường sáng loáng, chết chóc của chúng xuyên qua màn đêm đổ như mưa xuống con tàu lặn. Lửa và những cuộn khói phụt lên khi những viên đạn chạm vào phần đuôi không được che chắn của chiếc Savarona.

Cúi thấp phía sau một thùng sắt, tim Tess đập thình thịch như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực khi chiếc Savarona rung lên dưới cú va đập không thương tiếc từ khẩu súng liên thanh với tốc độ cực nhanh. Với tốc độ 1000 phát mỗi phút, thậm chí một loạt bắn ngắn cũng đủ tạo ra sức mạnh hủy diệt.

Những viên đạn cày xới sàn tàu xung quanh nàng, một tiếng nổ bục ở sâu bên trong con tàu làm chấn động cả người Tess, khiến nàng thét lên. Gần như ngay lúc đó, một cuộn khói đen cuồn cuộn bốc lên từ phía đuôi tàu và ống khói. Con tàu tròng trành nghiêng sang một bên, gần như thể ai đó đã hãm phanh lại. Tess biết động cơ của con tàu đã bị trúng đạn. Nàng đoán – và hy vọng – rằng thùng nhiên liệu của chiếc tàu đã hết vì con tàu đã không nổ tung từ dưới chân nàng. Tess đếm từng giây trôi qua, chờ cho điều đó xảy ra, nhưng không, chẳng có gì cả.

Nhưng chính điều này cũng thật tồi tệ.

Không còn nhiên liệu, con tàu thương tật vô vọng chống cự lại biển cả đang cơn thịnh nộ. Những con sóng xô đến từ đủ mọi phía, đập thùm thụp làm con tàu tròng trành, quay mòng mòng như chiếc xe bị đụng trong trò chơi xe đụng.

Tess kinh hoàng nhìn một núi nước khổng lồ dâng lên phía sau chiếc Savarona, xô đến con tàu và đổ ập lên buồng lái. Nàng chỉ kịp quấn vội dây cứu sinh vào lan can tàu rồi vòng tay ôm chặt lấy nó trước khi cột nước đổ ập xuống con tàu, tràn ngập hoàn toàn boong tàu, đập vỡ những cửa kính Lexan dày mười hai milimet của buồng lái.

Tess vén mái tóc ướt nhèm che phủ trên mặt rồi ngước nhìn lên buồng lái đã bị phá hủy. Không còn dấu vết của Vance và những người khác. Tess cảm thấy nước mắt như sắp tuôn trào, co rúm người lại và chờ đợi được cứu mạng. Tess nhìn về nơi đã thấy chiếc tàu tuần tra, hy vọng giờ nó đã ở gần hơn, nhưng nàng không thấy nó ở đâu cả.

Và rồi nàng thấy nó. Một con sóng khổng lồ, cao ba mươi mét. Gần như là thẳng đứng, miệng sóng khổng lồ ở phía trước tưởng như có thể nuốt chửng chiếc Savarona.

Nó sắp đập xuống mạn trái của con tàu thương tật.

Tess nhắm mắt lại, thật chặt. Không nhiên liệu, chẳng có cách nào để hướng con tàu lặn đối mặt với con sóng hoặc chạy trốn khỏi nó, cũng không còn ai ở tay lái. Dù làm theo cách nào thì vẫn có thể khiến con tàu nhận một cú va đập mạnh và bị nước nhấn chìm nhưng nó vẫn sẽ lại nổi lên được.

Con quái vật này sắp đập vào mạn tàu.

Và khi va vào, nó nhấc bổng con tàu thép 130 tấn dễ dàng rồi cuốn trôi nó như một món đồ chơi trẻ con.

Reilly nhìn những viên đạn nổ tung ở phía đuôi chiếc tàu lặn và đám khói đen cuộn lên, anh lấy hết sức gào thật to về phía de Angelis, nhưng Reilly biết ông cha cố không cách nào nghe được vì tiếng rú rít của gió và tiếng súng nổ chát chúa.

Reilly chợt cảm thấy kiệt sức và hoàn toàn thất vọng, và cũng chính lúc đó, anh nhận ra mình cần phải làm gì.

Dựa người vào lan can tàu, Reilly rút khẩu súng tự động ra, cố giữ vững nòng súng trước sức gió dữ dội, và liên tiếp bấm cò. Những tia máu đỏ phụt ra từ lưng ông cha cố, ông ta cong người về phía sau rồi gục về đằng trước dựa lên cây súng máy, nòng súng ngóc lên bầu trời giận dữ.

Reilly bỏ khẩu Glock qua một bên, chăm chú nhìn ra từ boong chiếc tàu tuần tra. Rồi căng mắt nhìn vào màn mưa gió dày đặc, anh dõi tìm chiếc Savarona, nhưng tất cả những gì anh nhìn thấy qua màn mưa chỉ là những núi nước điên cuồng và các trũng xoáy ngầu bọt trắng xóa.

Những tay thợ lặn giải cứu bằng cách nào đó đã trở lại tàu cùng với những người họ kéo lên từ biển cả. Reilly nhận ra chiếc tàu tuần tiễu đang chạy ra khỏi hướng đi cũ, các động cơ gầm lên khi cố thực hiện một cú quành gấp và hạn chế thời gian nó ở trong tình trạng đối đầu với những ngọn sóng và phơi mình trước sóng gió. Cảm giác hoảng loạn túm chặt Reilly khi anh nhận ra họ đang quay đầu về, chạy ra khỏi cơn bão.

Ngay sau đó, những con sóng tan đi trong vài giây, mắt Reilly mở to trước cảnh tượng con tàu lặn đã lật úp , thân tàu loang lổ dơ dáy bập bềnh dưới những con sóng đang dồn dập đổ về.

Không một dấu vết của những người sống sót.

Reilly ngoái lại phía đài chỉ huy và thấy viên thuyền trưởng nôn nóng ra hiệu cho anh vào bên trong. Reilly che mắt, trỏ tay về hướng chiếc Savarona, nhưng Karakas khoát tay tỏ ý từ chối và chỉ tay về hướng khác hàm ý rằng họ phải rời khỏi nơi này khi còn có thể.

Reilly bám chặt lan can tàu bằng đôi tay trắng bệch, đầu óc rối tung sàng lọc qua những lựa chọn của mình, nhưng thực sự chỉ có một điều duy nhất anh nghĩ mình có thể làm.

Reilly bò về hướng chiếc xuồng máy cao su của con tàu tuần tra mà những người thợ lặn vẫn để nguyên chưa buộc lại vào mạn phải tàu. Mọi móc hết mọi điều đã học trong khóa huấn luyện thường lệ của FBI với Đội Bảo Vệ Bờ Biển Mỹ còn đọng lại trong trí nhớ, anh nhảy vào chiếc xuồng máy cứu sinh, kéo cần thả, và bám vào các tay nắm, anh nín thở khi chiếc xuồng tách ra khỏi con tàu tuần tra, đi vào giữa biển cả cuồng nộ.

Chương 78

Reilly khởi động được động cơ chiếc xuồng máy cao su, lao vào màn mưa mịt mù hơi nước, hướng về nơi anh nghĩ là đã thấy chiếc tàu Savarona bị lật úp. Anh lao như bay đến đó trong cái khung cảnh liên tục biến đổi xung quanh, cầm lái theo bản năng và chỉ biết hy vọng vì anh đã mất cảm giác về phương hướng. Mặt nước ngầu bọt và không khí ẩm đến mức gần như không còn biết đâu là trời đâu là biển.

Mặt biển dâng lên rồi sụp xuống với những con sóng cao đến chóng mặt, một con sóng đổ ập đến làm chiếc xuồng bé nhỏ ngập nước, rồi ngay sau đó một con sóng khác lại ùa đến quét sạch nước khỏi xuồng. Reilly kiên trì chịu đựng khi chiếc xuồng leo lên sụp xuống theo những bức tường nước, động cơ rú lên dữ dội mỗi lần chiếc xuồng bị ném qua một con sóng, chân vịt của nó quay tròn trong khoảng không.

Sau những phút giây tưởng như dài vô tận đó. Reilly đã thấy nó, một khối nâu đen góc cạnh nhô lên ở giữa hai con sóng, một khoảng trống nhìn giống như một cái hang giữa lòng biển cả. Mọi cơ bắp căng lên, Reilly trực chỉ chiếc xuồng máy về hướng đó, nhưng vẫn bị lệch ra khỏi hướng đi vì những con sóng hung hăng, bất hợp tác. Reilly phải liên tục điều chỉnh hướng đi trong khi vẫn nhìn về phía con tàu bị lật úp giữa những núi nước.

Vẫn không có dấu vết gì của Tess.

Càng đến gần, cảnh tượng càng kinh hoàng hơn. Những mảnh vụn rải rác xung quanh thân tàu, nổi bập bềnh dọc theo mạn tàu trong vũ điệu chết chóc kỳ dị. Đuôi tàu giờ đã hoàn toàn chìm trong nước, mũi tàu nhô lên khỏi mặt nước như một tảng băng nhọn, lừ đừ trôi bên dưới những con sóng liên tục đập vào nó.

Reilly vẫn tìm kiếm Tess và những người sống sót một cách vô vọng, hy vọng tàn lụi dần, và lại bùng lên khi anh nhìn thấy Tess ở phía bên kia thân tàu, bập bềnh trong áo phao cứu sinh màu da cam, đang vẫy tay một cách điên cuồng.

Lái chiếc xuồng cao xu về hướng Tess, anh thận trọng điều khiển xuồng quanh thân tàu bám đầy những vỏ hà, men dần đến gần nàng, mắt anh đảo từ chỗ nàng ra phía những con sóng phản trắc đang chực chờ vùi dập họ một cách không thương tiếc. Khi đến đủ gần, Reilly với tay ra để chụp lấy cánh tay vươn ra của Tess, hụt, rồi nỗ lực vươn ra lần nữa, và lần này các ngón tay của họ đã đan chặt vào nhau và anh cố giữ chặt.

Reilly kéo nàng về xuồng, nụ cười liều lĩnh yếu ớt thoáng hiện trên mặt anh và anh thấy gương mặt nàng bừng lên, nhưng rồi đột nhiên vẻ mặt đó bỗng chuyển qua sợ hãi. Tess đang nhìn về phía sau anh. Reilly cũng quay lại, vừa kịp nhận ra một khúc gỗ lớn rơi ra từ chiếc Savarona theo một con sóng giật, đập thẳng vào mình.

Và rồi thế giới trước mắt anh biến thành màu đen.

Mất phương hướng và hoang mang cùng cực, Tess đinh ninh là nàng sắp chết và hầu như không thể tin vào mắt mình khi thấy Reilly tiến về phía nàng trên chiếc xuồng cứu sinh.

Với chút sức lực sót lại, nàng đã túm được bàn tay đang vươn ra của Reilly, rồi vắt được nửa người lên chiếc xuồng mong manh, đó cũng là lúc nàng thấy một tấm ván gỗ quay cuồng theo một con sóng và đập vào Reilly. Nó đập thẳng vào đầu Reilly, đẩy anhh văng khỏi xuồng.

Tess lại nhào vội xuống nước, vươn tay túm lấy Reilly, giữ chặt anh trong khi vật lộn giữ tay kia bám chặt vào tay cầm của chiếc xuồng. Qua làn nước dội vào liên tục, nàng thấy mắt Reilly nhắm nghiền, đầu ngoẹo xuống bất động trên phần nâng cổ của áo cứu sinh. Máu từ vết thương sâu hoắm trên trán ứa ra thành vệt, tan đi rồi lại trào ra mỗi khi nước tràn lên lau sạch vết thương.

Tess cố kéo Reilly vào xuồng nhưng nhanh chóng nhận ra đó là một việc nằm ngoài khả năng của nàng. Tệ hại hơn, nó đang hủy hoại chút sức lực ít ỏi còn lại của nàng. Chiếc xuồng đã trở thành một thứ của nợ hơn là một cứu

tinh, nó ngập đầy nước và có nguy cơ lao vào họ theo từng cơn sóng giật. Lòng trĩu nặng, Tess buông tay cầm, và ôm choàng lấy Reilly.

Nhìn chiếc xuồng cứu sinh bị cuốn đi, Tess cố nâng đầu Reilly lên trên mặt nước. Có cảm giác như thể việc này sẽ kéo dài mãi mãi, Tess lấy hết quyết tâm giữ cho mình khỏi bị ngất đi. Cơn bão chưa có dấu hiệu dịu lại, Tess biết rằng nàng phải hết sức cảnh giác, nhưng đây quả là một cuộc chiến cầm chắc cái thua. Sức lực nàng đang nhanh chóng tàn dần.

Đó là lúc Tess nhìn thấy một tấm gỗ lớn, nàng đoán là một loại tấm đậy gì đó. Tess nôn nóng lao về phía tấm gỗ, một tay vẫn ôm quàng Reilly, sau cùng, nàng cũng vươn được tay kia ra tóm lấy sợi dây thừng gắn với tấm ván. Khó nhọc và đau đớn, Tess lết người lên rồi kéo Reilly lên tấm gỗ, dùng sợi dây thừng buộc chặt hết mức có thể cả hai người vào tấm gỗ. Nàng còn móc đai áo phao của hai người vào với nhau. Dù bất kỳ chuyện gì xảy ra. Reilly và nàng sẽ không rời xa nhau nữa. Và cũng thật kỳ lạ, ý nghĩ đó lại làm dấy lên trong lòng Tess một niềm hy vọng nhỏ bé.

Cơn bão vẫn tiếp tục khoe khoang sức mạnh xung quanh nàng, Tess nhắm mắt, hít thở từng hơi thật dài, cố trấn áp những nỗi lo sợ. Dù chuyện gì xảy ra đi nữa, nàng không được phép hoảng loạn. Nàng phải tìm ra đủ sức lực cần thiết để giữ cho nàng và Reilly không tuột ra khỏi cái miếng gỗ mỏng manh này. Nhưng nàng hoàn toàn vô vọng. Tất cả những gì Tess có thể làm là ngả mình, mặc cho trời đất đưa đẩy đến đâu thì đến.

Cái bè dã chiến dường như đứng yên lại một lúc, Tess mở choàng mắt, tự hỏi không biết thời gian yên ắng này có phải là một dấu hiệu cho những điều tốt đẹp hơn sắp đến hay không. Tess không phải chờ đợi lâu trước khi sự thật hiện ra. Dựng đứng lên trước họ là một con sóng khổng lồ, so với nó, con sóng đã lật úp chiếc Savarona chỉ là một chú lùn nhỏ bé. Nó hiện ra sừng sững, bất động, gần như chế giễu nàng.

Tuyệt vọng ôm chầm lấy Reillly, Tess nhắm nghiền mắt, chờ đợi cuộc tấn công, và rồi nó đến, con sóng như một vách núi đổ sập xuống, nuốt chửng họ dễ dàng như với những chiếc lá khô.

Chương 79

Tuscany [64], tháng Giêng năm 1293

Quay lưng lại với ngọn gió rét buốt thổi xuống từ phương Bắc, Martin de Carmaux cúi thấp xuống bên cạnh đống lửa nhỏ. Tiếng gió rú rít hòa lẫn trong tiếng gầm rú của dòng thác đổ xuống những vực sâu đầy bóng tối của một khe núi hẹp. Bên cạnh Martin, ủ trong những mảnh áo choàng rách tả tơi tước đoạt của một tên Mameluke bị giết chết ở Beer el Sifsaaf mấy tháng trước đây. Hugh rên khe khẽ trong giấc ngủ chập chờn.

Trong cuộc hành trình dài trên đất liền, kể từ lúc họ dạt vào bờ sau khi chiếc Falcon Temple chìm, Martin càng lúc càng yêu mến người thủy thủ già. Ngoại trừ Aimard de Villiers, Martin chưa bao giờ gặp một người nào tận tụy và có lòng quyết tâm như vậy, đó là chưa kể đến việc Hugh chấp nhận không một lời than vãn tất cả những gian khổ xảy đến với họ. Trong những ngày dài dằng dặc và khổ cực của cuộc hành trình, người thủy thủ già đã nhận nhiều vết thương trong những cuộc chiến đấu cũng như những tai họa rơi xuống đầu họ, dù vậy, Hugh vẫn miệt mài những dặm đường khổ ải không một lời than vãn.

Ít ra là cho đến vài ngày gần đây. Mùa đông khắc nghiệt giờ đã ôm chặt lấy họ trong vòng tay chết chóc của nó, những luồng gió lạnh giá từ dãy núi chia cắt họ với nước Pháp bắt đầu tác động đến người thủy thủ đau yếu.

Vào mấy tuần đầu sau khi rời Beer el Sifsaaf, Martin đã giữ bốn người sống sót ở cùng nhau, tin rằng chừng nào họ còn ở trong tầm với của những kẻ thù Hồi giáo thì họ sẽ cần đến sức mạnh của cả bốn người. Tuy nhiên, sau khi rời lãnh thổ của người Mameluke, Martin quyết định đã đến lúc thực hiện kế hoạch của Aimard, tách thành hai nhóm, mỗi nhóm hai người. Những nguy hiểm mà họ vẫn phải đối mặt, đặc biệt là từ những băng cướp lang thang đây đó dưới những chân núi vùng Stara Planina, và còn cả hơn một ngàn năm trăm cây số phải đi trước khi đến được Venice, là hoàn toàn có thực.

Martin lập ra một kế hoạch đơn giản. Sau khi chia thành hai cặp, họ sẽ theo một lộ trình định sẵn, mỗi nhóm cách nhau nửa ngày. Bằng cách này, người đi trước có thể cảnh báo cho người đi sau bất kỳ nguy hiểm nào; và người phía sau có thể giúp giải thoát cho người dẫn đầu bất kỳ sự hãm hại nào có thể xảy ra. "Không bao giờ," anh nhấn mạnh, "được để cho những lá thư rơi vào vòng nguy hiểm. Ngay cả khi điều đó có nghĩa là phải bỏ mặc số phận của ai đó trong chúng ta."

Không ai phản đối.

Martin đã không tính đến sự khắc nghiệt của địa hình. Chặn ngang đường đi của họ là những ngọn núi và vực thẳm, những dòng sông chảy xiết và những cánh rừng rậm rạp. Họ buộc phải đi nhiều đoạn đường vòng ra ngoài con đường đã định. Sau khi tách nhóm, với anh và Hugh đi trước dẫn đường, chỉ một lần duy nhất Martin thấy được dấu hiệu của các đồng đội. Cũng đã nhiều tháng trước rồi.

Dọc đường đi, họ đã không còn ngựa do chúng hoặc bị chết hoặc phải trao đổi để lấy thực phẩm, và chuyển sang đi bộ từ nhiều tuần qua. Nhiều đêm, nằm mệt nhoài và thao thức bên đống lửa, Martin băn khoăn không biết những người kia có may mắn hơn không, liệu họ có thể tìm ra một con đường dễ dàng, an toàn hơn và đã đến Paris rồi chăng.

Nhưng nó chẳng làm thay đổi gì kế hoạch của Martin. Anh không thể bỏ cuộc. Phải tiếp tục thôi.

Lúc này đây, nhìn gương mặt say ngủ của Hugh, một ý nghĩ chán nản bỗng trỗi dậy trong lòng Martin. Anh nghĩ, không chắc gì người thủy thủ già sẽ đến được Paris cùng anh. Thời tiết mùa đông sẽ khắc nghiệt hơn, địa hình sẽ khó khăn hơn, và những cơn ho khò khè của người bạn đường càng lúc càng tệ hại hơn. Vào lúc chạng vạng chiều hôm kia, Hugh đã lên cơn sốt dữ dội, và lần đầu tiên người thủy thủ già ho ra máu. Dù không muốn chấp nhận nhưng Martin biết sắp đến lúc phải bỏ Hugh lại để tiếp tục hành trình một mình. Nhưng anh không thể để Hugh cô

đơn bất lực ở đây, giữa trùng điệp rừng núi hoang sơ này. Hugh chắc chắn sẽ chết cóng. Anh phải tìm một nơi trú ẩn, ở đâu đó, để người bạn đồng hành ở lại trước khi tiếp tục cuộc hành trình.

Hôm trước, họ thoáng thấy một thị trấn nhỏ, bên kia dãy núi. Thị trấn nằm gần một mỏ đá mà họ đã đi men qua bên ngoài, nơi họ thấy có những bóng người nhỏ bé thấp thoáng giữa những đám bụi đất và những phiến đá cẩm thạch đồ sộ. Có lẽ Martin nên tìm ai đó trong thị trấn mà anh có thể để Hugh lại nhờ người ta chăm sóc.

Khi Hugh tỉnh dậy khỏi giấc ngủ nặng nhọc, Martin nói ra những suy nghĩ của mình. Viên thuyền trưởng lắc đầu một cách dứt khoát. "Không được," ông phản đối. "Anh phải tiếp tục đi đến Pháp. Tôi sẽ cố gắng theo anh đến lúc nào không được nữa thì thôi. Chúng ta không thể tin cậy những người xa lạ này được."

Quả đúng như vậy. Dân vùng này nổi tiếng không đáng tin cậy vì những trò đổi chác mua bán, ngoài ra ở đây, ở xứ sở phương Bắc xa xôi này, những băng cướp và những tay buôn nô lệ cũng góp phần vào cái tiếng tăm không mấy tốt đẹp của khu vực này.

Bất chấp những lời phản đối của người bạn đồng hành, Martin leo xuống những tảng đá nằm dọc theo rìa thác. Một lớp tuyết mỏng đã rơi vào đêm qua, trùm lên ngọn núi một tấm chăn ma quái. Khi đi ngang qua một khe núi hẹp, Martin dừng lại nghỉ và nhận thấy một trong các tảng đá có những khe nứt giống như một cây thánh giá loe đầu, rất giống với hình thánh giá mà các Hiệp sĩ Đền Thánh dùng làm biểu tượng. Anh ngắm những khe nứt kỳ lạ kia một lát, nhìn thấy trong chúng một điềm báo đầy hy vọng. Có lẽ, rốt cuộc Hugh sẽ có được những ngày cuối cùng bình yên, thanh thản trong cái thung lũng yên tĩnh và hoang vắng này.

Khi đến thị trấn, chẳng bao lâu Martin đã đứng trước cửa nhà ông thầy lang địa phương, một người đàn ông đẫy đà có đôi mắt giàn giụa nước vì cái lạnh đang bủa vây lấy họ. Chàng Hiệp sĩ kể lại với ông ta câu chuyện mà anh vừa nghĩ ra trong lúc đi xuống thị trấn: anh và người bạn đồng hành là những du khách đến Đất Thánh.

"Bạn tôi đang bệnh và cần ông cứu giúp," Martin van nài.

Người đàn ông lớn tuổi nhìn anh với vẻ cảnh giác. Martin biết mình chắc chắn trông giống một gã cầu bơ cầu bất không một xu dính túi. "Anh có trả tiền chứ?" ông ta hỏi thẳng thừng.

"Chúng tôi còn một ít tiền," Martin gật đầu, "nhưng vẫn đủ để thanh toán tiền ăn ở vài ngày."

"Rất tốt," ánh mắt ông ta dịu lại. "Trông anh có vẻ cũng sắp quỵ đến nơi rồi. Vào nhà ăn uống một chút gì đó, và cho tôi biết anh để bạn anh ở đâu. Tôi sẽ tìm vài người giúp đưa anh ta xuống núi."

Được an ủi trước sự thay đổi thái độ đột ngột của ông thầy thuốc. Martin bước vào căn phòng trần thấp lè tè và sẵn lòng ăn một ít bánh mì và phô mai. Quả thật, anh cũng sắp quỵ ngã, lúc này thức ăn và rượu đúng là thứ thuốc bổ mà cái cơ thể tả tơi của anh nồng nhiệt tiếp nhận. Vừa ngốn ngấu ăn, Martin vừa chỉ cái chỏm núi nơi anh để Hugh lại; người đàn ông vạm vỡ ra khỏi nhà.

Khi đã vét sạch đĩa thức ăn, Martin chợt cảm thấy một cảm giác khó chịu cồn cào trong lòng. Như thể vừa bừng tỉnh, anh bước nhẹ đến bên cửa sổ, thận trọng nhô đầu nhìn ra bên ngoài. Cách chỗ con đường lầy lội bùn đất một chút, ông thầy lang đang nói chuyện với hai gã đàn ông khác, tay chỉ về phía ngôi nhà. Martin vội thụt vào sau cửa sổ. Khi Martin nhìn ra lại, gã thầy lang đã biến mất, nhưng hai gã đàn ông giờ đang đi về phía anh.

Martin cảm thấy cơ bắp trong người căng lên. Anh biết, có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc này, nhưng anh lo sợ cái nguyên nhân tồi tệ nhất. Martin thử liều nhìn ra ngoài lần nữa và thấy một trong hai tên rút ra một con dao găm to tướng.

Trong lúc nhanh nhẹn di chuyển khắp nhà tìm vũ khí, Martin nghe có tiếng thì thầm từ bên ngoài cửa sau. Bước nhẹ trên nền nhà, anh áp tai vào cánh cửa và lắng nghe. Martin thấy chiếc móc sắt trên cánh cửa nhấc lên, và anh ép sát vào tường khi cánh cửa từ từ cọt kẹt mở ra.

Ngay khi tên thứ nhất vừa thận trọng len vào, Martin vung tay tóm lấy gã đàn ông, đánh bật lưỡi dao găm khỏi tay gã rồi quăng mạnh hắn vào bức tường đá. Đồng thời, anh đá cánh cửa đập thẳng vào kẻ xâm nhập thứ hai, làm hắn ngã vật vào khung cửa gỗ. Nhanh như chớp, Martin chụp lấy cây dao găm, lao đến gã đàn ông đang sững sốt, một tay siết chặt quanh cổ, tay kia đâm lưỡi dao vào sườn hắn.

Rút lưỡi dao găm ra, để mặc thân hình tên thứ hai quỵ xuống nền đất, Martin nhanh chóng quay về nơi gã thứ nhất đang lồm cồm bò dậy. Martin nhảy đến, đá gã ngã xuống, cắm ngập lưỡi dao vào lưng.

Nhanh chóng, Martin vơ lấy bất cứ thứ thức ăn nào mà anh tìm thấy rồi nhét chúng vào một cái túi nhỏ, trong lòng nghĩ thầm đây là sự giúp đỡ tốt nhất đối với Hugh. Vọt ra khỏi cánh cửa sau, Martin rón rén vòng quanh thị trấn cho đến lúc tìm thấy con đường mòn dẫn lên núi.

Không bao lâu sau, bọn chúng đã đuổi theo Martin. Bốn, hoặc có thể là năm tên, anh phán đoán qua những giọng nói giận dữ, vang vọng khắp vùng núi rừng hoang vắng.

Những bông hoa tuyết bắt đầu rơi xuống từ bầu trời u ám khi Martin đến chỗ vách đá mà trước đó anh đã dừng lại nghỉ ngơi. Martin dừng lại, nhìn đăm đăm vào những vệt nứt đầy liên tưởng kia, hồi tưởng lại những lời dặn dò của mình với những người bạn chiến đấu trước đây vài tháng. Không bao giờ để cho lá thư của Aimard rơi vào vòng nguy hiểm. Đầu óc căng thẳng, Martin chăm chú quan sát những vệt nứt tạo thành cây thánh giá loe đầu.

Martin biết, anh không bao giờ quên được nơi này.

Sử dụng lưỡi dao găm, Martin nạy phía dưới chân tảng băng, lấy ra vài cục đá to bằng nắm tay, rồi nhét lá thư đựng trong túi vào sâu trong cái lỗ vừa mới đào rồi lấp lại bằng những viên đá, và dùng mũi giày nện lên chúng. Sau đó, anh tiếp tục leo lên, không buồn che dấu chân của mình.

Chẳng bao lâu, tiếng hò hét của những gã đàn ông phía sau anh giảm dần trong tiếng đổ ầm ầm đều đặn của dòng thác. Nhưng khi đến địa điểm cắm trại, Martin không thấy dấu vết của Hugh. Ngoái lui, anh thấy những kẻ săn đuổi mình, giờ hiện ra rõ ràng. Năm tên tất cả. Đứng sau cùng là tên thầy thuốc phản trắc.

Chụp lấy thanh đao, Martin men dần về phía rìa sườn núi, nơi dòng thác đổ xuống. Chính ở đây, Martin quyết định, là vị trí mà anh sẽ chống trả lại chúng.

Tên đầu tiên, ít tuổi và khỏe hơn những gã kia, đứng trước cả bọn một đoạn, cầm một cây chĩa dài, nhào đến. Martin ngả về phía sau, tạt ngang thanh đao, chém đứt cán cây chĩa như chém một cọng rơm. Gã chúi về phía trước, nhưng vẫn nhanh nhẹn xoay lại. Martin hạ thấp người xuống, chúc vai vào bụng gã đàn ông, nhấc bổng gã lên và ném xuống vực thẳm bên dưới dòng thác.

Tiếng thét của gã đàn ông kia vẫn còn vang vọng trong tai Martin khi hai tên khác xông lên. Dù lớn tuổi và có vẻ nhát gan hơn, nhưng hai tên này được trang bị tốt hơn. Tên thứ nhất mang một thanh gươm ngắn và huơ huơ nó trong không trung phía trước Martin. Đối với một hiệp sĩ được huấn luyện bài bản như Martin thì việc này chẳng khác gì đùa giỡn với một đứa trẻ. Một cú gạt đơn giản rồi một cái giật ngược lên trên, thanh gươm của gã biến mất dưới dòng thác. Bằng cú quật ngược trở lại, Martin xả thanh đao vào vai, gần chém đứt lìa cánh tay gã. Anh lách qua một bên để tránh đòn tấn công của tên thứ ba, đồng thời xoạc chân ngáng chân gã. Gã đàn ông khuỵu xuống, Martin nện thẳng chuôi đao xuống, đập đầu gã xuống đất. Rồi anh trở ngược thanh đao và bằng một nhát tạt ngang như nhát chém của đao phủ chẻ dọc thân hình gã từ xương sống lên đến tận cổ.

Nhìn xuống phía dưới, Martin thấy gã thầy lang bỏ chạy ngược về phía con đường hắn đã đến, và, đột nhiên anh cảm thấy đau nhói ở lưng. Martin quay lại, cái gã bị anh đánh văng mất gươm đã đứng dậy, tay run run cầm cây chĩa của tên đầu tiên. Máu nhỏ từng giọt từ những cái răng chĩa. Martin loạng choạng chúi về phía trước, cơn đau nhói trong lưng khiến anh thở hổn hển. Thu hết tàn lực, Martin vung một nhát gươm về phía trước, xé toạc cổ họng tên đánh lén.

Martin đứng bất động một lúc lâu, sự mệt mỏi như một tấm vải liệm dày cộp trùm kín người anh, rồi bên trên tiếng nước chảy ầm ầm như sấm, anh nghe thấy một âm thanh và quay người lại, thở hổn hển đầy đau đớn. Kẻ săn đuổi cuối cùng đang xông về phía anh, tay cầm chặt một thanh gươm cũ và gỉ sét. Martin không thể phản ứng kịp, nhưng trước khi gã chạm đến được người anh, Hugh lảo đảo bước ra khỏi một bụi cây. Tên kia nhìn thấy Hugh, hắn quay khỏi Martin, cầm chặt thanh gươm bằng cả hai tay, rồi vung thẳng lưỡi gươm vào thân hình người thủy thủ già.

Máu ứa ra từ miệng Hugh, nhưng không hiểu vì sao. Hugh không chỉ vẫn đứng thẳng được mà còn loạng choạng bước về phía trước, đẩy lưỡi gươm thọc sâu hơn vào lồng ngực mình, trong khi ông vòng tay ôm chặt lấy kẻ tấn công đang kinh ngạc. Từ từ và đau đớn, Hugh cứ đẩy tới, đẩy tên kia lùi về phía sau, từng bước một, không hề nới lỏng vòng tay cứng như gọng kìm mặc dù gã đàn ông kia cố vùng vẫy để thoát ra, cho đến khi cả hai đến sát mép

cái khe núi nhìn xuống dòng thác. Gã kia đoán biết được điều gì sắp xảy ra nên càng la hét, vùng vẫy dữ dội trong vòng tay Hugh.

Trong khoảnh khắc đó, như quên mất số phận của mình, Martin nhìn lên nơi Hugh đang đứng vững vàng bên mép ngọn thác, gã đàn ông kia vùng vẫy vô vọng trong vòng tay xiết chặt. Ánh mắt Martin bắt gặp ánh mắt Hugh, anh nhìn thấy cái gì đó như nụ cười mở rộng trên môi người thủy thủ già, và với cái gật đầu tỏ tình thân thiện cuối cùng, vị thuyền trưởng của chiếc Falcon Temple bước ra khỏi mép vực, đưa gã đàn ông đang vùng vẫy kia và bản thân mình vào cõi vĩnh hằng.

Một cú đánh bất ngờ và thô bạo vào gáy làm Martin cảm thấy một cơn buồn nôn trào lên trong cổ họng. Quay cuồng vì đau đớn, và trước khi ngất đi, anh còn kịp nhận ra khuôn mặt lờ mờ của gã thầy lang đứng ở phía trên, hòn đá trong tay hắn.

“Một kẻ mạnh khỏe như ngươi sẽ bán rất được giá ở mỏ đá, và cũng cảm ơn ngươi, ta chẳng phải chia chác gì với ai khác,” gã thầy lang nhếch mép châm chọc. “Và có lẽ ngươi cũng muốn biết là một vài kẻ mà ngươi giết hôm nay là họ hàng của mấy tay đốc công ở mỏ đá đấy.”

Gã thầy lang giơ cao hòn đá và Martin biết rằng anh không thể làm gì để tránh được cú đánh tiếp theo, để không bị bắt giữ rồi chịu cảnh nô lệ, để lấy lại lá thư, và tiếp tục cuộc hành trình đến Paris. Anh nằm đó, trên nền tuyết trắng, những hình ảnh của Aimard de Villiers và William de Beaujeu lướt vào tâm trí trước khi hòn đá đập xuống, và khuôn mặt của họ biến mất, chỉ còn lại một màu đen.

.....

[64] Tuscany: vùng miền Bắc nước Ý, thủ phủ là thành phố Florence, trung tâm văn hóa của thời kỳ Phục Hưng.

Chương 80

Tiếng sấm nổ rền liên tục đổ xuống kéo Tess ra khỏi giấc ngủ. Nàng thức dậy, nhưng vẫn nửa tỉnh nửa mê, không biết mình đang ở đâu. Tess có thể cảm nhận cơn mưa đang trút xuống sau gáy. Toàn thân đau nhức, tưởng chừng nàng đã bị một con voi giày xéo. Khi những giác quan dần hồi phục, Tess nghe tiếng gió rú rít và tiếng sóng đập ầm ầm xung quanh, nàng cảm thấy lo sợ. Điều cuối cùng Tess nhớ lại là một bức tường nước sắp sửa chôn vùi nàng. Toàn thân tê cóng vì nỗi kinh hoàng trào dâng trong người lúc nàng băn khoăn không biết phải chăng nàng vẫn đang lênh đênh ngoài biển cả, bị thất lạc trong cơn bão, bị những con sóng vùi dập, nhưng... có cái gì đó không đúng. Tess cảm thấy hoàn toàn khác hẳn. Và rồi nàng nhận ra tại sao như vậy.

Nàng đang ở yên một chỗ. Đang ở trên đất liền.

Nỗi kinh hoàng nhường chỗ cho sự khuây khỏa, Tess thử mở mắt, nhưng chúng nhói lên dữ dội, nàng nhanh chóng quyết định là sẽ làm từ từ. Những hình ảnh xung quanh đều lờ mờ, nhạt nhòa. Tess hoảng loạn một lát trước khi kịp nhận ra có cái gì đó che khuất tầm nhìn của nàng. Mò mẫm bằng những ngón tay run rẩy, Tess vén mớ tóc ướt rối bù trên mặt và đưa tay sờ nhẹ lên mi mắt. Cả hai mắt sưng phù, đôi môi cũng vậy. Nàng thử nuốt nước miếng, nhưng không thể. Tess có cảm tưởng như có một quả bóng đầy gai nhọn mắc kẹt trong cổ họng. Nàng cần nước, một loại nước không có vị mặn chát.

Dần dần, những hình ảnh lờ mờ cũng hiện ra rõ ràng hơn. Bầu trời vẫn xám xịt, nhưng Tess có thể cảm nhận được mặt trời đang hiện lên phía sau nàng, và qua tiếng sóng vỗ Tess có thể phán đoán được biển nằm hướng nào. Nàng cố ngồi dậy, nhưng cánh tay kia dính chặt vào một cái gì đó, không cử động được. Tess thử kéo cánh tay đó ra, một cơn đau nhói lan khắp toàn thân. Vươn cánh tay còn lại ra sờ soạng, Tess thấy cánh tay kia bị buộc vào một sợi dây thừng và chính sợi dây thừng ấy đã cứa vào da thịt nàng. Nằm xuống trở lại, Tess nhớ ra nàng đã tự buộc mình vào Reilly vào một tấm nắp đậy bằng gỗ.

Reilly. Reilly đâu rồi?

Tess chợt nhận ra Reilly không có bên cạnh nàng trên tấm gỗ, và nỗi kinh hoàng lại bùng lên. Nàng ngồi dậy, vật lộn để gỡ cánh tay ra và cuối cùng rút được nó ra khỏi sợi thừng. Tess quỳ lên và từ từ đứng dậy, xem xét xung quanh. Một bãi cát trải dài và nhấp nhô lên xuống dọc theo bờ biển, băng qua hai mỏm đá ở hai đầu. Tess do dự bước vài bước, quan sát bãi biển hoang vắng không một bóng người bằng đôi mắt nửa nhắm nửa mở, nhưng nàng không thấy gì cả. Tess muốn kêu to lên tên Reilly, nhưng cổ họng rát bỏng không cho phép nàng làm điều đó. Và rồi nàng chợt cảm thấy một cơn buồn nôn và mê sảng kéo tới. Tess hơi lảo đảo, rồi ngã khuỵu xuống, cảm thấy chút sức lực mỏng manh còn lại trượt đi. Tess muốn khóc, nhưng chẳng có giọt nước mắt nào.

Không còn chút sức lực, nàng ngã xoài ra trên cát, bất tỉnh.

Khi Tess tỉnh lại, mọi thứ khác hẳn. Đầu tiên là xung quanh hoàn toàn yên lặng. Không có tiếng gió rú rít. Không còn tiếng sóng gầm thét. Dù vẫn có tiếng mưa rơi đâu đó, nhưng sự yên ả như thiên đường đang vây bọc xung quanh nàng. Và rồi nào là gối, chăn, nệm, ga trải giường... Không phải là một tấm ván, cũng không phải là một cái gối cát. Đây là một cái giường, một cái giường thực sự.

Tess nuốt nước miếng và nhận ra ngay cảm giác dễ chịu hơn trong cổ họng, nhìn quanh, nàng hiểu được vì sao. Lù lù phía trên là một bình truyền dịch, mắc lủng lẳng vào một giá sắt mạ chrom đặt cạnh giường, sợi dây truyền ngoằn ngoèo chạy xuống cánh tay nàng, Tess đảo mắt nhìn quanh. Nàng đang ở trong một căn phòng nhỏ, bài trí đồ đạc đơn giản. Bên cạnh giường là một ghế gỗ mộc mạc và một bàn nhỏ kê sát tường. Trên bàn có một bình nước nhỏ và chiếc ly, đặt trên tấm lót bằng vải ren trắng mà các mép đã khá sờn. Những bức tường quét vôi trắng và không trang trí gì cả, ngoại trừ một thánh giá nhỏ, bằng gỗ trên bức tường cạnh nàng.

Tess cố ngồi dậy, nhưng đầu nàng vẫn còn cảm giác bồng bềnh. Chiếc giường kêu cọt kẹt dưới sức nặng lúc nàng nhúc nhích, âm thanh đó vang vọng ra khỏi phòng. Tess nghe có tiếng bước chân và những tiếng nói ngắt quãng,

giọng phụ nữ, khẩn trương, và rồi một người phụ nữ xuất hiện, mỉm cười nhìn nàng với vẻ lo lắng. Đó là một phụ nữ to béo, khoảng gần năm mươi, có làm da màu ôliu, mái tóc nâu xoăn buộc lại dưới cái khăn quàng màu trắng in những cánh hoa nhiều màu sặc sỡ. Đôi mắt bà ta toát lên sự thân thiện và ấm áp.

“Doxa to Theo. Pos esthaneste?”

Trước khi Tess kịp trả lời, một người đàn ông chạy vội vào, lộ vẻ vui mừng khi nhìn thấy nàng. Ông ta mang một cặp kính gọng kim loại, da rám nắng màu đồng, tóc từng đốm màu lông chuột trông như một lớp men sứ màu đen. Người đàn ông liến thoắng trao đổi với người phụ nữ, cũng bằng thứ tiếng xa lạ kia rồi mỉm cười, quay qua hỏi nàng cái gì đó mà nàng không hiểu được.

“Xin lỗi,” nàng lầm bầm, giọng run run. Tess hắng giọng. “Tôi không hiểu...”

Người đàn ông có vẻ lúng túng, trao cái nhìn đầy vẻ trêu ghẹo cho người phụ nữ rồi quay sang Tess. “Xin lỗi, tôi nghĩ cô là – cô là người Mỹ?” ông ta hỏi bằng một giọng Anh nặng trịch trong khi đưa tay ra trao cho nàng ly nước.

Tess nhấp một ngụm và gật đầu. “Vâng.”

“Chuyện gì xảy ra với cô vậy?”

Tess tìm từ giải thích. “Tôi đang ở trên một chiếc tàu, chúng tôi gặp một cơn bão, và...” Nàng bỏ lửng câu nói. Tess cố nhớ lại những gì đã xảy ra, và những câu hỏi lại chợt nảy ra “Tôi đang ở đâu? Làm sao tôi đến đây được?”

Người đàn ông cúi xuống, sờ lên trán nàng và nói. “Tên tôi là Costa Mavromaras. Tôi là bác sĩ địa phương này, và đây là Eleni, vợ tôi. Vài ngư dân tìm thấy cô trên bãi biển ở Marathounda và đã đưa cô đến đây.”

Những cái tên và giọng nói vẫn làm Tess mù mờ, chưa hiểu. “Đây là... đâu?”

Mavromaras mỉm cười, trả lời vẻ đùa cợt. “Nhà chúng tôi. Ở Yialos.”

Vẻ mặt Tess chắc hẳn vẫn còn đầy bối rối, bởi trán ông bác sĩ hằn lên những nếp nhăn, phản chiếu lại vẻ mặt nàng. “Yialos, ở Symi,” ông ta giải thích, chợt ngưng lại rồi hỏi nàng. “Vậy cô cho là mình đang ở đâu?”

Tâm trí Tess vẫn mù mờ.

Symi?

Nàng làm cái quái quỷ gì trên một hòn đảo Hy Lạp? Những câu hỏi ùa đến, tràn ngập tâm trí. Tess biết Symi thuộc về quần thể Mười Hai Đảo của Hy Lạp, đâu đó gần bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng nàng muốn biết chính xác nó ở đâu và làm sao nàng lại ở đây. Tess muốn biết hôm nay là ngày bao nhiêu, đã bao lâu kể từ khi cơn bão hạ gục chiếc Savarona, nàng đã trôi dạt trên biển bao lâu – nhưng tất cả những điều đó có thể gác lại. Còn một điều khác mà Tess nôn nóng muốn biết.

“Còn một người đàn ông cùng đi với tôi,” Tess hỏi, giọng run run, nghẹn ngào. “Các ngư dân có tìm thấy ai nữa không...?” Nàng ngưng lại khi nhìn thấy vẻ mặt ông bác sĩ tỏ ra thận trọng và càng lo lắng hơn khi ông ta liếc nhìn bà vợ. Ông ta nhìn nàng rồi gật đầu, và vẻ buồn rầu rõ ràng trên nét mặt ông ta làm Tess cảm thấy đau nhói trong lòng.

“Vâng, họ cũng tìm thấy một người nữa, trên cùng một bãi biển với cô, nhưng tôi e rằng tình trạng của anh ta trầm trọng hơn cô một chút.”

Tess đã bỏ cả hai chân xuống khỏi giường.

“Tôi cần phải gặp anh ấy,” nàng nài nỉ. “Xin ông đấy!”

Đôi chân Tess, vốn đã yếu và chỉ có thể giúp nàng đi một đoạn ngắn từ hành lang đến căn phòng kế cận, gần như khuỵu xuống khi nàng nhìn thấy Reilly. Đỉnh đầu Reilly quấn chặt trong một lớp băng to đùng nhưng không có vết máu. Một vết bầm vừa đen vừa vàng trên má và quanh mắt trái, hai mí mắt nhắm nghiền và sưng phồng. Môi nứt

nẻ, thâm tím. Một bình dung dịch với dây truyền tĩnh mạch chạy ngoằn ngoèo trên cánh tay, mặt nạ thở úp trên mặt Reilly, chiếc máy bơm khí kêu ro ro bên cạnh. Tệ hại nhất là màu da của Reilly. Xanh lè, tái nhợt chết chóc.

Tess cảm thấy dòng nước mắt chảy ngược vào trong lúc Mavromaras giúp nàng ngồi vào chiếc ghế đặt cạnh giường Reilly. Bên ngoài, trời đã tạnh mưa. Ông bác sĩ giải thích, các ngư dân tìm thấy hai người khi đang đi kiểm tra tàu bè của họ ở mạn Đông hòn đảo. Trong lúc thời tiết vẫn còn rất tồi tệ, bất chấp những con đường chìm ngập trong nước mưa, họ đưa ngay cả hai trở về thị trấn và đến phòng khám của ông ta.

Đã hai ngày rồi.

Tình trạng của Tess không làm ông bác sĩ thực sự lo lắng lắm, bởi mạch của nàng phản ứng ngay với dung dịch truyền tĩnh mạch, dù không nhớ ra nhưng nàng đã rơi vào tình trạng lúc tỉnh lúc mê trong suốt quãng thời gian đó. Tuy nhiên, tình trạng của Reilly thì tồi tệ hơn. Anh đã mất quá nhiều máu, phổi cũng yếu nhưng không trầm trọng lắm. Cú đánh vào đầu rõ ràng mới là vấn đề chính. Mavromaras không nghĩ là cú đánh đó làm nứt sọ anh, dù ông không thể nói chắc bởi chẳng có máy chụp X-quang nào trên đảo cả. Nhưng dù gì đi nữa, Reilly đã bị một chấn thương nghiêm trọng ở đầu, và vẫn chưa hồi tỉnh kể từ lúc anh được tìm thấy trong tình trạng gần như chết đuối trên bờ biển.

Tess cảm thấy mặt nàng cắt không còn chút máu nào. “Ông nói gì vậy?”

“Những dấu hiệu hồi sinh đã rõ ràng và ổn định, huyết áp tốt hơn, hơi thở còn yếu nhưng ít ra là anh ta đã tự thở được, không cần phải trợ giúp nữa – máy thở vẫn duy trì ở đó chỉ để giữ anh ta đừng thở quá nhanh, và để đảm bảo não được cung cấp đầy đủ máu trong khi anh ta vẫn còn bất tỉnh. Ngoài ra...”

Mặt nàng như tối sầm lại khi cố xua đi cái ý nghĩ kinh hoàng. “Bác sĩ cho rằng anh ấy bị hôn mê?”

Mavromaras nhìn Tess, vẻ buồn bã, “Đúng.”

“Ông có đủ mọi phương tiện cần thiết để chữa trị cho anh ấy ở đây chứ? Ý tôi là, sao chúng ta không chuyển anh ấy vào bệnh viện?”

“Đây là một hòn đảo nhỏ, tôi e rằng chúng ta không có bệnh viện ở đây. Bệnh viện gần nhất ở trên đảo Rodos – tức đảo Rhodes. Tôi đã liên lạc với họ, nhưng không may là chiếc trực thăng cứu thương bị hỏng ba ngày trước, khi cố gắng đáp xuống trong cơn bão, và họ đang chờ một số phụ tùng gửi đến từ Athens để sửa chữa. Hơn nữa, trực thăng cũng không thể bay đến đây vì vẫn còn bão. Người ta hy vọng thời tiết sẽ tốt hơn vào ngày mai, nhưng cũng xin nói thẳng với cô, tôi không chắc việc chuyển anh ấy đi là một ý kiến hay, vả lại, ở đó anh ấy cũng chẳng khá hơn chút nào đâu, người ta cũng không thể làm gì hơn là nối anh ấy một vài thứ màn hình tối tân mà chúng ta không có ở đây thôi.”

Tess cảm thấy màn sương mù bao trùm căn phòng trở nên dày hơn. “Bác sĩ không thể làm gì hơn sao?” nàng lắp bắp.

“Tôi sợ rằng không thể, không thể làm gì khác với tình trạng hôn mê. Tôi chỉ có thể theo dõi huyết áp, nồng độ dưỡng khí trong máu, nhưng không có cách nào,” ông ta dừng lại, như để tìm lời thích hợp. “đánh thức một người đang hôn mê. Chúng ta chỉ có thể chờ đợi thôi.”

Nàng gần như là e sợ khi phải đưa ra một câu hỏi. Nhưng rốt cuộc nàng cũng thốt lên. “Phải bao lâu?”

Ông bác sĩ xòe tay ra, tỏ ý không chắc chắn. “Có thể chỉ vài giờ, vài ngày, hoặc hàng tuần... Thực sự không có cách nào để biết được...” Ông ta bỏ lửng câu nói, ánh mắt như nói thay cho câu nói dở dang. Đó rõ ràng không chỉ là vấn đề “bao giờ”.

Tess gật đầu, thầm biết ơn ông ta đã không nói thành lời cái khả năng khủng khiếp đã hiện ra và ngự trị chắc chắn trong đầu óc nàng, ngay giây phút nàng bước chân vào căn phòng này.

Chương 81

Tess cứ chạy qua chạy lại giữa phòng nàng và phòng Reilly suốt cả ngày hôm đó, lo lắng nhìn vào và lần nào cũng thấy Eleni ở đó. Bà y tá luôn dịu dàng đưa nàng trở lại giường, và bằng thứ tiếng Anh sai bét nhè, luôn miệng an ủi Tess là Reilly sẽ khỏe trở lại thôi.

Tess đã kể lại với ông bác sĩ và bà vợ câu chuyện khác đi một chút về những biến cố đã đưa đẩy Reilly và nàng đến hòn đảo này, loại bỏ bất kỳ chi tiết nào nhắc đến lý do họ lênh đênh ngoài đó hoặc con tàu vũ trang Thổ Nhĩ Kỳ đã nã súng vào họ. Tess cẩn thận đề cập đến việc còn có những người khác trên chiếc thuyền lặn, để phòng khi có ai đó được tìm thấy, dù sống hay chết, nhưng Mavromaras buồn bã báo cho nàng biết là dù có vài mảnh vụn, được cho là của chiếc thuyền lặn, trôi dạt vào đảo, nhưng ông ta không nghe nói có người nào khác sống sót, hoặc là tìm thấy những thi thể nào.

Tess đã điện thoại về Arizona, gọi thẳng về nhà dì nàng để gặp Kim và mẹ nàng, bà Eileen, cả hai đều lo lắng vì đã nhiều ngày không có tin tức của nàng. Nỗi ngạc nhiên của họ có thể cảm nhận rất rõ ràng dù đường dây điện thoại bị vọng âm, kêu lạo xạo, khi nghe Tess nói là đang ở trên một hòn đảo nhỏ xíu của Hy Lạp. Tess thận trọng không nói tên hòn đảo, và sau đó nàng tự hỏi vì sao nàng lại phải làm vậy trước khi nhận ra rằng nàng chưa sẵn sàng đối mặt với thế giới bên ngoài và những câu hỏi của nó. Sau khi gác máy, Tess nghĩ nàng đã làm một việc hợp lý nhằm xoa dịu những lo lắng của mẹ nàng và con gái về sự an toàn của mình, Tess nói với họ là chỉ đang tìm kiếm cơ hội làm việc tình cờ trong khu vực này và sẽ sớm liên lạc với họ.

Lúc chạng vạng, hai phụ nữ địa phương xuất hiện tại nhà vị bác sĩ và được dẫn vào phòng Tess. Dù cả hai chỉ lõm bõm được vài câu tiếng Anh, nhưng rốt cuộc Tess cũng hiểu được họ là vợ của những ngư dân đã tìm thấy nàng trên bờ biển. Họ mang đến cho nàng vài bộ quần áo; hai cái quần vải, một cái váy ngủ, hai áo choàng trắng, một áo len đan tay dày dặn mà Tess thích thú mặc vào ngay. Hai người cũng mang đến một cái nồi bằng đất sét chứa đầy món giouvetsi vẫn còn nóng hổi, bà Eleni giải thích đó là món thịt cừu hầm với mì ống. Tess cắm đầu cắm cổ vào món ăn với vẻ biết ơn, và ngạc nhiên khi thấy mình ngốn được cả một đĩa to tướng và cảm thấy món ăn mới này hoàn toàn hợp khẩu vị nàng.

Được một lát, sau khi tắm rửa bằng nước nóng Tess cảm thấy hoàn toàn thoải mái, Mavromaras đã thay băng ở cánh tay cho nàng, vết bầm thâm tím do sợi dây thừng gây ra hiện rõ mồn một trước mắt nàng như thể nó sẽ đồng hành với nàng suốt đời. Rồi sau đó, bất chấp sự phản đối nhẹ nhàng của các vị chủ nhà, Tess ngồi bên cạnh giường Reilly suốt thời gian còn lại đêm đó, mặc dù nàng cảm thấy rất khó nói chuyện với anh theo cái cách mà nàng biết là những người khác vẫn làm đối với người thân đang bị hôn mê của họ. Tess băn khoăn không biết điều này có thực sự giúp được anh hay không, và nàng cũng không chắc là sau những chuyện đã xảy ra, giọng nói của nàng có còn là giọng nói mà Reilly muốn nghe nhất. Tess tự trách bản thân vì những gì cả hai đã trải qua, và mặc dù có quá nhiều chuyện muốn kể lại với Reilly, nhưng nàng chỉ muốn kể khi anh ở trong tình trạng có thể phản ứng lại những gì nàng nói, dù tán thưởng hay không. Tess không muốn ép anh phải nghe nàng lúc anh trong trường hợp tốt nhất, là người nghe bất đắc dĩ, và trường hợp xấu nhất là chẳng nghe thấy gì cả.

Gần nửa đêm, rốt cuộc không thể chống cự lại sự mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần, Tess trở về phòng mình. Nàng ngủ thiếp đi một cách dễ dàng, đầu rúc vào giữa hai chiếc gối bốc mùi ẩm mốc.

Sáng hôm sau, Tess cảm thấy khá khỏe, đủ để mạo hiểm ra khỏi nhà và dạo quanh cho bớt cảm giác tê cứng. Gió vẫn còn thổi mạnh dù mưa đã ngớt, và nàng cảm thấy một cuộc đi dạo ngắn sẽ rất tốt cho mình.

Tess mặc quần áo và nhìn vào phòng Reilly. Eleni đã ở đó nhưng thường lệ, đang nhẹ nhàng xoa bóp hai chân cho anh. Sau đó, Mavromaras xuất hiện để kiểm tra tình hình. Tình trạng của Reilly ổn định, ông ta nói với Tess, nhưng không có tiến triển nào nào đáng kể. Ông bác sĩ giải thích là trong những tình trạng như thế này, sự tiến triển cũng không diễn ra từ từ. Thông thường, sự bình phục thường xảy ra rất bất chợt. Reilly sẽ bất tỉnh một khoảng thời gian, và nếu hết bị hôn mê, đơn giản là anh ấy sẽ tỉnh lại, chẳng có bất kỳ triệu chứng tâm sinh lý nào báo trước.

Mavromaras phải đi khám cho một bệnh nhân khác ở bên kia đảo, ông bác sĩ bảo sẽ trở về trong vòng vài giờ đồng hồ. Tess đề nghị tiễn ông ta ra xe.

“Dịch vụ cứu thương hàng không ở Rodos đã gọi tôi sáng nay,” ông ta nói với Tess lúc cả hai bước ra khỏi nhà. “Họ sẽ bay được vào ngày mai.”

Mặc dù trước đây nàng nóng lòng muốn đưa Sean vào một bệnh viện đúng nghĩa, nhưng giờ nàng không còn chắc là mình muốn vậy nữa. “Tôi đã suy nghĩ về những gì ông nói. Ông có thực sự nghĩ là chúng ta cần đưa anh ấy đến đó?”

Nụ cười nhân hậu thoáng hiện trên mặt vị bác sĩ, ông ta trả lời, “Thành thật mà nói, tuỳ nơi cô thôi. Đó là một bệnh viện rất tốt và tôi cũng quen với người phụ trách ở đó, họ sẽ chăm sóc anh ấy cẩn thận, tôi có thể cam đoan với cô như vậy.” Vẻ hoang mang chắc hẳn hiện rõ trên mặt Tess, vì ông ta lại nói tiếp. “Bây giờ chúng ta chưa cần quyết định vội. Hãy chờ xem tình trạng anh ấy sáng nay như thế nào đã, lúc đó chúng ta sẽ quyết định.”

Họ băng qua đường, vòng ra tránh hai vũng nước to tướng, đến bên một chiếc Peugeor cũ kỹ, hơi gỉ sét. Mavromaras mở cửa xe, Tess để ý thấy cửa xe không khoá.

Tess đảo mắt nhìn lên nhìn xuống suốt con phố hẹp. Ngay cả trong lúc trời mây u ám như thế này, thị trấn trông vẫn rất hấp dẫn. Những dãy nhà gọn ghẽ, kiến trúc nửa cổ nửa tân sơn các màu ấm và nhạt nối tiếp nhau, chễm chệ dọc sườn núi dốc đứng xuống tận bến cảng nhỏ bên dưới. Nhiều nhà có đầu hồi hình tam giác, mái ngói đỏ với một phong cách đồng nhất tinh tế, dễ chịu. Nước chảy tràn ngập các rãnh nước hai bên đường, đổ xuống những bậc dốc đứng chia cắt ngọn núi thành nhiều tầng bậc khác nhau. Ở bên trên, bầu trời thâm tím dường như vẫn sẵn sàng một cuộc tấn công ác liệt khác.

“Cơn bão khủng khiếp thật,” Tess nhận xét.

Mavromaras nhìn lên những đám mây, gật đầu. “Khủng khiếp hơn bất cứ cơn bão nào mà người ra còn nhớ được, thậm chí là những người già nhất trong thị trấn. Và đặc biệt là vào thời điểm này trong năm..."

Tess hình dung lại cơn bão đã đánh đắm con tàu Falcon Temple những năm xa xưa đó, rồi gần như tự nói với chính mình, nàng thì thầm, "Một hành động của Thượng đế.”

Ông bác sĩ nhướn mày, vẻ tò mò ngạc nhiên trước lời bình luận. “Có thể. Nhưng nếu cô muốn suy nghĩ theo chiều hướng đó, hãy nghĩ về nó như là một phép lạ thì hơn.”

“Một phép lạ?”

“Tất nhiên. Một phép lạ mà cô và bạn cô bị dạt vào hòn đảo của chúng tôi. Ngoài kia là biển cả bao la. Chỉ cần nhích lên phía Bắc một chút nữa, cô sẽ dạt vào bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, và trong khu vực đó, chỉ toàn đá và hoàn toàn không có người ở. Tất cả các thị trấn đều nằm ở phía bên kia bán đảo. Nếu xa hơn một chút về phía Nam, cô sẽ trệch khỏi hòn đảo này và lọt vào biển Egé rồi …” Ông ta lại nhướn hàng lông mày, gật gù ra vẻ hiểu biết, bỏ lửng câu nói lại cho nàng tự hoàn thành rồi nhún vai, quẳng túi thuốc vào ghế sau. “Tôi đi đây. Chiều tôi sẽ về.”

Tess không muốn ông bác sĩ bỏ đi ngay lúc đó. Sự hiện diện của ông ta có điều gì đó mang lại cảm giác yên tâm hơn. “Tôi không làm được gì giúp anh ấy sao?”

“Anh bạn cô đang được chăm sóc tốt. Vợ tôi là một y tá tuyệt vời và dù ở đây chẳng có gì giống như những bệnh viện mà cô vốn quen thuộc ở Mỹ, nhưng cứ tin tôi khi tôi bảo với cô là tôi có rất nhiều kinh nghiệm xử lý tất cả các chấn thương. Ngay cả trên những hòn đảo nhỏ như thế này, người ta vẫn bị thương.” Ông ta dừng lại, suy nghĩ một lúc về điều đó trong khi quan sát nàng, rồi nói tiếp, “Cô đã nói chuyện với anh ấy chưa?”

Tess sửng sốt vì câu hỏi, “Nói chuyện với anh ấy?”

“Cô nên làm như vậy. Nói chuyện với anh ấy. Khơi gợi lại những ký ức, truyền cho anh ấy sức mạnh.” Giọng ông bác sĩ gần như giọng của một người cha, rồi ông ta mỉm cười, khẽ lắc đầu. “Hẳn cô nghĩ là cô đã gặp phải một ông lang vườn nào đấy. Nhưng tôi cam đoan với cô không phải vậy. Nhiều công trình nghiên cứu của các bác sĩ nổi tiếng đều ủng hộ ý tưởng đó. Đơn giản là vì anh ấy bị hôn mê không có nghĩa là anh ấy không nghe được. Nó chỉ có nghĩa là anh ấy… chưa thể phản ứng lại.” Ông ta lại dừng lại, đôi mắt ngời lên vẻ hy vọng và sự thông cảm. “Nói chuyện với anh ấy… và nguyện cầu điều tốt lành nhất.”

Tess buột ra một tiếng cười khúc khích rồi nhìn lảng đi đầy buồn bã. “Tôi lại không giỏi làm việc đó lắm.”

Mavromaras không có vẻ như bị thuyết phục. “Bằng cách của riêng mình, dù cô không nhận ra nhưng thực sự cô đang cầu nguyện. Cô cầu nguyện cho anh ấy bằng cách mong ước anh ấy bình phục. Đã có rất nhiều lời nguyện cầu được nói ra vì anh ấy.” Ông bác sĩ chỉ tay về bên kia đường hướng về phía một nhà thờ nhỏ, một số đi ra một số lại đi vào. “Nhiều người trên hòn đảo này kiếm sống nhờ biển cả. Trong cái đêm cơn bão nổi lên, có bốn chiếc thuyền đánh cá đang ở ngoài khơi. Gia đình họ đã cầu nguyện Chúa và Tổng Thiên Thần Michael, thần hộ mạng của những người đi biển, cầu xin họ được trở về bình an và những lời cầu nguyện đó đã được đáp lại. Tất cả cuối cùng đã trở về với chúng tôi bình yên vô sự. Bây giờ, đang có thêm nhiều lời cầu nguyện, những lời cầu nguyện cảm tạ. Và những lời nguyện cầu cho bạn cô bình phục.”

“Tất cả mọi người đều cầu nguyện cho sự hồi phục của anh ấy sao?”

Ông bác sĩ gật đầu. “Vâng, tất cả chúng tôi”.

“Nhưng thậm chí ông còn không quen biết anh ấy.”

“Đâu có sao. Biển cả đã đưa anh ấy đến đây với chúng tôi, và bổn phận của chúng tôi là chăm sóc anh ấy khỏe mạnh trở lại để anh ấy có thể tiếp tục cuộc sống của mình.” Ông ta leo vào xe. “Giờ tôi thực sự phải đi rồi.” Và với cái vẫy tay khẽ và cái nháy mắt đầy chia sẻ, ông bác sĩ lái xe đi, băng qua những vũng nước mưa lầy bùn và khuất dạng dưới chân núi.

Tess đứng lặng yên một lúc lâu, nhìn theo ông bác sĩ. Nàng quay lại căn nhà rồi lưỡng lự dừng lại. Tess không thể nhớ ra lần sau cùng mình ở trong một nhà nguyện hoặc nhà thờ hoặc tòa nhà tôn giáo nào đó là khi nào, ngoại trừ vì công việc và dĩ nhiên, ngoại trừ cả quãng thời gian ngắn ngủi trong tàn tích còn lại của ngôi nhà thờ bị cháy rụi ở Manhattan. Lội lõm bõm qua con đường sũng nước, băng qua khoảng sân nhỏ rải sỏi, Tess đẩy cánh cửa và bước vào.

Một nửa nhà nguyện kín chỗ, với những con người đang nghiêm trang cầu nguyện, họ ngồi tụm lại với nhau, trên những chiếc ghế dài cũ kỹ và bị mài mòn trơn nhẵn qua bao năm tháng sử dụng. Tess đứng ở phía sau, nhìn quanh quan sát. Căn nhà nguyện rất đơn sơ, bức tường quét vôi trắng treo đầy những bức bích họa thế kỷ mười tám, lung linh dưới ánh sáng của những ngọn nến. Rào quanh nhà nguyện, nàng chú ý đến một hốc tường có các bức tượng Thánh Gabriel và Michael làm bằng bạc có nạm những đá quý. Bị cuốn đi trong những ánh nến lung linh và tiếng rì rầm cầu nguyện, một cảm giác kỳ lạ tràn ngập trong lòng nàng. Bất chợt, Tess cảm thấy muốn cầu nguyện. Nhưng rồi nàng cũng cảm thấy không thoải mái vì ý tưởng đó và cố rũ bỏ cảm giác bất an khỏi bản thân, tự nhủ rằng cầu nguyện như vậy là đạo đức giả.

Lúc quay người rời khỏi nhà nguyện, Tess chợt nhìn thấy hai người đàn bà đã mang quần áo và thức ăn đến cho nàng hôm trước. Họ cùng đi với hai người đàn ông. Cả hai ùa đến khi thấy nàng, họ huyên thuyên đủ thứ chuyện hết sức tự nhiên và tỏ ra vui mừng vì Tess đã hồi phục.

Hai phụ nữ cứ liên tục lặp đi lặp lại cùng một câu, “Dona to Theo,” dù không hiểu họ đang nói gì nhưng Tess vẫn cười với họ và gật đầu, cảm động về sự quan tâm lo lắng chân thành của họ. Tess biết hai người đàn ông kia là chồng họ, cũng là những người ngư dân đã thoát khỏi sự cuồng nộ của cơn bão. Hai người đàn ông cũng chào hỏi nàng rất niềm nở. Một trong hai người phụ nữ chỉ vào một bó nến nhỏ trong hốc tường phía sau nhà nguyện và nói cái gì đó mà thoạt tiên Tess chưa hiểu, nhưng rồi nàng cũng đoán ra. Cô ta đang kể với Tess là cả hai đã thắp những ngọn nến để cầu nguyện cho Reilly.

Tess cảm ơn họ rồi liếc xuống gian giữa của nhà nguyện, nhìn vào những người dân thị trấn đang ngồi đó cùng nhau cầu nguyện trong ánh nến mờ dần. Nàng đứng đó lặng yên một lúc lâu, rồi quay về nhà ông bác sĩ.

Suốt thời gian còn lại của buổi sáng, Tess ngồi bên cạnh giường Reilly, và sau đoạn đầu khá ngần ngại, Tess nhận ra nàng có thể trò chuyện với anh. Nàng tránh không đề cập đến những biến cố gần đây, và vì biết quá ít về cuộc đời Reilly, Tess quyết định sẽ nói về quá khứ của mình, kể với Reilly câu chuyện về những cuộc thám hiểm của nàng tại các hiện trường khảo cổ, những thành công và nỗi xấu hổ của nàng, những chuyện linh tinh về Kim, bất cứ điều gì thoáng hiện ra trong tâm trí nàng.

Khoảng gần trưa, Eleni bước vào phòng và mời nàng xuống ăn trưa. Quả là đúng lúc, bởi Tess cũng vừa hết chuyện để nói và bị đẩy vào tình thế vô cùng hiểm nghèo là buộc phải thực sự đối mặt và nói về những gì mà Reilly và

nàng đã cùng nhau trải qua. Tess vẫn cảm thấy không thoải mái với cái ý nghĩ phải thảo luận những điều quan trọng với Reilly khi anh ấy vẫn còn mê man bất tỉnh.

Mavromaras trở về, Tess nói với ông ta là nàng đã suy nghĩ về ý định chuyển Reilly đến Rhodes, và giờ nàng muốn giữ Reilly ở lại đây, miễn là ông bác sĩ và bà vợ vẫn vui vẻ cho họ ở lại. Quyết định của Tess có vẻ làm hai vợ chồng bác sĩ hài lòng, nàng cảm thấy an lòng khi nghe họ cả quyết là nàng và Reilly có thể ở lại cho đến khi nào phải đưa ra quyết định trọng đại dựa trên tình trạng sức khỏe của anh.

Thời gian còn lại của ngày hôm đó và phần lớn thời gian sáng hôm sau, Tess vẫn ở bên cạnh giường Reilly, và sau bữa trưa, nàng cảm thấy cần hít thở một ít không khí ngoài trời. Nhận thấy cơn bão đã dịu đi khá nhiều, Tess quyết định mạo hiểm đi xa hơn một chút.

Lúc này, gió chỉ còn thổi hơi mạnh một chút và cuối cùng thì cơn mưa dai dẳng cũng đã chấm dứt. Mặc dù những đám mây đen còn vần vũ trên bầu trời hòn đảo, Tess vẫn cho rằng mình khá thích thị trấn này. Nó không hề bị hủy hoại chút nào vì sự hiện đại hóa mà vẫn giữ được nét quyến rũ của thời quá khứ hoang sơ. Tess tìm thấy những ngõ hẻm nhỏ hẹp và những ngôi nhà đẹp như tranh nằm trong yên ả, nụ cười của những người xa lạ bất chợt đi ngang qua vô cùng thân thiện. Mavromaras kể với Tess là Symi đã phải trải qua những giai đoạn khó khăn sau Thế Chiến II, phần lớn dân cư khăn gói bỏ đi sau khi hòn đảo bị ném bom bởi cả phe Đồng Minh lẫn phe Trục Berlin-Rome-Tokyo, vốn là những lực lượng thay phiên nhau chiếm hòn đảo này. May thay, số phận hòn đảo đã có những bước cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Giờ đây, hòn đảo đã thịnh vượng trở lại khi người Hy Lạp và người ngoại quốc bắt đầu chú ý đến sự hấp dẫn của nó và mua sạch những ngôi nhà cổ rồi hết lòng mang chúng về với quá khứ vinh quang trước đây.

Tess leo lên những bậc cấp bằng đá của khu vực Kali Strata[65], ngang qua viện bảo tàng cũ và bước đến những tàn tích còn lại của một lâu đài do các Hiệp sĩ dòng Thánh John xây dựng từ đầu thế kỷ mười lăm ngay trên nền một pháo đài cũ, và mới bị nổ tung trong thời kỳ được trưng dụng làm kho vũ khí tạm thời của Đức Quốc xã hồi chiến tranh. Tess đi vơ vẩn trong cái hiện trường cổ xưa đó, dừng lại trước tấm bảng tưởng niệm, Filibert de Niallac, Đại thủ lĩnh người Pháp của Đoàn Hiệp sĩ. Vẫn là những hiệp sĩ, ngay cả trong cái góc nhỏ bé bị quên lãng này của thế giới. Tess trầm ngâm suy nghĩ khi nhớ lại những Hiệp sĩ Đền Thánh rồi đăm đăm nhìn ra quang cảnh hùng vĩ trên bến cảng và mặt biển ngoài xa đầy những con sóng bạc đầu. Tess ngắm nhìn cảnh vật trong lúc đàn én bay lượn trên các rặng cây bên những cối xay gió và thấy một chiếc thuyền đánh cá đơn độc lướt ra khỏi bến cảng còn đang say ngủ. Khoảng không gian xanh trải rộng bao quanh hòn đảo khơi gợi lên trong lòng Tess một cảm giác bất an. Cố quên đi nỗi lo lắng, Tess cảm thấy bị thôi thúc muốn nhìn thấy lại bãi biển, nơi người ta đã tìm thấy nàng và Reilly.

Đi về quảng trường chính, Tess gặp một người lái xe cũng chạy về hướng tu viện Panormitis, phía bên kia khu dân cư nhỏ bé ở Marathounda. Sau một quãng đường ngắn, gập ghềnh, anh ta thả nàng xuống ngay lối vào thị trấn. Lúc rảo bước giữa những dãy nhà, Tess va vào hai ngư dân đã tìm thấy nàng và Reilly. Mặt họ tươi hẳn lên khi trông thấy Tess và khẩn khoản mời nàng cùng đi uống cà phê với họ ở một quán rượu địa phương, Tess vui vẻ nhận lời.

Dù cuộc nói chuyện rất khó khăn do rào cản ngôn ngữ giữa họ, nhưng Tess vẫn hiểu được là người ta đã tìm thấy thêm nhiều mảnh vụn của chiếc tàu lặn. Hai người dẫn nàng đến một bãi rác nhỏ ngay phía sau quán rượu, chỉ cho nàng thấy những mẩu gỗ và nhựa thủy tinh nhặt được trên các bãi biển hai bên bờ vịnh. Hình ảnh cơn bão và vụ đắm tàu lại hiện lên trong tâm trí Tess, nàng cảm thấy đau buồn khi nghĩ đến những người đã mất mạng trên chiếc Savarona mà thi thể không bao giờ tìm lại được.

Tess cảm ơn hai người đàn ông và chẳng bao lâu sau nàng đã bước trên bãi biển hoang vắng và lộng gió. Làn gió nhẹ mang theo hương vị tươi nguyên của mặt biển dậy sóng, nàng cảm thấy dễ chịu khi mặt trời lẩn khuất sau những đám mây và chiếu những tia nắng yếu ớt qua lớp mây sau một quãng thời gian dài vắng bóng. Tess chầm chậm bước dọc theo mép nước, lê chân trong lớp cát biển, những hình ảnh mơ hồ của buổi sáng định mệnh kia ngập tràn tâm trí.

Ở đầu kia bãi biển, vượt qua khỏi tầm nhìn của khu dân cư nhỏ bé ngay cửa vịnh, Tess tìm đến một bãi đá đen nhô lên ngay mép nước. Nàng trèo lên, tìm một tảng đá bằng phẳng, rồi ngồi xuống, hai tay bó gối, đăm đăm nhìn ra mặt biển phẳng lặng. Cách một khoảng xa, một tảng đá lớn nhô lên khỏi mặt nước, những con sóng bạc đầu trào lên xung quanh. Trông có vẻ gì đó đầy hăm dọa, như một mối hiểm nguy khác mà nàng và Reilly đã thoát khỏi.

Tess bắt đầu nhận ra tiếng kêu của những con mòng biển và khi nhìn lên, nàng thấy hai con trong đàn đang tinh nghịch lao xuống, giành nhau một con cá chết.

Bất chợt, Tess nhận ra những giọt nước mắt đang lăn dài trên má. Không phải thổn thức hay thậm trí là khóc, thực sự vậy. Chỉ là những giọt nước mặt tự nhiên trào ra không duyên cớ. Và cũng bất chợt, mắt nàng đột nhiên ráo hoảnh không còn một giọt. Tess cảm thấy mình đang run rẩy, nhưng không phải vì lạnh. Một cái gì đó nguyên sơ hơn, trỗi dậy từ trong sâu thẳm đáy lòng nàng. Cảm thấy cần phải rũ bỏ tâm trạng nặng nề kia đi, Tess đứng dậy, tiếp tục chuyến đi dạo, leo qua những tảng đá và tìm thấy một lối nhỏ chạy ngoằn ngoèo dọc theo bờ biển.

Theo con đường kia, vượt qua ba con rạch nhỏ đầy đá, Tess đến một cái vịnh khác, xa hơn, ở đầu mũi phía Nam hòn đảo. Hình như không có con đường nào dẫn xuống đó. Một dải cát hình trăng lưỡi liềm vẫn còn trinh nguyên chưa có dấu chân người chạy vòng từ chỗ nàng đứng cho đến một mũi đất khác nhô ra tạo thành một mũi nhọn cao lởm chởm cát đá.

Tess nhìn xuống bãi biển trong ánh sáng nhá nhem của buổi hoàng hôn, một khối hình dáng kỳ lạ thu hút sự chú ý của nàng. Nó nằm ở đầu bên kia vịnh, ngay chỗ rìa bãi đá. Nheo mắt, Tess cố điều chỉnh thị giác để nhìn rõ vật đó, và Tess thấy hơi thở mình bỗng dồn dập, cổ họng bỗng khô khốc. Tim nàng như đánh trống trong lồng ngực.

Không thể nào, Tess nghĩ. Không thể nào.

Và rồi Tess chạy dọc theo bãi cát cho đến khi, cái vật kia chỉ cách vài bước chân và nàng dừng lại, hổn hển thở, tâm trí quay cuồng trước sự thật hiển hiện trước mắt.

Đó là cái hình chạm con chim ưng ở đầu mũi tàu, quấn đủ loại dây nhợ nhằng nhịt, những chiếc phao nâng màu da cam, đã xì hết một nửa, nằm xung quanh.

Nó trông vẫn nguyên vẹn.

.....

[65] Một trong hai khu vực dân cư chính của hòn đảo Symi, khu vực kia là Katarratktes. Cả hai đều có kiến trúc bậc thang, nằm hai bên cảng chính của hòn đảo. Bị tàn phá nặng nề trong Thế Chiến II, nay là một địa điểm du lịch nổi tiếng của vùng Địa Trung Hải.

phần kết

Chương 82

Ngập ngừng, Tess đưa tay sờ vào con chim ưng. Nàng vuốt ve, đôi mắt mở to, chớp liên hồi, trí tưởng tượng như lôi tuột nàng trở về thời đại của các Hiệp sĩ Đền Thánh, về với Aimard cùng những người bạn chiến đấu và chuyến hải trình định mệnh cuối cùng của họ trên chiếc Falcom Temple.

Những hình ảnh mơ hồ, rối rắm tràn ngập tâm trí khi Tess cố nhớ lại những dòng chữ của Aimard. Chính xác, ông ta đã nói gì nhỉ? Cái tráp được đặt vào lỗ hổng khoét ở phía sau đầu chim ưng. Các chỗ trống còn lại đổ đầy nhựa thông rồi đậy lại bằng một miếng gỗ vừa khít và nêm chặt bằng các cục chèn. Nó cũng được bịt kín lại bằng nhựa thông.

Tess cẩn thận quan sát sau đầu chim ưng. Nàng chỉ có thể phân biệt những vệt lằn nơi nhựa thông được đổ vào, và cẩn thận sờ khắp đầu chim bằng những ngón tay chuyên nghiệp, Tess nhận ra các cạnh của miếng gỗ dùng làm nắp đậy và các cục chèn đã giúp giữ nó ở đúng vị trí. Tất cả những chỗ bít lại nhìn vẫn còn nguyên vẹn, có vẻ như nước không thấm qua được lớp nhựa thông phủ lên các lỗ hốc. Qua những gì quan sát được, rất có khả năng là dù vật gì được giấu trong cái tráp đi nữa thì nó vẫn còn an toàn và chưa bị hư hại.

Nhìn quanh, Tess tìm được hai cục đá và sử dụng chúng như là búa và đục để đột phá cái hốc kia. Vài lớp gỗ đầu được bóc ra một cách dễ dàng, nhưng phần gỗ còn lại tỏ ra cứng một cách ngoan cố. Tìm quanh bãi biển, Tess bắt gặp một thanh sắt gỉ và dùng một đầu gãy còn sắc của nó để cạo lớp nhựa thông. Luống cuống vì háo hức, và hoàn toàn bất chấp mọi nguyên tắc bảo tồn mà chỉ vài tuần trước đó nhà khảo cổ học trong nàng vẫn khăng khăng tuân thủ, chẳng bao lâu, Tess đã luồn được cây sắt vào lỗ trống dưới cái nắp gỗ. Lúc này, nàng đã thấy được cạnh chiếc tráp nhỏ và có trang trí hoa văn. Lau mồ hôi trên trán, Tess tiếp tục cậy lớp nhựa thông xung quanh tráp và dùng thanh sắt để bẩy nó ra. Bấu các ngón tay xung quanh tráp, cuối cùng Tess cũng lôi được cái hộp nhỏ ra ngoài.

Toàn bộ cảm giác phấn khích trỗi dậy trở lại và Tess cố trấn tĩnh nhưng gần như không thể. Nàng đã thực sự có nó trong tay mình. Dù trang trí phức tạp bằng những hình nạm bạc, cái tráp xem ra có vẻ nhẹ một cách bất ngờ. Tess mang nó vào chỗ khuất, sau một tảng đá lớn, để có thể xem xét kĩ hơn. Có một cái yếm khóa bằng sắt, không phải là cái khóa, chỉ là một đai tròn bằng sắt. Dùng cục đá đập cho cái yếm khóa bật ra khỏi chiếc tráp gỗ, Tess đã có thể mở nắp tráp lên và nhìn vào bên trong.

Cẩn trọng, Tess nhẹ nhàng lấy ra những thứ bên trong chiếc tráp. Đó là một cái gói, quấn trong một lớp có vẻ như là da thú tẩm dầu giống như loại mà Aimard dùng để bọc chiếc máy đo độ cao thiên thể, và cũng được cột lại bằng những sợi dây da. Vô cùng chậm chạp, Tess mở tấm da ra. Nằm trong đó là một quyển sách, quyển sách chép tay bọc da.

Vừa nhìn thấy quyển sách, Tess đã biết nó là gì.

Quyển sách có nét quen thuộc không thể giải thích được, sự giản dị khiêm tốn của nó ngược hẳn lại với những nội dung phi thường chứa đựng bên trong. Bằng những ngón tay run run, Tess khẽ lật tấm bìa rồi chăm chú nhìn vào những hàng chữ trên trang giấy da đầu tiên của cuốn sách. Nét chữ đã mờ nhưng vẫn đọc được, và theo Tess thì nội dung quyển kinh không bị hư hại. Tess biết, hoàn toàn chắc chắn, rằng nàng là người đầu tiên nhìn thấy nó, cái kho báu huyền thoại của các Hiệp Sĩ Đền Thánh, từ khi nó được William de Beaujeu bỏ vào tráp và tin tưởng giao phó cho Aimard de Villiers bảy trăm năm trước.

Ngoại trừ việc nó không còn là một huyền thoại nữa.

Nó có thực.

Hết sức cẩn trọng, hiểu rằng việc xem xét cuốn sách cần phải thực hiện trong một phòng thí nghiệm hoặc tối thiểu là phải ở trong nhà, nhưng không thể cưỡng lại thôi thúc muốn ngắm kỹ hơn, Tess thận trọng mở cuốn sách rộng hơn một chút, lật một trang giấy da. Nàng nhận ra màu nâu sẫm quen thuộc của loại mực được sử dụng vào thời đó, loại mực chế biến từ hỗn hợp gồm bồ hóng, nhựa thông, cặn rượu vang, và mực lấy từ con mực. Khó mà giải mã

được những dòng chữ viết tay kia, nhưng Tess nhận diện được vài từ, đủ để biết là cuốn kinh được viết bằng ngôn ngữ Xyri[66]. Trước đây, thỉnh thoảng nàng vẫn gặp thứ tiếng này, đủ để nhận ra được nó.

Tess dừng lại, mắt dán chặt vào bản viết tay mộc mạc đang nằm trong tay mình.

Tiếng Xyri.

Ngôn ngữ của Jesus.

Tim đập thình thịch, lùng bùng trong tai, Tess đăm đăm nhìn cuốn sách viết trên giấy da, nhận ra đây đó nhiều con chữ khác.

Rất chậm rãi, gần như là miễn cưỡng, Tess bắt đầu đáng giá vật mà nàng cầm trong tay. Và để cảm nhận ai là người đầu tiên chạm vào những trang giấy da này, bàn tay ai đã viết ra những dòng chữ này.

Chúng là những dòng chữ của Jeshua xứ Nazareth.

Những dòng chữ của người mà cả thế giới gọi là Jesus.

Chương 83

Cầm chặt miếng da gói cuốn kinh, Tess chậm rãi quay trở về, dọc theo bãi biển. Mặt trời đang lặn, những tia sáng yếu ớt cuối cùng le lói xuyên qua những cụm mây xám che kín chân trời.

Tess quyết định không thể mang chiếc tráp về, thay vì vậy, nàng giấu nó sau một tảng đá lớn để tránh thu hút sự chú ý không mong muốn. Nàng sẽ trở lại lấy nó sau. Tâm trí nàng vẫn bối rối về những ý nghĩa của cái vật mà mình nắm giữ trong tay. Nó không phải là một mảnh sành, cũng không phải là thành Troy hay lăng mộ vua Tutankhamen. Đây là thứ có thể làm biến đổi cả thế giới. Nó phải được xử lý, ít ra là, với tinh thần cẩn trọng tuyệt đối.

Khi gần đến mấy ngôi nhà ở Marathounda, Tess cởi chiếc áo len và cuốn xung quanh cái bao nhỏ. Hai ngư dân đã rời khỏi quán rượu, nhưng nàng nhờ được một người đàn ông đã nhận ra nàng từ hôm trước chở về nhà ông bác sĩ.

Khi Tess bước vào, Mavromaras chào nàng với nụ cười rộng mở trên gương mặt. “Cô ở đâu vậy? Chúng tôi đang mong cô đây.” Trước khi Tess kịp buông ra vài lời nói dối, ông bác sĩ đã lôi nàng vào nhà, hướng về các phòng ngủ. “Nào, nhanh lên. Có người muốn gặp cô đấy.”

Reilly đang nhìn nàng, chiếc mặt nạ thở đã được lấy đi, dũng cảm và nỗ lực nở một nụ cười trên đôi môi khô khốc của mình. Reilly nửa nằm nửa ngồi, dựa vào ba chiếc gối lớn. Nàng cảm thấy xao xuyến trong lòng.

“Chào em,” Reilly lên tiếng, giọng yếu ớt.

“Đi mà chào anh ấy,” Tess trả lời, cảm giác nhẹ nhõm trên gương mặt. Nàng cảm thấy lâng lâng theo một cảm giác nàng chưa bao giờ trải nghiệm. Tess quay đi và cố không làm Eleni hoặc ông bác sĩ chú ý, làm như ngẫu nhiên cái áo len bị cuộn lại xuống chiếc tủ nhỏ phía trước giường, rồi tiến về phía Reilly và hôn nhẹ lên trán anh. Mắt nàng lướt nhìn gương mặt tím bầm của Reilly, nàng cắn chặt môi dưới, cảm thấy những giọt nước mắt đang trào dâng.

“Em mừng là anh đã trở lại.” Tess nói giọng lí nhí.

Reilly nhún vai, mặt từ từ tươi tỉnh trở lại. “Từ nay trở đi, anh sẽ chọn địa điểm để chúng ta đi nghỉ, được chứ?”

Mặt Tess sáng lên, và nàng không sao ngăn được giọt nước mắt ứa ra lăn xuống gò má. “Vâng, em đồng ý.” Nàng quay lại, đôi mắt nhòe lệ tươi tắn nhìn vợ chồng ông bác sĩ. “Cảm ơn,” Tess lẩm bẩm. Họ chỉ gật đầu và mỉm cười. “Tôi – cả hai chúng tôi đều chịu ơn cứu mạng của ông bà. Làm sao tôi có thể đền đáp cho ông bà?”

“Vớ vẩn,” Mavromaras trả lời. “Người Hy Lạp chúng tôi có câu tục ngữ Den hriazete euharisto, kanthikon mou. Nghĩa là không cần thiết phải có những lời cảm ơn dành cho cái được coi là trách nhiệm.” Ông ta liếc nhìn Eleni, trao đổi một dấu hiệu không lời. “Chúng tôi đi đây,” ông bác sĩ nhẹ nhàng nói, “tôi chắc cả hai có nhiều chuyện để nói với nhau.”

Tess nhìn họ quay đi, nàng hấp tấp chạy đến, ôm chầm lấy ông bác sĩ và hôn lên má ông. Làn da rám nắng ửng đỏ lên, nhưng Mavromaras vẫn nở một nụ cười khiêm tốn, bước ra khỏi phòng, để họ lại với nhau.

Khi quay lại đến bên Reilly, Tess nhìn cái áo len đang chễm chệ trên chiếc tủ nhỏ như một quả bom chưa nổ. Nàng cảm thấy thất kính vì đã không trung thực với cả hai vợ chồng ông bác sĩ – những người đã cứu mạng nàng, và cả với Reilly. Tess khao khát được nói với Reilly về quyển sách, nhưng cũng nhận ra rằng bây giờ chưa phải là thời điểm thích hợp.

Tuy vậy, sẽ không bao lâu.

Tâm tư trĩu nặng, Tess gượng nở một nụ cười và bước đến bên cạnh giường Reilly.

Reilly có cảm giác như đã đi xa hàng tuần lễ. Anh cảm thấy toàn bộ cơ bắp như tê liệt, nhói buốt một cách kỳ lạ, và cơn choáng vẫn cứ bồng bềnh trong đầu. Một phần mí mắt anh vẫn sụp xuống, khả năng thị giác cảm nhận chiều sâu cũng chưa hồi phục.

Reilly không nhớ gì nhiều, ngoài việc anh đã bắn đe dọa de Angelis và tự đâm đầu xuống biển. Anh đã hỏi Mavromaras làm sao anh đến được nơi này, ông bác sĩ cũng chỉ biết nói lại với Reilly những chi tiết đại khái nghe được từ Tess. Tuy nhiên, việc tỉnh lại và thấy Tess vẫn ở đó bình yên vô sự, là một niềm an ủi quá lớn đối với anh.

Reilly thử nâng mình dậy một cách thận trọng để ngồi hẳn lên, nhưng động tác này khiến anh phải nhăn mặt vì đau đớn. Anh buộc phải dựa lại vào gối.

“Làm sao chúng ta đến được nơi này?” Reilly hỏi.

Anh lắng nghe Tess kể lại những gì nàng nhớ. Vẫn có một khoảng trống trong ký ức Tess, từ lúc con sóng dị thường kia ập đến cho đến lúc tỉnh lại trên bờ biển. Nàng kể lại với Reilly về cú đập vào đầu anh, nàng đã buộc áo phao cứu sinh của họ lại với nhau như thế nào, và về con sóng. Tess cũng kể về tấm ván và đưa cho Reilly xem vết cắt sâu trên cánh tay mình. Nàng muốn biết tại sao chiếc tàu của Đội Bảo vệ Bờ biển lại bắn vào họ và Reilly kể cho nàng nghe về cuộc hành trình của anh, từ lúc de Angelis bước ra khỏi chiếc trực thăng ở Thổ Nhĩ Kỳ.

“Em xin lỗi,” Tess cũng thốt lên đầy hối hận khi kết thúc câu chuyện. “Em không biết chuyện gì xảy đến với mình nữa. Em thực sự không biết, giống như là – chắc hẳn em đã bị mất trí, bỏ anh ở lại đó như vậy. Toàn bộ cái đống hỗn tạp này, chỉ là...” Tess không tìm được lời lẽ để bảy tỏ sự ân hận của mình.

“Được rồi,” Reilly cắt ngang, nụ cười yếu ớt hiện trên đôi môi nứt nẻ. “Giờ đừng nhắc lại chuyện đó nữa. Cả hai chúng ta đều sống sót trở về, và đó là vấn đề chính, phải không nào?”

Tess miễn cưỡng gật đầu và tươi cười biểu lộ lòng biết ơn của mình. Reilly tiếp tục giải thích tay khâm sứ Tòa Thánh đã giết những kỵ sĩ ở New York như thế nào, thậm trí hắn đã tự tay sử dụng khẩu đại bác trên chiếc Karadeniz ra sao. Anh cũng kể với nàng anh đã phải bắn de Angelis như thế nào.

Và rồi anh kể với nàng những tiết lộ của Hồng y Brugnone.

Tess cảm thấy dằn vặt kinh khủng vì cảm giác tội lỗi khi Reilly kể lại những gì anh đã phát hiện ở Tòa Thánh Vatican. Cái sự thật ghê gớm mà nàng đã phát hiện trên bãi biển, được chính những người mà sự thật đó có thể gây tổn hại nhiều nhất xác nhận với Reilly, làm toàn thân nàng nổi da gà, nhưng Tess chưa thể đưa cuốn kinh ra được. Nàng cố hết sức tỏ vẻ sửng sốt, nêu ra những câu hỏi này nọ, và càng cảm thấy căm ghét chính mình vì những phản ứng giả dối. Tess muốn lôi bản kinh chép tay kia ra để cùng trao đổi, bàn luận với Reilly ngay lúc này, ngay tại đây. Nhưng Tess không thể làm được điều đó. Vẻ lo lắng hằn sâu trên mặt Reilly và nàng biết những gì Brugnone nói với anh, lời nói dối ngay tại trung tâm Giáo hội, đã là một vết thương gây đau đớn lắm rồi. Ngay lúc này, Tess không thể giáng cái bằng chứng xác thực cuối cùng này xuống đầu Reilly. Ngay lúc này, thậm trí Tess còn không chắc có nên hoặc khi nào có thể làm được điều đó. Anh ấy cần có thời gian. Nàng cũng cần có thời gian để suy nghĩ thấu đáo về chuyện này.

“Anh khỏe chứ?” Tess hỏi, giọng đắn đo.

Nhìn chằm chằm vào khoảng không xa xăm trước mắt, vẻ mặt Reilly đăm chiêu khi anh rõ ràng đang gắng bày tỏ những cảm xúc trong lòng thành lời.

“Thật kỳ lạ, nhưng toàn bộ chuyện này, Thổ Nhĩ Kỳ, Vatican, rồi cơn bão... nó chỉ như một giấc mơ tồi tệ. Có lẽ, anh chưa tỉnh hẳn hoặc là vì gì đó, nhưng... anh chắc chắn nó sẽ đến đích lúc nào đó. Ngay bây giờ thì anh rất mệt, anh cảm thấy hoàn toàn kiệt sức, nhưng anh không biết bao nhiêu phần là sự mệt mỏi về thể xác và bao nhiêu phần là do những thứ khác nữa.”

Tess chăm chú nhìn gương mặt mệt mỏi của Reilly. Không, rõ ràng lúc này không phải là thời điểm để nói với anh điều đó. “Vance và de Angelis đã nhận những gì họ đáng phải nhận,” nàng thốt lên, nét mặt tươi tỉnh, “và anh vẫn sống. Trong việc này có lý do để tin vào đức tin, phải không nào?”

“Có thể,” anh cười nửa miệng, vẻ không bị thuyết phục lắm.

Ánh mắt Reilly lướt trên khuôn mặt Tess, và mặc dù gật gù muốn thiếp ngủ anh vẫn thấy mình đang suy nghĩ về tương lai. Tương lai không phải là cái mà Reilly từng thực sự phải đắn đo suy nghĩ, và Reilly ngạc nhiên khi nó chợt hiện ra trong tâm trí mình ngay lúc này, ở đây, hoàn toàn sống động trên bờ biển xa xôi này.

Trong khoảnh khắc thoáng qua, Reilly tự hỏi không biết mình còn muốn tiếp tục làm nhân viên FBI nữa không. Anh từng luôn mong muốn được làm việc cho Cục, nhưng vụ án này đã làm anh tổn thương nặng nề. Lần đầu tiên, Reilly cảm thấy mệt mỏi vì cuộc sống mà mình đã chọn lựa, mệt mỏi vì những ngày căng thẳng đầu óc với đủ mọi thứ tội phạm điên khùng, mệt mỏi vì phải nếm trải những thứ tệ hại nhất trên hành tinh này. Anh vu vơ tự vấn không biết liệu việc thay đổi nghề nghiệp có giúp mình lấy lại được niềm vui sống – thậm trí có thể cả niềm tin vào con người.

Reilly cảm thấy hai mí mắt sụp xuống.

“Xin lỗi,” anh gắng gượng thốt lên, “anh nghĩ chúng ta sẽ nói chuyện này sau.” Tess nhìn Reilly chìm vào giấc ngủ, nàng cũng cảm thấy kiệt sức.

Tess nhớ đến câu nói đùa của Reilly, về việc chọn nơi nghỉ ngơi. Nó mang lại nụ cười trên môi Tess và nàng khẽ lắc đầu. Nàng trầm ngâm khi nhận ra rằng một kỳ nghỉ đúng là thứ nàng đang cần và cũng biết chính xác nơi mình sẽ chọn để nghỉ. Đột nhiên, Arizona dường như là thiên đường, Tess quyết định sẽ đi thẳng đến đó. Nàng thậm trí còn không buồn nghĩ đến việc trở lại văn phòng. Chỉ cần đổi máy bay ở New York, và bay đến gặp con gái nàng. Và nếu lão Guiragossian hoặc bất kỳ ai khác ở Viện không thích chuyện này thì cũng mặc xác họ.

Tess chợt nhận thấy có quá nhiều việc thú vị mà một nhà khảo cổ có thể làm ở các tiểu bang Tây Nam, và nàng nhớ là thành phố Phoenix cũng có một viện bảo tàng tầm cỡ thế giới. Nàng liếc nhìn Reilly. Sinh ra và lớn lên ở Chicago, được nhận về New York làm việc, hiển nhiên anh đã quen với cái chốn phồn hoa đô hội kia. Nàng không biết liệu Reilly có thể từ bỏ tất cả để đổi lấy cuộc sống bình lặng trong một tiểu bang sa mạc hay không. Và khá bất ngờ, không hiểu sao điều này đối với nàng dường như có ý nghĩa quan trọng. Rất quan trọng. Có lẽ quan trọng hơn bất cứ vấn đề nào khác.

Bước ra ban công phía ngoài phòng Reilly, Tess nhìn lên những vì sao trên bầu trời, nhớ lại cái đêm chỉ có nàng và Reilly bên nhau ở địa điểm cắm trại trên đường đến hồ. Hòn đảo vốn đã yên tĩnh vào ban ngày nhưng về đêm nó còn trở nên êm ả như cõi thần tiên. Nàng cảm nhận sâu sắc về sự tĩnh mịch của nơi này. Có thể có những đêm như thế này ở Arizona, nhưng New York thì không thể. Nàng nghĩ đến Reilly, không biết anh sẽ nói và làm gì nếu nàng rời bỏ Viện Manoukian để chuyển tới Arizona. Có lẽ, vào lúc nào đó nàng sẽ nói với anh chuyện này.

Nhìn ra ngoài mặt biển lờ mờ sáng, Tess nghĩ đến việc phải làm với bản kinh chép tay. Không còn nghi ngờ gì nữa, nó quả là một trong những phát hiện khảo cổ học và tôn giáo quan trọng nhất mọi thời đại, một phát hiện có thể gây xáo động và chia rẽ hàng trăm triệu con người.

Công bố phát hiện này sẽ làm nàng trở thành người nổi tiếng nhất trong nghề, kể từ các khám phá về Đại Kim Tự Tháp ở Ai Cập gần tám mươi năm về trước. Nhưng nó sẽ tác động đến phần còn lại của thế giới như thế nào?

Nàng muốn thổ lộ với một người nào đó chuyện này.

Nàng cần phải thổ lộ với Reilly chuyện này.

Tess cau mày, nhận ra cần phải nói với Reilly ngay, nói ngay. Nhưng bây giờ, anh cần nghỉ ngơi, và nàng cũng vậy. Tess nghĩ đến việc trở về giường mình, nhưng khi bước vào trong, nàng lại nằm xuống bên Reilly. Nàng nhắm mắt lại và rất nhanh, nàng chìm vào giấc ngủ.

Chương 84

Vài ngày kế tiếp trôi qua trong tình trạng mê mụ. Tess dành thời gian buổi sáng ở bên Reilly trước khi ra ngoài đi dạo, rồi trở về vào giờ ăn trưa. Đến cuối chiều, nàng lại thang thang bên ngoài, thường là đến khu tàn tích của lâu đài, nơi Tess có thể nhìn ngắm mặt trời chìm dần vào sóng nước lung linh của biển Egé. Tess yêu thích khoảng thời gian này trong ngày nhất. Ngồi ở đó, trầm ngâm suy tư trong tĩnh lặng, cùng với hương ngải đắng và hoa cúc dại thoang thoảng từ lưng chừng đồi, Tess cảm thấy khung cảnh hoang dã giữa những tảng đá vô tri vô giác phần nào mang lại cho nàng chút bình tâm, một khoảnh khắc nhẹ lòng ngắn ngủi quên đi cái gói nhỏ trong phòng, vốn lúc nào cũng ám ảnh tâm trí nàng.

Trong những lần đi dạo, Tess gặp rất nhiều người dân địa phương, họ luôn mỉm cười và lúc nào cũng có thời gian để trò truyện cùng nàng. Đến ngày thứ ba, nàng đã thông thạo hầu hết các đường ngang lối dọc của thị trấn và bắt đầu lang thang xa hơn. Lần theo những âm thanh của đồng nội như tiếng lừa kêu, tiếng chuông của những con dê, Tess sục sạo khắp các xó xỉnh bị che giấu của hòn đảo. Sau một quãng đi bộ thật xa, nàng đến hòn đảo nhỏ San Emilianos, ở đó Tess thơ thẩn giữa các biểu tượng trong ngôi nhà thờ quét vôi trắng và lang thang dọc theo bờ biển đầy đá cuội, cô đơn ngắm nhìn những con nhím biển đang xếp những viên đá dọc theo mép nước. Tess cũng đến thăm tu viện ở Panormitis, ở đấy nàng ngạc nhiên khi gặp ba doanh nhân người Athens khoảng trên bốn mươi đang ở trong những phòng khách trống trải; họ thổ lộ với Tess là họ ở đây vài ngày để nghỉ ngơi, suy tưởng, và làm cái mà họ gọi là "làm mới lại bản thân". Trên thực tế, hầu như không thể thoát khỏi sự hiện diện của Giáo hội trên hòn đảo này. Nhà thờ là điểm tập trung của các ngôi làng, và giống như tất cả những hòn đảo của Hy Lạp, Symi có hàng chục nhà thờ rải rác gần như khắp các đỉnh núi. Dù ở bất cứ nơi đâu, luôn luôn có cái gì đó nhắc nhở đến ảnh hưởng của Giáo hội ở trong tầm mắt, tuy nhiên điều kỳ lại là Tess không có cảm giác ngột ngạt. Ngược lại là khác. Dường như đó là một phần nội tại hữu cơ gắn liền với cuộc sống của hòn đảo, một khối nam châm kéo các cư dân trên đảo gần gũi với nhau hơn, ban tặng cho họ sức mạnh và nguồn an ủi trong cuộc sống.

Tình trạng sức khỏe của Reilly đang không ngừng cải thiện. Hơi thở của anh đã bớt nặng nhọc, môi và vùng quanh mắt cũng bớt sưng, màu xanh tái cũng biến mất trên hai má. Bây giờ Reilly đã đi được quanh nhà, và sáng hôm đó anh đã nói là họ không thể lẩn tránh thế giới mãi được. Lúc này, Reilly đã đủ sức, anh cần thu xếp cho sự trở lại của họ. Ra khỏi nhà với cảm giác như thế giới nặng trĩu trên vai, Tess biết rằng mình sẽ sớm phải đối mặt với vấn đề và thảo luận với Reilly về điều nàng đã phát hiện.

Tess đã dành thời gian còn lại của buổi sáng để trở lại bãi biển Marathounda, lấy và mang chiếc tráp đựng cuốn kinh về, và giờ đang trên đường trở về nhà ông bác sĩ thì bất ngờ gặp hai phụ nữ đã mang quần áo và thức ăn đến cho nàng. Cả hai vừa mới ra khỏi nhà thờ và rõ ràng rất vui mừng khi gặp lại Tess. Họ nói với nàng là đã được nghe kể về sự hồi phục của Reilly và nồng nhiệt ôm lấy Tess, họ vừa khoa chân múa tay vừa gật đầu biểu lộ sự vui mừng chân thành. Hai anh chồng cũng ở đó. Hai người đàn ông bắt tay nàng, mặt rạng rỡ vẻ đồng cảm như đã trút được nỗi lo lắng, rồi cả bốn người vừa lướt đi, vừa ngoái lại tươi cười vẫy tay chào. Tess đứng đó, nhìn theo, miên man suy nghĩ.

Và chính lúc ấy, nó đã đến. Cái ý thức kêu gào trong sâu thẳm tâm can nàng từ bao ngày qua, cái cảm giác lẫn lộn đã vượt qua những bản năng của một đời hoài nghi, nhưng nàng vẫn đang phủ nhận nó. Cho đến tận bây giờ.

Mình không thể hành động như vậy với họ được.

Không thể với họ, không thể với hàng triệu người khác như họ. Cái ý nghĩ đã ngày đêm giày vò tâm trí nàng, từ lúc tìm được bản kinh viết tay. Những con người mà nàng đã gặp trong vài ngày qua, tất cả những con người đã trao tặng cho nàng không khác gì ngoài lòng tốt và sự hào hiệp. Họ là như vậy. Tất cả họ, và vô số những người khác nữa trên thế giới này.

Hành động này có thể làm tan vỡ cuộc sống của họ.

Ý nghĩ đó bỗng làm Tess cảm thấy đau nhói trong lòng. Nàng nghĩ, nếu Giáo hội có thể khơi gợi con người sống như thế kia, dâng hiến thế nọ, nhất là trong thời buổi hiện nay, trong thời đại này, chắc hẳn Giáo hội đang làm một điều đúng đắn. Giáo hội xứng đáng được duy trì. Có gì là nghiêm trọng nếu Giáo hội được xây dựng dựa trên một câu chuyện thêm mắm giặm muối? Tess băn khoăn tự hỏi liệu còn có thể sáng tạo ra điều gì đó với khả năng khơi gợi phi thường như vậy, mà không đi lạc khỏi những giới hạn khắt khe của thế giới thực hay không?

Nàng đứng đó, dõi mắt theo hai cặp vợ chồng bước đi và hòa vào cuộc sống của họ, Tess không tin mình có thể suy tính đến bất kỳ một lựa chọn nào khác.

Tess biết mình không thể làm việc đó.

Nhưng nàng cũng biết là không thể né tránh việc thổ lộ với Reilly lâu hơn nữa.

Chiều hôm đó, sau khi tránh mặt anh hầu như suốt buổi chiều, Tess dẫn Reilly đến khu phế tích lâu đài. Nàng cầm tay anh trong bàn tay đẫm mồ hôi, tay kia kẹp chặt một gói nhỏ được quấn trong chiếc áo len. Mặt trời gần như đã lặn, bầu trời chỉ còn le lói một ít ánh mờ mờ màu hồng, níu kéo những tia nắng cuối cùng trong ngày.

Tess đặt gói áo len lên một bức tường đã sụp đổ một phần và quay sang Reilly. Nàng cảm thấy khó khăn khi nhìn vào mắt anh, miệng nàng khô khốc.

"Em…" Đột nhiên, Tess cảm thấy như mất hẳn sự tự tin. Điều gì sẽ xảy ra nếu nàng cứ che giấu, lờ nó đi, và chẳng bao giờ đề cập chuyện đó với Reilly nữa. Sẽ tốt hơn chăng nếu Reilly không hay biết gì, nhất là sau chuyện đã xảy ra với cha anh? Phải chăng sẽ tốt hơn cho anh nếu nàng không bao giờ nói ra sự thật là mình đã tìm được, đã thấy, đã chạm tay vào nó?

Không. Tuy rất muốn làm như vậy nhưng Tess biết hành động đó sẽ là một sai lầm. Nàng không muốn phải giả dối với Reilly lần nữa. Suốt cả đời, nàng đã làm đủ mọi điều tệ hại rồi. Trong thâm tâm, Tess vẫn hy vọng là, bất chấp mọi điều đã xảy ra, nàng và Reilly sẽ có một tương lai gắn bó cùng nhau, và Tess cũng biết rằng nàng và Reilly sẽ không thể nào trở nên thân thiết với nhau hơn khi vẫn còn một điều dối trá to lớn như vậy chưa được nói ra giữa hai người.

Tess chợt nhận ra sự im lặng nặng nề bao trùm xung quanh. Tiếng chim sẻ cũng ngưng bặt như muốn hòa vào sự tĩnh lặng. Nàng trấn tĩnh và cố thử lại lần nữa. "Mấy ngày nay, em muốn nói với anh một chuyện, em thật sự rất muốn, nhưng lại phải chờ cho anh khỏe lại."

Reilly ngập ngừng nhìn Tess, Tess biết vẻ lo lắng đang hiện rõ trên mặt mình. "Chuyện gì vậy?"

Tess có cảm giác gan ruột quặn thắt lại và chỉ nói gọn lỏn, "Em cần cho anh xem cái này." Rồi nàng quay lại, mở những lớp áo len, bày ra bản kinh chép tay giấu trong đó.

Thoáng ngạc nhiên hiện lên trên mặt Reilly, anh đưa mắt nhìn Tess vẻ dò hỏi. Sau khoảnh khắc mà Tess tưởng chừng như dài vô tận, Reilly hỏi, "Em tìm thấy nó ở đây vậy?"

Tess không thể trả lời ngay dù cảm thấy nhẹ lòng vì rút cuộc đã trút được tâm tư nặng trĩu trong lòng, "Con chim ưng bị cuốn trôi dạt lên một bãi biển, cách nơi người ta tìm thấy chúng ta một hai cái vịnh. Những chiếc áo phao nâng vẫn còn dính với nó."

Reilly quan sát tấm bìa da và thận trọng cầm cuốn kinh lên, liếc nhìn vào một trang bên trong. "Lạ thật. Trông nó có vẻ… đơn sơ quá." Anh quay qua Tess. "Ngôn ngữ. Em đọc được không?"

"Không. Em chỉ có thể nói đó là tiếng Xyri."

"Anh cũng đoán chừng là như vậy, chỉ có thể là thứ ngôn ngữ đó thôi."

Nàng bối rối gật đầu. "Đúng vậy."

Reilly lơ đãng nhìn tấm bìa sách cũ kỹ, tâm trí miên man suy nghĩ, ánh mắt rà soát từng chỗ trên tấm bìa. "Vậy em nghĩ gì? Nó là thật chứ?"

“Em không biết. Trông nó dứt khoát là sách thật rồi, nhưng không thể kết luận thực sự khi không gửi đến phòng thí nghiệm – có nhiều thí nghiệm cần phải thực hiện: xác định niên đại bằng phương pháp các bon, phân tích thành phần cấu tạo của giấy và mực, kiểm tra tự dạng…” Tess dừng lại, hít một hơi dài đầy vẻ lo lắng. “Sean, ở đây, vấn đề là thế này. Em không nghĩ là chúng mình nên gửi nó đến phòng thí nghiệm. Em không nghĩ chúng ta nên để ai đó làm thử nghiệm này nọ với nó.”

Reilly nghiêng đầu, sửng sốt. “Ý em là?”

“Em nghĩ là chúng ta nên quên là chúng ta đã tìm thấy cuốn kinh,” Tess tuyên bố, giọng dứt khoát. “Chúng ta nên đốt cuốn sách quái quỷ này đi và chỉ…”

“… và chỉ cái gì?” Reilly vặc lại. “Cư xử như nó chưa từng tồn tại chứ gì? Chúng ta không thể làm chuyện đó. Nếu nó không phải là cuốn kinh thật, nếu nó là thứ đồ giả mạo của các Hiệp sĩ Đền Thánh, hoặc chỉ là một trò lừa thì chẳng có gì phải lo lắng. Nếu nó là thật, vậy thì sau đó…” anh cau mày, bỏ lửng câu nói.

“Thì không ai nên biết đến nó,” Tess nhấn mạnh. “Lạy Chúa, ước gì em không kể chuyện này với anh.”

Reilly nhìn nàng, vẻ bối rối. “Anh có quên điều gì ở đây không nhỉ? Vậy chuyện gì đã xảy ra với cái quan điểm ‘mọi người xứng đáng được biết’ vậy?”

“Em đã sai. Em không còn cho đó là điều quan trọng nữa.” Tess buông một tiếng thở dài nặng nề. “Anh biết đấy, theo những gì em còn nhớ thì từ trước tới nay em chỉ thấy những điều sai trái của Giáo hội. Lịch sử đẫm máu, lòng tham, những giáo điều hủ lậu, tính không khoan dung, những vụ tai tiếng vì lạm dụng… Bao nhiêu thứ đó đã làm Giáo hội trở thành một trò hề. Em vẫn nghĩ mà không một chút hoài nghi là có vô số những điều quái quỷ mà rõ ràng Giáo hội cần phải chấn chỉnh. Thế nhưng, không có gì là hoàn hảo, đúng không? Nếu anh nhìn vào những gì Giáo hội thực hiện được, khi anh nghĩ đến tình thương, lòng trắc ẩn và sự độ lượng mà nó khơi gợi lên… Đó chính là nơi phép màu đích thực ngự trị.”

Tiếng vỗ tay chậm rãi nhịp nhàng đột ngột vang lên xung quanh nàng, giữa khu phế tích hoang vắng, Tess giật mình.

Quay về nơi phát ra tiếng vỗ tay, nàng thấy Vance bước ra từ phía sau một bức tường đá. Hắn vẫn tiếp tục vỗ tay, mỗi tiếng vỗ tách biệt dứt khoát với tiếng vỗ kế tiếp, mắt hắn dán chặt vào nàng, miệng ngoác ra một nụ cười nhăn nhở đáng sợ.

Chương 85

“Vậy là cô đã nhìn thấy ánh sáng rồi đấy. Tôi thực sự xúc động, Tess ạ. Cái Giáo hội không thể lầm lạc của chúng ta lại vừa có thêm một kẻ cải đạo.” Giọng hắn không thể ngầm chứa sự giễu cợt hay đe dọa nhiều hơn thế. “Halleluja! Vinh danh Thiên Chúa trên trời!”

Reilly nhìn hắn tiến đến gần và cảm thấy cơ bắp toàn thân căng lên. Vance trông có vẻ dơ dáy, ốm và hốc hác hơn trước. Hắn mặc bộ quần áo tuềnh toàng, chắc chắn là đồ cho của một người dân đảo rộng lượng nào đó. Điều quan trọng hơn, hắn không mang vũ khí và họ thở phào nhẹ nhõm. Reilly không hứng thú lắm với ý tưởng phải tước vũ khí của gã giáo sư này, nhất là trong tình trạng sức khỏe suy sụp của anh. Tuy nhiên, vì không có súng, và rõ ràng cũng kiệt quệ vì bị cơn bão hành hạ tơi tả như Tess và anh nên gã giáo sư có vẻ không còn là mối đe dọa đáng kể.

Vance vẫn tiến đến phía Tess, lúc đó hắn mới chú ý đến bản kinh trong tay Reilly. “Cứ như thể cuốn kinh muốn được phát hiện, đúng không? Nếu là người ngoan đạo,” giọng Vance nhạo báng, “hẳn tôi sẽ bị cám dỗ để nghĩ rằng chúng ta có số mệnh phải đi tìm kiếm cuốn kinh này.”

Tess nhìn hắn sửng sốt. “Làm sao anh…”

“Ồ, cũng như cô thôi, tôi đoán vậy,” Vance nhún vai. “Tôi tỉnh dậy, mặt vùi trong cát, và hai chú cua thì đang tò mò nhìn vào tôi, và tôi đã cố lết đến được cái tu viện ở Panormitis. Cha Spiros đã đem tôi vào nhà cứu tế của tu viện. Cha không hỏi lấy một câu, và tôi thấy cũng chẳng cần làm rắc rối thêm sự việc. Tôi đã thấy cô ở đó. Tôi vui mừng vì cô cũng đã sống sót trở về, còn hơn những gì tôi kỳ vọng nữa, nhưng chuyện này…” Ánh mắt Vance chuyển qua quyển kinh, như thể bị mê hoặc. “Một món quà thực sự. Cho phép tôi chứ?”

Reilly giơ tay lên, điệu bộ ngập ngừng. “Không được. Thế là đủ gần rồi.”

Vance dừng lại, mặt lộ vẻ ngạc nhiên. “Coi nào. Nhìn chúng ta mà xem. Dù gì đi nữa, tất cả chúng ta ai mà không chết. Chẳng lẽ điều đó không nói lên với các người điều gì hay sao?”

Reilly tỉnh bơ. “À, điều đó nói với tôi là anh có thể phải ra tòa và làm khách vài năm trong nhà tù của chúng tôi đấy.”

Vance có vẻ như muốn buông trôi, ánh mắt lộ vẻ thất vọng, gần như bị tổn thương, rồi đột ngột hắn lao về phía Tess, kẹp một tay quanh cổ, tay kia gí con dao găm thợ lặn lớn vào cổ nàng.

“Xin lỗi, Tess,” Vance nói, “nhưng tôi đồng ý với ngài đặc vụ Reilly về chuyện này. Chúng ta không thể làm ngơ điều mà định mệnh đã vượt qua cả chặng đường dài để giao phó vào tay chúng ta. Lần đầu tiên anh nói đúng. Thế giới quả thật xứng đáng được biết.” Mắt hắn long lên, đảo tới đảo lui để canh chừng Reilly. “Đưa cuốn kinh cho tôi,” Vance ra lệnh. “Nhanh lên.”

Reilly lượng định nhanh tình thế, lưỡi dao gí quá sát cổ họng Tess, anh sẽ không có đủ thời gian để ra tay, nhất là trong tình trạng vẫn còn khá yếu như thế này. Sẽ an toàn hơn nếu trao cho Vance cuốn kinh rồi tìm cách đối phó với hắn sau, khi Tess không còn bị nguy hiểm. Reilly bình thản khoát tay hướng về gã giáo sư. “Bình tĩnh nào, được chứ? Anh có thể có cái thứ quỷ quái này kia mà.” Reilly đưa bàn tay kia ra, bàn tay cầm cuốn kinh. “Đây này. Cầm lấy.”

“Không,” Tess chen vào, giọng giận dữ, “đừng đưa cho anh ta. Chúng ta không thể để anh ta công bố cuốn sách. Bây giờ đó là trách nhiệm của chúng ta. Trách nhiệm của em.”

Reilly lắc đầu. “Nó không đáng giá bằng mạng sống của em.”

“Sean…”

“Không đáng đâu,” Reilly khăng khăng, ném cho Tess một cái nhìn nghiêm khắc.

Vance cười nhạt. “Để nó trên bức tường rồi rút lui. Từ từ thôi.”

Reilly đặt cuốn sách trên mặt đá gồ ghề, bước lui mấy bước. Vance nhích dần về phía bức tường, lúng túng đẩy Tess theo.

Hắn nhìn xuống cuốn kinh một lúc, gần như sợ hãi không dám chạm tay vào, rồi vươn những ngón tay run run thận trọng lật mở bìa sách. Vance im lặng xem xét lại, lật từng trang giấy da và lẩm bẩm, "Veritas vos liberabit – Sự thật sẽ giải phóng cho ngươi," vẻ bình thản hạnh phúc hiện rõ trên gương mặt mệt mỏi của hắn.

"Tess, tôi thực sự muốn cô tham gia vào việc này," hắn nói với nàng, giọng mềm mỏng. "Rồi cô sẽ thấy. Mọi chuyện sẽ rất tuyệt vời."

Ngay lúc đó, Tess quyết định hành động. Nàng gạt mạnh cánh tay đang kẹp cổ mình, xoay người lách ra. Vance bỗng bị mất thăng bằng, trong khi chới với lấy lại thăng bằng hắn đánh rơi con dao xuống vách đá bên dưới, con dao vang lên một tiếng keng rồi biến mất trong những bụi cây khô sau vách đá.

Vance đứng thẳng người lên, gập quyển kinh lại, cầm chặt cuốn sách bằng cả hai tay và nhận ra Reilly đã đứng chặn giữa hắn và lối đi dẫn ra bên ngoài khu phế tích, chặn hắn lại bên trong. Tess đứng bên cạnh.

"Mọi chuyện kết thúc rồi." Reilly lạnh lùng tuyên bố.

Đôi mắt Vance trợn ngược lên như thể vừa mới lãnh một cú đấm vào bụng. Hắn liếc nhanh xung quanh, thoáng chút lưỡng lự rồi nhảy qua bức tường đá thấp, lao vào những lối nhỏ chằng chịt trong khu phế tích.

Reilly phản ứng rất nhanh, anh nhảy qua bức tường và lao theo hắn. Trong thoáng chốc, cả hai biến mất sau những bức tường đá cổ xưa.

"Quay lại đi!" Tess gào lên. "Mặc xác hắn, Sean! Anh chưa khỏe mà. Đừng làm thế."

Dù nghe rõ tiếng hét của Tess, Reilly vẫn không dừng lại. Thay vì đó, anh tiếp tục len lỏi trên nền đất mềm, kiên trì leo lên, thở hổn hển, bám sát gót Vance.

Chương 86

Vance chạy rất nhanh, băng qua một lối mòn dốc đứng cắt vào sườn núi. Chẳng bao lâu, những rặng cây thưa và lùm cây ôliu biến mất, nhường chỗ cho một khoảng trống rải rác những tảng đá lởm chởm và bụi cây khô. Liếc về phía sau, thấy Reilly vẫn bám theo, hắn thầm chửi thề. Hắn quan sát khu vực xung quanh. Không thấy bóng dáng thị trấn, thậm chí cả khu phế tích lâu đài và những chiếc cối xay gió bỏ hoang cũng đã khuất tầm nhìn. Sườn núi bên phải gần như dựng đứng, sườn trái đầy sỏi đá và dường như lao thẳng xuống biển phía bên dưới. Không còn lựa chọn nào khác. Hoặc là đối đầu với Reilly hoặc là chạy tiếp. Vance chọn phương án sau.

Phía sau, Reilly thở hổn hển khi anh cố bắt kịp Vance. Đôi chân anh có cảm giác nhũn như cao su, các bắp thịt đùi đã nóng ran dù chỉ mới chạy một khoảng cách tương đối ngắn. Vấp phải một hòn đá nhưng Reilly gượng giữ được thăng bằng, mắt cá chân suýt bị thương. Reilly cảm thấy hoa mắt khi đứng thẳng người lên. Hít thở thật sâu, nhắm mắt lại để tập trung tinh thần, anh cố gom chút tàn lực còn lại trong người. Nhìn về phía trước, Reilly thấy bóng Vance đang dần nhỏ lại, sắp khuất khỏi tầm nhìn. Gom hết sức lực, anh đẩy chân mình lao về phía trước, trở lại với cuộc săn đuổi.

Chạy xa hơn, dọc theo mặt đá trơn tuột, sau cùng Vance đã đến một đỉnh dốc đá và nhận ra là đã tự chui đầu vào một cái bẫy. Trước mặt hắn là một vách đá gần như dựng đứng, thăm thẳm phía dưới là những tảng đá nhọn lởm chởm. Từng đợt sóng cồn xô đẩy nhau đập vào các tảng đá, đều đặn vỡ thành những lớp bọt nước trắng ngầu.

Hối hả quay đầu lại, Vance thấy Reilly đã xuất hiện trong tầm mắt.

Reilly đến bên vách đá, anh trèo lên một tảng đá lớn. Giờ anh đã ở ngang tầm với Vance, chỉ cách hắn chưa đến mười bước chân. Hai người đàn ông nhìn nhau chằm chằm.

Vance hít một hơi thật sâu, rồi nín thở. Hắn giận dữ nhìn xung quanh, liếc từ trái sang phải. Nhận thấy phía đất bên phải có vẻ cứng hơn, hắn quyết định chạy về hướng đó.

Reilly áp sát theo.

Vance chạy dọc theo vách đá dựng đứng, nhưng chỉ được khoảng hai mươi mét, hắn bị lọt chân vào một khe đá, bàn chân mắc kẹt giữa hai tảng đá. Cố lấy lại thăng bằng, hắn rướn người về phía trước.

Đau đớn nhận ra mình chỉ còn chút ít sức lực trong đôi chân, Reilly chớp ngay cơ hội vào nhào đến, chụp vào mắt cá chân của Vance. Chỉ khẽ chạm vào thôi, nhưng như thế là đủ. Vance mất thăng bằng và té xuống. Trườn tới bằng cả hai tay lẫn đầu gối, Reilly lao vào ôm chân Vance, nhưng hai tay anh cũng yếu ớt chẳng khác gì đôi chân. Vance lăn người lại và lết giật lùi, tay vẫn nắm chặt quyền kinh. Hắn đạp chân vào mặt Reilly khiến anh lăn mất một hai mét xuống sườn dốc. Rồi Vance lùi lại, đứng lên.

Reilly như muốn mê đi, đầu nặng như chì. Anh cố trấn tĩnh và ngồi dậy, chỉ nghe thấy tiếng của Tess vang lên từ phía sau.

“Sean,” nàng đang gào lên với anh. “Cứ để cho hắn đi. Anh đang tự giết mình đấy.”

Reilly thấy nàng leo lên và anh lại nhìn theo Vance, hắn vẫn chưa cách xa bao nhiêu. Anh quay người về phía Tess, vung tay điên cuồng. “Về đi. Về gọi người hỗ trợ.”

Nhưng Tess đã đến bên Reilly. Nàng cũng thở hổn hển, bám chặt lấy anh. “Xin anh. Ở đây không an toàn. Chính anh cũng nói mà. Nó không đáng giá bằng cuộc sống của chúng ta.”

Reilly nhìn Tess rồi mỉm cười, và chính giây phút đó, anh hoàn toàn biết chắc rằng mình sẽ sống quãng đời còn lại bên người phụ nữ này. Cũng trong khoảnh khắc ấy, Reilly nghe có tiếng hét hoảng hốt từ phía Vance. Anh quay lại vừa kịp nhìn thấy Vance trượt khỏi một tảng đá trơn phẳng mà hắn đang trèo qua, những ngón tay co quắp chới với không tìm được chỗ bám nào trên mặt đá đen trơn láng.

Cuối cùng, chân Vance chạm vào được một gờ đá nhỏ, trong lúc Reilly lao về phía trước, đến bên chỗ tảng đá nhô ra và nhìn xuống. Vance đang ôm chặt vách đá bằng một bàn tay run rẩy, tay kia vẫn nắm chặt cuốn kinh.

“Nắm lấy tay tôi,” Reilly thét to trong lúc cúi xuống, vươn lên tầm tay.

Vance nhìn lên, vẻ kinh hoàng cực độ hiện ra trong ánh mắt. Hắn với tay có cầm cuốn kinh lên, nhưng vẫn còn cách tay Reilly vài phân. “Tôi không thể,” hắn lắp bắp.

Đúng lúc ấy, gờ đá dưới chân Vance rơi xuống, điểm tựa dưới chân trái của hắn không còn nữa. Gã giáo sư chới với, các ngón tay, theo bản năng, buông vật đang cầm ra. Quyển kinh rơi khỏi bàn tay xòe rộng của Vance, bật mở khi nảy ra khỏi một tảng đá. Những trang nhật ký bay lượn trên không, trong bầu không khí đậm mùi nước biển, quay tròn rơi lả tả xuống mặt biển cuồng nộ bên dưới.

Reilly thậm chí không kịp hét lên tiếng “Đừng…”

Giọng của Vance vỡ ra thành một tiếng “Không!” đau đớn lúc hắn tuyệt vọng chụp bắt những tờ giấy. Rồi hắn rơi xuống thật nhanh, hai cánh tay dang rộng quơ quào những trang giấy đang chập chờn xung quanh như thể trêu tức hắn. Vance bất lực rơi vào khoảng không rồi đập mạnh vào những tảng đá bên dưới.

Tess đến bên Reilly, ôm choàng lấy anh. Cả hai nhích ra phía ngoài, nhìn xuống vách đá dựng đứng bên dưới. Thi thể của Vance nằm đó, cong queo một cách kỳ dị. Những con sóng đập vào tứ phía, nâng hắn lên và xoay xoay hắn như thể con búp bê làm bằng giẻ rách. Xung quanh cái xác tả tơi của Vance, những trang sách cổ cũng chìm dần xuống lòng biển, những con sóng như nuốt sạch dòng mực đang tan ra trên các trang giấy và vết máu ứa ra từ những vết thương há miệng của Vance.

Reilly ôm chặt lấy Tess. Anh nhìn xuống, vẻ tiếc nuối khi những trang giấy cuối cùng chìm vào lòng biển cả. Anh chắc chắn chúng ta sẽ không bao giờ biết được, anh nghiến chặt răng, buồn rầu nghĩ đến điều đó.

Và ngay lúc ấy, Reilly phát hiện ra cái gì đó.

Buông Tess ra, anh hấp tấp quay trở lại mép núi, leo xuống vách đá.

“Anh làm gì vậy?” Tess gào lên, chồm ra để xem Reilly ở đâu, giọng như muốn khóc vì lo lắng.

Một lát sau, Reilly xuất hiện trên mép vách đá. Tess với tay xuống giúp anh leo lên và nhìn thấy Reilly đang cắn chặt cái gì đó giữa hai hàm răng.

Một tờ giấy da.

Một trang duy nhất còn lại của bản kinh viết tay.

Tess trân trối nhìn tờ giấy như không tin vào mắt mình khi Reilly trao nó cho nàng. Reilly nhìn Tess. “Ít ra cũng có cái để chứng minh chúng ta đã không tưởng tượng ra mọi chuyện,” anh gượng nói, vẫn còn hổn hển vì nỗ lực thu hồi trang sách vừa rồi.

Tess chăm chú quan sát trang sách đang cầm trong tay một lúc lâu. Tất cả mọi điều nàng đã trải qua từ cái đêm ở Viện bảo tàng Met, tất cả những cuộc giết chóc đổ máu, nỗi sợ hãi và xáo trộn bỗng như hiển hiện, tràn ngập tâm trí nàng. Và chính trong giây phút ấy, Tess biết. Nàng biết, không một mảy may nghi ngờ, nàng phải làm gì với trang giấy này. Và không một chút lưỡng lự, Tess mỉm cười nhìn Reilly, rồi vo tròn và ném tờ giấy da xuống cái vách đá dựng đứng kia.

Nàng nhìn tờ giấy rơi xuống biển rồi quay lại, vòng tay ôm lấy Reilly.

“Em đã có tất cả những gì em cần,” nàng thỏ thẻ với Reilly, rồi cầm tay anh, bước ra khỏi gờ đá.

Chương kết

Paris, tháng Ba năm 1314.

Khán đài gỗ trang hoàng lộng lẫy đã được dựng lên bên rìa mỗi bãi đất trống trên đảo Île de la Cité. Những lá cờ đuôi nheo rực rỡ sắc màu bay phấp phới trong làn gió nhẹ, tia nắng mỏng manh lấp lánh trên những bộ trang phục lòe loẹt của các triều thần và đám hầu cận đã tề tựu ở đó.

Phía sau đám đông dân chúng phấn khích đang lao xao bàn tán, Martin de Carmaux mệt mỏi đứng khom người. Ông mặc chiếc áo choàng nâu đã sờn, món quà của một thầy dòng ông gặp vài tuần trước.

Dù mới chỉ qua tuổi bốn mươi được vài năm, Martin trông đã già sọm. Gần hai thập kỷ qua, ông đã lao động quần quật trong mỏ đá ở Tuscan dưới ánh nắng cháy da cháy thịt và đòn roi tàn bạo của bọn đốc công. Ông gần như đã từ bỏ hy vọng trốn thoát thì một trận lở đá, kinh hoàng hơn tất cả những trận lở đá chẳng mấy hiếm hoi trong khu mỏ này, xảy ra giết chết mười hai nô lệ cùng vài lính gác. Nhờ một may mắn bất ngờ, Martin cùng người bị xích chung với ông đã lợi dụng tình trạng hỗn loạn và đám cát bụi mù mịt để trốn thoát.

Không hề ngã lòng bởi những năm tháng dằng dặc sống trong cảnh nô lệ cùng cực cùng hoàn cảnh bị cách ly khỏi những tin tức bên ngoài thung lũng đáng nguyền rủa đó, trong tâm trí Martin chỉ có duy nhất một thứ. Ông đi thẳng đến thác nước, tìm tảng đá có những khe nứt giống như cây thánh giá loe đầu của các Hiệp sĩ Đền Thánh, lấy lại bức thư của Aimard, rồi bắt đầu cuộc hành trình dài xuyên qua núi non tiến vào nước Pháp.

Martin mất vài tháng để hoàn thành quãng đường, nhưng chuyến hồi hương muộn màng chỉ mang đến cho ông sự thất vọng tột cùng. Ông nghe tin về những thảm họa đã giáng xuống đầu những Hiệp sĩ Đền Thánh, và khi tới gần Paris, ông biết đã quá muộn để ông có thể làm bất cứ điều gì hòng thay đổi số phận của Giáo đoàn.

Ông đã tìm kiếm và hỏi han với tất cả sự thận trọng của mình, nhưng không tìm thấy gì hết. Tất cả Huynh đệ Chiến hữu của ông đều biến mất, hoặc đã chết hoặc đang lẩn trốn. Lá cờ của nhà vua đã tung bay trên Trụ sở dòng Đền Paris.

Ông chỉ còn lại một mình.

Lúc này đây, đứng đó và chờ đợi giữa đám đông đang xì xào bàn tán, Martin nhận ra dáng vẻ của Giáo hoàng Clement trong chiếc áo choàng xám, đang bước trên những bậc thang lên khán đài và vào chỗ của mình giữa đám quần thần áo quần sặc sỡ.

Trong khi Martin đang quan sát, Giáo hoàng hướng sự chú ý đến chính giữa bãi đất, nơi có hai cái cột được cắm giữa đống củi. Mắt Martin bị hút theo khi người ta kéo vào bãi đất hai thân hình tơi tả gầy mòn mà ông nhận ra là Jacques de Molay, Đại Thủ lĩnh dòng Đền, và Geoffroi de Charnay, Thủ lĩnh dòng Đền của Normandy.

Không còn lại chút khả năng kháng cự nào, cả hai kẻ bị kết án nhanh chóng bị trói vào cột. Một gã đàn ông lực lưỡng bước lên phía trước, cầm theo thanh gươm sáng lóa, rồi nhìn nhà vua chờ mệnh lệnh.

Một bầu không khí im lặng đột ngột bao trùm đám đông, và Martin nhìn thấy nhà vua hờ hững giơ tay lên.

Đống củi được châm lửa.

Khói bắt đầu bốc lên, và ngay sau đó, lưỡi lửa liếm khắp đống củi, các cành khô nổ lốp bốp và vỡ ra tanh tách khi sức nóng tăng lên. Ghê tởm và hoàn toàn bất lực không thể can thiệp, Martin những muốn quay người bỏ đi, nhưng ông cảm thấy mình cần phải theo dõi, cần phải chứng kiến hành động xấu xa này. Một cách miễn cưỡng, Martin len lên phía trước đám đông. Và rồi, trước sự ngạc nhiên của ông, Martin nhìn thấy Đại Thủ lĩnh ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào nhà vua và Giáo hoàng.

Ngay cả từ khoảng cách này, cảnh tượng đó vẫn khiến Martin bối rối. Đôi mắt de Molay cháy bùng lên ngọn lửa còn mãnh liệt hơn cả ngọn lửa chẳng bao lâu nữa sẽ nuốt chửng ông.

Bất chấp bộ dạng tả tơi yếu ớt, giọng nói của Đại Thủ lĩnh vẫn vang lên mạnh mẽ và vững vàng. “Nhân danh Dòng tu các Hiệp sĩ Đền Thánh,” ông khàn giọng nói, “ta nguyền rủa ngươi, Philippe de Bel, cùng gã hề giáo hoàng của ngươi, và ta cầu xin Đấng Toàn năng sẽ bắt cả hai ngươi trong vòng một năm phải đến cùng ta trước nhan Người, để chịu sự phán xét của Người và vĩnh viễn bị thiêu cháy trong lò lửa địa ngục…”

Nếu de Molay có nói thêm gì nữa thì Martin cũng không nghe thấy, vì ngọn lửa đã bừng bừng vươn cao, xóa sạch bất kỳ tiếng la hét nào của hai kẻ hấp hối. Rồi gió đổi chiều, và khói trùm lên khán đài và đám đông, mang theo mùi thịt cháy hôi thối kinh tởm. Vừa ho vừa phun nước bọt phì phì, nhà vua loạng choạng bước xuống bậc thang, Giáo hoàng lê bước theo sau. Khi họ đi qua gần nơi Martin đứng, vị Hiệp sĩ Đền Thánh già nhìn Giáo hoàng. Ông cảm thấy dòng giận dữ đang dâng lên thiêu đốt trong cổ họng, và chính lúc đó, ông nhận ra nhiệm vụ của mình vẫn chưa kết thúc.

Có lẽ chưa kết thúc trong cuộc đời ông. Nhưng, có thể, một ngày nào đó, mọi thứ sẽ khác.

Đêm đó, ông lên đường, rời khỏi thành phố và thẳng tiến về phương Nam, tới miền đất của tổ tiên ông, Carmaux. Ông sẽ định cư ở đó, hoặc một nơi nào đó ở Languedoc, sống những ngày còn lại của cuộc đời. Nhưng trước khi chết, ông phải đảm bảo rằng chắc chắn lá thư đó sẽ không biến mất vĩnh viễn. Dù thế nào chăng nữa, ông phải tìm cách để nó tiếp tục tồn tại.

Nó phải tồn tại.

Nó phải hoàn thành vận mệnh của mình.

Đó là món nợ của ông với những người đã khuất, với Hugh, với William de Beaujeu và trên hết là với người bạn Aimard de Villiers, để đảm bảo rằng họ đã không hy sinh vô ích.

Giờ đây nó là tất cả đối với ông. Ông nhớ lại tiết lộ cuối cùng của Aimard đêm hôm đó, ở tít sâu trong ngôi nhà thờ bên cây liễu. Về những nỗ lực không ngừng của các bậc tiền bối của họ, những người đầu tiên dựng lên điều dối trá đó. Về chín năm trời dành cho một tác phẩm tỉ mỉ tinh vi. Về kế hoạch cẩn thận chu đáo phải mất gần hai trăm năm mới đơm hoa kết trái.

Chúng ta đã gần đến rồi, ông nghĩ, gần lắm rồi. Đó là một chiến thắng huy hoàng. Nó xứng đáng với tất cả công lao khó nhọc, tất cả hy sinh, tất cả đớn đau.

Ông biết mình phải làm gì.

Ông phải đảm bảo chắc chắn rằng ảo tưởng đó vẫn tồn tại. Cái ảo tưởng rằng nó vẫn ở ngoài kia, đang chờ đợi.

Cái ảo tưởng rằng nó là sự thật.

Và đến thời điểm thích hợp, chắc chắn không phải trong cuộc đời ông, có thể, chỉ là có thể thôi, một người nào đó sẽ sử dụng kiệt tác thất lạc của họ để hoàn thành điều mà họ đã sắp đặt.

Và rồi, một nụ cười vừa sung sướng vừa cay đắng bừng nở trên khuôn mặt người hiệp sĩ khi một ý nghĩ chan chứa hy vọng trôi vào tâm trí ông. Có thể một ngày nào đó, ông mơ màng, nó sẽ trở nên lỗi thời. Có thể kế hoạch của họ không còn cần thiết nữa. Có thể mọi người sẽ tìm được cách khắc phục những khác biệt nhỏ của họ, và vượt lên trên những tranh cãi vớ vẩn nhưng chết người về niềm tin cá nhân.

Ông giũ suy nghĩ này ra khỏi đầu, tự trách mình vì sự ngây thơ mơ mộng đó, và tiếp tục cất bước.

.....

[66] Nguyên bản “Aramaic language”, là một nhóm các ngôn ngữ thuộc họ Xê mít, có 3000 năm lịch sử và được coi là “ngôn ngữ của Jesus”.

Lời cảm ơn

R
ất nhiều người hào hiệp cống hiến tri thức, nghiệp vụ chuyên môn và sự ủng hộ nhiệt tình cho cuốn sách này, và tôi muốn được bắt đầu bằng việc cảm ơn người bạn vĩ đại của tôi, Carlos Heneine, vì đã giới thiệu với tôi về các Hiệp sĩ Đền Thánh và luôn luôn tranh luận với tôi những ý tưởng thú vị; Bruce Crowther, người đã đưa tôi đến với lĩnh vực mới mẻ này; và Franc Roddam, người đã lao vào và tặng cho nó đôi cánh bay lên.

Cá nhân tôi cũng muốn cảm ơn Jon Wood và Susan Lamb, cùng với Juliet Ewers, Jenny Page, và tất cả mọi người tại nhà xuất bản Orion vì sự nhiệt tình ủng hộ của họ. Đó thực sự là sự đối xử tuyệt vời.

Cũng xin vô cùng cảm ơn anh, đại diện Eugenie Furniss của tôi, nếu không có niềm say mê, những năm tháng khích lệ và ủng hộ không biết mệt mỏi của anh thì cuốn sách này sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Xin cảm ơn cả Jay Mandel, Tracy Fisher, Lauren Heller Whitney, Lucinda Prain, Rowan Lawton, và toàn thể William Morris Agency.

Chân thành cảm ơn Olivier Granier, Simon Oakes, Cephas Howard, Eric Feliner, Leon Friedman, Maître François Serres, Howard Ellis, Adam Goodman và mọi người ở hãng Mid-Alantic Films tại Budapest vì đã ủng hộ không ngừng, cả Dotty Irving và Ruth Cairus tại Colmal Getty, Samantha Hill, Kevin và Linda Adeson (xin lỗi vì đã chọc tức Mitch), Chris và Roberta Hanley, Tiến sĩ Philip Saba, Matt Filosa, Carolyn Whitaker, Tiến sĩ Amin Milki, Bashar Chalabi, Patty Fanouraki, và Barbara Roddam.

Cuối cùng, như thiên hà luôn bắt nguồn từ vật chất nhỏ bé nhất, tôi muốn được cảm ơn Suellen vợ tôi, người đã sống cùng dự án này bao lâu nay; một người đàn ông không thể đòi hỏi người ủng hộ, người bạn đời và người bạn tâm giao nào tuyệt vời hơn thế.